VĂN KIỆN ĐẢNG TOÀN TẬP
XUẤT BẢN LẦN THỨ NHẤT
THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA
BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM,
SỐ 208-QĐ/TW, NGÀY 1 THÁNG 11
NĂM 2013

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

ĐINH THẾ HUYNH	Chủ tịch Hội đồng
VÕ VĂN THƯỞNG	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN VĂN NÊN	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN XUÂN THẮNG	Ủy viên
HÀ BAN	"
BÙI VĂN NAM	"
NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	"
PHÙNG HỮU PHÚ	"
PHẠM VĂN LINH	"
LÊ QUANG VĨNH	"
NGUYỄN QUANG THUẤN	"
PHẠM CHÍ THÀNH	"

BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

NGUYỄN VĂN NÊN	Trưởng ban
PHẠM CHÍ THÀNH	Thường trực
LÊ QUANG VĨNH	Ủy viên
HOÀNG ANH TUẤN	"
NGUYỄN NGỌC HÀ	"

NHÓM XÂY DỰNG BẢN THẢO TẬP 65

HOÀNG PHONG HÀ (Chủ biên)
PHẠM NGỌC BÍCH
HOÀNG THU QUỲNH

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 65

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 65 tập trung phản ánh các hoạt động của Đảng trong năm 2006. Đây là năm diễn ra sự kiện đặc biệt quan trọng, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã tổ chức thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, đồng thời cũng là năm tổng kết 20 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới đất nước (1986 - 2006). Qua đó, Đảng ta đã đánh giá: "Hai mươi năm qua, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử". Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức; kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, tiềm lực và quy mô nền kinh tế tăng lên; nước ta đã ra khỏi tình trạng kém phát triển. Tình hình chính trị - xã hội của đất nước ngày càng ổn định. Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá và các lĩnh vực xã hội có tiến bộ, bảo vệ tài nguyên, môi trường được chú trọng hơn; đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện rõ rệt. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại được tăng cường. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa có bước tiến bộ đáng kể, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố. Việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh, hiệu lực và hiệu quả hoạt động được nâng lên. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được tăng cường và đã đạt một số kết quả tích cực. Quyền làm chủ của nhân dân ngày càng được phát huy. Các hoạt động đối ngoại của nước ta được triển khai một cách chủ động, trên nhiều hướng, ngoại giao song phương kết hợp nhịp nhàng với ngoại giao đa phương,

chú ý đến trọng tâm, trọng điểm và hiệu quả, nhất là hiệu quả về kinh tế, và đã đạt được những thành tựu quan trọng. Việc Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) năm 2006 là kết quả tất yếu của quá trình đổi mới, tích cực hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế của Việt Nam; đồng thời là kết quả của quyết tâm cao và sự chỉ đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng, Chính phủ và Quốc hội.

Trong năm 2006, Hội nghị lần thứ 13, lần thứ 14 và lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX đã được tổ chức để chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng. Sau Đại hội, Hội nghị lần thứ hai, lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa X đã họp và ra nghị quyết về việc kiện toàn nhân sự lãnh đạo cấp cao, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng.

Ngoài các văn kiện đại hội và hội nghị trung ương, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 65 còn công bố các nghị quyết, chỉ thị, thông tri, quyết định, thông báo, kết luận, báo cáo,... của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thường trực Ban Bí thư; các tuyên bố chung được ký kết trong năm 2006 giữa Việt Nam và một số quốc gia như: Lào, Campuchia, Trung Quốc, Nga, Hoa Kỳ, Nhật Bản...; bài phát biểu của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Quốc hội.

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 65 gồm 113 tài liệu, được bố cục thành hai phần, trong đó có 98 tài liệu được sắp xếp ở phần văn kiện chính, 15 tài liệu được đưa vào phần phụ lục. Trong mỗi phần, các tài liệu được sắp xếp theo trình tự thời gian. Đối với tài liệu hội nghị trung ương được sắp xếp theo trình tự diễn biến của từng hội nghị.

Trong quá trình biên soạn, biên tập, xuất bản *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 65, mặc dù Nhóm xây dựng bản thảo và Nhà xuất bản đã có nhiều cố gắng song khó tránh khỏi còn một số thiếu sót, rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để tập sách hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Trân trọng giới thiệu tập sách cùng bạn đọc.

Tháng 3 năm 2018

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 55-CT/TW, ngày 4 tháng 1 năm 2006

Về lãnh đạo Đại hội phụ nữ các cấp tiến tới Đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ X

Những năm qua, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp đã bám sát nhiệm vụ chính trị, tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, có nhiều biện pháp và cách làm sáng tạo, thiết thực, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, xây dựng tổ chức Hội vững mạnh. Tuy nhiên, tổ chức và hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam còn hạn chế, nhất là ở cơ sở, chưa đáp ứng được yêu cầu đoàn kết, tập hợp, thu hút các tầng lớp phụ nữ trong tình hình hiện nay.

Năm 2006 là năm tổ chức Đại hội phụ nữ các cấp tiến tới Đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ X. Đây là sự kiện chính trị quan trọng của các cấp hội, nhằm phát huy mạnh mẽ vai trò, sức sáng tạo, sự đóng góp của các tầng lớp phụ nữ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Để lãnh đạo Đại hội phụ nữ các cấp đạt kết quả tốt, tiến tới Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ X, Ban Bí thư

yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung chỉ đạo thực hiện tốt một số việc sau:

1. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo và quan tâm tạo điều kiện để các cấp Hội đoàn kết, vận động, tập hợp rộng rãi các tầng lớp phụ nữ phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; giáo dục, chăm lo quyền lợi hợp pháp, chính đáng của phụ nữ; phát huy vai trò, khả năng sáng tạo và tiềm năng to lớn của phụ nữ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Đại hội Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp phải thực sự là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong các tầng lớp phụ nữ, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, góp phần thiết thực tạo sự chuyển biến mới trong nhận thức và hành động.

Việc tổ chức Đại hội phải trang trọng, tiết kiệm, thiết thực, tránh phô trương, hình thức.

3. Lãnh đạo Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp chuẩn bị tốt nội dung Đại hội. Báo cáo tổng kết cần đánh giá đúng thực trạng phong trào phụ nữ và hoạt động của các cấp hội trong 5 năm qua; khẳng định những bước trưởng thành và sự cống hiến của các tầng lớp phụ nữ, nêu rõ những việc đã làm được và chưa làm được, phân tích sâu sắc những nguyên nhân hạn chế và rút ra bài học kinh nghiệm. Trên cơ sở quán triệt sâu sắc nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc và nghị quyết đại hội đảng các cấp, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, thiết thực, tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội trong giai đoạn cách mạng mới. Cần tăng cường tính liên hiệp rộng rãi, đa dạng hóa các hình thức tập hợp phụ nữ; tạo điều kiện ngày càng thuận lợi hơn để phụ nữ được học tập, giáo dục, rèn

luyện, được chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, thu hút đông đảo các tầng lớp, các đối tượng phụ nữ tham gia tổ chức Hội; tạo được phong trào hành động cách mạng của phụ nữ trong sự nghiệp đổi mới; đặc biệt quan tâm công tác vận động phụ nữ trong các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, doanh nghiệp, trong nữ thanh niên, công nhân lao động, phụ nữ dân tộc thiểu số vùng cao, vùng khó khăn.

4. Nhân sự Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp cần bảo đảm tính kế thừa và phát triển, tính liên hiệp rộng rãi và tiêu biểu cho trí tuệ của hội viên, có uy tín, có năng lực và tâm huyết với công tác Hội. Việc giới thiệu lựa chọn cán bộ tham gia Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp phải đảm bảo tiêu chuẩn cán bộ được quy định trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và Kết luận Hội nghị Trung ương 6 (khóa IX). Lãnh đạo chặt chẽ, phát huy dân chủ, đúng quy trình trong việc lựa chọn, giới thiệu cán bộ chủ chốt của Hội ở mỗi cấp.

Các cấp ủy đảng cần quán triệt và thực hiện tốt Kết luận của Ban Bí thư tại Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW về công tác cán bộ nữ; phát triển nhanh, bền vững đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý các cấp trên mọi lĩnh vực, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và bình đẳng giới trong bộ máy lãnh đạo, quản lý.

5. Phân công cấp ủy viên chỉ đạo đại hội phụ nữ ở mỗi cấp. Các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành từ Trung ương đến cơ sở tạo điều kiện, hỗ trợ Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp tổ chức tốt đại hội.

Ban Dân vận Trung ương, Đảng đoàn Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các ban, ngành có liên quan giúp Ban Bí thư theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị này, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Chỉ thị này được phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 13
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX*

Ngày 11 tháng 1 năm 2006

Thưa các đồng chí Trung ương,

Hôm nay, Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) khai mạc đúng vào dịp đầu năm dương lịch 2006. Tôi xin gửi tới các đồng chí Trung ương cùng tất cả các đồng chí tham dự Hội nghị lời chúc mừng năm mới tốt đẹp nhất.

Hội nghị Trung ương lần này có nhiệm vụ chủ yếu là chuẩn bị hai nội dung cơ bản để tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng: tiếp thu ý kiến đóng góp của đại hội đảng các cấp và một số cơ quan, tổ chức đảng để tiếp tục hoàn thiện dự thảo các văn kiện trình Đại hội trước khi đưa ra lấy ý kiến nhân dân và chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X để giới thiệu với Đại hội.

---

* Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX họp từ ngày 11 đến ngày 18-1-2006 tại Hà Nội *(B.T)*.

Thưa các đồng chí,

Từ giữa năm 2005 đến nay, căn cứ vào quyết định của các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 11 và lần thứ 12, Bộ Chính trị đã gửi dự thảo các văn kiện trình Đại hội X để lấy ý kiến đóng góp của đại hội các đảng bộ từ cấp cơ sở đến cấp huyện, quận, các tỉnh, thành phố và các đảng bộ trực thuộc Trung ương. Các dự thảo văn kiện cũng đã được gửi lấy ý kiến tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội (khóa XI); của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân, của giới trí thức và nhiều tổ chức xã hội. Các ý kiến đóng góp đều thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tâm huyết đối với công việc của Đảng và của đất nước. Bộ Chính trị đã cho tổng hợp các ý kiến đó và đã thảo luận, nghiêm túc tiếp thu những nội dung hợp lý, chỉ đạo chỉnh lý các văn bản để trình Hội nghị Trung ương lần này.

Về chuẩn bị nhân sự, Bộ Chính trị cũng đã chỉ đạo quán triệt phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa X do Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương thông qua, đồng thời hướng dẫn các cấp ủy về quy trình giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa X. Các cấp ủy và tổ chức đảng trực thuộc Trung ương đã nghiêm chỉnh chấp hành và tham gia tích cực vào các bước chuẩn bị này. Các đồng chí Ủy viên Trung ương cũng đã tự mình bày tỏ ý kiến vào việc tái ứng cử hay đề cử. Tại đại hội đảng bộ các cấp vừa qua, nhất là ở cấp tỉnh, thành phố và tương đương đã bầu được những đồng chí xứng đáng vào cấp ủy, là một trong những nguồn cán bộ, để qua đó, lựa chọn những đồng chí tiêu biểu giới thiệu tham gia Ban Chấp hành Trung ương khóa mới. Việc giới thiệu cán bộ để Đại hội X của Đảng

bầu vào Ban Chấp hành Trung ương là công việc hết sức hệ trọng, có ý nghĩa quyết định trực tiếp đến thành công của Đại hội toàn quốc của Đảng, có ý nghĩa lớn lao và lâu dài đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, vận mệnh của đất nước. Tôi đề nghị Ban Chấp hành Trung ương đề cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân, thực hiện đúng nguyên tắc của Đảng, cân nhắc giới thiệu những đồng chí xứng đáng, đủ tiêu chuẩn đức tài, được nhân dân tin cậy để kiến nghị với Đại hội xem xét, bầu vào Ban Chấp hành Trung ương khóa X. Bộ Chính trị sẽ trình với Hội nghị những nội dung cụ thể về công tác nhân sự Đại hội để Trung ương xem xét, quyết định.

Thưa các đồng chí,

Từ nay đến Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng, thời gian còn rất ít. Do tính chất quan trọng của Hội nghị lần này, tôi đề nghị các đồng chí Trung ương tập trung trí tuệ, phát huy dân chủ và tinh thần trách nhiệm cao, thảo luận và quyết định chính xác để hoàn thành tốt các nội dung của kỳ họp.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX).

Xin trân trọng cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ 13
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

Số 55-NQ/TW, ngày 18 tháng 1 năm 2006

Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX họp tại Hà Nội, từ ngày 11-1 đến ngày 18-1-2006, sau khi xem xét và thảo luận các báo cáo và Tờ trình của Bộ Chính trị, quyết nghị:

1. Tán thành các nội dung đã nêu trong Tờ trình của Bộ Chính trị về việc tiếp thu ý kiến góp ý của đại hội đảng các cấp, các cơ quan, tổ chức đảng và của đại biểu Quốc hội về các dự thảo văn kiện trình Đại hội X của Đảng.

Giao Bộ Chính trị căn cứ ý kiến đóng góp của Ban Chấp hành Trung ương, bản Giải trình của Bộ Chính trị tại Hội nghị Trung ương lần này, tiếp thu ý kiến góp ý của nhân dân, chỉ đạo tiếp tục hoàn thiện các dự thảo văn kiện Đại hội X để trình Hội nghị Trung ương 14 thông qua lần cuối trước khi trình Đại hội X.

2. Tán thành nội dung Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX tại Đại hội lần thứ X của Đảng.

Giao Bộ Chính trị căn cứ vào ý kiến đóng góp của Trung ương và bản Giải trình của Bộ Chính trị để chỉ đạo bổ sung, hoàn chỉnh trình Hội nghị Trung ương 14 thông qua lần cuối trước khi trình Đại hội lần thứ X của Đảng.

3. Tán thành Tờ trình của Bộ Chính trị về phương án tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng.

Giao Bộ Chính trị căn cứ vào ý kiến đóng góp của Trung ương, tiếp tục chỉ đạo công tác chuẩn bị Đại hội chu đáo, chặt chẽ, khoa học, theo đúng Điều lệ, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, để bảo đảm Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng được tiến hành thuận lợi và thành công tốt đẹp.

Giao Bộ Chính trị căn cứ vào công tác chuẩn bị và tình hình thực tế, kiến nghị thời gian tổ chức Đại hội X để trình Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX quyết định.

4. Cơ bản tán thành Tờ trình của Bộ Chính trị về việc giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa X.

Giao Bộ Chính trị căn cứ vào ý kiến của Ban Chấp hành Trung ương, bản Giải trình của Bộ Chính trị và kết quả giới thiệu của Trung ương tại Hội nghị Trung ương lần này, chỉ đạo việc tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh danh sách giới thiệu ứng cử Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương chính thức và dự khuyết để trình Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX xem xét, quyết định trước khi trình Đại hội X của Đảng.

5. Thi hành kỷ luật đảng bằng hình thức cảnh cáo đối với đồng chí Vũ Ngọc Kỳ, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương

Đảng, Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Hà Giang.

6. Giao Bộ Chính trị, căn cứ vào ý kiến đóng góp của Ban Chấp hành Trung ương, bản Giải trình của Bộ Chính trị để bổ sung, hoàn thiện dự thảo Báo cáo chính trị tại Đại hội X của Đảng và quyết định việc công bố toàn văn dự thảo Báo cáo chính trị để lấy ý kiến nhân dân vào dịp kỷ niệm 76 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930 – 3-2-2006).

7. Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên hãy phát huy những thành quả quan trọng đã đạt được của năm 2005, với niềm tin và sức mạnh mới, tăng cường đoàn kết, thống nhất tư tưởng và hành động trong toàn Đảng, tạo sự đồng thuận cao và không khí phấn khởi trong toàn xã hội, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2006 ngay từ quý đầu, góp phần chuẩn bị thật tốt về mọi mặt để tổ chức thành công Đại hội X của Đảng.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 13
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

Ngày 18 tháng 1 năm 2006

Sau 8 ngày làm việc khẩn trương, tập trung trí tuệ, phát huy dân chủ và tinh thần trách nhiệm cao, Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã hoàn thành những nhiệm vụ đề ra: hoàn thiện các dự thảo văn kiện, chuẩn bị một bước quan trọng nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa X. Hội nghị cũng đã thông qua phương án tiến hành Đại hội phù hợp với tình hình và những nhiệm vụ mới.

Hội nghị lần thứ 13 thể hiện sự nhất trí cao của Ban Chấp hành Trung ương về tất cả các vấn đề được đưa ra thảo luận và quyết định, đồng thời cũng biểu thị quyết tâm rất cao của Trung ương cũng như của toàn Đảng ta thực hiện tốt nhất công tác chuẩn bị về mọi mặt để Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng tiến hành thuận lợi và đạt được thành công tốt đẹp.

Hội nghị lần thứ 13, căn cứ vào ý kiến đóng góp của đại hội đảng bộ các cấp từ cơ sở trở lên, của các đại biểu Quốc hội,

của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, của giới trí thức và các tổ chức xã hội, đã một lần nữa khẳng định chủ đề của Đại hội X là "Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển".

Khẳng định chủ đề ấy, trước hết chúng ta nêu cao quyết tâm hoàn thành trước thời hạn và càng sớm càng tốt nhiệm vụ đã từng được đề ra trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) là đến năm 2010 "đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển". Những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử của 20 năm đổi mới, trực tiếp là 5 năm 2001 - 2005 và năm 2005 vừa qua cho phép chúng ta tin tưởng ở khả năng hoàn thành sớm nhiệm vụ. Và chỉ có làm được như vậy chúng ta mới thực sự tạo nền tảng để đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Khẳng định chủ đề ấy của Đại hội, đòi hỏi Đảng ta nêu cao quyết tâm "Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng", xây dựng Đảng ta thực sự vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và phương thức lãnh đạo để ngang tầm với trọng trách lãnh đạo sự nghiệp cách mạng trong thời kỳ mới, xứng đáng với lòng mong đợi và niềm tin của nhân dân. Năng lực lãnh đạo của Đảng cần được thể hiện một cách toàn diện, từ năng lực hoạch định đường lối, chủ trương và các chính sách đến năng lực tổ chức và chỉ đạo thực hiện, năng lực kiểm tra, giám sát toàn bộ công việc của Đảng, làm cho các chủ trương, chính sách của Đảng luôn luôn phản ánh được yêu cầu phát triển của thực tiễn và quy luật khách

quan, mối quan hệ mật thiết của Đảng với nhân dân. Sức chiến đấu của Đảng cần phải được thể hiện qua hành động cụ thể từ các tổ chức đảng cho đến đội ngũ cán bộ, đảng viên. Có nghĩa là toàn Đảng, từng cấp ủy, từng tổ chức đảng, từng cán bộ, đảng viên phải nỗ lực phấn đấu thực hiện lý tưởng cách mạng của Đảng; xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; kiên quyết đấu tranh chống các tư tưởng sai trái và hành động thù địch; có đủ bản lĩnh và dũng khí chiến đấu với những hiện tượng tiêu cực trong Đảng, trong xã hội và trong chính bản thân mỗi người; khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, tê liệt sức chiến đấu.

Chính với tinh thần xây dựng Đảng vững mạnh như trên, coi việc giới thiệu nhân sự vào Ban Chấp hành Trung ương khóa X là một công việc hết sức hệ trọng, có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển của Đảng và thành công của Đại hội, tại Hội nghị lần này, Ban Chấp hành Trung ương đã dành nhiều thời gian và tâm sức để xem xét và bàn về công tác nhân sự, cân nhắc cẩn trọng cụ thể về nhân sự để chuẩn bị tiếp cho Hội nghị Trung ương lần sau giới thiệu những đồng chí xứng đáng, đủ tiêu chuẩn đức, tài, được nhân dân tin cậy, kiến nghị với Đại hội xem xét và quyết định.

Với những kết quả tốt đẹp cả về nội dung văn kiện và vấn đề nhân sự, có thể khẳng định rằng Hội nghị lần thứ 13 của Ban Chấp hành Trung ương đã thành công tốt đẹp!

Thưa các đồng chí,

Từ nay đến Đại hội X của Đảng, thời gian còn rất ít, song, công việc còn nhiều, tôi xin đề nghị với Trung ương tập trung chỉ đạo mấy việc sau:

Một là, ngay sau Hội nghị này, căn cứ vào các kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo chỉnh lý và hoàn thiện các dự thảo văn kiện trình Đại hội và công bố dự thảo Báo cáo chính trị lấy ý kiến rộng rãi trong nhân dân. Đây sẽ là sự tiếp nối và phát triển thêm một bước đợt sinh hoạt chính trị tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng. Đề nghị các đồng chí Trung ương cùng các cấp ủy và cơ quan liên quan của Đảng tổ chức, chỉ đạo thật tốt việc lấy ý kiến, sao cho các tầng lớp nhân dân đều có thể góp phần mình vào việc xây dựng Đảng và quyết định những vấn đề hệ trọng của đất nước, tạo nên sự đồng tình sâu sắc và sự ủng hộ mạnh mẽ của toàn dân.

Hai là, trong khi tiến hành khẩn trương các công việc chuẩn bị Đại hội, phải hết sức coi trọng việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2006 - năm mở đầu kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 mà Đại hội X sẽ quyết định. Phát huy những thành quả quan trọng, với niềm tin và sức mạnh mới và đà thuận lợi của năm 2005, chúng ta cần chỉ đạo giành những thắng lợi mới ngay từ tháng đầu, quý đầu của năm mới, tuyệt đối không được vì lý do chuẩn bị Đại hội mà lơi lỏng nhiệm vụ kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh; phải phấn đấu cao để đạt được những thành tựu xuất sắc về kinh tế - xã hội, đồng thời triển khai có hiệu quả việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, quan liêu, tham nhũng, thiết thực kỷ niệm 76 năm ngày thành lập Đảng, chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng.

Ba là, cần tổ chức đón xuân, đón tết vui tươi, phấn khởi, đáp ứng thật tốt những nhu cầu về vật chất và văn hóa của nhân dân, phù hợp với thuần phong, mỹ tục trong ngày xuân

theo tinh thần lành mạnh, tiết kiệm, không xa hoa, lãng phí. Đặc biệt quan tâm đến những gia đình chính sách, đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng bị thiên tai... Các cơ quan và cán bộ của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể cần làm gương trong việc nghiêm chỉnh thực hiện chủ trương chỉ đạo của Ban Bí thư và chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, không được dùng công quỹ để làm quà biếu trái với quy định của Nhà nước.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương.

Nhân dịp Tết Bính Tuất, tôi xin gửi đến tất cả các đồng chí, toàn thể cán bộ, đảng viên, đồng bào và chiến sĩ cả nước cùng đồng bào ta ở nước ngoài lời chúc mừng một năm mới dồi dào sức khỏe, thành đạt, hạnh phúc.

Xin trân trọng cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ 13
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

Ngày 18 tháng 1 năm 2006

Từ ngày 11-1 đến ngày 18-1-2006, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã họp Hội nghị lần thứ 13 tại Thủ đô Hà Nội. Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã chủ trì Hội nghị, đọc lời khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Ban Chấp hành Trung ương đã nghe báo cáo về ý kiến của đại hội đảng bộ các cấp, các cơ quan, tổ chức đảng, các vị đại biểu Quốc hội và các tổ chức xã hội tham gia góp ý vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội X của Đảng; nghiêm túc thảo luận, tiếp thu các ý kiến đóng góp và giao Bộ Chính trị căn cứ vào ý kiến của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị này để hoàn chỉnh các dự thảo báo cáo: Báo cáo chính trị, Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, Báo cáo công tác xây dựng Đảng, Báo cáo một số vấn đề về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng và Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX trình Đại hội X của Đảng; sau đó,

cho công bố toàn văn dự thảo Báo cáo chính trị để lấy ý kiến nhân dân vào dịp kỷ niệm 76 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930 – 3-2-2006).

Hội nghị Trung ương 13 đã xem xét công tác chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa X. Ban Chấp hành Trung ương cơ bản tán thành Tờ trình của Bộ Chính trị về vấn đề này, và giao Bộ Chính trị căn cứ vào ý kiến của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị, chỉ đạo việc tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh phương án giới thiệu nhân sự ứng cử Ban Chấp hành Trung ương khóa X để trình Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX xem xét trước khi trình Đại hội X của Đảng.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương cũng đã thảo luận và quyết định một số vấn đề về việc tổ chức Đại hội X của Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét, quyết định thi hành kỷ luật đảng bằng hình thức cảnh cáo đối với đồng chí Vũ Ngọc Kỳ, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, về những khuyết điểm trong công tác lãnh đạo, quản lý của đồng chí trong thời gian giữ các cương vị Bí thư Tỉnh ủy Hà Giang và Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam.

Hội nghị Trung ương 13 biểu thị sự nhất trí cao của Ban Chấp hành Trung ương về những vấn đề đã được đưa ra thảo luận và quyết định.

Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên hãy phát huy những thành quả quan trọng đã đạt được trong năm 2005, với niềm tin và sức mạnh mới,

tăng cường đoàn kết, thống nhất tư tưởng và hành động trong toàn Đảng, tạo sự đồng thuận cao và không khí phấn khởi trong toàn xã hội, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2006 ngay từ quý đầu, góp phần chuẩn bị thật tốt về mọi mặt để tổ chức thành công Đại hội X của Đảng.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 156-QĐ/TW, ngày 19 tháng 1 năm 2006

Thành lập Hội đồng thẩm định và xuất bản tác phẩm *Tiểu sử Hồ Chí Minh*

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa IX;

- Xét đề nghị của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (Tờ trình số 48-TTr/TTVH, ngày 16-11-2005) và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (Tờ trình số 03/TTr-HVCTQG, ngày 5-1-2006),

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định và xuất bản tác phẩm *Tiểu sử Hồ Chí Minh*, gồm các đồng chí:

1. TS. Nguyễn Văn Sáu, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng,

2. PGS.TS. Nguyễn Khánh Bật, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên - Thư ký Hội đồng,

3. PGS.TS. Nguyễn Trọng Phúc, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Nhận xét 1,

4. PGS. Cao Văn Lượng, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Nhận xét 2,

5. GS.TS. Phạm Xuân Nam, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Ủy viên,

6. GS. Đặng Xuân Kỳ, Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng Lý luận Trung ương, Ủy viên,

7. GS.TS. Mạch Quang Thắng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên,

8. GS.TS. Hoàng Chí Bảo, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên,

9. PGS. Lê Mậu Hãn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Ủy viên,

10. PGS.TS. Đinh Xuân Dũng, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ủy viên,

11. PGS.TS. Nguyễn Văn Thạo, Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ tổ chức thẩm định, bổ sung, hoàn thiện công trình khoa học Tiểu sử Hồ Chí Minh (Chương trình khoa học cấp Nhà nước KX.02, giai đoạn 1991 - 1995) và chịu trách nhiệm về việc xuất bản tác phẩm *Tiểu sử Hồ Chí Minh*; Hội đồng trình xin ý kiến Thường trực Ban Bí thư về những vấn đề Hội đồng xét thấy cần thiết.

Điều 3. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương duyệt dự toán kinh phí do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh xây dựng và cấp kinh phí phục vụ cho hoạt động của Hội đồng và việc xuất bản tác phẩm theo đúng các chế độ, chính sách hiện hành.

Điều 4. Các đồng chí có tên tại Điều 1, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 210-TB/TW, ngày 15 tháng 2 năm 2006

Về Đề án tổng thể những hình thức tưởng niệm, lưu niệm đối với các danh nhân, nhân vật lịch sử, các đồng chí lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng, Nhà nước và Đề án tổ chức kỷ niệm 100 năm ngày sinh các đồng chí Hà Huy Tập, Trường Chinh, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng trong 2 năm 2006 - 2007

Tại phiên họp ngày 9-2-2006, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin báo cáo về Đề án tổng thể những hình thức tưởng niệm, lưu niệm các danh nhân, nhân vật lịch sử, các đồng chí lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng, Nhà nước (số 4569-ĐA/BVHTT) và Đề án tổ chức kỷ niệm 100 năm ngày sinh các đồng chí Hà Huy Tập, Trường Chinh, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng trong 2 năm 2006 - 2007 (số 51-ĐA/BCS), Bộ Chính trị kết luận như sau:

1. Về Đề án tổng thể những hình thức tưởng niệm, lưu niệm các danh nhân, nhân vật lịch sử, các đồng chí lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng, Nhà nước

- Bộ Chính trị cơ bản tán thành các nội dung nêu trong

Đề án. Song, đây là vấn đề rộng lớn, phức tạp và nhạy cảm, Bộ Chính trị đồng ý thành lập Hội đồng quốc gia làm tư vấn cho Thủ tướng Chính phủ để xây dựng hoàn thiện và thực hiện Đề án.

- Cần xác định rõ hơn mục tiêu, quan điểm, phạm vi của Đề án; phân tích, đánh giá kỹ tình hình thực hiện các hình thức tưởng niệm, lưu niệm đối với các danh nhân, nhân vật lịch sử và các đồng chí lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng, Nhà nước ta trong những năm qua (tình hình xây dựng nhà tưởng niệm, lưu niệm, xếp hạng các di tích lịch sử văn hóa, xây dựng tượng đài, giới thiệu trong các bảo tàng, xuất bản sách và làm phim, đặt tên đường phố và công trình công cộng, tổ chức tưởng niệm...) để trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp hợp lý, khoa học.

- Đề án cần bám sát các văn bản pháp luật, các ý kiến Bộ Chính trị đã chỉ đạo, nhất là Hiến pháp, Luật di sản văn hóa và chỉ đạo của Thường vụ Bộ Chính trị khóa VIII; có phân biệt những việc của dân, do dân làm theo quy định và hướng dẫn của Nhà nước với những việc của Nhà nước, do Nhà nước thực hiện, được đầu tư từ ngân sách nhà nước; xử lý hài hòa quan hệ giữa xây dựng mới với bảo tồn các di tích, giữa các di tích lịch sử với các di tích cách mạng, giữa các đồng chí lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng, Nhà nước với các danh nhân trong suốt chiều dài lịch sử của dân tộc...

- Cần lấy ý kiến tham khảo, tham gia đóng góp rộng rãi của các nhà khoa học, các nhà văn hóa vào đề án; Chính phủ xem xét, thảo luận kỹ, chỉ trình xin ý kiến Bộ Chính trị về những vấn đề lớn, quan trọng, nhạy cảm thuộc quan điểm, tư tưởng chỉ đạo.

2. Về Đề án tổ chức kỷ niệm 100 năm ngày sinh các đồng chí Hà Huy Tập, Trường Chinh, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng

Bộ Chính trị cơ bản tán thành Đề án; giao Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có liên quan tổ chức các lễ kỷ niệm trọng thể, chu đáo, an toàn, tiết kiệm, đạt mục đích, yêu cầu Đề án đã đề ra.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 157-QĐ/TW, ngày 27 tháng 2 năm 2006

Chỉ định đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng

Căn cứ điểm 4, Điều 11 Điều lệ Đảng;

Xét Tờ trình của Ban Cán sự Đảng Ngoài nước và đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định 07 đại biểu thuộc các đảng bộ ngoài nước dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Nguyễn Đình Bin, Bí thư Đảng ủy, Đại sứ tại Pháp,

2. Đồng chí Chu Tuấn Cáp, Bí thư Đảng ủy, Đại sứ tại Nhật Bản,

3. Đồng chí Nguyễn Tâm Chiến, Bí thư Đảng ủy, Đại sứ tại Mỹ,

4. Đồng chí Trần Văn Luật, Bí thư Đảng ủy, Đại sứ tại Trung Quốc,

5. Đồng chí Nguyễn Huy Quang, Bí thư Đảng ủy, Đại sứ tại Lào,

6. Đồng chí Nguyễn Chiến Thắng, Bí thư Đảng ủy, Đại sứ tại Campuchia,

7. Đồng chí Phạm Tiến Tư, Bí thư Đảng ủy, Đại sứ tại Cuba.

Điều 2. Ban Cán sự Đảng Ngoài nước, Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao, Ban Tổ chức Trung ương và các đồng chí có tên tại Điều 1 thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 158-QĐ/TW, ngày 27 tháng 2 năm 2006

Thành lập 73 đoàn đại biểu và phân công các Ủy viên Trung ương khóa IX tham gia sinh hoạt tại các đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng

Căn cứ điểm 3, Điều 11 Điều lệ Đảng;

Để đảm bảo thực hiện tốt Quy chế làm việc và yêu cầu nội dung của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập 73 đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và phân công các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa IX tham gia sinh hoạt tại các đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa IX có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Giao Văn phòng Trung ương thông báo đến từng đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương để thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

DANH SÁCH
CÁC ĐOÀN ĐẠI BIỂU VÀ VIỆC PHÂN CÔNG CÁC ĐỒNG CHÍ ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX THAM GIA SINH HOẠT TẠI CÁC ĐOÀN ĐẠI BIỂU DỰ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X CỦA ĐẢNG

(Ban hành theo Quyết định số 158-QĐ/TW, ngày 27-2-2006 của Bộ Chính trị)

1. Đoàn đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội:

1- Nông Đức Mạnh
2- Nguyễn Phú Trọng
3- Hoàng Văn Nghiên
4- Phùng Hữu Phú
5- Đào Trọng Thi

2. Đoàn đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh:

1- Phan Văn Khải
2- Nguyễn Minh Triết
3- Lê Hoàng Quân
4- Lê Thanh Hải
5- Nguyễn Tấn Phát

3. Đoàn đại biểu Đảng bộ thành phố Hải Phòng:

1- Trần Đức Lương

2- Nguyễn Thị Kim Hồng

4. Đoàn đại biểu Đảng bộ thành phố Đà Nẵng:

Nguyễn Văn An

5. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Lai Châu:

Vũ Tiến Chiến

6. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Điện Biên:

Trịnh Long Biên

7. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La:

Trương Tấn Sang

8. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai:

Tráng A Pao

9. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Yên Bái:

Vũ Văn Hiền

10. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Giang:

Võ Hồng Phúc

11. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang:

Hoàng Bình Quân

12. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng:

Dương Mạc Thăng

13. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn:

1- Phạm Gia Khiêm
2- Mai Thế Dương

14. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên:

Hồ Đức Việt

15. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn:

1- Tòng Thị Phóng
2- Hoàng Công Hoàn

16. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Thọ:

Vũ Quốc Hùng

17. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc:

Ngô Văn Dụ

18. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Hòa Bình:

1- Nguyễn Phúc Thanh
2- Hoàng Văn Hon

19. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh:

Đỗ Quang Trung

20. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Giang:

1- Nguyễn Quốc Cường
2- Đỗ Bình Dương

21. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh:

Nguyễn Thế Thảo

22. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tây:

Hà Văn Hiền

23. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên:

Phạm Đình Phú

24. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Hải Dương:

1- Trần Đình Hoan
2- Nguyễn Văn Chiền

25. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Bình:

Nguyễn Thị Doan

26. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Nam:

Phạm Quang Nghị

27. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Nam Định:

Vũ Mão

28. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình:

Phạm Minh Tuyên

29. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa:

Nguyễn Văn Chi

30. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An:

Phan Diễn

31. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh:

Tạ Quang Ngọc

32. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Bình:

Trương Đình Tuyển

33. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị:

Đỗ Hoài Nam

34. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Thừa Thiên Huế:

1- Nguyễn Khoa Điềm
2- Hồ Xuân Mãn

35. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam:

Nguyễn Đức Hạt

36. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi:

Hồ Nghĩa Dũng

37. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Định:

Mai Ái Trực

38. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Yên:

Nguyễn Văn Yểu

39. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa:

1- Trương Quang Được
2- Nguyễn Văn Tự

40. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Kon Tum:

1- Hoàng Trung Hải
2- Y Vêng

41. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai:

Trần Văn Truyền

42. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắc Lắc:

1. Niê Thuật
2. Lê Huy Ngọ

43. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắc Nông:

Mai Văn Năm

44. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận:

1- Trần Thị Trung Chiến
2- Chamaléa Điêu

45. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Thuận:

Nguyễn Ánh Minh

46. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng:

1- Nguyễn Đức Kiên
2- Nguyễn Văn Đẳng

47. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước:

1- Nguyễn Hữu Luật
2- Đỗ Nguyên Phương

48. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Dương:

1- Hồng Vinh
2- Mai Thế Trung

49. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh:

1- Đinh Thế Huynh
2- Lê Thị Bân

50. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai:

Vũ Khoan

51. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu:

1- Hồ Tiến Nghị
2- Nguyễn Tuấn Minh

52. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Long An:

1- Nguyễn Văn Hiện
2- Lê Thanh Tâm

53. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Tiền Giang:

1- Nguyễn Thị Hoài Thu
2- Huỳnh Hữu Kha

54. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre:

Trương Vĩnh Trọng

55. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp:

Trương Mỹ Hoa

56. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long:

1- Đỗ Trung Tá
2- Nguyễn Văn Quân

57. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Trà Vinh:

1- Nguyễn Thái Bình
2- Sơn Song Sơn

58. Đoàn đại biểu Đảng bộ thành phố Cần Thơ:

1- Lê Nam Giới
2- Nguyễn Tấn Quyên

59. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Hậu Giang:

Bùi Quang Huy

60. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng:

Uông Chu Lưu

61. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang:

Nguyễn Sinh Hùng

62. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Kiên Giang:

1- Lê Đức Thúy
2- Lâm Chí Việt

63. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu:

1- Huỳnh Đảm
2- Phan Tấn Đạt

64. Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau:

Nguyễn Tấn Dũng

65. Đoàn đại biểu Đảng bộ Quân đội:

1- Phạm Văn Trà

2- Lê Văn Dũng
3- Nguyễn Văn Rinh
4- Nguyễn Huy Hiệu
5- Ma Thanh Toàn
6- Nguyễn Thế Trị
7- Hoàng Kỳ
8- Nguyễn Văn Được
9- Phan Trung Kiên
10- Bùi Văn Huấn
11- Phạm Văn Long
12- Nguyễn Khắc Nghiên
13- Phùng Quang Thanh
14- Nguyễn Văn Tình

66. Đoàn đại biểu Đảng bộ Công an Trung ương:

1- Lê Hồng Anh
2- Lê Thế Tiệm
3- Nguyễn Khánh Toàn
4- Nguyễn Văn Hưởng

67. Đoàn đại biểu Đảng bộ Khối I cơ quan Trung ương:

1- Phạm Văn Thọ
2- Giàng Seo Phử
3- Hoàng Xuân Cừ
4- Trịnh Trọng Quyền
5- Trần Hòa
6- Trần Văn Tuấn
7- Ksor Phước

68. Đoàn đại biểu Đảng bộ Khối cơ quan Trung ương về công tác tư tưởng:

1- Tô Huy Rứa
2- Lê Hữu Nghĩa
3- Vũ Văn Hiến
4- Lê Doãn Hợp

69. Đoàn đại biểu Đảng bộ Khối cơ quan Kinh tế Trung ương và Đảng bộ Đường sắt Việt Nam:

1- Võ Đức Huy
2- Võ Thị Thắng
3- Nguyễn Hồng Quân
4- Nguyễn Thị Kim Ngân
5- Tạ Hữu Thanh
6- Nguyễn Thị Hằng

70. Đoàn đại biểu Đảng bộ Khối cơ quan Khoa giáo Trung ương:

1- Đặng Vũ Minh
2- Nguyễn Minh Hiển
3- Hoàng Văn Phong
4- Bùi Sỹ Tiếu

71. Đoàn đại biểu Đảng bộ Khối cơ quan Dân vận Trung ương:

1- Vũ Trọng Kim
2- Khuất Hữu Sơn
3- Cù Thị Hậu

4- Vũ Ngọc Kỳ
5- Hà Thị Khiết
6- Nguyễn Đức Triều

72. Đoàn đại biểu Đảng bộ Khối cơ quan Nội chính Trung ương:

1- Nguyễn Tuấn Khanh
2- Quách Lê Thanh
3- Hà Mạnh Trí

73. Đoàn đại biểu Đảng bộ Khối cơ quan Đối ngoại Trung ương và các đảng bộ ngoài nước:

1- Nguyễn Dy Niên
2- Nguyễn Văn Son

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 159-QĐ/TW, ngày 16 tháng 3 năm 2006

Thành lập Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa IX;

- Căn cứ thỏa thuận Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam và Bộ Chính trị Đảng Nhân dân cách mạng Lào năm 2006;

- Xét đề nghị của Ban Đối ngoại Trung ương (Tờ trình số 8167-CV/ĐNTW, ngày 3-3-2006),

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào, gồm đại diện lãnh đạo các cơ quan:

- Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Ngoại giao,

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thương mại, Bộ Văn hóa - Thông tin, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, do đồng chí Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương làm Trưởng ban.

- Thường trực Ban Chỉ đạo đặt ở Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương.

Điều 2. Thành lập Ban Biên tập gồm một số cán bộ của các cơ quan: Viện Lịch sử Đảng, Viện Lịch sử Quân sự, Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Ban Liên lạc quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam giúp Lào (trong đó có một số chuyên trách).

Điều 3. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ phối hợp với phía Lào tổ chức việc sưu tầm tư liệu, biên soạn Lịch sử quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào. Ban Chỉ đạo xin ý kiến Ban Bí thư về những vấn đề xét thấy cần thiết.

Điều 4. Kinh phí thực hiện được bổ sung trong kinh phí của Ủy ban Hợp tác liên Chính phủ Việt Nam - Lào.

Điều 5. Các cơ quan có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 160-QĐ/TW, ngày 16 tháng 3 năm 2006

Chỉ định bổ sung đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng

- Căn cứ điểm 4, Điều 11 Điều lệ Đảng;
- Xét Tờ trình của Ban Cán sự Đảng Ngoài nước và đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định bổ sung 02 đại biểu thuộc các đảng bộ ngoài nước dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, gồm các đồng chí:

1- Đồng chí Nguyễn Văn Ngạnh, Phó Bí thư Đảng ủy, Đại sứ tại Nga.

2- Đồng chí Vũ Quang Diệm, Đại sứ tại Ấn Độ.

Điều 2. Ban Cán sự Đảng Ngoài nước, Ban Cán sự Đảng

Bộ Ngoại giao, Ban Tổ chức Trung ương và các đồng chí có tên tại Điều 1 thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 14
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX*

Ngày 20 tháng 3 năm 2006

Thưa các đồng chí Trung ương,

Để tiếp tục công việc chuẩn bị Đại hội X của Đảng, Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng có nhiệm vụ rất quan trọng: cho ý kiến lần cuối về các dự thảo văn kiện trình Đại hội X và tiếp tục chuẩn bị phương án nhân sự giới thiệu Ban Chấp hành Trung ương khóa X. Hội nghị cũng sẽ quyết định thời gian tổ chức Đại hội, cho ý kiến về Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội.

Về các văn kiện của Đại hội, thực hiện quyết định của Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị đã cho công bố toàn văn dự thảo Báo cáo chính trị trên các phương tiện thông tin đại chúng để lấy ý kiến rộng rãi

---

* Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX họp từ ngày 20 đến ngày 24-3-2006 tại Thủ đô Hà Nội *(B.T)*.

của nhân dân. Trong một tháng, từ ngày 3-2 đến ngày 3-3 vừa qua, hàng vạn ý kiến đóng góp của các tầng lớp nhân dân, của cán bộ, đảng viên đã trực tiếp gửi đến Văn phòng Trung ương hoặc phản ánh qua các báo, đài. Nhìn chung các ý kiến đều rất thẳng thắn, tâm huyết, thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với Đảng, với dân tộc, mong muốn Đảng ta ngày càng vững mạnh, đất nước ta ngày càng phát triển. Với tinh thần trân trọng và biết ơn các ý kiến đóng góp chân tình, xây dựng của nhân dân, tại Hội nghị này, Bộ Chính trị xin gửi đến Trung ương bản tổng hợp các ý kiến đóng góp và kiến nghị những điểm cần tiếp thu, bổ sung, sửa đổi trong dự thảo Báo cáo chính trị và các dự thảo văn kiện khác để Trung ương cho ý kiến hoàn chỉnh lần cuối, làm cho các văn kiện Đại hội thật sự là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng và toàn dân ta.

Về phương án nhân sự giới thiệu Ban Chấp hành Trung ương khóa X, căn cứ vào kết quả Hội nghị Trung ương 13, Bộ Chính trị đã chuẩn bị tiếp, hoàn chỉnh các hồ sơ, xem xét những trường hợp cụ thể, chuẩn bị phương án để Hội nghị Trung ương lần này tiếp tục xem xét và quyết định.

Với việc hoàn thành các nhiệm vụ nêu trên, tại Hội nghị Trung ương lần này, Ban Chấp hành Trung ương khóa IX sẽ tiếp tục hoàn thành tốt đẹp chương trình toàn khóa của mình. Tôi đề nghị tất cả các đồng chí nêu cao trách nhiệm, phát huy tinh thần dân chủ, tập thể trong thảo luận, làm việc khẩn trương và đưa ra những quyết định đúng đắn, thể hiện được ý chí của toàn Đảng, toàn dân, đóng góp quan trọng vào thành công của Đại hội X của Đảng.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX.

Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp!

Xin trân trọng cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 253/TLHN, ngày 20 tháng 3 năm 2006

Về việc tiếp thu ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân để hoàn chỉnh dự thảo Báo cáo chính trị tại Đại hội X của Đảng

(*Trình Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*)

Tại Hội nghị lần thứ 13 (tháng 1-2006), trên cơ sở tiếp thu ý kiến đóng góp của Đại hội Đảng bộ các cấp, Ban Chấp hành Trung ương đã cho ý kiến bổ sung, chỉnh lý dự thảo Báo cáo chính trị (sau đây viết gọn là Dự thảo) và đã quyết định cho công bố Dự thảo để lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân từ ngày 3-2-2006. Tính đến ngày 9-3-2006, Văn phòng Trung ương đã nhận được 2.907 thư và 366 bản tổng hợp ý kiến của hàng vạn cán bộ, đảng viên và nhân dân do các tổ chức, đoàn thể các cấp gửi trực tiếp. Rất nhiều người còn gửi ý kiến đến báo, đài, nhất là các báo điện tử. Đối tượng tham gia góp ý là các tầng lớp nhân dân, cán bộ, đảng viên thuộc nhiều lứa tuổi, nhiều giới, nhiều dân tộc ở các vùng, miền trong cả nước. Có nhiều thư của người

Việt Nam học tập, sinh sống xa Tổ quốc và kiều bào định cư ở nước ngoài.

Hầu hết thư góp ý tập trung vào các nội dung trong Dự thảo theo hướng dẫn của Ban Bí thư, nhất là về công tác xây dựng Đảng, phát huy dân chủ, công tác cán bộ, chống tham nhũng và vấn đề giáo dục. Cũng có một số ý kiến góp cho Dự thảo Báo cáo Xây dựng Đảng và Báo cáo bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng; cho công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội.

Nhìn chung, các ý kiến đều rất thẳng thắn, tâm huyết, thể hiện tinh thần trách nhiệm với Đảng, với dân tộc, mong muốn Đảng ta ngày càng vững mạnh, đất nước ta ngày càng phát triển. Nhiều ý kiến cho rằng, việc Trung ương cho công bố Dự thảo để lấy ý kiến nhân dân là một việc hay, rất đúng, thể hiện sâu sắc tinh thần dân chủ, tôn trọng nhân dân. Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng thời điểm công bố quá chậm, cận ngày Đại hội và tỏ ý băn khoăn, không biết Đảng có thực sự lắng nghe, tiếp thu hay không.

Riêng đối với Dự thảo Báo cáo chính trị, nhiều ý kiến nhận xét: Dự thảo được soạn thảo công phu, nghiêm túc, khoa học, sâu sắc, rõ và gọn; lời ít, ý nhiều. Qua việc tiếp thu ý kiến của Đại hội Đảng bộ các cấp, chất lượng đã được nâng lên rõ rệt, nhiều điểm quan trọng đã được bổ sung, chỉnh sửa, súc tích hơn; đây thực sự là bản tổng kết lý luận - thực tiễn, mang tầm chiến lược.

Một số ý kiến khác cho rằng Dự thảo còn dàn trải, chưa làm nổi rõ những trọng điểm cần nhấn mạnh, cả trong phần đánh giá cũng như phần phương hướng; chưa thể hiện được yêu cầu như chủ đề nêu là "đẩy mạnh toàn diện công cuộc

đổi mới"; còn có những quan điểm không dứt khoát, lưỡng lự trong tư duy; cách viết còn theo lối mòn.

Về nội dung của Dự thảo, đại đa số ý kiến cơ bản tán thành, đồng thời có đề nghị bổ sung, làm sáng tỏ hơn một số vấn đề; góp ý điều chỉnh mức độ đánh giá, đề xuất thêm một số chính sách, giải pháp cụ thể; cách diễn đạt cho chính xác hơn, bố cục lại một số đoạn viết cho hợp lý hơn.

Các ý kiến khác nhau vẫn tập trung vào những vấn đề đã từng được nêu lên nhiều lần trước đây và đã được thảo luận, kết luận tại 3 Hội nghị Trung ương vừa qua, như: chủ đề Đại hội; mức độ đánh giá 5 năm qua và 20 năm đổi mới; chỉ tiêu tăng trưởng GDP đến năm 2010; vấn đề sở hữu và thành phần kinh tế; tình trạng xuống cấp đạo đức, tham nhũng và các nguy cơ; đảng viên làm kinh tế tư nhân; cách diễn đạt về Đảng; phương thức lãnh đạo của Đảng; chức danh Tổng Bí thư và Ủy ban kiểm tra do Đại hội bầu... Một số ít ý kiến rất gay gắt, tỏ thái độ không đồng tình với một số điểm trong Dự thảo. Trên các phương tiện thông tin đại chúng có sự trao đổi, tranh luận công khai một số vấn đề (như kinh tế tư nhân, đảng viên làm kinh tế tư nhân, cách diễn đạt về Đảng...).

Cuộc góp ý kiến của nhân dân lần này mang tính quần chúng sâu rộng, ý kiến rất phong phú, đa diện, nhiều chiều. Đây thật sự là một đợt sinh hoạt chính trị sinh động và dân chủ trong xã hội ta.

Tuy nhiên, cũng có luồng ý kiến mang động cơ xấu, thù địch, mượn cớ "góp ý" để tuyên truyền xuyên tạc, vu cáo, bôi nhọ Đảng, Nhà nước và chế độ ta, công khai và trực diện đả kích sự lãnh đạo của Đảng, đòi xóa bỏ chủ nghĩa xã hội và

định hướng xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện "đa nguyên, đa đảng", bỏ Điều 4 Hiến pháp...

Bộ Chính trị xin đề nghị:

- Ban Chấp hành Trung ương bày tỏ sự cảm ơn trân trọng các tầng lớp nhân dân đã nhiệt tình góp ý kiến với Đảng; cho tiếp thu tối đa những ý kiến hợp lý, xác đáng để hoàn chỉnh các dự thảo văn kiện Đại hội, đồng thời để chỉ đạo trong hoạt động thực tiễn.

- Đối với một số vấn đề phức tạp, còn có ý kiến khác nhau, xin lắng nghe và cho tiếp tục nghiên cứu sau Đại hội.

- Kiên quyết phê phán và dứt khoát bác bỏ những ý kiến mang động cơ xấu, chống đối, thù địch.

- Việc chỉnh lý Dự thảo để trình Hội nghị Trung ương 14 căn cứ chủ yếu vào Báo cáo tổng hợp của Văn phòng Trung ương, tiếp thu nghiêm túc những ý kiến xác đáng. Đối với những kiến nghị bổ sung, sửa đổi một số từ ngữ, sắp xếp lại một số câu, hoặc sửa chữa một số lỗi văn phạm, Trung ương giao cho Bộ Chính trị chỉ đạo sửa trực tiếp vào Dự thảo; chỉnh lý văn phong để làm nổi rõ hơn những vấn đề mới và những điểm cần nhấn mạnh.

Dưới đây, đề nghị Ban Chấp hành Trung ương *cho ý kiến về một số vấn đề quan trọng:*

1. Về chủ đề Đại hội

Nhiều ý kiến cho rằng, chủ đề Đại hội đã kế tiếp tư tưởng của Đại hội IX và được nâng lên một tầm cao mới, thể hiện đầy đủ, ngắn gọn, có tính khái quát cao, cả mục tiêu, động lực và giải pháp; đặt vấn đề nâng cao năng lực lãnh đạo và

sức chiến đấu của Đảng ở vị trí hàng đầu là đáp ứng yêu cầu của tình hình hiện nay.

Tuy nhiên, một số ý kiến đề nghị bổ sung một số thành tố khác vào chủ đề, như: theo định hướng xã hội chủ nghĩa; tinh thần đấu tranh cách mạng; phát huy sức mạnh thời đại; thực hiện mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân; mở rộng dân chủ; công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước; dồn trí tuệ, tâm huyết nhiều hơn; nâng cao đạo đức cách mạng; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa...

Có ý kiến không tán thành cụm từ "sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển".

Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Trung ương đã nhiều lần thảo luận về chủ đề Đại hội, đã xác định cần ngắn gọn và đã thống nhất cao về những thành tố quan trọng nhất, có tính chỉ đạo tư tưởng, hành động toàn Đảng, toàn dân ta những năm tới. Trong chủ đề, không thể đưa vào quá nhiều nội dung, vả lại, bổ sung bao nhiêu cũng không đủ, càng làm phân tán chủ đề. Bốn thành tố của chủ đề Đại hội (cũng là tiêu đề của Dự thảo Báo cáo chính trị) hiện nay đã thể hiện được tinh thần đó:

- *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng* là thành tố đầu tiên, có ý nghĩa hết sức quan trọng, đáp ứng đúng yêu cầu cấp bách hiện nay. Ai cũng biết, sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của công cuộc đổi mới cũng như toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Trong tình hình hiện nay, cơ hội và thách thức đan xen nhau, rất nhiều vấn đề mới đặt ra, càng phải kiên định sự

lãnh đạo của Đảng, chăm lo công tác xây dựng Đảng. Phần lớn các thư góp ý kiến vừa qua bày tỏ mối quan tâm sâu sắc đến tình hình xây dựng Đảng, mong muốn Đảng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh để lãnh đạo đất nước tiếp tục đi lên. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng là nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chính sách, tổ chức và chỉ đạo thực hiện, tổng kết lý luận - thực tiễn, thống nhất nhận thức và hành động trong Đảng, gắn bó mật thiết với nhân dân, động viên nhân dân vào công cuộc đổi mới. Nâng cao sức chiến đấu của Đảng là từng đảng viên, từng tổ chức cơ sở đảng, cấp ủy đảng và toàn Đảng phải có ý chí phấn đấu, ra sức thực hiện lý tưởng cách mạng của Đảng và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, kiên trì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, không nể nang, né tránh, "dĩ hòa vi quý", kiên quyết đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực, suy thoái ở ngay trong bản thân mỗi đảng viên, trong tổ chức đảng, cơ quan nơi mình sinh hoạt, công tác, ở trong Đảng và trong xã hội, dũng cảm chống lại các tư tưởng, quan điểm và hành động sai trái, thù địch đối với Đảng và nhân dân. Hơn lúc nào hết, những năm tới, Đảng phải quyết tâm tạo ra một chuyển biến thật sự rõ rệt về công tác xây dựng Đảng.

- *Phát huy sức mạnh toàn dân tộc* là thành tố thứ hai, chỉ rõ yêu cầu động viên đến cao độ sức mạnh của mọi tầng lớp nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc, của đồng bào trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài, của mọi lĩnh vực hoạt động trong đất nước ta; giải phóng mọi tiềm năng, phát huy mọi nguồn lực, mọi thành phần kinh tế; phát huy sức mạnh của truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc và ý chí kiên cường của người Việt Nam để thực hiện

bằng được mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

- *Đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới* là một thành tố thể hiện yêu cầu tiếp tục đổi mới một cách mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ hơn trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; từ nhận thức, tư tưởng đến hoạt động thực tiễn; từ hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đến hoạt động trong từng bộ phận của hệ thống chính trị; từ hoạt động của cấp Trung ương đến hoạt động của cấp địa phương và cơ sở.

- *Sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển* là thành tố chỉ rõ mục tiêu trực tiếp của Đại hội X. Đại hội IX đã đề ra Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) nhằm "đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển". Dự thảo nêu quyết tâm *sớm* đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, hàm ý phấn đấu hoàn thành chiến lược nói trên *trước năm 2010*. Đấy cũng là điều mong ước thiết tha và là đòi hỏi bức xúc của toàn Đảng, toàn dân ta. Nêu "sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển" không gây cảm giác bi quan, trái lại, thể hiện sự nhìn nhận nghiêm túc, khách quan về tình hình đất nước hiện nay, đồng thời cổ vũ nhân dân ta vươn lên với tinh thần tự tôn dân tộc và quyết tâm cao để đưa đất nước thoát khỏi tình trạng kém phát triển không chỉ ở mức thu nhập thấp mà còn ở những lĩnh vực khác như kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đời sống văn hóa, tinh thần, chỉ số phát triển con người...

Vì vậy, xin kiến nghị:

Trung ương cho giữ chủ đề như trong Dự thảo: "*Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức*

mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển". Đồng thời, đề nghị Ban Chấp hành Trung ương khóa X, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, cần có sự giải thích cụ thể về các thành tố trong chủ đề Đại hội như tinh thần nêu trên để tạo sự nhất trí cao trong Đảng và nhân dân.

2. Về bố cục của Dự thảo

Đa số ý kiến tán thành như Dự thảo. Một số ý kiến khác cho rằng, có thể nhập một số phần vào với nhau để cấu trúc Dự thảo được gọn hơn.

Bộ Chính trị kiến nghị:

Trung ương cho tiếp thu ý kiến trên, điều chỉnh, sắp xếp lại một đôi chỗ trong Dự thảo. Cụ thể là:

- Gộp phần I "*Kiểm điểm 5 năm...*" với phần II "*Đánh giá 20 năm...*" thành một phần với tiêu đề chung: "*Kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và nhìn lại 20 năm đổi mới*".

- Gộp phần VI "*Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế*" với phần XI "*Mở rộng quan hệ đối ngoại...*" thành một phần với tiêu đề chung: "*Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế*".

Như vậy, Dự thảo trước đây có 14 phần, nay còn 12 phần.

Ngoài ra, đề nghị cho sửa lại tiêu đề một số phần và mục cho hợp lý hơn và tránh trùng lắp. Cụ thể là:

- Sửa "Đánh giá khái quát 20 năm đổi mới" thành "*Nhìn lại 20 năm đổi mới*".

- Sửa "Phát huy mọi nguồn lực, tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" thành

"*Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*".

- Sửa "Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa" thành "*Phát huy dân chủ, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*".

- Sửa "Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với từng bước phát triển kinh tế tri thức" thành "*Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức*".

- Sửa "phát triển văn hóa để thực sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội" thành "*phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội*".

3. Về tổng kết 20 năm đổi mới

- Hầu hết các ý kiến đều nhất trí với dự thảo về đánh giá khái quát và 5 bài học lớn rút ra sau 20 năm đổi mới. Nhưng cũng có một số ý kiến đề nghị nên tổng kết 30 năm thì đầy đủ hơn và khách quan hơn. Trong Dự thảo chỉ mới nặng về nói thành tựu, không đề cập mặt thiếu sót, khuyết điểm của 20 năm đổi mới.

- Một số ý kiến cho rằng chưa thể đánh giá những thành tựu 20 năm đổi mới là "có ý nghĩa lịch sử" vì chúng ta chưa hoàn thành công cuộc đổi mới. Cá biệt có ý kiến cho rằng, sau 20 năm đổi mới, chúng ta *mất* nhiều hơn *được*, cái *được* là tạm thời, bên ngoài, không cơ bản, còn cái *mất* là cơ bản, có nguy cơ dẫn đến mất Đảng, mất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa; rằng chúng ta đang "khủng hoảng lý luận", "lúng túng về con đường đi"...

- Có ý kiến cho rằng nói "con đường đi lên chủ nghĩa xã hội" như trong dự thảo là không rõ, vì đã nói con đường thì

phải nói nó "bắt đầu từ đâu, đi qua những đâu và đến đâu, có đặc điểm gì", v.v..

Bộ Chính trị xin có ý kiến như sau:

- Về tình hình 10 năm (1976 - 1986) Đại hội V và nhất là Đại hội VI của Đảng đã tổng kết, phân tích, đánh giá sâu sắc thành tựu, khuyết điểm và nguyên nhân, rút ra những bài học; các ngành như kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại cũng đã có những cuộc tổng kết đi sâu về lĩnh vực của mình. Trên cơ sở đó, Đảng ta đề ra đường lối đổi mới.

Công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo chính thức được tính từ Đại hội VI (năm 1986), đến nay (năm 2006) vừa tròn 20 năm. Trung ương cho rằng, sau 20 năm, chúng ta có điều kiện nhìn lại đầy đủ hơn, toàn diện hơn quá trình đổi mới với tất cả những thành tựu và hạn chế. Vì vậy, Trung ương đã quyết định tiến hành tổng kết 20 năm đổi mới để rút kinh nghiệm, lý giải, kết luận một số vấn đề lý luận - thực tiễn nhằm đẩy mạnh công cuộc đổi mới. Tuy nhiên, trong Báo cáo tổng kết 20 năm đổi mới cũng có một phần nói về bối cảnh ra đời, quá trình hình thành đường lối đổi mới của Đảng ta, trong đó đề cập khá kỹ tình hình 10 năm sau giải phóng, phân tích cả thành tựu và hạn chế của chúng ta. Báo cáo tổng kết 20 năm đổi mới đã cung cấp luận cứ khoa học cho việc soạn thảo các văn kiện Đại hội X của Đảng. Phần tổng kết, đánh giá 20 năm đổi mới trong Dự thảo đã được Ban Chấp hành Trung ương thông qua và công bố công khai.

Vì vậy, xin đề nghị: Trung ương cho giữ như Dự thảo.

- Về thành tựu 20 năm đổi mới, Trung ương đã nhiều lần thảo luận và thống nhất nhận định, trong 20 năm qua,

với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử, cả về nhận thức và thực tiễn. Điều đó, mỗi chúng ta, mỗi người dân, mỗi gia đình Việt Nam đều cảm nhận được. Dư luận thế giới thừa nhận và đánh giá cao thành tựu đổi mới của Việt Nam. Chỉ những người không có thiện chí mới có cách nhìn khác và phủ nhận thành quả đổi mới. Điều rất quan trọng là sau 20 năm đổi mới, Đảng ta đã có sự nhận thức đúng hơn, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội trên một loạt vấn đề, đồng thời vận dụng sáng tạo phù hợp thực tiễn Việt Nam. Tư duy lý luận của Đảng ngày càng sâu sắc hơn. Đến nay, qua 20 năm đổi mới, Đảng ta đã *bước đầu hình thành được trên những nét cơ bản* một hệ thống quan điểm lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, làm cơ sở khoa học cho đường lối của Đảng. Đương nhiên, chúng ta sẽ còn phải tiếp tục nghiên cứu sâu hơn nhiều vấn đề về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Vì vậy, xin kiến nghị:

Trung ương cho giữ trong Dự thảo phần viết về nhìn lại 20 năm đổi mới.

- Về "con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam", để tránh sự tranh luận không cần thiết, xin cho thay cụm từ "*Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là...*" bằng cụm từ "*Để đi lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải...*" ở phần nhìn lại 20 năm đổi mới (trang 7).

Trung ương cho bổ sung một đoạn viết về khuyết điểm, hạn chế của 20 năm đổi mới như sau:

"Cho đến nay nước ta vẫn trong tình trạng kém phát triển. Kinh tế còn lạc hậu so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, xây dựng hệ thống chính trị, nhất là xây dựng Đảng và Nhà nước còn nhiều yếu kém. Lý luận chưa giải đáp được một số vấn đề của thực tiễn đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đặc biệt là trong việc giải quyết các mối quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng phát triển; giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa đổi mới với ổn định và phát triển; giữa độc lập tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế..." (trang 7).

4. Về vấn đề bổ sung, phát triển cương lĩnh

Có ý kiến cho rằng, Dự thảo đã thay đổi một số điểm quan trọng trong Cương lĩnh năm 1991, như: bỏ từ "lao động" trong cụm từ "nhân dân lao động"; bỏ "chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu" thay bằng "quan hệ sản xuất phù hợp"; bỏ từ "bóc lột", bỏ nguyên tắc "làm theo năng lực, hưởng theo lao động"; thay "nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa..." bằng "nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"; thay "kinh tế quốc doanh" bằng "kinh tế nhà nước"; về đối ngoại, không nêu như Cương lĩnh là "trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa...". Như vậy là đã sửa Cương lĩnh của Đảng, không "kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh", nếu sửa

Cương lĩnh thì "phải bàn bạc kỹ lưỡng và có một báo cáo chuyên đề về sửa đổi Cương lĩnh".

Về vấn đề này, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Ban Chấp hành Trung ương đã khẳng định: Đại hội X chưa thực hiện việc sửa đổi Cương lĩnh. Một số điều bổ sung và phát triển cụ thể cho phù hợp với thực tiễn mới, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới thì qua mỗi kỳ Đại hội, Đảng ta đều đã từng làm. Ví dụ: Cương lĩnh năm 1991 viết "thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh", Đại hội VIII bổ sung "thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh", đến Đại hội IX lại bổ sung: "... xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Những khái niệm, phạm trù mới như: "kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa", "Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa", "kinh tế nhà nước", "thị trường bất động sản", "chủ động hội nhập kinh tế quốc tế" đều không có trong Cương lĩnh nhưng nay được bổ sung do đòi hỏi của thực tiễn và kết quả nghiên cứu lý luận. Một số điểm mới được bổ sung khi đề cập đặc trưng của chủ nghĩa xã hội trong phần nhìn lại 20 năm đổi mới cũng là theo tinh thần đó.

Dự thảo Báo cáo chính trị lần này khẳng định: "*Qua tổng kết lý luận - thực tiễn 20 năm đổi mới, chúng ta càng thấy rõ giá trị định hướng và chỉ đạo to lớn của "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội" (năm 1991); đồng thời cũng thấy rõ thêm những vấn đề mới đặt ra cần được giải đáp*".

Xin kiến nghị:

Trung ương cho diễn đạt đoạn tiếp theo như sau: "*Sau Đại hội X, Đảng ta cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát*

triển Cương lĩnh, làm nền tảng chính trị, tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong quá trình đưa nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội" (trang 9).

5. Về đánh giá 5 năm qua

Nhiều ý kiến tán thành sự đánh giá của Dự thảo. Tuy nhiên, có những ý kiến khác cho rằng:

- Không nên nhận định quá lạc quan về thành tựu. Có những thành tựu dự thảo viết quá mức, cần khiêm tốn hơn. Nêu "thành tựu 5 năm rất quan trọng" là so nước ta bây giờ với nước ta trước đây; chứ nếu so với các nước trong khu vực thì nước ta còn kém, bị tụt hậu xa.

- Dự thảo viết về những khuyết điểm chưa đủ, còn chung chung và chưa sâu sắc, còn né tránh, chưa nói đúng sự thật. Kiểm điểm hoạt động của Nhà nước còn sơ sài.

- Đoạn viết về thành tựu thì nói đến những người có công lao; còn đoạn viết về khuyết điểm thì không nói rõ trách nhiệm về ai.

Nhìn chung, rất nhiều ý kiến cho rằng, Đảng ta 5 năm qua, bên cạnh những thành tựu to lớn đã để xảy ra tình trạng tham nhũng, tiêu cực, hư hỏng trong Đảng và xã hội hết sức nghiêm trọng là điều đáng trách. Có ý kiến cho rằng, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã thất bại.

Bộ Chính trị đề nghị:

Trung ương cho chỉnh sửa phần đánh giá những thành tựu và khuyết điểm, yếu kém 5 năm qua cho chính xác và đúng mức hơn, nhất là trên một số lĩnh vực cụ thể. Thí dụ:

- Dự thảo viết "Quy mô đào tạo tăng nhanh và tương đối đều", xin cho sửa là: "Quy mô giáo dục được mở rộng".

- Dự thảo viết "Văn hóa, thông tin, báo chí... có nhiều đổi mới về nội dung và hình thức", xin cho sửa là: "... có tiến bộ trên nhiều mặt".

- Dự thảo viết "Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân... được xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, vững vàng về chính trị, có tinh thần chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu cao", xin cho sửa là: "Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân có nhiều thành tích mới trong xây dựng lực lượng, nâng cao tinh thần chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu".

- Dự thảo viết "Chất lượng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra", xin cho sửa là: "Chất lượng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa đạt yêu cầu".

- Cho bổ sung một đoạn về khuyết điểm của Nhà nước: "Năng lực và bộ máy quản lý nhà nước còn yếu kém; tình trạng nhũng nhiễu, cửa quyền, thiếu tinh thần trách nhiệm ở một số công chức và cơ quan công quyền giải quyết công việc cho dân và doanh nghiệp chậm được khắc phục. Bộ máy chính quyền ở cơ sở nhiều nơi còn yếu".

- Cho bổ sung một ý vào nguyên nhân khuyết điểm: "Một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt, yếu kém về phẩm chất và năng lực... *nhưng xử lý chưa thật kiên quyết và kịp thời*".

- Sau đoạn nêu những khuyết điểm, yếu kém 5 năm qua, đề nghị bổ sung đoạn sau đây:

"*Những khuyết điểm nói trên, trước hết thuộc về trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp là của Bộ Chính trị. Ban Chấp hành Trung ương xin*

tự phê bình nghiêm túc về những khuyết điểm của mình trước Đại hội và trước nhân dân" (trang 6).

6. Về vấn đề phát huy dân chủ

Nhiều ý kiến góp về vấn đề dân chủ, coi việc phát huy dân chủ trong Đảng, Nhà nước, nhân dân và trong toàn xã hội là vấn đề thời sự nóng bỏng, có ý nghĩa chiến lược đối với tiến trình phát triển đất nước ta.

- Có ý kiến cho rằng, trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, quyền làm chủ của nhân dân chưa được phát huy. Tình trạng mất dân chủ còn phổ biến. Dự thảo nêu được chủ trương, nguyên tắc phát huy dân chủ, nhưng còn sơ lược, chưa rõ giải pháp.

- Có ý kiến đề nghị thúc đẩy nhanh việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, bảo đảm phát huy dân chủ của công dân; tạo điều kiện cho dân tham gia quản lý công việc của Nhà nước và kiểm tra, giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước; có cơ chế để dân được tự do thể hiện ý muốn của mình trong bầu cử, ứng cử và được tham gia biểu quyết về những vấn đề quan trọng của đất nước.

- Có ý kiến đề nghị hoàn thiện pháp luật về hoạt động của các hội, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, bảo đảm cho công dân được tự do lập hội; bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng xã hội trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất là ở cơ sở, ở địa phương.

- Cũng có ý kiến cho rằng, dân chủ trong Đảng là quyết định, tác động đến dân chủ ngoài xã hội.

- Có ý kiến cực đoan cho rằng chế độ ta là chế độ "đảng trị", độc đoán, chuyên quyền, không có dân chủ.

Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Trong những năm đổi mới, ta đã có bước tiến lớn về dân chủ. Đảng, Nhà nước rất quan tâm vấn đề này và đã có nhiều chủ trương, chính sách, quy chế để phát huy dân chủ; và trên thực tế xã hội ta ngày càng dân chủ hơn: Dân chủ về chính trị (sinh hoạt trong Đảng, trong các đoàn thể nhân dân ngày càng cởi mở hơn; hoạt động của Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp ngày càng thực chất hơn); dân chủ về kinh tế (các thành phần kinh tế, mọi người dân được tự do kinh doanh, làm tất cả những gì pháp luật không cấm); dân chủ trong lĩnh vực văn hóa xã hội (báo chí, các phương tiện truyền thông hoạt động rất sôi động; các cuộc hội thảo tranh luận thoải mái; sinh hoạt tôn giáo, lễ hội ngày càng phát triển...). Đó là điều không ai có thể phủ nhận. Tuy nhiên, tình trạng vi phạm dân chủ vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi và lĩnh vực. Trong tình hình dân trí lên cao, đời sống mọi mặt của người dân được cải thiện, từ đó có những đòi hỏi dân chủ hơn là chính đáng. Mặt khác, có việc, có nơi lại có tình trạng dân chủ quá trớn, dân chủ không đi đôi với giữ kỷ cương phép nước, tổ chức kỷ luật. Ta đang hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nhằm xây dựng một nhà nước thật sự dân chủ, của dân, do dân và vì dân, chịu sự giám sát của dân. Cán bộ, công chức phải là công bộc của dân, làm việc vì lợi ích của dân. Nhà nước phải quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật.

Vấn đề quan trọng sắp tới là Đảng chú ý phát huy dân chủ mạnh mẽ hơn nữa trên những cơ sở pháp lý minh bạch, bằng những thiết chế, cơ chế, chính sách rõ ràng. Đồng thời, phải đấu tranh với các quan điểm và hoạt động sai trái của

các phần tử chống đối, thù địch, lợi dụng vấn đề "dân chủ" hòng gây rối, đòi "đa nguyên, đa đảng" thực chất là muốn xóa bỏ Đảng ta và chế độ ta.

Bộ Chính trị đề nghị:

Cho chỉnh lý phần "Phát huy dân chủ..." để làm rõ hơn quan điểm và chính sách của Đảng ta về vấn đề phát huy dân chủ.

7. Về vấn đề kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- Đa số ý kiến đồng tình với những nội dung của phần này. Tuy nhiên, cũng còn ý kiến cho rằng, nội hàm "kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" chưa rõ, khó hiểu; như là "hai mảnh ghép vào nhau". Có ý kiến đề nghị bỏ cụm từ "định hướng xã hội chủ nghĩa" và trên thực tế, người ta chỉ nói "kinh tế thị trường".

- Cũng có ý kiến đề nghị bỏ "kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa", lấy lại công thức của Cương lĩnh 1991: "Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước". Ý kiến này muốn tránh dùng cụm từ "kinh tế thị trường".

Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Nền kinh tế thị trường tồn tại trong nhiều chế độ xã hội khác nhau, và việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước trình độ kinh tế còn thấp kém như nước ta thì việc phát triển kinh tế thị trường là một yêu cầu khách quan. Kinh tế thị trường là một phương thức phát triển sức sản xuất để đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng nền kinh tế thị trường mà

chúng ta phát triển khác về bản chất so với nền kinh tế thị trường ở nhiều nước khác. Cần phải làm rõ tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở nước ta để làm rõ bản chất của nền kinh tế thị trường mà chúng ta chủ trương phát triển. Đó là nền kinh tế được xây dựng ở một chế độ xã hội do nhân dân làm chủ, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa quản lý, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; kết hợp tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục, xóa đói giảm nghèo, giải quyết các vấn đề xã hội vì sự phát triển con người...

Việc đưa ra mô hình kinh tế tổng quát của thời kỳ quá độ ở Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là bước đột phá có tính sáng tạo của Đảng ta. Chúng ta không lựa chọn mô hình kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, nhưng nền kinh tế thị trường của chúng ta cũng chưa phải là nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đầy đủ, bởi vì còn phải trải qua một quá trình xây dựng rất lâu dài.

Kế tiếp tư tưởng của Đại hội IX, lần này Dự thảo đã làm sáng tỏ thêm một bước nội dung cơ bản của tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta và đã được đa số đồng tình. Mặt khác, cũng phải thừa nhận đây là vấn đề rất mới, chưa có tiền lệ, sắp tới chúng ta cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu và tổng kết để nhận thức đầy đủ và sâu sắc hơn, giải đáp có sức thuyết phục hơn những vướng mắc trong thực tiễn.

Vì vậy, xin kiến nghị:

Cho giữ mục "Nắm vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta" trong Dự thảo (trang 12).

8. Về vấn đề sở hữu, thành phần kinh tế

Vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau:

- Có ý kiến cho rằng, trong phát triển kinh tế, cần phải thực thi đường lối phát triển "chính Việt" hữu sản hóa, lấy dân doanh làm lực lượng chủ yếu trên thương trường.

- Một số ý kiến cho rằng, chế độ sở hữu viết như trong Dự thảo là không đúng, còn lảng tránh về mặt lý luận. Nên khẳng định nước ta có "hai chế độ sở hữu là công hữu và tư hữu", gắn với nó là các hình thức sở hữu và các loại hình tổ chức sản xuất - kinh doanh phù hợp; không nên phân chia thành các thành phần kinh tế, không nên viết "kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo", vì như vậy là không bình đẳng và có sự phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế.

- Ý kiến khác cho rằng, trong giai đoạn đầu, muốn tiến nhanh, tiến mạnh thì phải đi từ kinh tế tư nhân, vì vậy nước ta có 3 chế độ sở hữu: toàn dân (do nhà nước làm đại diện), tư nhân (trong nước và nước ngoài), hỗn hợp (liên doanh, liên kết giữa nhà nước và tư nhân).

- Có ý kiến cho rằng, không nên dùng khái niệm "thành phần kinh tế" mà dùng khái niệm "khu vực kinh tế"; chỉ có khu vực kinh tế quốc doanh và khu vực kinh tế dân doanh.

- Một số ý kiến cho rằng, việc gộp sở hữu cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân... thành "sở hữu tư nhân", cũng như việc gộp kinh tế cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân thành "thành phần

kinh tế tư nhân" là mơ hồ, là mắc bệnh "xã hội học chủ quan" mà Lênin đã từng phê phán gay gắt.

- Một số ý kiến còn băn khoăn, trong Dự thảo không chỉ rõ xu thế vận động của các thành phần kinh tế mà lại nói chung chung "cùng tồn tại lâu dài...". Thử hỏi, kinh tế cá thể (trong Dự thảo gộp vào kinh tế tư nhân) nếu cứ cùng tồn tại lâu dài thì liệu có sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển được không?

- Có ý kiến cho rằng, nên phân chia các thành phần kinh tế thành: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ), kinh tế tư bản (tư bản tư nhân, tư bản nhà nước); kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

- Ý kiến khác lại đề nghị nên bỏ "thành phần kinh tế tư bản nhà nước", vì tính chất, nội hàm của nó không rõ, mâu thuẫn với cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Nhiều ý kiến đề nghị, nên giữ việc phân định các thành phần kinh tế như hiện nay. Cần đi mạnh vào củng cố, đổi mới kinh tế tập thể, nhất là hợp tác xã, cho thực chất hơn, tránh kiểu "bình mới, rượu cũ".

- Một số ý kiến đề nghị nên phân định chế độ sở hữu, hình thức sở hữu và các thành phần kinh tế như trong dự thảo Đề cương của Trung ương gửi xuống đại hội đảng bộ cơ sở hồi tháng 6-2005, trong đó có *hình thức sở hữu hỗn hợp, thành phần kinh tế hỗn hợp*.

Bộ Chính trị nhận thấy:

Vấn đề sở hữu và thành phần kinh tế đã được Trung ương thảo luận nhiều lần, nhất là ở Hội nghị Trung ương 12 và đã biểu quyết đi tới cách diễn đạt như trong Dự thảo.

Những ý kiến đóng góp lần này không có gì mới hơn, những khía cạnh nêu ra đều đã được Trung ương thảo luận. Do đó, đề nghị Trung ương cho giữ như trong Dự thảo (trang 15); đồng thời cho tiếp tục nghiên cứu sâu hơn sau Đại hội X.

9. Về những vấn đề xã hội bức xúc

- Rất nhiều ý kiến phát biểu về những vấn đề xã hội bức xúc hiện nay để Đại hội X quan tâm và có biện pháp giải quyết hiệu quả như: thực hiện công bằng xã hội; xóa đói giảm nghèo; việc làm; giảm tốc độ tăng dân số; phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn, cải thiện đời sống nông dân; giáo dục, y tế gắn với việc thu học phí, viện phí cũng như cách dạy và học, cách chăm sóc sức khỏe nhân dân; chính sách đối với những người có công, với thương binh, gia đình liệt sĩ; phòng chống tham nhũng, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông, tội phạm... Đây là những vấn đề thiết thân đối với cuộc sống người dân, của mọi gia đình, mọi vùng trên đất nước ta.

- Hầu hết các ý kiến đồng tình việc gắn chiến lược phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, tích cực xóa đói giảm nghèo, khuyến khích mọi người làm giàu chính đáng; phấn đấu 5 năm tới không có hộ đói, giảm mạnh hộ nghèo, tăng số lượng người giàu.

- Một số ý kiến nhận xét Dự thảo nêu các vấn đề xã hội rất "đủ", rất "kêu", nhưng chỉ là khẩu hiệu. Các chính sách về an sinh xã hội còn nhiều bất cập, người có công với cách mạng, cán bộ, công chức đã về hưu có bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, nhưng khi ốm đau vào bệnh viện không được

chăm sóc chu đáo. Đề nghị sửa chính sách bảo hiểm xã hội để có bình đẳng về chế độ cho mọi đối tượng. Cần có giải pháp lớn, quyết liệt để chống tham nhũng, giải quyết vấn đề nhà ở và đời sống của công nhân các khu công nghiệp, các công trình công cộng ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa còn rất thiếu và không đồng bộ, làm cho đời sống vật chất, tinh thần của người dân ở nông thôn ngày càng kém xa so với đời sống người dân ở thành phố.

- Có ý kiến đề nghị, đã đến lúc phải coi giải quyết công ăn việc làm cho người dân để tạo ra một xã hội lao động thực sự, là quốc sách hàng đầu trong giai đoạn hiện nay.

- Cũng có một số ý kiến không tán thành cho mở các trường tư thục, trường ngoài công lập, bệnh viện tư; có tâm trạng lo lắng Nhà nước hình như muốn đẩy bớt những vấn đề xã hội về cho người dân phải tự giải quyết.

Bộ Chính trị đề nghị:

Trung ương cho tiếp thu những ý kiến xác đáng để chỉnh lý trong Dự thảo những đoạn viết về giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc.

Những năm qua, Đảng và Nhà nước đã cố gắng giải quyết nhiều vấn đề xã hội bức xúc và thu được một số kết quả tích cực, nhất là về xóa đói giảm nghèo, tạo thêm nhiều việc làm mới, chăm sóc sức khỏe của nhân dân... Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, việc giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc, như nhân dân đã góp ý kiến, còn chậm và chưa mạnh mẽ. Điều chưa yên tâm nhất là, nhìn chung, đời sống nông dân còn rất nhiều khó khăn; đồng bào các vùng nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số chưa được hưởng bao nhiêu thành quả của đổi mới;

tình trạng phân hóa giàu nghèo, giữa thành thị và nông thôn ngày càng doãng ra.

Chúng ta cần nhấn mạnh trong Dự thảo tinh thần "tích cực và tập trung sức giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc" và chủ trương của Đảng ta là: Nhà nước tiếp tục tăng nguồn lực, đầu tư tập trung cho các chương trình, mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm; về giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, dân số, gia đình, trẻ em...; quan tâm các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đồng thời, phát huy tiềm năng, trí tuệ và các nguồn lực vật chất trong nhân dân, của toàn xã hội để cùng Nhà nước giải quyết các vấn đề xã hội.

10. Một số vấn đề về Đảng

Một số vấn đề cụ thể quan trọng:

a) Về xây dựng, chỉnh đốn Đảng

- Ý kiến chung là: công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng vừa qua đạt kết quả rất thấp, chưa tạo được chuyển biến đáng kể; do vậy, đề nghị tiêu đề của mục này nên viết lại là: "Đổi mới và chỉnh đốn Đảng nhằm nâng cao phẩm chất, vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng".

- Có ý kiến đề nghị bổ sung thêm một mục nhỏ: "Chỉnh huấn trong Đảng" từ chi bộ đến Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Có ý kiến cho rằng, trong tình hình hiện nay, cần nhấn mạnh vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng là việc làm cấp bách, không thể để kéo dài hết đại hội này sang đại hội khác. Đẩy

mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng không nên dừng lại và ru ngủ bằng những phương châm đúng, nhưng rất chung chung, nói mà không làm.

Bộ Chính trị nhận thấy:

Nhân dân hết sức quan tâm đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi đây là một vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và chế độ ta. Những năm qua, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã được quan tâm hơn, nhưng nhìn chung, chưa đạt yêu cầu. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, trước hết là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, chưa tập trung công sức chăm lo đầy đủ công tác xây dựng Đảng. Từ việc giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, bồi dưỡng, nâng cao năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ, đảng viên đến việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tăng cường đoàn kết nội bộ, đổi mới phương thức lãnh đạo..., bên cạnh những thành tựu, chúng ta còn nhiều khuyết điểm, hạn chế. Đảng có trách nhiệm trong việc để kéo dài nhiều tiêu cực và mặt yếu kém trong bộ máy Đảng, Nhà nước và trong xã hội.

Bộ Chính trị đề nghị:

Trung ương cho nhấn mạnh trong Dự thảo: "*Trong những năm tới, phải dành nhiều công sức tạo được một sự chuyển biến tích cực về xây dựng Đảng, làm cho Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đoàn kết nhất trí cao, gắn bó mật thiết với nhân dân, có phương thức lãnh đạo khoa học, có đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất và năng lực. Đây là nhiệm vụ then chốt, là đòi hỏi có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và nhân dân ta*" (trang 37).

b) Cách diễn đạt về Đảng

- Nhiều ý kiến đồng tình cách diễn đạt trong Dự thảo.

- Có ý kiến cho rằng, cách diễn đạt trong Dự thảo thực chất là thay đổi bản chất của Đảng, từ bỏ tính giai cấp của Đảng.

- Có ý kiến cho rằng, nên bỏ đoạn "đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động", vì "nhân dân lao động cũng là nằm trong dân tộc rồi", cách diễn đạt của Dự thảo như vậy làm cho hiểu rằng, có "hai đội tiên phong", không chặt chẽ; là đã tách giai cấp công nhân ra khỏi dân tộc, tạo nên thứ bậc trong xã hội, ảnh hưởng không tốt đến khối đại đoàn kết.

- Một số ý kiến đề nghị, nếu thấy chưa cần thiết phải thay đổi, thì giữ như Điều lệ Đảng hiện hành.

- Một số ý kiến đề nghị diễn đạt lại như sau: "Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam; đi tiên phong trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và xây dựng chủ nghĩa xã hội; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc", hoặc "Đảng là lực lượng tiên phong của mọi giai cấp. Đảng lãnh đạo quần chúng nhân dân xây dựng đất nước ngày càng giầu đẹp, dân chủ, văn minh".

- Có ý kiến đề nghị cần loại bỏ tính giai cấp ra khỏi khái niệm về Đảng và thay vào đó là tính dân tộc. Cho rằng, trước đây nêu tính giai cấp là đúng, nhưng nay đất nước đã hoàn toàn được giải phóng thì chủ nghĩa Mác - Lênin đã bộc lộ sai lầm ở cấp độ các tiền đề, mà một trong những tiền đề đó là vấn đề giai cấp. Trong công cuộc đổi mới hiện nay, Đảng ta đã nhận ra sai lầm đó và sửa bằng việc giải phóng năng lực

sáng tạo của toàn bộ dân tộc, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, nên tính dân tộc nổi lên rõ.

Bộ Chính trị nhận thấy:

Đây là vấn đề đã được thảo luận nhiều lần ở Trung ương, ở đại hội đảng bộ các cấp và đã được biểu quyết với đa số tán thành. Cách diễn đạt như trong Dự thảo là phù hợp với tình hình mới, yêu cầu mới và trung thành với tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng, hoàn toàn không làm thay đổi bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Do đó, đề nghị Trung ương cho giữ cách diễn đạt như trong Dự thảo: "*Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc*" (trang 37).

c) Về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị

- Một số ý kiến cho rằng, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị còn quá cồng kềnh, chồng chéo, trùng lắp nhau, kém hiệu quả. Các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ có xu hướng phình ra, thêm nhiều ban, vụ, cục, phòng, viện, trung tâm..., người đông mà kết quả ít, gây khó khăn cho nhau và cho việc điều hành đất nước, đẻ ra một hệ thống quan liêu, hành chính hóa. Một số ban của Đảng làm trùng công việc của các bộ bên Chính phủ; một số ban Đảng ở địa phương đã giải thể, nhưng ở Trung ương thì vẫn giữ. Hoạt động của hệ thống tổ chức của Đảng như Ban Cán sự Đảng, đảng đoàn, đảng ủy khối... chưa được tổng kết để rút kinh nghiệm.

- Một số ý kiến cho rằng, Trung ương không thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII) về kiện

toàn tổ chức bộ máy; không kiên quyết, còn nể nang, do dự, không dứt khoát.

Bộ Chính trị đề nghị:

Trung ương cho tiếp thu ý kiến trên để sửa tiêu đề mục 4 của phần XII "*Đổi mới công tác cán bộ*" thành "*Đổi mới tổ chức, bộ máy và công tác cán bộ*" và mở đầu mục bằng đoạn viết sau đây:

"*Sắp xếp, đổi mới tổ chức, bộ máy của Đảng, đặc biệt là các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng ủy khối ở Trung ương và các địa phương gắn liền với kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, bảo đảm tinh gọn, khắc phục tình trạng cồng kềnh, nhiều đầu mối, tầng nấc trung gian, chồng chéo, trùng lắp; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan và người đứng đầu không rõ ràng. Tổ chức cơ quan tham mưu chuyên trách của Đảng có chất lượng cao, đồng thời, phát huy vai trò của các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.*

Cải tiến lề lối làm việc, nâng cao chất lượng nghiên cứu, tham mưu, đề xuất, hướng dẫn kiểm tra của các cơ quan tham mưu của Đảng. Tăng cường sự phối hợp giữa các ban cán sự đảng, đảng đoàn với cấp ủy địa phương" (trang 39).

d) Vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân

- Đa số ý kiến đồng tình với chủ trương "đảng viên làm kinh tế tư nhân không giới hạn về quy mô", với những lập luận: đây là một chủ trương đúng, phù hợp tình hình thực tế nước ta hiện nay; là bước chuyển biến quan trọng, thể hiện sự đổi mới tư duy của Đảng, chắc chắn sẽ tạo ra sinh khí mới

trong Đảng và nhân dân để chấn hưng đất nước; thể hiện vai trò tiên phong của đảng viên trong phát triển kinh tế, giúp nhân dân thoát nghèo.

- Một số ý kiến khác không tán thành, cho rằng chủ trương như thế là trái với lập trường giai cấp, với nguyên tắc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; là giáo điều, sao chép kinh nghiệm bên ngoài; là xuất phát từ thuyết "duy lực lượng sản xuất" để giải quyết vấn đề đảng viên; là khuyến khích đảng viên "bóc lột", làm cho Đảng "đổi màu", đảng viên "biến chất", mắc mưu của các thế lực thù địch, "để lại nguy hại lâu dài" cho Đảng.

- Một số ý kiến đồng ý cho đảng viên làm kinh tế tư nhân nhưng phải có những quy định chặt chẽ, bảo đảm cho đảng viên không biến chất; đồng thời có biện pháp tạo sự thống nhất trong toàn Đảng.

- Có ý kiến cho rằng, quy định của Trung ương đối với đảng viên làm kinh tế tư nhân là gì, nên viết rõ cho mọi người biết.

Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân đã được Ban Chấp hành Trung ương thảo luận qua 3 Hội nghị Trung ương và cũng đã được thảo luận ở đại hội đảng các cấp, được đa số tán thành để đi tới kết luận như trong Dự thảo. Đó là một bước tiến quan trọng trong tư duy của Đảng ta. Tuy nhiên, đây là vấn đề rất hệ trọng, nhạy cảm, liên quan đến quan điểm cơ bản truyền thống chúng ta, cho nên còn có những ý kiến chưa đồng tình, thậm chí phản ứng gay gắt là điều dễ hiểu. Sự lo lắng của một số đồng chí về sự tha hóa, biến chất của Đảng ta là hoàn toàn chính đáng, cần rất lưu tâm.

Điều chúng ta thấy trong thực tế là, số đảng viên làm chủ doanh nghiệp tư nhân ở nước ta mới chiếm khoảng 0,05% tổng số đảng viên, 1,9% tổng số chủ doanh nghiệp tư nhân, với quy mô và số lượng rất nhỏ bé. Phần đông họ là những cán bộ, đảng viên đã từng làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước nay về hưu, về nghỉ mất sức, hoặc là bộ đội xuất ngũ, công an chuyển ngành, đã được Đảng và Nhà nước đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ. Hầu hết đều gương mẫu chấp hành Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước. Nhìn chung dư luận xã hội hiện nay chưa có băn khoăn nhiều về việc đảng viên làm chủ doanh nghiệp tư nhân. Vả lại, theo luật pháp hiện hành, những cán bộ, đảng viên đang trong biên chế nhà nước, tại chức, tại ngũ không được làm chủ doanh nghiệp tư nhân, nên không đến nỗi quá lo về việc đảng viên là chủ doanh nghiệp tư nhân lợi dụng cương vị, chức quyền để vun vén cho doanh nghiệp tư nhân của mình (nếu có người làm chui, làm ngầm là họ vi phạm pháp luật). Chúng ta khẳng định cho đảng viên làm kinh tế tư nhân nhưng với những quy định và điều kiện bảo đảm vừa phát huy khả năng làm kinh tế của đảng viên vừa giữ được tư cách đảng viên, không làm biến chất Đảng. Đảng viên làm kinh tế tư nhân không chỉ làm theo pháp luật của Nhà nước như một công dân bình thường, mà còn phải làm theo nghĩa vụ và trách nhiệm của một đảng viên, phải chấp hành Điều lệ và những quy định cụ thể của Đảng.

Vì vậy, xin kiến nghị:

Cho giữ như trong Dự thảo: "*Đảng viên làm kinh tế tư nhân không giới hạn về quy mô, phải gương mẫu chấp hành*

Điều lệ Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước và quy định cụ thể của Ban Chấp hành Trung ương" (trang 38).

Những quy định cụ thể đối với đảng viên làm kinh tế tư nhân do Ban Chấp hành Trung ương khóa X quy định. Dự kiến bước đầu có thể là:

- Đảng viên không thuộc phạm vi điều chỉnh của Pháp lệnh công chức và Luật phòng, chống tham nhũng; đảng viên không ở trong biên chế của hệ thống chính trị (Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội), không tại ngũ quân đội và công an.

- Phải trực tiếp tham gia lao động: lao động chân tay, lao động quản lý, lao động điều hành sản xuất, lao động kỹ thuật ở doanh nghiệp do đảng viên làm chủ.

- Gương mẫu chấp hành Điều lệ Đảng, các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước; quan hệ bình đẳng, thân ái, tôn trọng lẫn nhau, thực hiện phân phối dân chủ, công bằng theo kết quả lao động và mức đóng góp vốn, thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội đối với người lao động; tham gia các hoạt động công ích và xã hội.

- Tạo điều kiện cho các tổ chức đảng, đoàn thể nhân dân trong doanh nghiệp của mình hoạt động thuận lợi.

- Giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống lành mạnh; giáo dục những người thân trong gia đình chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Khi có điều kiện, tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp của mình để công nhân mua cổ phần và tham gia quản lý doanh nghiệp; đương nhiên, đảng viên là chủ doanh nghiệp vẫn được nắm phần lớn cổ phần và làm giám đốc hoặc chủ tịch hội đồng quản trị.

- Chịu sự kiểm tra, giám sát và quản lý của tổ chức đảng nơi mình sinh hoạt và nơi cư trú.

Đề nghị Trung ương cho khẩn trương chuẩn bị để sau Đại hội X sớm công bố những quy định cụ thể đối với đảng viên làm kinh tế tư nhân.

Kính trình Ban Chấp hành Trung ương cho ý kiến.

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ 14
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

Số 56-NQ/TW, ngày 24 tháng 3 năm 2006

Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX họp tại Hà Nội, từ ngày 20-3 đến ngày 24-3-2006, sau khi xem xét và thảo luận các báo cáo và Tờ trình của Bộ Chính trị, quyết nghị:

1. Tán thành các nội dung đã nêu trong Báo cáo của Bộ Chính trị về việc tiếp thu ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên và nhân dân để hoàn chỉnh dự thảo Báo cáo chính trị và các dự thảo văn kiện khác trình Đại hội X của Đảng.

Thông qua về cơ bản các dự thảo văn kiện trình Đại hội X; giao Bộ Chính trị, căn cứ vào ý kiến thảo luận của Ban Chấp hành Trung ương, bản tiếp thu và giải trình của Bộ Chính trị, kết quả biểu quyết tại Hội nghị và ý kiến sửa chữa trực tiếp vào văn bản của các đồng chí Ủy viên Trung ương để hoàn chỉnh lần cuối các văn kiện trình Đại hội X của Đảng, gồm:

- Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về "Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện

công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển";

- Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010;

- Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác xây dựng Đảng;

- Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về một số vấn đề bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng và dự thảo Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi);

- Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX;

- Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII trên lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong nhiệm kỳ Đại hội IX.

2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định triệu tập Đại hội X của Đảng từ ngày 17-4 đến ngày 25-4-2006, trong đó họp phiên trù bị ngày 17-4, khai mạc chính thức vào ngày 18-4-2006.

3. Thông qua dự thảo Quy chế làm việc của Đại hội X, dự thảo Quy chế bầu cử Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X. Giao Bộ Chính trị căn cứ vào ý kiến đóng góp của Ban Chấp hành Trung ương, hoàn chỉnh các dự thảo quy chế để trình Đại hội X của Đảng.

4. Quyết định đề nghị với Đại hội để bầu số lượng Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương khóa X là 160 đồng chí, số lượng Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương khóa X là 25 đồng chí.

5. Thông qua danh sách 206 đồng chí được Ban Chấp hành Trung ương khóa IX giới thiệu ứng cử Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa X để trình Đại hội X xem xét, gồm 175 đồng chí được giới thiệu ứng cử Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương khóa X và 31 đồng chí được giới thiệu ứng cử Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương khóa X.

6. Thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách về Đảng đối với đồng chí Hoàng Công Hoàn, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn.

7. Giao Bộ Chính trị, căn cứ vào ý kiến của Ban Chấp hành Trung ương thảo luận về số lượng, cơ cấu Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X để chỉ đạo chuẩn bị tiếp phương án nhân sự Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X, trình Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương xem xét, quyết định để giới thiệu với Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X.

8. Giao Bộ Chính trị chỉ đạo Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội và các cơ quan chức năng tiếp tục làm tốt các công việc còn lại để bảo đảm Đại hội X của Đảng thành công tốt đẹp.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 14
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

Ngày 24 tháng 3 năm 2006

Thưa các đồng chí Trung ương,

Sau 5 ngày làm việc tích cực, khẩn trương, với tinh thần trách nhiệm cao, Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã hoàn thành tốt đẹp những nhiệm vụ đề ra.

Trong khi xem xét và cho ý kiến lần cuối về các dự thảo văn kiện trình Đại hội X, Ban Chấp hành Trung ương bày tỏ sự cảm ơn chân thành và trân trọng cán bộ, đảng viên và nhân dân đã nhiệt tình góp ý kiến với Đảng, tiếp thu những ý kiến hợp lý, xác đáng để hoàn chỉnh các dự thảo văn kiện, đồng thời để chỉ đạo trong hoạt động thực tiễn. Đối với những vấn đề còn có nhiều ý kiến khác nhau, chưa thể giải quyết ngay trong Đại hội này, Trung ương xin ghi nhận và cho tiếp tục nghiên cứu sau Đại hội. Những ý kiến mà Trung ương quyết định tiếp thu lần này đều tập trung vào làm rõ và làm sâu sắc thêm nội dung các vấn đề trọng yếu nhất thuộc về

chủ đề của Đại hội, về kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và nhìn lại 20 năm đổi mới, về phương hướng và các giải pháp để phát triển đất nước trong thời kỳ 5 năm tới trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, hệ thống chính trị, đặc biệt là về nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, làm cho Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, xứng đáng với vai trò lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ mới; đồng thời Trung ương cũng đã điều chỉnh việc diễn đạt các khái niệm và sử dụng từ ngữ trong các văn kiện cho chính xác hơn. Với những điểm bổ sung và sửa chữa lần này, các dự thảo văn kiện được hoàn chỉnh, thực sự là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng và toàn dân ta.

Về giới thiệu nhân sự ứng cử Ban Chấp hành Trung ương khóa X, trên cơ sở cẩn trọng xem xét, cân nhắc, lựa chọn, bổ sung vào kết quả đạt được tại Hội nghị lần thứ 13, Hội nghị Trung ương lần này đã nhất trí thông qua danh sách để giới thiệu với Đại hội X.

Ban Chấp hành Trung ương cũng đã quyết định về thời gian họp Đại hội, thông qua dự kiến Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội X để trình Đại hội quyết định.

Với thành công của Hội nghị lần thứ 14, Ban Chấp hành Trung ương khóa IX đã nêu cao tinh thần đoàn kết, ý thức trách nhiệm, nguyên tắc tập trung dân chủ, hoàn thành cơ bản chương trình toàn khóa, chuẩn bị chu đáo cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng. Việc chuẩn bị các văn kiện và phương án giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa X đều thuộc trách nhiệm của Ban Chấp hành

Trung ương khóa IX, song quyết định về những vấn đề trọng đại nói trên là thuộc thẩm quyền của Đại hội.

Thưa các đồng chí,

Từ nay đến ngày khai mạc Đại hội X, thời gian còn rất ít. Cùng với việc khẩn trương hoàn chỉnh các văn kiện để trình Đại hội, chúng ta còn phải dành nhiều công sức cho công tác tổ chức về mọi mặt để bảo đảm thành công của Đại hội. Đồng thời, các cấp ủy đảng, các cơ quan Nhà nước, các địa phương và cơ sở đều phải thúc đẩy mạnh mẽ hơn việc thực hiện những nhiệm vụ của kế hoạch nhà nước năm 2006, tiếp tục đà thuận lợi của quý I, bước sang quý II với nhiều cố gắng mới và thành tựu mới. Chúng ta phải tiếp tục giữ vững và tăng cường ổn định chính trị xã hội, giải quyết kịp thời và đúng đắn những vấn đề mới nảy sinh về đối nội và đối ngoại nhằm tạo nên sự phát triển hài hoà, vững chắc; đẩy mạnh phong trào thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội lần thứ X của Đảng đạt hiệu quả thiết thực.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị Trung ương lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX).

Chúc các đồng chí mạnh khỏe và hạnh phúc.

Xin trân trọng cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ 14
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

Từ ngày 20-3 đến ngày 24-3-2006, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã họp Hội nghị lần thứ 14 tại Thủ đô Hà Nội để tiếp tục công việc chuẩn bị Đại hội X của Đảng. Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã chủ trì Hội nghị, đọc lời khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Ban Chấp hành Trung ương đã nghe báo cáo về ý kiến đóng góp của nhân dân vào dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội X của Đảng. Sau khi toàn văn dự thảo Báo cáo chính trị được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong một tháng, từ ngày 3 tháng 2 đến ngày 3 tháng 3 vừa qua, hàng vạn ý kiến của các tầng lớp nhân dân, cán bộ, đảng viên thuộc nhiều lứa tuổi, nhiều giới, nhiều dân tộc, ở các vùng miền trong cả nước, của người Việt Nam học tập, sinh sống xa Tổ quốc và kiều bào định cư ở nước ngoài đã gửi đến Văn phòng Trung ương Đảng, các cơ quan, đoàn thể, các báo, đài đóng góp với dự thảo Báo cáo chính trị. Nhìn chung, các ý kiến đều rất thẳng thắn, tâm huyết, thể hiện tinh thần trách nhiệm với Đảng, với dân tộc, mong muốn Đảng ta ngày càng vững mạnh, đất nước ta ngày càng phát triển.

Ban Chấp hành Trung ương bày tỏ sự trân trọng cảm ơn các tầng lớp nhân dân, cán bộ, đảng viên đã nhiệt tình góp nhiều ý kiến sâu sắc, tâm huyết với Đảng. Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận nghiêm túc, tiếp thu tối đa những ý kiến hợp lý, xác đáng để làm cho các văn kiện Đại hội thực sự là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân ta. Đối với một số vấn đề phức tạp, còn có ý kiến khác nhau, Ban Chấp hành Trung ương xin lắng nghe và cho tiếp tục nghiên cứu sau Đại hội, đồng thời kiên quyết phê phán và dứt khoát bác bỏ những ý kiến mang động cơ xấu, chống đối, thù địch, lợi dụng việc góp ý với Báo cáo chính trị để xuyên tạc, vu cáo, bôi nhọ Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị căn cứ ý kiến của Ban Chấp hành Trung ương đối với các ý kiến đóng góp của nhân dân tại hội nghị này để hoàn chỉnh lần cuối các văn kiện trình Đại hội X của Đảng.

Hội nghị Trung ương 14 đã tiếp tục xem xét công tác chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa X. Ban Chấp hành Trung ương đã biểu quyết thông qua danh sách nhân sự giới thiệu ứng cử Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa X để trình Đại hội X.

Hội nghị Trung ương 14 đã cho ý kiến về dự kiến Chương trình Đại hội và dự thảo Quy chế làm việc của Đại hội, Quy chế bầu cử Ban Chấp hành Trung ương khóa X và giao cho Bộ Chính trị căn cứ ý kiến của Ban Chấp hành Trung ương hoàn chỉnh các văn bản này trình Đại hội X của Đảng xem xét, quyết định. Ban Chấp hành Trung ương quyết định triệu tập Đại hội X của Đảng từ 18-4 đến 25-4-2006 tại Thủ đô Hà Nội.

Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét, quyết định thi hành kỷ luật Đảng bằng hình thức khiển trách đối với đồng chí Hoàng Công Hoàn, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn, vì có khuyết điểm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, có biểu hiện vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ và lề lối làm việc của Đảng.

Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX đã làm việc nghiêm túc, dân chủ, thể hiện sự nhất trí cao về những vấn đề được đưa ra thảo luận, quyết định.

Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phát huy những kết quả quan trọng đã đạt được trong năm 2005 và những năm đổi mới vừa qua, tăng cường đoàn kết, thống nhất tư tưởng và hành động, phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2006, thi đua lập thành tích cao nhất chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 162-QĐ/TW, ngày 3 tháng 4 năm 2006

Thành lập Bộ phận chuyên viên giúp việc Đoàn Thư ký Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng

- Để phục vụ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và trực tiếp giúp việc Đoàn Thư ký Đại hội;
- Xét đề nghị của Văn phòng Trung ương Đảng,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Bộ phận chuyên viên giúp việc Đoàn Thư ký Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, gồm 106 đồng chí (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Bộ phận chuyên viên có trách nhiệm giúp việc Đoàn Thư ký Đại hội theo yêu cầu của Đoàn Thư ký Đại hội và do lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng trực tiếp chỉ đạo, điều hành công việc.

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng, các ban Trung ương Đảng có liên quan và các đồng chí có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

DANH SÁCH
BỘ PHẬN CHUYÊN VIÊN GIÚP VIỆC
ĐOÀN THƯ KÝ ĐẠI HỘI X

(Ban hành kèm theo Quyết định số 162-QĐ/TW, ngày 3-4-2006)

I- VĂN PHÒNG TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

1. Đồng chí Trần Quốc Vượng, Phó Chánh Văn phòng Thường trực

2. Đồng chí Hoàng Thanh Khiết, Phó Chánh Văn phòng Trung ương

3. Đồng chí Hồ Mẫu Ngoạt, Phó Chánh Văn phòng Trung ương

4. Đồng chí Nguyễn Văn Thạo, Phó Chánh Văn phòng Trung ương

5. Đồng chí Nguyễn Mạnh Tuấn, Phó Chánh Văn phòng Trung ương

6. Đồng chí Lê Đức Thắng, Vụ trưởng

7. Đồng chí Nguyễn Hữu Từ, Vụ trưởng

8. Đồng chí Vũ Việt Dũng, Phó Vụ trưởng

9. Đồng chí Trịnh Châu Giang, Phó Vụ trưởng

10. Đồng chí Dương Huy Toàn, Phó Vụ trưởng

11. Đồng chí Bùi Văn Hưng, Phó Vụ trưởng
12. Đồng chí Trịnh Xuân Toản, Phó Vụ trưởng
13. Đồng chí Lê Văn Hùng, Phó Vụ trưởng
14. Đồng chí Nguyễn Thị Minh Ngọc, Phó Vụ trưởng
15. Đồng chí Nguyễn Văn Khảo, Phó Vụ trưởng
16. Đồng chí Mai Xuân Sang, Phó Vụ trưởng
17. Đồng chí Nguyễn Đức Dy, Phó Vụ trưởng
18. Đồng chí Phạm Chí Thành, Chuyên viên chính
19. Đồng chí Bùi Quang Liễu, Vụ trưởng
20. Đồng chí Trần Minh Thế, Phó Vụ trưởng
21. Đồng chí Nguyễn Văn Bắc, Phó Vụ trưởng
22. Đồng chí Mạc Văn Khoái, Phó Vụ trưởng
23. Đồng chí Phạm Thị Vịnh, Phó Vụ trưởng
24. Đồng chí Nguyễn Minh Hiền, Phó Vụ trưởng
25. Đồng chí Phạm Ngọc Thăng, Phó Vụ trưởng
26. Đồng chí Nguyễn Nhung, Phó Vụ trưởng
27. Đồng chí Trần Quyết Thắng, Phó Vụ trưởng
28. Đồng chí Nguyễn Hữu Tá, Chuyên viên chính
29. Đồng chí Bùi Hữu Phúc, Chuyên viên chính
30. Đồng chí Phan Quang Thìn, Phó Vụ trưởng
31. Đồng chí Nguyễn Quang Huấn, Phó Vụ trưởng
32. Đồng chí Bùi Văn Nghị, Phó Vụ trưởng
33. Đồng chí Trần Quang Lựu, Phó Vụ trưởng
34. Đồng chí Nguyễn Xuân Quang, Phó Vụ trưởng
35. Đồng chí Lâm Văn Diệp, Phó Vụ trưởng
36. Đồng chí Nguyễn Văn Dựa, Phó Vụ trưởng
37. Đồng chí Hồ Thanh Hải, Vụ trưởng
38. Đồng chí Nguyễn Đắc Dũng, Phó Vụ trưởng
39. Đồng chí Nguyễn Đức Hiệu, Phó Vụ trưởng

40. Đồng chí Nguyễn Lãng, Phó Vụ trưởng
41. Đồng chí Võ Văn Vịnh, Phó Vụ trưởng
42. Đồng chí Đàm Kiến Lập, Chuyên viên chính
43. Đồng chí Bùi Văn Thạch, Vụ trưởng
44. Đồng chí Lê Sĩ Bình, Phó Vụ trưởng
45. Đồng chí Trần Minh Hải, Phó Vụ trưởng
46. Đồng chí Phạm Văn Nghĩa, Chuyên viên cao cấp
47. Đồng chí Lương Ngọc Tham, Chuyên viên chính
48. Đồng chí Lê Văn Thùy, Chuyên viên chính
49. Đồng chí Trần Văn Tiến, Chuyên viên chính
50. Đồng chí Hoàng Nam, Chuyên viên chính
51. Đồng chí Trần Thị Kim Ngân, Chuyên viên chính
52. Đồng chí Nguyễn Thị Ánh Hồng, Chuyên viên chính
53. Đồng chí Vũ Ngọc Lơn, Vụ trưởng
54. Đồng chí Dương Công Viên, Phó Vụ trưởng
55. Đồng chí Nguyễn Huy Tư, Chuyên viên cao cấp
56. Đồng chí Trần Xuân Hồng, Chuyên viên chính
57. Đồng chí Trần Công Đoàn, Chuyên viên chính
58. Đồng chí Nguyễn Uyên Minh, Chuyên viên chính
59. Đồng chí Vũ Thị Minh, Chuyên viên chính
60. Đồng chí Nguyễn Anh Minh, Chuyên viên chính
61. Đồng chí Lê Quang Vĩnh, Vụ trưởng
62. Đồng chí Nguyễn Thanh Hiền, Phó Vụ trưởng
63. Đồng chí Đinh Văn Đường, Phó Vụ trưởng
64. Đồng chí Nguyễn Thị Thành, Phó Vụ trưởng
65. Đồng chí Vũ Duy Lợi, Giám đốc
66. Đồng chí Hoàng Anh Tuấn, Phó Giám đốc
67. Đồng chí Hoàng Quốc Tuấn, Vụ trưởng
68. Đồng chí Nguyễn Văn Lanh, Cục trưởng

69. Đồng chí Hoàng Bạch Yến, Phó Cục trưởng
70. Đồng chí Trần Minh Hoàng, Phó Cục trưởng
71. Đồng chí Nguyễn Thị Nga, Phó Cục trưởng
72. Đồng chí Trần Xuân Hồng, Vụ trưởng
73. Đồng chí Trịnh Văn Công, Phó Vụ trưởng
74. Đồng chí Nguyễn Thế Nhị, Phó Vụ trưởng

II- BAN TỔ CHỨC TRUNG ƯƠNG

1. Đồng chí Phạm Văn Dương, Phó Vụ trưởng
2. Đồng chí Lê Thành Can, Phó Vụ trưởng
3. Đồng chí Đào Ngọc Lung, Phó Vụ trưởng

III- ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

1. Đồng chí Hoàng Đình Chà, Chánh Văn phòng
2. Đồng chí Nguyễn Quảng Yên, Phó Vụ trưởng Vụ I
3. Đồng chí Trần Hậu Bé, Phó Vụ trưởng Vụ III

IV- BAN TƯ TƯỞNG - VĂN HÓA TRUNG ƯƠNG

1. Đồng chí Ngô Văn Thạo, Vụ trưởng
2. Đồng chí Bùi Thế Đức, Phó Vụ trưởng
3. Đồng chí Trần Thị Quỳnh Hoa, Phó Chánh Văn phòng

V- BAN BẢO VỆ CHÍNH TRỊ NỘI BỘ TRUNG ƯƠNG

1. Đồng chí Phan Hữu Tích, Vụ trưởng
2. Đồng chí Nguyễn Kim Hồng, Vụ trưởng
3. Đồng chí Lê Thanh Hà, quyền Vụ trưởng

VI- BAN ĐỐI NGOẠI TRUNG ƯƠNG

1. Đồng chí Nguyễn Hoàng Sơn, Vụ trưởng
2. Đồng chí Nguyễn Tiến Ngọc, Vụ trưởng
3. Đồng chí Đoàn Ngọc Cảnh, Vụ trưởng

VII- BAN KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

1. Đồng chí Hoàng Ngọc Vĩnh, Vụ trưởng
2. Đồng chí Cao Ngọc Xuyên, Vụ trưởng
3. Đồng chí Ngô Quý Minh, Phó Vụ trưởng

VIII- BAN KHOA GIÁO TRUNG ƯƠNG

1. Đồng chí Nguyễn Hữu Chí, quyền Vụ trưởng
2. Đồng chí Nguyễn Tiến Hoàng, Phó Vụ trưởng
3. Đồng chí Nguyễn Văn Bách, Phó Chánh Văn phòng

IX- BAN NỘI CHÍNH TRUNG ƯƠNG

1. Đồng chí Đào Trọng Chương, Phó Vụ trưởng
2. Đồng chí Nguyễn Khắc Hợp, Phó Vụ trưởng
3. Đồng chí Lê Văn Lân, Phó Vụ trưởng

X- BAN DÂN VẬN TRUNG ƯƠNG

1. Đồng chí Nguyễn Văn Hùng, Giám đốc
2. Đồng chí Nguyễn Thanh Tuyền, Tổng Biên tập
3. Đồng chí Nhâm Văn Duy, Vụ trưởng

VI- BỘ PHẬN THƯỜNG TRỰC BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG 6 (2)[1)]

1. Đồng chí Ngụy Văn Thận, Phó trưởng Bộ phận
2. Đồng chí Lưu Quang Quán, Vụ trưởng
3. Đồng chí Nguyễn Bá Cầu, Phó Vụ trưởng
4. Đồng chí Đoàn Văn Hùng, Phó Vụ trưởng
5. Đồng chí Nguyễn Văn Tiếp, Phó Vụ trưởng.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

---

1) Thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII (tháng 2-1999), Bộ Chính trị đã ra quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) và bộ phận Thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo để thường xuyên theo dõi và tham mưu giúp việc Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí *(B.T)*.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 214-TB/TW, ngày 11 tháng 4 năm 2006

Về Đề án quy hoạch chi tiết tổng mặt bằng khu Trụ sở Trung ương Đảng đến năm 2020

Tại phiên họp ngày 8-4-2006, sau khi nghe Ban Tài chính - Quản trị Trung ương báo cáo về đề án quy hoạch chi tiết tổng thể mặt bằng khu Trụ sở Trung ương Đảng đến năm 2020 (Tờ trình số 280-TTr/BTCQTTW, ngày 5-4-2006), Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Về cơ bản đồng ý với phương án số 1 (phương án lựa chọn) về quy hoạch khu Trụ sở Trung ương do Ban Tài chính - Quản trị Trung ương trình. Đồng thời lưu ý:

- Cần xem xét quy hoạch khu Trụ sở Trung ương trong tổng thể quy hoạch của Khu Trung tâm chính trị Ba Đình, bảo đảm sự hài hòa về kiến trúc, tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật, độ cao, mật độ xây dựng và phù hợp với cảnh quan chung của khu vực; không lệ thuộc vào biên chế và chỗ làm việc của cán bộ các ban Đảng ở Trung ương để mở rộng diện tích.

- Thiết kế xây dựng các công trình cần lưu ý đến tận dụng tối đa việc xây dựng và khai thác sử dụng tầng ngầm

dưới mặt đất cho các hoạt động bổ trợ, để xe và các hoạt động khác.

- Có kế hoạch giải tỏa 2 khu tập thể tại 53 Phan Đình Phùng và số 4 Hoàng Diệu để bảo đảm cho việc thực hiện tốt công năng và an toàn của khu Trụ sở làm việc của Trung ương.

- Có phân kỳ đầu tư hợp lý, bảo đảm cân đối với việc triển khai xây dựng khu Nhà Quốc hội và phù hợp với cân đối đầu tư xây dựng chung của Nhà nước. Tránh tập trung xây dựng quá nhiều công trình lớn của Trung ương vào cùng thời điểm.

2. Căn cứ vào kết luận trên, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương hoàn chỉnh quy hoạch và xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo Bộ Xây dựng, thành phố Hà Nội và các cơ quan chức năng quản lý tốt quy hoạch Khu chính trị Ba Đình để bảo đảm ý nghĩa chính trị, văn hóa, lịch sử của khu vực này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 15
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX*

Ngày 14 tháng 4 năm 2006

Thưa các đồng chí Trung ương,

Hơn nửa tháng qua, ngay sau khi Hội nghị Trung ương 14 kết thúc, Bộ Chính trị đã tập trung chỉ đạo khẩn trương chuẩn bị các công việc còn lại để tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng. Cụ thể là: một mặt, Bộ Chính trị chỉ đạo các Tiểu ban Văn kiện và Bộ phận thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2), Bộ phận chuẩn bị Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX tiếp thu ý kiến của Trung ương và căn cứ giải trình của Bộ Chính trị tại Hội nghị Trung ương 14 để chỉnh lý lần cuối và hoàn chỉnh các văn kiện sẽ trình Đại hội; Bộ Chính trị cũng đã chỉ đạo Tiểu ban Nhân sự chuẩn bị phương án giới thiệu nhân sự Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X; chỉ đạo các ban của Đảng có liên quan và Văn phòng Trung ương tiếp tục hoàn thiện các dự thảo quy chế, chương trình chi tiết của Đại

---

* Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX họp từ ngày 14 đến ngày 15-4-2006 tại Thủ đô Hà Nội *(B.T)*.

hội. Mặt khác, Bộ Chính trị chỉ đạo Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội kiểm tra, soát xét lại lần cuối các công việc chuẩn bị về mặt tổ chức, bảo đảm vật chất và an toàn cho Đại hội.

Tại Hội nghị Trung ương 15 lần này, Bộ Chính trị xin trình Trung ương xem xét và thông qua Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về các văn kiện trình Đại hội X của Đảng; Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X; phương án nhân sự Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X để giới thiệu với Ban Chấp hành Trung ương khóa X xem xét và quyết định. Đồng thời, Bộ Chính trị trình Ban Chấp hành Trung ương dự kiến nhân sự Đoàn Chủ tịch Đại hội, Đoàn Thư ký Đại hội, Ban Thẩm tra tư cách đại biểu để trình Đại hội quyết định. Bộ Chính trị sẽ báo cáo với Trung ương về công tác tổ chức và phục vụ Đại hội.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Trung ương lần này là hội nghị cuối cùng của khóa IX. Với tính chất quan trọng của các vấn đề cần giải quyết, tôi đề nghị các đồng chí Ủy viên Trung ương nêu cao trách nhiệm, phát huy tinh thần dân chủ, tập thể trong thảo luận, có quyết định đúng đắn, chuẩn bị chu đáo về mọi mặt, bảo đảm cho sự thành công tốt đẹp của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX).

Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ 15
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

Số 57-NQ/TW, ngày 15 tháng 4 năm 2006

Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX họp tại Hà Nội, từ ngày 14-4 đến ngày 15-4-2006, sau khi xem xét và thảo luận các báo cáo và Tờ trình của Bộ Chính trị, quyết nghị:

1. Thông qua nội dung các dự thảo báo cáo trình Đại hội X:

- Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về các văn kiện trình Đại hội X của Đảng.

- Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X.

Giao Bộ Chính trị, căn cứ vào ý kiến thảo luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, bản tiếp thu và giải trình của Bộ Chính trị và ý kiến sửa chữa trực tiếp vào văn bản của các đồng chí Ủy viên Trung ương để hoàn chỉnh lần cuối các báo cáo nói trên trình Đại hội X của Đảng.

2. Thông qua dự kiến danh sách Đoàn Chủ tịch (24 đồng chí), Đoàn Thư ký (5 đồng chí) và Ban Thẩm tra tư cách đại biểu (13 đồng chí) tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X

của Đảng. Giao Bộ Chính trị chỉ đạo hoàn chỉnh văn bản trình Đại hội X xem xét, quyết định.

3. Thông qua phương án giới thiệu nhân sự Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X. Giao Bộ Chính trị khóa IX bàn giao kết quả giới thiệu nhân sự Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX để Ban Chấp hành Trung ương khóa X xem xét, quyết định.

4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã nghe các cơ quan chức năng báo cáo kết quả bước đầu điều tra về vụ án xảy ra tại Ban Quản lý các dự án 18, Bộ Giao thông vận tải và báo cáo về tình hình an ninh quốc gia trong thời gian gần đây.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khẳng định mạnh mẽ quyết tâm của Đảng, Nhà nước kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; tăng cường các biện pháp đảm bảo an ninh quốc gia, trước mắt đảm bảo an toàn cho Đại hội X của Đảng.

5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đồng ý về việc đồng chí Đào Đình Bình xin rút khỏi danh sách dự Đại hội X của Đảng.

6. Giao Bộ Chính trị chỉ đạo Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội và các cơ quan chức năng hoàn tất các công việc còn lại để bảo đảm Đại hội X của Đảng thành công tốt đẹp.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 15
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA IX

Ngày 15 tháng 4 năm 2006

Thưa các đồng chí Trung ương,

Hai ngày qua, với tinh thần làm việc khẩn trương, dân chủ, tập thể, trách nhiệm cao, Hội nghị Trung ương đã hoàn thành tốt đẹp những nhiệm vụ đề ra: Thông qua Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về các văn kiện trình Đại hội X của Đảng, Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa X; thông qua dự kiến danh sách Đoàn Chủ tịch, Đoàn Thư ký và Ban Thẩm tra tư cách đại biểu tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng để trình Đại hội X quyết định; thông qua phương án giới thiệu nhân sự Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X để Ban Chấp hành Trung ương khóa X xem xét, quyết định.

Ban Chấp hành Trung ương cũng đã nghe các cơ quan chức năng báo cáo kết quả điều tra bước đầu về vụ án xảy ra tại Ban Quản lý các dự án 18 (PMU18), Bộ Giao thông

vận tải và báo cáo về tình hình an ninh trước Đại hội X, khẳng định mạnh mẽ quyết tâm của Đảng, Nhà nước kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn cho Đại hội X của Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương đã giao cho Bộ Chính trị chỉ đạo Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội và các cơ quan chức năng hoàn tất các công việc còn lại để bảo đảm phục vụ tốt nhất cho Đại hội X của Đảng.

Thưa các đồng chí,

Với thành công của Hội nghị lần thứ 15 này, chúng ta có thể khẳng định rằng Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã hoàn thành tốt đẹp chương trình toàn khóa của mình.

Trong 5 năm qua, qua 15 kỳ Hội nghị Trung ương, Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cá nhân từng đồng chí Ủy viên Trung ương đã thể hiện tinh thần đoàn kết, nhất trí, làm việc dân chủ và tập thể, giữ vững các nguyên tắc về sinh hoạt đảng, đề cao tự phê bình và phê bình, hết lòng, hết sức chăm lo công việc chung của Đảng. Nhờ đó, chúng ta đã hoàn thành được nhiệm vụ, đưa Nghị quyết Đại hội IX vào cuộc sống và chuẩn bị mọi mặt cho Đại hội X của Đảng.

Chỉ còn vài ngày nữa là đến ngày khai mạc Đại hội X. Tôi đề nghị tất cả các đồng chí Ủy viên Trung ương chúng ta tiếp tục phát huy tinh thần trách nhiệm cao trước Đảng và trước nhân dân, làm hết sức mình cho thành công tốt đẹp của Đại hội. Chúng ta tin chắc rằng, toàn Đảng, toàn dân và toàn

quân ta đoàn kết một lòng hướng về Đại hội Đảng với niềm tin tưởng và phấn khởi.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX.

Xin trân trọng cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ 15
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

Trong hai ngày 14-4 và 15-4-2006, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã họp Hội nghị lần thứ 15 tại Thủ đô Hà Nội để hoàn tất công việc chuẩn bị Đại hội X của Đảng. Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chủ trì, phát biểu khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Hội nghị đã thông qua Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về các văn kiện trình Đại hội X của Đảng; Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa X; phương án nhân sự Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X để giới thiệu với Ban Chấp hành Trung ương khóa X xem xét, quyết định. Hội nghị cũng đã thống nhất dự kiến danh sách Đoàn Chủ tịch Đại hội, Đoàn Thư ký Đại hội, Ban Thẩm tra tư cách đại biểu để trình Đại hội quyết định.

Ban Chấp hành Trung ương đã nghe một số vấn đề liên quan đến việc chuẩn bị Đại hội; biểu dương sự cố gắng của các tiểu ban và các cơ quan chức năng trong thời gian vừa qua và yêu cầu tiếp tục chuẩn bị thật chu đáo về mọi mặt để bảo đảm cho sự thành công tốt đẹp của Đại hội.

Ban Chấp hành Trung ương cũng đã nghe các cơ quan chức năng báo cáo kết quả điều tra ban đầu vụ án xảy ra tại Ban Quản lý các dự án 18 (PMU18), Bộ Giao thông vận tải. Ban Chấp hành Trung ương khẳng định mạnh mẽ quyết tâm của Đảng, Nhà nước kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực; và yêu cầu các cơ quan chức năng tiếp tục nêu cao trách nhiệm trước Đảng, Nhà nước và nhân dân, điều tra, xử lý vụ án nghiêm minh, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm, nhưng cũng không để xảy ra oan, sai. Thông qua việc giải quyết vụ án này cần phân tích, đánh giá sâu sắc, chỉ rõ những khuyết điểm, yếu kém trong công tác quản lý kinh tế, tài chính, công tác xây dựng Đảng, nhất là quản lý cán bộ, đảng viên; để từ đó đề ra các giải pháp khắc phục, góp phần xây dựng Đảng ta, Nhà nước ta trong sạch, vững mạnh.

Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương đã làm việc nghiêm túc, dân chủ, hoàn thành chương trình đề ra, kết thúc thắng lợi toàn bộ chương trình hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương trong nhiệm kỳ khóa IX. Hội nghị bế mạc trong không khí phấn khởi, tràn đầy tin tưởng đón chào Đại hội Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phát huy những kết quả quan trọng đã đạt được, tăng cường đoàn kết, thống nhất tư tưởng và hành động, phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2006, thi đua lập thành tích cao nhất chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 163-QĐ/TW, ngày 15 tháng 4 năm 2006

Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong trường học, bệnh viện ngoài công lập

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Luật giáo dục, Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân và các quy định của Nhà nước về trường học, bệnh viện ngoài công lập,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong trường học, bệnh viện ngoài công lập như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong trường học, bệnh viện ngoài công lập là hạt nhân chính trị, lãnh đạo đảng viên và tuyên truyền, vận động các thành viên trong đơn vị thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện nghĩa vụ của đơn vị đối với Nhà nước và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên trong đơn vị; xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch vững mạnh.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị

1. Lãnh đạo đảng viên và tuyên truyền, vận động các thành viên trong đơn vị thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hợp đồng và thỏa ước lao động đã ký kết. Đoàn kết, động viên đảng viên và các thành viên trong đơn vị đề cao tinh thần trách nhiệm, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao; chủ động ngăn ngừa, khắc phục những biểu hiện vi phạm pháp luật và các tiêu cực trong việc thu học phí, viện phí, tuyển sinh, cấp văn bằng, chứng chỉ, khám, chữa bệnh, v.v..

2. Tham gia với chủ tịch hội đồng quản trị, hiệu trưởng, giám đốc xây dựng mục tiêu, định hướng phát triển của đơn vị, nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập, khám, chữa bệnh, nghiên cứu khoa học, công tác quản lý sinh viên, học sinh và chăm sóc, phục vụ người bệnh; xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hiện công khai, minh bạch về tài chính và bảo đảm công bằng về phân phối theo các quy định của Nhà nước.

3. Lãnh đạo đảng viên và tuyên truyền, vận động các thành viên trong đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong trường học, bệnh viện và địa phương nơi đơn vị đóng.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng

1. Giáo dục đảng viên và tuyên truyền, vận động các thành viên trong đơn vị tự giác chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật và các quy định của

Nhà nước, làm cho đảng viên, quần chúng trong đơn vị nắm vững chủ trương xã hội hóa giáo dục, y tế, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

2. Tuyên truyền, vận động các thành viên trong đơn vị xây dựng tinh thần đoàn kết, hợp tác, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, tích cực học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm, không vụ lợi, nâng cao phẩm chất đạo đức của người thầy giáo và y đức của người thầy thuốc.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ

1. Chủ động phối hợp với hội đồng quản trị, hiệu trưởng, giám đốc thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đảng, đoàn thể trong đơn vị có đủ phẩm chất, năng lực, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm.

2. Cấp ủy chủ động tham gia ý kiến với chủ tịch hội đồng quản trị, hiệu trưởng, giám đốc trong việc kiện toàn tổ chức, công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, nhận xét, đánh giá và bố trí sử dụng đội ngũ cán bộ trong đơn vị.

3. Đề xuất, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định các vấn đề về tổ chức, cán bộ thuộc thẩm quyền của cấp trên.

Điều 5. Lãnh đạo các đoàn thể nhân dân

1. Lãnh đạo xây dựng các đoàn thể nhân dân trong trường học, bệnh viện vững mạnh, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mỗi đoàn thể; giáo dục, động viên đoàn viên, hội viên đẩy mạnh các phong trào thi đua thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

2. Lãnh đạo ban chấp hành công đoàn chủ động phối hợp với chủ tịch hội đồng quản trị, hiệu trưởng, giám đốc giải quyết các vấn đề phát sinh giữa người lao động và người sử dụng lao động phù hợp với pháp luật hiện hành, hợp đồng và thỏa ước lao động đã ký kết; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của các thành viên trong đơn vị.

Điều 6. Xây dựng tổ chức đảng

1. Cấp ủy đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên.

2. Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, giữ gìn đoàn kết, thống nhất trong Đảng, thực hiện đúng các quy định về bảo vệ nội bộ; chống những biểu hiện tiêu cực làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng và đạo đức, tư cách của người đảng viên.

3. Giáo dục đảng viên nêu cao vai trò tiền phong gương mẫu, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, tích cực học tập nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ và tích cực đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực trong đơn vị.

4. Thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền và phát triển đảng viên, bảo đảm tiêu chuẩn và quy trình; chú trọng bồi dưỡng, tạo nguồn kết nạp Đảng là đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, thành viên trong bộ máy quản lý, điều hành của đơn vị và những quần chúng ưu tú giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Cấp ủy thường xuyên kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên thực hiện Điều lệ Đảng, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Định kỳ hằng năm, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng, trách nhiệm và vai trò tiền phong, gương mẫu của đảng viên.

6. Xây dựng cấp ủy, trước nhất là thường trực cấp ủy có đủ phẩm chất, năng lực, đoàn kết, gương mẫu, tiêu biểu cho đảng bộ, chi bộ và hoạt động có hiệu quả, được đảng viên, quần chúng tín nhiệm. Bí thư cấp ủy nên là cán bộ lãnh đạo, quản lý của đơn vị (thành viên hội đồng quản trị, ban giám hiệu, ban giám đốc).

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, HIỆU TRƯỞNG, GIÁM ĐỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN

Điều 7. Đối với hội đồng quản trị, hiệu trưởng, giám đốc

1. Cấp ủy xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp với hội đồng quản trị, hiệu trưởng, giám đốc vì mục tiêu xây dựng và phát triển đơn vị. Hội đồng quản trị, hiệu trưởng, giám đốc tạo điều kiện để đảng bộ, chi bộ thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

2. Sau mỗi học kỳ, năm học (đối với nhà trường), hàng quý (đối với bệnh viện) hoặc khi có yêu cầu, cấp ủy chủ động thông báo với hội đồng quản trị, hiệu trưởng, giám đốc ý kiến của đảng viên, quần chúng trong đơn vị về thực hiện nhiệm

vụ chính trị, các chính sách, chế độ để bàn biện pháp phối hợp giải quyết; chủ tịch hội đồng quản trị, hiệu trưởng, giám đốc trao đổi với cấp ủy về tình hình thực hiện nhiệm vụ và những chủ trương, nhiệm vụ sắp tới của đơn vị để đảng bộ, chi bộ thảo luận, ra nghị quyết lãnh đạo đảng viên và quần chúng thực hiện.

3. Bí thư cấp ủy phải chịu trách nhiệm trước tổ chức đảng, chủ tịch hội đồng quản trị, hiệu trưởng, giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức đảng (nếu là đảng viên) khi để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong đơn vị. Trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, nếu có vấn đề chưa thống nhất giữa cấp ủy và hội đồng quản trị, hiệu trưởng, giám đốc thì chủ tịch hội đồng quản trị, hiệu trưởng, giám đốc quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định đó, đồng thời cùng báo cáo lên cấp ủy và cơ quan quản lý cấp trên.

Điều 8. Đối với các đoàn thể nhân dân

Hằng quý hoặc khi có yêu cầu đột xuất, cấp ủy làm việc với các đoàn thể nắm tình hình hoạt động của từng đoàn thể để có chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời.

Điều 9. Đối với các tổ chức có liên quan

1. Đảng bộ, chi bộ, cấp ủy cơ sở chịu sự lãnh đạo, hướng dẫn, kiểm tra của cấp ủy cấp trên trực tiếp (hoặc cấp ủy được ủy quyền) về mọi mặt.

2. Cấp ủy xây dựng mối quan hệ với cấp ủy, chính quyền địa phương nơi có trụ sở trường học, bệnh viện và nơi có đảng viên cư trú để phối hợp công tác và quản lý đảng viên.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các trường học, bệnh viện ngoài công lập xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 164-QĐ/TW, ngày 15 tháng 4 năm 2006

Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (gọi chung là hợp tác xã)

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Luật hợp tác xã và các quy định của Nhà nước về tổ chức, hoạt động của hợp tác xã,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (gọi chung là hợp tác xã) như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong hợp tác xã là hạt nhân chính trị, lãnh đạo đảng viên và các thành viên trong hợp tác xã thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, điều lệ và các quy chế, quy định của hợp tác xã; tham gia xây dựng và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã; hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, bảo đảm quyền,

lợi ích hợp pháp của tập thể, xã viên và những người lao động khác; xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh

1. Tham gia xây dựng và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã theo đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, điều lệ và các quy chế, quy định của hợp tác xã; hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tập thể, xã viên và những người lao động khác trong hợp tác xã.

2. Phối hợp với ban quản trị, chủ nhiệm lãnh đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, các quy chế, quy định của hợp tác xã; phát huy vai trò làm chủ của xã viên, thực hiện công khai, minh bạch về tài chính, bảo đảm dân chủ, công bằng về phân phối theo đúng các quy định của Nhà nước và của hợp tác xã.

3. Lãnh đạo đảng viên, các thành viên trong hợp tác xã tích cực học tập về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật, tinh thần lao động có kỷ luật, kỷ cương; thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tích cực tham gia các hoạt động xã hội và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong hợp tác xã.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng

1. Tuyên truyền, giáo dục, làm cho mọi thành viên trong hợp tác xã thấy rõ vai trò, vị trí của kinh tế tập thể trong nền

kinh tế quốc dân; phát triển kinh tế tập thể là chủ trương đúng đắn, lâu dài của Đảng và Nhà nước ta; nắm vững nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hợp tác xã là: tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, công khai, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, cùng có lợi, hợp tác và phát triển cộng đồng.

2. Lãnh đạo đảng viên, xã viên và những người lao động khác trong hợp tác xã phát huy tinh thần làm chủ, đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, xây dựng ý thức tổ chức kỷ luật, tình đoàn kết, hợp tác, tương trợ, giúp đỡ giữa các thành viên trong hợp tác xã; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các thành viên trong hợp tác xã để phối hợp với ban quản trị, chủ nhiệm hợp tác xã giải quyết hoặc báo cáo lên cấp trên.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ

1. Chủ động phối hợp với ban quản trị, chủ nhiệm thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đảng, đoàn thể trong hợp tác xã có phẩm chất, năng lực, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên, quần chúng tín nhiệm.

2. Phối hợp với ban quản trị, chủ nhiệm, ban kiểm soát lãnh đạo xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định về công tác tổ chức, cán bộ trong hợp tác xã, bảo đảm dân chủ, công khai, đúng tiêu chuẩn, quy trình, thẩm quyền và thường xuyên kiểm tra việc thực hiện.

3. Cấp ủy chủ động giới thiệu với đại hội xã viên, ban quản trị những đảng viên có đủ tiêu chuẩn, phẩm chất, năng lực để bầu tham gia vào bộ máy quản lý, điều hành của hợp tác xã.

Điều 5. Lãnh đạo các đoàn thể nhân dân

1. Lãnh đạo xây dựng các tổ chức, đoàn thể nhân dân

trong hợp tác xã vững mạnh, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mỗi đoàn thể.

2. Phát huy vai trò các đoàn thể nhân dân trong việc tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, nâng cao tinh thần làm chủ, đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, tích cực đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác trong hợp tác xã.

Điều 6. Xây dựng tổ chức đảng

1. Cấp ủy đề ra chủ trương, biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và sự phát triển của hợp tác xã.

2. Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình, thực hiện có nền nếp và phấn đấu nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng; đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng và đạo đức, tư cách của người đảng viên.

3. Cấp ủy quản lý và phân công nhiệm vụ cụ thể cho đảng viên; giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên nêu cao vai trò tiền phong, gương mẫu, phấn đấu trở thành người lao động tiên tiến, tích cực học tập nâng cao trình độ về mọi mặt, giữ gìn phẩm chất, đạo đức, tư cách, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Kịp thời biểu dương, khen thưởng những đảng viên có thành tích xuất sắc; xử lý nghiêm, kịp thời những đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, bồi dưỡng, tạo nguồn phát triển đảng viên, bảo đảm đúng tiêu chuẩn, quy trình; chú trọng phát triển đảng viên là đoàn viên Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, thành viên trong bộ máy quản lý, điều hành của hợp tác xã.

5. Cấp ủy thường xuyên kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Định kỳ hằng năm hoặc khi có yêu cầu, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng, trách nhiệm và vai trò tiền phong, gương mẫu của đảng viên.

6. Xây dựng cấp ủy và đội ngũ cán bộ đảng, đoàn thể có đủ phẩm chất, năng lực, đoàn kết, gương mẫu, tiêu biểu cho đảng bộ, chi bộ và hoạt động có hiệu quả, được đảng viên, quần chúng tín nhiệm. Bí thư cấp ủy nên là thành viên trong bộ máy quản lý, điều hành hợp tác xã.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI BAN QUẢN TRỊ, CHỦ NHIỆM, BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN

Điều 7. Đối với ban quản trị, chủ nhiệm, ban kiểm soát hợp tác xã

1. Cấp ủy tôn trọng và phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của ban quản trị, chủ nhiệm, ban kiểm soát hợp tác xã trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh. Ban quản trị, chủ nhiệm, ban kiểm soát có trách nhiệm và tạo điều kiện để đảng bộ, chi bộ, cấp ủy thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

2. Định kỳ (3 tháng, 6 tháng, 1 năm) hoặc khi có yêu cầu, cấp ủy chủ động trao đổi với ban quản trị, chủ nhiệm, ban kiểm soát ý kiến của đảng viên, xã viên và những người lao động khác về việc thực hiện nhiệm vụ và các chính sách, chế độ trong hợp tác xã. Ban quản trị, chủ nhiệm, ban kiểm soát báo cáo với cấp ủy về tình hình sản xuất, kinh doanh và những chủ trương, nhiệm vụ của hợp tác xã trong thời gian tới để cấp ủy hoặc đảng bộ, chi bộ thảo luận, ra nghị quyết lãnh đạo đảng viên, quần chúng thực hiện.

3. Bí thư cấp ủy phải chịu trách nhiệm trước tổ chức đảng; chủ nhiệm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức đảng (nếu là đảng viên) khi để xảy ra tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác trong hợp tác xã.

Điều 8. Đối với các đoàn thể nhân dân

Định kỳ hằng quý hoặc khi có yêu cầu, cấp ủy làm việc với các đoàn thể, nắm tình hình hoạt động của từng đoàn thể để có chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời.

Điều 9. Đối với các tổ chức có liên quan

1. Đảng bộ, chi bộ trong hợp tác xã chịu sự lãnh đạo, hướng dẫn, kiểm tra của cấp ủy cấp trên trực tiếp (hoặc tổ chức đảng được ủy quyền) về mọi mặt.

2. Cấp ủy xây dựng mối quan hệ với cấp ủy, chính quyền địa phương nơi có trụ sở hợp tác xã và nơi có đảng viên cư trú để phối hợp công tác và quản lý đảng viên.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra thực hiện Quy định này.

2. Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các hợp tác xã và các chi bộ hợp tác xã trực thuộc đảng ủy cơ sở xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 165-QĐ/TW, ngày 21 tháng 4 năm 2006

Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong cơ quan báo chí*

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị (khóa IX);

- Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Luật báo chí và Pháp lệnh cán bộ, công chức,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong cơ quan báo chí như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong cơ quan báo chí là hạt nhân chính trị, lãnh đạo cán bộ, đảng viên, biên tập viên,

---

* Quy định này do Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX ban hành, do vậy chúng tôi sắp xếp trước tài liệu Đại hội X của Đảng để bạn đọc tiện theo dõi *(B.T)*.

phóng viên và những người lao động khác trong cơ quan thực hiện đúng quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và tôn chỉ, mục đích của báo, đài, tạp chí; lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của cơ quan, xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; xây dựng, rèn luyện đội ngũ những người làm báo có bản lĩnh chính trị vững vàng, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, có đạo đức trong sáng, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị

1. Lãnh đạo xây dựng và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, theo đúng Luật báo chí và tôn chỉ, mục đích của báo, đài, tạp chí, xứng đáng là tiếng nói của Đảng và Nhà nước, đồng thời là diễn đàn của nhân dân; hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước.

2. Lãnh đạo cán bộ, đảng viên, biên tập viên, phóng viên và những người lao động khác trong cơ quan tích cực tuyên truyền, cổ vũ các phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động xã hội, gương người tốt, việc tốt và các điển hình tiên tiến; đấu tranh chống những quan điểm, tư tưởng sai trái, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác.

3. Lãnh đạo cán bộ, đảng viên, biên tập viên, phóng viên và những người lao động khác trong cơ quan nêu cao ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của người làm báo, thường xuyên cải tiến lề lối, phong cách làm việc, nâng cao hiệu quả

công tác; xây dựng, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở và các quy định khác của cơ quan; thực hiện công khai về tài chính, phân phối và thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động; xây dựng cơ quan vững mạnh về mọi mặt.

4. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong cơ quan; nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, đấu tranh chống âm mưu "diễn biến hòa bình" và các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc, nói xấu, chống đối Đảng Cộng sản Việt Nam, chế độ xã hội chủ nghĩa của các thế lực thù địch, giữ gìn bí mật của Đảng, Nhà nước, bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ tài sản của Nhà nước và của cơ quan.

Điều 3. Lãnh đạo công tác chính trị, tư tưởng

1. Thường xuyên bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nâng cao bản lĩnh chính trị cho cán bộ, đảng viên, biên tập viên, phóng viên và những người lao động khác trong cơ quan; phát huy truyền thống yêu nước và tinh thần quốc tế trong sáng, xây dựng tinh thần làm chủ, tình đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, quần chúng để giải quyết và báo cáo lên cấp trên.

2. Kịp thời phổ biến, quán triệt đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của cơ quan; thường xuyên giáo dục, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, biên tập viên, phóng viên và những người lao động khác trong cơ quan.

3. Lãnh đạo cán bộ, đảng viên, biên tập viên, phóng viên và những người lao động khác trong cơ quan nói và làm theo nghị quyết của Đảng, đấu tranh chống các quan điểm sai trái, những hành vi nói, viết và làm trái với quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tư tưởng cơ hội, thực dụng, sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ

1. Cấp ủy phối hợp với tổng biên tập (giám đốc) lãnh đạo xây dựng và thực hiện chủ trương về kiện toàn tổ chức, sắp xếp bộ máy và quy chế hoạt động của cơ quan.

2. Cấp ủy phối hợp với tổng biên tập (giám đốc) đánh giá, nhận xét cán bộ, lãnh đạo xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trong cơ quan; tổng biên tập (giám đốc) quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển đối với cán bộ thuộc thẩm quyền trên cơ sở thống nhất với cấp ủy đảng.

3. Cấp ủy đề xuất để cấp trên xem xét, quyết định các vấn đề về tổ chức và cán bộ của cơ quan thuộc thẩm quyền của cấp trên.

Điều 5. Lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội và Hội Nhà báo

1. Lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội và Hội Nhà báo trong cơ quan tham gia xây dựng, quán triệt và thực hiện quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của cơ quan.

2. Lãnh đạo xây dựng các đoàn thể chính trị - xã hội và Hội Nhà báo trong cơ quan vững mạnh, thực hiện đúng chức

năng, nhiệm vụ theo luật định và theo điều lệ của mỗi tổ chức; phát huy dân chủ nội bộ, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

Điều 6. Xây dựng tổ chức đảng

1. Đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên. Thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; thực hiện có nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu.

2. Giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên nêu cao vai trò tiền phong, gương mẫu, ý thức và trách nhiệm công dân, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện để đảng viên học tập, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt.

3. Cấp ủy xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý đảng viên, phân công nhiệm vụ và tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt việc giới thiệu đảng viên trong cơ quan thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở nơi cư trú và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Làm tốt công tác khen thưởng, kỷ luật đảng viên; kịp thời biểu dương, khen thưởng những đảng viên có thành tích xuất sắc, xử lý nghiêm những đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhất là Luật báo chí.

4. Làm tốt công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên, bảo đảm tiêu chuẩn và đúng nguyên tắc, thủ tục; chú trọng

đối tượng là đoàn viên Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và những quần chúng ưu tú, giỏi chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Xây dựng cấp ủy, trước nhất là thường trực cấp ủy có đủ phẩm chất, năng lực, đoàn kết, gương mẫu, tiêu biểu cho đảng bộ, chi bộ và hoạt động có hiệu quả, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm. Bí thư cấp ủy nên là cán bộ lãnh đạo của cơ quan.

6. Cấp ủy thường xuyên kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Quy định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm. Định kỳ hằng năm, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng và vai trò tiền phong, gương mẫu của đảng viên.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI TỔNG BIÊN TẬP (GIÁM ĐỐC) VÀ CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN

Điều 7. Đối với tổng biên tập (giám đốc)

1. Cấp ủy tôn trọng và phát huy vai trò của tổng biên tập (giám đốc) trong việc thực hiện trách nhiệm, quyền hạn được giao; tổng biên tập (giám đốc) có trách nhiệm tự mình thực hiện tốt và tạo điều kiện để cấp ủy thực hiện Quy định này.

2. Định kỳ hoặc khi có yêu cầu đột xuất, cấp ủy thông báo với tổng biên tập (giám đốc) ý kiến của đảng viên, quần chúng về việc thực hiện các nhiệm vụ và chính sách, chế độ trong cơ quan; tổng biên tập (giám đốc) có trách nhiệm báo cáo với cấp ủy về tình hình thực hiện các mặt công tác và

những chủ trương, nhiệm vụ sắp tới của cơ quan. Cấp ủy hoặc đảng bộ, chi bộ thảo luận, ra nghị quyết về những vấn đề lớn, quan trọng của đơn vị và lãnh đạo đảng viên, quần chúng trong cơ quan thực hiện.

3. Bí thư chịu trách nhiệm trước tổ chức đảng, tổng biên tập (giám đốc) chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức đảng khi để xảy ra mất đoàn kết, quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác trong cơ quan. Khi cấp ủy và tổng biên tập (giám đốc) có ý kiến khác nhau về những vấn đề lớn, quan trọng thì tổng biên tập (giám đốc) quyết định theo quyền hạn và chịu trách nhiệm về quyết định đó, đồng thời cấp ủy và tổng biên tập (giám đốc) báo cáo lên cấp ủy và cơ quan quản lý cấp trên.

Quan hệ của đảng bộ, chi bộ với tổng biên tập (giám đốc) cơ quan báo chí trong quân đội thực hiện theo Điều 8 và Điều 9 Quy định số 110-QĐ/TW, ngày 20-8-2004 của Ban Bí thư; trong công an thực hiện theo Điều 7 Quy định số 124-QĐ/TW, ngày 28-9-2004 của Ban Bí thư.

Điều 8. Đối với các đoàn thể chính trị - xã hội và Hội Nhà báo

Định kỳ hoặc khi có yêu cầu đột xuất, cấp ủy làm việc với các đoàn thể chính trị - xã hội và Hội Nhà báo trong cơ quan, nắm tình hình hoạt động của từng tổ chức để có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời.

Điều 9. Đối với các tổ chức có liên quan

1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong cơ quan báo chí chịu sự lãnh đạo, hướng dẫn, kiểm tra của cấp ủy cấp trên trực tiếp.

2. Cấp ủy xây dựng mối quan hệ với cơ quan quản lý cấp trên, với cấp ủy và chính quyền địa phương nơi có trụ sở cơ quan và nơi đảng viên cư trú để phối hợp công tác và quản lý đảng viên.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các cấp ủy cấp trên trực tiếp của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong cơ quan báo chí có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các cơ quan báo chí xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

DIỄN VĂN KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Do đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thay mặt Đoàn Chủ tịch đọc sáng ngày 18 tháng 4 năm 2006)[*]

Thưa Đoàn Chủ tịch Đại hội,
Thưa các vị khách quý,
Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Hôm nay, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam long trọng khai mạc tại Thủ đô Hà Nội. Thay mặt Đoàn Chủ tịch, tôi xin nhiệt liệt chào mừng 1.176 đại biểu, được bầu ra từ đại hội đại biểu các cấp, đại diện cho trên 3,1 triệu đảng viên, tiêu biểu cho sức mạnh đoàn kết, ý chí và nguyện vọng của toàn Đảng, về dự Đại hội trong thời điểm lịch sử quan trọng của cách mạng và của dân tộc ta.

---

[*] Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra từ ngày 18 đến ngày 25-4-2006 tại Thủ đô Hà Nội *(B.T)*.

Đại hội chúng ta nồng nhiệt chào mừng các đồng chí nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, các đại biểu lão thành cách mạng, các đồng chí nguyên Phó Chủ tịch nước, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Quốc hội, các đồng chí nguyên là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng các khoá, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các nhân sĩ, trí thức và đại diện thế hệ trẻ là khách mời của Đại hội.

Trong giờ phút trọng thể này, Đại hội chúng ta thành kính tưởng nhớ và bày tỏ lòng biết ơn vô hạn Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, lãnh tụ vĩ đại của Đảng và dân tộc ta, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới, chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế. Sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân ta 76 năm qua đã khẳng định rằng, tư tưởng vĩ đại của Người cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin mãi mãi là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, là tài sản tinh thần vô giá của Đảng và dân tộc ta. Tư tưởng đó đã dẫn dắt chúng ta trên mỗi chặng đường xây dựng và phát triển đất nước, là ngọn cờ thắng lợi của cách mạng Việt Nam, là sức mạnh tập hợp và đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp cách mạng của chúng ta hôm nay và mai sau.

Đại hội chúng ta thành kính tưởng nhớ các thế hệ cán bộ, chiến sĩ, đồng bào, đồng chí đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đại hội bày tỏ lòng tiếc thương các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng khóa IX đã qua đời.

Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh và trân trọng cảm ơn sự tham gia nhiệt tình và sự đóng góp quý báu, đầy trách nhiệm

của các tổ chức đảng, của toàn thể đảng viên, của các đoàn thể chính trị xã hội các cấp, của các vị lão thành cách mạng, các nhân sĩ, trí thức, các nhà khoa học và đông đảo các tầng lớp nhân dân trong nước, đồng bào Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài, bạn bè quốc tế vào các văn kiện Đại hội lần thứ X của Đảng, góp phần quan trọng làm cho các văn kiện trình Đại hội hôm nay thực sự là kết tinh của trí tuệ và sức sáng tạo của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh và biểu dương phong trào thi đua sôi nổi của các tầng lớp nhân dân, các ngành, các cấp, các địa phương và đơn vị lập những thành tích xuất sắc chào mừng Đại hội.

Thưa Đại hội,

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra trong thời điểm lịch sử có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Sự nghiệp đổi mới trên đất nước ta đã trải qua 20 năm. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vừa kết thúc 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, cũng là 5 năm đầu tiên của thế kỷ XXI. Trong 5 năm ấy, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, nước ta cũng gặp không ít khó khăn, thách thức do những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, những khó khăn vốn có của nền kinh tế đang ở trình độ kém phát triển, thiên tai, dịch bệnh và những yếu kém chủ quan trong tổ chức và quản lý. Nhưng với sự nỗ lực vượt bậc của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã đạt được những thành tựu rất quan trọng. Nhìn khái quát cả 20 năm đổi mới, chúng

ta thấy những thành tựu đạt được là to lớn và có ý nghĩa lịch sử, đã đưa lại cho đất nước ta một sự thay đổi cơ bản và toàn diện, làm cho thế và lực, uy tín quốc tế của nước ta tăng lên nhiều so với trước.

Trong những năm sắp tới, tình hình quốc tế sẽ có nhiều diễn biến nhanh chóng và phức tạp, khó lường. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta có những thuận lợi và cơ hội lớn để tiến lên, đồng thời cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức không thể xem thường.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng có nhiệm vụ nhìn thẳng vào sự thật để kiểm điểm, đánh giá khách quan, toàn diện thành tựu và những yếu kém, khuyết điểm, đồng thời rút ra được những bài học kinh nghiệm qua việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2001 - 2005), chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) và nhìn lại 20 năm đổi mới; từ đó tiếp tục phát triển và hoàn thiện đường lối, quan điểm, định ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm tới (2006 - 2010); phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng; bổ sung, sửa đổi một số điểm trong Điều lệ Đảng; bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X thực sự tiêu biểu về phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, có đủ trí tuệ và năng lực lãnh đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X, đặc biệt là thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng ta thực sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, gắn bó mật thiết với nhân dân, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong thời kỳ mới.

Thưa Đại hội,

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng nêu cao ý chí sắt đá của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phấn đấu đưa nước ta sớm ra khỏi tình trạng kém phát triển và vươn lên trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Chúng ta nhất định làm hết sức mình cho việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, thực hiện bằng được mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội, sánh vai cùng các nước tiên tiến trên thế giới.

Với niềm tin sâu sắc đó, thay mặt Đoàn Chủ tịch, tôi xin tuyên bố khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chúc các đại biểu và các vị khách quý sức khỏe, hạnh phúc.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.5-10.

NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG, PHÁT HUY SỨC MẠNH TOÀN DÂN TỘC, ĐẨY MẠNH TOÀN DIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, SỚM ĐƯA NƯỚC TA RA KHỎI TÌNH TRẠNG KÉM PHÁT TRIỂN

(Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về các văn kiện Đại hội X của Đảng do đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh trình bày ngày 18-4-2006)

Thưa Đoàn Chủ tịch,
Thưa các vị khách quý,
Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Đại hội X của Đảng họp vào lúc toàn Đảng, toàn dân ta kết thúc 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và đã trải qua 20 năm đổi mới.

Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và quyết định phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm tới. Chủ đề của Đại hội là: *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh*

toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển.

Ban Chấp hành Trung ương xin trình Đại hội các văn kiện: *Báo cáo chính trị; Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010; Báo cáo công tác xây dựng Đảng; Báo cáo về một số vấn đề về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng và dự thảo Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi); Báo cáo về kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII trên lĩnh vực đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong nhiệm kỳ Đại hội IX và Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX.*

Trong quá trình chuẩn bị các văn kiện, đảng bộ các cấp, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, các đồng chí lão thành cách mạng, các nhà trí thức đã đóng góp nhiều ý kiến phong phú và sâu sắc. Sau khi dự thảo *Báo cáo chính trị* được công bố rộng rãi, đông đảo các tầng lớp nhân dân trong nước và đồng bào ta định cư ở nước ngoài đã sôi nổi đóng góp nhiều ý kiến quý báu, đầy tâm huyết, thể hiện tinh thần trách nhiệm với Đảng, với dân tộc, mong muốn Đảng ta ngày càng vững mạnh, đất nước ta ngày càng phát triển, Đại hội X đánh dấu bước phát triển về đường lối, chính sách, về tổ chức và nhân sự đáp ứng được đòi hỏi của cuộc sống. Các văn kiện trình Đại hội lần này là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân ta.

Từ diễn đàn trọng thể này, Đại hội chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh và bày tỏ lòng biết ơn chân thành về sự đóng góp xây dựng quý báu ấy của đồng chí, đồng bào!

Thưa các đồng chí,

Sau đây, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, tôi xin trình bày những nội dung chủ yếu trong các văn kiện trình Đại hội.

I- ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀ NHÌN LẠI 20 NĂM ĐỔI MỚI

Năm năm qua, bên cạnh những thuận lợi do tiến trình đổi mới tạo ra, nước ta cũng gặp không ít khó khăn, thách thức do những yếu kém vốn có của nền kinh tế trình độ thấp; thiên tai, dịch bệnh xảy ra ở nhiều nơi; tình hình thế giới và khu vực diễn biến hết sức phức tạp. Trong hoàn cảnh đó, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta ra sức phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và ***đã đạt những thành tựu rất quan trọng:***

Nền kinh tế đã vượt qua thời kỳ suy giảm, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, năm sau cao hơn năm trước, bình quân trong 5 năm (2001 - 2005) là 7,51% và phát triển tương đối toàn diện. Văn hóa và xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt; việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tốt, nhất là trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo; đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện. Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng và an ninh được tăng cường; quan hệ đối ngoại có bước phát triển mới. Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có tiến bộ trên cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Sức mạnh khối đại đoàn kết

toàn dân tộc được phát huy. Công tác xây dựng Đảng đạt một số kết quả tích cực.

Đạt được những thành tựu trên là nhờ đường lối đúng đắn của Đảng; sự quản lý thống nhất theo pháp luật của Nhà nước, sự điều hành năng động của Chính phủ và sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Đó còn là do tác động tích cực của những cơ chế, chính sách đã ban hành; do kết quả đầu tư trong nhiều năm qua đã làm cho năng lực sản xuất của nhiều ngành và toàn bộ nền kinh tế tăng khá. Nhân dịp này, Đại hội chúng ta nhiệt liệt biểu dương các ngành, các cấp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các tầng lớp nhân dân đã lao động quên mình, góp phần đem lại những thành tựu rất quan trọng đó.

Bên cạnh thành tựu đạt được, chúng ta còn những ***khuyết điểm và yếu kém:***

Tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với khả năng; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn kém; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm. Cơ chế, chính sách về văn hóa - xã hội chậm đổi mới; nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt. Các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn một số mặt hạn chế. Tổ chức và hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân còn một số khâu chậm đổi mới. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa đạt yêu cầu.

Có những khuyết điểm đó là do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, chủ yếu là những nguyên nhân chủ quan như: tư duy của Đảng trên một số lĩnh vực chậm đổi mới; một số vấn đề ở tầm quan điểm, chủ trương lớn chậm làm rõ nên chưa đạt được sự thống nhất cao về nhận thức và

thiếu dứt khoát trong hoạch định chính sách, chỉ đạo điều hành. Sự chỉ đạo tổ chức thực hiện chưa tốt, nhất là trong ba lĩnh vực: xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tạo bước chuyển mạnh về phát triển nguồn nhân lực; đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt các cấp yếu kém về phẩm chất, năng lực và tinh thần trách nhiệm, vừa thiếu tính tiên phong, gương mẫu, vừa không đủ trình độ, năng lực hoàn thành nhiệm vụ.

Những khuyết điểm nói trên, trước hết thuộc về trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp là của Bộ Chính trị. Ban Chấp hành Trung ương xin tự phê bình nghiêm túc về những khuyết điểm của mình trước Đại hội và trước nhân dân.

Thưa các đồng chí,

Cùng với việc kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, chúng ta nhìn lại 20 năm đổi mới.

Hai mươi năm qua, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, *công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử.*

Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Kinh tế tăng trưởng khá nhanh; sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang đẩy mạnh. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị - xã hội ổn định. Quốc phòng và an ninh được giữ

vững. Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp.

Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản.

Xã hội xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng tiến bộ; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Để *đi lên chủ nghĩa xã hội*, chúng ta phải phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần của xã hội; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội

chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Thưa các đồng chí,

Ban Chấp hành Trung ương rất vui mừng báo cáo với Đại hội, trong quá trình thảo luận và đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội lần này, trong Đảng và trong nhân dân đã có sự nhất trí cao với đánh giá tổng quát: những thành tựu đạt được trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX là *rất quan trọng*; những thành tựu của 20 năm đổi mới là *to lớn và có ý nghĩa lịch sử*.

Từ thực tiễn đổi mới, Đảng và Nhà nước ta càng tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý. Có thể rút ra ***một số bài học lớn*** sau đây:

Một là, trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

Ba là, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới.

Bốn là, phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức khai thác ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

Năm là, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới tổ chức và hoạt động của

hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Thực tiễn chứng minh hùng hồn rằng, đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo thực hiện là hoàn toàn đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn của đất nước và giai đoạn hiện nay. Tại Đại hội này, Đảng ta khẳng định "tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới", một chủ trương được toàn dân ủng hộ và dư luận quốc tế đánh giá cao.

Qua tổng kết lý luận - thực tiễn 20 năm đổi mới, chúng ta càng thấy rõ giá trị định hướng và chỉ đạo có ý nghĩa to lớn của *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991), đồng thời cũng thấy rõ thêm những vấn đề mới đặt ra cần được giải đáp. Sau Đại hội X, Đảng ta cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát triển *Cương lĩnh,* làm nền tảng chính trị, tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong quá trình đưa nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội.

II- MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC 5 NĂM 2006 - 2010

Thưa các đồng chí,

Trong những năm sắp tới, *trên thế giới*, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục phục hồi và phát triển nhưng vẫn tiềm ẩn những yếu tố bất trắc khó lường. Toàn cầu hóa kinh tế tạo

ra cơ hội nhưng cũng chứa đựng nhiều yếu tố bất bình đẳng, gây khó khăn, thách thức cho các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển. Khoa học và công nghệ sẽ có những bước đột phá mới. Mặt khác, những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, tranh chấp về lãnh thổ và tài nguyên thiên nhiên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp. Đồng thời, nhiều vấn đề toàn cầu bức xúc đòi hỏi các quốc gia và các tổ chức quốc tế phải phối hợp giải quyết như khoảng cách chênh lệch giữa các nhóm nước giàu và nước nghèo ngày càng lớn; tình trạng môi trường tự nhiên bị hủy hoại, khí hậu diễn biến ngày càng xấu...

Ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung và Đông Nam Á nói riêng, xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển tiếp tục gia tăng, nhưng luôn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định.

Trong nước, những thành tựu 5 năm qua (2001 - 2005) và 20 năm đổi mới (1986 - 2006) tạo thêm nhiều thuận lợi cho đất nước ta đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội với nhịp độ nhanh hơn, chất lượng cao hơn. Tuy nhiên, nước ta đang đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp, không thể coi thường bất cứ thách thức nào. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên gắn liền với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn đang diễn ra nghiêm

trọng chưa được ngăn chặn có hiệu quả. Những biểu hiện xa rời mục tiêu, lý tưởng của chủ nghĩa xã hội chưa được khắc phục. Các thế lực thù địch vẫn đang ráo riết thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", gây bạo loạn lật đổ, sử dụng các chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền", "dân tộc", "tôn giáo" hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta.

Thưa các đồng chí,

Từ sự phân tích các mặt nêu trên, chúng ta khẳng định rằng: những năm tới, tuy khó khăn còn nhiều, nhưng *đất nước ta có cơ hội lớn để tiến lên.* Đòi hỏi bức bách của toàn dân tộc ta lúc này là phải *tranh thủ cơ hội, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ hơn, phát triển với tốc độ nhanh hơn và bền vững hơn.*

Năm năm 2006 - 2010 có ý nghĩa quyết định đối với việc hoàn thành *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội* 10 năm đầu thế kỷ XXI.

Mục tiêu và phương hướng tổng quát của 5 năm 2006 - 2010 là: *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; phát triển văn hoá; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tăng cường quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.*

Sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển là mục tiêu trực tiếp của Đại hội X. Như chúng ta đều biết, Đại hội IX đã đề ra *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010* nhằm "đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển". Nay chúng ta nêu lên chữ *sớm* là thể hiện quyết tâm phấn đấu đạt mục tiêu chiến lược ấy *trước năm 2010*. Đây là điều mong ước thiết tha và là đòi hỏi bức xúc của toàn Đảng, toàn dân ta. Nêu "sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển" là thể hiện sự nhìn nhận nghiêm túc, khách quan về tình hình đất nước hiện nay, đồng thời cổ vũ nhân dân ta vươn lên với tinh thần tự tôn dân tộc và quyết tâm cao để đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, không chỉ ở mức thu nhập bình quân đầu người thấp mà còn ở những lĩnh vực khác như kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, chỉ số phát triển con người...

Việc thực hiện thắng lợi mục tiêu này sẽ đánh dấu một bước phát triển mới trên con đường đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Với quyết tâm cao, chúng ta đề ra những chỉ tiêu định hướng về phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu, trong đó, quan trọng nhất là: *đến năm 2010*, tổng sản phẩm trong nước (GDP) gấp hơn 2,1 lần so với năm 2000; trong 5 năm 2006 - 2010, mức tăng trưởng GDP bình quân đạt 7,5 - 8%/năm, phấn đấu đạt trên 8%/năm. Cơ cấu ngành trong GDP: khu vực nông nghiệp khoảng 15 - 16%; công nghiệp và xây dựng 43 - 44%; dịch vụ 40 - 41%. Tạo việc làm cho 8 triệu lao động, tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới 5%. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới) giảm xuống còn 10 - 11%...

III- TIẾP TỤC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA. ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRI THỨC

Thưa các đồng chí,

Trong sự nghiệp xây dựng đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm. Trong 5 năm tới, chúng ta chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức.

Để ***hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa,*** điều cần thiết trước hết là nắm vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta. Đó là:

Thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"; giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân. Phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội. Phát huy quyền làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò

quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Về nội dung, cần tiến hành đồng thời cả ba mặt:

- *Nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước.* Nhà nước tập trung làm tốt các chức năng: định hướng sự phát triển bằng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách trên cơ sở tôn trọng và tuân thủ các nguyên tắc của thị trường; tạo môi trường pháp lý thuận lợi để phát huy các nguồn lực của xã hội cho phát triển; bảo đảm tính bền vững và tích cực của các cân đối kinh tế vĩ mô, hạn chế các rủi ro và tác động tiêu cực của kinh tế thị trường; thực hiện quản lý nhà nước bằng hệ thống pháp luật, giảm tối đa sự can thiệp hành chính vào hoạt động của thị trường và doanh nghiệp...

- *Phát triển đồng bộ và quản lý có hiệu quả sự vận hành các loại thị trường cơ bản theo cơ chế cạnh tranh lành mạnh.* Cùng với việc phát triển mạnh *thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường sức lao động,* cần phát triển vững chắc *thị trường tài chính,* bao gồm thị trường vốn và thị trường tiền tệ theo hướng đồng bộ, có cơ cấu hoàn chỉnh; phát triển *thị trường bất động sản*, bao gồm thị trường quyền sử dụng đất và bất động sản gắn liền với đất, làm cho đất đai thực sự trở thành nguồn vốn cho phát triển, thị trường bất động sản trong nước có sức cạnh tranh so với thị trường khu vực; phát triển *thị trường khoa học và công nghệ* trên cơ sở đổi mới cơ chế, chính sách để phần lớn sản phẩm khoa học và công nghệ (trừ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu phục vụ xây dựng đường lối, chiến lược, chính sách phát triển quốc phòng và an ninh) trở thành hàng hóa.

- Phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh. Các thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, cùng tồn tại và phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh.

Chúng ta chủ trương xây dựng và thực hiện Chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp, xây dựng một hệ thống doanh nghiệp Việt Nam có sức cạnh tranh cao, chủ lực là một số tập đoàn kinh tế và công ty lớn dựa trên hình thức cổ phần. Cần tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là cổ phần hóa; đổi mới và phát triển các loại hình kinh tế tập thể; phát triển mạnh các hộ kinh doanh cá thể và các loại hình doanh nghiệp của tư nhân; thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài.

Về ***đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức***, chúng ta tranh thủ các cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra và tiềm năng, lợi thế của nước ta để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với phát triển kinh tế tri thức. Phải coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển mạnh các ngành kinh tế và các sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức.

Chúng ta chủ trương *đẩy mạnh hơn nữa công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, giải quyết đồng*

bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Phải phát triển toàn diện nông nghiệp, chuyển dịch mạnh cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng tạo ra giá trị gia tăng ngày càng cao, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường; thực hiện cơ khí hóa, điện khí hóa, thủy lợi hóa, đưa nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ sinh học vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh, phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng địa phương. Khẩn trương xây dựng các quy hoạch phát triển nông thôn và thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; xây dựng các làng, xã, thôn, ấp, bản có cuộc sống no đủ, văn minh, môi trường lành mạnh; hình thành các khu dân cư đô thị hóa với kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ. Phát huy dân chủ ở nông thôn đi đôi với xây dựng nếp sống văn hóa, nâng cao trình độ dân trí; chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn theo hướng giảm nhanh tỉ trọng lao động làm nông nghiệp, tăng tỉ trọng lao động làm công nghiệp và dịch vụ. Tạo điều kiện để lao động nông thôn có việc làm trong và ngoài khu vực nông thôn, kể cả ở nước ngoài.

Trong việc *phát triển công nghiệp, xây dựng và dịch vụ*, chúng ta khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế tác, công nghiệp phần mềm và công nghiệp bổ trợ có lợi thế cạnh tranh, tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu và thu hút nhiều lao động; phát triển một số khu kinh tế mở và đặc khu kinh tế, nâng cao hiệu quả của các khu công nghiệp, khu chế xuất. Khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia phát triển mạnh các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng theo hướng

hiện đại; ưu tiên thu hút đầu tư của các tập đoàn kinh tế và các công ty xuyên quốc gia. Khẩn trương thu hút vốn trong và ngoài nước đầu tư thực hiện một số dự án quan trọng về khai thác dầu khí, lọc dầu và hóa dầu, luyện kim, cơ khí chế tạo, hóa chất cơ bản, phân bón, vật liệu xây dựng, xây dựng các kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Tạo bước phát triển vượt bậc của các ngành dịch vụ, nhất là những ngành có chất lượng cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh; đưa tốc độ tăng trưởng của các ngành dịch vụ cao hơn tốc độ tăng GDP.

Chúng ta chủ trương *phát triển kinh tế vùng* thông qua các chính sách phù hợp tạo điều kiện cho các vùng trong cả nước cùng phát triển, đồng thời tạo sự liên kết giữa các vùng và nội vùng; *phát triển kinh tế biển* theo một chiến lược toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, sớm đưa nước ta trở thành một quốc gia mạnh về kinh tế biển trong khu vực, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế. *Chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu công nghệ.* Đến năm 2010, tỷ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp còn dưới 50% lực lượng lao động xã hội.

Phát triển khoa học và công nghệ ở nước ta phải phù hợp xu thế phát triển nhảy vọt của cách mạng khoa học - công nghệ trên thế giới. Cố gắng đi ngay vào công nghệ hiện đại đối với một số lĩnh vực then chốt và từng bước mở rộng ra toàn bộ nền kinh tế. Chú trọng phát triển công nghệ cao để tạo đột phá và công nghệ dùng nhiều lao động để giải quyết việc làm.

Bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia, *cải thiện môi trường tự nhiên.* Chủ động *phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.*

IV- GIẢI QUYẾT TỐT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI, VĂN HÓA, GIÁO DỤC, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Thưa các đồng chí,

Từ thực tiễn xây dựng đất nước mấy chục năm qua, chúng ta nhận thức ngày càng sâu sắc rằng, xã hội, văn hóa là những lĩnh vực thể hiện rõ nhất bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong những năm tới, cần đưa việc giải quyết các vấn đề xã hội và phát triển văn hóa lên nhanh hơn nữa, tương xứng với nhịp độ phát triển kinh tế.

Về ***xã hội***, chúng ta chủ trương kết hợp chặt chẽ, hợp lý các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, địa phương; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, thực hiện tốt các chính sách xã hội trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn quyền lợi với nghĩa vụ, cống hiến với hưởng thụ, tạo động lực mạnh mẽ hơn cho phát triển kinh tế - xã hội.

Chúng ta khuyến khích mọi người dân làm giàu theo pháp luật, đồng thời thực hiện có hiệu quả các chính sách xóa đói giảm nghèo, thực hiện tốt hơn công bằng xã hội. Đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng theo nguyên tắc Nhà nước tập trung đầu tư cho các chương trình mục tiêu quốc gia về vấn đề xã hội; đồng thời phát huy tiềm năng, trí tuệ và các nguồn lực trong nhân dân, của toàn xã hội. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng; phát triển mạnh hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động. Đổi mới và hoàn

thiện hệ thống y tế theo hướng công bằng, hiệu quả và phát triển, tạo cơ hội cho mọi người dân được bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe. Xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe, tầm vóc con người Việt Nam, tăng tuổi thọ và cải thiện chất lượng giống nòi. Thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình, các chính sách ưu đãi xã hội.

Về ***văn hóa***, chúng ta chủ trương tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo ra chất lượng mới của cuộc sống; xây dựng và hoàn thiện giá trị, nhân cách con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Ba lĩnh vực cần tập trung thực hiện bằng được là: xây dựng môi trường, lối sống và đời sống văn hóa của mọi người dân ở cơ sở, phát huy tinh thần tự nguyện, tính tự quản và năng lực làm chủ của nhân dân; khuyến khích sáng tạo văn học, nghệ thuật, tạo ra những tác phẩm, công trình có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật; xây dựng và nâng cấp đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, chú trọng các công trình văn hóa lớn, tiêu biểu.

Theo phương hướng ấy, cần tiếp tục đầu tư cho việc bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử và di sản văn hóa; tạo điều kiện cho các lĩnh vực xuất bản, thông tin đại chúng phát triển; bảo đảm tự do dân chủ cho mọi hoạt động sáng tạo văn hóa, văn học, nghệ thuật đi đôi với phát huy trách nhiệm công dân của văn nghệ sĩ, chăm sóc các tài năng văn hóa, nghệ thuật; đổi mới nội dung và phương thức quản lý của Nhà nước về văn hóa...

Về ***giáo dục và đào tạo***, chúng ta phấn đấu để lĩnh vực này cùng với khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu, thông qua việc đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chấn hưng nền giáo dục Việt Nam. Những biện pháp cụ thể là: đổi mới cơ cấu tổ chức, nội dung, phương pháp dạy và học theo hướng "chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa". Phát huy trí sáng tạo, khả năng vận dụng, thực hành của người học. Đề cao trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội. Chuyển dần mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập với hệ thống học tập suốt đời, đào tạo liên tục, liên thông giữa các bậc học, ngành học. Phát triển giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và hệ thống hướng nghiệp, dạy nghề. Đổi mới hệ thống giáo dục đại học và sau đại học; gắn đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ với sử dụng, trực tiếp phục vụ chuyển đổi cơ cấu lao động. Đổi mới cơ chế quản lý giáo dục; thực hiện phân cấp, tạo động lực và sự chủ động của các cơ sở, các chủ thể tiến hành giáo dục. Nhà nước tăng đầu tư tập trung cho các mục tiêu ưu tiên, các chương trình quốc gia phát triển giáo dục, hỗ trợ các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; thực hiện miễn giảm việc đóng góp và cấp học bổng cho học sinh nghèo, các đối tượng chính sách, học sinh giỏi.

Về ***khoa học và công nghệ***, chúng ta phấn đấu đến năm 2010, năng lực khoa học và công nghệ nước ta đạt trình độ của các nước tiên tiến trong khu vực trên một số lĩnh vực quan trọng.

Phát triển khoa học xã hội hướng vào việc tiếp tục góp phần làm sáng tỏ những nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, cung cấp luận cứ

khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. *Phát triển khoa học tự nhiên* theo hướng tập trung nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng, đặc biệt các lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu và thế mạnh. *Phát triển công nghệ,* đẩy mạnh có chọn lọc việc nhập công nghệ, mua sáng chế kết hợp với công nghệ nội sinh để nhanh chóng đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ; phát triển công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học và công nghệ vật liệu mới.

Chúng ta chủ trương *đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ* theo hướng Nhà nước đầu tư vào các chương trình nghiên cứu quốc gia đạt trình độ khu vực và thế giới, xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ của một số lĩnh vực trọng điểm. Đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư, huy động các thành phần kinh tế tham gia và đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Có chính sách trọng dụng nhân tài, các nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư, kỹ sư trưởng, kỹ thuật viên lành nghề và công nhân kỹ thuật có tay nghề cao; thu hút các nhà khoa học, công nghệ giỏi ở trong nước, ngoài nước và trong cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

V- TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH; MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI, CHỦ ĐỘNG VÀ TÍCH CỰC HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Thưa các đồng chí,

Về ***quốc phòng và an ninh***, cần thực hiện mọi biện pháp cần thiết, có hiệu quả để xây dựng nền quốc phòng toàn

dân và an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện; bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, văn hóa - tư tưởng và an ninh xã hội; duy trì trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội; góp phần giữ vững ổn định chính trị của đất nước, ngăn chặn, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, không để bị động, bất ngờ. Coi trọng nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị nội bộ.

Chúng ta chủ trương kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường sức mạnh quốc phòng và an ninh trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân; đẩy mạnh xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố; tiếp tục phát triển các khu kinh tế - quốc phòng, xây dựng các khu quốc phòng - kinh tế. Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, là lực lượng nòng cốt của sức mạnh quốc phòng - an ninh; nâng cao chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu để lực lượng vũ trang thực sự là lực lượng chính trị trong sạch, vững mạnh, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, luôn được nhân dân tin cậy, yêu mến.

Về ***quan hệ đối ngoại***, chúng ta thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực.

Nhiệm vụ của công tác đối ngoại là giữ vững môi trường hòa bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Chúng ta chủ trương đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững đồng thời phát triển quan hệ với tất cả các nước, các vùng lãnh thổ trên thế giới và các tổ chức quốc tế theo các nguyên tắc: tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; giải quyết các bất đồng và tranh chấp thông qua thương lượng hòa bình; tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng và cùng có lợi.

Tiếp tục củng cố và tăng cường quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân, đảng cánh tả, các phong trào độc lập dân tộc, cách mạng và tiến bộ trên thế giới; mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền. Phát triển công tác đối ngoại nhân dân theo phương châm "chủ động, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả". Tăng cường vận động viện trợ và nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động kinh tế đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương, lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình, phù hợp với chiến lược phát triển đất nước từ nay đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm

2020; thực hiện cam kết với các nước về thương mại, đầu tư và các lĩnh vực khác; chuẩn bị tốt các điều kiện để ký kết và thực hiện các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương. Thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện và có hiệu quả với các nước ASEAN, các nước châu Á - Thái Bình Dương; củng cố và phát triển quan hệ hợp tác song phương tin cậy với các đối tác chiến lược; khai thác có hiệu quả các cơ hội và giảm tối đa những thách thức, rủi ro khi nước ta là thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

VI- PHÁT HUY DÂN CHỦ VÀ SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC; HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Thưa các đồng chí,

Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng là đường lối chiến lược nhất quán của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đại đoàn kết toàn dân tộc cần lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và đồng bào ta định cư ở nước ngoài; xóa bỏ mọi mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp; tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích của dân tộc; đề cao truyền thống nhân nghĩa,

khoan dung, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, giữ gìn sự ổn định chính trị và đồng thuận xã hội vì tương lai tươi sáng của dân tộc.

Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Các chính sách và pháp luật của Nhà nước phải nhằm phát huy mạnh mẽ hơn nữa dân chủ (dân chủ đại diện, dân chủ trực tiếp và chế độ tự quản của cộng đồng dân cư), đồng thời giữ vững kỷ cương xã hội và đạo lý dân tộc.

Chúng ta cần tiếp tục đổi mới và hoàn thiện các chính sách cụ thể đối với các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo; chú trọng chính sách đối với giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, trí thức, doanh nhân, thế hệ trẻ, phụ nữ, cựu chiến binh, người cao tuổi, đồng bào định cư ở nước ngoài.

Đảng ta luôn coi *vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc* là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài của sự nghiệp cách mạng nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chúng ta thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm *quyền tự do tín ngưỡng*, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Đấu tranh ngăn chặn các hành vi lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín

ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật, kích động, chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, tôn giáo, làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước.

Thưa các đồng chí,

Thực hiện đại đoàn kết, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, vì thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là một nội dung trọng yếu trong chủ đề của Đại hội này, là quyết tâm không gì lay chuyển nổi của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong việc tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân; đại diện cho quyền lợi hợp pháp và nguyện vọng chính đáng của nhân dân; đưa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các chương trình kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng thành hoạt động thực tiễn sinh động trong cuộc sống của nhân dân.

Nhà nước ban hành và bổ sung pháp luật để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội. Các cấp ủy đảng và các cấp chính quyền tăng cường tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân; thường xuyên lắng nghe ý kiến của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phản ánh với Đảng, Nhà nước những vấn đề mà nhân dân quan tâm, tham gia xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật sát hợp với cuộc sống. Thực hiện tốt *Quy chế dân chủ ở cơ sở* để Mặt trận, các đoàn thể và các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị. Về phần mình, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các hội quần chúng cần đổi mới mạnh mẽ và nâng cao chất lượng

hoạt động, khắc phục cho được tình trạng hành chính hóa, phô trương, hình thức; làm tốt công tác dân vận theo phong cách *trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân, nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin.*

Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Nhà nước là đại diện quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là người tổ chức và thực hiện đường lối chính trị của Đảng. Mọi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đều phải phản ánh lợi ích của đại đa số nhân dân. Nhân dân không chỉ có quyền mà còn có trách nhiệm tham gia hoạch định và thi hành các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Chúng ta chủ trương xây dựng một xã hội dân chủ, trong đó cán bộ, đảng viên và công chức phải thực sự là công bộc của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân.

Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Cần xây dựng cơ chế vận hành của Nhà nước, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính cụ thể, khả thi của các quy định trong văn bản pháp luật. Xây dựng và hoàn thiện thể chế giám sát, kiểm tra tính hợp hiến và hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền.

Theo phương hướng đó, tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, của Chính phủ, của các cơ quan tư pháp,

đẩy mạnh cải cách hành chính và cải cách tư pháp, tăng cường hiệu lực và hiệu quả các hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp. Nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp.

Tích cực phòng ngừa và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí là đòi hỏi bức xúc của xã hội, là quyết tâm chính trị của Đảng ta, nhằm xây dựng một bộ máy lãnh đạo và quản lý trong sạch, vững mạnh, khắc phục một trong những nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta.

Năm năm qua, việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 khóa IX trên lĩnh vực đấu tranh phòng và chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí... tuy đã đạt được một số kết quả, có tác dụng cảnh báo, răn đe, ngăn ngừa, kiềm chế nhất định nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu đề ra, chưa ngăn chặn và đẩy lùi được các tệ nạn đó.

Sắp tới, phải thi hành một cách kiên quyết và đồng bộ hệ thống các biện pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí, bao gồm: bổ sung, hoàn thiện các quy định về quản lý kinh tế - tài chính, về thanh tra, kiểm tra; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, sắp xếp, tổ chức bộ máy gọn nhẹ; bảo đảm công khai, minh bạch các hoạt động kinh tế, tài chính trong các cơ quan, đơn vị; tiếp tục đổi mới chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức. Khẩn trương và nghiêm chỉnh thực hiện *Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí*; bổ sung, sửa đổi *Luật khiếu nại và tố cáo*. Xử lý kiên quyết, kịp thời, công khai những người tham nhũng bất kể ở chức vụ nào, đương chức hay đã nghỉ hưu, tịch thu, sung công tài sản có nguồn gốc từ tham nhũng; những người bao

che cho tham nhũng, hoặc lợi dụng việc tố cáo tham nhũng để vu khống, làm hại người khác, gây mất đoàn kết nội bộ; có cơ chế khuyến khích và bảo vệ những người tích cực đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực; biểu dương và nhân rộng những gương cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Thực hiện tốt *Quy chế dân chủ ở cơ sở*; phát huy vai trò của cơ quan dân cử, của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân trong việc giám sát cán bộ, công chức và cơ quan công quyền; phát hiện, đấu tranh với các hành vi tham nhũng, lãng phí.

VII- ĐỔI MỚI, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG; BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Thưa các đồng chí,

Năm năm qua, trong quá trình lãnh đạo toàn diện công cuộc đổi mới, Đảng ta đã kiên trì và nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ then chốt về xây dựng Đảng trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, chú trọng cơ sở và địa bàn trọng yếu, nhờ đó đã đạt được một số kết quả tích cực. Tuy vậy, nhìn chung, cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình trong các cơ quan, tổ chức đảng, đảng viên chưa đạt yêu cầu đề ra. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, bệnh cơ hội, giáo điều, bảo thủ, chủ nghĩa cá nhân và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức còn diễn ra nghiêm trọng. Nhiều tổ chức cơ sở đảng bị tê liệt, thiếu sức chiến đấu và không đủ năng lực lãnh đạo và chỉ đạo để giải

quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh. Công tác tư tưởng còn nhiều bất cập và thiếu tính thuyết phục, tính chiến đấu. Công tác lý luận chưa làm sáng tỏ được một số vấn đề quan trọng trong công cuộc đổi mới. Công tác tổ chức và cán bộ còn bộc lộ nhiều mặt yếu kém. Chất lượng và hiệu quả kiểm tra, giám sát chưa cao.

Trong những năm tới, chúng ta phải dành nhiều công sức tạo được chuyển biến rõ rệt về xây dựng Đảng, phát huy truyền thống cách mạng, bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng; xây dựng Đảng ta thực sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đoàn kết nhất trí cao, gắn bó mật thiết với nhân dân, có phương thức lãnh đạo khoa học, có đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ phẩm chất và năng lực. Đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

***Trước hết**, phải nâng cao bản lĩnh chính trị và trình độ trí tuệ của Đảng,* kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng và phát triển sáng tạo trong thực tiễn hoạt động của Đảng. Nâng cao chất lượng nghiên cứu lý luận và đổi mới công tác giáo dục lý luận chính trị, công tác tư tưởng trong Đảng, nhất là cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt các cấp.

***Hai là**, kiện toàn và đổi mới hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên,* làm cho mỗi tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm tổ chức và quy tụ được sức mạnh của toàn đơn vị hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao, mỗi đảng viên thật sự tiên phong, gương mẫu, có phẩm chất, đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật và năng

lực hoàn thành nhiệm vụ. Phải kiện toàn hệ thống tổ chức cơ sở đảng, thể chế hóa về mặt nhà nước vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng; gắn việc nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên với việc nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng.

Đảng ta chủ trương: đảng viên làm kinh tế tư nhân phải gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng và quy định của Ban Chấp hành Trung ương. Những quy định ấy cần sớm được ban hành và chỉ đạo thực hiện, bảo đảm vừa phát huy khả năng làm kinh tế của đảng viên, vừa giữ được tư cách, phẩm chất đảng viên và bản chất của Đảng.

***Ba là**, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng; tăng cường quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát.* Mọi cán bộ, đảng viên có quyền bàn bạc, tham gia quyết định công việc của Đảng, đồng thời có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh các nghị quyết của Đảng. Lãnh đạo các cấp phải lắng nghe ý kiến của cấp dưới, của đảng viên và nhân dân. Xây dựng quy chế ra quyết định của Đảng, bảo đảm phát huy trí tuệ tập thể; hoàn thiện quy chế kiểm tra, giám sát trong Đảng; kết hợp giám sát trong Đảng với giám sát của Nhà nước và giám sát của nhân dân.

***Bốn là**, đổi mới tổ chức, bộ máy và công tác cán bộ.* Sắp xếp, đổi mới tổ chức, bộ máy của Đảng, đặc biệt là các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy khối ở Trung ương và cấp ủy các địa phương gắn với kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan nhà nước, đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, bảo đảm tinh

gọn, hoạt động thiết thực, hiệu quả; khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lắp; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan và người đứng đầu không rõ. Xây dựng đội ngũ cán bộ đồng bộ, có cơ cấu hợp lý, chất lượng tốt, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo kế tiếp vững vàng. Có cơ chế, chính sách bảo đảm phát hiện, đánh giá, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng người có đức, có tài, dù là đảng viên hay người ngoài Đảng. Cụ thể hóa, thể chế hóa nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ.

Năm là, *đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng,* trong đó tập trung đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng đường lối, quan điểm, các nghị quyết; lãnh đạo thể chế hóa, cụ thể hóa thành *Hiến pháp,* pháp luật; bố trí đúng cán bộ và thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện. Đảng lãnh đạo nhưng không bao biện, làm thay Nhà nước; trái lại, phát huy mạnh mẽ vai trò chủ động, sáng tạo của Nhà nước trong quản lý đất nước và xã hội. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể xác định đúng mục tiêu, phương hướng hoạt động; đồng thời phát huy tinh thần tự chủ, sáng tạo của Mặt trận và các đoàn thể trong xây dựng, đổi mới tổ chức và hoạt động của mình.

Về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, Ban Chấp hành Trung ương đề nghị kiên định các nguyên tắc cơ bản về Đảng và xây dựng Đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng

Hồ Chí Minh, đồng thời tiếp thu kết quả tổng kết 20 năm đổi mới, các công trình nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về xây dựng Đảng để xem xét, bổ sung, sửa đổi một số điểm cần thiết, chín muồi.

Trong các vấn đề đề nghị bổ sung, sửa đổi lần này, có ba vấn đề lớn là:

- Bổ sung cách diễn đạt về Đảng: "Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc".

- Bổ sung điều khoản "Bầu ủy viên Trung ương dự khuyết" nhằm cả hai mục đích bồi dưỡng, đào tạo, tạo nguồn cán bộ cho Trung ương và thay thế ủy viên Trung ương chính thức khi khuyết.

- Giao thêm chức năng giám sát cho cấp ủy đảng và ủy ban kiểm tra các cấp, coi kiểm tra, giám sát trước hết là nhiệm vụ của cấp ủy, gắn công tác kiểm tra với công tác giám sát, có giám sát mới phát hiện được các vấn đề mới, khắc phục được thiếu sót, khuyết điểm ngay từ lúc mới manh nha.

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Đất nước ta ngày càng lớn mạnh. Thế giới đang thay đổi rất nhanh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nước ta phải sớm trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nhân dân ta xứng đáng được hưởng cuộc sống ngày càng ấm no, tự do, hạnh phúc.

Đại hội X của Đảng nêu cao ý chí sắt đá của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, triệu người như một, năng động và

sáng tạo, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, quyết tâm đổi mới toàn diện và mạnh mẽ theo con đường xã hội chủ nghĩa, nhằm thực hiện bằng được mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", sánh vai cùng các nước trên thế giới trong nhịp bước khẩn trương của thời đại.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.11-53.

NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG, PHÁT HUY SỨC MẠNH TOÀN DÂN TỘC, ĐẨY MẠNH TOÀN DIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, SỚM ĐƯA NƯỚC TA RA KHỎI TÌNH TRẠNG KÉM PHÁT TRIỂN

(Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng)

Đại hội X của Đảng họp vào lúc toàn Đảng, toàn dân ta kết thúc 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và đã trải qua 20 năm đổi mới.

Đại hội có nhiệm vụ: kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010, nhìn lại 20 năm đổi mới; quyết định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010; kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, đề ra phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng; bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng; bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X.

I- KIỂM ĐIỂM 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀ NHÌN LẠI 20 NĂM ĐỔI MỚI

Năm năm qua, bên cạnh những thuận lợi do tiến trình đổi mới tạo ra, nước ta cũng gặp không ít khó khăn, thách thức do những yếu kém vốn có của nền kinh tế trình độ thấp; thiên tai, dịch bệnh xảy ra ở nhiều nơi; tình hình thế giới và khu vực diễn biến hết sức phức tạp, nhất là sau sự kiện ngày 11-9-2001 ở Mỹ; kinh tế thế giới và khu vực đan xen những biểu hiện suy thoái, phục hồi và phát triển, sự cạnh tranh và chính sách bảo hộ bất bình đẳng của một số nước... Trong hoàn cảnh đó, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta ra sức phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và ***đã đạt những thành tựu rất quan trọng:***

1. Nền kinh tế đã vượt qua thời kỳ suy giảm, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao và phát triển tương đối toàn diện

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm sau tăng cao hơn năm trước, bình quân trong 5 năm 2001 - 2005 là 7,51%, đạt mức kế hoạch đề ra. Kinh tế vĩ mô tương đối ổn định, các quan hệ và cân đối chủ yếu trong nền kinh tế (tích lũy - tiêu dùng, thu - chi ngân sách,...) được cải thiện; việc huy động các nguồn nội lực cho phát triển có chuyển biến tích cực, tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách nhà nước vượt dự kiến. Tổng vốn đầu tư vào nền kinh tế tăng nhanh đã làm tăng đáng kể năng lực sản xuất kinh doanh, tạo nhiều sản phẩm có sức cạnh tranh, hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều công trình

lớn về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tăng cường tiềm lực và cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đến năm 2005, tỉ trọng giá trị nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp trong GDP còn 20,9% (kế hoạch 20 - 21%), công nghiệp và xây dựng 41% (kế hoạch 38 - 39%), dịch vụ 38,1% (kế hoạch 41 - 42%). Các thành phần kinh tế đều phát triển.

Hoạt động kinh tế đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế có bước tiến mới rất quan trọng. Một số sản phẩm đã có sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Xuất khẩu, nhập khẩu có tốc độ tăng trưởng khá, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt hơn 50% GDP. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) liên tục tăng qua các năm. Đã có một số dự án đầu tư ra nước ngoài.

Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa bước đầu được xây dựng. Thị trường hàng hóa phát triển tương đối nhanh; một số loại thị trường mới đã hình thành.

2. Văn hóa và xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt; việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tốt; đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện

Giáo dục và đào tạo tiếp tục phát triển và được đầu tư nhiều hơn. Cơ sở vật chất được tăng cường. Quy mô đào tạo mở rộng, nhất là ở bậc trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Trình độ dân trí được nâng lên.

Khoa học và công nghệ góp phần tích cực vào việc hoạch định đường lối, chính sách, điều tra đánh giá tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, nghiên cứu ứng dụng

công nghệ mới phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh.

Công tác xóa đói giảm nghèo được đẩy mạnh bằng nhiều hình thức, biện pháp; đến cuối năm 2005, tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn Việt Nam cho giai đoạn 2001 - 2005) còn 7% (năm 2001 là 17,5%, kế hoạch là 10%). Đã kết hợp tốt các nguồn lực của Nhà nước và nhân dân, xây dựng nhiều công trình kết cấu hạ tầng kinh tế, văn hóa, xã hội cho các vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc.

Trong 5 năm, tạo việc làm cho 7,5 triệu lao động. Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 5,7 triệu đồng năm 2000 lên trên 10 triệu đồng năm 2005.

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân đạt nhiều kết quả: mở rộng mạng lưới y tế, đặc biệt là y tế cơ sở; khống chế và đẩy lùi một số dịch bệnh nguy hiểm; tuổi thọ trung bình của dân số nước ta tăng từ 67,8 (năm 2000) lên 71,5 (năm 2005).

Hoạt động văn hóa, thông tin, báo chí, thể dục thể thao... có tiến bộ trên một số mặt. Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", các phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc người có công, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, thương binh, gia đình liệt sĩ, các hoạt động nhân đạo, từ thiện... thu hút sự tham gia rộng rãi của các tầng lớp nhân dân.

3. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng và an ninh được tăng cường; quan hệ đối ngoại có bước phát triển mới

Độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

Quân đội nhân dân và Công an nhân dân có nhiều thành tích trong xây dựng lực lượng, nâng cao tinh thần chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Việc kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng ở một số địa bàn có hiệu quả. Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được củng cố.

Hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước và nhân dân phát triển mạnh, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới. Đã giải quyết được một số vấn đề về biên giới, lãnh thổ, vùng chồng lấn trên biển với một số quốc gia; chủ động và tích cực tham gia các diễn đàn thế giới; tổ chức thành công nhiều hội nghị quốc tế và khu vực tại Việt Nam.

4. Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có tiến bộ trên cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy

Quốc hội có những đổi mới quan trọng trong công tác lập pháp, tiếp tục sửa đổi, bổ sung Hiến pháp và hệ thống pháp luật; cải tiến quy trình xây dựng luật, đã thông qua 58 luật và 43 pháp lệnh mới, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động quản lý nhà nước, vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế.

Đã tăng cường một bước tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước; phân định cụ thể hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Chính phủ, của các bộ, ngành và chính quyền địa phương các cấp, đồng thời thực hiện sự phân cấp

nhiều hơn. Các hoạt động tư pháp và công tác cải cách tư pháp có những chuyển biến tích cực.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ngày càng thiết thực. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở được mở rộng và có hiệu quả hơn, nhất là ở xã, phường. Công tác dân tộc, tôn giáo, vận động người Việt Nam ở nước ngoài có tiến bộ.

5. Công tác xây dựng Đảng đạt một số kết quả tích cực

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, công tác tổ chức và cán bộ, xây dựng tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, phát triển đảng, công tác kiểm tra có những chuyển biến mới. Đa số cán bộ, đảng viên phát huy vai trò tiên phong, năng động, sáng tạo, giữ gìn phẩm chất đạo đức.

Đạt được những thành tựu trên là nhờ đường lối đúng đắn của Đảng; sự quản lý thống nhất theo pháp luật của Nhà nước, điều hành năng động của Chính phủ và nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các ngành, các cấp, các cơ sở sản xuất kinh doanh. Đó còn là do tác động tích cực của những cơ chế, chính sách đã ban hành; do kết quả đầu tư trong nhiều năm qua đã làm cho năng lực sản xuất của nhiều ngành và toàn bộ nền kinh tế tăng khá.

Tuy nhiên, chúng ta còn những ***khuyết điểm và yếu kém:***

1. Tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với khả năng; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn kém; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm

Các cân đối vĩ mô trong nền kinh tế chưa thật vững chắc, dễ bị ảnh hưởng bởi những biến động từ bên ngoài. Trình độ

khoa học, công nghệ, năng suất lao động thấp; giá thành nhiều sản phẩm còn cao so với khu vực và thế giới. Nhiều nguồn lực và tiềm năng trong nước chưa được huy động và khai thác tốt. Đầu tư của Nhà nước dàn trải, hiệu quả chưa cao, thất thoát nhiều. Lãng phí trong chi tiêu ngân sách nhà nước và tiêu dùng xã hội còn nghiêm trọng. Môi trường tự nhiên ở nhiều nơi bị hủy hoại, ô nhiễm nặng.

Lĩnh vực dịch vụ phát triển chậm. Nội dung và các biện pháp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn chưa cụ thể. Sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước, nhất là cổ phần hóa, còn nhiều vướng mắc. Chất lượng nguồn nhân lực thấp, lao động chưa qua đào tạo vẫn là phổ biến, lao động nông nghiệp còn chiếm tỷ lệ cao. Hoạt động kinh tế đối ngoại còn hạn chế. Nhiều doanh nghiệp chưa đủ sức vượt qua những khó khăn về cạnh tranh và thị trường.

Việc hoạch định và thực hiện các chủ trương, chính sách thúc đẩy phát triển và vận hành hệ thống thị trường chưa đồng bộ; một số nguyên tắc của thị trường bị vi phạm; tư duy bao cấp chưa được khắc phục triệt để.

2. Cơ chế, chính sách về văn hóa - xã hội chậm đổi mới; nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt

Kết quả xóa đói giảm nghèo chưa thật vững chắc, nguy cơ tái nghèo còn lớn. Khoảng cách chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa các tầng lớp nhân dân, giữa các vùng có xu hướng doãng ra. Nhu cầu về việc làm ở thành thị và nông thôn chưa được đáp ứng tốt.

Chất lượng giáo dục và đào tạo còn thấp. Khoa học và công nghệ chưa đáp ứng kịp yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong một bộ phận báo chí, xuất bản, văn hóa, nghệ thuật, xu hướng xa rời tôn chỉ, mục đích, chạy theo lợi ích vật chất đơn thuần chưa được khắc phục. Quản lý nhà nước đối với một số lĩnh vực trong giáo dục, y tế, thể dục thể thao còn yếu kém.

Tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn nghiêm trọng. Tội phạm và một số tệ nạn xã hội có chiều hướng tăng. Tai nạn giao thông gây nhiều thiệt hại về người và của.

3. Các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn một số mặt hạn chế

Sức mạnh tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang chưa được phát huy đầy đủ. Ở một số địa bàn, còn những yếu tố gây mất ổn định chính trị - xã hội.

Công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược về quốc phòng, an ninh, đối ngoại chưa theo kịp diễn biến của tình hình. Sự phối hợp giữa an ninh, quốc phòng và đối ngoại trong việc giải quyết một số vấn đề cụ thể thiếu chặt chẽ.

4. Tổ chức và hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân còn một số khâu chậm đổi mới

Quốc hội còn lúng túng trong việc thực hiện chức năng giám sát. Bộ máy quản lý nhà nước các cấp, nhất là ở cơ sở còn yếu kém. Tình trạng nhũng nhiễu, cửa quyền, thiếu trách nhiệm ở một bộ phận công chức, nhất là ở các cơ quan trực tiếp giải quyết công việc của dân và doanh nghiệp, chậm

được khắc phục. Mô hình tổ chức chính quyền địa phương, nhất là tổ chức hội đồng nhân dân, còn những điểm bất hợp lý. Cải cách hành chính chưa đạt yêu cầu. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở nhiều nơi còn mang tính hành chính, hình thức. Dân chủ trong xã hội còn bị vi phạm. Kỷ cương, kỷ luật ở nhiều nơi không nghiêm.

5. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa đạt yêu cầu

Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận cán bộ, công chức diễn ra nghiêm trọng. Nhiều tổ chức cơ sở đảng thiếu sức chiến đấu và không đủ năng lực giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh. Công tác tư tưởng còn thiếu tính thuyết phục. Công tác lý luận chưa làm sáng tỏ được một số vấn đề quan trọng trong công cuộc đổi mới. Công tác tổ chức và cán bộ còn nhiều mặt yếu kém. Chất lượng và hiệu quả kiểm tra, giám sát chưa cao.

Những khuyết điểm và yếu kém nói trên do ***nhiều nguyên nhân*** khách quan và chủ quan, chủ yếu là những *nguyên nhân chủ quan*:

Tư duy của Đảng trên một số lĩnh vực chậm đổi mới. Một số vấn đề ở tầm quan điểm, chủ trương lớn chưa được làm rõ nên chưa đạt được sự thống nhất cao về nhận thức và thiếu dứt khoát trong hoạch định chính sách, chỉ đạo điều hành, như các vấn đề: sở hữu và thành phần kinh tế; cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và hội nhập kinh tế quốc tế; đổi mới chính sách, cơ chế quản

lý giáo dục, y tế, văn hóa; đổi mới tổ chức, phương thức hoạt động của hệ thống chính trị...

Sự chỉ đạo tổ chức thực hiện chưa tốt. Ba lĩnh vực được coi là ba khâu đột phá (xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà trọng tâm là đổi mới cơ chế, chính sách; tạo bước chuyển mạnh về phát triển nguồn nhân lực; đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị mà trọng tâm là cải cách hành chính) cũng như việc xây dựng một số công trình trọng điểm lớn của quốc gia chưa được chỉ đạo tập trung, thực hiện thiếu tinh thần trách nhiệm. Tình trạng nói nhiều làm ít, làm không đến nơi đến chốn hoặc không làm còn diễn ra ở nhiều nơi. Hiệu lực quản lý nhà nước còn thấp trên một số lĩnh vực như: quy hoạch, đất đai, xây dựng cơ bản, tài chính, ngân hàng, tài nguyên môi trường, sở hữu trí tuệ... Công tác kiểm tra, thanh tra còn thiếu hiệu lực.

Một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt, yếu kém về phẩm chất và năng lực, vừa thiếu tính tiên phong, gương mẫu, vừa không đủ trình độ hoàn thành nhiệm vụ.

Những khuyết điểm nói trên, trước hết thuộc trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp là của Bộ Chính trị. Ban Chấp hành Trung ương xin tự phê bình nghiêm túc về những khuyết điểm của mình trước Đại hội và trước nhân dân.

Cùng với việc kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, chúng ta ***nhìn lại 20 năm đổi mới.***

Hai mươi năm qua, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt ***những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử.***

Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Kinh tế tăng trưởng khá nhanh, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị - xã hội ổn định. Quốc phòng và an ninh được giữ vững. Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp.

Những thành tựu đó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo, phù hợp thực tiễn Việt Nam. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản.

Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản;

có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

Để đi lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần của xã hội; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong khi khẳng định những thành tựu nói trên, cần thấy rõ, cho đến nay *nước ta vẫn trong tình trạng kém phát triển*. Kinh tế còn lạc hậu so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, xây dựng hệ thống chính trị, còn nhiều yếu kém. Lý luận chưa giải đáp được một số vấn đề của thực tiễn đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đặc biệt là trong việc giải quyết các mối quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng phát triển; giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa đổi mới với ổn định và phát triển; giữa độc lập tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế...

Từ thực tiễn 20 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước ta càng tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý. Có thể rút ra ***một số bài học lớn*** sau đây:

Một là, *trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa*

Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đổi mới không phải từ bỏ mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà là làm cho chủ nghĩa xã hội được nhận thức đúng đắn hơn và được xây dựng có hiệu quả hơn. Đổi mới không phải xa rời mà là nhận thức đúng, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy đó làm nền tảng tư tưởng của Đảng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng.

Hai là, *đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp*. Phải đổi mới từ nhận thức, tư duy đến hoạt động thực tiễn; từ kinh tế, chính trị, đối ngoại đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; từ hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đến hoạt động cụ thể trong từng bộ phận của hệ thống chính trị. Đổi mới tất cả các mặt của đời sống xã hội nhưng phải có trọng tâm, trọng điểm, có những bước đi thích hợp; bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ và đồng bộ giữa ba nhiệm vụ: phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt và phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội.

Ba là, *đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới*. Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân. Những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân có vai trò quan trọng trong việc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Dựa vào nhân dân, xuất phát từ thực tiễn và thường xuyên tổng kết thực tiễn, phát hiện nhân tố mới, từng bước tìm ra quy luật phát triển, đó là chìa khóa của thành công.

Bốn là, *phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức tranh thủ ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời*

đại trong điều kiện mới. Phát huy nội lực, xem đó là nhân tố quyết định đối với sự phát triển; đồng thời coi trọng huy động các nguồn ngoại lực, thông qua hội nhập và hợp tác quốc tế, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để phát huy nội lực mạnh hơn, nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước nhanh và bền vững, trên cơ sở giữ vững độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa.

***Năm là**, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân*. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là khâu then chốt, là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp đổi mới. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là yêu cầu bức thiết của xã hội; Nhà nước phải thể chế hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả quyền công dân, quyền con người. Phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc tập hợp các tầng lớp nhân dân, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc để thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới.

Qua tổng kết lý luận - thực tiễn 20 năm đổi mới, chúng ta càng thấy rõ giá trị định hướng và chỉ đạo to lớn của *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991), đồng thời cũng thấy rõ thêm những vấn đề mới đặt ra cần được giải đáp. Sau Đại hội X, Đảng ta cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát triển *Cương lĩnh,* làm nền tảng chính trị, tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong quá trình đưa nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội.

II- MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC 5 NĂM 2006 - 2010

Dự báo tình hình những năm sắp tới:

Trên thế giới, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục phục hồi và phát triển nhưng vẫn tiềm ẩn những yếu tố bất trắc khó lường. Toàn cầu hóa kinh tế tạo ra cơ hội phát triển nhưng cũng chứa đựng nhiều yếu tố bất bình đẳng, gây khó khăn, thách thức lớn cho các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển. Cạnh tranh kinh tế - thương mại, giành giật các nguồn tài nguyên, năng lượng, thị trường, nguồn vốn, công nghệ... giữa các nước ngày càng gay gắt. Khoa học và công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt và những đột phá lớn.

Những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, ly khai, hoạt động khủng bố, những tranh chấp về biên giới, lãnh thổ, biển đảo và các tài nguyên thiên nhiên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp. Các mâu thuẫn lớn của thời đại vẫn rất gay gắt. Nhiều vấn đề toàn cầu bức xúc đòi hỏi các quốc gia và các tổ chức quốc tế phối hợp giải quyết: khoảng cách chênh lệch giữa các nhóm nước giàu và nước nghèo ngày càng lớn; sự gia tăng dân số cùng với các luồng dân di cư; tình trạng khan hiếm nguồn năng lượng, cạn kiệt tài nguyên, môi trường tự nhiên bị hủy hoại; khí hậu diễn biến ngày càng xấu, kèm theo những thiên tai khủng khiếp; các dịch bệnh lớn, các tội phạm xuyên quốc gia có chiều hướng tăng.

Ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung và Đông Nam Á nói riêng, xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển tiếp tục gia tăng, nhưng luôn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định như: tranh chấp về ảnh hưởng và quyền lực, về biên giới, lãnh thổ, biển đảo, tài nguyên giữa các nước; những bất ổn về kinh tế, chính trị, xã hội ở một số nước...

Trong nước, những thành tựu 5 năm qua (2001 - 2005) và 20 năm đổi mới (1986 - 2006) làm cho thế và lực nước ta lớn mạnh lên nhiều so với trước. Việc mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình tạo thêm nhiều thuận lợi cho nhân dân ta đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội với tốc độ nhanh hơn.

Tuy nhiên, nước ta đang đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp, không thể coi thường bất cứ thách thức nào. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên gắn với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí là nghiêm trọng. Những biểu hiện xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội chưa được khắc phục. Các thế lực thù địch vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", gây bạo loạn lật đổ, sử dụng các chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền" hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta.

Những năm tới, đất nước ta có cơ hội lớn để tiến lên, tuy khó khăn còn nhiều. Đòi hỏi bức bách của toàn dân tộc lúc này là phải *tranh thủ cơ hội, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ, phát triển nhanh và bền vững hơn.*

Mục tiêu và phương hướng tổng quát 5 năm 2006 - 2010:

Năm năm (2006 - 2010) có ý nghĩa quyết định đối với việc hoàn thành Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm đầu thế kỷ XXI do Đại hội IX của Đảng đề ra.

Mục tiêu và phương hướng tổng quát của 5 năm (2006 - 2010) là: *nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; phát triển văn hóa; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tăng cường quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.*

Phấn đấu tăng trưởng kinh tế với nhịp độ nhanh, chất lượng cao và bền vững hơn, gắn với phát triển con người. Đến năm 2010, tổng sản phẩm trong nước (GDP) gấp hơn 2,1 lần so với năm 2000. Trong 5 năm (2006 - 2010), mức tăng trưởng *GDP bình quân đạt 7,5 - 8%/năm, phấn đấu đạt trên 8%/năm.*

III- TIẾP TỤC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Nắm vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta là:

Thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"; giải phóng mạnh mẽ và không

ngừng phát triển sức sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân; đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng, giúp đỡ người khác thoát nghèo và từng bước khá giả hơn.

Phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục..., giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội.

Phát huy quyền làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

2. Nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước

Nhà nước tập trung làm tốt các chức năng:

Định hướng sự phát triển bằng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và cơ chế, chính sách trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc của thị trường. Đổi mới căn bản công tác quy hoạch, kế hoạch phù hợp yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế, phát huy tối đa mọi lợi thế so sánh của quốc gia, vùng và địa phương, thu hút mọi nguồn lực tham gia phát triển kinh tế - xã hội.

Tạo môi trường pháp lý và cơ chế, chính sách thuận lợi để phát huy các nguồn lực của xã hội cho phát triển, các chủ thể hoạt động kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh, công khai, minh bạch, có trật tự, kỷ cương.

Hỗ trợ phát triển, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, hệ thống an sinh xã hội.

Bảo đảm tính bền vững và tích cực của các cân đối kinh tế vĩ mô, hạn chế các rủi ro và tác động tiêu cực của cơ chế thị trường.

Tác động đến thị trường chủ yếu thông qua cơ chế, chính sách và các công cụ kinh tế; đồng thời sử dụng kịp thời có hiệu quả một số biện pháp cần thiết khi thị trường trong nước hoạt động không có hiệu quả hoặc thị trường khu vực và thế giới có biến động lớn.

Thực hiện quản lý nhà nước bằng hệ thống pháp luật, giảm tối đa sự can thiệp hành chính vào hoạt động của thị trường và doanh nghiệp. Tách chức năng quản lý hành chính của Nhà nước khỏi chức năng quản lý kinh doanh của doanh nghiệp, xóa bỏ "chế độ chủ quản"; tách hệ thống cơ quan hành chính công khỏi hệ thống cơ quan sự nghiệp; phát triển mạnh các dịch vụ công cộng (giáo dục, khoa học và công nghệ, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao).

Tiếp tục đổi mới chính sách tài chính và tiền tệ, bảo đảm tính ổn định và sự phát triển bền vững của nền tài chính quốc gia.

Phân định rõ chức năng, mối quan hệ giữa Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước về kinh tế và xã hội.

3. Phát triển đồng bộ và quản lý có hiệu quả sự vận hành các loại thị trường cơ bản theo cơ chế cạnh tranh lành mạnh

Phát triển *thị trường hàng hóa và dịch vụ*. Thu hẹp những lĩnh vực Nhà nước độc quyền kinh doanh, xóa bỏ độc quyền doanh nghiệp; tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý giá. Phát triển mạnh thương mại trong nước; tăng nhanh xuất khẩu, nhập khẩu. Đẩy mạnh tự do hóa thương mại phù hợp các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế. Tạo bước phát triển mới, nhanh và toàn diện thị trường dịch vụ, nhất là những dịch vụ cao cấp, có hàm lượng trí tuệ cao, giá trị gia tăng lớn.

Phát triển vững chắc *thị trường tài chính* bao gồm thị trường vốn và thị trường tiền tệ theo hướng đồng bộ, có cơ cấu hoàn chỉnh. Mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động của thị trường vốn, thị trường chứng khoán. Huy động mọi nguồn vốn trong xã hội cho đầu tư phát triển. Hiện đại hóa và đa dạng hóa các hoạt động của thị trường tiền tệ. Xây dựng các ngân hàng thương mại nhà nước vững mạnh về mọi mặt. Mở cửa thị trường dịch vụ ngân hàng theo lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Phát triển *thị trường bất động sản*, bao gồm thị trường quyền sử dụng đất và bất động sản gắn liền với đất: bảo đảm quyền sử dụng đất chuyển thành hàng hóa một cách thuận lợi, làm cho đất đai thực sự trở thành nguồn vốn cho phát triển, thị trường bất động sản trong nước có sức cạnh tranh so với thị trường khu vực, có sức hấp dẫn các nhà đầu tư. Thực hiện công khai, minh bạch và tăng cường tính pháp lý, kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đất đai. Nhà nước điều tiết giá đất bằng quan hệ cung - cầu về đất đai và thông qua các

chính sách về thuế có liên quan đến đất đai. Nhà nước vừa quản lý tốt thị trường bất động sản vừa là nhà đầu tư bất động sản lớn nhất. Hoàn thiện hệ thống luật pháp về kinh doanh bất động sản.

Phát triển *thị trường sức lao động* trong mọi khu vực kinh tế, tạo sự gắn kết cung - cầu lao động, phát huy tính tích cực của người lao động trong học nghề, tự tạo và tìm việc làm. Có chính sách ưu đãi các doanh nghiệp thu hút nhiều lao động, nhất là ở khu vực nông thôn. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động, đặc biệt là xuất khẩu lao động đã qua đào tạo nghề, lao động nông nghiệp. Hoàn thiện cơ chế, chính sách tuyển chọn và sử dụng lao động trong khu vực kinh tế nhà nước và bộ máy công quyền. Đa dạng hóa các hình thức giao dịch việc làm; phát triển hệ thống thông tin về thị trường sức lao động trong nước và thế giới. Có chính sách nhập khẩu lao động có chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ và quản lý ở những ngành, nghề cần ưu tiên phát triển.

Xây dựng hệ thống luật pháp về lao động và thị trường sức lao động nhằm bảo đảm quyền lựa chọn chỗ làm việc và nơi cư trú của người lao động; thực hiện rộng rãi chế độ hợp đồng lao động; bảo đảm quyền lợi của cả người lao động và người sử dụng lao động.

Phát triển *thị trường khoa học và công nghệ* trên cơ sở đổi mới cơ chế, chính sách để phần lớn sản phẩm khoa học và công nghệ (trừ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu phục vụ xây dựng đường lối, chiến lược, chính sách phát triển) trở thành hàng hóa. Thông tin rộng rãi và tạo môi trường cạnh tranh để các sản phẩm khoa học và công nghệ được mua bán thuận lợi trên thị trường. Chuyển các tổ chức nghiên cứu và phát

triển thuộc nhiều loại hình sở hữu sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp.

4. Phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh

Trên cơ sở ba chế độ sở hữu (toàn dân, tập thể, tư nhân), hình thành nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết nền kinh tế, tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy các thành phần kinh tế cùng phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế.

Doanh nghiệp cổ phần ngày càng phát triển, trở thành hình thức tổ chức kinh tế phổ biến, thúc đẩy xã hội hóa sản xuất kinh doanh và sở hữu.

Xóa bỏ mọi sự phân biệt đối xử theo hình thức sở hữu; Nhà nước chỉ thực hiện sự ưu đãi hoặc hỗ trợ phát triển đối với một số ngành, lĩnh vực, sản phẩm; một số mục tiêu như xuất khẩu, tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, khắc phục rủi ro; một số địa bàn, các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thực hiện Chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp. Xây dựng một hệ thống doanh nghiệp Việt Nam nhiều về số lượng, có sức cạnh tranh cao, có thương hiệu uy tín, trong đó chủ lực là một số tập đoàn kinh tế lớn dựa trên hình thức cổ phần. Nhà nước định hướng, tạo môi trường để phát triển có hiệu quả các doanh nghiệp theo cơ chế thị trường; bồi dưỡng, đào tạo và tôn vinh các doanh nhân có tài, có đức và thành đạt.

Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước

Hoàn thiện cơ chế, chính sách để các doanh nghiệp nhà nước thực sự hoạt động trong môi trường cạnh tranh, công khai, minh bạch, nâng cao hiệu quả. Xóa bỏ độc quyền và đặc quyền sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Doanh nghiệp nhà nước có quyền tài sản, thực sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm trên thị trường và trước pháp luật. Gắn trách nhiệm, quyền hạn và lợi ích của người quản lý doanh nghiệp với kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Chăm lo đào tạo đội ngũ quản trị giỏi đáp ứng tốt yêu cầu quản lý công ty theo chế độ hiện đại.

Đẩy mạnh việc sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là cổ phần hóa. Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, tập trung chủ yếu vào một số lĩnh vực kết cấu hạ tầng, sản xuất tư liệu sản xuất và dịch vụ quan trọng của nền kinh tế, vào một số lĩnh vực công ích. Đẩy mạnh và mở rộng diện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, kể cả các tổng công ty nhà nước. Việc xác định giá trị doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa, kể cả giá trị quyền

sử dụng đất, phải theo cơ chế thị trường. Đề phòng và khắc phục những lệch lạc, tiêu cực trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

Thúc đẩy việc hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh, tầm cỡ khu vực, có sự tham gia cổ phần của Nhà nước, của tư nhân trong và ngoài nước, các công ty bảo hiểm, các quỹ đầu tư..., trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối.

Tiếp tục đổi mới và phát triển các loại hình kinh tế tập thể

Tổng kết thực tiễn, sớm có chính sách, cơ chế cụ thể khuyến khích phát triển mạnh hơn các loại hình kinh tế tập thể đa dạng về hình thức sở hữu và hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh, bao gồm các tổ hợp tác, hợp tác xã kiểu mới. Chú trọng phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cổ phần.

Khuyến khích việc tăng vốn góp và các nguồn vốn huy động từ thành viên để tăng nguồn vốn hoạt động của hợp tác xã, tăng vốn đầu tư phát triển, tăng tài sản và quỹ không chia trong hợp tác xã.

Hợp tác xã và các loại hình kinh tế hợp tác hoạt động theo các nguyên tắc: hợp tác tự nguyện; dân chủ, bình đẳng và công khai; tự chủ, tự chịu trách nhiệm và cùng có lợi; hợp tác và phát triển cộng đồng.

Phát triển mạnh các hộ kinh doanh cá thể và các loại hình doanh nghiệp của tư nhân

Mọi công dân có quyền tham gia các hoạt động đầu tư, kinh doanh với quyền sở hữu tài sản và quyền tự do kinh doanh được pháp luật bảo hộ; có quyền bình đẳng trong đầu tư, kinh doanh, tiếp cận các cơ hội, nguồn lực kinh doanh, thông tin và nhận thông tin.

Xóa bỏ mọi rào cản, tạo tâm lý xã hội và môi trường kinh doanh thuận lợi cho các loại hình doanh nghiệp của tư nhân phát triển không hạn chế quy mô trong mọi ngành nghề, lĩnh vực, kể cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh quan trọng của nền kinh tế mà pháp luật không cấm.

Thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài

Cải thiện môi trường pháp lý và kinh tế, đa dạng hóa các hình thức và cơ chế để thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài vào những ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh quan trọng.

IV- ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HÓA GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRI THỨC

Tranh thủ cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra và tiềm năng, lợi thế của nước ta để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với phát triển kinh tế tri thức, coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phát triển mạnh các ngành và sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức; kết hợp việc sử dụng nguồn vốn tri thức của con người Việt Nam với tri thức mới nhất của nhân loại. Coi trọng cả số lượng và chất lượng tăng trưởng kinh tế trong mỗi bước phát triển của đất nước, ở từng vùng, từng địa phương, trong từng dự án kinh tế - xã hội.

Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại và hợp lý theo ngành, lĩnh vực và lãnh thổ. Giảm chi phí trung gian, nâng cao năng

suất lao động của tất cả các ngành, lĩnh vực, nhất là các ngành, lĩnh vực có sức cạnh tranh cao.

Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân

Chuyển dịch mạnh cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng tạo ra giá trị gia tăng ngày càng cao, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường; thực hiện cơ khí hóa, điện khí hóa, thủy lợi hóa, đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ sinh học vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh, phù hợp đặc điểm từng vùng, từng địa phương. Tăng nhanh tỉ trọng giá trị sản phẩm và lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ; giảm dần tỉ trọng sản phẩm và lao động nông nghiệp. Sớm khắc phục tình trạng manh mún về đất canh tác của các hộ nông dân, khuyến khích việc dồn điền đổi thửa, cho thuê, góp vốn cổ phần bằng đất; phát triển các khu nông nghiệp công nghệ cao, vùng trồng trọt và chăn nuôi tập trung, doanh nghiệp công nghiệp và dịch vụ gắn với hình thành các ngành nghề, làng nghề, hợp tác xã, trang trại, tạo ra những sản phẩm có thị trường và hiệu quả kinh tế cao.

Thực hiện tốt chương trình bảo vệ và phát triển rừng; đổi mới chính sách giao đất, giao rừng, bảo đảm cho người làm nghề rừng có cuộc sống ổn định và được cải thiện. Phát triển rừng nguyên liệu gắn với công nghiệp chế biến lâm sản có công nghệ hiện đại.

Phát triển đồng bộ và có hiệu quả nuôi trồng, đánh bắt, chế biến và bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Coi trọng khâu sản

xuất và cung cấp giống tốt, bảo vệ môi trường, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu.

Tăng cường các hoạt động khuyến nông, khuyến công, khuyến lâm, khuyến ngư, công tác thú y, bảo vệ thực vật và các dịch vụ kỹ thuật khác ở nông thôn. Chuyển giao nhanh và ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp; chú trọng các khâu giống, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng, công nghệ sau thu hoạch và công nghệ chế biến.

Khẩn trương xây dựng các quy hoạch phát triển nông thôn. Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới. Xây dựng các làng, xã, ấp, bản có cuộc sống no đủ, văn minh, môi trường lành mạnh. Hình thành các khu dân cư đô thị hóa với kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ như: thủy lợi, giao thông, điện, nước sạch, cụm công nghiệp, trường học, trạm y tế, bưu điện, chợ. Phát huy dân chủ ở nông thôn đi đôi với xây dựng nếp sống văn hóa, nâng cao trình độ dân trí, bài trừ các tệ nạn xã hội, hủ tục, mê tín dị đoan; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Chú trọng dạy nghề, giải quyết việc làm cho nông dân, trước hết ở các vùng sử dụng đất nông nghiệp để xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ, giao thông, các khu đô thị mới. Chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn theo hướng giảm nhanh tỉ trọng lao động làm nông nghiệp, tăng tỉ trọng lao động làm công nghiệp và dịch vụ. Tạo điều kiện để lao động nông thôn có việc làm trong và ngoài khu vực nông thôn, kể cả ở nước ngoài. Đầu tư mạnh hơn cho các chương trình xóa đói giảm nghèo, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Phát triển nhanh hơn công nghiệp, xây dựng và dịch vụ

Khuyến khích phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế tác, công nghiệp phần mềm và công nghiệp bổ trợ có lợi thế cạnh tranh, tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu và thu hút nhiều lao động; phát triển một số khu kinh tế mở và đặc khu kinh tế, nâng cao hiệu quả của các khu công nghiệp, khu chế xuất.

Khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia phát triển mạnh các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng theo hướng hiện đại; ưu tiên thu hút đầu tư của các tập đoàn kinh tế lớn nước ngoài và các công ty lớn xuyên quốc gia.

Khẩn trương thu hút vốn trong và ngoài nước để đầu tư thực hiện một số dự án quan trọng về khai thác dầu khí, lọc dầu và hóa dầu, luyện kim, cơ khí chế tạo, hóa chất cơ bản, phân bón, vật liệu xây dựng. Có chính sách hạn chế xuất khẩu tài nguyên thô. Thu hút những chuyên gia giỏi, cao cấp của nước ngoài và trong cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Trên cơ sở bổ sung và hoàn chỉnh quy hoạch, huy động các nguồn lực trong và ngoài nước để xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là sân bay quốc tế, cảng biển, đường cao tốc, đường ven biển, đường đông tây, mạng lưới cung cấp điện, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ở các đô thị lớn, hệ thống thủy lợi, cấp thoát nước. Phát triển công nghiệp năng lượng đi đôi với công nghệ tiết kiệm năng lượng. Tăng nhanh năng lực và hiện đại hóa bưu chính - viễn thông.

Tạo bước phát triển vượt bậc của các ngành dịch vụ, nhất là những ngành có chất lượng cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh, đưa tốc độ tăng trưởng của các ngành dịch vụ cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP. Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng một số ngành: vận tải, thương mại, du lịch, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính - viễn thông, tư vấn...

Phát triển kinh tế vùng

Có cơ chế, chính sách phù hợp để các vùng trong cả nước cùng phát triển, đồng thời tạo sự liên kết giữa các vùng và nội vùng.

Thúc đẩy phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, tạo động lực, tác động lan tỏa đến các vùng khác; đồng thời tạo điều kiện phát triển nhanh hơn cho các vùng kinh tế đang còn nhiều khó khăn, đặc biệt là các vùng biên giới, hải đảo, Tây Nguyên, Tây Nam, Tây Bắc.

Phát triển kinh tế biển

Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm; sớm đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về kinh tế biển trong khu vực, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế. Phát triển hệ thống cảng biển, vận tải biển, khai thác và chế biến dầu khí, hải sản, dịch vụ biển; đẩy nhanh ngành công nghiệp đóng tàu biển và công nghiệp khai thác, chế biến hải sản. Phát triển mạnh, đi trước một bước một số vùng kinh tế ven biển và hải đảo.

Chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu công nghệ

Phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm đến năm 2010 có nguồn nhân lực với cơ cấu đồng bộ và chất lượng cao; tỷ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp còn dưới 50% lực lượng lao động xã hội.

Phát triển khoa học và công nghệ phù hợp xu thế phát triển nhảy vọt của cách mạng khoa học và công nghệ. Lựa chọn và đi ngay vào công nghệ hiện đại ở một số lĩnh vực then chốt. Chú trọng phát triển công nghệ cao để tạo đột phá và công nghệ sử dụng nhiều lao động để giải quyết việc làm.

Bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia, cải thiện môi trường tự nhiên

Tăng cường quản lý tài nguyên quốc gia, nhất là các tài nguyên đất, nước, khoáng sản và rừng.

Ngăn chặn các hành vi hủy hoại và gây ô nhiễm môi trường, khắc phục tình trạng xuống cấp môi trường ở các lưu vực sông, đô thị, khu công nghiệp, làng nghề, nơi đông dân cư và có nhiều hoạt động kinh tế. Từng bước sử dụng công nghệ sạch, năng lượng sạch.

Tích cực phục hồi môi trường và các hệ sinh thái bị phá hủy. Tiếp tục phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, bảo vệ đa dạng sinh học. Quan tâm đầu tư cho lĩnh vực môi trường, nhất là các hoạt động thu gom, tái chế và xử lý chất thải.

Hoàn chỉnh luật pháp, tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ và cải thiện môi trường tự nhiên.

Từng bước hiện đại hóa công tác nghiên cứu, dự báo khí tượng - thủy văn; chủ động phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

V- NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là

quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1. Đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; đổi mới cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý, nội dung, phương pháp dạy và học; thực hiện "chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa", chấn hưng nền giáo dục Việt Nam.

Chuyển dần mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập với hệ thống học tập suốt đời, đào tạo liên tục, liên thông giữa các bậc học, ngành học; xây dựng và phát triển hệ thống học tập cho mọi người và những hình thức học tập, thực hành linh hoạt, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên; tạo nhiều khả năng, cơ hội khác nhau cho người học, bảo đảm sự công bằng xã hội trong giáo dục.

Đổi mới mạnh mẽ giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông. Khẩn trương điều chỉnh, khắc phục tình trạng quá tải và thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục và sách giáo khoa phổ thông bảo đảm tính khoa học, cơ bản, phù hợp tâm lý lứa tuổi và điều kiện cụ thể của Việt Nam. Kết hợp việc tổ chức phân ban với tự chọn ở trung học phổ thông trên cơ sở làm tốt công tác hướng nghiệp và phân luồng từ trung học cơ sở. Bảo đảm đúng tiến độ và chất lượng phổ cập giáo dục.

Phát triển mạnh hệ thống giáo dục nghề nghiệp, tăng nhanh quy mô đào tạo cao đẳng nghề, trung cấp nghề cho các khu công nghiệp, các vùng kinh tế động lực và cho việc xuất khẩu lao động. Mở rộng mạng lưới cơ sở dạy nghề, phát triển

trung tâm dạy nghề quận, huyện. Tạo chuyển biến căn bản về chất lượng dạy nghề, tiếp cận với trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích phát triển các hình thức dạy nghề đa dạng, linh hoạt: dạy nghề ngoài công lập, tại doanh nghiệp, tại làng nghề...; tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động học nghề, lập nghiệp. Tổ chức dạy nghề, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ sản xuất phù hợp cho nông dân, đồng bào dân tộc thiểu số.

Đổi mới hệ thống giáo dục đại học và sau đại học, gắn đào tạo với sử dụng, trực tiếp phục vụ chuyển đổi cơ cấu lao động, phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là chuyên gia đầu ngành. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài; nhanh chóng xây dựng cơ cấu nguồn nhân lực hợp lý về ngành nghề, trình độ đào tạo, dân tộc, vùng miền...; có cơ chế và chính sách gắn kết có hiệu quả trường đại học với cơ sở nghiên cứu khoa học và doanh nghiệp để chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào sản xuất kinh doanh. Xây dựng một số trường đại học trọng điểm đạt trình độ khu vực và quốc tế.

Bảo đảm đủ số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên ở tất cả các cấp học, bậc học. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp giáo dục, phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học, khắc phục lối truyền thụ một chiều. Hoàn thiện hệ thống đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục. Cải tiến nội dung và phương pháp thi cử nhằm đánh giá đúng trình độ tiếp thu tri thức, khả năng học tập. Khắc phục những mặt yếu kém và tiêu cực trong giáo dục.

Thực hiện xã hội hóa giáo dục. Huy động nguồn lực vật chất và trí tuệ của xã hội tham gia chăm lo sự nghiệp giáo

dục. Phối hợp chặt chẽ giữa ngành giáo dục với các ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp... để mở mang giáo dục, tạo điều kiện học tập cho mọi thành viên trong xã hội. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động giáo dục.

Đổi mới cơ chế quản lý giáo dục. Phân cấp, tạo động lực và sự chủ động của các cơ sở, các chủ thể tiến hành giáo dục. Nhà nước tăng đầu tư tập trung cho các mục tiêu ưu tiên, các chương trình quốc gia phát triển giáo dục, hỗ trợ các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; thực hiện việc miễn giảm đóng góp và cấp học bổng cho học sinh nghèo, các đối tượng chính sách, học sinh giỏi.

Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo. Tiếp cận chuẩn mực giáo dục tiên tiến của thế giới phù hợp với yêu cầu phát triển của Việt Nam; tham gia đào tạo nhân lực khu vực và thế giới. Có cơ chế quản lý phù hợp đối với các trường do nước ngoài đầu tư hoặc liên kết đào tạo.

2. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của khoa học và công nghệ

Phấn đấu đến năm 2010, năng lực khoa học và công nghệ nước ta đạt trình độ của các nước tiên tiến trong khu vực trên một số lĩnh vực quan trọng.

Phát triển khoa học xã hội, tiếp tục góp phần làm sáng tỏ những nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, giải đáp những vấn đề mới của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bước đi công nghiệp hóa, hiện đại hóa; những nguyên tắc, nội dung cơ bản

của phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; phát triển con người; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong giai đoạn mới,... Thường xuyên tổng kết thực tiễn để phát triển lý luận; dự báo tình hình và xu thế phát triển của thế giới, khu vực và trong nước; cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Phát triển khoa học tự nhiên và khoa học công nghệ, tập trung nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng, đặc biệt các lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu và thế mạnh. Đẩy mạnh có chọn lọc việc nhập công nghệ, mua sáng chế kết hợp công nghệ nội sinh để nhanh chóng đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ của các ngành có lợi thế cạnh tranh, có tỉ trọng lớn trong GDP, các ngành công nghiệp bổ trợ và tạo nhiều việc làm cho xã hội; phát triển công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học và công nghệ vật liệu mới. Phát triển hệ thống thông tin quốc gia về nhân lực và công nghệ.

Đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ theo hướng Nhà nước đầu tư vào các chương trình nghiên cứu quốc gia đạt trình độ khu vực và thế giới, xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ của một số lĩnh vực trọng điểm. Đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho khoa học và công nghệ, huy động các thành phần kinh tế tham gia các hoạt động khoa học, công nghệ. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Nâng cao chất lượng và khả năng thương mại của các sản phẩm khoa học và công nghệ; đẩy mạnh việc đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp.

Nhà nước khuyến khích các hoạt động sáng tạo, hoàn thiện và ứng dụng công nghệ mới, thông qua các chính sách hỗ trợ phát triển, công nhận và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Có chính sách hấp dẫn để các công ty xuyên quốc gia đầu tư và chuyển giao công nghệ mới cho các doanh nghiệp Việt Nam. Chú trọng nhập khẩu công nghệ hiện đại; từng bước phát triển mạnh công nghệ trong nước.

Trọng dụng nhân tài, các nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư, kỹ sư trưởng, kỹ thuật viên lành nghề và công nhân kỹ thuật có tay nghề cao. Có chính sách thu hút các nhà khoa học, công nghệ giỏi ở trong nước và ngoài nước, trong cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

VI- THỰC HIỆN TIẾN BỘ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI NGAY TRONG TỪNG BƯỚC VÀ TỪNG CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN

Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, địa phương; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, thực hiện tốt các chính sách xã hội trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn quyền lợi và nghĩa vụ, cống hiến và hưởng thụ, tạo động lực mạnh mẽ và bền vững hơn cho phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc.

Khuyến khích mọi người làm giàu theo luật pháp, thực hiện có hiệu quả các chính sách xóa đói giảm nghèo. Tạo điều kiện và cơ hội tiếp cận bình đẳng các nguồn lực phát triển, hưởng thụ các dịch vụ xã hội cơ bản, vươn lên thoát đói

nghèo vững chắc ở các vùng nghèo và các bộ phận dân cư nghèo. Khắc phục tư tưởng bao cấp, ỷ lại.

Xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống chính sách bảo đảm cung ứng dịch vụ công cộng thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân về giáo dục và đào tạo, tạo việc làm, chăm sóc sức khỏe, văn hóa - thông tin, thể dục thể thao...

Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng; phát triển mạnh hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân. Đa dạng hóa các loại hình cứu trợ xã hội, tạo việc làm, đẩy mạnh xuất khẩu lao động, hướng tới xuất khẩu lao động trình độ cao... Tiếp tục đổi mới chính sách tiền lương, chính sách phân phối thu nhập.

Phát triển hệ thống y tế công bằng và hiệu quả, bảo đảm mọi người dân được chăm sóc và bảo vệ sức khỏe. Nhà nước tiếp tục tăng đầu tư để nâng cấp các cơ sở y tế, y tế dự phòng, xây dựng và hoàn thiện chính sách trợ cấp và bảo hiểm y tế cho người hưởng chính sách xã hội và người nghèo trong khám, chữa bệnh. Phát triển các dịch vụ y tế công nghệ cao và ngoài công lập.

Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế. Có chiến lược, quy hoạch và cơ chế, chính sách hợp lý để phát triển hệ thống sản xuất, lưu thông, phân phối thuốc chữa bệnh; phát triển mạnh các ngành công nghiệp dược, thiết bị y tế đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền.

Xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe, tầm vóc con người Việt Nam, tăng tuổi thọ và cải thiện chất lượng giống nòi. Tăng cường thể lực của thanh niên. Phát triển mạnh thể dục thể thao, kết hợp tốt thể thao phong trào và

thể thao thành tích cao, dân tộc và hiện đại. Có chính sách và cơ chế phù hợp để phát hiện, bồi dưỡng và phát triển tài năng, đưa thể thao nước ta đạt vị trí cao của khu vực, từng bước tiếp cận với châu lục và thế giới ở những bộ môn Việt Nam có ưu thế...

Làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản. Thúc đẩy phong trào toàn xã hội chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em, tạo điều kiện cho trẻ em được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh, phát triển hài hòa về thể chất, trí tuệ và đạo đức; giảm nhanh tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng. Phòng chống HIV/AIDS bằng các biện pháp mạnh mẽ, kiên trì và có hiệu quả.

Thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình. Giảm tốc độ tăng dân số. Tiếp tục duy trì kế hoạch giảm sinh và giữ mức sinh thay thế, bảo đảm quy mô và cơ cấu dân số hợp lý, nâng cao chất lượng dân số. Phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam, thích ứng với những đòi hỏi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chú trọng các chính sách ưu đãi xã hội. Vận động toàn dân tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn đối với các lão thành cách mạng, những người có công với nước, người hưởng chính sách xã hội. Chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần của người già, nhất là những người già

cô đơn, không nơi nương tựa. Giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam, người tàn tật, trẻ mồ côi, lang thang.

Đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng. Phát triển về quy mô gắn với chất lượng và hiệu quả các dịch vụ công cộng, nâng cao năng lực quản lý nhà nước, đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị công lập và huy động mạnh mẽ mọi nguồn lực của xã hội. Nhà nước tiếp tục tăng nguồn lực, đầu tư tập trung cho các chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, dân số, gia đình, trẻ em...; quan tâm vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đồng thời phát huy tiềm năng trí tuệ và các nguồn lực vật chất trong nhân dân, của toàn xã hội để cùng Nhà nước giải quyết các vấn đề xã hội và chăm lo phát triển các dịch vụ công cộng.

Từng bước chuyển các cơ sở công lập dịch vụ công cộng đang hoạt động theo cơ chế sự nghiệp mang nặng tính hành chính bao cấp sang cơ chế tự chủ, không bao cấp tràn lan và không vì mục tiêu lợi nhuận. Phát triển mạnh các cơ sở ngoài công lập với hai loại hình dân lập và tư nhân. Chuyển một số cơ sở thuộc loại hình công lập sang loại hình ngoài công lập. Khuyến khích đầu tư trong và ngoài nước phát triển các dịch vụ công cộng. Nhà nước cùng nhân dân tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra các hoạt động dịch vụ công cộng.

Công khai mức phí tại các cơ sở dịch vụ công lập và ngoài công lập, chấm dứt các khoản thu, chi không minh bạch và sai quy định, bảo đảm người làm dịch vụ có chế độ thu nhập hợp lý, có lương tâm nghề nghiệp.

Thúc đẩy các cơ sở công lập và ngoài công lập về dịch vụ công cộng phát triển cả về quy mô và chất lượng, xây dựng một số cơ sở dịch vụ đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

VII- PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, NỀN TẢNG TINH THẦN CỦA XÃ HỘI

Tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Xây dựng và hoàn thiện giá trị, nhân cách con người Việt Nam, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế. Bồi dưỡng các giá trị văn hóa trong thanh niên, học sinh, sinh viên, đặc biệt là lý tưởng sống, lối sống, năng lực trí tuệ, đạo đức và bản lĩnh văn hóa con người Việt Nam.

Phát huy tinh thần tự nguyện, tính tự quản và năng lực làm chủ của nhân dân trong đời sống văn hóa. Đa dạng hóa các hình thức hoạt động của phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Phát huy tiềm năng, khuyến khích sáng tạo văn học, nghệ thuật, tạo ra những tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật. Xây dựng và nâng cấp đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, chú trọng công trình văn hóa lớn, tiêu biểu. Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống nhà văn hóa, bảo tàng, nhà truyền thống, thư viện, phòng đọc, điểm bưu điện - văn hóa xã, khu vui chơi, giải trí... Bảo vệ và phát huy giá trị của tài liệu lưu trữ.

Tiếp tục đầu tư cho việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng, kháng chiến, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của dân tộc, các giá trị văn hóa, nghệ thuật, ngôn ngữ, thuần phong mỹ tục của cộng đồng các dân tộc. Bảo tồn và phát huy văn hóa, văn nghệ dân gian. Kết hợp hài hòa việc bảo vệ, phát huy các di sản văn hóa với các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch.

Tạo điều kiện cho các lĩnh vực xuất bản, thông tin đại chúng phát triển, nâng cao chất lượng tư tưởng và văn hóa, vươn lên hiện đại về mô hình, cơ cấu tổ chức và cơ sở vật chất - kỹ thuật; đồng thời xây dựng cơ chế quản lý phù hợp, chủ động, khoa học.

Bảo đảm tự do, dân chủ cho mọi hoạt động sáng tạo văn hóa, văn học, nghệ thuật đi đôi với phát huy trách nhiệm công dân của văn nghệ sĩ. Có chính sách trọng dụng các tài năng văn hóa, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của văn nghệ sĩ. Đẩy mạnh hoạt động lý luận - phê bình văn học, nghệ thuật. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và cơ cấu tổ chức của các hội văn học, nghệ thuật từ trung ương đến địa phương.

Tăng cường quản lý của Nhà nước về văn hóa. Xây dựng cơ chế, chính sách, chế tài ổn định, phù hợp yêu cầu phát triển văn hóa trong thời kỳ mới. Tích cực mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế về văn hóa, chống sự xâm nhập của các loại văn hóa phẩm độc hại, lai căng...

Phát huy tính năng động, chủ động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các hội văn học, nghệ thuật, khoa học, báo chí, các hộ gia đình, cá nhân, các trí thức tham gia hoạt động trên các

lĩnh vực văn hóa. Xây dựng và triển khai chương trình giáo dục văn hóa - thẩm mỹ, nếp sống văn minh, hiện đại trong nhân dân.

VIII- TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH, BẢO VỆ VỮNG CHẮC TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng văn hóa và an ninh xã hội; duy trì trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội; giữ vững ổn định chính trị của đất nước, ngăn ngừa, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá, thù địch, không để bị động, bất ngờ.

Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ, công chức và cho toàn dân, có nội dung phù hợp với từng đối tượng và đưa vào chương trình chính khóa trong các nhà trường theo cấp học, bậc học. Chú trọng giáo dục thống nhất nhận thức về đối tượng và đối tác; nắm vững đường lối, quan điểm, yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần cảnh giác trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Giữ vững an ninh nội địa; giải quyết kịp thời các mâu thuẫn, tranh chấp trong nhân dân; xây dựng "thế trận lòng dân" làm nền tảng phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, trong đó Quân đội

nhân dân và Công an nhân dân là nòng cốt. Kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ. Coi trọng nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, nâng cao khả năng tự bảo vệ của mỗi người, của từng tổ chức, cơ quan, đơn vị.

Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường sức mạnh quốc phòng và an ninh trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân. Đẩy mạnh xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố. Tiếp tục phát triển các khu kinh tế - quốc phòng, xây dựng các khu quốc phòng - kinh tế với mục tiêu tăng cường quốc phòng - an ninh là chủ yếu, tập trung vào các địa bàn trọng điểm chiến lược và những khu vực nhạy cảm trên biên giới đất liền, biển đảo. Xây dựng công nghiệp quốc phòng trong hệ thống công nghiệp quốc gia dưới sự chỉ đạo, quản lý điều hành trực tiếp của Chính phủ, đầu tư có chọn lọc theo hướng hiện đại, vừa phục vụ quốc phòng vừa phục vụ dân sinh.

Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Nâng cao chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu để lực lượng vũ trang thật sự là lực lượng chính trị trong sạch, vững mạnh, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, được nhân dân tin cậy, yêu mến. Đổi mới tổ chức, nội dung, phương pháp huấn luyện, đào tạo đi đôi với cải tiến, đổi mới vũ khí, trang bị, phương tiện phù hợp với yêu cầu tác chiến mới; phát triển khoa học quân sự, khoa học công an, nghệ thuật chiến tranh nhân dân; cải tiến phương thức hoạt động của lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách phối hợp với

các tổ chức của nhân dân trong bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Xây dựng, bổ sung cơ chế lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với hoạt động quốc phòng, an ninh. Thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với thực hiện chế độ chính ủy, chính trị viên, tăng cường công tác Đảng, công tác chính trị trong quân đội. Bổ sung quy chế phối hợp hoạt động giữa quốc phòng, an ninh, đối ngoại và các bộ, ngành có liên quan trong phân tích, dự báo tình hình và làm tham mưu đề xuất các giải pháp thực hiện. Bổ sung, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách xã hội có quan hệ đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Khẩn trương chỉ đạo xây dựng và ban hành các chiến lược quốc gia: Chiến lược Quốc phòng, Chiến lược An ninh và các chiến lược chuyên ngành khác.

IX- MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI, CHỦ ĐỘNG VÀ TÍCH CỰC HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực.

Nhiệm vụ của công tác đối ngoại là giữ vững môi trường hòa bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp

hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập vào chiều sâu, ổn định, bền vững. Phát triển quan hệ với tất cả các nước, các vùng lãnh thổ trên thế giới và các tổ chức quốc tế theo các nguyên tắc: tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; giải quyết các bất đồng và tranh chấp thông qua thương lượng hòa bình; tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng và cùng có lợi.

Củng cố và tăng cường quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân, đảng cánh tả, các phong trào độc lập dân tộc, cách mạng và tiến bộ trên thế giới. Tiếp tục mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền.

Phát triển công tác đối ngoại nhân dân theo phương châm "chủ động, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả". Tích cực tham gia các diễn đàn và hoạt động của nhân dân thế giới. Tăng cường vận động viện trợ và nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài để phát triển kinh tế - xã hội.

Chủ động tham gia cuộc đấu tranh chung vì quyền con người. Sẵn sàng đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan về vấn đề nhân quyền. Kiên quyết làm thất bại các âm mưu, hành động xuyên tạc và lợi dụng các vấn đề "dân chủ", "nhân quyền", "dân tộc", "tôn giáo" hòng can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh và ổn định chính trị của Việt Nam.

Đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại, hội nhập sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương, lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất.

Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình, phù hợp với chiến lược phát triển đất nước từ nay đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020. Chuẩn bị tốt các điều kiện để ký kết các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương. Thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện và có hiệu quả với các nước ASEAN, các nước châu Á - Thái Bình Dương... Củng cố và phát triển quan hệ hợp tác song phương tin cậy với các đối tác chiến lược; khai thác có hiệu quả các cơ hội và giảm tối đa những thách thức, rủi ro khi nước ta là thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Tiếp tục đổi mới thể chế kinh tế, rà soát lại các văn bản pháp quy, sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật bảo đảm tính đồng bộ, nhất quán, ổn định và minh bạch. Cải thiện môi trường đầu tư; thu hút các nguồn vốn FDI, ODA, đầu tư gián tiếp, tín dụng thương mại và các nguồn vốn khác. Xác định đúng mục tiêu sử dụng và đẩy nhanh việc giải ngân nguồn vốn ODA, cải tiến phương thức quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng và có kế hoạch trả nợ đúng hạn; duy trì tỷ lệ vay nợ nước ngoài hợp lý, an toàn.

Phát huy vai trò chủ thể và tính năng động của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế. Xúc tiến mạnh thương mại và đầu tư, phát triển thị trường mới, sản phẩm mới và thương hiệu mới. Khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam hợp tác liên doanh với doanh nghiệp nước ngoài và mạnh dạn đầu tư ra nước ngoài.

Đẩy mạnh công tác văn hóa - thông tin đối ngoại, góp phần tăng cường sự hợp tác, tình hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước.

Chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại vững vàng về chính trị, có trình độ ngoại ngữ và năng lực nghiệp vụ cao, có đạo đức và phẩm chất tốt.

Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu về đối ngoại với sự tham gia và phát huy trí tuệ của các cơ quan nghiên cứu và các nhà khoa học.

Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại. Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại; đối ngoại, quốc phòng và an ninh; thông tin đối ngoại và thông tin trong nước.

X- PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC, TIẾP TỤC ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN

Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng, là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã

hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài; xóa bỏ mọi mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp. Tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích của dân tộc. Đề cao truyền thống nhân nghĩa, khoan dung, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau vì sự ổn định chính trị và đồng thuận xã hội.

Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo của mình thông qua đường lối và chính sách, liên hệ mật thiết với nhân dân. Nhà nước không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật và quản lý, tạo điều kiện để nhân dân được làm những việc mà pháp luật không cấm. Nhà nước và nhân dân cùng nỗ lực phấn đấu cho sự phát triển của đất nước, kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội.

Thực hiện đồng bộ các chính sách và luật pháp của Nhà nước nhằm phát huy dân chủ (dân chủ đại diện, dân chủ trực tiếp và chế độ tự quản của cộng đồng dân cư) và giữ vững kỷ cương trong xã hội. Tổ chức và động viên nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, làm kinh tế giỏi, phát triển kinh tế đi liền với phát triển văn hóa - xã hội; mỗi người, mỗi hộ đều phấn đấu làm giàu cho mình, cho cộng đồng và đất nước, thu nhập chính đáng, nâng cao đời sống. Chăm lo và bảo vệ lợi ích của các tầng lớp nhân dân, bảo đảm công bằng

xã hội. Tôn trọng và phát huy vai trò gương mẫu, dẫn dắt của những người tiêu biểu, có uy tín trong cộng đồng dân cư, các dân tộc, các tôn giáo...

Đối với *giai cấp công nhân,* phát triển về số lượng, chất lượng và tổ chức; nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn và nghề nghiệp, xứng đáng là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Giải quyết việc làm, giảm tối đa số công nhân thiếu việc làm và thất nghiệp. Thực hiện tốt chính sách và pháp luật về lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hộ lao động, chăm sóc, phục hồi sức khỏe đối với công nhân; chính sách ưu đãi nhà ở đối với công nhân bậc cao. Xây dựng tổ chức, phát triển đoàn viên công đoàn, nghiệp đoàn đều khắp ở các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế. Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của công nhân và những người lao động, chú trọng công nhân làm việc ở các khu công nghiệp và đô thị lớn. Chăm lo đào tạo cán bộ và kết nạp đảng viên từ những công nhân ưu tú.

Đối với *giai cấp nông dân,* phát huy vai trò quan trọng trong sự nghiệp đổi mới và công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, đưa công nghệ tiên tiến vào nông nghiệp, nông thôn. Thực hiện tốt chính sách về ruộng đất. Tạo điều kiện thuận lợi để giúp nông dân chuyển sang làm công nghiệp và dịch vụ. Khuyến khích nông dân hợp tác với các doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại để phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống. Tăng hiệu quả sử dụng đất, tiêu thụ nông sản hàng hóa. Hỗ trợ và khuyến khích

nông dân học nghề, tiếp nhận và áp dụng thành tựu khoa học, công nghệ.

Đối với *trí thức*, phát huy trí tuệ và năng lực, mở rộng thông tin, phát huy dân chủ, trọng dụng nhân tài. Khuyến khích các trí thức, các nhà khoa học phát minh, sáng tạo. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đãi ngộ xứng đáng những cống hiến của trí thức cho công cuộc phát triển đất nước. Coi trọng vai trò tư vấn, phản biện của các hội khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội và văn học, nghệ thuật đối với các dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Đối với *doanh nhân,* tạo điều kiện phát huy tiềm năng và vai trò tích cực trong phát triển sản xuất kinh doanh; mở rộng đầu tư trong nước và ở nước ngoài; giải quyết việc làm cho người lao động; nâng cao chất lượng sản phẩm; tạo dựng và giữ gìn thương hiệu hàng hóa Việt Nam.

Đối với *thế hệ trẻ*, thường xuyên giáo dục chính trị, truyền thống, lý tưởng, đạo đức và lối sống; tạo điều kiện học tập, lao động, giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Khuyến khích thanh niên tự học, tự nâng cao tay nghề, tự tạo việc làm. Chú trọng bồi dưỡng nguồn cán bộ, đào tạo thanh niên trong lực lượng vũ trang có nghề khi hết thời hạn nghĩa vụ quân sự. Tạo cơ hội cho thanh niên có tài năng đi học ở nước ngoài về phục vụ đất nước. Thu hút rộng rãi thanh niên, thiếu niên và nhi đồng vào các tổ chức do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt và phụ trách.

Đối với *phụ nữ,* nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần, thực hiện bình đẳng giới. Tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt vai trò người công dân, người lao

động, người mẹ, người thầy đầu tiên của con người. Bồi dưỡng, đào tạo để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động xã hội, các cơ quan lãnh đạo và quản lý ở các cấp. Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em. Bổ sung và hoàn chỉnh các chính sách về bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, thai sản, chế độ đối với lao động nữ. Kiên quyết đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, các hành vi bạo lực, xâm hại và xúc phạm nhân phẩm phụ nữ.

Đối với *cựu chiến binh,* phát huy truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ", tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền và chế độ xã hội chủ nghĩa. Động viên cựu chiến binh giúp nhau cải thiện đời sống, xóa đói giảm nghèo, góp phần giáo dục lòng yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội; tham gia xây dựng và củng cố cơ sở chính trị, xây dựng Đảng, chính quyền ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

Đối với *người cao tuổi,* chăm sóc sức khỏe, tạo điều kiện để hưởng thụ văn hóa, được thông tin, sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc. Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, chiến đấu của người cao tuổi trong xã hội và gia đình. Xây dựng gia đình "ông bà, cha mẹ mẫu mực, cháu con hiếu thảo". Giúp đỡ người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa vượt qua khó khăn trong cuộc sống.

Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược lâu dài trong sự nghiệp cách mạng nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và

bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xóa đói giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, tiếng nói, chữ viết và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng căn cứ cách mạng; làm tốt công tác định canh, định cư và xây dựng vùng kinh tế mới. Quy hoạch, phân bổ, sắp xếp lại dân cư, gắn phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh, quốc phòng. Củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; động viên, phát huy vai trò của những người tiêu biểu trong các dân tộc. Thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trí thức là người dân tộc thiểu số. Cán bộ công tác ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi phải gần gũi, hiểu phong tục tập quán, tiếng nói của đồng bào dân tộc, làm tốt công tác dân vận. Chống các biểu hiện kỳ thị, hẹp hòi, chia rẽ dân tộc.

Đồng bào *các tôn giáo* là bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Động viên, giúp đỡ đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo sống "tốt đời, đẹp đạo". Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Thực hiện tốt các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa của đồng bào các tôn

giáo. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo. Đấu tranh ngăn chặn các hoạt động mê tín dị đoan, các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước, vi phạm quyền tự do tôn giáo của công dân.

Đồng bào định cư ở nước ngoài là bộ phận không tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ đồng bào ổn định cuộc sống, chấp hành tốt pháp luật các nước sở tại; bảo vệ quyền lợi chính đáng của đồng bào. Làm tốt công tác thông tin trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài về tình hình trong nước và các chủ trương, chính sách của Nhà nước. Có chính sách khuyến khích người Việt Nam, trí thức Việt Nam ở nước ngoài hướng về quê hương, góp phần xây dựng đất nước; khen thưởng những người có nhiều thành tích đóng góp cho Tổ quốc.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong việc tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân; đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân; đưa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các chương trình kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh vào cuộc sống, góp phần xây dựng sự đồng thuận trong xã hội.

Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội. Các cấp ủy đảng và cấp chính quyền có chế độ tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân; thường xuyên lắng nghe ý kiến

của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phản ánh với Đảng, Nhà nước những vấn đề mà nhân dân quan tâm, tham gia xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật. Thực hiện tốt Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Quy chế dân chủ ở mọi cấp để Mặt trận, các đoàn thể và các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị.

Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận, các đoàn thể nhân dân và các hội quần chúng, khắc phục tình trạng hành chính hóa, phô trương, hình thức; làm tốt công tác dân vận theo phong cách *trọng dân, gần dân và có trách nhiệm với dân*.

XI- PHÁT HUY DÂN CHỦ, TIẾP TỤC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Phát huy dân chủ

Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Nhà nước đại diện quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là người tổ chức thực hiện đường lối chính trị của Đảng. Mọi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, có sự tham gia ý kiến của nhân dân.

Xây dựng một xã hội dân chủ, trong đó cán bộ, đảng viên và công chức phải thực sự là công bộc của nhân dân. Xác định các hình thức tổ chức và có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền dân chủ trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn

hóa, xã hội. Đề cao trách nhiệm của các tổ chức Đảng, Nhà nước đối với nhân dân. Bộ máy nhà nước, các thiết chế khác trong hệ thống chính trị có nhiệm vụ đề xuất ý kiến với Đảng trong quá trình xây dựng, hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng.

2. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Xây dựng cơ chế vận hành của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính cụ thể, khả thi của các quy định trong văn bản pháp luật. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền.

Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội. Hoàn thiện cơ chế bầu cử nhằm nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội; tăng hợp lý số lượng đại biểu chuyên trách, phát huy tốt hơn vai trò của đại biểu và đoàn đại biểu Quốc hội. Tổ chức lại một số Ủy ban của Quốc hội; nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội. Đổi mới hơn nữa quy trình xây dựng luật, giảm mạnh việc ban hành pháp lệnh. Thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và chức năng giám sát tối cao.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng xây dựng hệ thống cơ quan

hành pháp thống nhất, thông suốt, hiện đại. Luật hóa cơ cấu, tổ chức của Chính phủ; tổ chức bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, bảo đảm tinh gọn và hợp lý. Phân cấp mạnh, giao quyền chủ động hơn nữa cho chính quyền địa phương, nhất là trong việc quyết định về ngân sách, tài chính, đầu tư, nguồn nhân lực, thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Trung ương.

Xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người. Đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Cải cách tư pháp khẩn trương, đồng bộ; lấy cải cách hoạt động xét xử làm trọng tâm; thực hiện cơ chế công tố gắn với hoạt động điều tra. Xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm Hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân, bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong phạm vi được phân cấp. Phát huy vai trò giám sát của hội đồng nhân dân. Tổ chức hợp lý chính quyền địa phương, phân định lại thẩm quyền đối với chính quyền ở nông thôn, đô thị, hải đảo.

Thực hiện các giải pháp nhằm chấn chỉnh bộ máy và quy chế hoạt động của cơ quan, cán bộ, công chức. Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức và đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu nâng cao chất lượng cả về năng lực và phẩm chất đạo đức. Thực hiện chế độ trách nhiệm trong đề cử, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo theo hướng cấp trưởng giới thiệu cấp phó, cấp sử dụng trực tiếp giới thiệu để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Có cơ chế kịp thời đưa ra khỏi bộ máy nhà nước những công chức không xứng đáng, kém phẩm chất và năng lực.

3. Tích cực phòng ngừa và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí

Toàn Đảng, toàn bộ hệ thống chính trị và toàn xã hội phải có quyết tâm chính trị cao đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí. Bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, quy định về quản lý kinh tế - tài chính, quản lý tài sản công, ngân sách nhà nước, các quỹ do nhân dân đóng góp và do nước ngoài viện trợ; về thanh tra, giám sát, kiểm tra, kiểm kê, kiểm soát. Đẩy mạnh cải cách hành chính; thực hiện cơ chế giám sát của nhân dân, thông qua các đại diện trực tiếp và gián tiếp, đối với đảng viên, công chức, cơ quan, đơn vị. Bảo đảm công khai, minh bạch các hoạt động kinh tế, tài chính trong các cơ quan hành chính, đơn vị cung ứng dịch vụ công và doanh nghiệp nhà nước. Tiếp tục đổi mới chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức.

Khẩn trương và nghiêm chỉnh thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Bổ sung, hoàn thiện Luật khiếu nại và tố cáo.

Xử lý kiên quyết, kịp thời, công khai những người tham nhũng, bất kể ở chức vụ nào, đương chức hay đã nghỉ hưu, tịch thu, sung công tài sản có nguồn gốc từ tham nhũng; những người bao che cho tham nhũng, cố tình ngăn cản việc chống tham nhũng hoặc lợi dụng việc tố cáo tham nhũng để vu khống, làm hại người khác, gây mất đoàn kết nội bộ. Có cơ chế khuyến khích và bảo vệ những người tích cực đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực. Biểu dương và nhân rộng những gương cần kiệm liêm chính, chí công vô tư.

Hoàn thiện cơ chế dân chủ, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; phát huy vai trò của cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong việc giám sát cán bộ, công chức và cơ quan công quyền, phát hiện, đấu tranh với các hiện tượng tham nhũng. Đẩy mạnh việc hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng.

Các cấp ủy và tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân, cán bộ lãnh đạo, trước hết là cán bộ cấp cao, phải trực tiếp tham gia và đi đầu trong việc phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

XII- ĐỔI MỚI, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc.

Trong những năm tới, phải dành nhiều công sức tạo được chuyển biến rõ rệt về xây dựng Đảng, phát huy truyền thống cách mạng, bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng; xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đoàn kết nhất trí cao, gắn bó mật thiết với nhân dân, có phương thức lãnh đạo khoa học, có đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ phẩm chất và năng lực. Đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

1. Nâng cao bản lĩnh chính trị và trình độ trí tuệ của Đảng

Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hoạt động của Đảng. Thường xuyên tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển lý luận, giải quyết đúng đắn những vấn đề do cuộc sống đặt ra.

Nâng cao trình độ trí tuệ, chất lượng nghiên cứu lý luận của Đảng; tiếp tục làm sáng tỏ những vấn đề về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta; làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn đường lối, chính sách của Đảng trong thời kỳ mới.

Đổi mới công tác giáo dục lý luận chính trị, tư tưởng trong Đảng, trước hết cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt các cấp; đổi mới nội dung, phương pháp học tập và giảng dạy trong hệ thống trường chính trị, nâng cao tính thiết thực và hiệu quả của chương trình.

Củng cố, nâng cao chất lượng các cơ quan chuyên ngành về công tác tư tưởng, lý luận. Tăng cường số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ tư tưởng, lý luận, nhất là cán bộ chủ chốt. Tiến hành đồng bộ công tác tư tưởng, công tác lý luận, gắn với công tác tổ chức - cán bộ và phát triển kinh tế; chống sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống. Kiên quyết đấu tranh bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng; phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch.

2. Kiện toàn và đổi mới hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên

Mỗi tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm tổ chức và quy tụ sức mạnh của toàn đơn vị hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao; làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, quản lý và giám sát đảng viên; đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực, suy thoái trong Đảng. Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ đảng.

Kiện toàn hệ thống tổ chức cơ sở đảng. Xác định vị thế pháp lý, thể chế hóa về mặt nhà nước vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các loại hình cơ sở. Chú ý xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, ở vùng sâu, vùng xa. Tập trung củng cố các cơ sở yếu kém.

Xây dựng đội ngũ đảng viên thật sự tiên phong, gương mẫu, có phẩm chất, đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hoàn thành nhiệm vụ; kiên định lập trường giai cấp công nhân, phấn đấu cho mục tiêu lý tưởng của Đảng; năng động, sáng tạo, vững vàng trước mọi khó khăn, thử thách.

Đảng viên làm kinh tế tư nhân phải gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng và quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Sớm có quy định và chỉ đạo thực hiện, bảo đảm vừa phát huy khả năng làm kinh tế của đảng viên, vừa giữ được tư cách đảng viên và bản chất của Đảng.

Phân công đảng viên đúng người, đúng việc, tạo điều kiện để đảng viên hoàn thành nhiệm vụ. Thường xuyên tự

phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng. Động viên quần chúng giám sát, nhận xét, góp ý kiến với đảng viên. Kịp thời đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách.

Nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên gắn với việc nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng. Đẩy mạnh và bảo đảm chất lượng công tác phát triển Đảng. Chú trọng trẻ hóa và nâng cao trình độ của đảng viên; lấy đạo đức làm gốc, đồng thời bồi dưỡng về kiến thức, trí tuệ, năng lực để làm tròn nhiệm vụ người lãnh đạo, người đi tiên phong trong các lĩnh vực công tác được giao.

3. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng; tăng cường quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát

Phát huy dân chủ đi đôi với giữ gìn kỷ luật trong Đảng. Mọi cán bộ, đảng viên có quyền tham gia quyết định công việc của Đảng; quyền được thông tin, thảo luận, tranh luận, nêu ý kiến riêng, bảo lưu ý kiến trong tổ chức; khi Đảng đã có nghị quyết thì phải nói và làm theo nghị quyết.

Lãnh đạo các cấp phải lắng nghe ý kiến của cấp dưới, của đảng viên và nhân dân. Xây dựng quy chế ra quyết định của Đảng, bảo đảm phát huy trí tuệ tập thể; có cơ chế để nhân dân bày tỏ ý kiến đối với những quyết định lớn, tham gia các công việc của Đảng; khắc phục lối làm việc quan liêu, xa dân.

Hoàn thiện quy chế bảo đảm quyền kiểm tra, giám sát của tập thể đối với cá nhân, của tổ chức đối với tổ chức, của cá nhân đối với cá nhân và tổ chức, kể cả đối với người lãnh

đạo chủ chốt và tổ chức cấp trên. Kết hợp giám sát trong Đảng với giám sát của Nhà nước và giám sát của nhân dân.

Xây dựng quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách, quyết định lớn của Đảng và việc tổ chức thực hiện, kể cả đối với công tác tổ chức và cán bộ.

Đổi mới phương pháp kiểm tra và bổ sung chức năng giám sát cho ủy ban kiểm tra đảng các cấp. Tăng cường công tác kiểm tra, phòng ngừa. Xây dựng quy chế phối hợp công tác giữa Ủy ban Kiểm tra của Đảng với Thanh tra của Chính phủ.

4. Đổi mới tổ chức, bộ máy và công tác cán bộ

Sắp xếp, đổi mới tổ chức, bộ máy của Đảng, đặc biệt là các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng ủy khối ở Trung ương và các địa phương gắn với kiện toàn tổ chức, bộ máy của cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, bảo đảm tinh gọn, hoạt động thiết thực, hiệu quả. Khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan và người đứng đầu không rõ. Tổ chức các cơ quan tham mưu của Đảng có chất lượng cao, đồng thời phát huy vai trò của các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Cải tiến lề lối làm việc, nâng cao chất lượng nghiên cứu, đề xuất, tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra của các cơ quan tham mưu của Đảng. Tăng cường sự phối hợp giữa các ban cán sự đảng, đảng đoàn với cấp ủy địa phương.

Cán bộ phải là người có phẩm chất chính trị tốt, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, hết lòng phấn đấu vì lợi ích của nhân dân, của dân tộc; có bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trước những khó khăn, thử thách; có năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao; có nhân cách và lối sống mẫu mực, trong sáng; có ý thức tổ chức kỷ luật cao, tôn trọng tập thể, gắn bó với nhân dân.

Xây dựng đội ngũ cán bộ đồng bộ, có cơ cấu hợp lý, chất lượng tốt, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo kế tiếp vững vàng. Chú ý đào tạo cán bộ nữ, cán bộ các dân tộc thiểu số, cán bộ xuất thân từ công nhân, chuyên gia trên các lĩnh vực; bồi dưỡng nhân tài theo định hướng quy hoạch. Đặc biệt quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp cao.

Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, bảo đảm thật sự dân chủ, khoa học, công minh. Xây dựng và hoàn thiện chế độ bầu cử, cơ chế bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ; mở rộng quyền đề cử và tự ứng cử, giới thiệu nhiều phương án nhân sự để lựa chọn.

Có cơ chế, chính sách phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng người có đức, có tài; thay thế kịp thời những người kém năng lực và kém phẩm chất, có khuyết điểm nghiêm trọng.

Khắc phục những biểu hiện cá nhân, cục bộ, không công tâm, nể nang, tùy tiện trong công tác cán bộ.

Cụ thể hóa và thể chế hóa nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của tổ chức và người đứng đầu của tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ.

5. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải đồng bộ với đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, đổi mới kinh tế; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng.

Tập trung đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng đường lối, quan điểm, các nghị quyết; lãnh đạo thể chế hóa, cụ thể hóa thành Hiến pháp, pháp luật, kế hoạch, các chương trình công tác lớn của Nhà nước; bố trí đúng cán bộ và thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện.

Đảng lãnh đạo nhưng không bao biện, làm thay Nhà nước; trái lại, phát huy mạnh mẽ vai trò chủ động, sáng tạo của Nhà nước trong quản lý đất nước và xã hội.

Khẩn trương xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy định cụ thể về nguyên tắc, nội dung và cơ chế Đảng lãnh đạo đối với Nhà nước trong từng lĩnh vực: lập pháp, hành pháp, tư pháp và từng cấp, từng loại hình tổ chức nhà nước.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể xác định đúng mục tiêu, phương hướng hoạt động; đồng thời, phát huy tinh thần tự chủ, sáng tạo trong xây dựng, đổi mới tổ chức và hoạt động của mình.

Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị, thực hiện luân chuyển cán bộ, khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ về cán bộ. Tăng cường trách nhiệm của cán bộ, đảng viên là thủ trưởng cơ quan nhà nước. Cơ quan nào vi phạm chính sách, pháp

luật, để xảy ra tình trạng tiêu cực, mất đoàn kết nội bộ thì người đứng đầu phải chịu trách nhiệm.

Đổi mới phương thức lãnh đạo gắn với đổi mới phong cách và lề lối làm việc thật sự dân chủ, thiết thực, nói đi đôi với làm.

*
* *

Đất nước ta ngày càng lớn mạnh. Thế giới đang thay đổi rất nhanh. Nước ta phải sớm trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nhân dân ta phải được hưởng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

Đại hội X của Đảng nêu cao ý chí sắt đá của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, triệu người như một, năng động và sáng tạo, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, quyết tâm đổi mới toàn diện và mạnh mẽ theo con đường xã hội chủ nghĩa, nhằm thực hiện bằng được mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", sánh vai cùng các nước trên thế giới trong nhịp bước khẩn trương của thời đại.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.54-139.

BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX VỀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2006 - 2010 TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X CỦA ĐẢNG

Báo cáo này kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng về Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 và đề ra Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 nhằm thực hiện thắng lợi Chiến lược 10 năm 2001 - 2010, xây dựng nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Phần thứ nhất

KIỂM ĐIỂM VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI LẦN THỨ IX CỦA ĐẢNG VỀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2001 - 2005

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005

được thực hiện trong tình hình chính trị, xã hội nước ta cơ bản ổn định, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và thực lực nền kinh tế tiếp tục được tăng cường, quan hệ quốc tế không ngừng mở rộng, những tác động tiêu cực của khủng hoảng kinh tế - tài chính khu vực năm 1997 đã được khắc phục.

Tuy nhiên, những diễn biến phức tạp của tình hình chính trị và an ninh quốc tế, sự phục hồi chậm của nền kinh tế thế giới và những biến động giá cả trên thị trường quốc tế, nạn dịch bệnh mới xuất hiện, những diễn biến bất thường về thời tiết và khí hậu, sự chống phá của các thế lực thù địch đã gây nhiều khó khăn cho việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Trong bối cảnh đó, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã nỗ lực phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ do Đại hội IX đề ra. Công cuộc phát triển kinh tế - xã hội đã đạt được *những thành tựu rất quan trọng* nhưng vẫn còn *dưới mức khả năng phát triển của đất nước*; hoạt động kinh tế, xã hội *còn nhiều yếu kém, bất cập.*

I- THÀNH TỰU

1. Nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, năm sau cao hơn năm trước

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 5 năm (2001 - 2005) tăng bình quân 7,51%/năm[1] (đạt kế hoạch). Năm 2005, GDP

1. Tốc độ tăng GDP năm 2001 là 6,9%, năm 2002 là 7,08%, năm 2003 là 7,34%, năm 2004 là 7,8%, năm 2005 là 8,43%.

theo giá hiện hành đạt 838 nghìn tỉ đồng, bình quân đầu người trên 10 triệu đồng, tương đương khoảng 640 USD[1].

Nông nghiệp tiếp tục phát triển khá; giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,4%/năm (kế hoạch 4,8%), giá trị tăng thêm tăng 3,8%/năm. Năng suất, sản lượng và hàm lượng công nghệ trong sản phẩm nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản tăng đáng kể; an ninh lương thực quốc gia được bảo đảm; một số sản phẩm xuất khẩu chiếm được vị trí cao trên thị trường thế giới[2]. Trồng rừng, chăm sóc và bảo vệ rừng đã có bước tiến, độ che phủ rừng từ 33,7% năm 2000 tăng lên 37,4% năm 2005.

Kết cấu hạ tầng tiếp tục được đầu tư nhiều hơn. Bộ mặt nông thôn, đời sống nông dân, kể cả ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số, có bước được cải thiện. Chương trình xây dựng cụm tuyến dân cư và nhà ở vượt lũ ở đồng bằng sông Cửu Long đạt được kết quả bước đầu.

Công nghiệp và xây dựng liên tục tăng trưởng cao, giá trị tăng thêm tăng 10,2%/năm. Công nghiệp có bước chuyển biến tích cực về cơ cấu sản xuất, chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 16%/năm (kế hoạch 13,1%), cao hơn 1,9%/năm so với 5 năm trước. Cả nước đã có trên 100 khu công nghiệp, khu chế xuất, nhiều khu hoạt động có hiệu quả; tỷ lệ công nghiệp chế tác, cơ khí

---

1. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, năm 2004, mức thu nhập trung bình tính theo GDP của các nước thuộc nhóm thu nhập thấp là 530 USD/người, trong khi của Việt Nam là 562 USD/người.

2. Năm 2005, Việt Nam đứng thứ hai trên thế giới về xuất khẩu gạo, cà phê và hạt điều; thứ tư về cao su; thứ nhất về hạt tiêu.

chế tạo và nội địa hóa sản phẩm tăng. Công nghiệp ở nông thôn và miền núi tăng trưởng cao hơn tốc độ trung bình của cả nước. Một số sản phẩm công nghiệp đã cạnh tranh được trên thị trường trong và ngoài nước. Ngành xây dựng tăng trưởng 10,7%/năm, năng lực xây dựng tăng khá nhanh và có bước tiến đáng kể theo hướng hiện đại; việc xây dựng đô thị, xây dựng nhà ở đạt nhiều kết quả, hằng năm đưa thêm vào sử dụng khoảng 20 triệu m^2 nhà ở.

Dịch vụ có bước phát triển cả về quy mô, ngành nghề, thị trường và có tiến bộ về hiệu quả với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế. Giá trị sản xuất của các ngành dịch vụ tăng 7,6%/năm (kế hoạch 7,5%), giá trị tăng thêm tăng gần 7%/năm (kế hoạch 6,8%). Riêng năm 2005, giá trị tăng thêm tăng 8,5%, cao hơn mức tăng GDP.

Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ tăng 14,4%/năm (kế hoạch 11 - 12%). Ngành du lịch phát triển khá cả về lượng khách, loại hình và sản phẩm du lịch. Dịch vụ vận tải tăng nhanh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu. Bưu chính - viễn thông phát triển nhanh theo hướng hiện đại, đến cuối năm 2005 đạt 19 máy điện thoại và 3,2 thuê bao Internet trên 100 dân, 100% xã có điện thoại, hầu hết các xã có điểm bưu điện - văn hóa hoặc điểm bưu điện. Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, kiểm toán, tư vấn, tin học, kỹ thuật, y tế, giáo dục, đào tạo, văn hóa... đều có bước phát triển.

2. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Về cơ cấu ngành, tỉ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP tăng từ 36,7% năm 2000 lên 41% năm 2005 (kế hoạch

38 - 39%); tỉ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 24,5% xuống còn 20,9% (kế hoạch 20 - 21%); tỉ trọng dịch vụ ở mức 38,1% (kế hoạch 41 - 42%).

Trong từng ngành kinh tế đã có những chuyển dịch tích cực về cơ cấu sản xuất, cơ cấu công nghệ theo hướng tiến bộ, hiệu quả, gắn sản xuất với thị trường.

Cơ cấu kinh tế vùng đã có bước điều chỉnh theo hướng phát huy lợi thế so sánh của từng vùng; các vùng kinh tế trọng điểm, khu công nghiệp, khu kinh tế và vùng chuyên môn hóa cây trồng, vật nuôi đang phát triển khá nhanh, đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng của nền kinh tế.

Cơ cấu lao động đã có sự chuyển đổi tích cực gắn liền với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tỉ trọng lao động của ngành công nghiệp và xây dựng trong tổng số lao động xã hội tăng từ 12,1% năm 2000 lên 17,9% năm 2005; lao động trong các ngành dịch vụ tăng từ 19,7% lên 25,3%; lao động trong các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 68,2% xuống còn 56,8%. Tỉ trọng lao động đã qua đào tạo tăng từ 20% năm 2000 lên 25% năm 2005.

Cơ cấu thành phần kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế và đan xen nhiều hình thức sở hữu. Khu vực kinh tế nhà nước đang được tổ chức lại, đổi mới và chiếm 38,4% GDP vào năm 2005, chi phối nhiều ngành kinh tế then chốt và tập trung hơn vào những lĩnh vực chủ yếu của nền kinh tế. Kinh tế dân doanh phát triển khá nhanh, hoạt động có hiệu quả trên nhiều lĩnh vực, chiếm 45,7% GDP, đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội, nhất là giải quyết việc làm và cải thiện đời sống nhân dân; trong đó, kinh tế hợp tác và hợp tác

xã phát triển khá đa dạng (đóng góp 6,8% GDP). Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có tốc độ tăng trưởng tương đối cao, chiếm 15,9% GDP, là cầu nối quan trọng với thế giới về chuyển giao công nghệ, giao thương quốc tế.

3. Vốn đầu tư toàn xã hội tăng khá nhanh

Vốn đầu tư toàn xã hội tăng khá nhanh, vượt mức dự kiến trên 30% so với kế hoạch (gấp 2 lần so với 5 năm trước). Vốn đầu tư của dân tăng nhanh; tỷ lệ vốn đầu tư phát triển so với GDP tăng từ 35,4% năm 2001 lên 38,7% năm 2005; vốn đầu tư trong nước chiếm 72% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

Đầu tư đã tập trung hơn cho những mục tiêu quan trọng. Lĩnh vực kinh tế chiếm 70% tổng vốn đầu tư toàn xã hội (nông, lâm nghiệp và thủy sản trên 13%, công nghiệp và xây dựng trên 44%, giao thông, bưu điện trên 12%); lĩnh vực xã hội chiếm gần 27% (nhà ở, cấp thoát nước, công trình công cộng khác gần 14%, giáo dục, đào tạo trên 4%, y tế - xã hội trên 2%, văn hóa, thể thao trên 2%, khoa học và công nghệ trên 1%). Quy mô vốn đầu tư ở các vùng đều tăng; vùng nghèo, xã nghèo được Nhà nước quan tâm đầu tư nhiều hơn.

Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước đã tập trung cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, phát triển nguồn nhân lực, xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ các vùng khó khăn (đầu tư cho nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 22,2%, giao thông, bưu điện 27%, giáo dục, đào tạo 8,9%, y tế - xã hội 6,9%, văn hóa, thể thao 4,3%; khoa học và công nghệ 3,1%). Vốn đầu tư của doanh nghiệp tăng nhanh,

không chỉ phát triển sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ mà còn tham gia đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng đô thị. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục được duy trì và tăng thêm, tạo nhiều công trình kết cấu hạ tầng và sản phẩm xuất khẩu.

Đầu tư đã làm tăng đáng kể năng lực sản xuất, kinh doanh, tạo nhiều sản phẩm có sức cạnh tranh, hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều công trình kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, trong đó có nhiều công trình lớn, tăng cường tiềm lực và cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế.

4. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xây dựng bước đầu, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định

Hệ thống pháp luật, chính sách và cơ chế vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xây dựng tương đối đồng bộ; hoạt động của các loại hình doanh nghiệp và bộ máy quản lý nhà nước được đổi mới một bước quan trọng. Một số loại thị trường mới hình thành; các thị trường hàng hóa, dịch vụ, lao động, khoa học và công nghệ, tài chính, bất động sản có bước phát triển phù hợp với cơ chế mới.

Năm năm qua, đã giữ được các cân đối kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, tạo môi trường và điều kiện cần thiết cho sự phát triển kinh tế.

Quỹ tiết kiệm tăng cao, bình quân khoảng 9%/năm, đồng thời, quỹ tiêu dùng tăng 7%/năm (tiêu dùng bình quân đầu người tăng gần 5,7%/năm); nhờ đó đã có thêm điều kiện

vừa đẩy mạnh đầu tư phát triển, vừa cải thiện đời sống nhân dân.

Tiềm lực tài chính nhà nước ngày càng được tăng cường. Thu ngân sách tăng trên 19,1%/năm, tỷ lệ GDP huy động vào ngân sách bình quân hằng năm đạt 24,4%, vượt kế hoạch. Tổng chi ngân sách nhà nước tăng 19,4%/năm; chi đầu tư phát triển chiếm bình quân 28% tổng chi ngân sách; bội chi ngân sách hằng năm 4,85% GDP.

Chính sách tiền tệ được điều hành linh hoạt hơn, giá trị đồng tiền cơ bản ổn định; cán cân thanh toán quốc tế giữ được cân bằng, dự trữ ngoại tệ tăng dần, giảm được tỷ lệ nợ xấu trong tổng dư nợ tín dụng; nợ Chính phủ và nợ quốc gia vẫn trong giới hạn an toàn.

Ngân hàng nhà nước, hệ thống ngân hàng thương mại, Quỹ hỗ trợ phát triển và các quỹ đầu tư, ngân hàng chính sách, thị trường chứng khoán, hệ thống quỹ tín dụng nhân dân được chấn chỉnh, có bước phát triển, hiệu quả hoạt động tốt hơn.

Quan hệ cung cầu cơ bản là phù hợp, bảo đảm hàng hóa thiết yếu cho sản xuất và đời sống. Giá hàng tiêu dùng bình quân hằng năm tăng 5,1%, riêng năm 2004 tăng 9,5% và 2005 tăng 8,4%.

5. Hội nhập kinh tế quốc tế và kinh tế đối ngoại có bước tiến mới rất quan trọng

Quan hệ kinh tế giữa nước ta với các nước và các tổ chức quốc tế được mở rộng; việc thực hiện các cam kết về Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), Hiệp định thương mại

Việt Nam - Hoa Kỳ, đàm phán gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) và thực hiện các hiệp định hợp tác đa phương, song phương khác đã góp phần tạo ra bước phát triển mới rất quan trọng về kinh tế đối ngoại, nhất là xuất khẩu.

Xuất khẩu, nhập khẩu tăng nhanh. Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa 5 năm đạt gần 111 tỷ USD, tăng 17,5%/năm (kế hoạch 16%/năm); năm 2005, xuất khẩu bình quân đầu người đạt 390 USD[1], gấp đôi năm 2000. Xuất khẩu dịch vụ 5 năm đạt trên 21 tỷ USD, tăng 15,7%/năm, bằng 19% tổng kim ngạch xuất khẩu[2]. Thị trường xuất khẩu được mở rộng sang một số nước và khu vực, nhất là Hoa Kỳ.

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa 5 năm là 130,2 tỷ USD, tăng 18,8%/năm. Tổng kim ngạch nhập khẩu dịch vụ 5 năm ước trên 21 tỷ USD, tăng 10,3%/năm. Nhập siêu hàng hóa 5 năm là 19,3 tỷ USD, bằng 17,4% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa, tuy còn ở mức cao nhưng vẫn trong tầm kiểm soát và có xu hướng giảm dần trong 3 năm cuối của kế hoạch 5 năm, riêng năm 2005 là 14,4%[3].

Cơ cấu hàng xuất khẩu, nhập khẩu chuyển biến theo hướng tích cực. Trong tổng kim ngạch xuất khẩu, tỉ trọng hàng công nghiệp nặng và khoáng sản giảm từ 37,2% năm 2000

---

1. Năm 2004, bình quân xuất khẩu đầu người của 59 nước thu nhập thấp trên thế giới là 93 USD.

2. Mức trung bình của thế giới khoảng 20%.

3. Nhìn chung, các nước đang phát triển đều có tỷ lệ nhập siêu cao trong thời kỳ công nghiệp hóa. Ví dụ trong giai đoạn 1980 - 1985, tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu của Hàn Quốc là 11% (năm cao nhất là 20%), của Thái Lan là 39%, của Philíppin là 40%.

xuống còn 35,8% năm 2005; hàng nông, lâm nghiệp, thủy sản giảm từ 29% xuống còn 24,4%; hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp tăng từ 33,9% lên 39,8%. Trong cơ cấu hàng nhập khẩu, năm 2005, nhóm máy móc, thiết bị và phụ tùng chiếm 32,5%; nhóm nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 61,3%; nhóm hàng tiêu dùng chiếm 6,2%.

Vốn đầu tư từ nước ngoài tăng khá, cả vốn ODA và vốn FDI.

Việc ký kết các hiệp định về vốn ODA trong 5 năm qua được duy trì đều đặn với tổng giá trị đạt 11,2 tỷ USD; vốn giải ngân đạt 7,9 tỷ USD, tập trung chủ yếu vào xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, đào tạo nguồn nhân lực, xóa đói, giảm nghèo, tăng cường thể chế và bảo vệ môi trường[1].

Vốn FDI có bước chuyển tích cực, tổng mức vốn đăng ký đạt 20,9 tỷ USD[2], vượt trên 39% so với kế hoạch; tổng vốn thực hiện 14,3 tỷ USD, vượt 30% so với kế hoạch và tăng 13,6% so với 5 năm trước. Năm 2005, các doanh nghiệp FDI đóng góp 15,9% GDP, chiếm 31,2% tổng kim ngạch xuất khẩu (chiếm khoảng 50% nếu tính cả dầu khí), đóng góp gần 10% tổng thu ngân sách nhà nước (tính cả dầu khí thì trên 36%), tạo việc làm cho khoảng 1 triệu lao động trực tiếp và hàng triệu lao động gián tiếp.

Các doanh nghiệp Việt Nam bước đầu đã có một số dự án đầu tư ra nước ngoài.

---

1. Từ năm 1993 đến năm 2005, tổng giá trị ODA cam kết là 32,5 tỉ USD, ký kết hiệp định là 24,7 tỉ và giải ngân được 15,8 tỉ USD.

2. Năm 2001, vốn FDI đăng ký mới và tăng thêm là 3,2 tỉ USD, năm 2002 là 3 tỉ, năm 2003 là 3,2 tỉ, năm 2004 là 4,5 tỉ, năm 2005 là 6,8 tỉ.

6. Giáo dục và đào tạo có bước phát triển khá

Cùng với củng cố kết quả xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, việc phổ cập giáo dục trung học cơ sở đã được triển khai tích cực, đến hết năm 2005 có 31 tỉnh đạt tiêu chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đi học ở bậc tiểu học đạt 97,5%. Quy mô giáo dục tiếp tục được mở rộng và trình độ dân trí đã được nâng lên rõ rệt.

Số học sinh trung học chuyên nghiệp tăng 15,1%/năm và dạy nghề dài hạn tăng 12%/năm, sinh viên đại học và cao đẳng tăng 8,4%/năm. Các trường sư phạm từ trung ương đến địa phương tiếp tục được củng cố và phát triển. Chất lượng dạy nghề có chuyển biến tích cực. Bước đầu đã hình thành mạng lưới dạy nghề cho lao động nông thôn, thanh niên dân tộc thiểu số, người tàn tật, gắn dạy nghề với tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo.

Đổi mới giáo dục đang được triển khai từ giáo dục mầm non, phổ thông, dạy nghề đến cao đẳng, đại học. Việc xã hội hóa giáo dục và đào tạo đã đạt kết quả bước đầu. Nhiều trường dân lập, tư thục bậc đại học, trung học chuyên nghiệp, trung học phổ thông và dạy nghề đã được thành lập.

Đầu tư cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo tăng lên đáng kể. Năm 2005, chi cho giáo dục và đào tạo chiếm khoảng 18% tổng chi ngân sách nhà nước; đã huy động được nhiều nguồn vốn khác để phát triển giáo dục thông qua phát hành công trái giáo dục, đóng góp của dân cư, của doanh nghiệp, vốn từ nước ngoài. Cơ sở vật chất của ngành đã được tăng cường, đặc biệt là ở vùng núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

7. Khoa học và công nghệ có tiến bộ

Khoa học và công nghệ đã tập trung hơn vào nghiên cứu ứng dụng, phục vụ các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều thành tựu khoa học công nghệ mới được ứng dụng trong các ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp,... đã tạo ra nhiều sản phẩm và dịch vụ mới có chất lượng cao, có sức cạnh tranh, phục vụ xuất khẩu và thay thế nhập khẩu.

Khoa học xã hội và nhân văn đã có tiến bộ trong việc điều tra, nghiên cứu, cung cấp tư liệu và luận cứ khoa học phục vụ hoạch định chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc.

Khoa học tự nhiên đã tăng cường các hoạt động điều tra, nghiên cứu, đánh giá tiềm năng tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học và phòng, tránh thiên tai.

Bước đầu đổi mới cơ chế quản lý, đa dạng hóa phương thức giao nhiệm vụ nghiên cứu như đấu thầu cạnh tranh hoặc hỗ trợ một phần kinh phí nghiên cứu ứng dụng cho các doanh nghiệp, khuyến khích các doanh nghiệp liên kết hoặc ký hợp đồng với các tổ chức khoa học và công nghệ. Tiềm lực và trình độ khoa học, công nghệ trong nước đã có bước phát triển; hoạt động khoa học, công nghệ được mở rộng và nâng cao hiệu quả.

Công tác bảo vệ môi trường đạt được những kết quả bước đầu. Hoạt động điều tra cơ bản về môi trường được duy trì; việc ngăn ngừa và khắc phục ô nhiễm môi trường có tiến bộ; đã ban hành một số chính sách về bảo vệ môi trường. Lĩnh vực khí tượng, thủy văn đã được chú ý nhiều hơn, hiện đại hóa thêm một bước.

8. Văn hóa - xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt, việc gắn kết giữa phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tích cực, chỉ số phát triển con người được nâng lên

Trong 5 năm, đã tạo việc làm cho 7,5 triệu lao động; các thành phần kinh tế ngoài nhà nước thu hút gần 91% lực lượng lao động xã hội và tạo 90% việc làm mới. Xuất khẩu lao động và chuyên gia bằng 2,3 lần so với 5 năm trước. Năm 2005, thất nghiệp ở thành thị giảm xuống còn 5,3%; thời gian sử dụng lao động ở nông thôn đạt 80,6%.

Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 5,7 triệu đồng năm 2000 lên trên 10 triệu đồng năm 2005, tăng 12,1%/năm và chỉ số phát triển con người được nâng lên[1].

Công tác xóa đói, giảm nghèo được đẩy mạnh bằng nhiều hình thức, đã thu được nhiều kết quả tốt thông qua việc trợ giúp điều kiện sản xuất, tạo việc làm, cải thiện kết cấu hạ tầng, nhà ở, tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản, tăng thu nhập, cải thiện đời sống; động viên các ngành, các cấp, các đoàn thể quần chúng và các tầng lớp dân cư tham gia. Đến cuối năm 2005, tỷ lệ hộ nghèo còn 7% (kế hoạch là 10%, theo chuẩn Việt Nam cho giai đoạn 2001 - 2005)[2].

---

1. Theo Báo cáo Phát triển con người năm 2005 của Liên hợp quốc, chỉ số phát triển con người của Việt Nam năm 2003 là 0,704, xếp thứ 108/177 nước, trong khi tại các nước kém phát triển, chỉ số này là 0,518; tại các nước có thu nhập trung bình là 0,774.

2. Kết quả điều tra mức sống dân cư do Tổng cục Thống kê thực hiện cho thấy, theo chuẩn quốc tế, tỷ lệ hộ nghèo của Việt Nam đã giảm từ 58% năm 1993 xuống còn 19,5% năm 2004. Theo đánh giá của Liên hợp quốc, Việt Nam đã về đích trước 10 năm so với mục tiêu xoá đói nghèo trong thực hiện Mục tiêu Thiên niên kỷ.

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng. Hoạt động y tế dự phòng được đẩy mạnh hơn. Một số dịch bệnh mới như dịch viêm phổi cấp (SARS) được ngăn chặn, khắc phục nhanh. Mạng lưới y tế, đặc biệt là y tế cơ sở được củng cố và phát triển; hầu hết các xã, phường trong cả nước đều có trạm y tế, trên 65% trạm có bác sĩ. Một số cơ sở y tế chuyên ngành được nâng cấp, ứng dụng công nghệ tiên tiến. Thuốc sản xuất trong nước đã chiếm khoảng 45% thị phần thuốc chữa bệnh. Chế độ khám, chữa bệnh cho người nghèo, khám, chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi đang được triển khai thực hiện. Việc phòng, chống HIV/AIDS được đẩy mạnh hơn. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm từ 33,4% năm 2000 xuống dưới 25% năm 2005, đạt kế hoạch; tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi còn 18‰ trẻ đẻ sống. Tuổi thọ bình quân của dân số nước ta từ 67,8 tuổi vào năm 2000 đã nâng lên 71,5 tuổi vào năm 2005.

Hoạt động văn hóa, thông tin phát triển đa dạng hơn, góp phần nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân, làm tăng hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, phổ biến pháp luật; phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở phát triển sâu rộng hơn. Hoạt động báo chí, phát thanh, truyền hình được đổi mới về nội dung, tăng quy mô, mở rộng phạm vi tới vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và ra nước ngoài.

Hoạt động thể dục, thể thao tiếp tục phát triển theo chiều rộng và có bước nâng cao. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của ngành thể thao đã được tăng cường đáng kể. Đã tổ chức thành công Đại hội thể thao Đông Nam Á lần thứ 22 và Đại hội thể thao của người khuyết tật Đông Nam Á lần thứ 2.

Việc chăm sóc người có công với cách mạng và trợ giúp người có đời sống khó khăn được duy trì và mở rộng. Đi đôi với mở rộng diện được hưởng chính sách trợ giúp của Nhà nước, phong trào "Đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn", đã được các ngành, các cấp tổ chức, triển khai kịp thời, có hiệu quả và huy động được sự tham gia của đông đảo nhân dân.

Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội được đẩy mạnh hơn. Nhiều địa phương đã có những giải pháp tốt phòng chống ma tuý, tệ nạn mại dâm và ngăn chặn các hoạt động văn hóa không lành mạnh. Các hình thức cai nghiện và quản lý người sau cai nghiện có hiệu quả hơn.

9. Đại đoàn kết toàn dân tộc vì sự nghiệp phát triển đất nước tiếp tục được tăng cường

Sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được phát huy, gắn với thực hiện tự do, dân chủ theo pháp luật đã động viên các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, các tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài chung sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp, tôn giáo và các tổ chức xã hội khác có nhiều hình thức hoạt động đa dạng, phong phú đã góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội.

Toàn xã hội đã phát huy tinh thần tương thân tương ái, ý thức cộng đồng, nhường cơm sẻ áo, tích cực tham gia khắc phục thiên tai, giúp đỡ người nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, nạn nhân chất độc da cam... và chăm lo cải thiện đời sống của đồng bào dân tộc ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo.

10. Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được tăng cường, quan hệ đối ngoại được mở rộng, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội

Cải cách hành chính có bước tiến mới, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được tăng cường một bước; dân chủ trong xã hội tiếp tục được phát huy; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững.

Tiềm lực quốc phòng, an ninh được tăng cường; đời sống vật chất, tinh thần và trang bị kỹ thuật của lực lượng vũ trang được cải thiện. Các tuyến phòng thủ, thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân được củng cố. Việc kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh được thực hiện tốt hơn. Công tác bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội đạt được thành tựu quan trọng; đã phát hiện, ngăn chặn nhiều âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch; kiềm chế được tội phạm hình sự; xử lý nghiêm tội tham nhũng.

Hoạt động chính trị đối ngoại không ngừng được mở rộng cả trong quan hệ nhà nước và quan hệ nhân dân; đạt được kết quả quan trọng trong việc thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Công tác quốc phòng, an ninh và đối ngoại đã góp phần giữ vững ổn định chính trị, xã hội, tạo môi trường hòa bình, ổn định và điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Đạt được những thành tựu rất quan trọng trên là do:

Thứ nhất, Đảng ta có đường lối, chủ trương đúng đắn; Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng với tinh thần tiếp

tục đổi mới đã được cụ thể hóa phù hợp với thực tế trong các nghị quyết của Trung ương và được thể chế hóa theo hướng xây dựng đồng bộ nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân; sự chỉ đạo, điều hành có hiệu quả của Chính phủ; sự năng động và quyết tâm của các ngành, các cấp, các doanh nghiệp khắc phục khó khăn để hoàn thành thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001- 2005.

Thứ ba, kết quả đầu tư của nhiều năm qua cùng với sự huy động ngày càng cao mọi nguồn lực cả trong và ngoài nước, đặc biệt là nguồn lực của dân vào công cuộc phát triển đất nước.

II- YẾU KÉM

1. Chất lượng phát triển kinh tế - xã hội và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn kém

Tốc độ tăng trưởng kinh tế 5 năm qua vẫn thấp hơn so với khả năng và thấp hơn nhiều nước trong khu vực ở thời kỳ đầu công nghiệp hóa. Quy mô nền kinh tế còn nhỏ, thu nhập bình quân đầu người thấp[1].

---

1. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, năm 2004, GDP và GDP bình quân đầu người của Trung Quốc là 1.677 tỉ USD và 1.290 USD/người; tương tự, con số này của Malaixia là 117 tỉ USD và 4.650 USD/người, của Philíppin là 97 tỉ USD và 1.170 USD/người, của Thái Lan là 159 tỉ USD và 1.540 USD/người, của Việt Nam là 45 tỉ USD và 562 USD/người.

Tăng trưởng kinh tế chủ yếu dựa vào các nhân tố phát triển theo chiều rộng, vào những ngành và những sản phẩm truyền thống, công nghệ thấp, tiêu hao vật chất cao, sử dụng nhiều tài nguyên, vốn và lao động. Năng suất lao động tăng chậm và còn thấp so với nhiều nước trong khu vực. Khả năng cạnh tranh của nền kinh tế còn kém, chi phí kinh doanh cao, chất lượng và hiệu quả còn thấp[1].

Chưa thực hiện thật tốt việc kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội. Môi trường ở nhiều nơi bị ô nhiễm nặng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng cuộc sống.

Nguồn lực của đất nước chưa được sử dụng có hiệu quả cao, tài nguyên, đất đai và các nguồn vốn của Nhà nước còn bị lãng phí, thất thoát nghiêm trọng. Các nguồn lực trong dân còn nhiều tiềm năng chưa được phát huy.

2. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm

Về chuyển dịch cơ cấu ngành: Mặc dù có tốc độ tăng cao trong những năm gần đây, nhưng tỉ trọng dịch vụ trong GDP còn thấp[2], các loại dịch vụ cao cấp, có giá trị tăng thêm lớn

---

1. Theo Báo cáo cạnh tranh kinh tế toàn cầu năm 2004 của Diễn đàn kinh tế thế giới, chỉ số cạnh tranh toàn cầu của nước ta xếp thứ 77 trên 104 nước được khảo sát, trong đó, chỉ số cạnh tranh về môi trường kinh tế vĩ mô xếp thứ 58/104, về thể chế công xếp thứ 82/104, về công nghệ xếp thứ 92/104; chỉ số cạnh tranh về kinh doanh xếp thứ 90 trên 104 nước.

2. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, năm 2004, tỉ trọng dịch vụ trong GDP của Philíppin là 54%, của Thái Lan là 46%, của Malaixia là 42%, của Việt Nam là 38%.

chưa phát triển mạnh. Trong nông nghiệp, sản xuất chưa gắn kết chặt chẽ và có hiệu quả cao với thị trường; việc đưa tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất còn chậm; công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn vẫn còn lúng túng. Trong công nghiệp, ít sản phẩm có hàm lượng công nghệ và tri thức cao; công nghiệp công nghệ cao phát triển chậm; một số sản phẩm công nghiệp có sản lượng lớn còn mang tính gia công, lắp ráp, giá trị nội địa tăng chậm; công nghiệp bổ trợ kém phát triển; tốc độ đổi mới công nghệ còn chậm[1].

Các vùng kinh tế trọng điểm chưa phát huy được các thế mạnh để đi nhanh hơn vào cơ cấu kinh tế hiện đại. Chính sách hỗ trợ các vùng kém phát triển chưa đáp ứng được yêu cầu. Sự liên kết vùng chưa được quan tâm đúng mức, hiệu quả thấp.

Các thành phần kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Chưa tạo được đầy đủ môi trường hợp tác, cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; chưa khai thác tốt các nguồn lực trong nước và của người Việt Nam ở nước ngoài để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh. Việc sắp xếp, đổi mới, phát triển doanh nghiệp nhà nước còn chậm, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước còn thấp. Kinh tế tư nhân chưa được tạo đủ điều kiện thuận lợi để phát triển, quy mô còn nhỏ, sức cạnh tranh còn yếu và

---

1. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới, năm 2003, tỷ lệ hàng xuất khẩu công nghệ cao trong tổng xuất khẩu hàng chế tác của Malaixia chiếm 58%, Thái Lan chiếm 30%, Trung Quốc 27%, của Việt Nam là 2%.

chưa được quản lý tốt. Kinh tế tập thể kém hấp dẫn và phát triển chậm, còn nhiều lúng túng. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, việc thu hút đầu tư nước ngoài còn kém so với một số nước trong khu vực.

Tỉ trọng lao động trong nông nghiệp còn cao. Lao động thiếu việc làm và không có việc làm còn nhiều. Tỷ lệ lao động qua đào tạo rất thấp.

Cơ cấu đầu tư chưa thật hợp lý, chưa hướng mạnh vào đầu tư chiều sâu, vào các ngành có giá trị tăng thêm cao và tạo nhiều việc làm. Đầu tư từ ngân sách nhà nước và đầu tư của doanh nghiệp nhà nước còn dàn trải, thất thoát, hiệu quả thấp. Một số công trình lớn, quan trọng cấp quốc gia không hoàn thành theo kế hoạch. Năng lực sản xuất của một số ngành và sản phẩm quan trọng, thiết yếu tăng chậm.

Công tác quy hoạch chất lượng thấp, quản lý còn kém và chưa phù hợp với cơ chế thị trường.

3. Kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển

Tuy đã có cố gắng đầu tư, song kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội vẫn còn lạc hậu, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu, hạn chế sự phát triển kinh tế - xã hội.

Hệ thống đường bộ chưa hoàn chỉnh, chất lượng thấp, nhiều nơi còn bị tắc nghẽn; chưa bảo đảm giao thông thông suốt trong mùa mưa ở các khu vực thường bị ngập lụt và miền núi. Hệ thống cảng biển, đường sắt, hàng không còn bất cập về năng lực vận chuyển, khả năng kho bãi, về thông tin, quản lý; chi phí dịch vụ vận tải còn cao.

Hệ thống thủy lợi chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp và nông thôn; các hồ chứa nước ở khu vực miền Trung, Tây Nguyên và miền núi chưa được đầu tư hoàn chỉnh; chất lượng một số công trình thấp, hiệu quả sử dụng kém. Các công trình thủy lợi tập trung nhiều cho sản xuất lúa, chưa phục vụ tốt cho phát triển cây công nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Hệ thống thủy lợi ở đồng bằng sông Cửu Long đầu tư thiếu đồng bộ, còn nhiều yếu kém, bất cập. Quản lý nguồn nước còn bị buông lỏng.

Hệ thống điện vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu cả về nguồn điện, lưới điện và chất lượng; tỷ lệ tổn thất còn cao. Một số công trình điện không hoàn thành đúng kế hoạch, gây thiếu điện trong thời gian cao điểm và khi có hạn hán nghiêm trọng.

Hạ tầng bưu chính, viễn thông thiếu đồng bộ; chất lượng dịch vụ còn thấp; giá dịch vụ còn cao; hoạt động bưu chính - viễn thông ở vùng sâu, vùng xa chưa đáp ứng yêu cầu.

Kết cấu hạ tầng đô thị phát triển chậm, chất lượng quy hoạch đô thị thấp, quản lý đô thị kém. Hệ thống cấp nước kém phát triển, thiết bị xử lý nước lạc hậu, chất lượng nước kém; hệ thống phân phối nước và nguồn nước nhiều nơi chưa được đầu tư đồng bộ. Hệ thống xử lý chất thải sinh hoạt và chất thải công nghiệp vừa thiếu, vừa kém chất lượng; chưa ngăn chặn được tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng.

Hạ tầng cho giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao còn thiếu, chưa đồng bộ và chất lượng thấp.

4. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều hạn chế; các cân đối vĩ mô chưa thật vững chắc

Việc xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều vướng mắc và chưa thật đồng bộ. Thị trường tài chính, thị trường bất động sản, thị trường khoa học và công nghệ phát triển chậm, chưa đáp ứng kịp yêu cầu. Quản lý nhà nước đối với từng loại thị trường còn nhiều bất cập. Một số nguyên tắc của thị trường bị vi phạm.

An ninh năng lượng, cán cân thương mại, cán cân vãng lai và thanh toán quốc tế, dự trữ quốc gia, cân đối ngân sách chưa đủ vững chắc để đối phó khi các tình huống biến động lớn, đột xuất xảy ra.

Thu ngân sách còn phụ thuộc nhiều vào nguồn thu từ thuế nhập khẩu và dầu thô. Hoạt động của hệ thống ngân hàng còn nhiều yếu kém, chất lượng tín dụng thấp, nợ xấu còn cao.

Trong tình hình giá cả thế giới có nhiều biến động, công tác quản lý giá cả thị trường, lưu thông tiền tệ có mặt chưa phù hợp, lúng túng, để xảy ra đầu cơ gây đột biến giá một số mặt hàng thiết yếu, bất lợi cho hoạt động kinh doanh và đời sống.

5. Hội nhập kinh tế quốc tế và hoạt động kinh tế đối ngoại còn nhiều hạn chế

Thiếu lộ trình thật chủ động trong hội nhập kinh tế quốc tế; chưa gắn kết chặt chẽ tiến trình hội nhập với việc hoàn

thiện pháp luật, thể chế, chính sách và cải cách cơ cấu kinh tế; việc nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa, của doanh nghiệp và của nền kinh tế chưa theo kịp yêu cầu hội nhập.

Tỷ lệ hàng xuất khẩu qua chế biến, chế tác sâu còn thấp. Quy mô xuất khẩu còn nhỏ[1]. Nhập siêu còn lớn.

Môi trường đầu tư kém hấp dẫn so với một số nước xung quanh. Chưa thu hút được nhiều vốn đầu tư và công nghệ tiên tiến của các tập đoàn kinh tế lớn; chưa chủ động khai thác vốn đầu tư gián tiếp quốc tế.

Việc giải ngân vốn ODA còn chậm. Chiến lược vay và trả nợ nước ngoài chưa được chuẩn bị thật tốt.

6. Chất lượng giáo dục và đào tạo còn thấp, nhiều vấn đề hạn chế, yếu kém chậm được khắc phục

Chất lượng giáo dục còn nhiều yếu kém; khả năng chủ động, sáng tạo của học sinh, sinh viên ít được bồi dưỡng, năng lực thực hành của học sinh, sinh viên còn yếu. Chương trình, phương pháp dạy và học còn lạc hậu, nặng nề, chưa thật phù hợp.

Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học chưa cân đối với giáo dục trung học phổ thông. Đào tạo nghề còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng.

Việc xã hội hóa giáo dục được thực hiện chậm, thiếu đồng bộ. Công tác giáo dục và đào tạo ở vùng sâu, vùng xa còn

---

1. Theo Báo cáo phát triển thế giới năm 2006 của Ngân hàng Thế giới, năm 2004, xuất khẩu bình quân đầu người của nước ta chỉ bằng gần 20% của Thái Lan, bằng 6% của Malaixia; bằng 70% của Trung Quốc và mới bằng 22% mức bình quân của thế giới.

nhiều khó khăn, chất lượng thấp; chưa quan tâm đúng mức phát triển giáo dục và đào tạo ở đồng bằng sông Cửu Long, để giáo dục và đào tạo của vùng này tụt hậu kéo dài so với các vùng khác trong cả nước.

Công tác quản lý giáo dục, đào tạo chậm đổi mới và còn nhiều bất cập. Thanh tra giáo dục còn nhiều yếu kém; những hiện tượng tiêu cực, như bệnh thành tích, thiếu trung thực trong đánh giá kết quả giáo dục, trong học tập, tuyển sinh, thi cử, cấp bằng và tình trạng học thêm, dạy thêm tràn lan kéo dài, chậm được khắc phục.

7. Khoa học và công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội

Cơ chế quản lý khoa học và công nghệ, kể cả khoa học tự nhiên và khoa học xã hội chậm đổi mới; chưa có chính sách và biện pháp tốt để huy động các nguồn lực và sử dụng có hiệu quả nguồn lực nhà nước đầu tư cho khoa học và công nghệ; thiếu cơ chế gắn kết nghiên cứu khoa học và công nghệ với đào tạo nhân lực, nhất là ở bậc đại học và với hoạt động sản xuất, kinh doanh; chưa phát huy tác dụng tích cực đối với phát triển kinh tế - xã hội.

Thị trường khoa học và công nghệ chậm được hình thành, hiệu quả ứng dụng các công trình nghiên cứu khoa học thấp; thiếu chính sách và biện pháp thúc đẩy các doanh nghiệp quan tâm đầu tư nghiên cứu và đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh.

Trình độ công nghệ trong nhiều ngành còn lạc hậu; việc chuyển giao công nghệ còn rất chậm. Cơ sở vật chất - kỹ

thuật của các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ còn thiếu, lạc hậu, chưa đồng bộ và sử dụng kém hiệu quả.

Đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học còn hạn chế về trình độ, bất hợp lý về cơ cấu; thiếu cán bộ đầu ngành và các tập thể khoa học và công nghệ mạnh. Quyền sở hữu trí tuệ chưa được coi trọng đúng mức và còn bị xâm phạm.

8. Lĩnh vực văn hóa, xã hội còn nhiều vấn đề bức xúc chậm được giải quyết

Việc xây dựng *nếp sống văn hóa* chưa được coi trọng đúng mức. Tình trạng suy thoái, xuống cấp về đạo đức, lối sống, sự gia tăng tệ nạn xã hội và tội phạm đáng lo ngại, nhất là trong lớp trẻ. Quản lý nhà nước về văn hóa còn nhiều sơ hở, yếu kém. Đấu tranh ngăn ngừa văn hóa phẩm độc hại chưa được chú ý đầy đủ, còn nhiều khuyết điểm, bất cập.

Thành tựu xóa đói, giảm nghèo chưa thật vững chắc. Số hộ nghèo và tái nghèo ở một số vùng còn lớn, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới còn cao. Đời sống nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng thường bị thiên tai còn nhiều khó khăn; nhiều vùng dân tộc thiểu số có tỷ lệ hộ nghèo cao hơn so với bình quân cả nước. Một số chính sách trợ giúp người nghèo, hộ nghèo, vùng nghèo chưa được tổ chức thực hiện tốt.

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân còn nhiều bất cập. Hệ thống y tế chậm đổi mới, chất lượng dịch vụ y tế chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của nhân dân; điều kiện chăm sóc y tế cho người nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số còn nhiều hạn chế. Bệnh dịch HIV/AIDS tiếp tục gia tăng. Đầu tư của Nhà nước và huy

động nguồn lực xã hội cho phát triển y tế chưa đáp ứng yêu cầu và hiệu quả chưa cao. Quản lý hoạt động khám, chữa bệnh và hành nghề y, dược tư nhân kém hiệu quả. Năng lực sản xuất và cung ứng thuốc còn yếu; quản lý thị trường thuốc chữa bệnh có nhiều thiếu sót. Vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm chưa được kiểm soát chặt chẽ. Chính sách đào tạo và sử dụng cán bộ y tế còn nhiều bất cập; đội ngũ cán bộ y tế thiếu và yếu, cơ cấu bất hợp lý; những việc làm vi phạm đạo đức nghề nghiệp chậm được khắc phục.

Một số tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn có hiệu quả. Cuộc đấu tranh chống các thói hư, tật xấu thiếu các biện pháp đồng bộ và chưa tạo được chuyển biến rõ nét; tệ ma tuý, mại dâm còn diễn biến phức tạp.

Tội phạm có tổ chức và tội phạm liên quan đến ma tuý có chiều hướng gia tăng.

Việc bảo đảm *trật tự, an toàn giao thông* chưa tốt, thiếu đồng bộ, tai nạn giao thông vẫn còn nghiêm trọng, ý thức chấp hành pháp luật giao thông trong xã hội rất kém, quản lý nhà nước còn nhiều bất cập.

9. Bộ máy nhà nước chậm đổi mới, chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc phát triển kinh tế, xã hội

Những yếu kém của bộ máy quản lý nhà nước và công tác cán bộ chậm được khắc phục. Cải cách hành chính chưa đạt yêu cầu, chưa gắn với xây dựng và chỉnh đốn Đảng, với đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội, chưa phối hợp chặt chẽ với cải cách và đổi mới hoạt động tư pháp. Cải cách tư pháp chưa theo kịp yêu cầu phát triển.

Năng lực và phẩm chất của nhiều cán bộ, công chức còn yếu, một bộ phận không nhỏ thoái hóa, biến chất. Dân chủ ở nhiều nơi bị vi phạm, kỷ cương phép nước chưa nghiêm. Quan liêu, tham nhũng, lãng phí còn nghiêm trọng, đặc biệt là tình trạng nhũng nhiễu, cửa quyền, thiếu trách nhiệm của bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức, nhất là ở các cơ quan giải quyết công việc cho dân và doanh nghiệp. Bộ máy chính quyền cơ sở nhiều nơi yếu kém.

Những thành tựu đạt được trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự chưa thật vững chắc. Việc đấu tranh chống âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch có lúc còn thiếu chủ động, chưa kịp thời. Chất lượng các tuyến phòng thủ, thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân ở một số nơi chưa đạt yêu cầu.

Công tác đối ngoại còn có việc thiếu chiều sâu và chưa thật chủ động; công tác tuyên truyền đối ngoại còn kém; quản lý nhà nước về công tác đối ngoại chưa chặt chẽ.

Các yếu kém và bất cập về kinh tế, xã hội do nhiều nguyên nhân, trong đó ***nguyên nhân chủ quan*** là chủ yếu:

Thứ nhất, chậm đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; chậm xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, chính sách và giải pháp chưa đủ mạnh để huy động và sử dụng được tốt nhất các nguồn lực, cả nội lực và ngoại lực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ ba, cải cách hành chính còn chậm và kém hiệu quả; công tác tổ chức, cán bộ chậm đổi mới, chưa đáp ứng yêu cầu.

Thứ tư, chỉ đạo và tổ chức thực hiện vẫn là một khâu yếu nhất.

III- ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá tổng quát

Năm năm qua, đất nước ta đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, ***đạt được những thành tựu rất quan trọng*** trong việc thực hiện Chiến lược 10 năm phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá nhanh. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xây dựng bước đầu. Hội nhập kinh tế quốc tế và kinh tế đối ngoại có bước tiến mới rất quan trọng. Tiềm lực kinh tế, cơ sở vật chất - kỹ thuật được tăng cường đáng kể; khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế được nâng lên. Văn hóa - xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện; xóa đói, giảm nghèo đạt kết quả nổi bật. Chính trị - xã hội ổn định. Độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia được giữ vững. Thế và lực của đất nước vững mạnh thêm, vị thế quốc tế của nước ta được nâng lên rõ rệt.

Tuy nhiên, những thành tựu đã đạt được trong 5 năm qua còn *dưới mức khả năng phát triển của đất nước*, hoạt động kinh tế - xã hội *còn nhiều yếu kém, bất cập*; việc huy động và sử dụng các nguồn lực, cả nội lực và ngoại lực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội còn kém hiệu quả và chưa tương xứng với tiềm năng, hạn chế sự phát triển. Trình độ phát triển kinh tế và công nghệ vẫn tụt hậu so với nhiều nước xung quanh. Sức cạnh tranh của nền kinh tế, chất lượng và tính bền vững của sự phát triển còn kém. Kết

cấu hạ tầng kinh tế, xã hội chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển. Hội nhập kinh tế quốc tế còn hạn chế. Văn hóa - xã hội phát triển chưa ngang tầm và còn nhiều vấn đề bức xúc. Bộ máy nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức đổi mới chậm; quan liêu, tham nhũng, lãng phí chưa bị đẩy lùi. Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy thật tốt. Thực trạng trên để lại nhiệm vụ nặng nề cho 5 năm 2006 - 2010.

2. Bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn 5 năm qua, có thể rút ra ***mấy bài học kinh nghiệm*** lớn và cũng là ***tư tưởng chỉ đạo*** về phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm tới là:

2.1. Bài học về phát triển nhanh và bền vững

Phát triển nhanh phải đi đôi với nâng cao tính bền vững, hai mặt tác động lẫn nhau, được thể hiện ở cả tầm vĩ mô và vi mô, ở cả tầm ngắn hạn và dài hạn. Tăng trưởng về số lượng phải đi liền với nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Trong khi khai thác các yếu tố phát triển theo chiều rộng, phải đặc biệt coi trọng các yếu tố phát triển theo chiều sâu, phát triển kinh tế tri thức. Phải gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển toàn diện con người, thực hiện dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội, tạo nhiều việc làm, cải thiện đời sống, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói, giảm nghèo. Từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng. Phải rất coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường ngay trong từng bước phát triển.

Phát triển kinh tế phải đi đôi với việc bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, coi đây là tiền đề, điều kiện để phát triển nhanh và bền vững.

2.2. Bài học về huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, nhất là nội lực

Nội lực có vai trò quyết định đối với sự phát triển. Có phát huy được nội lực mới thu hút và sử dụng có hiệu quả ngoại lực. Nội lực được tăng cường mới bảo đảm được độc lập tự chủ về kinh tế và thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế thành công. Phát huy nội lực trước hết là phát huy nguồn lực con người, nguồn lực của toàn dân tộc, khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và sử dụng tốt nhất các nguồn lực của Nhà nước. Điều có ý nghĩa quyết định là phải có chính sách phù hợp để phát huy tối đa khả năng về vật chất, trí tuệ và tinh thần của mọi người dân, của các thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế tư nhân - một nguồn lực giàu tiềm năng của dân tộc ta - để góp phần quan trọng giải quyết việc làm, đẩy nhanh và nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội.

Ngoại lực có vai trò quan trọng đối với sự phát triển. Kết hợp tốt nội lực và ngoại lực sẽ tạo thành sức mạnh tổng hợp xây dựng đất nước. Ngoại lực, bao gồm cả vốn, tri thức, công nghệ, kỹ năng quản lý và thị trường... bổ sung cho nội lực, tạo thêm điều kiện để huy động và sử dụng nội lực có hiệu quả cao hơn. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, ngoại lực càng trở nên quan trọng. Một nước đang phát triển ở trình độ thấp như nước ta, muốn vươn lên để

theo kịp các nước, không thể coi nhẹ việc thu hút và sử dụng tốt nhất ngoại lực. Muốn phát huy tốt ngoại lực, phải có một chiến lược phù hợp và môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh, trước hết là có một hệ thống thể chế, chính sách đồng bộ, một nền hành chính minh bạch, hiệu lực, hiệu quả.

2.3. Bài học về hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ

Hội nhập kinh tế quốc tế là yêu cầu khách quan, phải chủ động, có lộ trình phù hợp với bước đi tích cực, vững chắc, không do dự chần chừ, nhưng cũng không được nóng vội, giản đơn.

Phải tích cực mở rộng thị trường bên ngoài để đẩy mạnh xuất khẩu, đồng thời phải chủ động mở cửa thị trường trong nước, kể cả thị trường dịch vụ, để thu hút mạnh vốn đầu tư, công nghệ và kỹ năng quản lý tiên tiến, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Trong tiến trình mở cửa, hội nhập với nền kinh tế thế giới, phải biết phát huy lợi thế so sánh, tạo môi trường cạnh tranh để phát triển. Đồng thời, để phát triển bền vững, bảo đảm sự ổn định, tăng khả năng độc lập tự chủ của đất nước, nhất thiết phải tăng cường tiềm lực và bảo đảm an ninh kinh tế, đi đôi với củng cố quốc phòng, an ninh. Về an ninh kinh tế, phải giữ vững các cân đối vĩ mô; ngoài an ninh lương thực và an ninh năng lượng, cần tăng nhanh dự trữ ngoại tệ, kiểm soát chặt chẽ nợ nước ngoài; phát huy cao nhất các nguồn lực để xây dựng nhanh kết cấu hạ tầng và phát triển có hiệu quả một số ngành và sản phẩm thiết yếu.

2.4. Bài học về phát triển kinh tế thị trường đồng thời với chăm lo ngày càng tốt hơn phúc lợi xã hội

Giai đoạn phát triển mới của đất nước đòi hỏi công cuộc đổi mới phải đi vào chiều sâu và toàn diện hơn, phải dứt khoát hình thành nhanh và đồng bộ các yếu tố của kinh tế thị trường và hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ các nguyên tắc của thị trường. Đồng thời, càng đi vào kinh tế thị trường, càng phải chăm lo tốt hơn phúc lợi xã hội, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, phát triển giáo dục, văn hóa, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Phải đề cao vai trò, trách nhiệm của Nhà nước và sự đóng góp của toàn xã hội để thực hiện tốt yêu cầu này, đầu tư nhiều hơn cho lĩnh vực văn hóa, xã hội, thực hiện tốt hơn yêu cầu gắn kết giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội.

2.5. Bài học về công tác tổ chức thực hiện và tuyển chọn, bố trí đúng cán bộ

Bước tiến của công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội phụ thuộc một phần rất quan trọng vào ý chí và năng lực tổ chức thực hiện, trong đó, nhân tố con người - cán bộ, công chức, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt của hệ thống công quyền và của doanh nghiệp - có vai trò quyết định.

Phải tuyển chọn và bố trí đúng cán bộ đáp ứng được yêu cầu công việc; phải giao nhiệm vụ rõ ràng và quyền hạn tương xứng cho người đứng đầu từng tổ chức, từng đơn vị, kể cả quyền hạn về tổ chức bộ máy và nhân sự; đồng thời phải yêu cầu rất cao về trách nhiệm đối với cán bộ, nhất là người đứng đầu, khi không hoàn thành được nhiệm vụ, công việc

trì trệ hoặc có sai phạm, khuyết điểm phải xử lý nghiêm minh kịp thời, kể cả thay thế. Phải có quy chế cụ thể về công tác cán bộ để đáp ứng được yêu cầu này.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2006 - 2010

Nước ta bước vào thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 trong bối cảnh có nhiều thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đều lớn, đan xen nhau.

Trên thế giới, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế chủ đạo; toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đang được đẩy nhanh; đầu tư, lưu chuyển hàng hóa, dịch vụ, lao động và vốn ngày càng mở rộng. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tiếp tục phát triển mạnh theo chiều sâu, tác động rộng lớn đến cơ cấu và sự phát triển của kinh tế thế giới, mở ra triển vọng mới cho mỗi nền kinh tế tham gia phân công lao động toàn cầu. Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục phát triển năng động, hợp tác trong khu vực ngày càng mở rộng tạo thêm điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của mỗi quốc gia.

Tuy nhiên, tình hình thế giới và khu vực vẫn chứa đựng nhiều yếu tố phức tạp, khó lường; các tranh chấp, xung đột cục bộ, cùng với hoạt động khủng bố quốc tế có thể gây mất ổn định ở khu vực và nhiều nơi trên thế giới. Các nước lớn cạnh tranh quyết liệt vì lợi ích kinh tế và tìm cách áp đặt các rào cản trong thương mại với các nước nghèo và đang phát

triển. Thị trường tài chính, tiền tệ và giá cả thế giới còn diễn biến phức tạp. Các vấn đề mang tính toàn cầu như dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, khan hiếm các nguồn năng lượng và nguyên, vật liệu, khoảng cách giàu nghèo... sẽ càng trở nên gay gắt hơn.

Ở trong nước, chúng ta có được thuận lợi rất cơ bản là những thành tựu to lớn và những bài học kinh nghiệm quan trọng sau 20 năm đổi mới, nhưng cũng còn nhiều yếu kém, đặc biệt là nền kinh tế đang ở trình độ phát triển thấp, quy mô nhỏ, sức cạnh tranh yếu, còn tụt hậu khá xa so với nhiều nước trong khu vực, chưa vượt ra khỏi nhóm các nước đang phát triển có thu nhập thấp; trong khi yêu cầu về phát triển nhanh và bền vững rất cấp bách, yêu cầu về hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới ngày càng khẩn trương và sâu rộng hơn.

Những đặc điểm tình hình nêu trên đặt ra cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của nước ta trong 5 năm tới nhiệm vụ rất nặng nề, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phải có quyết tâm rất cao, với các giải pháp thật quyết liệt mới có thể thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 đã đề ra.

I- MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2006 - 2010

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, đạt được bước chuyển biến quan trọng về nâng cao hiệu quả và tính bền

vững của sự phát triển, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Cải thiện rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của nhân dân. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức, tạo nền tảng để đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia. Nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế.

2. Các nhiệm vụ chủ yếu

1) Giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo bước đột phá về xây dựng kết cấu hạ tầng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh, tăng tốc độ tăng trưởng kinh tế, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng của nước đang phát triển có thu nhập thấp[1].

2) Chuyển mạnh sang kinh tế thị trường, thực hiện các nguyên tắc của thị trường, hình thành đồng bộ và hoàn thiện các loại thị trường và thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với đặc điểm của nước ta.

---

1. Theo dự báo năm 2004 của Ngân hàng Thế giới thì ngưỡng nước có thu nhập thấp năm 2010 có thể nâng lên khoảng 950 USD/người. Như vậy, nếu Việt Nam đạt kế hoạch tăng GDP 7,5 - 8%/năm thì đến năm 2009, mức GDP bình quân đầu người dự kiến đạt trên 950 USD, đến năm 2010 đạt 1.050 - 1.100 USD, Việt Nam sẽ vượt ngưỡng nước có thu nhập thấp. Nếu phấn đấu đạt tốc độ tăng GDP cao hơn 8%/năm thì mốc thời gian đạt được chỉ tiêu này còn sớm hơn nữa.

3) Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng kinh tế đối ngoại gắn với nâng cao khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế.

4) Phát triển mạnh khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và phát triển kinh tế tri thức.

5) Tạo chuyển biến mạnh trong việc xây dựng văn hóa, đạo đức và lối sống; kiềm chế tốc độ tăng dân số, nâng cao thể chất và sức khỏe nhân dân; bảo vệ và cải thiện môi trường.

6) Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, giải quyết việc làm, khuyến khích làm giàu hợp pháp, xóa đói, giảm nghèo, phát triển hệ thống an sinh xã hội; đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

7) Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy dân chủ, nâng cao hiệu lực của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tạo bước chuyển rõ rệt về cải cách hành chính, ngăn chặn và đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

8) Tăng cường quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị - xã hội, mở rộng quan hệ đối ngoại, giữ vững môi trường hòa bình và ổn định, tạo thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Các chỉ tiêu định hướng về phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu

3.1- Về kinh tế

Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân trong 5 năm 2006 - 2010 đạt 7,5 - 8%/năm và phấn đấu đạt trên 8%/năm; GDP năm 2010 theo giá so sánh gấp hơn 2,1 lần

năm 2000. GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng 1.050 - 1.100 USD.

Cơ cấu ngành trong GDP năm 2010: khu vực nông nghiệp khoảng 15 - 16%, công nghiệp và xây dựng 43 - 44%, dịch vụ 40 - 41%.

Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 16%/năm.

Năm 2010: tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách đạt 21 - 22%.

Vốn đầu tư toàn xã hội đạt khoảng 40% GDP.

Mật độ điện thoại đạt 35 máy/100 dân, mật độ Internet đạt 12,6 thuê bao/100 dân.

3.2- Về xã hội

Năm 2010, tốc độ phát triển dân số khoảng 1,14%.

Lao động nông nghiệp năm 2010 chiếm dưới 50% lao động xã hội.

Trong 5 năm, tạo việc làm cho trên 8 triệu lao động; tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới 5% vào năm 2010.

Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới) giảm xuống còn 10 - 11% vào năm 2010[1].

Năm 2010:

Hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở; đạt 200 sinh viên đại học và cao đẳng/10.000 dân; lao động đã qua đào tạo chiếm 40% tổng lao động xã hội.

Tỷ lệ bác sĩ đạt 7 người/10.000 dân.

Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi là 16‰ trẻ đẻ sống; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi giảm xuống dưới 20%, tỷ

1. Theo chuẩn mới, tỷ lệ hộ nghèo năm 2005 khoảng 22%.

lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản dưới 60/100.000 trẻ đẻ sống.

Tuổi thọ bình quân của dân số Việt Nam đạt 72 tuổi.

3.3- Về môi trường

Năm 2010:

Đưa tỷ lệ che phủ rừng lên 42 - 43%.

95% dân cư thành thị và 75% dân cư ở nông thôn được sử dụng nước sạch.

100% các cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải; trên 50% các cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường; 100% số đô thị loại 3 trở lên, 50% số đô thị loại 4 và tất cả các khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải; 90% chất thải rắn thông thường, 80% chất thải nguy hại, 100% chất thải y tế được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.

II- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ VÙNG

1. Về kinh tế

1.1- Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp, kinh tế nông thôn và nâng cao đời sống nhân dân

Hiện nay và trong nhiều năm tới, vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn có tầm chiến lược đặc biệt quan trọng. Phải luôn luôn coi trọng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn hướng tới xây dựng

một nền nông nghiệp hàng hóa lớn, đa dạng, phát triển nhanh và bền vững, có năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao; tạo điều kiện từng bước hình thành nền nông nghiệp sạch; phấn đấu giá trị tăng thêm trong nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3 - 3,2%/năm. Tốc độ phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn không thấp hơn mức bình quân của cả nước. Gắn phát triển kinh tế với xây dựng nông thôn mới, giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng miền, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

Thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn, chuyển mạnh sang sản xuất các loại sản phẩm có thị trường và hiệu quả kinh tế cao; đẩy mạnh thâm canh các loại cây trồng trên cơ sở áp dụng các quy trình sản xuất đồng bộ và tiên tiến; quy hoạch diện tích sản xuất lương thực ổn định; bảo đảm vững chắc an ninh lương thực; phát triển mạnh chăn nuôi theo hướng quy mô lớn, an toàn dịch bệnh và bền vững về môi trường. Xây dựng các vùng sản xuất nông sản hàng hóa tập trung gắn với việc chuyển giao công nghệ sản xuất, chế biến và bảo quản.

Phát huy lợi thế khí hậu nhiệt đới, tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình bảo vệ và phát triển rừng. Nâng cao chất lượng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, phát triển mạnh việc trồng mới và khai thác bền vững rừng sản xuất để nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu trước mắt và lâu dài về nguyên liệu gỗ cho chế biến hàng tiêu dùng và xuất khẩu; bảo đảm lợi ích thỏa đáng của người được giao kinh doanh, chăm sóc và bảo vệ rừng.

Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa lớn đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái; chuyển đổi cơ cấu khai thác qua việc lựa chọn ngư trường, loại hình nghề nghiệp và sản phẩm để nâng cao giá trị hàng hóa, sử dụng hợp lý nguồn lợi, giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh, bảo đảm tăng trưởng bền vững.

Quy hoạch và có chính sách phát triển nghề làm muối và cải thiện đời sống diêm dân.

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn, nhất là những ngành, nghề sử dụng nhiều lao động, coi đây là hướng chính để tạo ra nhiều việc làm mới, góp phần tăng nhanh thu nhập cho nông dân. Phát triển mạnh công nghệ bảo quản, chế biến, giảm tổn thất sau thu hoạch, đồng thời nâng cao giá trị tăng thêm cho các loại nông, lâm, thủy sản, nhất là sản phẩm xuất khẩu chủ lực.

Đẩy mạnh nghiên cứu và chuyển giao khoa học, công nghệ, nhất là giống và kỹ thuật sản xuất; tăng cường hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, thú y, bảo vệ thực vật và các dịch vụ kỹ thuật khác ở nông thôn, tạo sự đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả trong nông, lâm, ngư nghiệp. Triển khai đến cơ sở chương trình ứng dụng công nghệ sinh học, nâng cao chất lượng giống cây trồng, vật nuôi, kể cả giống thủy sản. Chú ý áp dụng công nghệ cao để sản xuất nông sản, thực phẩm sạch theo tiêu chuẩn quốc tế và xây dựng các khu nông nghiệp công nghệ cao. Nâng cao khả năng phòng ngừa và khắc phục dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi. Xây dựng cơ chế bảo hiểm nông sản để chủ động bù đắp thiệt hại khi bị thiên tai hoặc khi giá cả biến động bất lợi, nhất là đối với lương thực.

Tạo điều kiện thuận lợi hơn để giúp nông dân chuyển sang làm ngành, nghề ngoài nông nghiệp và dịch vụ. Khuyến khích để các doanh nghiệp và hợp tác xã đầu tư phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn. Chú trọng phát triển kinh tế trang trại, các loại hình kinh tế hợp tác; đẩy nhanh việc sắp xếp lại và đổi mới quản lý các nông, lâm trường; phát triển mạnh các loại hình doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa; phát triển bền vững các làng nghề. Tạo mọi thuận lợi cho kinh tế hộ phát triển. Khuyến khích nông dân đóng góp quyền sử dụng đất và lao động của mình với các doanh nghiệp, hợp tác xã, các chủ trang trại để phát triển sản xuất hàng hóa, ổn định và cải thiện đời sống. Khuyến khích hơn nữa đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp, nông thôn.

Tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước và đa dạng hóa các nguồn vốn để phát triển mạnh kết cấu hạ tầng nông thôn; thúc đẩy cơ giới hóa, hiện đại hóa nông thôn. Ưu tiên nâng cấp và xây dựng mới các hệ thống thủy lợi đồng bộ, đi đôi với đổi mới quản lý để khai thác có hiệu quả các công trình đã đưa vào sử dụng, đáp ứng nhu cầu về nước cho nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, cho công nghiệp, dịch vụ và nước cho sinh hoạt ở nông thôn. Củng cố hệ thống hồ, đập, đê, kè ven sông, ven biển; nâng cấp các hệ thống cảnh báo, chủ động phòng, chống lụt, bão và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, bảo vệ môi trường nước. Đẩy nhanh việc đầu tư xây dựng để hoàn thành chương trình cụm tuyến dân cư vùng ngập lũ ở đồng bằng sông Cửu Long. Tiếp tục đầu tư phát triển giao thông nông thôn, bảo đảm các xã đều có đường ô tô tới khu trung tâm, từng bước phát triển đường ô tô tới thôn, bản, ấp; phấn

đấu đến năm 2010, trên 90% hộ dân cư nông thôn có điện sinh hoạt, 75% dân cư nông thôn có nước sạch.

Chú trọng đào tạo nghề, tạo việc làm cho nông dân và cho lao động nông thôn, nhất là ở các vùng nhà nước thu hồi đất để xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển các cơ sở phi nông nghiệp. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn, giảm nhanh tỉ trọng lao động làm nông nghiệp, tăng tỉ trọng lao động làm công nghiệp và dịch vụ. Tạo điều kiện cho lao động nông thôn có việc làm cả trong công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, tại chỗ và ngoài nông thôn, kể cả ở nước ngoài. Nhà nước đầu tư nhiều hơn và phát huy khả năng trợ giúp của xã hội để thực hiện tốt xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn, đặc biệt ở các vùng sâu, vùng xa. Giải quyết ổn định lương thực cho các hộ nghèo, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, gắn với việc giao khoán rừng.

Xây dựng hoàn chỉnh các quy hoạch phát triển nông nghiệp và nông thôn. Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới nhằm xây dựng các làng, xã, ấp, bản có cuộc sống no ấm, văn minh, sạch đẹp, gắn với việc hình thành các khu dân cư đô thị hóa. Phát huy dân chủ, xây dựng nếp sống văn hóa, bài trừ các tệ nạn xã hội ở nông thôn.

1.2- Phát triển nhanh hơn công nghiệp và xây dựng theo hướng nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh và hiện đại hóa

Phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế, đa dạng hóa hình thức sở hữu và quy mô để phát triển công nghiệp và xây dựng với cơ cấu ngành, nghề phù hợp. Nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh, hàm lượng khoa học công nghệ và tỉ

trọng giá trị tăng thêm, giá trị nội địa trong sản phẩm công nghiệp. Phát triển công nghiệp và xây dựng gắn với phát triển dịch vụ, phát triển đô thị và bảo vệ môi trường. Phấn đấu đạt tốc độ tăng giá trị tăng thêm trong công nghiệp và xây dựng 10 - 10,2%/năm.

Phát triển đồng bộ công nghiệp chế biến, chế tác, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng, công nghiệp quốc phòng, góp phần xây dựng nền tảng cho một nước công nghiệp và nâng cao khả năng tự chủ của nền kinh tế. Xây dựng và thực hiện tốt chương trình phát triển công nghiệp phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Tập trung nguồn lực phát triển mạnh và nâng cao chất lượng các ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, tạo ra sản phẩm xuất khẩu và thu hút nhiều lao động, như: chế biến nông, lâm, thủy sản; may mặc, giày dép, đồ nhựa, đồ gỗ gia dụng; cơ khí đóng tàu, công nghiệp chế tạo thiết bị đồng bộ, thiết bị điện, thiết bị xây dựng, máy nông nghiệp, phương tiện giao thông, sản xuất và lắp ráp cơ - điện tử; công nghiệp bổ trợ, công nghiệp công nghệ thông tin, sản xuất phần mềm. Nâng tỉ trọng sản phẩm công nghiệp xuất khẩu đã qua chế biến. Chú trọng phát triển công nghiệp năng lượng đi đôi với áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng; công nghiệp vật liệu và công nghệ tiết kiệm nguyên, vật liệu; công nghiệp dược và các chế phẩm sinh học; công nghiệp bảo vệ môi trường.

Việc phát triển các ngành công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng chủ yếu là dựa vào nguồn lực của các thành phần kinh tế, kể cả đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

Căn cứ vào nguồn lực và hiệu quả, Nhà nước tập trung đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư để phát triển những sản phẩm quan trọng của nền kinh tế, như: lọc hóa dầu, khai thác quặng và luyện thép, phân bón, hóa chất, xi măng, khai thác bôxít và sản xuất alumin, bột giấy gắn với trồng rừng và một số sản phẩm cơ khí chế tạo.

Hoàn chỉnh quy hoạch phát triển các khu, cụm, điểm công nghiệp trên cả nước; hình thành các vùng công nghiệp trọng điểm; gắn việc phát triển sản xuất với bảo đảm các điều kiện sinh hoạt cho người lao động. Chuyển các cơ sở công nghiệp trong nội thành, nội thị, gần khu đông dân cư không bảo đảm tiêu chuẩn môi trường vào các khu công nghiệp tập trung hoặc các vùng ít dân cư.

Huy động các nguồn lực (nhà nước, doanh nghiệp, nhân dân, cộng đồng) để xóa nhà ở dột nát, nhà ở tạm bợ cho người nghèo; phát triển nhanh quỹ nhà để đáp ứng cơ bản nhu cầu nhà ở cho công chức, viên chức, người lao động, sinh viên, học sinh, nhất là công nhân các khu công nghiệp, khu chế xuất.

Tăng cường hợp tác liên kết, đưa ngành công nghiệp và xây dựng nước ta hội nhập với khu vực và quốc tế, trước hết thông qua việc thu hút mạnh đầu tư và công nghệ nguồn của các công ty đa quốc gia tham gia phát triển công nghiệp và xây dựng ở Việt Nam.

1.3- Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội theo hướng hiện đại

Trên cơ sở bổ sung, hoàn chỉnh quy hoạch, Nhà nước ưu tiên ngân sách và huy động các nguồn lực khác để đẩy nhanh việc xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng trong từng vùng và

trên cả nước, xem đây là một khâu đột phá để phát triển đất nước hiện nay và chuẩn bị cho bước tiếp theo. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế, kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia phát triển lĩnh vực này. Chú trọng các công trình quan trọng, thiết yếu, phát huy nhanh tác dụng. Khắc phục nhanh tình trạng đầu tư dàn trải, thất thoát, lãng phí, kém chất lượng.

Tập trung các nguồn lực để ưu tiên đầu tư hoàn chỉnh cơ bản hệ thống giao thông đường bộ, đường sông, đường sắt, đường biển, đường hàng không đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các công trình thủy lợi có nhu cầu cấp bách, gắn với phát triển thủy điện.

Phát triển nhanh nguồn điện với cơ cấu hợp lý, hoàn chỉnh hệ thống truyền tải, bảo đảm sự vận hành an toàn, hiệu quả, đáp ứng đủ điện cho yêu cầu phát triển, cả ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo. Nhà nước tập trung đầu tư và khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào ngành điện trên nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh và thực hiện cơ chế thị trường về giá bán điện, đồng thời có chính sách trợ giúp hợp lý các hộ nghèo.

Tăng nhanh năng lực và hiện đại hóa bưu chính - viễn thông; đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng thông tin hiện đại, đồng bộ và ổn định; bảo đảm cạnh tranh bình đẳng trong dịch vụ thông tin.

Rà soát, bổ sung và nâng cao chất lượng quy hoạch phát triển đô thị, từng bước hình thành hệ thống đô thị phù hợp trên địa bàn cả nước; đặc biệt chú trọng phát triển các đô thị nhỏ và vừa, hạn chế tập trung dân cư vào một số ít thành

phố lớn. Xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, chú trọng hoàn thiện mạng lưới giao thông, hệ thống cấp nước sinh hoạt, cung cấp đủ nước sạch và giải quyết cơ bản vấn đề thoát nước và xử lý chất thải ở các đô thị, các khu công nghiệp. Quản lý chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch và các quy chế về đô thị.

Nhà nước tăng tỉ trọng đầu tư từ ngân sách cho phát triển kết cấu hạ tầng xã hội, nhất là giáo dục, y tế.

1.4- Tạo bước phát triển vượt bậc của khu vực dịch vụ

Phát triển nhanh khu vực dịch vụ đáp ứng yêu cầu và phù hợp với tiềm năng còn rất lớn của nước ta và xu hướng phát triển chung của thế giới; tận dụng tốt thời cơ hội nhập kinh tế quốc tế để tạo bước phát triển vượt bậc của khu vực dịch vụ, đưa tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ cao hơn tốc độ tăng GDP, phấn đấu đạt 7,7 - 8,2%/năm.

Ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ có tiềm năng lớn và sức cạnh tranh cao. Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ truyền thống, như vận tải, thương mại, du lịch, ngân hàng, bưu chính - viễn thông. Phát triển mạnh các dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống ở nông thôn. Mở rộng các dịch vụ mới, nhất là những dịch vụ cao cấp, dịch vụ có hàm lượng trí tuệ cao, dịch vụ hỗ trợ kinh doanh. Phát triển nhanh hơn dịch vụ vận tải, tạo lập và phát triển mạnh vận tải đa phương thức và dịch vụ hỗ trợ các phương thức vận tải. Tiếp tục phát triển mạnh thương mại trong nước trên tất cả các vùng và gia tăng nhanh xuất khẩu. Khuyến khích đầu tư phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động du lịch, đa dạng hóa sản phẩm và các

loại hình du lịch. Hiện đại hóa và mở rộng các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán theo kịp yêu cầu phát triển thị trường tài chính, tiền tệ và hội nhập kinh tế quốc tế. Phát triển các dịch vụ pháp luật, kiểm toán, bảo hiểm, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thông tin, thể thao; tăng số lượng và nâng cao chất lượng dịch vụ việc làm, an sinh xã hội.

Nhà nước kiểm soát chặt chẽ độc quyền và tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia và cạnh tranh bình đẳng trên thị trường dịch vụ.

Đổi mới căn bản cơ chế quản lý và phương thức cung ứng dịch vụ công cộng[1] là khâu đột phá quan trọng để phát triển nhanh và có hiệu quả các lĩnh vực văn hóa - xã hội.

Trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế, phải luôn coi trọng yêu cầu nâng cao các phúc lợi xã hội cơ bản của nhân dân, đặc biệt là đối với người nghèo, vùng nghèo, các đối tượng chính sách; đồng thời không xem nhẹ việc đáp ứng những nhu cầu của bộ phận ngày càng đông dân cư có thu nhập cao hơn. Nhà nước tăng đầu tư từ ngân sách tiếp tục phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật để nâng cao phúc lợi chung cho toàn xã hội và bảo đảm cung ứng các dịch vụ xã hội cơ bản, trước hết là về y tế, giáo dục cho người nghèo, vùng nghèo, các đối tượng chính sách; tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển các cơ sở dịch vụ tư nhân và cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài.

---

1. Dịch vụ công cộng nêu ở đây chủ yếu bao gồm: giáo dục và đào tạo; y tế; khoa học và công nghệ; văn hóa; thể dục, thể thao.

Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị công lập cung ứng dịch vụ công cộng theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm, thực hiện hạch toán thu - chi không vì lợi nhuận; Nhà nước không bao cấp tràn lan.

Dịch vụ công cộng liên quan trực tiếp đến đời sống của nhân dân và là yếu tố quan trọng góp phần ổn định xã hội. Vì vậy, việc chuyển đổi phương thức cung ứng các loại dịch vụ này cần được thực hiện một cách tích cực, nhưng phải có lộ trình và kế hoạch đồng bộ.

1.5- Tạo bước ngoặt về hội nhập kinh tế quốc tế và hoạt động kinh tế đối ngoại

Thực hiện tốt đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước; chủ động, tích cực hội nhập kinh tế sâu hơn, đầy đủ hơn với khu vực và thế giới. Thực hiện có hiệu quả các cam kết với các nước, các tổ chức quốc tế về thương mại, đầu tư, dịch vụ và các lĩnh vực khác. Thực hiện các cam kết của Khu vực mậu dịch tự do ASEAN và tích cực tham gia quá trình xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN. Chuẩn bị tốt các điều kiện để thực hiện các cam kết sau khi nước ta gia nhập WTO.

Khẩn trương đổi mới thể chế kinh tế, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật bảo đảm lợi ích quốc gia và phù hợp với các quy định, thông lệ quốc tế. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, chú trọng cải cách hành chính, đào tạo nguồn nhân lực, tạo lập những điều kiện thuận lợi hơn nữa để thu hút mạnh các nguồn vốn quốc tế, như vốn ODA, vốn đầu tư trực tiếp, gián tiếp dưới nhiều hình thức, tín dụng thương mại và các nguồn vốn quốc tế khác.

Tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài, phấn đấu đạt trên 1/3 tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trong 5 năm. Mở rộng lĩnh vực, địa bàn và hình thức thu hút FDI, hướng vào những thị trường giàu tiềm năng và các tập đoàn kinh tế hàng đầu thế giới, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về số lượng và chất lượng, hiệu quả nguồn FDI. Tiếp tục tranh thủ nguồn vốn ODA, đẩy nhanh tốc độ giải ngân, nâng cao hiệu quả sử dụng và có kế hoạch đảm bảo trả nợ. Từng bước mở rộng đầu tư gián tiếp của nước ngoài và có chính sách hiệu quả hơn để thu hút mạnh kiều hối vào phát triển kinh tế - xã hội. Tạo điều kiện thuận lợi và có cơ chế khuyến khích các hoạt động đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam.

Đẩy mạnh xuất khẩu, chủ động về nhập khẩu, kiềm chế và thu hẹp dần nhập siêu. Tăng nhanh tỉ trọng xuất khẩu các sản phẩm chế biến có giá trị tăng thêm cao, giàu hàm lượng công nghệ, có sức cạnh tranh, tạo thêm các sản phẩm xuất khẩu chủ lực mới, hạn chế và tiến tới chấm dứt xuất khẩu tài nguyên thiên nhiên và nông sản chưa qua chế biến. Củng cố và mở rộng thị trường xuất khẩu, tạo thị trường ổn định cho các mặt hàng có khả năng cạnh tranh; tăng thêm thị phần ở các thị trường lớn và khai mở các thị trường còn nhiều tiềm năng. Phấn đấu đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm tới lên hơn hai lần 5 năm trước.

Phát huy tính năng động của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế. Từng doanh nghiệp phải khẩn trương đổi mới từ tư duy đến phong cách quản lý, đổi mới thiết bị, công nghệ, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, giảm chi phí để tăng sức cạnh tranh. Xúc tiến mạnh thương mại và đầu tư, phát triển thị trường

mới, sản phẩm mới và thương hiệu mới. Khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam hợp tác, liên doanh với các doanh nghiệp nước ngoài và mạnh dạn đầu tư ra nước ngoài.

2. Về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ

2.1- Tạo được chuyển biến cơ bản về phát triển giáo dục và đào tạo

Đổi mới tư duy giáo dục một cách nhất quán, từ mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp đến cơ cấu và hệ thống tổ chức, cơ chế quản lý để tạo được chuyển biến cơ bản và toàn diện của nền giáo dục nước nhà, tiếp cận với trình độ giáo dục của khu vực và thế giới; khắc phục cách đổi mới chắp vá, thiếu tầm nhìn tổng thể, thiếu kế hoạch đồng bộ. Phấn đấu xây dựng nền giáo dục hiện đại, của dân, do dân và vì dân, bảo đảm công bằng về cơ hội học tập cho mọi người, tạo điều kiện để toàn xã hội học tập và học tập suốt đời, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ưu tiên hàng đầu cho việc nâng cao chất lượng dạy và học. Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và tăng cường cơ sở vật chất của nhà trường, phát huy khả năng sáng tạo và độc lập suy nghĩ của học sinh, sinh viên. Coi trọng bồi dưỡng cho học sinh, sinh viên khát vọng mãnh liệt xây dựng đất nước giàu mạnh, gắn liền lập nghiệp bản thân với tương lai của cộng đồng, của dân tộc, trau dồi cho học sinh, sinh viên bản lĩnh, phẩm chất và lối sống của thế hệ trẻ Việt Nam hiện đại. Triển khai thực hiện hệ thống kiểm định khách quan, trung thực chất lượng giáo dục, đào tạo.

Hoàn chỉnh và ổn định lâu dài hệ thống giáo dục quốc dân; chú trọng phân luồng đào tạo sau trung học cơ sở; bảo đảm liên thông giữa các cấp đào tạo. Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học, tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo. Xúc tiến xây dựng một số trường đại học của Việt Nam đạt đẳng cấp quốc tế, đào tạo nhân tài cho đất nước.

Mở rộng quy mô dạy nghề và trung học chuyên nghiệp, bảo đảm tốc độ tăng nhanh hơn đào tạo đại học, cao đẳng. Quy mô tuyển sinh dạy nghề dài hạn tăng 17%/năm và trung học chuyên nghiệp tăng 15%/năm. Tăng nhanh tỷ lệ học sinh tốt nghiệp phổ thông được học tiếp lên đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, học nghề. Phát triển rộng khắp và nâng cao chất lượng các trung tâm giáo dục cộng đồng. Tích cực triển khai hình thức giáo dục từ xa.

Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và đào tạo. Rà soát, sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao chất lượng các trường công lập; bổ sung chính sách ưu đãi để phát triển các trường ngoài công lập và các trung tâm giáo dục cộng đồng. Có lộ trình cụ thể cho việc chuyển một số cơ sở giáo dục, đào tạo công lập sang dân lập, tư thục; xóa bỏ hệ bán công. Khuyến khích thành lập mới và phát triển các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề ngoài công lập, kể cả trường do nước ngoài đầu tư.

Sửa đổi chế độ học phí đi đôi với đổi mới cơ chế tài chính trong giáo dục và đào tạo theo hướng xác định đầy đủ chi phí dạy và học, chia sẻ hợp lý trách nhiệm chi trả giữa Nhà nước, xã hội và người học. Thực hiện miễn, giảm học phí và cấp học

bổng cho học sinh nghèo, học sinh thuộc diện chính sách và học sinh giỏi.

Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống trường lớp, cơ sở vật chất - kỹ thuật các cấp học, mở thêm các trường nội trú, bán trú và có chính sách bảo đảm đủ giáo viên cho các vùng này. Phấn đấu đưa các chỉ số phát triển giáo dục và đào tạo ở đồng bằng sông Cửu Long lên ngang bằng trình độ bình quân chung của cả nước.

Đổi mới và nâng cao năng lực quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; Nhà nước thực hiện đúng chức năng định hướng phát triển, tạo lập khung pháp lý và kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực thi pháp luật, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong giáo dục và đào tạo, chống bệnh thành tích. Đổi mới tổ chức và hoạt động, đề cao và bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường, nhất là trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Tập trung khắc phục những tiêu cực trong dạy thêm, học thêm, thi cử, tuyển sinh, đánh giá kết quả học tập và cấp chứng chỉ, văn bằng.

Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục, đào tạo; từng bước xây dựng nền giáo dục hiện đại, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2.2- Phát triển mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ

Phát triển mạnh, kết hợp chặt giữa hoạt động khoa học và công nghệ với giáo dục và đào tạo để thực sự phát huy vai trò quốc sách hàng đầu, tạo động lực đẩy nhanh công nghiệp

hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức. Thống nhất định hướng giữa phát triển khoa học và công nghệ với chấn hưng giáo dục và đào tạo, phát huy quan hệ tương tác thúc đẩy lẫn nhau giữa hai lĩnh vực quốc sách hàng đầu này.

Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả trong từng ngành, từng lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng nhanh năng lực khoa học và công nghệ nội sinh đi đôi với tăng cường tiếp thu, làm chủ, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ thế giới. Nâng cao chất lượng và tính thương mại của các sản phẩm khoa học và công nghệ; nâng cao ý thức chấp hành và hiệu lực thực thi tốt pháp luật về sở hữu trí tuệ. Cùng với việc đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động khoa học và công nghệ, Nhà nước tập trung đầu tư vào các chương trình nghiên cứu quốc gia, phấn đấu đạt trình độ khu vực và thế giới; xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ cho một số lĩnh vực trọng điểm, công nghệ cao. Chú trọng công tác đào tạo, bổ sung cơ chế, chính sách sử dụng, đãi ngộ cán bộ khoa học.

Đổi mới tổ chức, xây dựng quy chế liên kết giữa khoa học, công nghệ với giáo dục và đào tạo, giữa nghiên cứu và giảng dạy với sản xuất, kinh doanh. Xây dựng quy chế về nghiên cứu khoa học trong các trường đại học và về công tác giảng dạy, đào tạo của các viện nghiên cứu khoa học, công nghệ. Có chính sách khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới và chuyển giao công nghệ, nghiên cứu và ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống. Phát triển quan hệ liên kết, đặt hàng giữa các đơn vị sản xuất, kinh doanh, các tổ chức và cá nhân có nhu cầu với các cơ sở

nghiên cứu khoa học, công nghệ. Khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp, trước hết là các tổng công ty lớn, triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ.

Đổi mới cơ bản cơ chế quản lý khoa học và công nghệ, đặc biệt là cơ chế tài chính phù hợp với đặc thù sáng tạo và khả năng rủi ro của hoạt động khoa học và công nghệ. Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Chuyển các tổ chức nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp dưới các hình thức phù hợp; khuyến khích phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ thuộc mọi thành phần kinh tế.

Thực hiện chính sách trọng dụng nhân tài, các nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư, kỹ sư trưởng, kỹ thuật viên lành nghề và công nhân kỹ thuật có tay nghề cao.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ, khuyến khích tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư về khoa học và công nghệ, thu hút chuyên gia, đặc biệt là chuyên gia giỏi người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia giảng dạy, phát triển khoa học và công nghệ tại Việt Nam.

3. Về văn hóa, xã hội

3.1- Phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội

Đẩy mạnh việc thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hóa đã được xác định trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 là "làm cho văn hóa thấm sâu vào từng khu dân cư, từng gia đình, từng người, hoàn thiện hệ giá trị mới của con người Việt Nam, kế thừa các giá trị truyền thống của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa của loài người, tăng sức

đề kháng chống văn hóa đồi trụy, độc hại. Nâng cao tính văn hóa trong mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội và sinh hoạt của nhân dân".

Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội và con người trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Bảo đảm sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt với phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội. Đặc biệt coi trọng nâng cao văn hóa lãnh đạo và quản lý, văn hóa trong kinh doanh và văn hóa trong nhân cách của thanh niên, thiếu niên; chống những hiện tượng phản văn hóa, phi văn hóa.

Đẩy mạnh việc xây dựng đời sống văn hóa đại chúng và môi trường văn hóa lành mạnh. Bồi dưỡng các tài năng văn hóa, khuyến khích sáng tạo nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật tiêu biểu có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, tương xứng với sự nghiệp giữ nước và dựng nước, đổi mới và phát triển của dân tộc. Nâng cao chất lượng và mở rộng diện phổ biến các sản phẩm văn hóa đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao và đa dạng của các tầng lớp nhân dân.

Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, báo chí, phát thanh, truyền hình, xuất bản và phát hành sách trên tất cả các vùng, chú ý nhiều hơn đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Xúc tiến xã hội hóa các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thông tin với bước đi thích hợp cho từng loại hình, từng vùng. Huy động các nguồn lực và sức sáng tạo trong xã hội để đầu

tư xây dựng các công trình và thiết chế văn hóa, tổ chức các hoạt động văn hóa, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, đoàn thể tham gia hoạt động văn hóa, nghệ thuật, quản lý và bảo vệ di tích, di sản văn hóa.

Mở rộng giao lưu văn hóa, thông tin với thế giới.

Đổi mới và tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa - thông tin. Sắp xếp lại hệ thống báo chí.

3.2- Về kiềm chế tốc độ tăng dân số, chuyển dịch cơ cấu lao động, giải quyết việc làm và an sinh xã hội

Tiếp tục kiềm chế tốc độ tăng dân số, phấn đấu đạt chỉ tiêu về dân số trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010. Chú trọng nâng cao chất lượng dân số và phân bố dân cư hợp lý giữa các vùng; xây dựng các quy hoạch và chính sách thích hợp nhằm đáp ứng xu thế chuyển dịch cơ cấu dân số ở nông thôn và thành thị. Đưa công tác dân số, gia đình và trẻ em ở các cấp đi vào nền nếp, vào từng gia đình, có chiều sâu và mang tính bền vững.

Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm tỉ trọng lao động nông, lâm, ngư nghiệp xuống dưới 50% vào năm 2010. Tăng tỉ trọng lao động công nghiệp, xây dựng và đặc biệt là lao động ở khu vực dịch vụ trong tổng lao động xã hội.

Ưu tiên dành vốn đầu tư của Nhà nước và huy động vốn của toàn xã hội để giải quyết việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp. Khuyến khích người lao động tự tạo việc làm, phát triển nhanh các loại hình doanh nghiệp để thu hút nhiều lao động. Chú trọng đào tạo nghề, tạo việc làm cho nông dân, nhất là những nơi đất nông nghiệp bị chuyển đổi do đô thị hóa và công nghiệp hóa. Phát triển các dịch vụ phục vụ đời

sống của người lao động ở các khu công nghiệp. Tiếp tục thực hiện chương trình xuất khẩu lao động, tăng tỷ lệ lao động xuất khẩu đã qua đào tạo, quản lý chặt chẽ và bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động.

Tiếp tục hoàn chỉnh thể chế thị trường lao động, bảo đảm hài hòa lợi ích của người lao động và người sử dụng lao động. Đổi mới hệ thống bảo hiểm xã hội, đa dạng hóa hình thức bảo hiểm và phù hợp với kinh tế thị trường; xây dựng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, thực hiện tốt chế độ bảo hộ lao động, an toàn lao động và vệ sinh lao động.

Thực hiện tốt các chính sách ưu đãi người có công với nước; vận động toàn xã hội tham gia các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa; nâng cao mức sống về vật chất, tinh thần của người có công ngang bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư. Trợ giúp nạn nhân chất độc da cam, người già cô đơn, trẻ mồ côi, người tàn tật, tạo thuận lợi để họ hòa nhập với cộng đồng. Đổi mới nhận thức, cách làm, huy động sức mạnh toàn xã hội để ngăn chặn, đẩy lùi và khắc phục các tệ nạn xã hội.

3.3- Tiếp tục đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo

Đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức thực hiện xóa đói, giảm nghèo theo hướng phát huy cao độ nội lực và kết hợp sử dụng có hiệu quả sự trợ giúp của quốc tế. Nhà nước tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và trợ giúp về điều kiện sản xuất, nâng cao kiến thức để người nghèo, hộ nghèo, vùng nghèo tự vươn lên thoát nghèo và cải thiện mức sống một cách bền vững; kết hợp chính sách của Nhà nước với sự giúp đỡ trực tiếp và có hiệu quả của toàn xã

hội, của những người khá giả cho người nghèo, hộ nghèo, nhất là đối với những vùng đặc biệt khó khăn. Ngăn chặn tình trạng tái nghèo.

Đẩy mạnh việc thực hiện chính sách đặc biệt về trợ giúp đầu tư phát triển sản xuất, nhất là đất sản xuất; trợ giúp đất ở, nhà ở, nước sạch, đào tạo nghề và tạo việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo. Có chính sách khuyến khích mạnh các doanh nghiệp, trước hết là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hộ giàu đầu tư vốn phát triển sản xuất ở nông thôn, nhất là nông thôn vùng núi. Phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân tham gia công cuộc xóa đói, giảm nghèo.

3.4- Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển con người.

Tăng đầu tư của Nhà nước và tạo chuyển biến mạnh mẽ trong việc nâng cấp mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, huyện, các trung tâm y tế vùng, các cơ sở y tế chuyên sâu; đồng thời, có chính sách trợ giúp các đối tượng chính sách, người nghèo, người có thu nhập thấp được tiếp cận dịch vụ y tế.

Phát triển hệ thống y tế dự phòng. Thực hiện tốt phong trào vệ sinh, phòng bệnh và các biện pháp kiểm soát vệ sinh, an toàn thực phẩm; nâng cao năng lực giám sát, phát hiện và khống chế dịch bệnh, đặc biệt là HIV/AIDS và các dịch bệnh mới phát sinh. Trang bị kiến thức và kỹ năng để mỗi người

dân có khả năng chủ động phòng bệnh và rèn luyện nâng cao sức khỏe.

Khuyến khích phát triển các cơ sở y tế thuộc nhiều hình thức sở hữu, kể cả đầu tư nước ngoài. Bố trí mạng lưới bệnh viện theo địa bàn dân cư, tạo thuận lợi cho người dân khám, chữa bệnh không lệ thuộc vào địa giới hành chính nơi cư trú. Mở rộng các hình thức dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà, bác sĩ gia đình, chăm sóc người già cô đơn, người tàn tật.

Hoàn thiện và củng cố mạng lưới y học cổ truyền. Vận động, khuyến khích và hướng dẫn nhân dân nuôi, trồng và sử dụng các loại cây và các con vật làm thuốc chữa bệnh.

Đổi mới quản lý các bệnh viện công lập, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của bệnh viện; thí điểm và chuyển dần các bệnh viện công lập, trước hết là bệnh viện lớn, bệnh viện chuyên khoa sang hoạt động theo cơ chế hạch toán không vì lợi nhuận.

Sửa đổi chế độ viện phí theo nguyên tắc xác định đầy đủ chi phí khám, chữa bệnh và chia sẻ hợp lý trách nhiệm chi trả giữa Nhà nước, xã hội và người bệnh; Nhà nước trợ giúp một phần hoặc toàn bộ viện phí cho người nghèo và các đối tượng chính sách chủ yếu thông qua bảo hiểm y tế; thực hiện tốt việc khám, chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi.

Phát triển và nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế; xây dựng và thực hiện tốt lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân; phát triển mạnh các loại hình bảo hiểm y tế tự nguyện, bảo hiểm y tế cộng đồng. Mở rộng diện các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập khám, chữa bệnh theo bảo hiểm y tế. Hạn chế và giảm dần hình thức thanh toán viện phí trực tiếp từ người

bệnh. Đổi mới phương thức thanh toán viện phí qua quỹ bảo hiểm y tế.

Phát triển mạnh công nghiệp dược, nâng cao năng lực sản xuất thuốc trong nước. Củng cố mạng lưới cung ứng và kiểm soát thị trường thuốc phòng và chữa bệnh. Đẩy mạnh nghiên cứu và sản xuất vắcxin, sinh phẩm dùng cho người. Phát triển công nghiệp sản xuất trang bị, thiết bị y tế theo hướng hiện đại. Tiếp cận và ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ sinh học và công nghệ thông tin.

Phát huy vai trò và hiệu quả của chương trình kết hợp quân - dân y trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và các lực lượng vũ trang, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Kết hợp chặt chẽ các ngành y tế, thể dục, thể thao, giáo dục, lực lượng vũ trang, các đoàn thể nhân dân trong việc xây dựng và thực hiện chương trình nâng cao năng lực thể chất và tầm vóc con người Việt Nam, đặc biệt là thiếu niên, thanh niên.

3.5- Phát triển thể dục, thể thao

Đẩy mạnh các hoạt động thể dục, thể thao cả về quy mô và chất lượng. Khuyến khích và tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia hoạt động và phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao.

Phát triển mạnh thể thao quần chúng, thể thao nghiệp dư, trước hết là trong thanh niên, thiếu niên. Làm tốt công tác giáo dục thể chất trong trường học. Mở rộng quá trình chuyên nghiệp hóa thể thao thành tích cao. Đổi mới và tăng cường hệ thống đào tạo vận động viên trẻ.

Từng bước chuyển các đơn vị sự nghiệp thể dục, thể thao công lập sang áp dụng chế độ tự chủ tài chính, tiến tới tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện như các tổ chức cung ứng dịch vụ công cộng khác. Khuyến khích các doanh nghiệp ngoài công lập đầu tư và kinh doanh cơ sở luyện tập, thi đấu thể thao.

Phân định rõ trách nhiệm giữa cơ quan quản lý hành chính nhà nước và các tổ chức liên đoàn, hiệp hội thể thao. Chuyển giao hoạt động tác nghiệp về thể thao cho các tổ chức xã hội và các cơ sở ngoài công lập thực hiện.

4. Về tăng cường bảo vệ, cải thiện môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

Coi trọng việc thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động kinh tế, xã hội. Thực hiện tốt Chương trình nghị sự XXI[1].

---

1. Tháng 9 năm 2000, cùng với 189 vị đứng đầu Nhà nước và Chính phủ các quốc gia thành viên Liên hợp quốc, Việt Nam cam kết thực hiện ***Tuyên bố Thiên niên kỷ*** hay là ***Chương trình nghị sự XXI*** (viết tắt bằng tiếng Anh là MDG). MDG có 8 mục tiêu cụ thể: *(1) Xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực; (2) Đạt phổ cập giáo dục tiểu học; (3) Tăng cường bình đẳng nam nữ và nâng cao vị thế cho phụ nữ; (4) Giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em; (5) Tăng cường sức khoẻ bà mẹ; (6) Phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh khác; (7) Bảo đảm bền vững về môi trường; (8) Thiết lập quan hệ đối tác toàn cầu vì phát triển. Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg về Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam, trong đó có chủ trương, biện pháp thực hiện tám mục tiêu trên đây của MDG và tháng 9-2005 đã quyết định thành lập Hội đồng quốc gia về phát triển bền vững.*

Áp dụng các biện pháp mạnh mẽ để ngăn chặn các hành vi hủy hoại hoặc gây ô nhiễm môi trường, từng bước khắc phục tình trạng xuống cấp, cải thiện chất lượng môi trường, đặc biệt tập trung khắc phục nạn cháy rừng, ô nhiễm ở các lưu vực sông, các đô thị và khu công nghiệp, các làng nghề, nơi có đông dân cư và nhiều hoạt động kinh tế.

Xử lý tốt mối quan hệ giữa tăng dân số, phát triển kinh tế và đô thị hóa với bảo vệ môi trường, bảo đảm phát triển bền vững.

Tăng cường quản lý, bảo đảm khai thác tài nguyên hợp lý và tiết kiệm; xây dựng và thực hiện nghiêm các quy định về phục hồi môi trường các khu khai thác khoáng sản và các hệ sinh thái đã bị xâm phạm, bảo đảm cân bằng sinh thái.

Nhà nước tăng cường đầu tư và đổi mới chính sách để thu hút đầu tư của xã hội vào lĩnh vực môi trường; trước hết là các hoạt động thu gom, xử lý và tái chế chất thải. Phát triển và ứng dụng công nghệ sạch hoặc công nghệ ít gây ô nhiễm môi trường.

Hoàn chỉnh pháp luật, tăng cường quản lý nhà nước đi đôi với nâng cao ý thức và trách nhiệm của mọi người dân, của toàn xã hội đối với việc phòng ngừa ô nhiễm, bảo vệ và cải thiện môi trường. Thực hiện nguyên tắc người gây ra ô nhiễm phải xử lý ô nhiễm hoặc phải chi trả cho việc xử lý ô nhiễm.

Từng bước hiện đại hóa công tác nghiên cứu, dự báo khí tượng - thủy văn; chủ động phòng, chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn.

Mở rộng hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên; chú trọng lĩnh vực quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước.

5. Về định hướng và chính sách phát triển vùng

Tiếp tục thực hiện các định hướng phát triển vùng của Chiến lược 10 năm 2001 - 2010 và các nghị quyết của Bộ Chính trị khóa IX về phát triển các vùng.

Bằng chính sách thích hợp tạo điều kiện cho tất cả các vùng trong cả nước phát triển nhanh hơn trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh, hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý của mỗi vùng và liên vùng; đồng thời, tạo ra sự liên kết giữa các vùng nhằm đem lại hiệu quả cao, phát triển nhanh và ổn định, có sức cạnh tranh, khắc phục tình trạng chia cắt, khép kín theo địa giới hành chính.

Xây dựng ba vùng kinh tế trọng điểm ở miền Bắc, miền Trung và miền Nam thành những trung tâm công nghiệp lớn có công nghệ cao, trung tâm tài chính, ngân hàng, viễn thông, đào tạo và y tế chất lượng cao, trung tâm dịch vụ vận tải và giao thương quốc tế. Phát huy thế mạnh của mỗi vùng trọng điểm để các vùng này đóng góp ngày càng lớn cho sự phát triển chung của cả nước và trợ giúp các vùng khó khăn, có năng lực hội nhập kinh tế quốc tế với quy mô lớn và trình độ cao.

Có chính sách trợ giúp nhiều hơn về nguồn lực để phát triển các vùng khó khăn, nhất là các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Bổ sung chính sách khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và doanh nghiệp nước ngoài đến đầu tư, kinh doanh tại các vùng khó khăn.

Phát triển mạnh kinh tế biển vừa toàn diện, vừa có trọng tâm, trọng điểm với những ngành có lợi thế so sánh để đưa

nước ta trở thành quốc gia mạnh về kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế. Hoàn chỉnh quy hoạch và phát triển có hiệu quả hệ thống cảng biển và vận tải biển, khai thác và chế biến dầu khí, khai thác và chế biến hải sản, phát triển du lịch biển, đảo. Đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp đóng tàu và phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ bổ trợ. Hình thành một số hành lang kinh tế ven biển. Nhanh chóng phát triển kinh tế - xã hội ở các hải đảo gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung cần chú trọng tăng cường các biện pháp hữu hiệu để phòng, chống thiên tai; xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, khai thác cảng biển, vận tải biển, công nghiệp chế biến xuất khẩu, lọc hóa dầu, sản xuất vật liệu xây dựng, thủy điện, du lịch, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, trồng cây công nghiệp; phát triển có hiệu quả các khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển gắn với các cảng biển, các đô thị mới và các tuyến hành lang Đông - Tây.

Vùng trung du, miền núi Bắc Bộ và vùng Tây Nguyên cần tập trung mọi nỗ lực phát triển kinh tế nhanh và bền vững, gắn chặt với việc bảo đảm an ninh, quốc phòng. Phát triển mạnh thủy điện, công nghiệp khai khoáng, sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác có hiệu quả quỹ đất trồng cây công nghiệp, cây ăn quả xuất khẩu và trồng rừng nguyên liệu gắn với công nghiệp chế biến có công nghệ hiện đại. Phát triển du lịch sinh thái và văn hóa dân tộc. Chú trọng mở rộng quan hệ thương mại với các nước láng giềng. Phát triển hài hòa giữa các tiểu vùng, giữa các tầng lớp dân cư và giữa đồng bào các dân tộc.

Vùng đồng bằng sông Hồng và vùng đồng bằng sông Cửu Long cần tập trung đầu tư trước hết là phát triển kết cấu hạ tầng để khai thác tốt hơn các lợi thế về đất, nước, lao động làm gia tăng nhanh giá trị sản phẩm nông nghiệp và nâng cao chất lượng phát triển nông nghiệp, thủy sản với công nghệ tiên tiến, tỉ suất hàng hóa cao, góp phần chủ yếu bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia; đồng thời phát triển mạnh công nghiệp chế biến, chế tác, sản xuất hàng tiêu dùng và phát triển mạnh dịch vụ với chất lượng ngày càng cao, tạo nhiều việc làm mới.

Tập trung xây dựng và phát huy vai trò của thành phố Hà Nội là trung tâm kinh tế lớn đặc biệt của phía Bắc và cả nước. Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm lớn về tài chính, ngân hàng, viễn thông, công nghiệp công nghệ cao, thương mại, du lịch, đào tạo, y tế chất lượng cao của phía Nam và cả nước; tiếp tục đầu tư xây dựng để phát huy vai trò quan trọng của các thành phố biển Hải Phòng, Đà Nẵng; phát huy lợi thế là cố đô và di sản văn hóa thế giới để phát triển thành phố Huế thành một trung tâm lớn về du lịch và dịch vụ; xây dựng thành phố Cần Thơ sớm trở thành trung tâm của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

6. Về kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh

Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh theo phương châm phát triển kinh tế - xã hội là nền tảng để bảo vệ Tổ quốc; ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh vững mạnh là điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện tốt đường lối đối ngoại, tăng cường hợp tác quốc tế,

tranh thủ mọi cơ hội củng cố hòa bình, ổn định để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, đặc biệt là vùng biển, đảo. Sự kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh phải được thực hiện ngay trên từng địa bàn lãnh thổ, từ công tác quy hoạch, xây dựng kế hoạch và hình thành các dự án đầu tư phát triển. Xây dựng tỉnh, huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc.

Bố trí thế trận quốc phòng, an ninh phù hợp với tình hình mới và kết hợp chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội. Phát huy các nguồn lực, lồng ghép các chương trình, các dự án để xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng ở vùng biên giới, hải đảo. Rà soát quy hoạch và điều chỉnh đất quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu về bố trí chiến lược quốc phòng, dành thêm đất cho phát triển kinh tế - xã hội. Có chính sách đặc biệt phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân tại các khu vực có yêu cầu đặc thù về quốc phòng, an ninh.

Tiếp tục sắp xếp và nâng cao khả năng bảo đảm của công nghiệp quốc phòng; tập trung đầu tư vào những khâu đặc thù phục vụ quốc phòng, an ninh mà công nghiệp dân sinh không có khả năng bảo đảm. Mở rộng phương thức huy động vốn xây dựng công nghiệp quốc phòng. Có chính sách khuyến khích các nhà máy công nghiệp quốc phòng sản xuất các sản phẩm dân dụng để tăng thêm năng lực phát triển.

Bảo đảm tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của lực lượng vũ trang. Đáp ứng tốt hơn nhu cầu về vũ khí, trang bị, phương tiện kỹ thuật, nghiệp vụ có trình độ công nghệ

cao để tăng cường khả năng sẵn sàng chiến đấu của quân đội, khả năng chủ động ứng phó của lực lượng công an trong mọi tình huống. Đầu tư cho khoa học và công nghệ quốc phòng, an ninh, đồng thời có chính sách thích đáng để động viên tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia phục vụ quốc phòng, an ninh.

Nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội. Ngăn chặn kịp thời, đấu tranh có hiệu quả với hoạt động của các thế lực thù địch. Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật và thực hiện tốt Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm.

III- CÁC CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP

1. Chính sách phát huy các nguồn lực

1.1- Thực hiện nhất quán các chính sách tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, kinh doanh và phát triển mạnh mẽ các loại hình doanh nghiệp

Bảo đảm cho mọi công dân quyền tự do đầu tư, kinh doanh trong những lĩnh vực, ngành nghề, địa bàn mà pháp luật không cấm, quyền bất khả xâm phạm về quyền sở hữu tài sản hợp pháp, quyền bình đẳng trong đầu tư, kinh doanh, tiếp cận các cơ hội và các nguồn lực phát triển, trong cung cấp và tiếp nhận thông tin. Việc hình thành và phát triển hệ thống doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh, có sức cạnh tranh cao là một nhiệm vụ chiến lược của Nhà nước và toàn xã hội.

Nhà nước định hướng, tạo môi trường để các doanh nghiệp phát triển và hoạt động có hiệu quả theo cơ chế thị trường. Hỗ trợ sự phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Xây dựng một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty lớn, đa sở hữu, tạo sức mạnh cho đất nước trong hội nhập kinh tế quốc tế. Thu hút ngày càng nhiều tập đoàn kinh tế lớn của các nước đến đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam.

Khuyến khích phát triển mạnh hình thức kinh tế đa sở hữu mà chủ yếu là các doanh nghiệp cổ phần thông qua việc đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và phát triển các doanh nghiệp cổ phần mới, để hình thức kinh tế này trở thành phổ biến, chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong nền kinh tế nước ta.

Thực hiện chính sách ưu đãi hoặc hỗ trợ có điều kiện, có thời hạn đối với một số ngành, sản phẩm thiết yếu, một số mục tiêu, địa bàn, doanh nghiệp nhỏ và vừa, không phân biệt thành phần kinh tế và phù hợp với các cam kết quốc tế của nước ta. Thực hiện có hiệu quả Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư và các luật mới được ban hành, thấu suốt quan điểm đổi mới, bảo đảm thật sự bình đẳng và tạo thêm thuận lợi đối với mọi loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh và đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế, cả trong và ngoài nước.

Chính phủ, các tổ chức chính trị - xã hội, các hiệp hội nghề nghiệp chủ động xây dựng và tích cực triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là về đào tạo cán bộ quản trị và đào tạo nghề cho lao động; về cung cấp thông tin, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, xử lý rủi ro trong kinh doanh, bảo vệ lợi ích chính đáng của các

doanh nghiệp. Thực sự tôn vinh các doanh nhân có tài và thành đạt, đóng góp nhiều cho xã hội.

1.2- Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước

Khẩn trương hoàn thành kế hoạch sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước theo hướng hình thành loại hình công ty nhà nước đa sở hữu, chủ yếu là các công ty cổ phần. Thúc đẩy việc hình thành một số tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước mạnh, hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực, trong đó có ngành chính; có nhiều chủ sở hữu, sở hữu nhà nước giữ vai trò chi phối.

Đẩy mạnh và mở rộng diện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, kể cả các tổng công ty, nhằm tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động, để vốn nhà nước được sử dụng có hiệu quả và ngày càng tăng lên, đồng thời thu hút mạnh các nguồn lực trong, ngoài nước cho phát triển. Thực hiện nguyên tắc thị trường trong việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

Nhà nước giữ cổ phần chi phối đối với các tổng công ty, công ty cổ phần hoạt động trong những ngành, những lĩnh vực thiết yếu bảo đảm những cân đối lớn của nền kinh tế; chỉ giữ 100% vốn nhà nước trong các doanh nghiệp hoạt động bảo đảm an ninh, quốc phòng và những doanh nghiệp sản xuất, cung ứng dịch vụ công ích thiết yếu mà chưa cổ phần hóa được. Chuyển các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sang hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một hoặc nhiều thành viên mà chủ sở hữu là Nhà nước.

Đối với những tổng công ty lớn chưa cổ phần hóa toàn bộ tổng công ty, thực hiện cổ phần hóa hầu hết các doanh

nghiệp thành viên và chuyển các doanh nghiệp thành viên còn lại sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn một hoặc nhiều thành viên mà chủ sở hữu là Nhà nước; đồng thời, chuyển các tổng công ty này sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổ chức lại hội đồng quản trị để thực sự là đại diện trực tiếp của chủ sở hữu tại tổng công ty.

Đặt các doanh nghiệp có vốn nhà nước vào môi trường hợp tác và cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp khác để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh. Thu hẹp tối đa diện Nhà nước độc quyền kinh doanh, xóa bỏ đặc quyền kinh doanh của doanh nghiệp. Có cơ chế giám sát và chính sách điều tiết đối với những doanh nghiệp chưa xóa bỏ được vị thế độc quyền kinh doanh. Chỉ thành lập mới doanh nghiệp nhà nước khi hội đủ các điều kiện và trong những lĩnh vực sản xuất, cung ứng những sản phẩm, dịch vụ thật cần thiết cho phát triển kinh tế - xã hội và chủ yếu dưới hình thức công ty cổ phần.

Xác định rõ quyền tài sản, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong kinh doanh của doanh nghiệp. Gắn trách nhiệm và lợi ích của người quản lý doanh nghiệp với kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Thực hiện quy chế hội đồng quản trị tuyển chọn, ký hợp đồng thuê giám đốc điều hành doanh nghiệp.

Lành mạnh hóa tình hình tài chính và lao động của doanh nghiệp nhà nước; kiên quyết xử lý những doanh nghiệp nhà nước kinh doanh thua lỗ theo quy định của pháp luật.

Thực hiện cơ chế Nhà nước đầu tư vốn cho doanh nghiệp thông qua công ty đầu tư tài chính nhà nước; các doanh

nghiệp nhà nước huy động thêm vốn trên thị trường, nhất là thị trường chứng khoán để phát triển kinh doanh.

Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước thực hiện chức năng đầu tư vốn cho doanh nghiệp nhà nước và làm đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại các công ty, tổng công ty nhà nước đã cổ phần hóa và các doanh nghiệp nhà nước độc lập chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một chủ sở hữu là Nhà nước.

Quy định rõ chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước và của đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước. Thu hẹp và tiến tới không còn chức năng của các bộ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố làm đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước.

Quy định rõ chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý hành chính nhà nước và của đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước.

1.3- Tiếp tục đổi mới, tạo động lực phát triển có hiệu quả các loại hình kinh tế tập thể

Tiếp tục đổi mới chính sách để khuyến khích, thúc đẩy phát triển mạnh các loại hình kinh tế tập thể với những hình thức hợp tác đa dạng, tự nguyện, đáp ứng nhu cầu của các thành viên, phù hợp với trình độ phát triển của các ngành, nghề, trên các địa bàn.

Tiếp tục nghiên cứu xây dựng mô hình hợp tác xã kiểu mới trên cơ sở tổng kết các đơn vị làm tốt để tăng sức hấp dẫn, tạo động lực cho kinh tế tập thể, nhất là đối với nông nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp. Đa dạng hóa hình thức sở hữu trong kinh tế tập thể (có sở hữu pháp nhân, thể nhân). Phát

triển các loại hình doanh nghiệp trong hợp tác xã và các hình thức liên hiệp hợp tác xã.

Có cơ chế để hợp tác xã phát huy quyền sử dụng tư liệu sản xuất chung tại cơ sở; tách bạch giữa quyền này với quyền sở hữu của các xã viên. Khuyến khích huy động cổ phần và nguồn vốn góp của xã viên để không ngừng tăng thêm vốn đầu tư phát triển hợp tác xã. Khuyến khích tăng tài sản và quỹ không chia của hợp tác xã. Giải thể hoặc chuyển các hợp tác xã chỉ còn là hình thức sang các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.

1.4- Tiếp tục phát triển mạnh các hộ kinh doanh cá thể và các loại hình doanh nghiệp của tư nhân

Tạo điều kiện thuận lợi cho các loại hình kinh tế tư nhân đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật, không hạn chế về quy mô, ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn. Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử; bảo đảm thực sự bình đẳng, tạo thuận lợi để các doanh nghiệp tư nhân, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hộ kinh doanh được tiếp cận các nguồn vốn tại các tổ chức tín dụng của Nhà nước, kể cả quỹ hỗ trợ phát triển; được đáp ứng thuận lợi nhu cầu sử dụng đất làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh. Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp lớn của tư nhân, các tập đoàn kinh tế tư nhân có nhiều chủ sở hữu với hình thức công ty cổ phần. Tổng kết và có chính sách, giải pháp thúc đẩy kinh tế trang trại phát triển.

Khuyến khích tư nhân mua cổ phần của các doanh nghiệp nhà nước, tham gia đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất,

kinh doanh quan trọng của nền kinh tế. Khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân lớn bán cổ phần cho người lao động.

Bảo vệ tài sản hợp pháp của công dân và doanh nghiệp. Loại bỏ các quy định pháp luật không phù hợp về việc khám xét nơi ở và làm việc, tịch thu hoặc tạm giữ tài sản của công dân và doanh nghiệp. Các cơ quan có thẩm quyền phải đền bù thích đáng cho công dân và doanh nghiệp về những thiệt hại cả danh dự và vật chất do những quyết định trái pháp luật gây ra.

1.5- Thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế Việt Nam, được đối xử bình đẳng như doanh nghiệp Việt Nam trong kinh doanh. Tạo điều kiện cho đầu tư nước ngoài tham gia nhiều hơn vào phát triển các ngành, các vùng lãnh thổ phù hợp với các cam kết quốc tế của nước ta.

Đa dạng hóa hình thức và cơ chế đầu tư để thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài, gồm cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp vào các ngành, các lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế, nhất là các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ nguồn, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội.

Bảo đảm tính thống nhất, ổn định, minh bạch và ngày càng hấp dẫn trong chính sách đầu tư nước ngoài. Đổi mới phương thức quản lý nhà nước và cải tiến mạnh mẽ thủ tục đầu tư, thực hiện đúng theo các quy định của Luật đầu tư và phù hợp với lộ trình thực hiện các cam kết quốc tế của nước ta.

1.6- Đổi mới chính sách đầu tư

Đổi mới chính sách và cải thiện môi trường đầu tư, xóa bỏ các hình thức phân biệt đối xử trong tiếp cận các cơ hội đầu tư để khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ các thành phần kinh tế trong nước và thu hút vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp từ nước ngoài.

Hoàn thiện thể chế, tăng cường hiệu lực quản lý để bảo đảm đầu tư của Nhà nước có hiệu quả, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, thất thoát, lãng phí. Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước tập trung cho kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, phát triển văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ, y tế và trợ giúp vùng khó khăn. Vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước dành ưu tiên cho việc xây dựng các cơ sở thuộc kết cấu hạ tầng có thu hồi vốn và hỗ trợ đầu tư một số dự án quan trọng của nền kinh tế. Đầu tư của doanh nghiệp nhà nước hướng vào nâng cao năng lực sản xuất, đổi mới thiết bị, hiện đại hóa công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm. Vốn của khu vực dân doanh được khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu và việc làm. Khuyến khích người Việt Nam định cư ở nước ngoài chuyển vốn và công nghệ về nước tham gia đầu tư.

Tiếp tục tranh thủ nguồn vốn ODA. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn các công trình, các dự án đã được ký kết; xây dựng Chiến lược thu hút và sử dụng vốn ODA, tập trung vào lĩnh vực kết cấu hạ tầng kỹ thuật ở các trung tâm kinh tế và các vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn.

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư trực tiếp của nước ngoài, tạo lợi thế so sánh để thu hút nhiều doanh nghiệp lớn, các tập đoàn kinh tế hàng đầu thế giới đầu tư cho sản phẩm

xuất khẩu và công nghệ cao, tạo sự chuyển biến tích cực về chất lượng, số lượng và hiệu quả đầu tư nước ngoài.

Đơn giản hóa thủ tục cấp phép đầu tư đối với đầu tư nước ngoài; thu hẹp các lĩnh vực không cho phép đầu tư và những lĩnh vực đầu tư có điều kiện, mở rộng lĩnh vực đăng ký đầu tư. Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư phát triển các lĩnh vực dịch vụ theo các cam kết quốc tế của nước ta.

2. Phát triển đồng bộ các loại thị trường và tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

2.1- Phát triển đồng bộ các loại thị trường

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về kinh tế thị trường, tạo lập đồng bộ và vận hành thông suốt các loại thị trường, để các giao dịch thị trường diễn ra phù hợp với các nguyên tắc của thị trường. Hoàn thiện hệ thống quy tắc vận hành của các tổ chức tham gia thị trường đáp ứng yêu cầu của kinh tế thị trường và thông lệ quốc tế. Điều chỉnh mạnh chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Nhà nước, tăng cường vai trò điều tiết vĩ mô nền kinh tế, tạo môi trường kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, không can thiệp trực tiếp vào sản xuất, kinh doanh.

Phát triển *thị trường hàng hóa, dịch vụ* theo hướng đẩy mạnh tự do hóa thương mại và đầu tư phù hợp với các cam kết song phương, đa phương của nước ta và theo thông lệ quốc tế; tạo bước phát triển mới, nhanh và toàn diện thị trường dịch vụ; thúc đẩy cạnh tranh, kiểm soát độc quyền, bảo vệ lợi ích người tiêu dùng; tôn trọng quyền định giá và

cạnh tranh về giá cả của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; thực hiện quản lý nhà nước về giá đối với một số hàng hóa, dịch vụ độc quyền phù hợp với cơ chế thị trường và nguyên tắc của hội nhập kinh tế quốc tế.

Phát triển *thị trường tài chính* đồng bộ và có cơ cấu hoàn chỉnh; tăng nhanh quy mô và mở rộng phạm vi hoạt động; vận hành an toàn, được quản lý, giám sát hiệu quả. Khuyến khích mở rộng các dịch vụ hỗ trợ phát triển thị trường tài chính; bảo vệ lợi ích hợp pháp của mọi đối tượng tham gia thị trường.

Phát triển mạnh thị trường vốn theo hướng phát triển vững mạnh hệ thống ngân hàng thương mại thuộc các thành phần kinh tế, phát huy vai trò của các ngân hàng trong việc huy động và cho vay vốn đầu tư; đồng thời thực hiện các biện pháp đồng bộ để phát triển nhanh thị trường chứng khoán thành một kênh huy động vốn dài hạn quan trọng trong nền kinh tế. Khuyến khích các công ty cổ phần thuộc mọi thành phần kinh tế, kể cả các doanh nghiệp FDI, niêm yết cổ phiếu và huy động vốn qua thị trường chứng khoán. Hình thành đồng bộ thể chế về thị trường chứng khoán; tăng cường hỗ trợ của Nhà nước về kết cấu hạ tầng kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực, phổ cập kiến thức, tạo điều kiện thuận lợi cho công chúng tham gia thị trường này.

Phát triển thị trường tiền tệ, hiện đại hóa và đa dạng hóa các hình thức hoạt động; hoàn thiện hệ thống luật pháp, nâng cao sức cạnh tranh, năng lực quản trị của các ngân hàng; xóa bỏ các phân biệt đối xử trong tiếp cận nguồn vốn và tham gia thị trường, tạo môi trường bình đẳng trên thị trường tiền tệ; tăng cường liên kết giữa thị trường tiền tệ với thị trường vốn.

Phát triển *thị trường bất động sản* trên cơ sở thực hiện Luật đất đai, Luật xây dựng, Luật nhà ở và Luật về kinh doanh bất động sản...; hoàn thiện việc phân loại, đánh giá đất đai và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; làm cho quyền sử dụng đất chuyển thành hàng hóa một cách thuận lợi, đất đai trở thành nguồn vốn quan trọng cho phát triển.

Giá bất động sản được hình thành theo nguyên tắc thị trường. Nhà nước tác động đến giá đất trên thị trường bằng các chính sách kinh tế vĩ mô trên cơ sở quan hệ cung - cầu về đất đai. Tăng cường các biện pháp chống đầu cơ, hạn chế việc giao dịch không theo quy định của pháp luật. Xây dựng hệ thống đăng ký, thông tin bất động sản. Phát triển nhanh các dịch vụ thị trường bất động sản.

Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, tạo môi trường thông suốt để phát triển *thị trường lao động,* gắn kết cung - cầu lao động. Đa dạng hóa các hình thức giao dịch việc làm, bảo đảm quyền của người lao động lựa chọn chỗ làm việc. Thực hiện rộng rãi chế độ hợp đồng lao động; bảo đảm quyền lợi hợp pháp của cả người lao động và người sử dụng lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm và trợ cấp thất nghiệp. Tăng cường hệ thống thông tin, thống kê thị trường lao động. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động và tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động này.

Phát triển *thị trường khoa học, công nghệ*, thực hiện tốt Luật sở hữu trí tuệ và Luật chuyển giao công nghệ. Đổi mới quản lý nhà nước đối với thị trường khoa học, công nghệ; khuyến khích, hỗ trợ các hoạt động khoa học và công nghệ theo cơ chế thị trường; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với các công trình khoa học và hoạt động sáng tạo. Khuyến

khích các hoạt động tư vấn, dịch vụ ứng dụng công nghệ mới và chuyển giao công nghệ. Tạo môi trường mua bán thuận lợi các sản phẩm khoa học và công nghệ. Có chính sách nhập khẩu lao động có chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ và quản lý.

2.2- Chính sách tài chính, tiền tệ và tín dụng

Chính sách tài chính:

Xây dựng đồng bộ thể chế tài chính phù hợp với kinh tế thị trường. Đổi mới chính sách quản lý tài chính để giải phóng và phân bổ hợp lý, có hiệu quả các nguồn lực; phát triển nền tài chính quốc gia vững mạnh; bảo đảm an ninh tài chính quốc gia, nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của tài chính Việt Nam.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về thuế theo nguyên tắc công bằng, thống nhất và đồng bộ, bảo đảm môi trường thuận lợi, khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh. Điều chỉnh chính sách thuế theo hướng giảm và ổn định thuế suất, mở rộng đối tượng thu, điều tiết hợp lý thu nhập, không lồng ghép chính sách xã hội trong chính sách thuế. Từng bước thực hiện phương pháp tính thuế, quản lý thu thuế, xử lý các vi phạm về thuế theo thông lệ quốc tế; hiện đại hóa công tác quản lý hành chính thuế và phát triển dịch vụ tư vấn thuế.

Đổi mới chính sách phân phối tài chính và cơ chế kết hợp nguồn lực nhà nước với các nguồn lực khác nhằm thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng xóa bao cấp bất hợp lý từ ngân sách nhà nước; tăng tỉ trọng ngân sách đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực và cho các lĩnh

vực văn hóa, xã hội; bảo đảm nguồn lực cho hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước và quốc phòng, an ninh. Kết hợp sử dụng có hiệu quả nguồn lực của Nhà nước với thu hút có hiệu quả các nguồn vốn khác nhằm phát triển mạnh mẽ kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội. Sử dụng nguồn thu từ xổ số kiến thiết để đầu tư các công trình phúc lợi về giáo dục, y tế; việc phân bổ đầu tư đối với từng công trình cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quyết định; không đưa nguồn thu này thành một nguồn thu thường xuyên, ổn định của ngân sách nhà nước.

Đổi mới cơ chế quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện các công việc được ngân sách cấp kinh phí. Xây dựng kế hoạch tài chính trung hạn để tạo cơ sở nâng cao chất lượng dự toán ngân sách. Tăng cường phân cấp quản lý ngân sách, bảo đảm tính thống nhất về thể chế của ngân sách nhà nước và vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương. Phát huy vai trò của Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp trong việc quyết định và giám sát ngân sách. Nâng cao tính minh bạch, dân chủ và công khai trong quản lý ngân sách nhà nước. Xây dựng thể chế giám sát tài chính đồng bộ; hiện đại hóa công nghệ giám sát. Chuẩn mực hóa hệ thống kế toán, kiểm toán phù hợp với thông lệ quốc tế. Thực hiện kiểm toán bắt buộc đối với tất cả các cấp ngân sách, các đơn vị sử dụng vốn, tài sản và ngân sách nhà nước.

Đổi mới căn bản chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước; kiên quyết xóa bỏ tình trạng bao cấp đối với sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị cung ứng dịch vụ công cộng công lập.

Ban hành Luật quản lý tài sản nhà nước nhằm quản lý, sử dụng có hiệu quả nhà, đất và các tài sản khác của Nhà nước.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về dự trữ nhà nước; xây dựng lực lượng dự trữ nhà nước vững mạnh với cơ cấu hợp lý, có khả năng chủ động tham gia phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai và những biến cố bất thường xảy ra.

Chủ động mở rộng hoạt động tài chính đối ngoại và hội nhập quốc tế về tài chính; thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn, đa phương hóa quan hệ đối tác; tăng dự trữ ngoại tệ của quốc gia. Hoàn thiện cơ chế vay và trả nợ nước ngoài, gắn với nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc huy động, quản lý, sử dụng và trả nợ. Quản lý chặt chẽ nợ Chính phủ và nợ quốc gia trong giới hạn an toàn; nâng cao hiệu quả Quỹ tích lũy trả nợ. Thí điểm việc phát hành trái phiếu của một số doanh nghiệp lớn ra thị trường vốn quốc tế.

Chính sách tiền tệ và tín dụng:

Mục tiêu của chính sách tiền tệ trong 5 năm tới là ổn định giá trị đồng tiền, kiểm soát lạm phát, góp phần tăng trưởng kinh tế và bảo đảm an ninh hệ thống các ngân hàng và tổ chức tín dụng. Kết hợp chặt chẽ chính sách tiền tệ với chính sách tài khóa để ổn định kinh tế vĩ mô, tăng dự trữ ngoại tệ, khuyến khích doanh nghiệp và nhân dân tiết kiệm, đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh.

Xây dựng và thực thi chính sách tiền tệ *theo nguyên tắc thị trường*, khẩn trương thực hiện đầy đủ các chuẩn mực và thông lệ quốc tế về hoạt động ngân hàng, mở rộng nhanh các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt và thanh toán

qua ngân hàng; nâng dần và tiến tới thực hiện đầy đủ tính chuyển đổi của đồng tiền Việt Nam. Thực hiện *chính sách lãi suất thỏa thuận* theo nguyên tắc thị trường và đi tới loại bỏ quy định hành chính đối với lãi suất ngoại tệ.

Tiếp tục thực hiện *chính sách tỉ giá hối đoái* linh hoạt theo nguyên tắc thị trường với biên độ được mở rộng hơn phù hợp với mức độ mở cửa thị trường tài chính và năng lực kiểm soát của Ngân hàng Nhà nước, tiến tới thực hiện cơ chế tỉ giá hối đoái thả nổi có kiểm soát. Đổi mới *chính sách quản lý ngoại hối,* tự do hóa giao dịch vãng lai, từng bước mở cửa các giao dịch vốn; thu hẹp và tiến tới xóa bỏ tình trạng sử dụng ngoại tệ làm phương tiện thanh toán trên lãnh thổ Việt Nam.

Sửa đổi Luật ngân hàng Nhà nước, nâng cao trách nhiệm và quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước trong việc hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cải cách hệ thống thanh tra, giám sát hoạt động của các tổ chức tín dụng và toàn bộ thị trường tiền tệ; đồng thời, phát triển hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam đa dạng về sở hữu và loại hình tổ chức, áp dụng đầy đủ các thiết chế và chuẩn mực quốc tế về quản trị ngân hàng. Đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa các ngân hàng thương mại nhà nước. Nâng cao chất lượng tín dụng, khả năng sinh lời, xử lý nhanh nợ đọng, giảm tỷ lệ nợ xấu xuống mức an toàn; tăng vốn tự có của các ngân hàng thương mại đạt chuẩn mực quốc tế. Tạo điều kiện thuận lợi cho dân cư và doanh nghiệp tiếp cận với các sản phẩm và tiện ích ngân hàng.

Xây dựng các ngân hàng thương mại nhà nước lớn mạnh về mọi mặt, đủ sức làm nòng cốt trong hệ thống ngân hàng

thương mại trong cơ chế thị trường. Hoàn thiện tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của các ngân hàng chính sách phù hợp với các thông lệ quốc tế, đáp ứng tốt nhất yêu cầu phát triển của đất nước, thực hiện các chính sách xã hội, xóa đói, giảm nghèo; tiếp tục tách tín dụng ưu đãi khỏi các ngân hàng thương mại quốc doanh.

Phát triển hệ thống quỹ tín dụng nhân dân thực sự trở thành tổ chức tín dụng hợp tác độc lập, dựa trên nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động. Tiếp tục đổi mới hoạt động của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân, bảo đảm an toàn và hiệu quả.

Thực hiện mở cửa thị trường dịch vụ ngân hàng theo lộ trình hội nhập quốc tế, bảo đảm quyền kinh doanh của các ngân hàng và tổ chức tài chính nước ngoài trong lĩnh vực ngân hàng phù hợp với các cam kết quốc tế của nước ta.

Hình thành môi trường pháp luật về tiền tệ, tín dụng minh bạch và công khai. Loại bỏ các hình thức bảo hộ, bao cấp, ưu đãi và phân biệt đối xử giữa các tổ chức tín dụng. Nâng cao hiệu lực thi hành pháp luật và ngăn chặn việc hình sự hóa các quan hệ dân sự, kinh tế trong lĩnh vực ngân hàng.

2.3- Đổi mới và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quy hoạch, kế hoạch

Ban hành và thực thi Luật kế hoạch hóa phát triển kinh tế - xã hội. Đổi mới mạnh mẽ, nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu chiến lược, công tác quy hoạch, kế hoạch, đặc biệt coi trọng các chỉ tiêu và biện pháp về chất lượng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường. Đổi mới nội dung, phương pháp, quy trình xây dựng, thông qua và phê duyệt,

triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế; phát huy tối đa mọi lợi thế so sánh và nguồn lực của quốc gia, của mỗi vùng và mỗi địa phương. Gắn kết giữa chiến lược, quy hoạch với kế hoạch; nâng cao tính khoa học, công khai, minh bạch, bảo đảm cho chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thực sự là công cụ điều hành có hiệu quả của Nhà nước, thu hút được sự quan tâm của các nhà đầu tư và nhân dân.

Tăng cường chất lượng dự báo và các nghiên cứu về thị trường trong các dự án quy hoạch. Quy hoạch không gian, quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội phải đi trước một bước và là quy hoạch có tính bắt buộc. Tăng cường công tác quy hoạch đất đai, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị. Khắc phục tình trạng chồng chéo và mâu thuẫn giữa quy hoạch ngành và quy hoạch lãnh thổ. Đối với các quy hoạch mang tính hướng dẫn như quy hoạch phát triển các ngành sản xuất, kinh doanh, quy hoạch các sản phẩm chủ yếu, phải coi trọng dự báo và phải điều chỉnh linh hoạt theo yêu cầu của thị trường. Công tác quy hoạch phải đồng bộ từ quy hoạch tổng thể đến quy hoạch cụ thể; thu hút những chuyên gia giỏi, kể cả chuyên gia nước ngoài trong việc xây dựng, thẩm định quy hoạch. Tăng cường quản lý thực hiện quy hoạch.

Các kế hoạch 5 năm và hằng năm phải cụ thể hóa chiến lược, quy hoạch phát triển, các cam kết quốc tế, khai thác và phát huy các nguồn lực, thể hiện rõ nét hơn tính định hướng, phân biệt rõ phần kế hoạch có tính bắt buộc như kế hoạch đầu tư bằng vốn nhà nước, dự toán ngân sách..., với

phần kế hoạch mang tính dự báo, hướng dẫn. Phát huy tác dụng và hiệu lực của kế hoạch cả ở cấp trung ương và cấp địa phương; tăng cường các biện pháp kiểm tra, giám sát, tổ chức thực hiện kế hoạch, nhất là đối với phần kế hoạch có tính bắt buộc.

Đổi mới công tác thống kê, nâng cao chất lượng và tính kịp thời của các số liệu thống kê nhằm đáp ứng tốt hơn việc xây dựng chính sách, điều hành nền kinh tế, nhất là các số liệu về chất lượng tăng trưởng, về lao động, việc làm, môi trường, đầu tư, về số lượng và chất lượng dịch vụ công...

3. Đẩy mạnh cải cách hành chính công, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội

Đẩy nhanh công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trên các mặt: hệ thống thể chế, chức năng, nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; cán bộ, công chức; phương thức hoạt động. Định rõ những việc Nhà nước phải làm và bảo đảm đủ các điều kiện để làm tốt; khắc phục tình trạng buông lỏng hoặc làm thay, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan của Đảng và cơ quan nhà nước; hiện đại hóa nền hành chính nhà nước.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội, tiếp tục cải cách tư pháp một cách thực chất và toàn diện.

Điều chỉnh chức năng của Chính phủ đúng với vai trò là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất. Xác định rõ phạm vi và nội dung quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội phù hợp với yêu cầu phát triển; Chính phủ tập trung vào việc hoạch định thể chế, chính sách, xây dựng giải pháp, cải cách thủ tục hành chính, tạo lập môi trường pháp lý thuận lợi cho các

hoạt động kinh tế, xã hội; nâng cao năng lực và hiệu quả chỉ đạo thực hiện, kiểm tra, thanh tra thực hiện thể chế; xác định rõ phạm vi và nội dung quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội của cơ quan công quyền các cấp.

Cơ cấu lại bộ máy Chính phủ theo hướng giảm các đầu mối, phù hợp với yêu cầu đổi mới chức năng, nhiệm vụ. Cơ cấu lại các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước các cấp, giảm cấp phó, bỏ cấp trung gian; giảm bộ phận phục vụ trong cơ quan hành chính, chuyển sang hình thức hợp đồng dịch vụ; phân cấp mạnh cho cấp dưới gắn với hướng dẫn và thực hiện thanh tra, kiểm tra của cấp trên.

Điều chỉnh cơ cấu chính quyền địa phương cho phù hợp với những thay đổi chức năng, nhiệm vụ. Phân biệt rõ những khác biệt giữa chính quyền nông thôn và chính quyền đô thị để tổ chức bộ máy phù hợp. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng và kiểm tra hoạt động của bộ máy chính quyền cơ sở.

Đổi mới chính sách cán bộ và công tác quản lý cán bộ, xây dựng chế độ công vụ rõ ràng, minh bạch, đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất và năng lực gắn với chế độ hưởng thụ thỏa đáng và công bằng. Thực hiện đầy đủ nguyên tắc công khai, minh bạch, dân chủ và phục vụ dân đối với các cơ quan và công chức nhà nước.

Nghiên cứu áp dụng cơ chế thủ trưởng cơ quan hành chính cấp trên bổ nhiệm chức danh người đứng đầu cơ quan hành chính cấp dưới. Tách các hoạt động công quyền với các hoạt động cung ứng dịch vụ công cộng để các tổ chức cung ứng dịch vụ công cộng thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính.

Phát huy sự đa dạng về tổ chức và đổi mới phương thức hoạt động của các tổ chức đoàn thể, các tổ chức phi chính phủ trong việc tham gia xây dựng và thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, khắc phục tình trạng hành chính hóa các tổ chức quần chúng. Ban hành Luật về hội; phát triển nhiều hình thức tự quản của dân hoạt động theo pháp luật.

4. Thực hiện đồng bộ, kiên quyết các giải pháp để phòng, chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước

Phải kiên trì thực hiện tốt vừa xây, vừa chống trong phòng, chống tham nhũng. Khẩn trương xây dựng và thực hiện kiên quyết hệ thống pháp luật đồng bộ về phòng ngừa, phát hiện và xử lý những người có hành vi tham nhũng.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế để thực hiện đầy đủ nguyên tắc Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng pháp luật. Khẩn trương rà soát để giảm đến mức thấp nhất quan hệ "xin - cho". Thực hiện công khai, minh bạch trong mua sắm công và đầu tư xây dựng cơ bản, trong quản lý tài chính và ngân sách nhà nước, huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân; quản lý doanh nghiệp nhà nước; quản lý và sử dụng đất, tài sản công; công tác cán bộ.

Tiếp tục cải cách mạnh thủ tục hành chính, phân cấp và làm rõ quyền hạn, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng đơn vị và người đứng đầu cơ quan; thu gọn đầu mối trong việc giải quyết mọi công việc hành chính với dân và doanh nghiệp; công khai các quy định về thủ tục hành chính để dân biết, thực hiện và giám sát. Tiếp tục đổi mới chế độ

tiền lương đối với cán bộ, công chức; có quy định về kiểm soát, giám sát thu nhập của cán bộ, công chức.

Xử lý nghiêm minh, kịp thời, công khai cán bộ, công chức tham nhũng, không phân biệt chức vụ và địa vị xã hội còn đương chức hay đã nghỉ việc. Thiết lập cơ chế khuyến khích, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người phát hiện và đấu tranh chống tham nhũng; đồng thời xử lý nghiêm những người bao che tham nhũng, ngăn cản việc chống tham nhũng, hoặc lợi dụng việc tố cáo tham nhũng để vu khống, ám hại người khác. Đẩy mạnh phối hợp và hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng.

Tập trung làm tốt các việc sau đây:

- Điều tra, xử lý nghiêm minh, kịp thời, công khai các vụ tham nhũng đã được phát hiện; ban hành và thực hiện quy định để xử lý thích đáng, đúng pháp luật người đứng đầu cơ quan, đơn vị nơi xảy ra tham nhũng, gây hậu quả nghiêm trọng.

- Khẩn trương triển khai thực hiện đồng bộ Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Bổ sung, hoàn thiện Luật khiếu nại và tố cáo. Ban hành các quy định cụ thể về thu, chi ngân sách. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, bảo đảm công khai, minh bạch các hoạt động kinh tế, tài chính trong các cơ quan hành chính, đơn vị cung ứng dịch vụ công và doanh nghiệp nhà nước.

- Sớm hình thành và triển khai có hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng ở Trung ương. Các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị phải xây dựng chương trình hành động phòng, chống tham nhũng; nói đi đôi với làm, làm kiên quyết, triệt để. Tập trung chỉ đạo, kiểm

tra, thanh tra phòng, chống tham nhũng trong một số lĩnh vực trọng điểm, như: quản lý đất đai; đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý tài chính trong doanh nghiệp nhà nước; thu, chi ngân sách nhà nước, quản lý tài sản công; công tác quy hoạch; tuyển dụng, đề bạt, bố trí cán bộ.

*
* *

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đoàn kết nhất trí, chung sức, chung lòng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thách thức, nêu cao ý chí và quyết tâm tiếp tục đổi mới, hình thành đồng bộ nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, phát huy cao nhất các nguồn lực, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và nâng cao chất lượng phát triển, phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, đưa đất nước ta vững bước tiến lên trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.140-258.

BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X CỦA ĐẢNG

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đánh dấu thời điểm có ý nghĩa trọng đại. Bước vào giai đoạn mới, bên cạnh những cơ hội lớn, đất nước ta và Đảng ta cũng đối mặt với những thách thức rất gay gắt. Trước tình hình đó, xây dựng Đảng với vai trò là nhiệm vụ then chốt càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là vấn đề sống còn đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Báo cáo công tác xây dựng Đảng kiểm điểm, đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, đồng thời đánh giá khái quát về tình hình Đảng và công tác xây dựng Đảng qua 20 năm đổi mới, xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của nhiệm kỳ tới.

Phần thứ nhất

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG 5 NĂM QUA VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM QUA 20 NĂM ĐỔI MỚI

1. Khái quát một số nét về tình hình Đảng

Trước những khó khăn, thử thách lớn ở trong nước, những biến động bất lợi trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, trước sự chống phá của các thế lực thù địch, Đảng ta đã giữ vững bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên trì đường lối đổi mới; tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đảng có bước phát triển về tư duy, đã đề ra và lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới đúng đắn, xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội. Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị đã cụ thể hóa và phát triển Cương lĩnh, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, các nghị quyết Đại hội; nhận thức sâu sắc hơn về chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Nhiều chủ trương, chính sách đúng đắn, hợp lòng dân của Đảng đã đi vào cuộc sống và phát huy tác dụng.

Đảng và Nhà nước tích lũy thêm được nhiều kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý đất nước trong điều kiện mới.

Việc thực hiện dân chủ trong Đảng và trong xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc có tiến bộ. Cán bộ, đảng viên và nhân dân tin tưởng vào công cuộc đổi mới và sự lãnh đạo của Đảng. Đa số cán bộ, đảng viên phát huy được vai trò tiên phong, năng động, sáng tạo trong công tác, lao động, rèn luyện phẩm chất, năng lực, có bước trưởng thành, đóng vai trò nòng cốt trong công cuộc đổi mới, góp phần xứng đáng vào thành quả chung của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Việc thực hiện tự phê bình và phê bình, đẩy mạnh đấu tranh chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật nghiêm trọng được nhân dân đồng tình. Đảng lãnh đạo xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có tiến bộ trên cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân được nâng lên. Quy chế dân chủ ở cơ sở bước đầu được thực hiện có hiệu quả. Quan hệ gắn bó giữa Đảng và nhân dân được tiếp tục phát huy; nhân dân hăng hái tham gia xây dựng và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Bên cạnh những ưu điểm cơ bản đó, cần thẳng thắn và nghiêm túc nhận rõ những khuyết điểm, yếu kém của Đảng. Nổi lên là năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng còn nhiều mặt chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới; chậm làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, về sự lãnh đạo của

Đảng và công tác xây dựng Đảng; chậm cụ thể hóa, thể chế hóa một số quan điểm lớn, đúng đắn về sự lãnh đạo của Đảng và công tác xây dựng Đảng đã đề ra trong Cương lĩnh và các Nghị quyết Đại hội Đảng; tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu.

Dân chủ trong Đảng và trong xã hội còn bị vi phạm. Kỷ cương, kỷ luật ở nhiều cấp, nhiều lĩnh vực không nghiêm. Sự đoàn kết, nhất trí ở không ít cấp ủy còn yếu. Quan hệ giữa Đảng và nhân dân có lúc, có nơi bị xói mòn do những hạn chế, yếu kém trong công tác tư tưởng chính trị, công tác vận động quần chúng, công tác tổ chức cán bộ, công tác quản lý nhà nước và những khó khăn phát sinh trong quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế - xã hội.

Không ít tổ chức đảng yếu kém, nhất là ở cơ sở, không làm tròn vai trò hạt nhân chính trị và nền tảng của Đảng, không đủ sức giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh từ cơ sở, thậm chí có những tổ chức cơ sở đảng tê liệt, mất sức chiến đấu. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt các cấp, yếu kém cả về phẩm chất và năng lực; thiếu tính chiến đấu và tinh thần bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giảm sút lòng tin, phai nhạt lý tưởng; một số ít có biểu hiện bất mãn, mất lòng tin, nói và làm trái với quan điểm, đường lối của Đảng, vi phạm nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, vi phạm pháp luật của Nhà nước. Bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân trong một bộ phận cán bộ, đảng viên có chiều hướng gia tăng; vẫn còn tình trạng "chạy chức", "chạy quyền", "chạy tội", "chạy bằng cấp". Thoái hóa, biến chất về chính trị, tư tưởng, về đạo đức, lối sống; tệ quan liêu, tham

những, lãng phí, sách nhiễu dân trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên diễn ra nghiêm trọng, kéo dài chưa được ngăn chặn, đẩy lùi, nhất là trong các cơ quan công quyền, các lĩnh vực xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, quản lý doanh nghiệp nhà nước và quản lý tài chính, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Đó là một nguy cơ lớn liên quan đến sự sống còn của Đảng, của chế độ.

2. Công tác xây dựng Đảng

Ưu điểm:

Đảng đã kiên trì và nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ then chốt về xây dựng Đảng trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng được coi trọng. Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, đang đi vào cuộc sống. Đã coi trọng và đẩy mạnh hơn công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, làm sáng tỏ hơn một số vấn đề lý luận do thực tiễn công cuộc đổi mới đặt ra. Đã từng bước đổi mới công tác giáo dục tư tưởng chính trị, nghiên cứu, học tập các nghị quyết của Đảng, tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Coi trọng hơn công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nêu gương người tốt việc tốt, phê phán những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, lối sống thực dụng. Công tác tư tưởng đã góp phần nâng cao nhận thức, tính tích cực của cán bộ, đảng viên, nâng cao lòng tin của nhân dân vào đường lối đổi mới, tạo sự nhất trí trong Đảng

và sự đồng thuận trong xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

Đảng đã quan tâm xây dựng, kiện toàn hệ thống tổ chức. Từng bước sắp xếp tổ chức, bộ máy, biên chế cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân; điều chỉnh, bổ sung và quy định cụ thể hợp lý hơn chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động và lề lối làm việc của mỗi tổ chức. Tăng cường tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của mỗi cấp.

Đã tập trung chỉ đạo xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng. Xác định chức năng, nhiệm vụ các loại hình tổ chức cơ sở đảng phù hợp hơn trong điều kiện hoạt động mới. Kiện toàn tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn và một bộ phận doanh nghiệp; chú ý hơn xây dựng tổ chức cơ sở đảng ở vùng sâu, vùng xa, bước đầu xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong các công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Việc xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng hệ thống chính trị cơ sở bước đầu tạo nên một số chuyển biến tích cực, xuất hiện những mô hình tốt và kinh nghiệm mới.

Công tác phát triển đảng viên được quan tâm chỉ đạo và đạt được một số kết quả, nhất là ở những vùng trọng yếu, những nơi có ít hoặc chưa có đảng viên. Số lượng đảng viên mới kết nạp hằng năm đều tăng; tỷ lệ đảng viên mới kết nạp là đoàn viên thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, là nữ, người dân tộc thiểu số, trí thức ngày càng tăng, góp phần thay đổi cơ cấu đội ngũ đảng viên theo hướng tích cực.

Công tác cán bộ có một số đổi mới về nội dung và cách làm. Đã giữ vững và thực hiện quan điểm Đảng thống nhất

lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, thực hiện tốt hơn nguyên tắc tập trung dân chủ, coi trọng hơn việc phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và người đứng đầu các tổ chức; bước đầu tổ chức để nhân dân tham gia ý kiến vào công tác cán bộ, nhất là ở cơ sở. Tiếp tục cụ thể hóa một bước và xác định một số giải pháp thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII về "Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước". Triển khai tương đối đồng bộ các khâu công tác cán bộ: đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng và thực hiện chính sách cán bộ. Công tác luân chuyển và quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý bước đầu có chuyển biến tiến bộ, góp phần đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ và khắc phục một bước tình trạng hẫng hụt về cán bộ.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm chỉ đạo, góp phần bảo vệ Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức; đã làm rõ và kết luận nhiều trường hợp về lịch sử chính trị của cán bộ, đảng viên, góp phần nâng cao chất lượng công tác bố trí, sử dụng cán bộ, kết nạp người vào Đảng.

Việc tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và Kết luận Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí đã đạt một số kết quả nhất định.

Ban Chấp hành Trung ương và các cấp ủy đã quan tâm hơn việc kiểm tra chấp hành đường lối, chủ trương, Điều lệ Đảng và công tác cán bộ; xây dựng chương trình kiểm tra và thực hiện kiểm tra theo chương trình, tập trung vào những

vấn đề trọng tâm, trọng điểm, những lĩnh vực, địa bàn có vấn đề phức tạp. Việc xử lý nghiêm hơn đối với một số cán bộ, đảng viên có sai lầm, kể cả cán bộ cao cấp, có tác dụng giáo dục, răn đe, được nhân dân đồng tình.

Đảng đã từng bước cụ thể hóa và thể chế hóa các quan điểm của Cương lĩnh về phương thức lãnh đạo của Đảng, phát huy tốt hơn vai trò của các cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, khắc phục dần khuynh hướng Đảng bao biện làm thay, cũng như buông lỏng, xem nhẹ vai trò lãnh đạo của Đảng. Dân chủ trong Đảng, trong quan hệ giữa Đảng với Nhà nước, trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước và dân chủ trong xã hội có tiến bộ.

Khuyết điểm, yếu kém:

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình trong các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên chưa đạt yêu cầu đề ra, chưa tạo được chuyển biến cơ bản, chưa góp phần tích cực ngăn chặn và đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp chưa nêu gương, chưa làm tròn trách nhiệm trong đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Việc xử lý kỷ luật đối với những người đứng đầu để xảy ra tham nhũng, lãng phí ở ngành, địa phương, đơn vị chưa kịp thời, kiên quyết.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng còn nhiều hạn chế, thiếu sót; tính định hướng, tính chiến đấu, tính thuyết phục và hiệu quả chưa cao; thiếu chủ động và sắc bén trong đấu tranh chống âm mưu "diễn biến hòa bình", chống tuyên truyền phản động của các thế lực thù địch, bác bỏ các quan điểm sai trái; thiếu những hình thức, biện pháp cụ thể, có sức thuyết phục để xây dựng, củng cố niềm tin, giải đáp

những băn khoăn, vướng mắc, những vấn đề phức tạp và những mâu thuẫn mới nảy sinh trong quá trình đổi mới; chưa làm tốt chức năng dự báo tình hình, chuẩn bị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên chủ động đi vào kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới. Công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống còn chung chung, kém hiệu quả. Công tác nghiên cứu lý luận còn yếu, chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới. Trong chỉ đạo, quản lý cũng như hoạt động của báo chí, xuất bản, văn hóa, nghệ thuật còn nhiều yếu kém, khuyết điểm chậm được khắc phục, nhất là chưa ngăn chặn có hiệu quả khuynh hướng xa rời tôn chỉ mục đích, chạy theo thị hiếu thấp kém, vì lợi ích vật chất cá nhân, cục bộ.

Công tác tổ chức trên một số mặt còn yếu; chưa thực hiện đầy đủ các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng. Chậm xây dựng, hoàn thiện tổ chức và cơ chế giám sát trong Đảng và trong hệ thống chính trị, giám sát của nhân dân đối với hoạt động của Đảng, Nhà nước và cán bộ, đảng viên. Còn thiếu những quy chế cụ thể bảo đảm phát huy dân chủ, thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ. Một số cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ lãnh đạo thiếu tôn trọng và phát huy quyền của đảng viên, ít lắng nghe ý kiến cấp dưới; cán bộ lãnh đạo ở một số nơi gia trưởng, độc đoán, chuyên quyền, mất dân chủ hoặc dân chủ hình thức.

Nhìn chung, việc xây dựng, kiện toàn hệ thống tổ chức chưa đạt yêu cầu tinh gọn, hiệu quả; bộ máy còn cồng kềnh, chồng chéo, quan liêu, trách nhiệm không rõ, hiệu lực, hiệu quả thấp. Mối quan hệ về trách nhiệm giữa tập thể và cá nhân, nhất là người đứng đầu chưa được quy định cụ thể;

chưa phát huy đúng mức vai trò của cá nhân và tập thể, khó đánh giá được kết quả công tác và quy rõ trách nhiệm cá nhân khi có sai phạm.

Tổ chức cơ sở đảng chưa được quan tâm chỉ đạo đúng mức. Một số thôn bản ở vùng sâu, vùng xa chưa có tổ chức đảng và đảng viên. Một số loại hình tổ chức cơ sở đảng trong doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ quan hành chính, sự nghiệp còn lúng túng về tổ chức và phương thức hoạt động. Không ít cơ sở đảng yếu kém, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu thấp; sinh hoạt đảng và quản lý đảng viên lỏng lẻo, nội dung sinh hoạt nghèo nàn; tự phê bình và phê bình yếu. Việc đánh giá tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên không ít trường hợp chưa đúng thực chất, còn hình thức.

Nhiều khuyết điểm, yếu kém trong công tác cán bộ chậm được khắc phục, nhất là việc quản lý, giáo dục, rèn luyện cán bộ về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, thực hành dân chủ và chế độ trách nhiệm trong công tác. Chậm đổi mới cơ chế, phương pháp và quy trình đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ. Chưa kiên quyết và thiếu những quy chế có hiệu lực để sắp xếp, bố trí lại đội ngũ cán bộ, thay thế kịp thời những cán bộ yếu kém về phẩm chất và năng lực, để công việc trì trệ; hầu như chỉ khi cán bộ bị kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật mới thay thế được. Chưa có chính sách đủ hiệu lực khơi dậy tài năng và thu hút nhân tài vào các lĩnh vực quan trọng. Chậm khắc phục tình trạng cục bộ, khép kín, hẫng hụt cán bộ ở các địa phương, ngành.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ còn nhiều hạn chế, nhất là trong việc xem xét, giải quyết những vấn đề chính trị hiện

nay; chậm bổ sung và sửa đổi một số điểm không còn phù hợp trong Quy định số 75-QĐ/TW; tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác bảo vệ chính trị nội bộ chậm được kiện toàn. Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng chưa quan tâm chỉ đạo đúng mức công tác này.

Công tác kiểm tra trong Đảng còn yếu, chất lượng và hiệu quả kiểm tra chưa cao; nhiều khuyết điểm, sai lầm của đảng viên và tổ chức đảng chậm được phát hiện và khắc phục; chưa coi trọng kiểm tra phòng ngừa, phát huy nhân tố tích cực. Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng chưa làm tốt công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng. Công tác giám sát trong Đảng và giám sát của nhân dân đối với các hoạt động của Đảng, Nhà nước, cán bộ, đảng viên chưa được quan tâm, chưa đáp ứng yêu cầu công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới.

Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng còn chậm và lúng túng. Chậm nghiên cứu và ban hành những quy định cụ thể về phương thức Đảng lãnh đạo Nhà nước; chậm xây dựng các cơ chế phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị. Thiếu những quy định cụ thể bảo đảm thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy dân chủ trong Đảng. Chưa thực sự coi trọng đổi mới phong cách, lề lối làm việc, thực hiện nói đi đôi với làm; tình trạng nói nhiều làm ít, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm còn diễn ra ở nhiều nơi.

Những thành tựu và yếu kém trong 20 năm thực hiện đường lối đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc gắn liền với vai trò, trách nhiệm lãnh đạo của Đảng và những ưu điểm, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng.

Công cuộc đổi mới trong 20 năm qua đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử; đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam; Đảng luôn luôn giữ vững bản chất cách mạng và khoa học, trung thành với giai cấp và dân tộc, kiên định, vững vàng trước mọi thách thức, sáng suốt lãnh đạo đưa sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta tiến lên. Qua đó, Đảng ngày càng tích lũy thêm được nhiều kinh nghiệm; nhận thức ngày càng sâu sắc hơn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Bên cạnh những ưu điểm, công tác xây dựng Đảng còn nhiều yếu kém, khuyết điểm, chưa theo kịp với đòi hỏi của tình hình mới; nổi lên là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên diễn ra nghiêm trọng; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí chưa được ngăn chặn, đẩy lùi, làm giảm lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Nguyên nhân:

Những khuyết điểm, yếu kém nói trên có những nguyên nhân khách quan và chủ quan:

Về khách quan, những diễn biến nhanh chóng và phức tạp của tình hình thế giới; sự tấn công rất thâm độc của các thế lực thù địch, nhất là trên lĩnh vực tư tưởng chính trị; những mặt trái của kinh tế thị trường, của quá trình hội nhập quốc tế... đã tác động nhiều mặt đến công tác xây dựng Đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Xây dựng Đảng trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mở rộng và phát huy dân chủ... là

những vấn đề mới, khó khăn, phức tạp cả về lý luận và thực tiễn, đòi hỏi phải vừa làm vừa tổng kết kinh nghiệm, hoàn thiện và phát triển đường lối.

Về chủ quan, chậm đổi mới tư duy về công tác xây dựng Đảng trong điều kiện mới. Nhận thức chưa đầy đủ và sâu sắc, có mặt chưa rõ, chưa thống nhất một số vấn đề quan trọng ở tầm quan điểm, chủ trương; chưa cụ thể hóa và tổ chức thực hiện kịp thời, đồng bộ một số quan điểm lớn, đúng đắn về xây dựng Đảng đã đề ra trong Cương lĩnh và các nghị quyết của Đảng. Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng còn chậm, chưa đồng bộ với đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, đổi mới kinh tế.

Việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương về xây dựng Đảng chưa nghiêm, còn thiếu các biện pháp cụ thể, khả thi. Nhiều tổ chức, cấp ủy đảng và bí thư cấp ủy chưa đầu tư đúng mức thời gian, công sức cho công tác xây dựng Đảng. Công tác kiểm tra còn nhiều hạn chế cả về tổ chức và hoạt động; chưa có cơ chế giám sát trong Đảng và giám sát của nhân dân đối với hoạt động của Đảng. Lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn tổ chức, đổi mới công tác cán bộ thiếu kiên quyết, hiệu quả thấp, chưa đáp ứng yêu cầu. Chưa quan tâm đúng mức đến công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ tổ chức và cán bộ, đảng viên trong tình hình mới.

Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt các cấp, thiếu ý thức tu dưỡng rèn luyện về phẩm chất đạo đức và năng lực, chạy theo chủ nghĩa cá nhân, không hoàn thành nhiệm vụ nhưng chưa được xử lý kịp thời, kiên quyết.

3. Bài học kinh nghiệm chủ yếu qua 20 năm đổi mới

Từ thực tiễn xây dựng Đảng những năm đổi mới, có thể khái quát một số bài học kinh nghiệm chủ yếu sau đây:

Một là, phải kiên trì đường lối đổi mới, đổi mới toàn diện, có nguyên tắc và sáng tạo; trong quá trình đổi mới, phải luôn luôn giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, không đa nguyên, đa đảng.

Hai là, Đảng phải được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, đổi mới công tác xây dựng Đảng. Phát huy dân chủ trong Đảng, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, giữ vững kỷ cương, kỷ luật; thường xuyên tự phê bình và phê bình, nói thẳng, nói thật; giữ gìn và tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, đấu tranh kiên quyết đối với những phần tử cơ hội. Xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, thẩm quyền, trách nhiệm rõ ràng, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Coi trọng xây dựng tổ chức cơ sở đảng.

Ba là, Đảng phải chăm lo xây dựng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên có đủ bản lĩnh chính trị, phẩm chất, trí tuệ và năng lực hoạt động thực tiễn để hoàn thành nhiệm vụ. Phải tạo sự chuyển biến thực sự và đồng bộ trong công tác cán bộ trên tất cả các khâu đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng và chính sách. Đặc biệt coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt, trọng dụng nhân tài.

Bốn là, Đảng phải gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng. Phải xây dựng các thiết chế mở rộng và phát huy dân chủ, bảo đảm các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đều có sự tham gia xây dựng của nhân dân, phản ánh ý chí, lợi ích của nhân dân, của quốc gia, dân tộc. Cán bộ, đảng viên và công chức phải thật sự là công bộc của nhân dân.

Năm là, Đảng phải tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đảng để phát huy ưu điểm, phòng ngừa và khắc phục kịp thời sai lầm, khuyết điểm; kiểm tra, giám sát công tác, năng lực và phẩm chất của cán bộ, đảng viên, xây dựng tổ chức đảng, cơ quan nhà nước và cán bộ, đảng viên ngày càng trong sạch, vững mạnh. Phát huy vai trò giám sát của nhân dân, của Mặt trận, các đoàn thể và của các cơ quan thông tin đại chúng.

Sáu là, Đảng phải đổi mới và hoàn thiện phương thức lãnh đạo, nhất là phương thức lãnh đạo Nhà nước, bảo đảm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, tính tích cực, chủ động, sáng tạo của Mặt trận, các đoàn thể nhân dân. Phải xây dựng hệ thống các quy chế về sự lãnh đạo của Đảng ở các ngành, các cấp. Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, không làm thay công việc của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG NHIỆM KỲ TỚI

I- PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU

Phương hướng và mục tiêu tổng quát của công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ tới là: *tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn Đảng, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức cách mạng trong sáng, có tầm trí tuệ cao, có phương thức lãnh đạo khoa học, luôn gắn bó với nhân dân.* Cụ thể là:

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách; tổ chức thực hiện sáng tạo, có hiệu quả đường lối.

- Coi trọng công tác tư tưởng, công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, xây dựng nền tảng tư tưởng, lý luận vững chắc cho sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ vững mục tiêu lý tưởng, giữ vững niềm tin, bảo đảm thống nhất giữa nhận thức và hành động.

- Tăng cường giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống, nâng cao tính tiên phong gương mẫu, phẩm chất và năng lực đội ngũ cán bộ, đảng viên, đề ra và thực hiện các biện pháp có hiệu lực chống tư tưởng cơ hội, thực dụng, chủ nghĩa cá nhân; ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu và những biểu hiện tiêu cực khác.

- Thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; xây dựng, kiện toàn hệ thống tổ chức, làm rõ chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ, thẩm quyền, trách nhiệm của mỗi tổ chức, bảo đảm bộ máy tinh gọn, có hiệu lực, hiệu quả. Đặc biệt chú trọng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; gắn xây dựng tổ chức cơ sở đảng với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở; nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng.

- Tiếp tục đổi mới đồng bộ các khâu của công tác cán bộ, tạo chuyển biến cơ bản, vững chắc trong công tác cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, thật sự vì Đảng, vì dân, có bản lĩnh và trí tuệ, đi đầu trong công tác và gương mẫu trong đạo đức lối sống, bảo đảm tính kế thừa và phát triển; xây dựng và thực hiện chính sách phát triển nhân tài đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng và trong cả hệ thống chính trị. Kiểm tra nhận thức, năng lực lãnh đạo, xây dựng và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; kiểm tra phẩm chất chính trị và đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Xây dựng các quy chế và biện pháp thực hiện sự giám sát của nhân dân đối với hoạt động của Đảng, Nhà nước và cán bộ, đảng viên.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, bảo đảm vừa nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy tính chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm của Nhà nước, Mặt trận, các đoàn thể nhân dân và người đứng đầu; khắc phục

khuynh hướng buông lỏng lãnh đạo hoặc bao biện làm thay; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP LỚN

1. Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, hoàn thiện đường lối đổi mới và nâng cao năng lực tổ chức thực hiện

Cụ thể hóa, pháp luật hóa và tổ chức thực hiện Cương lĩnh, đường lối chính trị, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ các nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt và phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội.

Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc; tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại, tri thức mới của thời đại, nâng cao năng lực trí tuệ; phải xuất phát từ thực tiễn của đất nước; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy lý luận, kiên định về nguyên tắc, chiến lược, linh hoạt, sáng tạo về sách lược, phương pháp; chống giáo điều, bảo thủ, trì trệ hoặc đổi mới vô nguyên tắc, chủ quan, nóng vội.

Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tổ chức để nhân dân tham gia xây dựng đường lối, chủ trương, quyết sách quan trọng của Đảng, Nhà nước. Coi trọng nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương; tăng cường kiểm tra, giám sát; thường xuyên bám sát và kịp thời tổng kết thực tiễn, phát hiện, ủng hộ và nhân rộng những nhân tố mới, qua

thực tiễn làm sáng tỏ những vấn đề mới, bổ sung, hoàn thiện và phát triển đường lối.

Xúc tiến nghiên cứu bổ sung, phát triển Cương lĩnh của Đảng phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

2. Tăng cường công tác tư tưởng; rèn luyện phẩm chất, đạo đức cách mạng

Tăng cường công tác tư tưởng:

Chủ động hơn trong công tác tư tưởng. Nghiên cứu xây dựng chiến lược công tác tư tưởng trong tình hình mới.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, hình thức, biện pháp giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tuyên truyền sâu rộng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bồi dưỡng lòng yêu nước, yêu nhân dân, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tăng cường giáo dục phẩm chất đạo đức cách mạng trong toàn Đảng, toàn dân, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ. Chăm lo củng cố sự đoàn kết, thống nhất và tình đồng chí trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội; thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên tự phê bình và phê bình.

Công tác tư tưởng cần nâng cao tính chiến đấu và sức thuyết phục. Bám sát thực tiễn, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng và những vướng mắc trong tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân để giải đáp sát thực, kịp thời; đấu tranh khắc phục những biểu hiện phai nhạt lý tưởng, cơ hội, chạy theo lợi ích cá nhân; chủ động và kiên quyết phê phán những quan điểm sai trái, bác bỏ những luận điệu phản động, góp

phần làm thất bại mọi mưu toan "diễn biến hòa bình", bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch.

Tiếp tục đổi mới tư duy, tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, kịp thời làm sáng tỏ hơn những vấn đề bức xúc về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về Đảng cầm quyền và công tác xây dựng Đảng; về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về tổ chức và hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân... Chú trọng nâng cao tính khoa học, tính thực tiễn và sự mạnh dạn khám phá, sáng tạo trong công tác nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận. Sớm xây dựng và ban hành quy chế dân chủ trong nghiên cứu lý luận.

Tiếp tục cụ thể hóa chiến lược phát triển văn hóa, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu những thành tựu và tinh hoa văn hóa của nhân loại, hoàn thiện hệ thống giá trị của con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế; gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn phát triển kinh tế - xã hội với phát triển văn hóa, làm cho văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội.

Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giảng dạy và học tập lý luận, công tác thông tin, tuyên truyền, cổ động, báo chí, xuất bản, văn hóa nghệ thuật, nắm bắt và định hướng dư luận xã hội; tăng cường tuyên truyền đối ngoại, đặc biệt là về những vấn đề chính trị nhạy cảm như dân tộc, tôn giáo, nhân quyền... Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức trong các cơ quan báo

chí. Khắc phục những biểu hiện lệch lạc trong hoạt động báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ, nhất là xa rời tôn chỉ, mục đích, chạy theo thị hiếu thấp kém, vì lợi ích vật chất cá nhân, cục bộ.

Kiện toàn tổ chức, nâng cao phẩm chất và năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng, lý luận, nhất là cán bộ chủ chốt, từng bước hiện đại hóa điều kiện, phương tiện công tác tư tưởng - văn hóa.

Rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân:

Đặc biệt quan tâm giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên để mỗi cán bộ, đảng viên thực sự là tấm gương sáng về phẩm chất, đạo đức, lối sống, hết lòng vì nhân dân, vì sự nghiệp cách mạng.

Cán bộ, đảng viên phải nâng cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng và nhân dân, thật sự tiên phong, gương mẫu, đi đầu trong mọi công việc; xử lý hài hòa các lợi ích, đặt lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết. Tạo điều kiện để đảng viên công tác, lao động có năng suất, chất lượng, hiệu quả, bảo đảm đời sống và đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước.

Học tập, quán triệt, làm theo tư tưởng và tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt đảng bộ, chi bộ; thường xuyên lấy ý kiến nhận xét của nhân dân về tư cách, đạo đức của cán bộ, đảng viên. Coi trọng công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật nghiêm những cán bộ, đảng viên vi phạm những quy định về trách nhiệm, phẩm chất, đạo đức, lối sống.

3. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí là một nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng, nhiệm vụ trực tiếp, thường xuyên của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Các cấp ủy và tổ chức đảng phải nhận thức sâu sắc tính cấp thiết, lâu dài, phức tạp và khó khăn của cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; có quyết tâm chính trị cao, đấu tranh kiên quyết, kiên trì, liên tục, có hiệu quả từ Trung ương đến cơ sở, trong Đảng, Nhà nước và toàn xã hội; có hệ thống giải pháp đồng bộ, cụ thể và có hiệu lực về tuyên truyền, giáo dục và hành chính, về kinh tế, tài chính và pháp luật, về thanh tra, kiểm tra và giám sát, về chế độ chính sách đãi ngộ và kỷ luật Đảng; sử dụng sức mạnh tổng hợp của tổ chức Đảng, bộ máy nhà nước, Mặt trận, các đoàn thể, nhân dân và các phương tiện thông tin đại chúng.

Các cấp ủy và tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo cấp cao phải thực sự tiên phong, gương mẫu đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, bổ sung thêm những yêu cầu, biện pháp mới phù hợp, đưa cuộc vận động đi vào chiều sâu.

Coi trọng giáo dục chính trị tư tưởng, tự tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên; công tác quản lý cán bộ, đảng viên của tổ chức đảng; đẩy mạnh đấu tranh tự phê bình và phê bình, mở rộng dân chủ, công khai. Biểu dương và nhân rộng những tấm gương cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật, nhất là về kinh tế, tài chính; về cơ chế, giải pháp phòng ngừa; cơ chế giám sát, phản biện của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước. Xác định rõ chế độ trách nhiệm của tổ chức và cá nhân, nhất là người đứng đầu trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Tăng cường chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng; củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu lực của hệ thống thanh tra các cấp, các cơ quan bảo vệ pháp luật và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có liên quan.

Xây dựng hệ thống chính sách phân phối thu nhập xã hội và chế độ đãi ngộ công bằng, hợp lý bảo đảm đời sống của cán bộ, công chức. Công khai hóa các chế độ, chính sách để cán bộ, đảng viên và nhân dân giám sát, kiểm tra.

Xây dựng thiết chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia giám sát, phát hiện, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

Xử lý kịp thời, nghiêm minh, công khai theo kỷ luật Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với những cán bộ, công chức tham nhũng, bao che cho tham nhũng, gây thiệt hại về tài sản của Nhà nước, của nhân dân, dù người đó ở chức vụ nào, đương chức hay đã nghỉ hưu. Tịch thu tài sản có nguồn gốc từ tham nhũng.

Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị phải lãnh đạo chặt chẽ cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, không để những phần tử xấu, các thế lực thù địch lợi dụng cuộc đấu tranh này kích động, gây rối.

Thành lập các ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng trung ương và địa phương đủ mạnh, có thực quyền, hoạt động có hiệu quả. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng.

4. Đổi mới, kiện toàn tổ chức, bộ máy của Đảng và của hệ thống chính trị

Tiếp tục hoàn thiện, cụ thể hóa, quy chế hóa nguyên tắc tập trung dân chủ và các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng. Hoàn thiện quy chế, quy trình về công tác tổ chức bảo đảm mở rộng và phát huy dân chủ trong Đảng.

Tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và của cả hệ thống chính trị; xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu bộ máy, cơ chế vận hành, lề lối làm việc.

Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy của Đảng ở Trung ương và các địa phương, gắn với kiện toàn tổ chức, tinh giản biên chế của cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII, bảo đảm tinh gọn, hoạt động thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện một đảng cầm quyền. Tổ chức cơ quan tham mưu chuyên trách của Đảng tinh gọn, có chất lượng cao đồng thời phát huy vai trò của các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, hoạt động trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Cải tiến lề lối làm việc, nâng cao chất lượng nghiên cứu, đề xuất, tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra của các cơ quan tham mưu của Đảng các cấp. Tăng cường sự phối hợp giữa các ban cán sự đảng, đảng đoàn với cấp ủy địa phương.

Tổng kết về tổ chức và hoạt động của ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy khối cả về lý luận và thực tiễn, trên cơ sở đó Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị sẽ xem xét, quyết định về mô hình và phương thức hoạt động của các tổ chức này.

Sắp xếp, củng cố tổ chức cơ sở đảng phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh mới ở các tổng công ty, các loại hình doanh nghiệp; bảo đảm hiệu quả lãnh đạo của tổ chức đảng.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội, của Hội đồng dân tộc và các ủy ban của Quốc hội, nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, tăng hợp lý số lượng đại biểu Quốc hội chuyên trách, thực hiện tốt hơn các chức năng lập pháp, giám sát tối cao và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.

Kiện toàn tổ chức, bộ máy của Chính phủ theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, xây dựng bộ đa ngành, đa lĩnh vực, tập trung làm nhiệm vụ quản lý nhà nước, bỏ chế độ chủ quản đối với doanh nghiệp. Xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên của tất cả các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Tiếp tục thực hiện cải cách tư pháp, xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người. Kiện toàn các cơ quan tư pháp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả, gọn đầu mối, lấy cải cách tổ chức và hoạt động xét xử làm trung tâm.

Nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp, bảo đảm thực hiện đúng thẩm quyền và tự chịu trách nhiệm trong phạm vi được phân cấp.

Sắp xếp tổ chức, bộ máy Mặt trận và các đoàn thể nhân dân theo hướng tinh gọn ở cấp trung ương, tỉnh, huyện. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phù hợp với chức năng, tôn chỉ, mục đích hoạt động của từng tổ chức; hướng về cơ sở; khắc phục tình trạng hành chính hóa, xa dân, phô trương, hình thức.

5. Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ, công tác bảo vệ chính trị nội bộ

Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ:

Mục tiêu chung là xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, lối sống lành mạnh, không quan liêu, tham nhũng, lãng phí, kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; có tư duy đổi mới, sáng tạo, có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; có tinh thần đoàn kết, hợp tác, ý thức tổ chức, kỷ luật cao và phong cách làm việc khoa học, tôn trọng tập thể, gắn bó với nhân dân, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Đội ngũ cán bộ phải đồng bộ, có tính kế thừa và phát triển, có số lượng và cơ cấu hợp lý.

Nhiệm vụ quan trọng nhất là xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, trước hết là cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược và người đứng đầu tổ chức các cấp, các ngành của hệ thống

chính trị. Đây là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, trước hết là của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, cần có kế hoạch chu đáo, giải pháp đồng bộ, cụ thể, có hiệu lực để thực hiện. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ xuất thân từ công nhân, con em những gia đình có công với cách mạng.

Quán triệt và thực hiện đúng nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đồng thời đề cao trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và người đứng đầu tổ chức. Cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền phải chủ trì và chịu trách nhiệm về công tác tổ chức cán bộ theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định; xác định rõ trách nhiệm của tập thể và trách nhiệm cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ. Có chính sách, quy chế tôn vinh những người có công; bố trí, sử dụng đúng những người có năng lực, hết lòng vì dân, vì nước; khuyến khích những người năng động, sáng tạo, có sáng kiến, có ý tưởng mới.

Mở rộng và phát huy dân chủ, thực hiện công khai, minh bạch trong công tác cán bộ. Các cấp ủy cần coi trọng việc đánh giá cán bộ; căn cứ vào tiêu chuẩn, sự tín nhiệm, xem xét giới thiệu để bầu cử hoặc bổ nhiệm những người thực sự có đức, có tài, có tâm huyết với đất nước vào các chức vụ trong cơ quan nhà nước các cấp, không phân biệt người ngoài Đảng hay trong Đảng; khắc phục những biểu hiện cá nhân, cục bộ, thiếu dân chủ, không công tâm, nể nang, tùy tiện trong công tác cán bộ.

Đổi mới và hoàn thiện chế độ bầu cử, thực hiện bầu cử có số dư, mở rộng quyền tiến cử và tự ứng cử, giới thiệu nhiều phương án nhân sự trong bầu cử và bổ nhiệm cán bộ. Thực hiện tốt các cơ chế tuyển chọn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, quản lý, giám sát cán bộ sau bầu cử, bổ nhiệm; các quy định về quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu, của các thành viên trong tập thể lãnh đạo, của cơ quan sử dụng cán bộ và cơ quan tham mưu trong công tác cán bộ. Đổi mới và thực hiện tốt chế độ bỏ phiếu tín nhiệm, cho từ chức, thôi chức, miễn chức và cách chức đối với những cán bộ phạm khuyết điểm hoặc không hoàn thành nhiệm vụ; thực hiện cơ chế đảng viên và nhân dân tham gia giám sát cán bộ và công tác cán bộ. Mở rộng phân cấp quản lý đi đôi với tăng cường kiểm tra công tác cán bộ.

Đổi mới mạnh mẽ, triển khai đồng bộ các khâu: đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng, xây dựng và thực hiện chính sách cán bộ. Đánh giá cán bộ phải công khai, minh bạch, khách quan, toàn diện và công tâm, lấy hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ chính trị làm thước đo phẩm chất và năng lực cán bộ. Đánh giá cán bộ lãnh đạo phải căn cứ vào hiệu quả công tác, khả năng đoàn kết, quy tụ, phát huy sức mạnh của tập thể, tạo ra sự tiến bộ và kết quả cụ thể trong ngành, lĩnh vực, địa phương, đơn vị mình phụ trách; không tham nhũng, lãng phí, quan liêu và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Không bổ nhiệm, đề bạt những người không đủ phẩm chất và năng lực; khoan dung những người thành thật nhận và sửa chữa sai lầm, khuyết điểm. Tiếp tục cải

cách chế độ tiền lương; thực hiện tốt chính sách đối với cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa, cán bộ hưu trí.

Xây dựng và thực hiện chính sách phát triển và trọng dụng nhân tài, thu hút nhân tài vào những lĩnh vực quan trọng, không phân biệt người trong Đảng hay ngoài Đảng. Tăng cường nguồn đầu tư của Nhà nước và toàn xã hội vào phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhân tài, trước hết trên ba lĩnh vực: lãnh đạo - quản lý, sản xuất - kinh doanh và khoa học - công nghệ; có chính sách phát triển nhân tài trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và các lĩnh vực khác; tiếp tục thực hiện chủ trương, chính sách khuyến khích đưa cán bộ, học sinh, sinh viên có đạo đức và triển vọng đi đào tạo ở nước ngoài, làm tốt công tác quản lý, giáo dục và sử dụng sau đào tạo; thu hút, sử dụng tốt tài năng người Việt Nam định cư ở nước ngoài và chuyên gia giỏi ở nước ngoài.

Ban Chấp hành Trung ương cần có hội nghị chuyên đề bàn về công tác xây dựng Đảng, về cán bộ và công tác cán bộ trong thời kỳ mới.

Làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ:

Hết sức chú trọng công tác bảo vệ Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Bảo vệ chính trị nội bộ là trách nhiệm của toàn Đảng, trước hết là của các cấp ủy đảng. Bảo vệ chính trị nội bộ phải trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ *Cương lĩnh*, đường lối, chủ trương, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, bảo vệ sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, bảo vệ cán bộ, đảng viên. Mỗi cán bộ, đảng viên phải trung thành, trung thực với

Đảng, không giấu giếm, khai man lịch sử chính trị bản thân và gia đình. Các cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là cấp cơ sở phải nắm chắc và quản lý chặt chẽ cán bộ, đảng viên cả về phẩm chất chính trị và đạo đức lối sống. Coi trọng việc nắm chắc tình hình cán bộ, nhất là những vấn đề chính trị hiện hành. Kiên quyết đấu tranh chống những biểu hiện lệch lạc, trái với đường lối, quan điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; dựa vào nhân dân, đề cao cảnh giác, đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch phá hoại nội bộ Đảng.

Củng cố, kiện toàn cơ quan tham mưu của Đảng về công tác bảo vệ chính trị nội bộ, làm rõ chức năng, nhiệm vụ, tăng cường cán bộ có chất lượng, xây dựng quy chế phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan bảo vệ chính trị nội bộ với các cơ quan liên quan.

Tổng kết việc thực hiện Quy định số 75-QĐ/TW, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn.

6. Xây dựng và củng cố tổ chức cơ sở đảng; nâng cao chất lượng đảng viên

Xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng:

Với vị trí là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở, vai trò của tổ chức cơ sở đảng rất quan trọng. Phải dồn sức xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, làm cho tổ chức này thực sự trong sạch, vững mạnh; làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, quản lý, giám sát đảng viên về năng lực hoàn thành nhiệm vụ và phẩm chất đạo đức, lối sống; đấu tranh chống

những biểu hiện tiêu cực trong Đảng. Phải đổi mới mạnh mẽ công tác xây dựng cơ sở, lấy chuyển biến từ cơ sở làm mục tiêu và thước đo kết quả tổng hợp của công tác xây dựng Đảng, cần thực hiện tốt những chủ trương đã đề ra, trọng tâm là:

Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện tốt các quy định về chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, chú trọng các loại hình mới như tổ chức cơ sở đảng trong các công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Tiếp tục đổi mới nội dung và phương pháp để đánh giá đúng chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

Thực hiện tốt nguyên tắc dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng từ cơ sở. Có cơ chế để nhân dân tham gia ý kiến vào việc xây dựng các nghị quyết của đảng bộ, chi bộ, các quyết định của tổ chức đảng, chính quyền cơ sở trực tiếp liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân; vào việc bố trí cán bộ chủ chốt của hệ thống chính trị cơ sở; để nhân dân tham gia giám sát tổ chức đảng, chính quyền và cán bộ, đảng viên. Tổ chức đảng, đảng viên phải giữ mối liên hệ mật thiết với nhân dân ở nơi công tác và nơi cư trú.

Thực hiện đồng bộ các biện pháp củng cố tổ chức cơ sở đảng, chú trọng những địa bàn xung yếu, vùng sâu, vùng xa, ở các đảng bộ, chi bộ yếu kém; nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, đề cao tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng; kiện toàn đội ngũ cấp ủy, bí thư chi bộ; bồi dưỡng, tạo nguồn, thực hiện việc tiêu chuẩn hóa cán bộ, công chức cơ sở; đề cao trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát đảng viên của

chi bộ. Đảng viên có cương vị càng cao càng phải gương mẫu chấp hành sự quản lý của chi bộ.

Kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của các trường chính trị tỉnh, các trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện và các trường dân tộc nội trú để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở cơ sở.

Nâng cao chất lượng đảng viên:

Cần nhấn mạnh các yêu cầu sau đây đối với đảng viên:

Về tư tưởng chính trị, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, tích cực thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trước những khó khăn, thách thức. Có ý thức giữ vững và nêu cao vai trò lãnh đạo của Đảng.

Về trình độ năng lực, có hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đủ sức hoàn thành tốt nhiệm vụ. Có năng lực vận động và lãnh đạo quần chúng tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.

Về phẩm chất, đạo đức, lối sống, có tinh thần trách nhiệm cao, gương mẫu, đi đầu trong công tác; xử lý hài hòa các lợi ích, đặt lợi ích của Đảng, của Tổ quốc lên trên hết. Liên hệ mật thiết với nhân dân, tôn trọng và bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân. Có lối sống trong sạch, lành mạnh, có kỷ cương, kỷ luật. Không quan liêu, tham nhũng, lãng phí và kiên quyết đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác.

Chú trọng và tăng cường công tác phát triển Đảng, sớm khắc phục tình trạng một số cơ sở, địa bàn chưa có đảng viên, tổ chức đảng. Việc kết nạp đảng viên phải coi trọng chất lượng, tiêu chuẩn, đặc biệt tiêu chuẩn giác ngộ lý tưởng của Đảng, đạo đức, lối sống, năng lực hoàn thành nhiệm vụ; trọng tâm phát triển hướng vào thế hệ trẻ, công nhân, nông dân, trí thức, quân nhân, cán bộ, con em các gia đình có công với cách mạng. Coi trọng giáo dục, rèn luyện đảng viên dự bị, đảng viên trẻ.

Thường xuyên sàng lọc đảng viên, kiên quyết đưa những người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi Đảng bằng các hình thức thích hợp. Khai trừ những đảng viên thoái hóa về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, tham nhũng, lãng phí, quan liêu, cố tình vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật của Nhà nước. Vận động ra Đảng hoặc xóa tên khỏi danh sách đảng viên đối với những đảng viên phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí phấn đấu, không làm tròn nhiệm vụ đảng viên, đã được tổ chức đảng giúp đỡ mà không tiến bộ.

Đảng viên làm kinh tế tư nhân phải gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng và quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

7. Đổi mới và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát với nhận thức và yêu cầu mới: công tác kiểm tra, giám sát phải góp phần phát hiện và khắc phục được những khuyết điểm, thiếu sót khi mới manh nha; bên cạnh việc tiếp tục thực hiện kiểm tra tổ chức và cá nhân đảng viên có dấu hiệu vi phạm, phải

tăng cường chủ động giám sát, kiểm tra về phẩm chất đạo đức và kết quả thực hiện nhiệm vụ của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, về nhận thức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và việc chấp hành Điều lệ Đảng. Coi trọng kiểm tra, phát hiện nhân tố tích cực.

Bổ sung chức năng giám sát, tăng thẩm quyền và trách nhiệm xem xét kỷ luật của cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp. Ủy ban kiểm tra các cấp có quyền yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên giải trình về các vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm kiểm tra, giám sát được giao.

Kiện toàn hệ thống ủy ban kiểm tra các cấp, hoàn thiện quy chế phối hợp giữa ủy ban kiểm tra đảng với các tổ chức đảng và các cơ quan bảo vệ pháp luật trong việc xem xét khiếu nại, tố cáo và xử lý kỷ luật đối với cán bộ, đảng viên.

Xây dựng quy chế tiếp nhận, xử lý ý kiến của Mặt trận, các đoàn thể và của nhân dân nhận xét, phê bình tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên.

Kiện toàn tổ chức, tăng cường cán bộ có chất lượng, cải thiện điều kiện, phương tiện làm việc của ủy ban kiểm tra các cấp.

8. Xây dựng và tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân

Phải quán triệt và thực hiện tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và những quan điểm của Đảng về mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân: thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông

dân và đội ngũ trí thức; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; Đảng lãnh đạo và Nhà nước quản lý là để bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là công bộc của nhân dân. Hoạt động của Đảng và Nhà nước phải chịu sự giám sát của nhân dân. Sự tin tưởng, ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân là cội nguồn của sức mạnh, là cái gốc của thắng lợi, là tài sản quý báu của Đảng.

Đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng cho phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước; kết hợp hài hòa sự phát triển kinh tế với bảo đảm sự tiến bộ và công bằng xã hội trên phạm vi cả nước cũng như ở từng lĩnh vực, từng địa phương, từng chính sách phát triển.

Chăm lo thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, xử lý đúng đắn, kịp thời các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân. Điều hòa hợp lý lợi ích xã hội của các tầng lớp dân cư, các vùng, miền, lĩnh vực; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là bộ phận có nhiều khó khăn trong công nhân, nông dân, đồng bào các dân tộc thiểu số, ở vùng sâu, vùng xa.

Hoàn thiện những thiết chế thực hiện dân chủ hóa đời sống xã hội, bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ ở cơ sở; tiếp tục đổi mới, hoàn thiện chế độ dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện.

Tăng cường xây dựng giai cấp công nhân có giác ngộ và bản lĩnh chính trị, có trình độ học vấn và nghề nghiệp

ngày càng cao trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Phát huy vai trò của giai cấp nông dân trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.

Phát huy trí tuệ và năng lực của đội ngũ trí thức, trọng dụng nhân tài.

Tạo điều kiện và phát huy tiềm năng, vai trò của doanh nhân, của người Việt Nam ở nước ngoài trong việc phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước.

Phát huy vai trò và tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân tham gia xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội.

Tăng cường các hoạt động nhân đạo, từ thiện, tương thân, tương ái và công tác vận động đồng bào ta định cư ở nước ngoài.

9. Đổi mới và hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải đồng bộ với đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, đổi mới kinh tế.

Nghiên cứu, tổng kết, tiếp tục làm rõ quan điểm về Đảng lãnh đạo và Đảng cầm quyền làm cơ sở đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng một cách cơ bản, toàn diện.

Cụ thể hóa Cương lĩnh, Hiến pháp và Điều lệ Đảng về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Vấn đề quyết định trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hành và mở rộng dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Đảng.

Khâu mấu chốt là đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước ở các cấp từ Trung ương đến cơ sở; xây dựng hệ thống các quy chế về sự lãnh đạo của Đảng ở các cấp, các ngành theo tinh thần: Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng Cương lĩnh, đường lối, quan điểm, chủ trương, các nghị quyết, nguyên tắc giải quyết các vấn đề lớn, có ý nghĩa chính trị quan trọng. Phát huy mạnh mẽ vai trò chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của Nhà nước trong quản lý đất nước và xã hội theo pháp luật.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong việc thể chế hóa, cụ thể hóa đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách lớn của Đảng thành Hiến pháp, pháp luật, kế hoạch, các chương trình mục tiêu lớn của Nhà nước. Đảng lãnh đạo nhưng không làm thay Nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chính trị. Đề phòng và khắc phục khuynh hướng tổ chức đảng buông lỏng sự lãnh đạo hoặc bao biện làm thay cũng như khuynh hướng các cơ quan nhà nước thụ động, né tránh trách nhiệm, việc gì cũng xin ý kiến cấp ủy đảng.

Đảng tập trung lãnh đạo xây dựng Nhà nước thực sự trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị, có phân công, phân cấp hợp lý, tôn trọng, phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan và người đứng đầu các tổ chức trong công tác cán bộ.

Đảng kết hợp chặt chẽ việc lãnh đạo và kiểm tra bộ máy nhà nước thông qua tổ chức đảng và cá nhân đảng viên hoạt động trong cơ quan nhà nước.

Đối với Quốc hội, xây dựng cơ chế, quy chế cụ thể giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa vai trò lãnh đạo về quan điểm, phương hướng, chủ trương, nguyên tắc, giải pháp lớn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư (đối với những vấn đề kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại trọng đại của đất nước) với thẩm quyền quyết định của Quốc hội trên những vấn đề này theo Hiến pháp và Luật tổ chức, hoạt động của Quốc hội.

Đối với Chính phủ, xác định rõ hơn thẩm quyền quyết định của Chính phủ. Xác định rõ những loại việc ở tầm Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư trực tiếp quyết định; những loại việc Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho ý kiến định hướng; những loại việc Chính phủ chủ động quyết định theo thẩm quyền.

Đối với các cơ quan tư pháp, Đảng lãnh đạo công tác tư pháp, lãnh đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng, quản lý và sử dụng đội ngũ cán bộ tư pháp, tôn trọng nguyên tắc: "Khi xét xử thẩm phán và hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật". Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng của các cơ quan tư pháp theo quy định của Đảng. Đề cao trách nhiệm của cơ quan điều tra, viện kiểm sát nhân dân, tòa án nhân dân.

Đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh, Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt các lĩnh vực này về quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách, xây dựng các lực

lượng vũ trang nhân dân trong sạch, vững mạnh, có bản lĩnh chính trị vững vàng, sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống; đồng thời phát huy trách nhiệm quản lý của Nhà nước đối với các cơ quan này.

Đối với chính quyền địa phương, định rõ những loại việc ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ cho ý kiến trước khi hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân quyết định thực hiện; những loại việc do ban chấp hành, ban thường vụ cho ý kiến định hướng, hội đồng nhân dân quyết định; những loại việc do hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân quyết định theo thẩm quyền. Sự lãnh đạo của cấp ủy đảng là định hướng và bảo đảm để hội đồng nhân dân quyết định các nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở địa phương, tạo điều kiện cho ủy ban nhân dân, người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước địa phương quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đề ra.

Đối với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, tăng cường và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong việc xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách, tạo điều kiện cho các tổ chức này hoạt động đúng định hướng chính trị, đúng pháp luật và có hiệu quả. Phát huy tinh thần tự chủ, sáng tạo của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân trong việc kiện toàn tổ chức và đổi mới hoạt động của mình. Có cơ chế, chính sách lãnh đạo và quản lý phù hợp với từng loại hội. Tiếp tục luật hóa các hoạt động của các đoàn thể nhân dân và các hội.

Tiếp tục đổi mới phong cách, lề lối làm việc của Đảng theo hướng thực sự dân chủ, kỷ cương, thiết thực, sâu sát cơ sở, sâu sát quần chúng; làm việc có chương trình, kế hoạch,

có trọng tâm, trọng điểm, nói đi đôi với làm. Đổi mới cách ra nghị quyết, văn kiện và báo cáo phải ngắn gọn, thiết thực, cụ thể; đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả của hội nghị. Cấp ủy dành nhiều thời gian tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra, tổng kết việc thực hiện nghị quyết; chỉ đạo hoạt động của Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Xây dựng và thực hiện chế độ báo cáo xin ý kiến. Đảng ủy cơ sở định kỳ 6 tháng một lần phải báo cáo về hoạt động của mình trước hội nghị toàn thể đảng viên trong đảng bộ. Ban thường vụ cấp ủy tỉnh, huyện và tương đương phải báo cáo, xin ý kiến ban chấp hành cùng cấp về hoạt động của mình giữa hai kỳ họp ban chấp hành. Bộ Chính trị, Ban Bí thư phải báo cáo, xin ý kiến Ban Chấp hành Trung ương về hoạt động của mình giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành Trung ương.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.259-311.

BẢN TRÌNH BÀY CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH VỀ Ý KIẾN THẢO LUẬN CỦA CÁC ĐẠI BIỂU ĐỐI VỚI CÁC VĂN KIỆN ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG

(Do đồng chí Nguyễn Phú Trọng trình bày ngày 24 tháng 4 năm 2006)

Kính thưa Đoàn Chủ tịch,
Thưa các đồng chí,

Từ chiều 18 đến hết ngày 20-4-2006, Đại hội thảo luận phần văn kiện. Đã có 1.553 lượt ý kiến phát biểu ở đoàn và 29 ý kiến ở hội trường. Không khí thảo luận rất sôi nổi, liên tục và có tranh luận. Nội dung các ý kiến rất phong phú, thẳng thắn, tâm huyết.

Hầu hết các ý kiến nhất trí cao với nội dung các báo cáo, cho rằng các báo cáo được chuẩn bị công phu, dân chủ, nội dung thể hiện tính chiến đấu, tính tổng kết cao; kết cấu hợp lý, văn phong sáng sủa, ngắn gọn, dễ hiểu; sau khi tiếp thu ý kiến của đại hội đảng bộ các cấp, ý kiến của đảng viên, cán bộ và nhân dân, chất lượng các báo cáo được nâng lên rõ rệt, nhất là những nội dung lớn. Nhiều ý kiến cho rằng, việc công

bố Dự thảo Báo cáo chính trị để lấy ý kiến toàn Đảng, toàn dân trước Đại hội là một việc làm hay, rất đúng, làm cho Báo cáo chính trị thực sự là kết quả đóng góp trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.

Các ý kiến phát biểu tại Đại hội đã phân tích làm sáng tỏ, sâu sắc thêm và bổ sung nhiều nội dung quan trọng, cả trên quan điểm chung và trên từng lĩnh vực cụ thể. Một số ý kiến cho rằng cần xem lại một số nhận định, một số chi tiết để bảo đảm tính chính xác, thống nhất giữa các báo cáo, cũng như giữa các phần trong mỗi báo cáo, tránh mâu thuẫn, thiếu nhất quán.

Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội cho tiếp thu những ý kiến hợp lý, xác đáng để hoàn chỉnh các văn kiện Đại hội, đồng thời để chỉ đạo trong hoạt động thực tiễn. Đối với một số vấn đề khó, còn có ý kiến khác nhau, xin cho ghi nhận để tiếp tục nghiên cứu kỹ hơn sau Đại hội X. Những kiến nghị sửa đổi một số từ ngữ, sắp xếp lại câu chữ hoặc chữa một số lỗi văn phạm, xin giao cho Bộ Chính trị khóa X chỉ đạo sửa chữa, hoàn thiện trước khi công bố chính thức.

Dưới đây, Đoàn Chủ tịch xin trình bày rõ thêm một số vấn đề lớn, quan trọng để Đại hội xem xét, quyết định:

1. Về chủ đề Đại hội X

Nhiều ý kiến nhất trí với chủ đề Đại hội, cho rằng chủ đề này đã thể hiện đầy đủ, ngắn gọn, súc tích và có tính khái quát cao, nêu rõ cả mục tiêu, động lực trước yêu cầu phát triển của cách mạng nước ta và của thời đại; khẳng định quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trong nhiệm kỳ tới.

Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng chủ đề nêu như hiện nay chưa đáp ứng được mong mỏi của đảng viên, nhân dân; chưa mạnh mẽ và chưa tạo ra được sức đột phá mới. Một số ý kiến đề nghị bổ sung, sửa đổi cụ thể như sau:

- Có ý kiến đề nghị bổ sung ý: "giữ vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh", vì đây là vấn đề có tính nguyên tắc của Đảng.

- Ý kiến khác đề nghị thêm những cụm từ như: "theo định hướng xã hội chủ nghĩa", "đại đoàn kết toàn dân tộc", "đẩy mạnh chỉnh đốn, xây dựng Đảng", "giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng". Có ý kiến đề nghị nên nói "Nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng".

- Có ý kiến đề nghị phải nhấn mạnh vấn đề "nâng cao sức chiến đấu của Đảng"; ý kiến khác đề nghị bỏ bớt 4 từ "và sức chiến đấu", vì "năng lực lãnh đạo" đã bao gồm cả "sức chiến đấu" rồi. Có ý kiến đề nghị viết "phát huy *cao độ* sức mạnh toàn dân tộc", "*Tiếp tục* đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới", "kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng"...

- Một số ý kiến đề nghị xem lại từ "sớm" trong "sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển", vì từ này mới thể hiện định tính, chưa có định lượng, chưa biết "sớm" là như thế nào. Viết "sớm" có vẻ "mềm" quá, nên thay bằng từ "nhanh chóng" hoặc "quyết tâm". Cụm từ "kém phát triển" có nghĩa tiêu cực, nên thay bằng cụm từ "đưa nước ta trở thành nước phát triển", "đưa nước ta thành nước công nghiệp hóa, hiện đại hóa".

Đoàn Chủ tịch xin có ý kiến như sau:

Chủ đề Đại hội là tư tưởng chỉ đạo định hướng hoạt động của Đảng, xác định nhiệm vụ trọng tâm trong mỗi thời kỳ

nhất định. Vì vậy phải ngắn gọn, tập trung nêu bật những thành tố quan trọng nhất, những định hướng lớn nhất, có tính chỉ đạo tư tưởng và hành động của toàn Đảng, toàn dân ta những năm tới. Trong chủ đề, không thể đưa vào quá nhiều nội dung, vả lại, bổ sung bao nhiêu cũng không đủ, càng làm phân tán chủ đề. Bốn thành tố của chủ đề Đại hội (cũng là tiêu đề của Báo cáo chính trị) hiện nay đã thể hiện được tinh thần đó:

- *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng* là thành tố đầu tiên, có ý nghĩa hết sức quan trọng. Trong tình hình hiện nay, cơ hội và thách thức đan xen nhau, rất nhiều vấn đề mới đặt ra, hơn lúc nào hết chúng ta phải kiên định sự lãnh đạo của Đảng, chăm lo xây dựng Đảng, làm cho Đảng ta ngày càng giàu trí tuệ, trong sạch, vững mạnh. Những ý kiến thảo luận tại đại hội đảng bộ các cấp cũng như ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân vừa qua bày tỏ sự quan tâm sâu sắc đến công tác xây dựng Đảng, mong muốn Đảng ta phải không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, chống cho được tham nhũng, tiêu cực, để lãnh đạo đất nước tiếp tục đi lên. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng là nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chính sách; năng lực tổ chức chỉ đạo thực hiện; tổng kết lý luận - thực tiễn, tạo thống nhất nhận thức và hành động trong Đảng; lãnh đạo Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân (nếu chỉ nói năng lực cầm quyền thì chưa bao quát được hết các lĩnh vực lãnh đạo của Đảng). Nâng cao sức chiến đấu của Đảng là làm cho từng cán bộ, đảng viên, từng tổ

chức và cấp ủy đảng, nói chung là toàn Đảng, phải có ý chí phấn đấu vươn lên, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; thường xuyên rèn luyện phẩm chất, đạo đức, không nể nang, né tránh, "dĩ hòa vi quý"; kiên quyết đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, suy thoái ở ngay trong bản thân mỗi đảng viên, ở trong tổ chức đảng, cơ quan nơi mình sinh hoạt, công tác, ở trong Đảng và trong xã hội, dũng cảm đấu tranh chống các tư tưởng, quan điểm và hành động sai trái, thù địch.

- *Phát huy sức mạnh toàn dân tộc* là thành tố thứ hai của chủ đề, chỉ rõ yêu cầu phải động viên đến cao độ sức mạnh của mọi tầng lớp nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc, của đồng bào trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài, của mọi lĩnh vực hoạt động trên đất nước ta; giải phóng mọi tiềm năng, phát huy mọi nguồn lực, mọi thành phần kinh tế; phát huy sức mạnh của truyền thống, lịch sử, văn hóa dân tộc và ý chí kiên cường của người Việt Nam để thực hiện bằng được mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

- *Đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới* thể hiện yêu cầu tiếp tục đổi mới một cách mạnh mẽ và đồng bộ hơn trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; từ tư duy, nhận thức đến hoạt động thực tiễn; từ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại; từ hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đến hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội; từ hoạt động của cấp trung ương đến hoạt động của địa phương, cơ sở.

- *Sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển* là mục tiêu *trực tiếp* của nhiệm kỳ 2006 - 2010. Đại hội IX đã đề ra Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) nhằm "đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển". Đại hội X nêu quyết tâm *sớm* đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, hàm ý phấn đấu hoàn thành chiến lược nói trên *trước năm 2010*. Đây là điều mong mỏi thiết tha, là đòi hỏi bức xúc của toàn Đảng, toàn dân ta. Nêu "sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển" không có nghĩa tiêu cực, bi quan, trái lại, đã thể hiện sự nhìn nhận nghiêm túc, khách quan về tình hình đất nước hiện nay, cổ vũ nhân dân ta vươn lên với tinh thần tự tôn dân tộc và quyết tâm cao để đưa đất nước thoát khỏi tình trạng kém phát triển, có nghĩa là thoát khỏi tình trạng thu nhập bình quân đầu người thấp, chỉ số phát triển con người thấp và tình trạng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội lạc hậu, thiếu thốn. Cũng cần nói thêm rằng, mục tiêu đó là có tính khả thi. Bởi vì theo tính toán của các cơ quan chức năng, nếu chúng ta thực hiện được mức tăng GDP 7,5 - 8%/năm thì đến năm 2009 nước ta sẽ đạt mức GDP bình quân đầu người trên 950USD, tức là đạt mục tiêu ra khỏi tình trạng nước đang phát triển có thu nhập thấp (theo quy chuẩn của Liên hợp quốc).

Vì vậy, Đoàn Chủ tịch xin kiến nghị:

Đại hội cho khẳng định chủ đề của Đại hội X là: "*Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển*" (Ban Chấp hành Trung ương khóa IX biểu quyết với tỷ lệ 90,7% tán thành).

2. Về đánh giá thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và nhìn lại 20 năm đổi mới

Hầu hết các ý kiến đồng tình với đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và kết quả 20 năm đổi mới, cho rằng phần này viết sát, đúng, chặt chẽ, toàn diện, súc tích, phù hợp với thực tiễn đất nước.

Tuy nhiên, cũng có ý kiến đề nghị chỉ nên nhận định 5 năm qua "đã đạt được một số thành tựu quan trọng" và không nên nói thành tựu 20 năm đổi mới "có ý nghĩa lịch sử", vì như thế là chủ quan, quá nhấn mạnh thành tích.

Một số ý kiến đề nghị trong đánh giá thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, cần dựa vào các chỉ tiêu của Đại hội để tránh cảm tính. Ví dụ chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế bình quân đã đạt kế hoạch 7,5%/năm, song vẫn nhận định là "chưa tương xứng với khả năng". Nên xem lại nhận định "nền kinh tế đã vượt qua thời kỳ suy giảm". Có ý kiến cho rằng, nông nghiệp, nông thôn và nông dân là vấn đề chiến lược của Đảng, nhưng văn kiện đề cập chưa sâu, chưa làm rõ những thành tựu cũng như yếu kém trong lĩnh vực này.

Về 20 năm đổi mới, một số ý kiến đề nghị cần nhấn mạnh mặt trái của cơ chế thị trường xâm nhập quá nhanh, nhưng các giải pháp khắc phục còn chắp vá, chưa theo kịp thực tế; đề nghị đánh giá rõ hơn 4 nguy cơ và dự báo hậu quả do các nguy cơ đó gây ra để có biện pháp khắc phục, đồng thời bổ sung thêm một nguy cơ nữa là phân hóa giàu - nghèo ngày càng lớn, dẫn đến nguy cơ gây mất ổn định xã hội. Cần bổ sung bài học chống quan liêu, tham nhũng, thoái hóa, biến chất của cán bộ, đảng viên, bài học về công tác cán bộ; về giữ vững ổn định chính trị, thực hiện dân chủ, v.v..

Đoàn Chủ tịch xin có ý kiến như sau:

- Trong nhiệm kỳ Trung ương khóa VIII (1996 - 2000), do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội ở Đông Nam Á và Đông Á (1997 - 1999), nền kinh tế nước ta suy giảm, chỉ đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 7%/năm. Đến nhiệm kỳ Trung ương khóa IX, tổng sản phẩm trong nước (GDP) 5 năm (2001 - 2005) tăng bình quân 7,51%/năm. Năm 2005, mặc dù gặp nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, giá xăng dầu thế giới biến động lớn, nền kinh tế nước ta vẫn có sự khởi sắc mới: tốc độ tăng trưởng là 8,4%/năm, đạt mức Quốc hội đề ra; tổng GDP ước đạt 838.000 tỉ đồng, thu nhập bình quân đầu người đạt hơn 10 triệu đồng (khoảng 640 USD). Dư luận quốc tế cho rằng, mức tăng trưởng như vậy là khá cao trong khu vực. Có tổ chức quốc tế đánh giá mức tăng trưởng của ta là "ngoạn mục". Đặc biệt, Liên hợp quốc nhận xét Việt Nam đã đạt sớm trước 10 năm mục tiêu xóa đói giảm nghèo trong việc thực hiện "Mục tiêu Thiên niên kỷ" do Liên hợp quốc đề ra. Cuối năm 2005, tỷ lệ hộ nghèo ở nước ta còn 7% (theo chuẩn Việt Nam cho giai đoạn 2001 - 2005), kế hoạch là 10%.

Vì vậy, Báo cáo chính trị viết "*nền kinh tế đã vượt qua thời kỳ suy giảm, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao và phát triển tương đối toàn diện*" là phù hợp.

- Công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo chính thức được tính từ Đại hội VI (năm 1986), đến nay (năm 2006) vừa tròn 20 năm. Sau 20 năm, chúng ta có điều kiện nhìn lại đầy đủ hơn, toàn diện hơn quá trình đổi mới với tất cả những thành tựu và hạn chế. Vì vậy, Ban Chấp hành Trung ương khóa IX đã quyết định tiến hành tổng kết

20 năm đổi mới để rút ra những bài học kinh nghiệm, lý giải, kết luận một số vấn đề lý luận - thực tiễn nhằm đẩy mạnh công cuộc đổi mới. Báo cáo tổng kết 20 năm đổi mới đã cung cấp luận cứ khoa học cho việc soạn thảo các văn kiện Đại hội X của Đảng. Phần tổng kết, đánh giá 20 năm đổi mới đã được Ban Chấp hành Trung ương khóa IX thông qua và công bố rộng rãi.

Thực tế cho thấy, 20 năm đổi mới đã làm thay đổi bộ mặt đất nước và cải thiện rõ rệt đời sống nhân dân. Điều đó, mỗi chúng ta, mỗi người dân, mỗi gia đình Việt Nam đều cảm nhận được một cách sâu sắc. Dư luận thế giới thừa nhận và đánh giá cao thành tựu đổi mới của Việt Nam. Điều rất quan trọng là sau 20 năm đổi mới, Đảng ta đã có sự nhận thức đúng hơn, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội trên một loạt vấn đề, đồng thời vận dụng sáng tạo, phù hợp thực tiễn Việt Nam. Tư duy lý luận của Đảng có bước tiến mới. Đến nay, mặc dù còn không ít vấn đề phải tiếp tục nghiên cứu sâu hơn, nhưng qua 20 năm đổi mới, Đảng ta đã bước đầu hình thành được trên những nét cơ bản một hệ thống quan điểm lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, làm cơ sở khoa học cho đường lối của Đảng.

Vì vậy, Đoàn Chủ tịch xin kiến nghị:

Đại hội cho khẳng định: việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX "*đã đạt những thành tựu rất quan trọng*". Công cuộc đổi mới ở nước ta "*đã đạt những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử*" (Ban Chấp hành Trung ương khóa IX biểu quyết với 93,6% tán thành).

3. Về các "nguy cơ"

Một số ý kiến đề nghị cần nêu lại "bốn nguy cơ" mà Đại hội IX của Đảng đã nêu, vì các nguy cơ này hiện nay vẫn tồn tại và có mặt phát triển rất đáng lo ngại. Có ý kiến cho rằng, tham nhũng không còn là một nguy cơ mà đã là một thực tế, một quốc nạn; tụt hậu xa về kinh tế cũng không phải là một nguy cơ, mà là một thực tế; trong Đảng ta không có "nguy cơ chệch hướng", nêu lên nguy cơ đó làm kìm hãm sự năng động, sáng tạo của cán bộ, đảng viên, gây tâm lý rụt rè, ngần ngại trong hoạt động thực tiễn vì sợ "chệch hướng".

Đoàn Chủ tịch nhận thấy:

Các đại hội gần đây của Đảng nêu "bốn nguy cơ" là hàm ý chỉ ra những thách thức, những vấn đề nếu không được giải quyết tốt thì có thể đe dọa sự sống còn của chế độ; và đó là thực tế khách quan. Đến nay những nguy cơ đó vẫn tồn tại, thậm chí có một số mặt gay gắt hơn. Nguy cơ "chệch hướng xã hội chủ nghĩa" là có thật, chúng ta không được mơ hồ, mất cảnh giác. Tuy nhiên, để tránh gây tranh cãi không cần thiết về thế nào là nguy cơ, có mấy nguy cơ, Báo cáo chính trị không dùng cụm từ "bốn nguy cơ" mà nói thẳng nội hàm của các nguy cơ, các thách thức đối với nhân dân ta như sau:

"Nước ta đang đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp, không thể coi thường bất cứ thách thức nào. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, gắn với tệ quan liêu tham nhũng, lãng phí là rất nghiêm trọng. Những biểu hiện xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội chưa

được khắc phục. Các thế lực thù địch thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", gây bạo loạn lật đổ, sử dụng các chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền" hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta".

Đoàn Chủ tịch xin kiến nghị:

Đại hội cho giữ cách diễn đạt về các thách thức như trong Báo cáo chính trị.

4. Về chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế thời kỳ 2006 - 2010

Đa số ý kiến đồng ý chỉ tiêu nêu trong các báo cáo, cho là phù hợp, có cơ sở khoa học và có tính khả thi, đồng thời cũng thể hiện được quyết tâm phấn đấu cao. Tuy nhiên, một số ý kiến cho rằng không nên nêu tới 3 mức (7,5%, 8% và trên 8%/năm). Có ý kiến cho rằng, mức tăng trưởng 7,5 - 8% là thấp, không tích cực, không thu hẹp được khoảng cách với các nước trong khu vực, thực tế 5 năm qua (2001 - 2005) chúng ta đã đạt 7,5%/năm, có năm đạt trên 8%; do đó trong 5 năm tới phải đạt 8 - 8,5%/năm. Có ý kiến đề nghị phải đạt 9 - 10%/năm trở lên. Một số ý kiến đề nghị GDP năm 2010 theo giá so sánh phải gấp 2,5 lần năm 2000 (thay cho 2,1 lần trong dự thảo)...

Đoàn Chủ tịch xin có ý kiến như sau:

Chỉ tiêu tăng trưởng GDP trong 5 năm tới nêu trong Báo cáo là chỉ tiêu *định hướng* và đã được tính toán, cân nhắc kỹ về các yếu tố, cân đối các nguồn lực, vừa với tinh thần rất tích cực phấn đấu cao, vừa bảo đảm tính khả thi, vững chắc; vừa đáp ứng được mục tiêu tăng trưởng kinh tế, vừa phải bảo đảm thực hiện các mục tiêu về phát triển văn hóa - xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững; tạo

điều kiện cho sự phát triển trong thời kỳ trước mắt và cả cho giai đoạn tiếp theo.

Cách nêu như vậy cũng là không chốt cứng mà có độ linh hoạt cần thiết, vì bên cạnh các yếu tố nỗ lực chủ quan còn có những biến động khách quan khó lường như biến động giá cả và thị trường thế giới, cũng như điều kiện thời tiết bất lợi và dịch bệnh lớn có thể xảy ra đối với nước ta... Nếu chúng ta đạt được tốc độ tăng trưởng GDP ở mức 7,5 - 8% và phấn đấu đạt trên 8%/năm đi đôi với việc nâng cao chất lượng phát triển kinh tế - xã hội thì sẽ là thành tựu rất quan trọng.

Vì vậy, Đoàn Chủ tịch xin kiến nghị:

Đại hội cho giữ chỉ tiêu tăng trưởng GDP là "7,5 - 8%/năm và phấn đấu đạt trên 8%/năm" (Ban Chấp hành Trung ương khóa IX biểu quyết với 84,34% tán thành).

5. Về vấn đề kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Đa số ý kiến đồng tình với những nội dung của phần này. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng, nội hàm "kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" chưa rõ, thực tế nhiều người chỉ nói "kinh tế thị trường". Có ý kiến đề nghị làm rõ hơn nội hàm của "định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường".

Đoàn Chủ tịch có ý kiến như sau:

Nền kinh tế thị trường tồn tại trong nhiều chế độ xã hội khác nhau và việc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở một nước trình độ kinh tế còn thấp kém như nước ta thì việc phát triển kinh tế thị trường là một yêu cầu khách quan. Kinh tế

thị trường là một phương thức phát triển sức sản xuất để đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng nền kinh tế thị trường mà chúng ta phát triển khác về bản chất so với nền kinh tế thị trường ở nhiều nước khác.

Từ tổng kết 20 năm đổi mới, chúng ta nhận thấy, chủ trương phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là đúng đắn, bước đầu mang lại những kết quả rõ rệt; đồng thời cũng đặt ra nhiều vấn đề rất mới cần tiếp tục nghiên cứu, tổng kết. Chúng ta hiểu rằng, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nghĩa: nền kinh tế đó phải tuân theo các nguyên tắc và quy luật phổ biến của kinh tế thị trường, đồng thời phải mang tính định hướng xã hội chủ nghĩa và tạo ra chất lượng mới của sự phát triển. Đó là nền kinh tế được xây dựng ở một chế độ xã hội do nhân dân làm chủ, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa quản lý, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, nhằm mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đến nay, có thể sơ bộ nêu lên những nội dung cơ bản của định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta là:

- Nhằm mục tiêu thực hiện "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"; giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân.

- Phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

- Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; hình thành cấu trúc kinh tế - xã hội phát triển ổn định, bền vững; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội.

- Phát huy vai trò làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Việc đưa ra mô hình kinh tế tổng quát của thời kỳ quá độ ở Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là bước đột phá về lý luận - thực tiễn có tính sáng tạo của Đảng ta. Chúng ta không lựa chọn mô hình kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, nhưng nền kinh tế thị trường của chúng ta cũng chưa phải là nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đã hoàn chỉnh ngay từ đầu, mà còn phải trải qua một quá trình xây dựng rất lâu dài.

Kế tục tư duy của Đại hội IX, Báo cáo chính trị lần này đã làm sáng tỏ thêm một bước nội dung cơ bản của tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta và đã được đa số đồng tình. Tuy nhiên, đây là vấn đề rất mới, chưa có tiền lệ; sắp tới chúng ta cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu và tổng kết để nhận thức đầy đủ và sâu sắc hơn, giải đáp có sức thuyết phục hơn những vướng mắc trong thực tiễn.

Vì vậy, Đoàn Chủ tịch xin kiến nghị:

Đại hội cho khẳng định những nội dung về "*định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta*" trong Báo cáo chính trị.

6. Về những vấn đề xã hội bức xúc

Như trên đã trình bày, một trong những đặc trưng tính định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường ở nước ta là thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển. Vấn đề này được đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân rất quan tâm. Trong đợt lấy ý kiến của nhân dân đóng góp cho dự thảo Báo cáo chính trị, rất nhiều ý kiến phát biểu về thực hiện công bằng xã hội, xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, giảm tốc độ tăng dân số, chăm lo đời sống nông dân, nhất là các vấn đề về giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe, chính sách đối với những người có công, với thương binh, gia đình liệt sĩ, phòng, chống các tệ nạn xã hội... Đó là những vấn đề thiết thân đối với cuộc sống người dân, của mọi gia đình, mọi vùng trên đất nước ta. Hầu hết các ý kiến đồng tình việc gắn chiến lược phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, tích cực xóa đói giảm nghèo, khuyến khích mọi người làm giàu chính đáng...

Tại Đại hội, một số ý kiến cho rằng, cần có những giải pháp quyết liệt và đồng bộ hơn để giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc. Có ý kiến băn khoăn việc thực hiện xã hội hóa cung ứng các dịch vụ công cộng, hình như Nhà nước muốn đẩy bớt những vấn đề xã hội về cho người dân phải tự giải quyết. Như thế, khó mà thực hiện được công bằng xã hội, khó bảo đảm được định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đoàn Chủ tịch xin báo cáo như sau:

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã cố gắng giải quyết nhiều vấn đề xã hội bức xúc và thu được một số kết quả tích cực, nhất là về xóa đói giảm nghèo, tạo thêm

nhiều việc làm mới, chăm sóc sức khỏe của nhân dân... Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, việc giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc còn chậm và chưa mạnh mẽ. Điều chưa yên tâm nhất là, nhìn chung, đời sống nông dân còn nhiều khó khăn; đồng bào các vùng nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số chưa được hưởng nhiều thành quả của đổi mới; tình trạng phân hóa giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn ngày càng doãng ra.

Chúng ta cần nhấn mạnh tinh thần "tích cực và tập trung sức giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc" và chủ trương của Đảng ta là: Nhà nước tiếp tục tăng nguồn lực, đầu tư tập trung cho các chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm; về giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, dân số, gia đình, trẻ em...; quan tâm các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đồng thời, phát huy tiềm năng, trí tuệ và các nguồn lực vật chất trong nhân dân, của toàn xã hội để cùng Nhà nước giải quyết các vấn đề xã hội.

Hiện nay, biên chế khối sự nghiệp công ích ở nước ta từ cấp huyện trở lên là trên 1.250.000 người và khối hành chính trên 286.000 người. Phần lớn các đơn vị công ích hoạt động theo cơ chế sự nghiệp với nguồn kinh phí chủ yếu dựa vào ngân sách Nhà nước. Việc duy trì quá lâu cơ chế này dẫn tới tình trạng hoạt động sự nghiệp công bất cập, gặp rất nhiều khó khăn và phát triển chậm hơn so với lĩnh vực kinh tế. Trong khi đó, nhu cầu của nhân dân về các lĩnh vực này tăng rất nhanh với đòi hỏi chất lượng cao hơn. Người sử dụng dịch vụ công cộng hiện nay, ngoài mức phí theo quy định, thường phải chi thêm nhiều khoản khác thiếu minh bạch, dẫn tới

nhiều hiện tượng tiêu cực, trái đạo đức nghề nghiệp. Vì vậy, cần đổi mới cơ chế quản lý và cung ứng dịch vụ công cộng theo hướng: Chuyển các cơ sở đang hoạt động theo cơ chế sự nghiệp mang nặng tính hành chính bao cấp sang cơ chế tự chủ, không bao cấp tràn lan và không nhằm mục tiêu lợi nhuận. Phát triển mạnh các cơ sở ngoài công lập; khuyến khích đầu tư trong và ngoài nước phát triển các dịch vụ công cộng. Nhà nước cùng nhân dân tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra các hoạt động này, bảo đảm đúng pháp luật, nhằm cung ứng các dịch vụ công cộng cho nhân dân có hiệu quả tốt hơn.

7. Về các thành phần kinh tế

Đảng ta đã nhiều lần khẳng định đường lối phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần với những hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh đa dạng, đan xen, hỗn hợp. Các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Thực tiễn đã chứng minh chủ trương đó là đúng và được sự đồng tình nhất trí rất cao trong Đảng và nhân dân. Tuy nhiên, khi xác định các thành phần kinh tế cụ thể và vai trò của từng thành phần thì còn có nhiều ý kiến khác nhau. Vấn đề này đã được thảo luận sôi nổi tại đại hội đảng bộ các cấp và có nhiều ý kiến đóng góp của nhân dân.

Tại Đại hội này, hầu hết các ý kiến của đại biểu nhất trí với việc xác định các thành phần kinh tế như nêu trong Báo

cáo chính trị. Một số ý kiến khác đề nghị giữ nguyên như ở Đại hội IX.

Đa số ý kiến tán thành "kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo". Có ý kiến đề nghị "kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong một số ngành, lĩnh vực chủ yếu". Nhưng có ý kiến khác cho rằng, do phát triển nhiều thành phần kinh tế và đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thì kinh tế nhà nước ngày càng bị thu hẹp, liệu có còn giữ vai trò chủ đạo được không? Có ý kiến băn khoăn về nội dung "kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân". Có ý kiến cho rằng, phát triển kinh tế tư nhân là không sai, nhưng với chính sách như hiện nay, không có cơ chế kiểm soát chặt chẽ thì đáng lo ngại. Có ý kiến đề nghị không nên nêu thành phần kinh tế tư bản nhà nước.

Đoàn Chủ tịch xin có ý kiến như sau:

Việc phân định các thành phần kinh tế là vấn đề lớn, khó, hệ trọng và rất phức tạp, đã được Ban Chấp hành Trung ương khóa IX thảo luận, tranh luận nhiều lần với tinh thần trách nhiệm cao. Tiếp thu ý kiến của nhiều đồng chí, Ban Chấp hành Trung ương đã chỉ rõ định hướng cho việc xác định thành phần kinh tế là: Văn kiện Đại hội Đảng chỉ nên khẳng định những vấn đề nào đã rõ, đã chín muồi; còn vấn đề nào chưa đủ rõ thì cho tiếp tục nghiên cứu, tổng kết thực tiễn rồi bổ sung dần. Điều quan trọng là phải có chính sách khuyến khích mọi thành phần kinh tế cùng phát triển, không phân biệt đối xử, kỳ thị, định kiến đối với bất cứ thành phần kinh tế nào. Ban Chấp hành Trung ương khóa IX đã biểu quyết nhất trí nêu phương án để trình với Đại hội về

vấn đề thành phần kinh tế. Theo phương án này, ở nước ta hiện nay có các thành phần kinh tế như sau: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế. Doanh nghiệp cổ phần ngày càng phát triển, trở thành hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh phổ biến, thúc đẩy xã hội hóa sản xuất kinh doanh và sở hữu. Còn vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước không phải thể hiện ở số lượng doanh nghiệp nhiều hay ít, tỉ trọng đóng góp vào GDP cao hay thấp mà ở chỗ, đó là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết nền kinh tế, tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy các thành phần kinh tế cùng phát triển.

Như thế, so với Đại hội IX, lần này vừa có kế thừa, vừa có bổ sung, phát triển thêm một số điểm cho phù hợp với tình hình mới (như: để chung kinh tế cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân vào thành phần kinh tế tư nhân; khẳng định vai trò của kinh tế tư nhân, doanh nghiệp cổ phần; nhận thức sâu hơn nội hàm vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước,...). Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội chấp nhận cho ghi như trong dự thảo.

8. Về công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Có ý kiến cho rằng khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa rõ, chưa đưa ra được tiêu chí của một nước công

nghiệp hóa để làm mục tiêu phấn đấu. Công nghiệp hóa phải gắn với hiện đại hóa. Cần đặc biệt chú ý quy hoạch và đầu tư cho từng vùng và liên kết giữa các vùng, nhất là các vùng kinh tế trọng điểm. Cần có chính sách thu hút các nguồn lực, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa; có chính sách bảo vệ và sử dụng hiệu quả tài nguyên quốc gia, bảo vệ rừng; cải thiện, nâng cao đời sống người trồng rừng. Cần có cơ chế, chính sách tăng sức hấp dẫn thu hút đầu tư nước ngoài vào phát triển các lĩnh vực xây dựng và dịch vụ...

Đoàn Chủ tịch xin đề nghị:

Đại hội cho tiếp thu những ý kiến trên để bổ sung vào văn kiện và tiếp tục nghiên cứu sâu hơn để làm rõ những tiêu chí một nước công nghiệp theo hướng hiện đại trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển đất nước giai đoạn 2010 - 2020.

- Có ý kiến cho rằng chưa nên gắn công nghiệp hóa, hiện đại hóa với phát triển kinh tế tri thức, vì 5 năm tới nước ta cơ bản vẫn là nước nông nghiệp. Ý kiến khác đề nghị nên để cụm từ "từng bước" như dự thảo trước. Không nên coi kinh tế tri thức là "chiếc đũa thần", quá chú trọng đầu tư vào kinh tế tri thức, vì nước ta chưa có khả năng. Muốn công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế tri thức thì phải phát triển giáo dục và đào tạo.

Đoàn Chủ tịch xin có ý kiến như sau:

Báo cáo chính trị nêu vấn đề "Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức" là thể hiện bước tiến về nhận thức của Đảng ta, bắt kịp một xu hướng phát triển mới của thế giới, đồng thời đáp ứng đòi hỏi của công cuộc phát triển đất nước ta trong giai đoạn mới.

Hiện nay, hầu hết các nước trên thế giới đều có chiến lược phát triển kinh tế tri thức theo những cách thức phù hợp với điều kiện bên trong và xu thế chung của thời đại. Nước ta muốn thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì dứt khoát phải tận dụng những xu hướng và cơ hội do sự phát triển của khoa học và công nghệ hiện đại tạo ra. Phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam thực chất là thực hiện chiến lược công nghiệp hóa rút ngắn dựa trên tri thức, đẩy mạnh việc ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại ở tất cả các ngành, các lĩnh vực kinh tế, đặc biệt ở những ngành mũi nhọn, có lợi thế phát triển, làm tăng tỷ lệ giá trị gia tăng ở từng sản phẩm; giảm chi phí lao động và nguyên liệu, vật liệu; tăng chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động xã hội theo hướng hiện đại.

Những năm gần đây, thực hiện chủ trương "từng bước phát triển kinh tế tri thức" của Đại hội IX, ở nước ta đã xuất hiện những nhân tố mới, những mô hình phát triển mới dựa vào tri thức. Thí dụ: Tổng Công ty Bưu chính - viễn thông; những cánh đồng 600 triệu đồng ở xã Đoàn Thượng (Gia Lộc, Hải Dương); các cơ sở trồng hoa dựa trên công nghệ cao ở Đà Lạt (điển hình là Công ty HASFARM); những kết quả ứng dụng công nghệ mới trong các ngành thủy sản, công nghiệp đóng tàu biển; ở Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp (IMI), ở một số trường đại học lớn, ở Công ty phát triển phụ gia và sản phẩm dầu mỏ (APP), ở Công ty cổ phần TRAPHACO...

Như vậy, chủ trương "Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức" là cần thiết và có tính khả thi. Có quyết tâm thực hiện chủ trương này, chúng

ta mới có thể giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, tạo nền tảng vật chất để đi lên.

Đoàn Chủ tịch xin đề nghị:

Đại hội cho giữ chủ trương trong Báo cáo chính trị: "Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức".

- Về vấn đề *công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và cải thiện đời sống nông dân*, một số ý kiến cho rằng, muốn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phải giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Những nội dung nêu trong Báo cáo chính trị chưa đủ rõ, chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nước ta hiện nay. Cần có quy hoạch phát triển vùng cụ thể hơn; có giải pháp mạnh hơn tạo việc làm cho nông dân vùng thiếu đất sản xuất, mở rộng ngành nghề, đào tạo nghề ở nông thôn; đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp. Nên có một bộ riêng chuyên lo về phát triển nông thôn.

Có ý kiến đề nghị cần có chính sách đầu tư phù hợp với từng vùng theo quy hoạch hợp lý; đẩy mạnh tiến trình xây dựng nông thôn mới. Quan tâm đẩy nhanh quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất và tăng cường đầu tư cho nông nghiệp; cho thành lập hợp tác xã cổ phần ở nông thôn; cần hình thành các trung tâm giải quyết việc làm, xây dựng các khu đô thị ở nông thôn. Cần tổ chức lại sản xuất, phát triển các hình thức kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác, hợp tác xã với quy mô thích hợp; quy hoạch cây trồng, vật nuôi phù hợp với sinh thái, đầu tư chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo quy hoạch; có cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích chuyển giao

công nghệ; quan tâm hơn nữa đến chính sách xã hội, tạo điều kiện cho nông nghiệp, nông thôn phát triển bền vững.

Đoàn Chủ tịch xin kiến nghị:

Đại hội cho tiếp thu những ý kiến trên để bổ sung văn kiện và cụ thể hóa trong quá trình tổ chức thực hiện.

9. Về phát huy dân chủ, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Một số ý kiến đề nghị Đảng và Nhà nước cần có cơ chế, chính sách cụ thể để phát huy dân chủ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và ở mọi ngành, mọi cấp, mọi tầng lớp dân cư, trong đó đặc biệt lưu ý phát huy dân chủ ở cơ sở. Có ý kiến đề nghị cân nhắc cụm từ "xây dựng một xã hội dân chủ...", vì dễ gây sự hiểu lầm; nên viết rõ là "xây dựng một nền dân chủ xã hội chủ nghĩa". Có ý kiến cho rằng, phần xây dựng Nhà nước pháp quyền viết còn chung chung, chưa đủ rõ, chưa có nội dung mới. Nên xác định những nội dung, yêu cầu cơ bản của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong thời gian tới (tiêu chí cơ bản của Nhà nước pháp quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa).

Đoàn Chủ tịch xin có ý kiến như sau:

Phát huy dân chủ là vấn đề có ý nghĩa chiến lược đối với tiến trình phát triển của nước ta. Trong những năm đổi mới, nước ta đã có bước tiến lớn về thực thi dân chủ. Đảng, Nhà nước rất quan tâm vấn đề này và đã có nhiều chủ trương, chính sách, quy chế để phát huy dân chủ. Trên thực tế, xã hội ta ngày càng dân chủ hơn: dân chủ về chính trị (sinh hoạt trong Đảng, trong các đoàn thể nhân dân ngày càng cởi mở hơn; hoạt động của Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp

ngày càng thực chất hơn, nhân dân tham gia đóng góp vào việc hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng, xây dựng luật pháp của Nhà nước, bầu cử Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp, thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật...); dân chủ về kinh tế (các thành phần kinh tế phát triển, mọi người được tự do kinh doanh, làm tất cả những gì pháp luật không cấm); dân chủ trong lĩnh vực văn hóa - xã hội (báo chí, các phương tiện truyền thông hoạt động rất sôi động; các cuộc hội thảo tranh luận thẳng thắn, sinh hoạt tôn giáo, lễ hội ngày càng phát triển...). Đó là điều không ai có thể phủ nhận. Ở đâu có dân chủ, ở đó có đoàn kết, đồng thuận, ổn định và phát triển. Tuy nhiên, tình trạng vi phạm dân chủ vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi và lĩnh vực. Trong tình hình dân trí lên cao, đời sống mọi mặt của người dân được cải thiện, từ đó có những đòi hỏi dân chủ cao hơn là chính đáng. Mặt khác, có việc, có nơi lại có tình trạng dân chủ quá trớn, dân chủ không đi đôi với giữ kỷ cương, kỷ luật. Ta đang hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nhằm xây dựng một Nhà nước thật sự dân chủ, của dân, do dân và vì dân, chịu sự giám sát của dân. Cán bộ, công chức phải là công bộc của dân, làm việc vì lợi ích của dân. Nhà nước phải quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật. Mọi người, mọi tổ chức phải tôn trọng và làm theo pháp luật.

Vấn đề quan trọng sắp tới là Đảng phải chú ý phát huy dân chủ mạnh mẽ hơn nữa trên những cơ sở pháp lý minh bạch, bằng những thiết chế, cơ chế, chính sách rõ ràng. Đồng thời, phải đấu tranh với các quan điểm và hoạt động sai trái của các phần tử chống đối, thù địch lợi dụng vấn đề "dân

chủ" hòng gây rối, đòi "đa nguyên, đa đảng", thực chất là muốn xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Đoàn Chủ tịch xin đề nghị:

Đại hội cho tiếp thu những ý kiến trên để làm rõ hơn quan điểm và chính sách của Đảng ta về phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

10. Về phòng, chống tham nhũng

Nhiều ý kiến cho rằng, chống tham nhũng, tiêu cực là vấn đề sống còn của Đảng ta, chế độ ta. Do vậy, văn kiện Đại hội phải thể hiện rõ quyết tâm chính trị cao của toàn Đảng đấu tranh đối với tệ nạn này. Đề nghị ngay đầu nhiệm kỳ, Ban Chấp hành Trung ương khóa X cần có nghị quyết về vấn đề này; có biện pháp và cơ chế cụ thể, rõ ràng và minh bạch về phòng, chống tham nhũng.

Có ý kiến cho rằng, vấn đề tham nhũng là thuộc tính của mọi nhà nước. Ở ta, tham nhũng không chỉ xảy ra ở PMU18 mà ở nhiều đơn vị và ngành khác, tồn tại từ lâu gần như đã thành cơ chế. Vì vậy, cả hệ thống chính trị phải tham gia đấu tranh một cách có hiệu quả.

Về các giải pháp chống tham nhũng, có ý kiến nêu rõ: đấu tranh chống tham nhũng là cuộc đấu tranh rất khó khăn, phức tạp, lâu dài, cho nên phải kiên trì và có bước đi thích hợp. Trước hết, phải có các biện pháp quyết liệt chống tham nhũng ở các cơ quan bảo vệ pháp luật, những cơ quan nhà nước liên quan đến đầu tư, cấp phát vốn, chi tiêu ngân sách. Phải xóa bỏ cơ chế "xin - cho", nếu còn cơ chế này thì sẽ phát sinh tiêu cực. Phải xác định nguyên tắc phân bổ kinh

phí chung cho các địa phương. Đồng thời phải cải cách thủ tục hành chính, phân cấp quản lý hợp lý. Trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, phải chấn chỉnh từ khâu dự toán, thiết kế đến thi công.

Đoàn Chủ tịch nhận thấy:

Hiện nay, tình trạng tham nhũng đã xảy ra ở nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, kể cả một số cơ quan bảo vệ pháp luật, với tính chất rất nghiêm trọng. Vụ án tham nhũng điển hình ở PMU18 (Bộ Giao thông Vận tải) đang gây bất bình lớn trong Đảng và trong nhân dân.

Qua vụ án trên, chúng ta càng thấy được sự suy thoái nghiêm trọng về phẩm chất, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên; sự sơ hở, lỏng lẻo về quản lý của Nhà nước và những yếu kém trong việc thực hiện các cơ chế, chính sách, nhất là cơ chế kiểm tra, thanh tra, giám sát; tính chiến đấu của các tổ chức đảng và đảng viên ở nhiều cơ quan, đơn vị rất yếu, thậm chí có nơi tê liệt. Qua vụ án, chúng ta rút ra những bài học đắt giá và đau xót về quản lý nhà nước, về công tác xây dựng Đảng; về lựa chọn, sử dụng, giám sát cán bộ; về sự bao che, nể nang đối với vụ việc tiêu cực; về những tai hại của bệnh quan liêu.

Đảng và Nhà nước ta không che giấu, né tránh khuyết điểm; trái lại, bày tỏ thái độ kiên quyết xử lý thích đáng những tổ chức và cá nhân sai phạm, hư hỏng, bất kể người đó là ai, ở cương vị nào, với cách làm bình tĩnh, hiệu quả, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm nhưng cũng không để xảy ra oan sai. Thái độ đó được dư luận hoan nghênh.

Đại hội X thể hiện quyết tâm của Đảng ta kiên quyết phòng, chống tham nhũng, xây dựng Đảng, xây dựng Nhà

nước, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức thật sự trong sạch, vững mạnh, tạo ra một bước chuyển mới trong cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống tệ tham nhũng ở nước ta, mà Ban Chấp hành Trung ương Đảng phải là những người gương mẫu, đi đầu trong cuộc đấu tranh gian khổ đó.

Đoàn Chủ tịch xin kiến nghị:

Đại hội cho tiếp thu tinh thần và những ý kiến nêu trên để chỉnh lý phần viết về đấu tranh phòng, chống tham nhũng trong văn kiện Đại hội cho sát thực tế hơn, đồng thời sau Đại hội cần có ngay những chủ trương, biện pháp cụ thể để thể hiện rõ hơn quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân ta trên lĩnh vực này.

11. Về tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị

Một số ý kiến cho rằng, tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị còn quá cồng kềnh, chồng chéo, trùng lắp nhau, kém hiệu quả. Các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ có xu hướng phình ra, thêm nhiều ban, vụ, cục, phòng, viện, trung tâm..., người đông mà kết quả ít, gây khó khăn cho nhau và cho việc điều hành đất nước. Một số ban Đảng làm trùng công việc của các bộ; một số ban Đảng ở địa phương đã giải thể, nhưng ở Trung ương thì vẫn giữ. Hoạt động của hệ thống ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy khối... chưa được tổng kết để rút kinh nghiệm. Đề nghị Ban Chấp hành Trung ương cần có văn bản quy định trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác quản lý cán bộ, quản lý ngành. Đẩy mạnh hơn nữa việc thành lập tổ chức đảng trong các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Có ý kiến cho rằng, Trung ương không thực hiện nghiêm chỉnh Nghị

quyết Trung ương 7 (khóa VIII) về kiện toàn tổ chức, bộ máy; không kiên quyết, còn nể nang, do dự.

Đoàn Chủ tịch nhận thấy:

Kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị là một trong những nội dung quan trọng của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nhằm giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, bản chất cách mạng của Nhà nước ta, mở rộng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Trong những năm tới, cần sắp xếp, đổi mới tổ chức, bộ máy của Đảng, đặc biệt là các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng ủy khối ở Trung ương và các địa phương gắn liền với kiện toàn tổ chức, bộ máy của cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, bảo đảm tinh gọn, khắc phục tình trạng cồng kềnh, nhiều đầu mối, tầng nấc trung gian, chồng chéo, trùng lắp; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan và người đứng đầu không rõ ràng. Tổ chức cơ quan tham mưu chuyên trách của Đảng phải có chất lượng cao, đồng thời phát huy vai trò của các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Cải tiến lề lối làm việc, nâng cao chất lượng nghiên cứu, tham mưu, đề xuất, hướng dẫn, kiểm tra của các cơ quan tham mưu của Đảng các cấp. Tăng cường sự phối hợp giữa các ban cán sự đảng, đảng đoàn với cấp ủy địa phương. Tích cực giảm biên chế hành chính, biên chế gián tiếp trong các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống chính trị và các doanh nghiệp nhà nước.

Đó là những nội dung đã được nêu trong Báo cáo chính trị. Xin đề nghị Đại hội cho khẳng định tinh thần đó.

12. Về bản chất của Đảng và cách diễn đạt về Đảng

Đa số ý kiến đồng ý: "Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc"; cho rằng diễn đạt như thế là hợp lý, biện chứng, dễ hiểu và đúng với tình hình hiện nay. Việc dùng từ "đồng thời" là theo đúng tư tưởng của Bác Hồ. Một số ý kiến khác lại đề nghị bỏ cụm từ "đồng thời" hoặc cả cụm từ "đồng thời là đội tiên phong", vì cho rằng cụm từ này gây cảm giác không gắn kết. Có ý kiến đề nghị cần diễn giải rõ hơn về bản chất giai cấp công nhân của Đảng; đòi hỏi Đảng phải nâng cao trí tuệ, bản lĩnh để lãnh đạo dân tộc.

Một số ý kiến khác đề nghị giữ cách diễn đạt như Điều lệ Đảng hiện hành.

Đoàn Chủ tịch xin có ý kiến như sau:

Trước hết, cần khẳng định dứt khoát Đảng ta là Đảng của giai cấp công nhân, mang bản chất giai cấp công nhân. Trong quá trình phát triển, dù tên gọi thế nào (Đảng Cộng sản hay Đảng Lao động) thì Đảng ta luôn luôn mang bản chất giai cấp công nhân. Bản chất giai cấp công nhân của Đảng thể hiện ở chỗ: mục tiêu, lý tưởng của Đảng là chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản; nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng là tập trung dân chủ;

Đảng liên hệ mật thiết với quần chúng; lấy phê bình và tự phê bình làm quy luật phát triển,...

Tuy nhiên, Đảng ta ra đời ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến, nông nghiệp lạc hậu, giai cấp công nhân còn nhỏ bé. Đảng ta ra đời không chỉ là sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân mà còn với phong trào yêu nước. Đây là đặc thù Việt Nam, là sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chính Người đã nhiều lần nói rằng Đảng ta không chỉ là Đảng của giai cấp công nhân mà còn là Đảng của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội II của Đảng (tháng 2-1951), Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "*Đảng Lao động Việt Nam phải là người lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết, trung thành của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, của nhân dân Việt Nam... Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam*"[1]. Đến tháng 1-1957, nói chuyện ở Trường cán bộ Công đoàn, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại khẳng định: "*Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời cũng là đội tiên phong của dân tộc*"[2]. Tháng 12-1961, nói chuyện với những cán bộ, đảng viên hoạt động lâu năm, Người nhắc lại: "*Đảng ta là Đảng của giai cấp, đồng thời cũng là của dân tộc*"[3]. Có lúc Người còn nói: *Đảng ta là con*

---

1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t.12, tr.37-38 *(B.T)*.

2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.8, tr.295 *(B.T)*.

3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.467 *(B.T)*.

nòi của dân tộc; lợi ích của giai cấp công nhân và của dân tộc là một.

Với tinh thần đó, Điều lệ Đảng thông qua tại Đại hội II của Đảng đã ghi: "*Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam*".

Trên thực tế, Đảng ta ra đời, tồn tại và phát triển là vì lợi ích không chỉ của giai cấp công nhân mà còn vì lợi ích của nhân dân lao động, của toàn dân tộc. Ngoài lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích nào khác. Chính vì vậy mà Đảng ta được nhân dân thương yêu, cưu mang, đùm bọc, giúp đỡ, thừa nhận là Đảng của chính mình, trìu mến gọi Đảng là "Đảng ta". Đó là vinh dự, là niềm tự hào lớn, không phải đảng nào trên thế giới cũng có được.

Vả chăng, lãnh tụ của Đảng ta - Chủ tịch Hồ Chí Minh, không chỉ là lãnh tụ của Đảng mà còn là lãnh tụ vĩ đại của nhân dân, của dân tộc. Người đã giải quyết rất sáng tạo, thành công, nhuần nhuyễn vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc; đã giương cao ngọn cờ dân tộc và giai cấp để đưa cách mạng tiến lên. Người là một chiến sĩ cộng sản kiên cường, mẫu mực, đồng thời là một nhà yêu nước nhiệt thành, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa kiệt xuất.

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, khi chúng ta nêu cao tư tưởng đại đoàn kết dân tộc, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thì càng cần phải quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc diễn đạt bản chất của Đảng, nhất là trong điều kiện Đảng ta đã trở thành đảng cầm quyền lãnh đạo cả dân tộc, được toàn dân thừa nhận là đội tiên phong lãnh đạo của nhân dân.

Vì vậy, Đoàn Chủ tịch đề nghị:

Đại hội cho ghi trong Báo cáo chính trị và trong Điều lệ Đảng: "*Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc*" (Ban Chấp hành Trung ương khóa IX biểu quyết với 78,7% số ủy viên tán thành. Đại hội cấp tỉnh, thành phố có 72% số đại biểu tán thành).

Diễn đạt như thế vừa nói lên được bản chất giai cấp công nhân của Đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin, vừa nói lên được nét đặc thù của Đảng ta theo sự phát triển sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh, phù hợp với thực tế Việt Nam và đáp ứng được nguyện vọng, tình cảm của nhân dân.

Diễn đạt như thế hoàn toàn không phải là hạ thấp bản chất giai cấp của Đảng, trượt sang quan điểm "đảng toàn dân", mà chính là hiểu bản chất giai cấp của Đảng một cách sâu sắc hơn, nhuần nhuyễn hơn. Điều đó đòi hỏi Đảng ta chẳng những phải trung thành với giai cấp công nhân, nâng cao lập trường, tư tưởng của giai cấp công nhân, mà còn phải học tập, kế thừa, phát huy truyền thống dân tộc, tăng cường đoàn kết, tập hợp nhân dân, phấn đấu vì lợi ích của cả giai cấp và dân tộc.

13. Vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân

Đa số ý kiến nhất trí cao đối với vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân. Tuy nhiên, có một số ý kiến như sau:

- Có ý kiến cho rằng đảng viên được làm kinh tế tư nhân, nhưng phải gương mẫu chấp hành đường lối của Đảng. Ý

kiến khác cho rằng, chỉ cần chấp hành pháp luật là đủ (như mọi công dân khác) và nhấn mạnh đảng viên phải đi đầu trong làm kinh tế tư nhân.

- Một số ý kiến đồng ý để đảng viên làm kinh tế tư nhân, nhưng phải có cơ chế kiểm tra, giám sát cụ thể để ngăn ngừa nguy cơ đảng viên thoái hóa, biến chất hoặc sa vào bóc lột (quan hệ chủ - thợ) làm mất tình đồng chí. Cần có quy định giới hạn cụ thể cho đảng viên làm kinh tế tư nhân và có sự giám sát của tổ chức đảng đối với đảng viên làm kinh tế tư nhân; những cán bộ đảng, chính quyền đương chức không được làm kinh tế tư nhân.

- Có ý kiến không đồng tình để đảng viên làm kinh tế tư nhân, vì như thế là trái với lập trường giai cấp công nhân, với nguyên tắc chủ nghĩa Mác - Lênin, là khuyến khích đảng viên "bóc lột", đến lúc nào đó những đảng viên này sẽ xa rời lý tưởng của Đảng.

- Có ý kiến đề nghị Trung ương cần làm rõ cơ sở lý luận của vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân, vì hiện nay các địa phương rất lúng túng trong việc giải thích chủ trương này. Có ý kiến nêu, vì sao trong Dự thảo Báo cáo chính trị trước đây ghi "đảng viên làm kinh tế tư nhân không giới hạn về quy mô", nay đến Đại hội X lại bỏ cụm từ "không giới hạn về quy mô"?

Đoàn Chủ tịch xin có ý kiến như sau:

Đảng viên làm kinh tế tư nhân là một vấn đề cụ thể nhưng rất hệ trọng, vì nó liên quan đến quan điểm, đường lối cơ bản của Đảng, được đặt ra từ nhiều năm nay. Để chuẩn bị cho việc soạn thảo văn kiện Đại hội X lần này, Trung ương đã chỉ đạo Hội đồng Lý luận Trung ương và các cơ quan

nghiên cứu khoa học nghiên cứu, tổng kết, hội thảo, trao đổi ý kiến với nhiều đồng chí lãnh đạo ở các địa phương. Riêng Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận qua 4 kỳ hội nghị. Vấn đề này cũng đã được thảo luận ở đại hội đảng bộ các cấp, được lấy ý kiến rộng rãi trong nhân dân và đã được đa số tán thành. Đó là một bước tiến quan trọng trong nhận thức của chúng ta sau 20 năm đổi mới. Tuy nhiên, như trên đã nói, đây là vấn đề rất hệ trọng, nhạy cảm, cho nên có những ý kiến khác nhau, thậm chí gay gắt là điều dễ hiểu. Sự lo lắng của một số đồng chí về sự tha hóa, biến chất của Đảng là chính đáng, rất cần lưu tâm.

Chúng ta nhận thức rằng, trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, đất nước còn nghèo, phải tập trung phát triển lực lượng sản xuất, làm ra nhiều của cải cho xã hội. Muốn thế, phải huy động mọi nguồn lực, khai thác mọi tiềm năng, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của mọi thành phần kinh tế, thực hiện khẩu hiệu "tất cả vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Đảng viên phải lãnh đạo và gương mẫu thực hiện chủ trương này, một mặt làm giàu cho bản thân và gia đình bằng lao động chính đáng của mình, mặt khác phải góp phần làm giàu cho xã hội, cho đất nước. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo, chúng ta không xem kinh tế tư nhân là gắn với chủ nghĩa tư bản, mà lãnh đạo kinh tế tư nhân phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, đảng viên có thể làm kinh tế tư nhân trên cơ sở gương mẫu chấp hành luật pháp, chính sách của Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng và quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Thực tế hiện nay số đảng viên làm chủ doanh nghiệp tư nhân ở nước ta còn ít, quy mô rất nhỏ bé. Phần đông họ là những cán bộ, đảng viên đã từng làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước nay về hưu, về nghỉ mất sức, hoặc là bộ đội xuất ngũ, công an chuyển ngành, đã được Đảng và Nhà nước đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ. Hầu hết đều gương mẫu chấp hành Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước. Nhìn chung, dư luận xã hội hiện nay chưa có băn khoăn nhiều về việc đảng viên làm chủ doanh nghiệp tư nhân. Vì những đảng viên đó đã giải quyết công ăn việc làm cho dân, đã làm tăng của cải cho xã hội, đã đóng góp cho ngân sách nhà nước, đã đối xử tốt với người lao động. Vả lại, theo luật pháp hiện hành, những cán bộ, đảng viên trong biên chế nhà nước, tại chức, tại ngũ không được làm chủ doanh nghiệp tư nhân, nên không đến nỗi quá lo về việc đảng viên là chủ doanh nghiệp tư nhân lợi dụng cương vị, chức quyền để thu vén cho doanh nghiệp tư nhân của mình (nếu có người làm chui, làm ngầm là họ vi phạm pháp luật). Chúng ta cho đảng viên làm kinh tế tư nhân, nhưng với những quy định bảo đảm vừa phát huy khả năng làm kinh tế của đảng viên vừa giữ được tư cách đảng viên, không làm biến chất Đảng. Đảng viên làm kinh tế tư nhân không chỉ làm theo pháp luật của Nhà nước như một công dân bình thường, mà còn phải làm theo nghĩa vụ, trách nhiệm của đảng viên, phải chấp hành Điều lệ và những quy định cụ thể của Đảng.

Tại Hội nghị Trung ương 12, khóa IX, Dự thảo Báo cáo chính trị ghi: "Đảng viên làm kinh tế tư nhân không giới hạn về quy mô..." là vì khi đó, phân định các thành phần

kinh tế ở nước ta gồm: "kinh tế nhà nước; kinh tế tập thể; kinh tế cá thể, tiểu chủ; kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài". Đến Hội nghị Trung ương 13, các thành phần kinh tế được phân định như sau: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Với cách phân định này, *kinh tế tư nhân* đã bao gồm cả kinh tế tư bản tư nhân, do đó, việc ghi "không giới hạn về quy mô" không còn cần thiết nữa.

Những quy định cụ thể đối với đảng viên làm kinh tế tư nhân sẽ do Ban Chấp hành Trung ương khóa X ban hành. Dự kiến những quy định đó có thể là:

- Đảng viên không thuộc phạm vi điều chỉnh của Pháp lệnh công chức và Luật phòng, chống tham nhũng; đảng viên không ở trong biên chế của hệ thống chính trị (Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội), không tại ngũ quân đội và công an.

- Phải trực tiếp tham gia lao động: lao động chân tay, lao động quản lý, lao động điều hành sản xuất, lao động kỹ thuật ở doanh nghiệp do đảng viên làm chủ.

- Gương mẫu chấp hành Điều lệ Đảng, các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có quan hệ bình đẳng, thân ái, tôn trọng người lao động, thực hiện phân phối dân chủ, công bằng theo kết quả lao động và mức đóng góp vốn, thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội đối với người lao động; tham gia các hoạt động công ích và xã hội.

- Tạo điều kiện cho các tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp của mình hoạt động thuận lợi.

- Giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống lành mạnh; giáo dục những người thân trong gia đình chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Khi có điều kiện, tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp của mình để công nhân mua cổ phần và tham gia quản lý doanh nghiệp.

- Chịu sự kiểm tra, giám sát và quản lý của tổ chức đảng nơi mình sinh hoạt và nơi cư trú.

Vì vậy, Đoàn Chủ tịch xin kiến nghị:

Đại hội cho khẳng định chủ trương: "*Đảng viên làm kinh tế tư nhân phải gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng và quy định của Ban Chấp hành Trung ương*" (Ban Chấp hành Trung ương khóa IX biểu quyết với 88,35% số ủy viên tán thành. Đại hội đảng bộ cấp tỉnh, thành phố có 85% số đại biểu tán thành).

14. Về một số vấn đề bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng

- *Về sinh hoạt định kỳ của đảng bộ:* Có ý kiến đề nghị nghiên cứu vấn đề này để quy định linh hoạt hơn; các doanh nghiệp thực hiện như dự thảo thì sẽ rất khó khăn.

Đoàn Chủ tịch cho rằng:

Việc quy định sinh hoạt định kỳ của đảng bộ mỗi năm hai lần là nhằm mục đích tăng cường vai trò kiểm tra của đảng bộ đối với hoạt động của cấp ủy; tổ chức đảng và đảng viên nắm được đầy đủ thông tin của đảng bộ để đóng góp xây dựng Đảng, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Đây là nguyện vọng của đa số đảng viên, đã được đa số ý kiến tại đại hội đảng bộ các cấp đồng tình. Sau Đại

hội, Bộ Chính trị khóa X sẽ quy định cụ thể, có sự vận dụng cho các đảng bộ cơ sở có tính đặc thù (quá đông đảng viên, hoạt động phân tán...) phù hợp với đặc điểm của mỗi đảng bộ.

Vì vậy, Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội:

Cho giữ như Dự thảo Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi).

- *Về đề nghị* bổ sung quy định: "Cấp trên cách một cấp của cấp ra quyết định kỷ luật là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng". Nếu giữ như Điều lệ Đảng khóa IX thì khiếu nại dồn lên Trung ương, Bộ Chính trị giải quyết không xuể.

Đoàn Chủ tịch đề nghị:

Đại hội cho giữ như Điều lệ Đảng hiện hành, vì vấn đề này đã được đa số ý kiến tại đại hội đảng bộ các cấp nhất trí; có như vậy mới bảo đảm thực sự phát huy dân chủ trong Đảng.

- *Về đề nghị Đại hội bầu Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương:*

Đoàn Chủ tịch nhận thấy:

Việc Đại hội bầu Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương là vấn đề mới, hệ trọng, cần được nghiên cứu, cân nhắc kỹ. Nếu Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đều do Đại hội bầu, thì có nghĩa: trách nhiệm, quyền hạn và mối quan hệ của các cơ quan này sẽ thay đổi, nhưng hiện nay chúng ta chưa nghiên cứu, tổng kết đầy đủ. Khi cần bổ sung Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương do khuyết thì phải triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc.

Ngay chủ trương đại hội đảng bộ xã, phường, thị trấn bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, Ban Chấp hành Trung ương khóa IX đã thảo luận và tổ chức lấy ý kiến tại đại hội

đảng bộ các cấp, tuy được đa số ý kiến đồng tình nhưng vẫn còn có không ít ý kiến đề nghị cần cân nhắc kỹ, làm thí điểm, tổng kết rút kinh nghiệm.

Vì vậy, Đoàn Chủ tịch xin đề nghị:

Đại hội giao cho Ban Chấp hành Trung ương khóa X chỉ đạo nghiên cứu kỹ vấn đề này để trình Đại hội XI.

15. Về báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX

Trong quá trình thảo luận, hầu hết ý kiến đại biểu đồng tình với nội dung Báo cáo, cho rằng Ban Chấp hành Trung ương đã kiểm điểm sâu sắc, toàn diện, thể hiện được tinh thần tự phê bình và phê bình nghiêm túc trước Đảng và nhân dân.

Những ý kiến đóng góp của đại biểu vào Báo cáo kiểm điểm chủ yếu đề nghị thêm bớt, chỉnh sửa nội dung hoặc câu chữ để làm rõ hơn, sâu sắc hơn một số nhận định về ưu điểm, khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong nhiệm kỳ qua.

Đoàn Chủ tịch xin đề nghị:

Đại hội giao cho Đoàn Chủ tịch chỉ đạo tiếp thu để chỉnh lý, hoàn chỉnh Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX.

16. Về biểu quyết một số vấn đề trong các văn kiện trình Đại hội X

Vừa qua Đoàn Chủ tịch đã gửi xin ý kiến đại biểu về dự thảo Phiếu biểu quyết các văn kiện trình Đại hội X. Đoàn Chủ tịch đã nhận được 1.093 ý kiến của các đại biểu tham

gia. Có 846 ý kiến (77,4%) hoàn toàn nhất trí với Dự thảo; 247 ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung một số điểm cụ thể trong các vấn đề dự kiến đưa ra biểu quyết. Đó hầu hết là những điểm đã được nêu ra ở đại hội các cấp và đã được Ban Chấp hành Trung ương khóa IX thảo luận, tiếp thu, chỉ đạo hoàn chỉnh văn kiện trình Đại hội.

Vì vậy, Đoàn Chủ tịch xin đề nghị:

Đại hội cho giữ như dự thảo Phiếu biểu quyết để lấy biểu quyết tại Đại hội.

Xin kính trình Đại hội xem xét, quyết định.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.312-366.

DANH SÁCH
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

I- ỦY VIÊN CHÍNH THỨC

1.	Hoàng Tuấn Anh	Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch
2.	Lê Hồng Anh	Đại tướng, Bộ trưởng Bộ Công an
3.	Lê Thị Thu Ba	Thứ trưởng Bộ Tư pháp
4.	Lê Thị Bân	Bí thư Tỉnh ủy Tây Ninh
5.	Huỳnh Văn Be	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre
6.	Trịnh Long Biên	Bí thư Tỉnh ủy Điện Biên
7.	Nguyễn Thái Bình	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh
8.	Trương Hòa Bình	Thiếu tướng, Thứ trưởng Bộ Công an
9.	Võ Thanh Bình	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau

10.	Đào Xuân Cần	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang
11.	Nguyễn Văn Chi	Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa IX
12.	Nguyễn Văn Chiền	Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước
13.	Võ Minh Chiến	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Sóc Trăng
14.	Vũ Tiến Chiến	Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Tây Bắc
15.	Phạm Thị Hải Chuyền	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa IX
16.	Trần Thị Kim Cúc	Bí thư Tỉnh ủy Tiền Giang
17.	Nguyễn Thành Cung	Thiếu tướng, Chính ủy Quân khu 7
18.	Hoàng Xuân Cừ	Trưởng ban Nghiên cứu của Bộ Chính trị về an ninh quốc gia
19.	Đinh Văn Cương	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam
20.	Hà Hùng Cường	Bí thư Tỉnh ủy Quảng Bình
21.	Nguyễn Quốc Cường	Trưởng Ban Tài chính - Quản trị Trung ương

22.	Nguyễn Thị Doan	Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa IX, Phó Bí thư Đảng ủy khối I cơ quan Trung ương
23.	Ngô Văn Dụ	Chánh Văn phòng Trung ương Đảng
24.	Đào Ngọc Dung	Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
25.	Bùi Tiến Dũng	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình
26.	Hồ Nghĩa Dũng	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
27.	Lê Văn Dũng	Thượng tướng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị
28.	Nguyễn Tấn Dũng	Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ
29.	Trịnh Đình Dũng	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc
30.	Mai Thế Dương	Bí thư Tỉnh ủy Bắc Kạn
31.	Huỳnh Đảm	Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
32.	Trần Đình Đàn	Bí thư Tỉnh ủy Hà Tĩnh

33.	Chu Văn Đạt	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định
34.	Phan Tấn Đạt	Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu
35.	Nguyễn Văn Đẳng	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng
36.	Huỳnh Minh Đoàn	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp
37.	Nguyễn Văn Được	Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng
38.	Nguyễn Văn Giàu	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận
39.	Vũ Hoàng Hà	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định
40.	Hoàng Trung Hải	Bộ trưởng Bộ Công nghiệp
41.	Lê Thanh Hải	Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
42.	Trần Lưu Hải	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình

43.	Nguyễn Đức Hạt	Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương
44.	Trần Văn Hằng	Phó Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương, Bí thư Ban Cán sự Đảng ngoài nước
45.	Hà Văn Hiền	Bí thư Tỉnh ủy Hà Tây
46.	Vũ Văn Hiền	Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam
47.	Nguyễn Văn Hiến	Phó Đô đốc, Tư lệnh Quân chủng Hải quân
48.	Vũ Văn Hiến	Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam
49.	Phùng Quốc Hiển	Bí thư Tỉnh ủy Yên Bái
50.	Nguyễn Văn Hiện	Chánh án Tòa án nhân dân tối cao
51.	Đặng Văn Hiếu	Thiếu tướng, Thứ trưởng Bộ Công an
52.	Nguyễn Huy Hiệu	Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng
53.	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
54.	Phương Minh Hòa	Thiếu tướng, Chính ủy Quân chủng Phòng không - Không quân
55.	Vũ Ngọc Hoàng	Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam

56.	Vũ Huy Hoàng	Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn
57.	Lê Doãn Hợp	Phó Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương
58.	Bùi Văn Huấn	Trung tướng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị
59.	Vương Đình Huệ	Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước
60.	Đinh Văn Hùng	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình
61.	Nguyễn Sinh Hùng	Bộ trưởng Bộ Tài chính
62.	Phạm Xuân Hùng	Trung tướng, Phó Giám đốc Thường trực Học viện Quốc phòng
63.	Võ Đức Huy	Phó Trưởng ban Thường trực Ban Kinh tế Trung ương, Bí thư Đảng ủy khối cơ quan Kinh tế Trung ương
64.	Đinh Thế Huynh	Tổng Biên tập báo Nhân Dân, Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam
65.	Nguyễn Tấn Hưng	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước
66.	Nguyễn Văn Hưởng	Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Công an

67.	Nguyễn Tuấn Khanh	Phó Trưởng Ban Nội chính Trung ương, Bí thư Đảng ủy khối cơ quan Nội chính Trung ương
68.	Trương Quang Khánh	Trung tướng, Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật
69.	Phạm Gia Khiêm	Phó Thủ tướng Chính phủ
70.	Hà Thị Khiết	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
71.	Nguyễn Đức Kiên	Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế và Ngân sách của Quốc hội
72.	Phan Trung Kiên	Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng
73.	Vũ Trọng Kim	Phó Trưởng ban Thường trực Ban Dân vận Trung ương, Bí thư Đảng ủy khối cơ quan Dân vận Trung ương
74.	Ngô Xuân Lịch	Thiếu tướng, Chính ủy Quân khu 3
75.	Đào Tấn Lộc	Bí thư Tỉnh ủy Phú Yên
76.	Nguyễn Văn Lợi	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa
77.	Uông Chu Lưu	Bộ trưởng Bộ Tư pháp

78.	Trương Thị Mai	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, giáo dục thanh niên, thiếu niên và nhi đồng của Quốc hội
79.	Hồ Xuân Mãn	Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên - Huế
80.	Vi Văn Mạn	Thiếu tướng, Chính ủy Quân khu 1
81.	Nông Đức Mạnh	Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương khóa IX
82.	Đặng Vũ Minh	Chủ tịch Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
83.	Nguyễn Tuấn Minh	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
84.	Đỗ Hoài Nam	Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam
85.	Mai Văn Năm	Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Tây Nguyên
86.	Nguyễn Thị Kim Ngân	Thứ trưởng Bộ Thương mại
87.	Phạm Quang Nghị	Bộ trưởng Bộ Văn hóa thông tin
88.	Lê Hữu Nghĩa	Tổng Biên tập tạp chí Cộng sản, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương

89.	Nguyễn Khắc Nghiên	Trung tướng, Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam
90.	Phạm Khôi Nguyên	Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường
91.	Huỳnh Thị Nhân	Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội
92.	Nguyễn Thiện Nhân	Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
93.	Hoàng Minh Nhất	Bí thư Tỉnh ủy Hà Giang
94.	Hà Sơn Nhin	Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai
95.	Vũ Văn Ninh	Thứ trưởng Bộ Tài chính
96.	Nguyễn Thị Nương	Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng, Phó Chủ tịch kiêm nhiệm Hội đồng Dân tộc của Quốc hội
97.	Nguyễn Đình Phách	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên
98.	Cao Đức Phát	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
99.	Mai Quang Phấn	Thiếu tướng, Chính ủy Quân khu 4
100.	Hoàng Văn Phong	Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

101.	Tòng Thị Phóng	Trưởng Ban Dân vận Trung ương
102.	Phùng Hữu Phú	Phó Bí thư Thường trực Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội
103.	Lê Hữu Phúc	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị
104.	Nguyễn Xuân Phúc	Phó Tổng Thanh tra Chính phủ
105.	Võ Hồng Phúc	Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
106.	Giàng Seo Phử	Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương
107.	Ksor Phước	Bộ trưởng - Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc
108.	Nguyễn Minh Quang	Bí thư Tỉnh ủy Lai Châu
109.	Nguyễn Phong Quang	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang
110.	Trần Đại Quang	Thiếu tướng, Thứ trưởng Bộ Công an
111.	Hoàng Bình Quân	Bí thư Tỉnh ủy Tuyên Quang
112.	Lê Hoàng Quân	Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh

113.	Nguyễn Việt Quân	Thiếu tướng, Chính ủy Quân khu 9
114.	Nguyễn Hồng Quân	Bộ trưởng Bộ Xây dựng
115.	Nguyễn Tấn Quyên	Bí thư Thành ủy thành phố Cần Thơ
116.	Bùi Thanh Quyến	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương
117.	Nguyễn Văn Quynh	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh
118.	Tô Huy Rứa	Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
119.	Trương Tấn Sang	Trưởng ban Kinh tế Trung ương
120.	Trương Văn Sáu	Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long
121.	Nguyễn Bắc Son	Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên
122.	Nguyễn Văn Son	Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương, Bí thư Đảng ủy khối cơ quan Đối ngoại Trung ương
123.	Huỳnh Ngọc Sơn	Trung tướng, Tư lệnh Quân khu 5
124.	Sơn Song Sơn	Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Dân tộc

125.	Thào Xuân Sùng	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La
126.	Tạ Ngọc Tấn	Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
127.	Nguyễn Bá Thanh	Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng
128.	Phùng Quang Thanh	Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam
129.	Trần Đình Thành	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai
130.	Nguyễn Thế Thảo	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh
131.	Đinh La Thăng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam
132.	Đào Trọng Thi	Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội
133.	Phạm Văn Thọ	Trưởng Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương, Bí thư Đảng ủy khối I cơ quan Trung ương

134.	Nguyễn Văn Thuận	Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng
135.	Niê Thuật	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk
136.	Lê Đức Thúy	Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
137.	Lê Thế Tiệm	Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Công an
138.	Trương Văn Tiếp	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Long An
139.	Nguyễn Khánh Toàn	Thượng tướng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Công an
140.	Huỳnh Phong Tranh	Phó Trưởng Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ
141.	Nguyễn Minh Triết	Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh
142.	Nguyễn Quốc Triệu	Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội
143.	Nguyễn Phú Trọng	Bí thư Thành ủy Thành phố Hà Nội, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương
144.	Trương Vĩnh Trọng	Trưởng Ban Nội chính Trung ương
145.	Mai Thế Trung	Bí thư Tỉnh ủy Bình Dương

146.	Nguyễn Thế Trung	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An
147.	Trần Văn Truyền	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa IX
148.	Trần Văn Tuấn	Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương
149.	Trương Quốc Tuấn	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang
150.	Đặng Ngọc Tùng	Phó Chủ tịch Thường trực Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
151.	Phạm Minh Tuyên	Phó Trưởng ban Thường trực Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương
152.	Nguyễn Văn Tự	Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa
153.	Huỳnh Văn Tý	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận
154.	Đỗ Bá Tỵ	Thiếu tướng, Phó Tư lệnh - Tham mưu trưởng Quân khu 2
155.	Y Vêng	Bí thư Tỉnh ủy Kon Tum
156.	Hồ Đức Việt	Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học - Công nghệ và Môi trường của Quốc hội

157.	Nguyễn Hoàng Việt	Bí thư Tỉnh ủy An Giang
158.	Bùi Quang Vinh	Bí thư Tỉnh ủy Lào Cai
159.	Ngô Đức Vượng	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ
160.	Trần Quốc Vượng	Phó Chánh Văn phòng Thường trực Văn phòng Trung ương Đảng

II- ỦY VIÊN DỰ KHUYẾT

1.	Phan Thanh Bình	Thành ủy viên, Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
2.	Đỗ Văn Chiến	Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang
3.	Mai Văn Chính	Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Thủ Thừa, tỉnh Long An
4.	Phạm Biên Cương	Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Tịnh Biên, tỉnh An Giang
5.	Phan Xuân Dũng	Viện trưởng Viện ứng dụng công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ
6.	Võ Văn Dũng	Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thị ủy thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

7.	Vũ Đức Đam	Thứ trưởng Bộ Bưu chính - Viễn thông
8.	Bùi Thị Minh Hoài	Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy Hà Nam
9.	Điểu Kré	Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đắk Nông
10.	Hầu A Lềnh	Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai
11.	Nguyễn Hồng Lĩnh	Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
12.	Trần Thanh Mẫn	Thường vụ Thành ủy, Bí thư Quận ủy Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
13.	Phạm Bình Minh	Vụ trưởng Vụ Các tổ chức quốc tế - Bộ Ngoại giao
14.	Võ Văn Phuông	Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thị ủy thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
15.	Nguyễn Xuân Quang	Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thành ủy thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
16.	Nguyễn Thanh Sơn	Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Huyện ủy Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

17.	Đặng Thị Ngọc Thịnh	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, gia đình và trẻ em
18.	Võ Văn Thưởng	Thành ủy viên, Bí thư Quận ủy Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
19.	Nguyễn Thị Kim Tiến	Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh
20.	Trần Cẩm Tú	Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
21.	Triệu Tài Vinh	Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ NHẤT
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X*

Số 01-NQ/TW, ngày 25 tháng 4 năm 2006

Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X họp ngày 24-4-2006 tại Hà Nội để bầu Bộ Chính trị, Tổng Bí thư, Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương và đã quyết nghị thông qua kết quả bầu cử như sau:

I- Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X gồm 14 đồng chí:

1. Đồng chí Nông Đức Mạnh
2. Đồng chí Lê Hồng Anh
3. Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng
4. Đồng chí Nguyễn Minh Triết
5. Đồng chí Trương Tấn Sang
6. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng
7. Đồng chí Phạm Gia Khiêm

---

* Tài liệu này được sắp xếp liền sau tài liệu Danh sách Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X để độc giả tiện theo dõi *(B.T)*.

8. Đồng chí Phùng Quang Thanh
9. Đồng chí Trương Vĩnh Trọng
10. Đồng chí Lê Thanh Hải
11. Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng
12. Đồng chí Nguyễn Văn Chi
13. Đồng chí Hồ Đức Việt
14. Đồng chí Phạm Quang Nghị

II- Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X:

Đồng chí Nông Đức Mạnh

III- Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa X gồm 8 đồng chí, trong đó 3 đồng chí do Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu:

1. Đồng chí Lê Văn Dũng
2. Đồng chí Tòng Thị Phóng
3. Đồng chí Tô Huy Rứa

Giao Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X phân công 5 đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị tham gia Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa X.

IV- Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng gồm 14 đồng chí:

1. Đồng chí Nguyễn Văn Chi
2. Đồng chí Nguyễn Thị Doan
3. Đồng chí Trần Văn Truyền
4. Đồng chí Phạm Thị Hải Chuyền
5. Đồng chí Trần Hòa

6. Đồng chí Phạm Chí Hòa
7. Đồng chí Phạm Thị Hòe
8. Đồng chí Lê Hồng Liêm
9. Đồng chí Lê Văn Giảng
10. Đồng chí Nguyễn Văn Đảm
11. Đồng chí Sa Như Hòa
12. Đồng chí Nguyễn Minh Quang
13. Đồng chí Bùi Văn Thể
14. Đồng chí Tô Quang Thu

V- Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng khóa X:

Đồng chí Nguyễn Văn Chi

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam họp từ ngày 18-4-2006 đến ngày 25-4-2006 tại Thủ đô Hà Nội.

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 và Báo cáo về công tác xây dựng Đảng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX trình Đại hội; giao Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X căn cứ vào kết quả biểu quyết và những kết luận của Đại hội để hoàn chỉnh và chính thức ban hành.

2. Thông qua toàn văn Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam đã được bổ sung, sửa đổi.

3. Giao Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X và các cấp ủy, tổ chức đảng xây dựng chương trình và kế hoạch hành động cụ thể để tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối và những chủ trương đã nêu trong các văn kiện Đại hội.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, phát huy truyền thống vẻ vang của toàn Đảng, toàn dân tộc, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, năng động và sáng tạo, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, thực hiện "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2006
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ X ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.367-368.

DIỄN VĂN BẾ MẠC
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Do đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, đọc ngày 25 tháng 4 năm 2006)

Thưa Đoàn Chủ tịch Đại hội,
Thưa các đồng chí, các vị khách quý,
Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội

Sau những ngày làm việc tích cực, nghiêm túc, với tinh thần trách nhiệm cao trước Đảng và nhân dân, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã hoàn thành toàn bộ chương trình đề ra.

Đại hội đã thảo luận và thông qua các văn kiện quan trọng: Báo cáo chính trị; Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010; Báo cáo công tác xây dựng Đảng và Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi).

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm những đồng chí tiêu biểu cho 3,1 triệu đảng viên, có đủ tiêu chuẩn, phẩm chất và năng lực để gánh vác những trọng trách do Đảng và nhân dân giao phó.

Thưa các đồng chí,

Các văn kiện được thông qua tại Đại hội lần này là kết tinh trí tuệ và ý chí của toàn Đảng, toàn dân ta, là sự tổng kết sâu sắc thực tiễn và lý luận 20 năm đổi mới để tiếp tục hoàn thiện và phát triển đường lối, quan điểm đổi mới trong giai đoạn cách mạng hiện nay của nước ta.

Đại hội biểu thị quyết tâm to lớn của Đảng ta, trong những năm tới, lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân và toàn quân phấn đấu "nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển", tạo nền tảng đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nhằm mục tiêu cao cả đó, Đại hội đã thông qua những quyết sách quan trọng trên tất cả các lĩnh vực cơ bản và trọng yếu của sự nghiệp phát triển đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; thông qua những nhiệm vụ to lớn nhằm tiếp tục đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao tầm trí tuệ, bản lĩnh chính trị và đạo đức, xây dựng Đảng ta thực sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đoàn kết nhất trí cao, gắn bó mật thiết với nhân dân, có phương thức lãnh đạo khoa học, có đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất và năng lực. Chúng ta đặc biệt coi trọng các biện pháp có hiệu quả nhằm phát huy cao nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng sự vững mạnh của toàn bộ hệ thống chính trị, đẩy mạnh đồng bộ cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi các tệ nạn này, làm lành mạnh tổ chức và bộ máy của chúng ta. Chúng ta nhất quyết tạo nên một sự chuyển biến

rõ rệt và đạt tới chất lượng cao hơn trong việc thực hiện nhiệm vụ then chốt xây dựng Đảng, làm cho Đảng ta luôn xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc.

Với những kết quả nêu trên, chúng ta vui mừng báo cáo với toàn Đảng, toàn dân: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam đã thành công tốt đẹp.

Thưa các đồng chí,

Tại Đại hội X của Đảng, nhiều đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa IX không tái ứng cử vào Ban Chấp hành Trung ương khóa X, tạo điều kiện để trẻ hóa cơ quan lãnh đạo của Đảng trong nhiệm kỳ mới. Đại hội đánh giá cao những cống hiến vừa qua của các đồng chí. Xin chúc các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc và tiếp tục đóng góp năng lực, trí tuệ, kinh nghiệm của mình cho sự nghiệp của Đảng, của nhân dân.

Ban Chấp hành Trung ương khóa X được Đại hội bầu, trao cho trọng trách trước Đảng, trước nhân dân, nguyện đem hết sức mình, đồng tâm hiệp lực, phấn đấu không ngừng nâng cao bản lĩnh, trí tuệ, phẩm chất đạo đức, cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội.

Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh và chân thành cảm ơn các đồng chí lão thành cách mạng, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các nhân sĩ, trí thức, các vị chức sắc tôn giáo, đồng bào, chiến sĩ cả nước và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài,

với tình cảm và ý thức trách nhiệm trước Đảng và trước dân tộc, đã tâm huyết, chân thành, thẳng thắn đóng góp trí tuệ xây dựng các văn kiện Đại hội, ra sức thi đua lập nhiều thành tích chào mừng Đại hội và đã gửi đến Đại hội nhiều thư, điện chúc mừng nồng nhiệt.

Đại hội chân thành cảm ơn các đảng cộng sản và công nhân, các đảng cầm quyền của các nước, các tổ chức quốc tế đã gửi điện chúc mừng đến Đại hội, biểu thị những tình cảm đoàn kết hữu nghị tốt đẹp đối với Đảng ta và nhân dân ta.

Đại hội chân thành cảm ơn các cơ quan thông tấn, báo chí trong và ngoài nước đã đến dự và đưa tin kịp thời về Đại hội.

Đại hội biểu dương và cảm ơn toàn thể cán bộ, chiến sĩ, công nhân, viên chức đã tận tụy làm tốt công tác phục vụ Đại hội, góp phần tích cực vào thành công của Đại hội.

Thưa các đồng chí,

Thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng cổ vũ mạnh mẽ toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta tiến lên tranh thủ cơ hội, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ hơn, phát triển với tốc độ nhanh hơn và bền vững hơn. Ngay sau Đại hội, các tổ chức đảng phải tổ chức tốt việc nghiên cứu, quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm mà Đại hội đã thông qua, tổ chức tuyên truyền rộng rãi trong toàn Đảng, toàn dân về kết quả của Đại hội và có kế hoạch cụ thể để đưa Nghị quyết vào cuộc sống, biến Nghị quyết thành hành động cách mạng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ và

có hiệu quả cao trong mọi lĩnh vực ngay từ những tháng đầu, năm đầu của kế hoạch 5 năm (2006 - 2010).

Đại hội kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, đồng bào ta ở trong cũng như ở ngoài nước, tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng, của dân tộc, nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, ra sức thi đua thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển và tiến mạnh trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Với niềm tin tưởng sâu sắc vào tương lai của đất nước, tôi xin long trọng tuyên bố bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm!

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm!

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.369-374.

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 01-CT/TW, ngày 25 tháng 5 năm 2006

Về việc nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã thành công tốt đẹp. Đại hội đã đề ra các quan điểm, chủ trương, đường lối, nhiệm vụ, mục tiêu lớn về xây dựng và bảo vệ đất nước, xây dựng Đảng trong 5 năm tới (2006 - 2010). Các cấp ủy, tổ chức đảng ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị phải làm tốt việc nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội theo các mục đích, yêu cầu và nội dung sau:

1. Mục đích

Tạo sự thống nhất cao trong nhận thức, tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân về các quan điểm, chủ trương,

---

* Tài liệu này được sắp xếp liền sau tài liệu Diễn văn bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam để độc giả tiện theo dõi *(B.T)*.

đường lối, mục tiêu, nhiệm vụ nêu trong Nghị quyết, trên cơ sở đó xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết một cách tích cực, sáng tạo, phù hợp với điều kiện cụ thể của ngành, địa phương, đơn vị mình và tạo ra phong trào thi đua sôi nổi, mạnh mẽ trong toàn Đảng, toàn dân quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết đã đề ra.

2. Yêu cầu

- Việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt trong cán bộ, đảng viên và tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân phải thực sự đổi mới, thiết thực, tập trung vào những nội dung cơ bản, đặc biệt là những vấn đề mới trong Nghị quyết, không dàn trải.

- Việc nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết ở các cấp do cấp ủy cùng cấp tổ chức với sự chỉ đạo, hướng dẫn của cấp ủy cấp trên và phải gắn với việc xây dựng, thảo luận và quyết định chương trình hành động thực hiện nghị quyết của ngành, địa phương, đơn vị một cách sáng tạo, thiết thực, cụ thể, không phô trương, hình thức.

- Cùng với tổ chức nghiên cứu, quán triệt sâu cho cán bộ, đảng viên trong các tổ chức đảng, cần đẩy mạnh việc tuyên truyền rộng rãi Nghị quyết Đại hội X của Đảng trên các phương tiện thông tin đại chúng cho đông đảo các tầng lớp nhân dân trong nước, đồng bào ta ở nước ngoài và bạn bè quốc tế.

3. Nội dung

- Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương căn cứ Chỉ thị của Bộ Chính trị chủ trì:

+ Ban hành kế hoạch hướng dẫn và phối hợp với các cơ quan có liên quan biên soạn tài liệu phục vụ việc nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền, *tập trung làm rõ những nội dung cơ bản, những điểm mới của Nghị quyết* để thực hiện thống nhất trong toàn Đảng.

+ Phối hợp với Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ quan có liên quan mở lớp nghiên cứu quán triệt Nghị quyết cho các đối tượng: lãnh đạo các ban tuyên giáo, báo cáo viên của các tỉnh ủy, thành ủy và các đảng ủy trực thuộc Trung ương; lãnh đạo các cơ quan báo chí, xuất bản ở Trung ương; lãnh đạo các hội văn học nghệ thuật và các trí thức tiêu biểu ở Trung ương; đội ngũ giáo viên chính trị các học viện, các trường đại học, cao đẳng trong cả nước.

Các lớp do Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương phối hợp với Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ quan có liên quan tổ chức hoàn thành trước ngày 30-8-2006.

+ Chỉ đạo các cơ quan báo chí, các phương tiện thông tin đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân và các hoạt động thông tin đối ngoại về các nội dung cơ bản của Nghị quyết.

- Các tỉnh ủy, thành ủy, các đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy các cơ quan, đơn vị căn cứ vào Nghị quyết Đại hội và hướng dẫn của cấp ủy cấp trên *chủ động xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết* phù hợp với điều kiện cụ thể của ngành, địa phương, đơn vị mình và tổ chức việc nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết gắn với thảo luận, thông qua chương trình hành động, phát động các phong

trào thi đua thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết đã đề ra.

Việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết và thông qua chương trình hành động của các tỉnh ủy, thành ủy và cấp tương đương hoàn thành trước ngày 30-9-2006; của các quận ủy, huyện ủy và tương đương hoàn thành trước ngày 30-10-2006; của các đảng bộ xã, phường, thị trấn và cơ sở hoàn thành trước ngày 30-11-2006.

- Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội, các ban đảng theo chức năng, nhiệm vụ của mình quán triệt các quan điểm, chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ nêu trong Nghị quyết vào chương trình công tác của cơ quan để triển khai kịp thời và tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết.

Các ban của Trung ương Đảng theo chức năng, nhiệm vụ của mình giúp Bộ Chính trị theo dõi việc thực hiện chỉ thị.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 01-QĐ/TW, ngày 8 tháng 5 năm 2006

Thành lập Tổ Biên tập xây dựng Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ yêu cầu công tác,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ Biên tập xây dựng Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X do đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư phụ trách. Tổ Biên tập gồm đại diện lãnh đạo các cơ quan:

1. Văn phòng Trung ương
2. Ban Tổ chức Trung ương
3. Ủy ban Kiểm tra Trung ương
4. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương
5. Ban Kinh tế Trung ương
6. Ban Đối ngoại Trung ương

Điều 2. Tổ Biên tập có nhiệm vụ: xây dựng kế hoạch, tổ chức khảo sát, nghiên cứu và dự thảo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X để báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định trình Ban Chấp hành Trung ương.

Điều 3. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cấp kinh phí phục vụ cho việc xây dựng Quy chế làm việc này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 01-TB/TW, ngày 16 tháng 5 năm 2006

Về dự án Luật hàng không dân dụng Việt Nam (sửa đổi)

Tại phiên họp ngày 12-5-2006, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo (Tờ trình số 304/ĐĐQH11, ngày 5-5-2006) và ý kiến của các cơ quan hữu quan về một số vấn đề trong dự án Luật hàng không dân dụng Việt Nam (sửa đổi), Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Tán thành sửa đổi, bổ sung toàn diện Luật hàng không dân dụng Việt Nam, nhằm góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hàng không dân dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực này và bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia.

2. Về phạm vi điều chỉnh, Luật này cần quy định rõ hoạt động về hàng không dân dụng, bao gồm các quy định về tàu bay, cảng hàng không, sân bay, nhân viên hàng không, quản lý hoạt động sân bay, vận chuyển hàng không, an ninh hàng không, trách nhiệm dân sự, hoạt động hàng không chung và các hoạt động khác có liên quan đến hàng không dân dụng. Không quy định về hoạt động của tàu bay công vụ.

3. Về nội dung quản lý nhà nước về hàng không dân dụng, cần quy định cụ thể trách nhiệm của một số bộ, ngành

hữu quan trong cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành có liên quan trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hàng không dân dụng, để bảo đảm an ninh, an toàn và hiệu quả trong hoạt động hàng không dân dụng.

4. Về quản lý đất đai tại cảng hàng không, sân bay, cần phải có một cơ quan quản lý thống nhất trên toàn bộ phạm vi cảng hàng không, sân bay để bảo đảm an toàn, an ninh, hiệu quả khai thác và phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành. Giao cho cảng vụ hàng không quản lý đất đai tại cảng hàng không, sân bay, bao gồm đất để xây dựng sân bay, nhà ga và các công trình cần thiết phục vụ cho hoạt động hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay như quy định của dự thảo luật.

5. Việc quy định nghĩa vụ người vận chuyển, đối với hành khách nhằm bảo đảm lợi ích của người sử dụng dịch vụ vận chuyển hàng không là cần thiết, nhưng cần phải cân nhắc kỹ nội dung các quy định cụ thể cho phù hợp với điều kiện, khả năng thực tế của các doanh nghiệp vận chuyển hàng không ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt là vấn đề bồi thường vật chất cho hành khách.

6. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo trên, Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo hoàn chỉnh dự luật trình Quốc hội. Trong quá trình Quốc hội thảo luận, nếu thấy có vấn đề gì cần thiết, Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Bộ Chính trị trước khi Quốc hội thông qua.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 02-TB/TW, ngày 16 tháng 5 năm 2006

Về dự án Luật kinh doanh bất động sản

Tại phiên họp ngày 12-5-2006, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo (Tờ trình số 304/ĐĐQH11, ngày 5-5-2006) và ý kiến của các cơ quan hữu quan về một số vấn đề trong dự án Luật kinh doanh bất động sản, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Tán thành trình Quốc hội xem xét thông qua Luật kinh doanh bất động sản, nhằm tiếp tục hoàn thiện thể chế pháp luật về kinh doanh bất động sản; nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực này; đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Về phạm vi điều chỉnh, Luật này điều chỉnh các hoạt động kinh doanh bất động sản, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh bất động sản và giao dịch bất động sản có liên quan đến kinh doanh bất động sản.

Đây là một luật mới, cần chú ý bảo đảm sự phù hợp, thống nhất với các luật hiện hành có liên quan.

3. Về các loại bất động sản và điều kiện bất động sản đưa vào kinh doanh, nên quy định khái quát, không quy định trực tiếp từng dạng bất động sản cụ thể. Giao cho Chính phủ quy định và công bố công khai danh mục các loại nhà, công trình xây dựng, các bất động sản khác được đưa vào kinh doanh phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội, tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và thị trường bất động sản Việt Nam.

4. Về phạm vi kinh doanh bất động sản, việc mở rộng phạm vi kinh doanh bất động sản cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải được cân nhắc kỹ, quy định chặt chẽ, phù hợp với lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế và tình hình phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta. Luật chưa nên quy định phạm vi hoạt động kinh doanh bất động sản của tổ chức, cá nhân, nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài (điểm b và điểm c Điều 10), giao cho Chính phủ căn cứ vào Luật này và các quy định của các văn bản pháp luật khác có liên quan quy định cụ thể cho phù hợp.

5. Về huy động tiền ứng trước của khách hàng, Luật nên quy định cách thức huy động, thời gian huy động và trách nhiệm của chủ đầu tư trong việc sử dụng tiền ứng trước của khách hàng bảo đảm đúng mục đích tạo lập bất động sản. Không nên quy định mức huy động tối đa số tiền ứng trước; nên giao cho Chính phủ quy định.

6. Về sàn giao dịch bất động sản, đồng ý với quy định của dự thảo Luật.

7. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo trên, Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc hoàn chỉnh dự luật trình Quốc hội. Trong quá trình Quốc hội thảo luận, nếu có vấn đề gì cần thiết, Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Bộ Chính trị trước khi Quốc hội thông qua.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 03-TB/TW, ngày 16 tháng 5 năm 2006

Về dự án Luật bảo hiểm xã hội và dự án Luật điện ảnh

Tại phiên họp ngày 12-5-2006, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các cơ quan hữu quan về một số vấn đề trong dự án Luật bảo hiểm xã hội và dự án Luật điện ảnh (Tờ trình số 305/ĐĐQH, ngày 5-5-2006), Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Tán thành trình Quốc hội thông qua dự án Luật bảo hiểm xã hội và dự án Luật điện ảnh.

2. Đồng ý với ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội đối với một số vấn đề trong 2 dự án luật nêu trong Tờ trình số 305/ĐĐQH, ngày 5-5-2006.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 03-QĐ/TW, ngày 19 tháng 5 năm 2006

Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng chương trình hành động phòng, chống tham nhũng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ yêu cầu công tác,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng chương trình hành động phòng, chống tham nhũng trình Hội nghị Trung ương lần thứ ba, gồm các đồng chí sau:

1. Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực, Trưởng ban.

2. Đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Nội chính Trung ương, Phó Trưởng ban.

3. Đồng chí Nguyễn Văn Chi, Ủy viên Bộ Chính trị,

Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên.

4. Đồng chí Nguyễn Văn Yểu, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên.

5. Đồng chí Lê Thế Tiệm, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Công an, Ủy viên.

6. Đồng chí Nguyễn Văn Hiện, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Ủy viên.

7. Đồng chí Nguyễn Tuấn Khanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban Nội chính Trung ương, Ủy viên.

8. Đồng chí Trần Quốc Vượng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chánh Văn phòng Thường trực Văn phòng Trung ương Đảng, phụ trách Bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2), Ủy viên.

9. Đồng chí Hà Mạnh Trí, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy viên.

10. Đồng chí Trần Đại Hưng, Phó trưởng ban Thường trực Ban Nội chính Trung ương, Ủy viên.

11. Đồng chí Mai Quốc Bình, Phó Tổng Thanh tra Chính phủ, Ủy viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo xây dựng chương trình hành động phòng, chống tham nhũng có nhiệm vụ: xây dựng kế hoạch, tổ chức khảo sát, nghiên cứu, hội thảo lấy ý kiến các ban, ngành liên quan, các nhà khoa học... để dự thảo chương trình hành động phòng, chống tham nhũng báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định trình Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ ba.

Điều 3. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cung cấp kinh phí phục vụ cho việc xây dựng chương trình hành động phòng, chống tham nhũng.

Ban Chỉ đạo tự giải thể khi hoàn thành nhiệm vụ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ HAI
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X*

Ngày 27 tháng 5 năm 2006

Thưa các đồng chí Trung ương, cùng toàn thể các đồng chí,

Hôm nay, một tháng sau khi Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng kết thúc, Ban Chấp hành Trung ương khóa X chúng ta họp Hội nghị toàn thể lần thứ hai để bàn và quyết định một vấn đề rất quan trọng. Trước hết, tôi xin gửi đến tất cả các đồng chí lời chào mừng về sự có mặt đông đủ và lời chúc sức khỏe, hạnh phúc; chúc Hội nghị làm việc với hiệu quả cao nhất.

Hội nghị Trung ương 2 lần này, như chương trình nghị sự vừa được thông qua, có nhiệm vụ như sau:

1. Thảo luận và ra nghị quyết về việc giới thiệu nhân sự ứng cử các chức vụ Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội để bầu tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XI.

---

* Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X diễn ra từ ngày 27 đến ngày 28-5-2006 tại Thủ đô Hà Nội *(B.T)*.

2. Góp ý kiến với Bộ Chính trị về việc giới thiệu nhân sự ứng cử chức vụ Phó Thủ tướng Chính phủ và một số bộ trưởng để Quốc hội phê chuẩn tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội XI.

Thưa các đồng chí,

Trong một tháng qua, để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội X, Bộ Chính trị đã khẩn trương chỉ đạo việc chỉnh lý các văn kiện của Đại hội để công bố trong thời gian tới, đồng thời chỉ đạo kế hoạch triển khai việc nghiên cứu, quán triệt các nghị quyết của Đại hội trong toàn Đảng, ở tất cả các cấp, các ngành cùng với việc xây dựng chương trình hành động nhằm thực hiện Nghị quyết của Đại hội. Bộ Chính trị cũng đang chuẩn bị dự thảo Quy chế làm việc và Chương trình toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương cùng một số nội dung khác để trình Hội nghị Trung ương lần thứ ba. Về nhân sự, căn cứ vào kết quả bầu cử tại Hội nghị Trung ương lần thứ nhất, Bộ Chính trị đã tiến hành việc phân công trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư và bước đầu bố trí và sắp xếp lại nhân sự một số ban của Trung ương. Tại Hội nghị này, Bộ Chính trị sẽ trình với Trung ương việc giới thiệu nhân sự ứng cử các chức vụ Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội, là những chức danh lãnh đạo cao của Nhà nước ta mà các đồng chí đương nhiệm đã có đề nghị chuyển giao nhiệm vụ cho những người kế nhiệm tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XI hiện nay. Bộ Chính trị cũng sẽ báo cáo với Trung ương dự kiến một số nhân sự Chính phủ như Phó Thủ tướng, bộ trưởng ở những vị trí cần thiết và đã được chuẩn bị.

Theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương và phân cấp quản lý cán bộ, việc quyết định giới thiệu nhân sự ứng cử, đề cử hoặc xin thôi các chức vụ Chủ tịch nước,

Chủ tịch Quốc hội và Thủ tướmg Chính phủ là thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành Trung ương, còn giới thiệu nhân sự lãnh đạo các cơ quan nhà nước để Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn là thuộc thẩm quyền của Bộ Chính trị.

Tuy nhiên, để tạo sự nhất trí cao trong Trung ương và từ đó tạo sự đồng thuận cao trong Quốc hội, tại Hội nghị Trung ương lần này, ngoài việc giới thiệu các chức danh đứng đầu Nhà nước thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị còn giới thiệu dự kiến một số nhân sự mới của Chính phủ để Trung ương tham gia ý kiến trước khi Bộ Chính trị quyết định.

Vấn đề nhân sự mà Hội nghị Trung ương xem xét và quyết định lần này tuy chỉ mới là một bước trong việc sắp xếp và kiện toàn cơ quan lãnh đạo của Nhà nước sau Đại hội Đảng, nhưng có ý nghĩa hết sức quan trọng, cần phải được tiến hành theo đúng các quy định của Điều lệ Đảng, Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, phù hợp với nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị, đồng thời đúng với các quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Thời gian Hội nghị rất ngắn. Tôi mong các đồng chí Trung ương phát huy cao độ tinh thần trách nhiệm, tập trung sức đóng góp ý kiến để Hội nghị thành công tốt đẹp.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X.

Xin trân trọng cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ HAI
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

Số 02-NQ/TW, ngày 28 tháng 5 năm 2006

Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X họp tại Hà Nội từ ngày 27-5 đến ngày 28-5-2006, sau khi xem xét và thảo luận Tờ trình của Bộ Chính trị, quyết nghị:

1. Đồng ý với đề nghị của Bộ Chính trị về việc đồng chí Trần Đức Lương thôi giữ chức Chủ tịch nước và giới thiệu đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, đại biểu Quốc hội khóa XI để Quốc hội xem xét, bầu giữ chức Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XI.

2. Đồng ý với đề nghị của Bộ Chính trị về việc đồng chí Phan Văn Khải thôi giữ chức Thủ tướng Chính phủ và giới thiệu đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, đại biểu Quốc hội khóa XI để Quốc hội xem xét, bầu giữ chức Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XI.

3. Đồng ý với đề nghị của Bộ Chính trị về việc đồng chí Nguyễn Văn An thôi giữ chức Chủ tịch Quốc hội và giới thiệu đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội, đại biểu Quốc hội khóa XI để Quốc hội xem xét, bầu giữ chức Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XI.

4. Giao Bộ Chính trị lãnh đạo Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo, tổ chức thành công việc bầu Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Quốc hội theo đúng quy định của Hiến pháp, pháp luật.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ HAI
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

Ngày 28 tháng 5 năm 2006

Thưa các đồng chí Trung ương cùng toàn thể các đồng chí,

Sau hơn một ngày làm việc khẩn trương, với tinh thần trách nhiệm cao, Hội nghị chúng ta đã thảo luận và nhất trí về phương án giới thiệu nhân sự ứng cử vào các chức vụ lãnh đạo của Nhà nước ta.

Ban Chấp hành Trung ương biểu thị những tình cảm trân trọng trước đề nghị của các đồng chí Chủ tịch nước Trần Đức Lương, Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An xin được chuyển giao chức vụ của mình cho các đồng chí kế nhiệm tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XI.

Các đồng chí Trần Đức Lương, Phan Văn Khải và Nguyễn Văn An đã có những đóng góp to lớn vào sự nghiệp cách mạng, đã nỗ lực phấn đấu để hoàn thành nhiệm vụ trong những cương vị quan trọng mà Đảng và Nhà nước giao

phó, nhất là trong những năm giữ các trọng trách cao nhất của các cơ quan nhà nước.

Chúng ta ghi nhận cống hiến xứng đáng của những đồng chí lãnh đạo cấp cao khác của Đảng, nay vì tuổi cao đã xin thôi giữ trọng trách của mình trong Chính phủ.

Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận và nhất trí ra nghị quyết giới thiệu đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, đại biểu Quốc hội khóa XI ứng cử chức vụ Chủ tịch nước; giới thiệu đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, đại biểu Quốc hội khóa XI ứng cử chức vụ Thủ tướng Chính phủ; giới thiệu đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội, đại biểu Quốc hội khóa XI ứng cử chức vụ Chủ tịch Quốc hội.

Các đồng chí Nguyễn Minh Triết, Nguyễn Tấn Dũng, Nguyễn Phú Trọng đều đáp ứng tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; đã qua rèn luyện, thử thách trong thực tiễn, trưởng thành từ cơ sở, đã tham gia Ban Chấp hành Trung ương và kinh qua Ủy viên Bộ Chính trị nhiều khóa, hoàn thành tốt nhiệm vụ ở các vị trí công tác được phân công và có khả năng đảm nhận những trọng trách được giao.

Cùng với việc giới thiệu nhân sự ứng cử vào các chức danh lãnh đạo của Nhà nước, Hội nghị Trung ương cũng đã đóng góp ý kiến với Bộ Chính trị về việc giới thiệu một số nhân sự Chính phủ như Phó Thủ tướng, bộ trưởng ở những

vị trí cần thay thế để trình Quốc hội phê chuẩn tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XI.

Những quyết định về giới thiệu nhân sự cấp cao của Nhà nước mà Hội nghị Trung ương 2 đưa ra lần này có ý nghĩa rất quan trọng, là một bước sắp xếp và kiện toàn cơ quan lãnh đạo của Nhà nước sau Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng. Căn cứ vào nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương vừa thông qua, Bộ Chính trị sẽ lãnh đạo Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo, chuẩn bị trình Quốc hội để bầu cử theo luật định, vừa bảo đảm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý cán bộ trong hệ thống chính trị vừa đúng với các quy định của pháp luật về tổ chức của các cơ quan nhà nước, tạo sự đồng thuận cao trong Quốc hội.

Thưa các đồng chí,

Với những kết quả đạt được, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã thành công tốt đẹp.

Sau Hội nghị này, cùng với việc lãnh đạo thực hiện tốt công tác nhân sự cấp cao tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XI, chúng ta sẽ kiện toàn lãnh đạo các ban của Trung ương Đảng, các ban cán sự đảng và đảng đoàn ở những nơi có sự thay đổi nhân sự. Chúng ta phải nhanh chóng lãnh đạo và chỉ đạo triển khai việc nghiên cứu, quán triệt và xây dựng chương trình hành động nhằm thực hiện Nghị quyết của Đại hội X, gắn kết chặt chẽ với việc lãnh đạo thực hiện tốt những nhiệm vụ kinh tế, xã hội trước mắt, đồng thời tiếp tục chuẩn bị chu đáo các nội dung của Hội nghị Trung ương lần thứ ba.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X.

Chúc tất cả các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc.

Xin trân trọng cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ HAI BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

Trong 2 ngày 27 và 28 tháng 5 năm 2006, Ban Chấp hành Trung ương khóa X đã họp Hội nghị toàn thể lần thứ hai tại Thủ đô Hà Nội. Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chủ trì, phát biểu khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Hội nghị đã thảo luận và thống nhất việc lựa chọn nhân sự giới thiệu ứng cử các chức danh lãnh đạo cấp cao của Nhà nước để Quốc hội bầu, phê chuẩn tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XI theo quy định của pháp luật.

Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X làm việc với tinh thần trách nhiệm, nghiêm túc, dân chủ và đã thống nhất cao với những vấn đề do Bộ Chính trị trình Trung ương.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 05-QĐ/TW, ngày 9 tháng 6 năm 2006

Thành lập Ban Chỉ đạo giúp Ban Bí thư tiếp tục kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo giúp Ban Bí thư tiếp tục kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, gồm các đồng chí:

1. Nguyễn Văn Chi, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Trưởng ban.

2. Nguyễn Thị Doan, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Phó trưởng ban.

3. Trần Văn Truyền, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên.

4. Phạm Thị Hải Chuyền, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên.

5. Trần Hòa, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên.

6. Nguyễn Minh Quang, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên.

7. Lê Hồng Liêm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên.

8. Phạm Chí Hòa, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên.

9. Phạm Thị Hòe, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên.

10. Lê Văn Giảng, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên.

11. Nguyễn Văn Đảm, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên.

12. Sa Như Hòa, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên.

13. Tô Quang Thu, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên.

14. Bùi Văn Thể, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ chỉ đạo và tổ chức thực hiện các cuộc kiểm tra theo Chương trình kiểm tra số 07-CTr/TW, ngày 2-6-2006 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Ban Chỉ đạo được trưng dụng một số đồng chí chuyên viên của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Kinh tế Trung ương,

Bộ Tài nguyên và môi trường, Thanh tra Chính phủ làm nhiệm vụ giúp việc Ban Chỉ đạo.

Điều 3. Các tỉnh ủy, thành ủy; các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các đồng chí có tên tại Điều 1 thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 05-TB/TW, ngày 15 tháng 6 năm 2006

Về việc chuẩn bị đề án trình Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về phòng, chống tham nhũng

Tại phiên họp Bộ Chính trị ngày 9-6-2006, sau khi nghe Ban Chỉ đạo Trung ương xây dựng chương trình hành động phòng, chống tham nhũng báo cáo việc chuẩn bị đề án trình Hội nghị Trung ương 3 (khóa X) về phòng, chống tham nhũng, Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Đại hội X của Đảng đã xác định "Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí là một nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng". Để cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội, Ban Chấp hành Trung ương cần được bàn nghiêm túc để đánh giá đúng tình hình, từ đó đề ra phương hướng, giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí có hiệu quả. Do vậy, tại Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương tập trung bàn và ra Nghị quyết về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

2. Về tiêu đề, phạm vi và nội dung của Nghị quyết

a) Về tiêu đề của Nghị quyết

Có thể lấy tiêu đề Nghị quyết là: "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí", hoặc: "Tích cực phòng ngừa và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí...". Ban Chỉ đạo cần nghiên cứu, cân nhắc chọn tiêu đề cho phù hợp.

b) Về phạm vi của Nghị quyết

Xây dựng Nghị quyết cần căn cứ Nghị quyết Đại hội X của Đảng và bám sát Luật phòng, chống tham nhũng và Luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, song không giới hạn ở những quy định của luật hiện có. Nghị quyết cần thể hiện cả hai nội dung: phòng, chống tham nhũng và chống lãng phí.

c) Về nội dung của Nghị quyết

Nghị quyết cần nêu rõ ba phần chính sau:

- *Đánh giá đúng thực trạng tình hình* tham nhũng, tiêu cực, lãng phí hiện nay; tình hình đấu tranh phòng, chống tham nhũng, chống lãng phí và sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác này; rút ra nguyên nhân và một số kinh nghiệm.

- *Mục tiêu và quan điểm chỉ đạo* của công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, chống lãng phí trong nhiệm kỳ Đại hội X. Cần nhấn mạnh mục tiêu chống tham nhũng nhằm giữ vững ổn định chính trị, xã hội; xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

- *Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu để đấu tranh phòng, chống tham nhũng, chống lãng phí;* vừa đề cập tới những vấn đề mang tầm chủ trương, chính sách thực hiện trong thời gian dài; vừa tập trung vào các giải pháp có tính cấp bách trước mắt. Các giải pháp phải đồng bộ, khả thi, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, tạo ra kết quả rõ nét, chuyển biến thật sự đối với công tác này ngay trong khóa X.

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo khẩn trương xây dựng đề án để trình Bộ Chính trị vào đầu tháng 7-2006.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 06-TB/TW, ngày 15 tháng 6 năm 2006

Về việc ban hành Đề án tin học hóa hoạt động của các cơ quan Đảng giai đoạn 2006 - 2010

Ngày 30-5-2006, sau khi nghe báo cáo của Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan Đảng và ý kiến của đại diện các cơ quan liên quan, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Về kết quả thực hiện Đề án tin học hóa hoạt động của các cơ quan Đảng giai đoạn 2001 - 2005 (gọi tắt là Đề án 47)

a) Thực hiện Chỉ thị số 58-CT/TW, ngày 17-10-2000 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về "Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa" và Quyết định số 47-QĐ/TW của Ban Bí thư về việc ban hành Đề án tin học hóa hoạt động của các cơ quan Đảng giai đoạn 2001 - 2005, các cấp ủy và cơ quan Đảng đã có nhận thức đúng, có nhiều cố gắng, hoàn thành về cơ bản yêu cầu, mục tiêu của Đề án:

- Hạ tầng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng đã được xây dựng phù hợp với mục tiêu đề ra, đáp ứng được các nhu cầu tối thiểu trước mắt cho việc tin học hóa hoạt động của các cơ quan Đảng, làm cơ sở cho việc hoàn thiện trong thời gian sắp tới.

- Các ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng đã được triển khai khá tích cực và đồng bộ.

- Việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin được thực hiện có kết quả, đạt yêu cầu, mục tiêu.

- Hệ thống tổ chức chỉ đạo và hệ thống tổ chức chuyên trách công nghệ thông tin trong toàn Đảng đã từng bước được xác lập, có chức năng, nhiệm vụ rõ ràng; có các văn bản chỉ đạo, các quy chế, quy trình xử lý, các chuẩn thông tin áp dụng thống nhất trong hệ thống tổ chức của Đảng.

- Kinh phí Đề án được sử dụng và quản lý theo mục tiêu của Đề án và chế độ tài chính của Nhà nước.

b) Tuy nhiên, do nhận thức và năng lực triển khai của từng cơ quan Đảng, hiệu quả đầu tư và sử dụng các dự án công nghệ thông tin thuộc Đề án 47 chưa đồng đều; còn có sự khác nhau giữa các cơ quan Trung ương, giữa các cấp ủy địa phương. Báo cáo kết quả thực hiện Đề án cần làm rõ cơ quan, tỉnh, huyện nào làm chưa tốt để kịp thời rút kinh nghiệm. Cần thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về đấu thầu và thực hiện các dự án, không để xảy ra sai sót, tiêu cực.

Một số mục tiêu của Đề án 47 chưa được thực hiện và phải chuyển sang giai đoạn tới, như: hoàn thành việc nối mạng diện rộng từ Trung ương đến phường, xã; bảo đảm

hệ thống mạng đường truyền thông tin chung cho hệ thống các cơ quan Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội phủ đến các phường, xã với tốc độ cao, dung lượng lớn và giá rẻ; xây dựng các kho thông tin tích hợp và liên kết bảo đảm khả năng tra cứu, tổng hợp thông tin từ các hệ thống cơ quan nhà nước; tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ cho cán bộ, chuyên viên cơ quan Đảng, đặc biệt là các cán bộ lãnh đạo và các cán bộ quản trị mạng.

2. Về ban hành Đề án mới (giai đoạn 2006 - 2010)

Trên cơ sở những kết quả đạt được và các việc chưa làm được của Đề án 47, căn cứ vào các nhiệm vụ trong giai đoạn tới, Ban Bí thư đồng ý ban hành Đề án tin học hóa hoạt động của các cơ quan Đảng giai đoạn 2006 - 2010 do Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan Đảng đề xuất, đồng thời lưu ý một số vấn đề:

- Về mục tiêu: Mục tiêu chung của Đề án mới cần đặt trong tổng thể các mục tiêu do Ban Chỉ đạo quốc gia về công nghệ thông tin xác định để bảo đảm tính đồng bộ. Đề án phải góp phần phục vụ mục tiêu lớn là đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Mạng và hệ thống thông tin điện tử của Đảng là bộ phận cấu thành trong mạng và hệ thống thông tin điện tử của quốc gia. Ban Chỉ đạo quốc gia về công nghệ thông tin có trách nhiệm bảo đảm việc đầu tư, kết nối mạng và tích hợp các hệ thống thông tin của Nhà nước, đoàn thể với mạng thông tin và các hệ thống thông tin của Đảng.

Cần cân nhắc, tính toán kỹ các mục tiêu cụ thể; trong đó, đến năm 2010 phấn đấu đạt tối thiểu 60 - 70% đảng ủy xã,

phường được kết nối mạng thông tin diện rộng của Đảng; bảo đảm 100% cán bộ làm việc trong hệ thống của Đảng đến cấp huyện biết sử dụng máy vi tính và mạng máy tính để làm việc. Cần quan tâm tới việc đào tạo về sử dụng công nghệ thông tin, đặc biệt chú trọng bồi dưỡng cho lớp cán bộ quản lý đang điều hành.

- Về phạm vi đầu tư: Cần tính toán kỹ thêm việc đầu tư cho các đảng ủy quân đội, công an ở địa phương.

- Về cơ chế bố trí vốn: Giao Ban Tài chính - Quản trị Trung ương làm việc với Bộ Tài chính để bố trí kinh phí từ ngân sách Trung ương cho việc thực hiện Đề án theo kế hoạch và tiến độ được xác định trong Đề án, đồng thời phải có cơ chế phê duyệt, kiểm tra, giám sát chặt chẽ để bảo đảm các dự án thực hiện đúng chế độ tài chính và có hiệu quả thiết thực.

- Về kiện toàn tổ chức bộ máy và bố trí cán bộ của các bộ phận chuyên trách thông tin trong các cơ quan Đảng: Cần tiếp tục kiện toàn Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan Đảng. Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan Đảng và Văn phòng Trung ương Đảng nghiên cứu, ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về tổ chức, hoạt động và việc bố trí nhân sự công nghệ thông tin của các cơ quan và tổ chức đảng.

- Về tiến độ thực hiện đề án: Đồng ý như đề xuất, nhưng cần phải có các biện pháp cụ thể để thực hiện đầu tư đến đâu khai thác đến đó, đặc biệt phải có biện pháp bảo đảm tuyệt đối an toàn mạng và bảo mật thông tin. Các cơ quan thực hiện Đề án cần phải có sự phối hợp chặt chẽ, đảm bảo cho được yêu cầu này.

3. Giao Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan Đảng bổ sung, hoàn chỉnh Đề án để trình Thường trực Ban Bí thư duyệt ban hành.

Ban Bí thư yêu cầu các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của các cấp ủy và cơ quan Đảng chỉ đạo chặt chẽ việc triển khai thực hiện Đề án gắn với việc cải cách hành chính, đổi mới phong cách, lề lối làm việc trong Đảng một cách có hiệu quả, thiết thực, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 02-CT/TW, ngày 19 tháng 6 năm 2006

Về lãnh đạo Đại hội Hội Cựu chiến binh các cấp lần thứ IV, nhiệm kỳ 2007 - 2012

Trong nhiệm kỳ III (2002 - 2007), Hội Cựu chiến binh Việt Nam các cấp đã có nhiều cố gắng đóng góp tích cực, có hiệu quả vào các cuộc vận động chính trị - xã hội ở các địa phương và phong trào chung của cả nước; tích cực tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền; đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo, thi đua làm giàu chính đáng; tham gia phát triển kinh tế, xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương; đấu tranh chống các quan điểm sai trái, chống quan liêu, tham nhũng, tội phạm và các tệ nạn xã hội; tham gia giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ. Hội đã chú trọng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, bám sát cơ sở, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao. Tổ chức Hội không ngừng phát triển, mở rộng thêm nhiều cơ sở hội ở các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp. Đến nay, Hội đã có trên 15.000 tổ chức cơ sở và trên 2 triệu hội viên.

Tuy nhiên, phong trào và kết quả hoạt động của Hội còn chưa đều; hoạt động của một số tổ chức cơ sở hội ở vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn. Công tác tham mưu cho cấp ủy về lãnh đạo xây dựng Hội có mặt còn hạn chế.

Từ quý IV-2006 đến cuối năm 2007 là thời gian tiến hành Đại hội Hội Cựu chiến binh các cấp tiến tới Đại hội Hội Cựu chiến binh Việt Nam lần thứ IV. Đây là sự kiện chính trị quan trọng của các cấp hội và hội viên nhằm phát huy bản chất, truyền thống tốt đẹp của "Bộ đội Cụ Hồ", phát huy tiềm năng, tinh thần tích cực, sáng tạo của các cựu chiến binh, góp phần vào sự nghiệp cách mạng của đất nước. Để lãnh đạo Đại hội Hội Cựu chiến binh các cấp đạt kết quả tốt, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng tập trung chỉ đạo thực hiện tốt những nhiệm vụ chính sau đây:

1. Chỉ đạo Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh các cấp chuẩn bị tốt báo cáo tổng kết công tác xây dựng và hoạt động của Hội nhiệm kỳ qua, phát huy dân chủ, trí tuệ của đông đảo cán bộ, hội viên để đánh giá đúng ưu điểm, khuyết điểm trong công tác xây dựng Hội, tổ chức, thực hiện các nhiệm vụ của Hội và phong trào Cựu chiến binh trong 5 năm qua; phân tích sâu sắc nguyên nhân, rút ra những kinh nghiệm và bài học thiết thực.

Quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, Nghị quyết của Đại hội đảng bộ địa phương, vận dụng cụ thể, sáng tạo vào việc xây dựng chương trình hành động của mỗi cấp hội nhiệm kỳ tới nhằm không ngừng củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội, xây dựng Hội trong sạch, vững mạnh, tăng cường đoàn kết, vận động cựu chiến binh phát huy vai trò, trách nhiệm, tích cực góp

phần tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; thực hiện thắng lợi công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng trong việc lựa chọn nhân sự Ban chấp hành mới của Hội theo đúng quy trình và các quy định của Đảng và Điều lệ của Hội. Ban chấp hành mới và các chức danh lãnh đạo chủ chốt các cấp Hội phải thật sự là những người tiêu biểu, có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, sức khỏe để xây dựng Hội, đoàn kết cựu chiến binh, góp phần thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của Hội.

3. Việc tổ chức Đại hội phải trang trọng, thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, tránh phô trương hình thức.

Thời gian đại hội các cấp Hội từ cơ sở đến cấp tỉnh, tiến hành từ quý IV-2006 và kết thúc cơ bản vào quý II-2007. Đại hội Hội Cựu chiến binh Việt Nam lần thứ IV tiến hành vào khoảng quý IV-2007.

4. Trong quá trình lãnh đạo Đại hội Hội Cựu chiến binh, cấp ủy các cấp tổ chức sơ kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 8-1-2002 của Bộ Chính trị về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới" ở cấp mình để tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy và chính quyền đối với Hội.

5. Các cấp ủy đảng chỉ đạo các cơ quan chính quyền, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể có liên quan ở Trung ương và địa phương phối hợp, tạo điều kiện

thuận lợi để Hội Cựu chiến binh các cấp tiến hành đại hội đạt kết quả tốt.

6. Ban Dân vận Trung ương chủ trì phối hợp với Đảng đoàn Hội Cựu chiến binh Việt Nam giúp Ban Bí thư theo dõi, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 06-QĐ/TW, ngày 19 tháng 6 năm 2006

Về việc ban hành Đề án tin học hóa hoạt động của các cơ quan Đảng giai đoạn 2006 - 2010

- Căn cứ Chỉ thị số 58-CT/TW, ngày 17-10-2000 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa;

- Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan Đảng tại Tờ trình số 03-TTr/CNTT, ngày 25-5-2006,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Đề án tin học hóa hoạt động của các cơ quan Đảng giai đoạn 2006 - 2010 (văn bản kèm theo).

Điều 2. Giao Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng hướng dẫn, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra các cấp ủy và cơ quan đảng thực hiện Đề án này; định kỳ 6 tháng một lần tổng hợp tình hình báo cáo Ban Bí thư.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

ĐỀ ÁN
TIN HỌC HÓA HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN ĐẢNG GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

(Ban hành kèm theo Quyết định số 06-QĐ/TW, ngày 19-6-2006 của Ban Bí thư Trung ương Đảng)

I- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN TIN HỌC HÓA HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN ĐẢNG GIAI ĐOẠN 2001 - 2005 (GỌI TẮT LÀ ĐỀ ÁN 47)

1. Những kết quả đạt được

Đề án 47 đã được triển khai tích cực, nhìn chung đúng tiến độ. Các mục tiêu của Đề án 47, về cơ bản, sẽ hoàn thành trong năm 2006.

1.1- Hạ tầng công nghệ thông tin trong các cơ quan đảng đã được xây dựng phù hợp với mục tiêu của Đề án 47, đáp ứng được các nhu cầu tối thiểu trước mắt cho việc tin học hóa hoạt động của các cơ quan đảng.

Tất cả các cơ quan đảng từ Trung ương đến cấp huyện (trừ một số huyện mới thành lập) đã có mạng máy tính cục bộ (LAN) kết nối với mạng diện rộng của Đảng, được đưa vào khai thác, sử dụng có hiệu quả bước đầu. Mạng thông tin

diện rộng của Đảng được nâng cấp sang sử dụng công nghệ IP kết nối tốc độ cao tới cấp huyện qua dịch vụ MegaWAN của Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

Đến hết năm 2005, toàn Đảng đã trang bị được hơn 1.800 máy chủ, 14.400 máy trạm, 670 máy tính xách tay, 120 router và 1.500 thiết bị mạng (hub và switch), 2.500 modem các loại, 5.900 máy in và 3.800 các thiết bị khác (thiết bị lưu điện, máy quét ảnh tài liệu, camera, máy chiếu,...); đã xây dựng được 640 mạng LAN cấp huyện (640/662, đạt gần 97%); có 658 (658/662, trên 99%) quận, huyện, thị ủy và 521 (521/10.831, xấp xỉ 5%) đảng ủy cấp xã, phường kết nối vào mạng diện rộng của Đảng.

Hạ tầng công nghệ thông tin trong các cơ quan đảng tuy đã được xây dựng phù hợp với mục tiêu của Đề án 47, song mới chỉ đáp ứng được các nhu cầu tối thiểu trước mắt cho việc tin học hóa hoạt động của các cơ quan đảng. Các trung tâm tích hợp dữ liệu chưa có đủ thiết bị dự phòng để có thể bảo đảm hoạt động liên tục 24/7 (24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần), chưa đầu tư đủ các thiết bị bảo đảm các yêu cầu cao về an ninh mạng và bảo mật thông tin. Chưa trang bị đủ máy tính cho cán bộ, chuyên viên, nhất là cấp huyện; bình quân chung toàn Đảng đến cấp huyện mới đạt xấp xỉ 50% yêu cầu. Còn tới 95% đảng ủy xã, phường chưa được trang bị máy tính kết nối với mạng diện rộng của Đảng (do Đề án 47 không dự toán kinh phí cho cấp xã, phường).

1.2- Các ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan đảng đã được triển khai khá tích cực và đồng bộ.

Đến hết năm 2005, hơn 23,5 nghìn người sử dụng mạng; khoảng 14 nghìn cán bộ, chuyên viên thường xuyên sử dụng

mạng máy tính để làm việc; bình quân trong ngày có hơn 13,4 nghìn lượt người truy cập các mạng cục bộ; lượng thông tin trao đổi trên các mạng cục bộ khoảng 10 GB/ngày. Tổng dung lượng thông tin trong các cơ sở dữ liệu chính (không kể thư điện tử và cơ sở dữ liệu đảng viên) đạt trên 250 GB. Các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu dùng chung được triển khai tích cực. Website Đảng Cộng sản Việt Nam (nay là Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam) mỗi ngày có trên 100 tin, bài được cập nhật, trên 600 nghìn lượt người truy cập, đặc biệt có ngày trên 1 triệu lượt người truy cập. Cơ sở dữ liệu đảng viên gồm hơn 3 triệu hồ sơ đã được xây dựng, được thường xuyên cập nhật và đưa vào khai thác. Việc cập nhật cơ sở dữ liệu văn kiện Đảng, cơ sở dữ liệu mục lục hồ sơ lưu trữ của Đảng đang được triển khai tích cực ở cả 3 cấp trung ương, tỉnh, thành và huyện, quận. Việc triển khai ứng dụng hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp đã dần dần trở thành nền nếp ở nhiều cơ quan và từng bước tạo ra phong cách làm việc mới trong các cơ quan của Đảng; thông tin đầy đủ hơn, xử lý thông tin nhanh và kịp thời hơn; một số tỉnh ủy, thành ủy giảm được 30 - 50% lượng giấy tờ.

Việc xây dựng hệ thống thông tin điện tử của Đảng giai đoạn 2001 - 2005 mới chỉ tập trung vào xây dựng một số hệ thống thông tin và phần mềm dùng chung. Giai đoạn 2006 - 2010 cần phải xây dựng tiếp các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu chuyên ngành, tiếp tục thực hiện việc tích hợp các hệ thống thông tin của Đảng và Nhà nước, đòi hỏi phải tiếp tục có sự chỉ đạo thống nhất và đầu tư tập trung của Trung ương.

1.3- Bước đầu hình thành các văn bản chỉ đạo, các quy chế, quy trình, các chuẩn thông tin, áp dụng thống nhất trong việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống tổ chức của Đảng.

Các quyết định và văn bản hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng về mô hình mạng thông tin diện rộng của Đảng, về tiêu chuẩn và cấu hình kỹ thuật các thiết bị tin học, về nội dung và giáo trình đào tạo, cũng như các quy trình nghiệp vụ trong việc ứng dụng công nghệ thông tin do Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương ban hành đối với hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp, cơ sở dữ liệu văn kiện Đảng, mục lục hồ sơ lưu trữ, cơ sở dữ liệu hồ sơ đảng viên,... đã góp phần quan trọng bảo đảm tính thống nhất cao trong việc triển khai các nội dung của Đề án 47 trong phạm vi toàn Đảng. Hầu hết các cơ quan Trung ương, các cấp ủy địa phương đã xây dựng và ban hành quy chế về quản lý, khai thác thông tin và bảo vệ mạng máy tính của cơ quan và cấp ủy.

1.4- Việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin được triển khai tích cực, có kết quả cụ thể, cơ bản đạt mục tiêu đề ra.

Đến cuối tháng 12-2005, đã có trên 23.200 lượt người được đào tạo; trên 23.500 người, bằng gần 80% tổng số cán bộ, chuyên viên, nhân viên nghiệp vụ có liên quan tới xử lý thông tin trong các cơ quan đảng (đến cấp huyện) biết sử dụng máy tính và mạng máy tính để làm việc, có nhận thức đầy đủ hơn về vai trò của công nghệ thông tin đối với việc đổi mới lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả công tác. Đặc biệt, việc đào tạo cán bộ quản trị mạng được thường xuyên chú trọng,

trong 3 năm đã đào tạo được hơn 2.900 lượt cán bộ quản trị mạng các cấp.

Tuy vậy, việc đào tạo, tập huấn cán bộ mới chỉ tập trung chủ yếu để thực hiện các chương trình phổ cập kiến thức về công nghệ thông tin và tập huấn các kỹ năng cơ bản về sử dụng và khai thác mạng máy tính cho các cán bộ, nhân viên nghiệp vụ của các cơ quan đảng. Để quản lý, vận hành mạng thông tin diện rộng và hệ thống thông tin điện tử của Đảng có hiệu quả, giai đoạn 2006 - 2010 vẫn phải tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, tập huấn cán bộ về công nghệ thông tin.

1.5- Hệ thống tổ chức chỉ đạo và hệ thống tổ chức chuyên trách công nghệ thông tin trong toàn Đảng đã từng bước được xác lập, có chức năng, nhiệm vụ rõ ràng.

Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng đã ban hành các Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, Quy chế hoạt động của Ban Thư ký. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, sau khi thống nhất với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cũng đã ban hành Quyết định về cơ chế quản lý và chi tiêu tài chính của Đề án 47. Các tỉnh ủy, thành ủy cũng đã thành lập và ban hành quy chế hoạt động của các ban chỉ đạo công nghệ thông tin và ban quản lý dự án trực thuộc cấp ủy. Nhiều tỉnh ủy, thành ủy đã thành lập phòng công nghệ thông tin - cơ yếu theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương. Đội ngũ cán bộ quản trị mạng đã được bổ sung, tăng cường đáng kể, tuy vẫn còn thiếu về số lượng, yếu về chất lượng, song bước đầu đã đáp ứng yêu cầu tối thiểu về bảo đảm kỹ thuật vận hành hệ thống, hướng dẫn sử dụng và

tham mưu, giúp cấp ủy tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin.

Nhìn chung, việc triển khai có hiệu quả Đề án 47 đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng hạ tầng công nghệ, đào tạo, nâng cao nhận thức và kỹ năng của cán bộ đảng trong việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, bước đầu hình thành một số hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu dùng chung rất cơ bản của toàn Đảng, góp phần từng bước đổi mới phương thức lãnh đạo, đổi mới lề lối làm việc của các cơ quan đảng. Việc triển khai Đề án 47 đã giúp cho Trung ương Đảng, các cấp ủy đảng có cơ sở để lãnh đạo và chỉ đạo việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan đảng nói riêng và trong toàn xã hội nói chung theo tinh thần Chỉ thị 58 của Bộ Chính trị khóa VIII.

2. Một số tồn tại, yếu kém trong việc triển khai Đề án 47 và những vấn đề đặt ra cho việc tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan đảng giai đoạn 2006 - 2010

2.1- Một số tồn tại, yếu kém:

Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng chậm tổ chức các hội nghị, các lớp tập huấn cho cán bộ lãnh đạo phụ trách công tác thông tin và việc ứng dụng công nghệ thông tin (CIO) để quán triệt mục tiêu, nội dung, yêu cầu của Đề án 47 tới các đồng chí lãnh đạo các cơ quan Trung ương và lãnh đạo các tỉnh ủy, thành ủy, nên đến nay vẫn còn nhiều đồng chí lãnh đạo chưa biết sử dụng công nghệ thông tin để lãnh đạo, điều hành, chưa thực sự quan tâm chỉ đạo việc ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan hoặc cấp ủy

mình theo đúng yêu cầu đã được Ban Bí thư và Bộ Chính trị xác định. Trong một số trường hợp cụ thể, Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng *chưa kịp thời có các giải pháp thích hợp,* nên một số dự án quan trọng như: dự án nâng cấp mạng IP, dự án nâng cấp hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp mới, hệ thống phần mềm quản lý tài chính - tài sản Đảng, triển khai chậm hơn so với tiến độ đã được dự kiến, ảnh hưởng nhiều đến tiến độ chung của toàn bộ Đề án.

Việc triển khai hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp ở các cơ quan đảng hiệu quả còn hạn chế. Nhiều cơ quan Trung ương *chưa xây dựng được các hệ thống thông tin đặc thù cho ngành hoặc lĩnh vực.*

Một số vấn đề về an ninh, an toàn mạng, về bảo mật thông tin chưa được các cơ quan chức năng phối hợp nghiên cứu và giải quyết kịp thời nhằm đáp ứng yêu cầu mở rộng mạng và đẩy mạnh triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin.

Việc tích hợp các hệ thống thông tin trên mạng thông tin diện rộng của Đảng và Chính phủ triển khai chậm, thiếu sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan đảng và cơ quan nhà nước.

Đội ngũ cán bộ quản trị mạng vẫn còn thiếu và yếu.

Kinh phí cấp cho Đề án 47 chậm, thủ tục giải ngân phức tạp, chế độ chi cho nhập dữ liệu chưa hợp lý, ảnh hưởng không ít tới tiến độ và hiệu quả của việc triển khai thực hiện Đề án.

Do việc triển khai và phối hợp chưa đồng bộ của các bộ, ngành, đặc biệt là của Đề án 112, nên có *một số chỉ tiêu đặt ra của Đề án 47 sẽ không thể thực hiện được vào cuối năm 2006*

và sẽ phải chuyển sang giai đoạn 2006 - 2010, gồm: (1) Hoàn thành việc nối mạng diện rộng từ Trung ương đến phường, xã; (2) Bảo đảm hệ thống mạng đường truyền thông tin chung cho hệ thống các cơ quan đảng và nhà nước phủ đến các phường, xã với tốc độ cao, dung lượng lớn và giá rẻ; (3) Xây dựng các kho thông tin tích hợp và liên kết bảo đảm khả năng tra cứu, tổng hợp thông tin từ các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và các hệ thống cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước, Quốc hội.

2.2- Những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong giai đoạn tới:

Thực tiễn và kết quả triển khai Đề án 47 đã tạo được các điều kiện cần thiết, đồng thời cũng đặt ra một số vấn đề phải giải quyết để nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan đảng giai đoạn 2006 - 2010. Cụ thể cần:

- *Tăng cường hơn nữa vai trò lãnh đạo của Đảng* đối với việc đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ở nước ta.

- *Nâng cao hơn nữa nhận thức và trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý* trong việc ứng dụng công nghệ thông tin để thay đổi lề lối làm việc, tác phong công tác, góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong tình hình mới.

- *Tiếp tục nghiên cứu, tổ chức xây dựng và từng bước hoàn thiện các hệ thống thông tin, tích hợp với các hệ thống thông tin trong hệ thống tổ chức của Đảng cũng như với các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội.*

- *Khai thác, sử dụng triệt để năng lực hiện có của hạ tầng công nghệ thông tin trong hệ thống tổ chức của Đảng,*

hạ tầng công nghệ thông tin và viễn thông quốc gia, đồng thời phải có chính sách, kế hoạch đầu tư ngắn hạn và dài hạn bảo đảm việc bảo trì, nâng cao năng lực của hạ tầng công nghệ thông tin.

- *Bảo đảm cơ sở pháp lý* để các hệ thống thông tin điện tử của Đảng được triển khai có hiệu quả, có tính phổ biến và có hiệu lực trong phạm vi toàn Đảng. Chính phủ cần sớm ban hành nghị định về chữ ký điện tử và dịch vụ xác thực điện tử, các quy định về cơ chế đầu tư và quản lý tài chính riêng cho các dự án công nghệ thông tin.

- *Nghiên cứu tiến tới hình thành một tổ chức có chức năng kết hợp được các nhiệm vụ triển khai công nghệ với các nhiệm vụ về nghiên cứu, phân tích, thiết kế, tổ chức triển khai và quản lý các hệ thống thông tin*, khắc phục tình trạng tách rời việc ứng dụng công nghệ thông tin với giải quyết các vấn đề thuộc nội dung và nghiệp vụ công tác thông tin như hiện nay.

II- MỤC TIÊU, YÊU CẦU CỦA ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

1. Mục tiêu

Mục tiêu chung của Đề án tin học hóa hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2006 - 2010 được xác định như sau:

Đến năm 2010, về cơ bản hoàn thành việc xây dựng và đưa vào sử dụng một cách phổ biến hệ thống thông tin điện tử của Đảng trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông hiện đại nhằm góp phần đổi mới phương thức

lãnh đạo, lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả, chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành của các cấp ủy và cơ quan đảng.

Các mục tiêu cụ thể:

1. *Nâng cấp và mở rộng mạng thông tin diện rộng của Đảng tới ít nhất 60 - 70% đảng ủy xã, phường trong cả nước, kết nối với mạng của Nhà nước,* với đường truyền chuyên dụng tốc độ cao, dung lượng lớn và giá cước hợp lý; hoàn thiện các mạng LAN trong các cơ quan đảng và các trung tâm tích hợp dữ liệu. Bảo đảm việc kết nối các mạng LAN của các cơ quan đảng với mạng Internet an toàn, hiệu quả. Triển khai các giải pháp *chứng thực điện tử và chữ ký điện tử, bảo mật thông tin, giải pháp về an ninh an toàn mạng,* bảo đảm cho việc áp dụng một cách an toàn và phổ biến giao dịch điện tử trên mạng thông tin diện rộng của các cơ quan đảng và nhà nước.

2. Hoàn thành việc xây dựng các phần mềm và cơ sở dữ liệu cho *hệ thống thông tin điện tử của Đảng*, bao gồm một hệ thống *các cơ sở dữ liệu dùng chung* của Đảng, *các hệ thống thông tin và* cơ sở dữ liệu chuyên ngành. *Tích hợp các cơ sở dữ liệu* quốc gia và các cơ sở dữ liệu liên quan thuộc hệ thống thông tin điện tử của Nhà nước với các hệ thống thông tin điện tử của Đảng. *Tạo bước chuyển cơ bản trong lề lối làm việc* trên cơ sở áp dụng thống nhất *hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp, sử dụng phổ biến các thông tin, tài liệu điện tử, phát triển các hình thức làm việc từ xa*: hội nghị từ xa, văn phòng điện tử, đào tạo từ xa, *giảm đáng kể giấy tờ, giảm bớt các cuộc họp tập trung và thời gian hội họp, cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin cho lãnh đạo đảng các cấp.*

Tăng cường và nâng cao chất lượng, đồng thời bổ sung chức năng cổng giao tiếp điện tử của Đảng, thiết lập một kênh thông tin trên cổng giao tiếp điện tử để nhân dân góp ý xây dựng Đảng, cho *Website Đảng Cộng sản Việt Nam*. Các cơ quan trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy *có các trang tin điện tử liên kết với cổng thông tin điện tử của Đảng* là Website Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Xây dựng và ban hành chính thức *hệ thống các quy chế, quy trình công tác, các chuẩn thông tin, chuẩn công nghệ,* trên cơ sở cải tiến một cách đồng bộ phương pháp làm việc trong hệ thống các cơ quan đảng, bảo đảm tính thống nhất, an toàn và có hiệu quả. Tất cả các cơ quan trung ương và cấp ủy từ cấp quận, huyện trở lên đều *có cán bộ lãnh đạo được phân công trực tiếp phụ trách công tác thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin (CIO);* thành lập và kiện toàn *các trung tâm công nghệ thông tin* theo tinh thần Quyết định số 47-QĐ/TW của Ban Bí thư (khóa IX) ở Văn phòng Trung ương và ở văn phòng các tỉnh ủy, thành ủy; thành lập trung tâm thông tin ở các ban Trung ương.

4. 100% cán bộ, chuyên viên, nhân viên nghiệp vụ có liên quan tới xử lý thông tin trong các cơ quan đảng đều có máy tính và *sử dụng máy tính, mạng máy tính để làm việc với các hệ thống thông tin điện tử theo chức năng, nhiệm vụ được giao.*

2. Yêu cầu

1. Bảo đảm hoàn thành việc *tin học hóa và bước đầu tự động hóa* các quy trình thu thập, xử lý, truyền tải, cung cấp, lưu trữ thông tin trong toàn bộ hoạt động của các cơ quan

đảng; đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp công tác thông tin, tăng lượng thông tin hữu ích, giảm bớt các thông tin thừa, có tính hình thức.

2. *Phối hợp chặt chẽ các cơ quan trong hệ thống chính trị thực hiện cải cách hành chính,* hướng tới chính phủ điện tử, thắt chặt hơn nữa mối liên hệ Đảng với dân, Nhà nước với dân (truyền tải các chủ trương, chính sách của Đảng đến dân, giải đáp cho người dân những vấn đề khúc mắc, tạo điều kiện cho dân đóng góp xây dựng Đảng, chính quyền,...).

3. *Thống nhất sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng* của Đảng và Nhà nước, đồng thời tận dụng tối đa năng lực mạng viễn thông quốc gia ở những nơi chưa thiết lập được hoặc không cần thiết phải thiết lập mạng chuyên dùng. *Tận dụng và khai thác triệt để hạ tầng công nghệ thông tin hiện có.*

4. Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chính phủ và cơ quan đảng trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng mạng, các giải pháp an toàn an ninh mạng, xác thực điện tử, các chuẩn công nghệ, chuẩn thông tin, tích hợp cơ sở dữ liệu..., bảo đảm tính thống nhất của mạng thông tin điện tử quốc gia.

5. Làm rõ những dự án cần đầu tư ngân sách trung ương để đầu tư đủ, chỉ đạo thực hiện kiên quyết, có hiệu quả thiết thực, đúng tiến độ đề ra; tránh đầu tư chồng chéo, manh mún.

III- NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

Việc xác định các nhóm dự án và các dự án cụ thể của Đề án giai đoạn 2006 - 2010 phải bảo đảm tính thiết thực của

từng dự án, không có sự trùng lặp giữa các dự án, thực hiện được mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể của Đề án.

Căn cứ các mục tiêu, yêu cầu đã được xác định, nội dung của *Đề án tin học hóa hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2006 - 2010,* bao gồm các nội dung và các nhóm dự án sau đây:

1. Nhóm dự án về nâng cấp, mở rộng, bảo đảm an toàn, an ninh mạng thông tin diện rộng của Đảng, xây dựng và triển khai hệ thống chứng thực điện tử và bảo mật thông tin áp dụng cho các cơ quan đảng

Các dự án nhóm 1 gồm:

- Các dự án **nâng cấp, mở rộng, bảo đảm an toàn an ninh mạng** thông tin diện rộng của Đảng giai đoạn 2006 - 2010, dự kiến bao gồm 84 dự án thành phần của các cơ quan trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy. Đảng bộ Công an, Đảng bộ Quân đội và các tổ chức chính trị - xã hội lập các dự án riêng theo kế hoạch và đề án của Chính phủ. Các đảng đoàn, ban cán sự đảng sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội để làm việc và kết nối với mạng thông tin diện rộng của Đảng.

- Dự án tiếp tục xây dựng và triển khai hệ thống chứng thực điện tử và bảo mật thông tin áp dụng cho các cơ quan đảng. Dự án này cần được triển khai sớm trong 2 năm 2006 - 2007 và phải phối hợp chặt chẽ với các dự án xây dựng triển khai hệ thống chứng thực điện tử của các cơ quan nhà nước, bảo đảm thiết thực, hiệu quả và không đầu tư trùng lặp.

2. Nhóm dự án về hoàn thiện và triển khai thống nhất trong các cơ quan đảng hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp, bổ sung và hoàn thiện các cơ sở dữ liệu dùng chung, phát triển các hệ thống thông tin chuyên ngành, nâng cấp Website Đảng Cộng sản Việt Nam, tích hợp các hệ thống thông tin của Đảng và Nhà nước, bảo đảm một hệ thống thông tin quốc gia thống nhất

Các dự án nhóm 2 gồm:

- Dự án xây dựng hệ thống bảo trì, nâng cấp, cập nhật trực tuyến phần mềm **hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp** trong các cơ quan đảng.

- Dự án xây dựng hệ thống bảo trì, nâng cấp, cập nhật trực tuyến các **phần mềm dịch vụ hệ thống và phần mềm bảo vệ** mạng thông tin diện rộng của Đảng.

- Dự án xây dựng **hệ thống thông tin tổng hợp** (hệ thống thông tin hỗ trợ quyết định) phục vụ sự lãnh đạo của Trung ương và của các cấp ủy đảng.

- Dự án **liên kết và tích hợp các hệ thống thông tin**, bảo đảm khả năng tra cứu, tổng hợp thông tin từ các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và các hệ thống cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước, Quốc hội phục vụ cho các cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước.

- Dự án xây dựng **Kho lưu trữ điện tử của Trung ương Đảng** giai đoạn 2006 - 2010 phục vụ mục đích bảo hiểm, lưu trữ và khai thác tài liệu lưu trữ của Kho Lưu trữ Trung ương Đảng.

- Dự án hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý **cơ sở dữ liệu Văn kiện Đảng**.

- Dự án hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý **cơ sở dữ liệu Mục lục hồ sơ lưu trữ Phông lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam**.

- Dự án xây dựng và triển khai **hệ thống hội nghị từ xa** trong các cơ quan đảng.

- Dự án xây dựng hệ thống **thông tin chuyên ngành tổ chức cán bộ**, hoàn thiện và bảo trì trực tuyến các phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên và các phần mềm thuộc hệ thống thông tin chuyên ngành tổ chức cán bộ.

- Dự án xây dựng hệ thống **thông tin quản lý trực tuyến tài chính - tài sản** toàn Đảng.

- Dự án xây dựng hệ thống thông tin chuyên ngành về **công tác kiểm tra Đảng**.

- Dự án xây dựng hệ thống thông tin chuyên ngành về **công tác tư tưởng - văn hóa**.

- Dự án xây dựng hệ thống thông tin chuyên ngành về **công tác khoa giáo**.

- Dự án xây dựng hệ thống thông tin chuyên ngành về **công tác dân vận**.

- Dự án xây dựng hệ thống thông tin chuyên ngành về **công tác nội chính**.

- Dự án xây dựng hệ thống thông tin chuyên ngành về **kinh tế - xã hội**.

- Dự án xây dựng hệ thống thông tin chuyên ngành về **bảo vệ chính trị - nội bộ**.

- Dự án **nâng cấp Website Đảng Cộng sản Việt Nam**, xây dựng cổng giao tiếp điện tử của Đảng và thiết lập kênh thông tin để nhân dân góp ý xây dựng Đảng.

3. Nhóm dự án về xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy trình công tác, các chuẩn thông tin và các quy định về tổ chức, cán bộ phục vụ cho việc triển khai các hệ thống thông tin điện tử của Đảng

Các dự án nhóm 3 gồm:

- Dự án xây dựng các **quy định về tổ chức, cán bộ** phục vụ cho việc quản lý và triển khai các hệ thống thông tin điện tử của Đảng. Các quy định do Trưởng Ban Tổ chức Trung ương ban hành.

- Dự án xây dựng các **quy định về các chuẩn thông tin và chuẩn công nghệ** phục vụ cho việc quản lý và triển khai các hệ thống thông tin điện tử của Đảng. Các quy định do Trưởng Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng ban hành.

- Dự án xây dựng các **quy định về đổi mới quy trình công tác và lề lối làm việc** của các cơ quan đảng trên cơ sở triển khai các hệ thống thông tin điện tử của Đảng. Các quy định do Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành.

4. Nhóm dự án về đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho việc triển khai các hệ thống thông tin điện tử của Đảng giai đoạn 2006 - 2010

Các cơ quan đảng phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành Đề án 112, Bộ Nội vụ, hệ thống các học viện chính trị để đào tạo, đào tạo lại cán bộ về những nội dung thuộc chương trình đào tạo chung cho cả cán bộ đảng, chính quyền. Các dự án nhóm 4 chỉ triển khai các nội dung đào tạo có tính đặc thù có liên quan trực tiếp tới các hệ thống thông tin điện tử của Đảng.

Các dự án nhóm 4 gồm:

- Dự án đào tạo, tập huấn **cán bộ, chuyên viên, nhân viên nghiệp vụ** trong các cơ quan đảng về yêu cầu, nhiệm vụ và kỹ năng ứng dụng các hệ thống thông tin điện tử của Đảng phù hợp với nhiệm vụ được giao. Dự án này bao gồm các dự án thành phần do từng cơ quan trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy thực hiện, đặt dưới sự chỉ đạo thống nhất về nội dung, chương trình của Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng và của các ban Trung ương.

- Dự án đào tạo **cán bộ quản trị mạng** phục vụ cho việc quản lý và triển khai các hệ thống thông tin điện tử của Đảng.

- Dự án đào tạo **cán bộ lãnh đạo về quản lý các hệ thống thông tin và chỉ đạo việc ứng dụng công nghệ thông tin** trong các cơ quan đảng.

IV- ĐẦU TƯ

1. Yêu cầu đầu tư

Việc đầu tư xây dựng hệ thống thông tin điện tử của Đảng phải thiết thực, có hiệu quả. Ưu tiên đầu tư nhiều hơn cho việc xây dựng nội dung thông tin, phần mềm ứng dụng, đào tạo và đặc biệt là cho công tác triển khai ứng dụng tại các đơn vị; bảo đảm tỷ lệ đầu tư hợp lý giữa xây dựng hệ thống thông tin và xây dựng hạ tầng công nghệ.

Kế thừa, tận dụng tối đa các thiết bị, kỹ thuật, tài nguyên thông tin đã được đầu tư xây dựng trong giai đoạn trước.

Thống nhất về công nghệ kết nối mạng và những phần mềm ứng dụng dùng chung, bảo đảm kết nối với các cơ quan nhà nước.

Thủ trưởng các cơ quan phải chịu trách nhiệm trực tiếp về hiệu quả đầu tư và hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan mình; bảo đảm thực hiện nghiêm túc các chế độ quy định về sử dụng kinh phí của Đảng và Nhà nước.

Việc tính dự toán kinh phí đối với từng dự án phải căn cứ vào chế độ, chính sách, định mức chi tiêu hiện hành của Đảng và Chính phủ để xác định.

2. Cơ chế quản lý đầu tư

Đầu tư tập trung cho Đề án bằng ngân sách nhà nước Trung ương theo cơ chế đầu tư cho chương trình mục tiêu quốc gia. Áp dụng cơ chế quản lý đầu tư như quản lý Đề án tin học hóa hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2001 - 2005. Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng là đầu mối quản lý chung, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương là đầu mối giúp Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng quản lý về tài chính. Để bảo đảm kinh phí cho việc triển khai thực hiện Đề án tin học hóa hoạt động của các cơ quan đảng theo đúng tiến độ, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính ghi vào Kế hoạch ngân sách nhà nước 5 năm 2006 - 2010 và từng năm theo dự kiến phân kỳ đầu tư dưới đây của Đề án.

Cơ chế bố trí vốn thực hiện Đề án:

(1) Ngân sách trung ương bố trí nâng cấp, đầu tư mới;

chi đào tạo, tập huấn chương trình đi kèm với trang bị máy móc, thiết bị tin học cho cán bộ chuyên trách công tác đảng. Phương thức bố trí nguồn vốn ngân sách trung ương như sau:

- Đối với các nhiệm vụ thực hiện ở Trung ương (Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và Khối Học viện trực tiếp thực hiện cả vốn đầu tư và chi sự nghiệp): bố trí trong dự toán ngân sách trung ương, cấp trực tiếp cho Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và Khối Học viện.

- Đối với các nhiệm vụ do cơ quan đảng địa phương (cả vốn đầu tư và chi sự nghiệp) trực tiếp thực hiện: ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho các địa phương.

(2) Ngân sách địa phương bố trí chi cước phí viễn thông, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị công nghệ thông tin đã được đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương; đào tạo lại, đào tạo nâng cao cán bộ chuyên trách công tác đảng.

Nguyên tắc phân kỳ đầu tư như sau: vốn đầu tư phát triển phải được cấp dứt điểm trong 2 năm đầu, vốn chi thường xuyên cấp theo tiến độ thực hiện của các dự án. Đối với các dự án đầu tư phát triển phải hoàn thành chậm nhất trong 2 năm. Sau khi dự án được phê duyệt, bảo đảm cấp đủ vốn theo tiến độ. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương kiểm tra và có báo cáo cụ thể 6 tháng một lần về tình hình cấp phát và giải ngân các nguồn vốn.

Ngoài nguồn ngân sách của Trung ương cấp cho các dự án thuộc Đề án này, khuyến khích các địa phương sử dụng ngân sách địa phương đầu tư thêm cho các dự án cần thiết khác nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ

thông tin có hiệu quả trong hoạt động của các tổ chức đảng tại địa phương.

3. Dự toán kinh phí

Từ yêu cầu và cơ chế đầu tư nêu trên, các cơ quan đảng ở trung ương, các cấp ủy địa phương phải lập dự toán hằng năm các khoản mục chi cho cước phí viễn thông và bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị công nghệ thông tin thuộc dự toán ngân sách chi thường xuyên hằng năm của cơ quan, cấp ủy mình. Trong Đề án tin học hóa hoạt động của các cơ quan đảng sẽ không dự toán các khoản chi này.

Tổng khái toán kinh phí của Đề án giai đoạn 2006 - 2010 khoảng **672 tỉ đồng** (các dự án của Trung ương 201,6 tỉ đồng, các dự án của địa phương 470,4 tỉ đồng), trong đó *vốn đầu tư phát triển là* 474 tỉ đồng (các cơ quan trung ương 82 tỉ đồng và các địa phương 392 tỉ đồng) và *vốn chi thường xuyên (sự nghiệp) là* 198 tỉ đồng (các cơ quan trung ương 120 tỉ đồng và các địa phương 78 tỉ đồng).

Dự kiến phân kỳ đầu tư từng năm cho Đề án như sau (đơn vị tính: tỉ đồng):

Nguồn vốn	2007	2008	2009	2010	Cộng
Ngân sách trung ương					
- *Vốn đầu tư phát triển*	300,0	174,0			**474**
- *Vốn chi thường xuyên*	60,0	78,0	40,0	20,0	**198**
Cộng:	**360,0**	**252,0**	**40,0**	**20,0**	**672**

Dự toán và cơ cấu đầu tư các nhóm dự án như sau:

STT	Nhóm dự án	Dự toán (tỉ đồng)	Tỷ trọng %
1	Nhóm dự án về hạ tầng kỹ thuật, gồm 84 dự án thành phần, kể cả trang bị cho cấp ủy xã, phường: 424 tỉ đồng; Dự án về hệ thống chứng thực điện tử và bảo mật thông tin: 30 tỉ đồng. Nguồn vốn: 454 tỉ đồng, từ Vốn đầu tư phát triển, ngân sách trung ương.	454	67,55
2	Nhóm dự án về hoàn thiện các hệ thống thông tin điện tử gồm 19 dự án: 110,2 tỉ đồng. Nguồn vốn: - Vốn đầu tư phát triển, ngân sách trung ương: 20 tỉ đồng (thiết bị và phần mềm Kho lưu trữ điện tử: 15 tỉ đồng; Hệ thống hội nghị từ xa: 5 tỉ đồng). - Vốn chi thường xuyên: 90,2 tỉ đồng.	110,2	16,4
3	Nhóm dự án về xây dựng quy chế, quy trình công tác, chuẩn thông tin các quy định về tổ chức, cán bộ: 5 tỉ đồng.	5	

	Nguồn vốn: chi thường xuyên, ngân sách trung ương.		0,74
4	Nhóm dự án về đào tạo nguồn nhân lực: 52 tỉ đồng. Nguồn vốn: chi thường xuyên, ngân sách trung ương.	52	7,74
	Cộng các dự án	621,2	
	Quản lý Đề án (5% của 621,2)	31,06	4,6
	Dự phòng phát sinh dự án mới	20	2,97
	Cộng: (làm tròn số)	**672**	**100,0**

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ban Bí thư đồng ý với nội dung và các dự án của Đề án giai đoạn 2006 - 2010 do Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng trình Ban Bí thư xem xét tại Tờ trình số 03-TTr/CNTT, ngày 25-5-2006.

Sau khi Đề án tin học hóa hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2006 - 2010 được ban hành, Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng chủ trì phối hợp các chủ dự án, chỉ đạo chặt chẽ và hướng dẫn cụ thể việc xây dựng các dự án khả thi, trong đó phải làm rõ mục đích, các chỉ tiêu, các yêu cầu, nội dung, dự toán và tính hiệu quả của từng dự án. Đặc biệt, việc xây dựng từng hệ thống thông tin chuyên ngành phải bảo đảm tính liên kết, khả năng tích hợp với các hệ thống thông tin thành phần khác trong hệ thống thông tin điện tử của Đảng. Tiếp tục thực hiện chủ trương sử

dụng rộng rãi phần mềm nguồn mở trong các dự án xây dựng hệ thống thông tin của các cơ quan đảng.

1. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện

Ban Bí thư và các cấp ủy đảng có trách nhiệm thường xuyên lãnh đạo và chỉ đạo việc tổ chức thực hiện Đề án này.

Trên cơ sở những nội dung nêu tại mục III, Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng chỉ đạo các cơ quan trực thuộc Trung ương, các cấp ủy đảng xây dựng hoàn chỉnh các dự án cụ thể; tổ chức thẩm định, chỉ đạo về nội dung khoa học và công nghệ của các dự án; phối hợp với Ban Tài chính - Quản trị Trung ương tổ chức thẩm định và phê duyệt tổng dự toán và quyết toán các dự án cụ thể của các cơ quan Trung ương; ủy quyền cho thường trực các tỉnh ủy, thành ủy phê duyệt tổng dự toán và quyết toán các dự án của các tỉnh ủy, thành ủy do văn phòng tỉnh ủy, thành ủy là chủ đầu tư; kiểm tra các cơ quan Trung ương Đảng, các cấp ủy đảng tổ chức thực hiện và quyết toán các dự án được phê duyệt.

Ban Tài chính - Quản trị Trung ương giúp Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng thống nhất quản lý tài chính của Đề án, chịu trách nhiệm hướng dẫn việc chi tiêu, thanh, quyết toán các dự án đúng với các quy định hiện hành.

2. Tổ chức bộ máy

- Tiếp tục kiện toàn Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng và Bộ phận thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo để chỉ đạo việc thực hiện Đề án này và góp phần tham mưu cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề liên quan

đến chiến lược ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của đất nước.

- Các cơ quan thuộc Trung ương Đảng và các tỉnh ủy, thành ủy, các huyện, quận, thị ủy phân công một đồng chí lãnh đạo đang tham gia điều hành công việc chung của cấp ủy, có hiểu biết nhất định về công nghệ thông tin trực tiếp lãnh đạo, quản lý công tác thông tin và công nghệ thông tin (CIO) của Đảng.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy của các bộ phận chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan đảng để bảo đảm kỹ thuật, vận hành hệ thống mạng tin học, tham mưu giúp lãnh đạo cơ quan và cấp ủy về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin. Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, *phối hợp với Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng và Văn phòng Trung ương Đảng, nghiên cứu và có văn bản hướng dẫn cụ thể trong năm 2006 về kiện toàn tổ chức bộ máy của các bộ phận chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan đảng*, hướng dẫn việc thành lập các trung tâm công nghệ thông tin *ở các văn phòng tỉnh ủy, thành ủy,* xác định kế hoạch và bước đi cụ thể để các trung tâm công nghệ thông tin chuyển dần thành *các đơn vị sự nghiệp có thu*.

3. Về cán bộ

Phải bảo đảm đủ biên chế chuyên trách về công nghệ thông tin tại Văn phòng Trung ương Đảng, các ban Trung ương Đảng, các văn phòng tỉnh ủy, thành ủy và các văn phòng quận, huyện, thị ủy. Các cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin phải được tuyển chọn kỹ, có phẩm chất chính

trị tốt và có trình độ chuyên môn từ cao đẳng, đại học hoặc trên đại học chuyên ngành công nghệ thông tin hoặc điện tử - tin học - viễn thông.

4. Về chính sách

Tiếp tục thực hiện các quy định tại Quyết định 47-QĐ/TW của Ban Bí thư khóa IX. Theo đó, tất cả cán bộ tuyển vào cơ quan, tất cả cán bộ được đề bạt giữ chức từ trưởng, phó phòng trở lên đều phải đạt trình độ tin học văn phòng phổ thông, phải biết sử dụng máy tính và mạng máy tính để làm việc.

Cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin được thường xuyên bồi dưỡng nâng cao trình độ, ưu tiên cử tham gia hội thảo, học tập về công nghệ thông tin ở trong và ngoài nước.

5. Tiến độ thực hiện

Năm 2006: tiếp tục thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ còn lại của Đề án 47. Hoàn thành việc xây dựng và phê duyệt các dự án thuộc Đề án tin học hóa hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2006 - 2010.

Giai đoạn 2007 - 2008: bổ sung trang thiết bị tin học, mở rộng kết nối mạng diện rộng đến cấp xã trong cả nước theo mục tiêu đã xác định; hoàn thành hệ thống chứng thực điện tử; triển khai có nền nếp hệ điều hành tác nghiệp và các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu dùng chung đã được xây dựng trong giai đoạn 2001 - 2005. Tích hợp hệ thống mạng thông tin diện rộng của Đảng với mạng tin học của Chính phủ, Quốc hội, từng bước đẩy mạnh việc tích hợp các hệ thống thông tin của Đảng, Nhà nước.

Giai đoạn 2009 - 2010: hoàn thiện và áp dụng phổ biến, có nền nếp các hệ thống thông tin điện tử của Đảng.

6. Trách nhiệm thực hiện

Trách nhiệm của từng cơ quan:

Có kế hoạch đẩy mạnh việc trao đổi thông tin trên mạng, làm việc thông qua mạng để đổi mới lề lối làm việc, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác điều hành, quản lý.

Tổ chức xây dựng và đưa vào khai thác, sử dụng có nền nếp các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của cơ quan, bảo đảm cập nhật dữ liệu thường xuyên cho các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu này.

Các tỉnh ủy, thành ủy tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị 58-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII), thường xuyên tổng hợp tình hình, báo cáo Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng theo định kỳ 6 tháng một lần vào giữa năm và cuối năm.

Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng:

Chỉ đạo việc thực hiện Đề án tin học hóa hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2006 - 2010 đã được Ban Bí thư phê duyệt.

Chỉ đạo việc xây dựng, xem xét, phê duyệt các dự án về mặt khoa học và công nghệ, kiểm tra thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hằng năm của các cơ quan đảng ở trung ương, tỉnh ủy, thành ủy.

Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương và các cơ quan nhà nước hữu quan, chỉ đạo việc hướng dẫn nghiệp vụ và hỗ trợ kỹ thuật đối với các cơ quan đảng ở trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy.

Tổ chức hội nghị sơ kết hằng năm.

Chỉ đạo việc tổ chức bồi dưỡng, đào tạo phổ cập và nâng cao kiến thức về công nghệ thông tin cho các loại cán bộ trong hệ thống cơ quan đảng.

Phối hợp với các ban đảng và các bộ, ngành liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ tổ chức quán triệt, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chỉ thị 58-CT/TW của Bộ Chính trị.

Kết hợp với các cơ quan liên quan của Quốc hội và Chính phủ, đặc biệt kết hợp với Đề án tin học hóa quản lý hành chính nhà nước để hình thành Đề án chung về tin học hóa công tác quản lý, điều hành của Nhà nước và sự lãnh đạo của Đảng trên phạm vi toàn quốc.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ:

Đề nghị kiện toàn Ban Chỉ đạo quốc gia về công nghệ thông tin, do Thủ tướng đứng đầu, tăng cường chức năng chỉ đạo chung về mạng thông tin quốc gia và kế hoạch xây dựng chính phủ điện tử (bao gồm xây dựng mạng thông tin quốc gia và tích hợp các hệ thống thông tin của Đảng và Nhà nước). Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng là một thành viên trong Ban Chỉ đạo quốc gia về công nghệ thông tin.

Chỉ đạo các cơ quan có liên quan phối hợp với Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng thống nhất xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án chung về tin học hóa công tác quản lý, điều hành của Nhà nước và sự lãnh đạo của Đảng, nghiên cứu, ban hành các quy định về cơ chế đầu tư và quản lý tài chính riêng cho các dự án công nghệ thông tin.

Chỉ đạo các cơ quan có liên quan bảo đảm kinh phí, bố trí vào kế hoạch ngân sách 5 năm 2006 - 2010 và hằng năm để việc triển khai Đề án tin học hóa hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2006 - 2010 được tiến hành thuận lợi và đồng bộ với việc triển khai Đề án tin học hóa quản lý hành chính nhà nước giai đoạn 2006 - 2010 của Chính phủ.

Văn phòng Trung ương:

Chủ trì việc quản lý, vận hành, bảo đảm kỹ thuật mạng thông tin diện rộng của các cơ quan đảng; hướng dẫn, kiểm tra, hỗ trợ kỹ thuật đối với các cơ quan đảng ở trung ương và địa phương.

Xây dựng quy chế về việc cung cấp, trao đổi và khai thác dữ liệu trên mạng thông tin diện rộng của các cơ quan đảng.

Phối hợp với các các ban đảng và các cơ quan liên quan xây dựng hệ thống thông tin điện tử phục vụ công tác chỉ đạo và ra quyết định của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

Thực hiện tin học hóa công tác quản lý, khai thác, bảo quản tài liệu thuộc Phông Lưu trữ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội xây dựng quy chế và thực hiện cung cấp, trao đổi và khai thác dữ liệu trên mạng máy tính của bốn Văn phòng.

Ban Tài chính - Quản trị Trung ương:

Phối hợp với Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin cơ quan đảng xác định kế hoạch tài chính, cơ chế xét duyệt các nhiệm vụ; giúp Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ

quan đảng quản lý tài chính của Đề án, có cơ chế sử dụng và kiểm tra việc sử dụng kinh phí dành cho các nội dung công nghệ thông tin.

Phối hợp với các bộ, ngành chức năng bảo đảm kế hoạch kinh phí cho các dự án công nghệ thông tin đã được Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng phê duyệt; hướng dẫn và quản lý chặt chẽ việc cấp phát, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí của Đề án theo đúng quy định hiện hành của Đảng và Nhà nước.

Ban Tổ chức Trung ương:

Phối hợp với các ban trung ương và Văn phòng Trung ương tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về công nghệ thông tin cho các cán bộ, chuyên viên cơ quan đảng theo kế hoạch được Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng phê duyệt.

Xây dựng và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của các bộ phận chuyên trách công nghệ thông tin, các trung tâm công nghệ thông tin trong các cơ quan đảng ở trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy.

Quy định yêu cầu về trình độ công nghệ thông tin đối với các loại cán bộ; ban hành chính sách đối với cán bộ công nghệ thông tin trong hệ thống các cơ quan đảng.

Ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tiêu chuẩn đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý công tác thông tin và công nghệ thông tin (CIO) của Đảng.

Nghiên cứu đổi mới về tổ chức, bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan đảng một cách phù hợp với việc ứng dụng công nghệ thông tin.

Ban Khoa giáo Trung ương:

Phối hợp với Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng triển khai các dự án về đào tạo cán bộ lãnh đạo và về tổ chức các đoàn nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm của các nước về công nghệ thông tin.

Ban Cơ yếu Chính phủ, Ban Cán sự Đảng Bộ Bưu chính - Viễn thông:

Phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan đảng và Văn phòng Trung ương Đảng bảo đảm các điều kiện về viễn thông và về an toàn, bảo mật thông tin khi triển khai thực hiện đề án tin học hóa hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2006 - 2010.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 08-TB/TW, ngày 28 tháng 6 năm 2006

Về việc ban hành Chỉ thị về tổ chức cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"

Tại phiên họp ngày 8-6-2006, sau khi nghe Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương báo cáo kết quả đợt làm điểm cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" và việc ban hành Chỉ thị của Bộ Chính trị tổ chức cuộc vận động lớn trong toàn Đảng, toàn dân về chủ đề này (Tờ trình số 01-TTr/TTVH, ngày 10-5-2006), ý kiến đóng góp của các ban, ngành liên quan, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Thực hiện Kết luận Hội nghị Trung ương 12 (khóa IX), việc triển khai chỉ đạo điểm cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" đã được thực hiện nghiêm túc, tích cực, bước đầu rút được những kinh nghiệm tốt.

2. Tổ chức cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" trong cán bộ, đảng viên và nhân dân theo Kết luận Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung

ương khóa IX là một chủ trương lớn, vừa mang tính cấp bách trong bối cảnh tình hình hiện nay, vừa có ý nghĩa lâu dài đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của đất nước ta.

3. Mục đích, yêu cầu của cuộc vận động là: tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức tự giác rèn luyện, phấn đấu học và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong mỗi người, mỗi cơ quan, đơn vị ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về đạo đức, lối sống và các tệ nạn trong xã hội. Cuộc vận động được tổ chức sâu rộng, thiết thực, hiệu quả, trong cả hệ thống chính trị và trong toàn xã hội, không phô trương, hình thức. Việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Bác gắn liền với việc triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng, với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng; gắn tính tự giác học tập, rèn luyện của mỗi cá nhân với sự kiểm tra, giám sát của tổ chức và nhân dân.

4. Về nội dung của cuộc vận động: tổ chức nghiên cứu, học tập và làm theo tư tưởng đạo đức trong các tác phẩm "Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân", "Di chúc" và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; tập trung vào các phẩm chất "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư", ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Mỗi người tự liên hệ, tự phê bình, kiểm điểm cá nhân; tổ chức để quần chúng ở nơi công tác và nơi cư trú góp ý cho cán bộ, đảng viên. Các cơ quan, đơn vị xây dựng tiêu chuẩn đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên, công chức

để phấn đấu thực hiện, phù hợp với thực tiễn từng cơ quan, đơn vị, xây dựng chương trình hành động khắc phục các thiếu sót, khuyết điểm, yếu kém; xử lý các sai phạm được phát hiện theo đúng kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tổ chức tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về cuộc vận động.

5. Bộ Chính trị sẽ ban hành chỉ thị, phát động cuộc vận động vào dịp Kỷ niệm 77 năm Ngày thành lập Đảng (3-2-2007); thành lập Ban Chỉ đạo do đồng chí Tổng Bí thư trực tiếp làm Trưởng ban. Ở các cấp, các ngành, các địa phương, cấp ủy và đồng chí lãnh đạo cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện cuộc vận động tại địa phương và cơ quan, đơn vị mình.

Giao Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì, phối hợp với Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh dự thảo Chỉ thị, hướng dẫn thực hiện Chỉ thị, biên soạn tài liệu, chuẩn bị đội ngũ giảng viên phục vụ cuộc vận động.

Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" sẽ thực hiện trong suốt nhiệm kỳ Đại hội X của Đảng. Hằng năm, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì sơ kết, rút kinh nghiệm và đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 03-CT/TW, ngày 14 tháng 7 năm 2006

Về lãnh đạo Đại hội Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đoàn

Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đoàn (năm 2002) đến nay, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp đã bám sát nhiệm vụ chính trị, có nhiều cố gắng đổi mới nội dung, hình thức hoạt động. Các phong trào thi đua, các cuộc vận động với nhiều hình thức phong phú và cách làm sáng tạo, đã thu hút đông đảo các tầng lớp thanh niên tham gia, tạo môi trường cho tuổi trẻ rèn luyện, cống hiến, trưởng thành; góp phần tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, xây dựng và củng cố tổ chức Đoàn vững mạnh. Tuy nhiên, trước đòi hỏi của thực tiễn, nội dung và phương thức hoạt động của Đoàn, nhất là ở cơ sở còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công tác tập hợp, đoàn kết và giáo dục thanh, thiếu nhi trong tình hình hiện nay.

Năm 2006, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tiến hành tổ chức đại hội đoàn các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đoàn. Đây là sự kiện chính trị quan trọng của thế hệ trẻ Việt Nam, đánh dấu một giai đoạn mới trong việc phát huy mạnh mẽ vai trò, tiềm năng to lớn của các tầng lớp thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Để lãnh đạo đại hội đoàn các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đoàn đạt kết quả tốt, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng tập trung chỉ đạo thực hiện tốt những nhiệm vụ chính sau đây:

1. Chỉ đạo ban chấp hành đoàn các cấp chuẩn bị tốt nội dung đại hội đoàn cấp mình. Báo cáo tổng kết cần đánh giá đúng thực trạng tình hình thanh niên, công tác đoàn và phong trào thanh, thiếu nhi ở mỗi cấp, nêu rõ những việc đã làm được và chưa làm được, phân tích sâu sắc nguyên nhân yếu kém, rút ra bài học kinh nghiệm và dự báo tình hình thực tiễn. Trên cơ sở quán triệt sâu sắc nội dung Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và nghị quyết đại hội đảng các cấp, cần xác định rõ phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp cụ thể, thiết thực, tiếp tục đổi mới, khắc phục những mặt còn yếu kém, nâng cao chất lượng tổ chức và hoạt động đoàn ở các cấp, nhất là ở cơ sở. Đặc biệt, cần quan tâm chỉ đạo công tác giáo dục chính trị - tư tưởng, bồi dưỡng lý tưởng, đạo đức cách mạng và giáo dục truyền thống cho thanh niên.

Tiếp tục tập trung lãnh đạo và tạo điều kiện thuận lợi để các cấp bộ đoàn tổ chức có hiệu quả các hoạt động tập hợp, đoàn kết các tầng lớp thanh niên; chăm lo các quyền và lợi

ích chính đáng của thanh niên; phát huy vai trò, khả năng sáng tạo và tiềm năng to lớn của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đại hội Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp phải thực sự là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong mọi tầng lớp thanh niên, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, góp phần thiết thực tạo sự chuyển biến mới trong nhận thức và hành động, thu hút sự quan tâm chăm lo cho công tác thanh niên của các cấp, các ngành và của toàn xã hội. Đồng thời, củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở của đoàn, nâng cao chất lượng đoàn viên và vai trò nòng cốt của tổ chức đoàn trong Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam; phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh; bồi dưỡng, giới thiệu nhiều đoàn viên ưu tú cho Đảng.

2. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới công tác cán bộ đoàn tại đại hội đoàn các cấp theo hướng mở rộng và phát huy dân chủ, đảm bảo đúng quy trình và tiêu chuẩn trong việc lựa chọn, giới thiệu nhân sự bầu vào ban chấp hành đoàn ở mỗi cấp, nhất là đối với những chức danh chủ chốt. Nhân sự ban chấp hành đoàn các cấp cần đảm bảo tính kế thừa và phát triển, bao gồm những đồng chí có đủ tiêu chuẩn, thực sự tiêu biểu về phẩm chất, trí tuệ, trưởng thành từ thực tiễn phong trào thanh niên; có khả năng tập hợp thanh niên, được thanh niên tín nhiệm; đồng thời có số lượng, cơ cấu hợp lý theo hướng trẻ hóa để lãnh đạo công tác đoàn và phong trào thanh, thiếu nhi trong nhiệm kỳ tới.

3. Việc tổ chức đại hội phải trang trọng, thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, tránh phô trương, hình thức.

4. Các cấp ủy đảng chỉ đạo các cơ quan chính quyền, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể có liên quan ở Trung ương và địa phương phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để đoàn thanh niên các cấp tổ chức tốt đại hội.

5. Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Bí thư Trung ương Đoàn giúp Ban Bí thư theo dõi, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 10-TB/TW, ngày 18 tháng 7 năm 2006

Về Đề án tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng

Tại phiên họp ngày 14-7-2006, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo đề án về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Việc Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét và ban hành Nghị quyết về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng là cần thiết nhằm nghiêm túc thực hiện quy định của Luật phòng, chống tham nhũng.

2. Về vị trí pháp lý và cơ cấu thành phần của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng

Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng là Ban Chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, chịu trách nhiệm về công tác phòng, chống tham nhũng trong phạm vi cả nước.

Tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Về cơ cấu thành phần của Ban Chỉ đạo, bổ sung thêm thành phần: Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin làm thành viên Ban Chỉ đạo.

3. Về nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng

Tán thành với dự thảo nghị quyết về nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo là: *chỉ đạo phối hợp* triển khai công tác phòng, chống tham nhũng; *kiểm tra, đôn đốc* việc thực hiện công tác này trong phạm vi cả nước; *nghiên cứu, tham mưu, đề xuất* việc đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Cần tập trung thực hiện tốt cả hai yêu cầu phòng và chống tham nhũng. Để tạo điều kiện cho việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn nêu trên, cần giao thêm cho Ban Chỉ đạo một số quyền hạn như: tạm đình chỉ chức vụ của cán bộ từ thứ trưởng, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tương đương trở xuống nếu có hành vi tham nhũng, sau đó báo cáo Ban Bí thư biết.

4. Về bộ máy giúp việc cho Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng

Bộ Chính trị tán thành việc thành lập Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng (là cơ quan thường trực chuyên trách giúp Ban Chỉ đạo) theo hướng tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả; gồm những cán bộ, công chức có phẩm chất chính trị tốt: cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ.

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Đảng đoàn Quốc hội khẩn trương hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết và xin thêm ý kiến Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 3.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X*

Ngày 24 tháng 7 năm 2006

Thưa các đồng chí Trung ương,
Thưa các đồng chí dự Hội nghị,

Tiếp theo các Hội nghị Trung ương lần thứ nhất và lần thứ hai vừa qua chủ yếu bàn về vấn đề nhân sự, Hội nghị Trung ương lần này sẽ tập trung vào một số nội dung quan trọng, cấp bách nhằm cụ thể hóa và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng.

Như Chương trình làm việc mà Ban Chấp hành Trung ương vừa thông qua, một số vấn đề được bàn và quyết định tại Hội nghị này là: Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X; Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X; Chương trình

---

* Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X họp từ ngày 24 đến ngày 29-7-2006 tại Thủ đô Hà Nội *(B.T)*.

làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương khóa X; Đề án về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Những quy định của Ban Chấp hành Trung ương về đảng viên làm kinh tế tư nhân và quyết định một số vấn đề khác.

Thưa các đồng chí,

Việc quyết định Quy chế làm việc và Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương cũng như Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương là công việc thường lệ và quan trọng của một hội nghị Trung ương đầu khóa. Các vấn đề này được xây dựng trên cơ sở tổng kết những kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo của nhiệm kỳ trước, đặc biệt là đã dựa vào Điều lệ, Cương lĩnh và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và với mục đích là bảo đảm thực hiện tốt nhất Nghị quyết của Đại hội trong nhiệm kỳ Trung ương khóa X.

Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương khóa X phải thể hiện rõ và đúng chức năng, nhiệm vụ của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, theo đó, Ban Chấp hành Trung ương là cơ quan lãnh đạo của Đảng giữa hai kỳ Đại hội. Quy chế phải bảo đảm thực hiện tốt các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng; giữ vững vai trò là lực lượng lãnh đạo đối với Nhà nước và xã hội, đồng thời phát huy tốt vị trí, chức năng của từng cơ quan trong hệ thống chính trị, nhất là sự chủ động, năng động trong quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước, qua đó góp phần quan trọng vào việc đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội cho phù hợp với yêu

cầu và tình hình mới, đặc biệt là đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương phải bảo đảm cụ thể hóa, triển khai thực hiện thắng lợi các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ quan trọng mà Nghị quyết Đại hội X đã quyết định, lãnh đạo giải quyết kịp thời những vấn đề lớn của Đảng, của đất nước theo đúng trách nhiệm, quyền hạn của Ban Chấp hành Trung ương, trong đó ưu tiên tập trung hơn cho công tác xây dựng Đảng nhằm nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, một trong những nhiệm vụ hàng đầu của nhiệm kỳ Trung ương khóa này.

Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương phải góp phần thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ theo quy định của Điều lệ Đảng, bảo đảm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh nhằm giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối của Đảng; thể hiện rõ trách nhiệm, quyền hạn cùng các nguyên tắc, chế độ làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, với tư cách là cơ quan kiểm tra, giám sát chuyên trách của Ban Chấp hành Trung ương do Điều lệ Đảng quy định.

Về vấn đề đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã chỉ rõ: "*Tích cực phòng ngừa và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí* là đòi hỏi bức xúc của xã hội, là quyết tâm chính trị của Đảng ta nhằm xây dựng một bộ máy lãnh đạo và quản lý trong sạch, vững mạnh, khắc phục một trong những nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta". Đại hội cũng đã định hướng các chủ trương lớn để đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng và chống tham nhũng, lãng phí. Ban Chấp hành Trung ương

chúng ta đặt ngay vào chương trình làm việc của Hội nghị lần này vấn đề tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí là thể hiện quyết tâm chính trị rất cao đó của Đại hội, cũng là quyết tâm của toàn Đảng và mong muốn của toàn dân. Chúng ta có trách nhiệm đề ra những biện pháp rất thiết thực và có hiệu quả để đẩy mạnh toàn diện cuộc đấu tranh đó nhằm tạo ra một bước chuyển biến rõ rệt và cơ bản ngăn chặn, kiềm chế và từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, củng cố niềm tin trong Đảng và trong nhân dân; giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, xã hội công khai, minh bạch, dân chủ, kỷ cương, đội ngũ cán bộ, công chức liêm chính.

Về vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân, Đại hội X của Đảng đã chủ trương: đảng viên làm kinh tế tư nhân phải gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước; nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng và quy định của Ban Chấp hành Trung ương. Đại hội cũng chỉ rõ rằng: những quy định ấy cần sớm được ban hành và chỉ đạo thực hiện, bảo đảm vừa phát huy khả năng làm kinh tế của đảng viên, vừa giữ được tư cách, phẩm chất của đảng viên và bản chất của Đảng. Hội nghị Trung ương lần này có trách nhiệm bàn bạc và đưa ra những quy định phù hợp với tư tưởng chỉ đạo của Đại hội và thể hiện quyết tâm thực hiện Nghị quyết của Đại hội.

Thưa các đồng chí,

Những vấn đề được thảo luận và quyết định tại Hội nghị này đều là những vấn đề hệ trọng. Thời gian Hội nghị không

dài. Đề nghị các đồng chí làm việc khẩn trương, tích cực, thể hiện tinh thần dân chủ và tập thể, thảo luận tập trung vào những vấn đề cốt lõi nhất và còn có ý kiến khác nhau để đi tới quyết định đúng đắn.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X).

Chúc các đồng chí mạnh khỏe.

Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa X,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.5-10.

BÁO CÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 24/TLHN, ngày 28 tháng 7 năm 2006

Về việc phân công, điều chỉnh phân công công tác một số đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ủy ban Kiểm tra Trung ương

(*Trình Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa X*)

Bộ Chính trị xin báo cáo Ban Chấp hành Trung ương về việc phân công, điều chỉnh phân công và bố trí lại công tác một số đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ủy ban Kiểm tra Trung ương như sau:

1. Điều 17, Điều lệ Đảng khóa X quy định: "*Ban Chấp hành Trung ương... thành lập Ban Bí thư gồm Tổng Bí thư, một số Ủy viên Bộ Chính trị do Bộ Chính trị phân công và một số Ủy viên Ban Bí thư do Ban Chấp hành Trung ương bầu trong số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương...*".

Tại Hội nghị Trung ương lần thứ nhất (tháng 4-2006), Bộ Chính trị đã phân công đồng chí Phạm Quang Nghị, Ủy viên Bộ Chính trị, tham gia Ban Bí thư.

Sau Hội nghị Trung ương lần thứ nhất, xuất phát từ nhu cầu công tác và khả năng cán bộ, Bộ Chính trị đã phân công đồng chí Phạm Quang Nghị làm Bí thư Thành ủy Hà Nội; đồng chí Hồ Đức Việt làm Trưởng Ban Tổ chức Trung ương. Do đó, Bộ Chính trị đã điều chỉnh lại việc phân công như sau:

- Đồng chí Phạm Quang Nghị thôi giữ trách nhiệm Bí thư Trung ương Đảng.

- Đồng chí Hồ Đức Việt tham gia Ban Bí thư.

Xin báo cáo lại với Ban Chấp hành Trung ương việc điều chỉnh phân công này.

2. Tại phiên họp ngày 20-7-2006, Bộ Chính trị đã phân công Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư như sau:

- Đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, phụ trách chung và thực hiện nhiệm vụ theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X; phụ trách công tác lý luận nói chung; trực tiếp làm Bí thư Đảng ủy Quân sự Trung ương.

- Đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước, phụ trách công tác tư pháp; tham gia Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương; trực tiếp làm Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương.

- Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, tham gia Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương; phụ trách Đảng ủy Công an Trung ương; Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng.

- Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội.

- Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Thường trực Ban Bí thư; phụ trách tài chính, kinh tế Đảng; phụ trách Văn phòng Trung ương và Ban Kinh tế Trung ương.

- Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ; Trưởng Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ.

- Đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Nội chính Trung ương, Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng; Trưởng Ban Chỉ đạo Tây Bắc.

- Đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao; phụ trách công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước, công tác thông tin đối ngoại.

- Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương; phụ trách công tác bảo vệ chính trị nội bộ và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; phụ trách công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Trung ương.

- Đồng chí Nguyễn Văn Chi, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

- Đồng chí Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an, Bí thư Đảng ủy Công an Trung ương, Trưởng Ban Chỉ đạo Tây Nguyên.

- Đồng chí Phùng Quang Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị,

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Bí thư Đảng ủy Quân sự Trung ương.

- Đồng chí Phạm Quang Nghị, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội.

- Đồng chí Lê Thanh Hải, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đồng chí Tô Huy Rứa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương; phụ trách khối công tác tư tưởng và khoa giáo; Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương.

- Đồng chí Tòng Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương; phụ trách công tác dân tộc, tôn giáo của Đảng; Chủ tịch Hội đồng công tác quần chúng Trung ương.

- Đồng chí Lê Văn Dũng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

Xin báo cáo Ban Chấp hành Trung ương về sự phân công này.

3. Đồng chí Trần Văn Truyền, Ủy viên Trung ương Đảng, được Ban Chấp hành Trung ương bầu vào Ủy ban Kiểm tra Trung ương tại Hội nghị Trung ương lần thứ nhất; được Ủy ban Kiểm tra Trung ương bầu và được Bộ Chính trị chuẩn y giữ chức Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XI, theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Trần Văn Truyền được Quốc hội phê chuẩn và được Chủ tịch nước bổ nhiệm giữ chức Tổng Thanh tra Chính phủ.

Theo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Bộ Chính trị trình Ban Chấp hành Trung ương cho đồng chí Trần Văn Truyền được thôi giữ chức Ủy viên, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X.

Trình Ban Chấp hành Trung ương xem xét, quyết định.

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

Số 03-NQ/TW, ngày 29 tháng 7 năm 2006

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X họp từ ngày 24-7 đến ngày 29-7-2006 tại Hà Nội, sau khi xem xét và thảo luận các tờ trình và các báo cáo của Bộ Chính trị,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua về nguyên tắc những nội dung cơ bản của các dự thảo văn kiện sau đây của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X:

a) Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X.

b) Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X.

c) Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khóa X.

d) Nghị quyết về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

đ) Quy định đảng viên làm kinh tế tư nhân.

Giao Bộ Chính trị, căn cứ ý kiến thảo luận của Ban Chấp hành Trung ương, bản tiếp thu và giải trình của Bộ Chính trị và ý kiến sửa chữa trực tiếp vào văn bản của các đồng chí Ủy viên Trung ương để hoàn chỉnh lần cuối các văn bản nói trên và chỉ đạo việc ban hành.

2. Ban Chấp hành Trung ương đã nghe Bộ Chính trị báo cáo về việc điều chỉnh phân công công tác đối với các đồng chí: Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, tham gia Ban Bí thư Trung ương Đảng; đồng chí Phạm Quang Nghị, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội, thôi tham gia Ban Bí thư Trung ương Đảng.

3. Ban Chấp hành Trung ương nhất trí để đồng chí Trần Văn Truyền, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Thanh tra Chính phủ, thôi giữ chức Ủy viên, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

4. Thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách về Đảng và cho thôi giữ chức Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đối với đồng chí Đào Ngọc Dung, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

Số 04-NQ/TW, ngày 21 tháng 8 năm 2006

Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Trong những năm qua, nhất là từ sau Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, Đảng và Nhà nước ta đã tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí và đã đạt được một số kết quả nhất định, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Nhiều cán bộ, đảng viên giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng, đi đầu trong cuộc đấu tranh này. Nhiều vụ án tham nhũng, trong đó có những vụ án lớn, phức tạp, gây hậu quả nghiêm trọng đã được phát hiện, xử lý.

Tuy nhiên, cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí còn nhiều hạn chế, khuyết điểm, hiệu quả thấp. Tham nhũng, lãng phí vẫn diễn ra nghiêm trọng ở nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực với phạm vi rộng, tính chất phức tạp, gây hậu quả xấu về nhiều mặt, làm giảm sút lòng

tin của nhân dân, là một trong những nguy cơ lớn đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ ta.

Nguyên nhân chủ yếu của những thiếu sót, khuyết điểm trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí là:

- Cơ chế, chính sách, pháp luật chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ, còn nhiều sơ hở, nhưng chậm được sửa đổi, bổ sung.

- Tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nói chung, của bộ máy nhà nước nói riêng, còn nhiều khuyết điểm, chất lượng và hiệu quả chưa cao; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của một số cơ quan, tổ chức chưa được xác định rõ ràng, cụ thể, còn trùng lặp hoặc bị phân tán.

- Nhiều tổ chức đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc về tính nghiêm trọng, sự nguy hại của tệ tham nhũng, lãng phí, nên lãnh đạo không chặt chẽ, thiếu kiểm tra, đôn đốc, thậm chí còn nể nang, né tránh, dung túng, bao che cho tham nhũng, lãng phí; chưa thực sự dựa vào dân và chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị.

- Công tác cán bộ nói chung và việc quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên, công chức nói riêng còn nhiều yếu kém. Một bộ phận không nhỏ đảng viên, cán bộ, công chức suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống. Không ít cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, các ngành, kể cả cán bộ lãnh đạo cao cấp, còn thiếu gương mẫu trong việc giữ gìn phẩm chất đạo đức; chưa đi đầu trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và thực hành tiết kiệm.

Phòng, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Trong những năm tới, phải

đẩy mạnh toàn diện và kiên quyết cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

I- MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ

1. Mục tiêu

Ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí; tạo bước chuyển biến rõ rệt để giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội; củng cố lòng tin của nhân dân; xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh; đội ngũ cán bộ, công chức kỷ cương, liêm chính.

2. Quan điểm

- Đảng lãnh đạo chặt chẽ công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của toàn dân; thực hiện đồng bộ các biện pháp chính trị, tư tưởng, tổ chức, hành chính, kinh tế, hình sự.

- Phòng, chống tham nhũng, lãng phí phải phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, củng cố hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh.

- Vừa tích cực, chủ động phòng ngừa vừa kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, trong đó phòng ngừa là chính. Gắn phòng, chống tham nhũng, lãng phí với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phát huy dân chủ, thực hành tiết kiệm, chống chủ nghĩa cá nhân, chống quan liêu.

- Phòng, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ vừa cấp bách vừa lâu dài; phải tiến hành kiên quyết, kiên trì, liên tục với những bước đi vững chắc, tích cực và có trọng tâm, trọng điểm.

- Kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, chú trọng tổng kết thực tiễn và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của nước ngoài.

II- CHỦ TRƯƠNG, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của đảng viên, cán bộ, công chức và nhân dân về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Tiến hành cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" về *cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư*, tạo nên phong trào tự tu dưỡng, rèn luyện, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và tệ tham nhũng, lãng phí trong Đảng, trong xã hội. Đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, phải nêu gương về đạo đức, lối sống và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến quan điểm, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Đưa nội dung Luật phòng, chống tham nhũng và Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí vào chương trình giáo dục. Mở chuyên mục tuyên truyền, giáo dục về vấn đề này trên các báo, đài.

Bảo vệ, biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

2. Nâng cao tính tiên phong, gương mẫu của tổ chức đảng và đảng viên, tăng cường vai trò của chi bộ trong quản lý, giáo dục đảng viên

Các tổ chức đảng và đảng viên, cán bộ, công chức phải đề cao tinh thần tự tôn, tự hào về dân tộc, về truyền thống cách mạng của Đảng, từ đó tự tu dưỡng bản thân, đi đầu trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Chi bộ đảng phải nắm chắc việc thực hiện nhiệm vụ và quan hệ xã hội của đảng viên trong chi bộ, giáo dục, nhắc nhở và kịp thời kiểm tra, xử lý những trường hợp có dấu hiệu vi phạm, không được dung túng, bao che tham nhũng, lãng phí.

Trường hợp có hành vi tham nhũng, lãng phí cần được xử lý thì cấp ủy đảng phải tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan chức năng thực thi pháp luật, đồng thời lãnh đạo cơ quan, đơn vị hoàn thành nhiệm vụ chính trị; thực hiện nghiêm túc kết luận xử lý gắn với củng cố nội bộ.

Nâng cao tính chiến đấu, thực hiện dân chủ, công khai trong tự phê bình và phê bình theo phương châm "trên trước, dưới sau, trong trước, ngoài sau". Công khai kết quả tự phê bình, kiểm điểm. Trong sinh hoạt đảng và nhận xét, đánh giá đảng viên hằng năm phải có nội dung về phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Tổ chức đảng phải lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp làm tốt vai trò giám sát. Hằng năm, cán bộ chủ chốt cấp xã phải trực tiếp tự phê bình và phê bình tại hội nghị đại diện nhân dân do Mặt trận Tổ quốc tổ chức. Xây dựng và thực hiện cơ chế chất vấn trong sinh hoạt đảng.

3. Tiếp tục hoàn thiện công tác cán bộ phục vụ phòng, chống tham nhũng, lãng phí

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về công tác cán bộ, bảo đảm công khai, dân chủ

Chấn chỉnh công tác thi tuyển, tiếp nhận cán bộ, công chức; chú trọng thanh tra, xử lý tham nhũng trong thi tuyển; bổ sung quy định về việc những người có quan hệ gia đình không được cùng làm một số công việc dễ xảy ra tham nhũng. Thực hiện nghiêm túc, mở rộng dần diện chuyển đổi vị trí công tác trong hệ thống chính trị.

Thí điểm tiến tới mở rộng thi tuyển công khai một số chức danh cán bộ quản lý cấp phòng, cấp vụ, nhất là người đứng đầu bệnh viện, trường học, cơ quan nghiên cứu và doanh nghiệp của Nhà nước. Cán bộ, công chức dự kiến được bổ nhiệm, đề bạt phải trình bày chương trình hành động trước khi ghi phiếu tín nhiệm. Kiên quyết không sử dụng, đề bạt, bổ nhiệm, giới thiệu tái cử những người tham nhũng, lãng phí hoặc bao che, tiếp tay cho tham nhũng, lãng phí. Xem xét, xử lý trách nhiệm người giới thiệu, người bổ nhiệm, đề bạt cán bộ đã bao che hành vi tham nhũng, lãng phí của người được bổ nhiệm, đề bạt.

Sửa đổi, bổ sung quy định về bổ nhiệm, phân cấp quản lý cán bộ theo hướng tăng quyền hạn cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức gắn với trách nhiệm cá nhân trong việc lựa chọn, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cấp phó và cán bộ cấp dưới trực tiếp trên cơ sở thảo luận dân chủ trong tập thể lãnh đạo. Nghiên cứu cơ chế thủ trưởng cơ quan hành chính cấp trên bổ nhiệm thủ trưởng cơ quan hành chính cấp dưới.

Thực hiện nghiêm quy định về xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra tham nhũng, lãng phí nghiêm trọng, về miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho từ chức, tạm đình chỉ chức vụ người có dấu hiệu tham nhũng để thanh tra, kiểm tra, điều tra. Khuyến khích việc chủ động từ chức vì lý do trách nhiệm.

- Tiếp tục cải cách chế độ tiền lương

Đẩy nhanh hơn tiến độ thực hiện Đề án cải cách chế độ tiền lương, xây dựng lộ trình cải cách tiền lương trong những năm tới theo hướng tăng thu nhập cao hơn cho cán bộ, công chức. Giao quyền tự chủ về tài chính, biên chế và giao khoán kinh phí hoạt động cho các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp có đủ điều kiện. Xây dựng cơ chế tiền lương riêng cho công chức hành chính.

Các đơn vị làm nhiệm vụ cung ứng dịch vụ công cộng được chủ động nâng cao thu nhập chính đáng cho đội ngũ công chức, viên chức trên cơ sở bảo đảm cung cấp các dịch vụ thiết yếu cho mọi công dân và công khai thu các khoản phí tương xứng với chất lượng dịch vụ được người thụ hưởng chấp nhận.

Tăng lương hoặc tăng mức phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp và cải thiện điều kiện làm việc cho các ngành kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, công an, kiểm sát, tòa án và một số ngành dễ phát sinh tham nhũng; đồng thời, tăng cường chế độ trách nhiệm và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

Tiếp tục thí điểm và tiến tới thực hiện cơ chế trả lương và các khoản thu nhập khác của cán bộ, công chức qua tài khoản mở tại ngân hàng, kho bạc, trước hết là ở những nơi có

điều kiện. Khuyến khích cán bộ, công chức chuyển các khoản tiền tích lũy vào tài khoản.

- Bảo đảm minh bạch tài sản, thu nhập của đảng viên, cán bộ, công chức

Thực hiện nghiêm việc kê khai tài sản và xác minh bản kê khai theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng. Trong Đảng, xây dựng và thực hiện cơ chế đảng viên là cán bộ, công chức thuộc diện kê khai tài sản theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng, phải công khai trong chi bộ bản kê khai, là cấp ủy viên thì còn phải công khai trong cấp ủy; phải giải trình nguồn gốc tài sản của mình theo yêu cầu của tổ chức đảng có thẩm quyền; trường hợp không giải trình được một cách minh bạch, hợp lý thì bị xem xét kỷ luật về Đảng, chính quyền, đoàn thể. Tiến tới tất cả đảng viên là cán bộ, công chức đều phải kê khai tài sản, công bố trong chi bộ, cấp ủy và giải trình nguồn gốc khi có yêu cầu.

- Xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử nhằm bảo đảm sự liêm chính của đảng viên, cán bộ, công chức

Rà soát, sửa đổi và bổ sung Quy định những điều đảng viên không được làm; công bố công khai để nhân dân giám sát.

Các bộ, ngành khẩn trương ban hành quy tắc ứng xử theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng, tập trung vào các nội dung sau:

+ Thực hiện nghiêm Quy định cấm sử dụng công quỹ làm quà tặng, chiêu đãi, tiếp khách không đúng quy định. Xây dựng quy định cụ thể những trường hợp được tặng quà và nhận quà; có cơ chế khuyến khích việc từ chối nhận quà tặng và tự giác nộp lại cho cơ quan có thẩm quyền.

+ Quy tắc quan hệ giữa người thực hiện công vụ với công dân, tổ chức, doanh nghiệp là đối tượng quản lý; giữa người lãnh đạo, quản lý với cán bộ cấp dưới; giữa cán bộ, công chức của cơ quan cấp trên với cán bộ, công chức của cơ quan cấp dưới; nghĩa vụ công chức phải khước từ các ưu ái dành cho bản thân và gia đình.

+ Quy tắc ứng xử trong việc cưới, việc tang, mừng nhà mới, ngày sinh, về bằng cấp, học hàm, học vị, danh hiệu thi đua, khen thưởng.

Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử phù hợp với đặc thù của mình, xây dựng nền nếp văn hóa trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

4. Bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

Thực hiện nghiêm các quy định về công khai, minh bạch; bổ sung quy định bảo đảm minh bạch quá trình ra quyết định, bao gồm cả chính sách, văn bản quy phạm pháp luật và quyết định giải quyết một vụ việc cụ thể của cơ quan nhà nước các cấp.

Xem xét, sửa đổi các danh mục bí mật nhà nước nhằm mở rộng công khai. Hoàn thiện, công khai hóa và thực hiện đúng các chế độ, định mức, tiêu chuẩn sử dụng lao động, ngân sách và tài sản công. Nghiên cứu ban hành Luật bảo đảm quyền được thông tin của công dân.

5. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý kinh tế, xã hội

Tổ chức thực hiện tốt các cơ chế, chính sách đã có về quản lý kinh tế, xã hội, cải cách hành chính; tiếp tục nghiên

cứu, bổ sung một số chủ trương mới nhằm hoàn thiện cơ chế quản lý, phòng ngừa tham nhũng, lãng phí.

- Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý và sử dụng đất đai, công sở

Chấn chỉnh, bảo đảm công khai, minh bạch trong quy hoạch và quản lý, sử dụng đất đai, công sở. Nghiêm cấm tùy tiện sửa đổi quy hoạch. Rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng đất, công sở; khắc phục ngay tình trạng quy hoạch, giải phóng mặt bằng, xây dựng dự án chậm trễ, kéo dài. Đất và công sở được sử dụng không đúng mục đích, kém hiệu quả phải bị thu hồi để chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc bán đấu giá.

Đối với quỹ đất dành cho các dự án kinh doanh hạ tầng đô thị, trung tâm thương mại, nhà ở, các cơ sở dịch vụ có vị trí kinh doanh thuận lợi, nhất thiết phải thực hiện cơ chế đấu thầu công khai quyền sử dụng đất.

Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, tài chính về đất đai, đăng ký bất động sản.

- Chấn chỉnh công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản và hoạt động mua sắm công

Các cấp ủy đảng lãnh đạo thực hiện nghiêm túc Luật đấu thầu và Luật xây dựng.

Thực hiện công khai, minh bạch trong quyết định, chủ trương đầu tư. Nghiêm túc thực hiện quy định về đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước. Ngăn chặn tình trạng người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, đơn vị tư vấn và nhà thầu cùng một cơ quan, đơn vị. Bố trí cán bộ có năng lực, phẩm chất làm nhiệm vụ quản lý dự án. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra trong đầu tư, xây dựng từ ngân sách nhà nước.

Khắc phục tiêu cực trong hoạt động mua sắm công, bảo đảm công khai, minh bạch, kể cả việc công khai hóa các khoản hoa hồng từ mua sắm. Thực hiện thí điểm mô hình mua sắm công tập trung, nhất là đối với các loại hàng hóa có nhu cầu sử dụng nhiều và có giá trị lớn.

- Chấn chỉnh công tác thu, chi ngân sách

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu ngân sách, trang bị tài sản, phương tiện đi lại, thiết bị làm việc.

Khẩn trương ban hành Luật về quản lý thuế nhằm áp dụng rộng rãi cơ chế cá nhân, tổ chức phải tự kê khai, tự tính, tự nộp thuế bằng chuyển khoản qua ngân hàng, kho bạc. Thực hiện công khai, dân chủ, công bằng trong việc ấn định mức thuế từ cơ sở nhằm chống tham nhũng và thất thu thuế.

Thực hiện cơ chế thanh toán qua ngân hàng, kho bạc đối với việc mua sắm công và các khoản thu của hải quan, thu thuế doanh nghiệp; các khoản thu, chi ngân sách được thực hiện qua hệ thống thanh toán điện tử của kho bạc nhà nước.

- Tiếp tục cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; tăng cường quản lý vốn, tài sản nhà nước và nhân sự tại doanh nghiệp

Đẩy mạnh tiến độ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3, Nghị quyết Trung ương 9 (khóa IX) và Nghị quyết Đại hội X của Đảng. Kiểm soát chặt chẽ quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; ngăn chặn kịp thời tiêu cực, sai trái trong định giá, đấu giá tài sản của doanh nghiệp, xác định tỷ lệ giá trị tài sản của Nhà nước trong giá trị tài sản doanh nghiệp cổ phần; công

khai hóa việc mua - bán cổ phần của doanh nghiệp được chuyển đổi.

Xây dựng và thực hiện cơ chế giám sát tài chính, phát huy quyền giám sát của người lao động trong các doanh nghiệp.

Tăng cường chế độ công khai, minh bạch, nghĩa vụ giải trình; thực hiện chế độ kiểm toán bắt buộc đối với các doanh nghiệp có vốn nhà nước. Xử lý nghiêm những người được giao quản lý các doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện các giao dịch kinh doanh với doanh nghiệp thuộc sở hữu của người thân.

6. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử hành vi tham nhũng

Tập trung kiểm tra, thanh tra, kiểm toán một số lĩnh vực trọng điểm, như: đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, thu - chi ngân sách, quản lý tài sản công và hệ thống ngân hàng thương mại. Thành lập các đoàn công tác liên ngành giữa ủy ban kiểm tra của Đảng với thanh tra, kiểm toán, công an, kiểm sát để phối hợp xử lý các vụ tham nhũng, lãng phí nghiêm trọng. Công khai kết quả xử lý của các đoàn công tác này.

Chỉ đạo kiện toàn cơ quan thanh tra, điều tra thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an nhằm nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng, lãng phí nói chung, trong lực lượng vũ trang nói riêng.

Nghiên cứu tổ chức các cơ quan phòng, chống tham nhũng theo hướng bảo đảm sự độc lập cần thiết với các cơ quan quản lý nhà nước theo cấp lãnh thổ và sự chỉ đạo tập

trung, thống nhất của Trung ương. Tăng cường cán bộ cho các cơ quan thanh tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát, tòa án và kiểm tra của Đảng, đồng thời kiểm soát hoạt động của các cơ quan này.

Thanh tra Chính phủ và các cơ quan thanh tra cấp tỉnh, huyện tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ thanh tra công vụ. Nghiên cứu kết hợp tổ chức và hoạt động kiểm tra của Đảng với các cơ quan thanh tra.

Đổi mới công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng và cơ quan nhà nước cấp trên đối với tổ chức đảng và cơ quan nhà nước cấp dưới, nhất là việc kiểm tra, giám sát hoạt động của người đứng đầu và các chức danh chủ chốt.

Tố cáo tham nhũng, lãng phí phải được tiếp nhận một cách thuận tiện và xử lý kịp thời. Có cơ chế bảo vệ và chính sách khen thưởng về vật chất và tinh thần cho người tố cáo tham nhũng, lãng phí.

Người có hành vi tham nhũng phải bị xử lý kiên quyết, kịp thời, nghiêm minh về trách nhiệm chính trị, hành chính hoặc hình sự, bất kể người đó là ai và ở cương vị nào. Những đảng viên có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí, uy tín giảm sút, dù cơ quan chức năng chưa kết luận được, cấp ủy vẫn phải xem xét, cân nhắc bố trí công việc khác cho phù hợp.

Chú trọng thu hồi tài sản tham nhũng. Áp dụng chính sách khoan hồng đối với những người phạm tội nhưng có thái độ thành khẩn, đã bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả kinh tế, hợp tác tốt với cơ quan chức năng. Nghiên cứu sửa đổi pháp luật hình sự theo hướng khoan hồng hơn đối với những người đưa hoặc người nhận hối lộ nhưng đã tự giác khai báo và nộp lại tài sản trước khi bị phát hiện. Trừng trị

nghiêm khắc những đối tượng tham nhũng có tổ chức, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Nhanh chóng bổ sung vào Bộ luật hình sự các hành vi tham nhũng mới được quy định tại Luật phòng, chống tham nhũng; chú trọng tới các chế tài phạt tiền nhằm tăng khả năng thu hồi tài sản tham nhũng.

Khi phát hiện đảng viên thuộc diện cấp ủy quản lý có dấu hiệu tham nhũng thì các cơ quan chức năng thực hiện các biện pháp xử lý theo thẩm quyền, chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức đảng về quyết định của mình, đồng thời phải kịp thời báo cho cấp ủy đảng quản lý cán bộ đó biết.

7. Thực hiện tốt công tác truyền thông về phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Đề cao vai trò, trách nhiệm của báo chí trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí; khắc phục tình trạng thông tin một chiều, mang tính kích động, gây hoang mang hoặc quy kết về tội danh, mức án trước khi xét xử. Bảo vệ, khen thưởng, động viên những người làm báo tích cực, dũng cảm đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí; xử lý nghiêm việc đưa tin sai sự thật, vu cáo, bịa đặt gây hậu quả xấu.

Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng và các cơ quan chức năng phải chủ động cung cấp kịp thời, đúng pháp luật cho công chúng những thông tin có liên quan đến tham nhũng, lãng phí.

8. Xây dựng các cơ quan, đơn vị chuyên trách về phòng, chống tham nhũng

Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng được ủy quyền tạm đình chỉ chức vụ từ thứ trưởng, chủ tịch hội

đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tương đương trở xuống; kịp thời kiến nghị với Bộ Chính trị, ủy ban Thường vụ Quốc hội tạm đình chỉ các chức vụ từ bộ trưởng và tương đương trở lên, đáp ứng yêu cầu thanh tra, điều tra, xử lý khi có vi phạm về tham nhũng. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ tham mưu, đề xuất về chính sách, trực tiếp chỉ đạo, phối hợp kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống tham nhũng, chỉ đạo xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng nghiêm trọng.

Sớm kiện toàn các đơn vị chuyên trách chống tham nhũng do Tổng Thanh tra Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công an và Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao trực tiếp chỉ đạo. Tăng cường cán bộ có bản lĩnh, năng lực, tạo điều kiện thuận lợi, đồng thời kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các đơn vị này.

Việc tổ chức bộ phận chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng ở các cấp, các ngành thực hiện theo quy định của Chính phủ.

9. Tăng cường giám sát của nhân dân và cơ quan dân cử

Hằng năm, Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp nghe báo cáo và thảo luận, chất vấn về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Tăng cường công tác giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức quần chúng; chú trọng kiểm tra, thanh tra, giám sát việc sử dụng các quỹ từ thiện, nhân đạo.

Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở gắn với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Nâng cao hiệu quả thanh tra nhân dân, khắc phục bệnh hình thức.

10. Hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng

Chủ động tham gia các chương trình, sáng kiến, diễn đàn quốc tế về phòng, chống tham nhũng phù hợp với điều kiện Việt Nam. Thực hiện các cam kết quốc tế về phòng, chống tham nhũng, chú trọng tới các cam kết về xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy quán triệt Nghị quyết này trong đảng viên, cán bộ, công chức; xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết một cách cụ thể, thiết thực và phù hợp; tạo bước chuyển biến tích cực, mạnh mẽ trong nhận thức và hành động phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo xây dựng chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành các quy định về quản lý cán bộ, đảng viên, công chức, Quy chế tự phê bình và phê bình, Quy định xử lý đảng viên vi phạm, Quy chế chất vấn trong Đảng; Quy chế giám sát trong Đảng và Quy chế nhân dân giám sát tổ chức đảng và đảng viên.

Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng hướng dẫn thực hiện, chủ trì phối hợp với các ban của Đảng

theo dõi, kiểm tra, đôn đốc kịp thời báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư tình hình thực hiện Nghị quyết.

Đảng đoàn Quốc hội, Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên chỉ đạo thực hiện tốt công tác giám sát, động viên các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Cuối năm 2008, Bộ Chính trị chỉ đạo sơ kết việc thực hiện Nghị quyết này, báo cáo kết quả tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, thúc đẩy việc thực hiện trong những năm tiếp theo.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa X,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.11-32.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Số 15-QĐ/TW, ngày 28 tháng 8 năm 2006

Đảng viên làm kinh tế tư nhân

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng;

- Căn cứ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X quy định đảng viên làm kinh tế tư nhân như sau:

Điều 1. Những quy định chung

1- Quy định này áp dụng đối với mọi đảng viên làm kinh tế tư nhân, đảng viên có liên quan đến việc thành lập, tổ chức quản lý, điều hành công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân (sau đây gọi chung là doanh nghiệp).

2- Đảng viên làm kinh tế tư nhân phải trực tiếp tham gia lao động (lao động quản lý, điều hành sản xuất, kinh doanh; lao động kỹ thuật hoặc lao động chân tay); có quyền kinh doanh các ngành, nghề mà pháp luật không cấm; phải gương mẫu và nghiêm chỉnh chấp hành pháp

luật, *Điều lệ Đảng* và quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Điều 2. Đảng viên là chủ doanh nghiệp tư nhân ngoài việc thực hiện các quy định tại Điều 1 còn phải tuân theo các quy định sau đây

1- Đối với người lao động trong doanh nghiệp:

a) Trả lương, phân phối lợi nhuận trên cơ sở kết quả lao động và mức vốn đóng góp của người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

b) Thực hiện đúng hợp đồng lao động, thỏa ước lao động đã ký kết; bảo đảm đầy đủ quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động, bảo hiểm và các quyền, lợi ích hợp pháp khác; đối xử thân ái, tôn trọng người lao động.

c) Dành ưu tiên cho người lao động trong doanh nghiệp được mua cổ phần khi doanh nghiệp tiến hành cổ phần hóa.

2- Đối với Nhà nước và xã hội:

a) Tự giác chấp hành mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước; thực hiện một cách trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật việc kê khai thuế, nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác, chế độ kế toán, thống kê và các chế độ, chính sách khác của Nhà nước; gương mẫu thực hiện chính sách cổ phần hóa doanh nghiệp.

b) Trên cơ sở nâng cao hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện, đền ơn đáp nghĩa.

3- Đối với tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp:

a) Chủ động, tích cực thực hiện công tác phát triển đảng viên và thành lập tổ chức đảng trong doanh nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi cho đảng viên và tổ chức đảng hoạt động theo quy định của *Điều lệ Đảng* và tổ chức đảng cấp trên.

b) Phối hợp với cấp ủy, tổ chức đảng trong doanh nghiệp xây dựng quy chế hoạt động; tham gia ý kiến với cấp ủy trong việc đề ra chủ trương, biện pháp xây dựng chi bộ, đảng bộ trong sạch, vững mạnh, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên; xây dựng tổ chức đảng trong doanh nghiệp thực sự là hạt nhân chính trị của doanh nghiệp, lãnh đạo quần chúng chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghĩa vụ của người lao động.

c) Tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho các đoàn thể chính trị - xã hội trong doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo đúng pháp luật và điều lệ.

Điều 3.

Đảng viên đang là cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam; cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước (trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác) được làm và không được làm những việc sau đây:

1- Không được thành lập, tham gia thành lập hoặc quản lý doanh nghiệp, bệnh viện tư, trường học tư, tổ chức nghiên cứu khoa học tư.

2- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, vợ hoặc chồng của những người đó không được góp vốn vào doanh nghiệp hoạt động trong phạm vi ngành, nghề mà người đó trực tiếp thực hiện chức năng quản lý nhà nước.

3- Không được làm tư vấn cho doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh, dịch vụ và tổ chức, cá nhân khác ở trong nước và nước ngoài về các công việc có liên quan đến bí mật nhà nước, bí mật công tác, những công việc thuộc thẩm quyền giải quyết của mình hoặc mình tham gia giải quyết.

4- Không được mượn danh nghĩa người khác để sản xuất, kinh doanh; không được để vợ, chồng, con lợi dụng chức vụ, quyền hạn và uy tín của mình để làm kinh tế tư nhân.

5- Được góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, mua cổ phần của công ty cổ phần, mua cổ phiếu, trái phiếu trên thị trường chứng khoán, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Trách nhiệm của cấp ủy và tổ chức đảng các cấp

1- Cấp ủy và tổ chức đảng cơ sở nơi đảng viên làm kinh tế tư nhân có trách nhiệm hướng dẫn, giúp đỡ đảng viên làm tròn nhiệm vụ của người đảng viên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định này.

2- Cấp ủy cấp trên trực tiếp của cơ sở có trách nhiệm theo dõi, nắm tình hình, chỉ đạo việc xây dựng, củng cố tổ chức đảng trong các doanh nghiệp tư nhân:

- Những doanh nghiệp chưa có đủ đảng viên để thành lập chi bộ thì bố trí đảng viên trong doanh nghiệp đó sinh hoạt trong một tổ chức đảng phù hợp; chú trọng công tác bồi

dưỡng, tạo nguồn kết nạp đảng viên để khi có đủ điều kiện thì thành lập tổ chức đảng. Những doanh nghiệp tư nhân có đủ điều kiện lập chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở thì đặt trực thuộc cấp ủy cấp trên theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

- Phân công cấp ủy viên trực tiếp chỉ đạo hoạt động của các tổ chức đảng trong doanh nghiệp tư nhân, quan tâm bồi dưỡng lý luận chính trị cho đảng viên trong doanh nghiệp tư nhân theo quy định của Đảng.

- Định kỳ hằng năm hoặc khi cần, đại diện cấp ủy, cơ quan quản lý nhà nước tổ chức gặp mặt đảng viên là chủ doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn để nghe phản ánh tình hình và những đề xuất, kiến nghị của các doanh nghiệp; kịp thời chỉ đạo giải quyết những vướng mắc của cơ sở.

- Định kỳ hằng năm, cấp ủy báo cáo tình hình hoạt động của tổ chức đảng trong các doanh nghiệp tư nhân với cấp ủy cấp trên trực tiếp.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1- Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức thực hiện quy định này.

2- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, định kỳ sơ kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện quy định.

3- Quy định này được phổ biến đến tất cả các tổ chức đảng và đảng viên và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Đảng viên nào vi phạm thì xử lý theo *Điều lệ Đảng* và *Quy định* của Ban Chấp hành Trung ương.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các cấp ủy, tổ chức đảng cần kịp thời báo cáo những vấn đề còn vướng mắc để Bộ Chính trị trình Ban Chấp hành Trung ương xem xét, quyết định.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa X,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.33-39.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA X

Ngày 29 tháng 7 năm 2006

Thưa các đồng chí Trung ương,
Thưa các đồng chí dự Hội nghị,

Sau một tuần làm việc khẩn trương, nghiêm túc, thảo luận dân chủ, thẳng thắn, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương đã hoàn thành chương trình đề ra.

Bộ Chính trị đã giải trình những vấn đề được thảo luận tại Hội nghị và Ban Chấp hành Trung ương đã thông qua nghị quyết.

Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X vừa được thông qua đã tiếp thu, kế thừa quy chế của khóa trước, đồng thời có những điểm mới phù hợp với yêu cầu của thực tiễn và tinh thần Nghị quyết Đại hội X của Đảng. Quy chế đã cụ thể hóa hơn trách nhiệm của tập thể và từng cá nhân bao gồm Tổng Bí thư và các đồng chí được phân công đảm nhiệm những công việc quan trọng của đất nước và của Đảng, giữ vững nguyên

tắc sinh hoạt Đảng, góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, chế độ làm việc và phương pháp công tác, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương.

Chương trình toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương khóa X vừa được thông qua bảo đảm cụ thể hóa, triển khai thực hiện thắng lợi các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ quan trọng mà Đại hội Đảng lần thứ X đã quyết định theo đúng trách nhiệm, quyền hạn của Ban Chấp hành Trung ương, trong đó chú trọng hơn công tác xây dựng Đảng. Tuy nhiên, khi cần thiết Trung ương có thể điều chỉnh để bảo đảm lãnh đạo giải quyết kịp thời các vấn đề lớn mới nảy sinh của đất nước và của Đảng.

Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X đã kế thừa quy chế của nhiệm kỳ trước và đã được cụ thể hóa thêm nhiệm vụ giám sát cho ủy ban kiểm tra các cấp được ghi trong Điều lệ Đảng khóa X.

Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận và thông qua Nghị quyết về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí", một Nghị quyết rất quan trọng trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng, đáp ứng yêu cầu của toàn Đảng và mong muốn của toàn dân, toàn quân ta.

Ban Chấp hành Trung ương cũng đã thảo luận và thông qua "Quy định đảng viên làm kinh tế tư nhân". Những quy định này thể hiện sự quán triệt và cụ thể hóa những định hướng đã nêu tại Đại hội X của Đảng về đảng viên làm kinh tế tư nhân, phù hợp với Điều lệ Đảng và pháp luật hiện hành, kế thừa, phát triển những kết quả nghiên cứu đã có và sát hợp với thực tiễn, bảo đảm vừa phát huy khả năng làm

kinh tế của đảng viên, vừa giữ được tư cách, phẩm chất đảng viên và bản chất của Đảng.

Thưa các đồng chí,

Trong phiên bế mạc, tôi xin nhấn mạnh thêm một số ý kiến chung quanh Nghị quyết về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí".

1. Từ khi giành được chính quyền, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn quan tâm phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Trong những năm qua, nhất là khi có Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 khóa IX, cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí đã đạt một số kết quả nhất định; nhiều vụ tham nhũng lớn, phức tạp, gây hậu quả nghiêm trọng tồn tại từ lâu đã bị phát hiện, xử lý; tệ tham nhũng, lãng phí đã từng bước được kiềm chế. Tuy nhiên, tình trạng tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng, phạm vi rộng, tính chất rất phức tạp làm cho nhân dân lo lắng, là một trong những nguy cơ lớn đe dọa sự tồn vong của chế độ ta.

Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng đã yêu cầu "Toàn Đảng, toàn bộ hệ thống chính trị phải có quyết tâm chính trị cao đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí". Thể hiện quyết tâm chính trị đó, Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận và ra nghị quyết nhằm ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tạo chuyển biến rõ rệt bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố lòng tin trong Đảng và trong nhân dân; xây dựng Đảng,

bộ máy Nhà nước trong sạch, vững mạnh, đội ngũ cán bộ, công chức liêm chính.

Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương phải được quán triệt trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Trước hết, các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng và các cán bộ cao cấp của toàn bộ hệ thống chính trị phải là những người nêu gương về sự trong sạch, kiên quyết đấu tranh và đấu tranh có hiệu quả chống tham nhũng, lãng phí.

Chống tham nhũng, lãng phí là một cuộc đấu tranh vừa cấp bách, vừa có tính lâu dài, phức tạp. Nhìn xuyên suốt cả nhiệm vụ đấu tranh thì phòng ngừa là chính. Nhưng trước tình hình bức xúc hiện nay, phải hết sức coi trọng việc kiên quyết đấu tranh, phát hiện, xử lý kịp thời; kiên quyết xử lý cũng là để răn đe, là một biện pháp phòng ngừa. Tích cực phòng ngừa và kiên quyết phát hiện, xử lý có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, không vì phòng ngừa là chính mà không kiên quyết điều tra, xử lý những vụ việc đã rõ, cũng như không chỉ kiên quyết xử lý mà coi nhẹ các biện pháp cơ bản để phòng ngừa.

2. Cuộc đấu tranh phòng và chống tham nhũng, lãng phí đòi hỏi phải tiến hành và thực hiện nghiêm túc các giải pháp đồng bộ. Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng, Trung ương đã đề ra các nhóm giải pháp về tư tưởng, chính trị, kinh tế, pháp luật, bao gồm giáo dục đạo đức, lối sống; bổ sung hoàn chỉnh các cơ chế, quy định trước hết về quản lý kinh tế, tài chính, quản lý tài sản công, ngân sách nhà nước, các quỹ do nhân dân đóng góp và do nước ngoài viện trợ, bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động kinh tế, tài chính; cải cách hành chính nhà nước; cơ chế thanh tra, giám sát,

kiểm tra, kiểm kê, kiểm soát; thực hiện cơ chế giám sát của Mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội, của cơ quan truyền thông đại chúng và của nhân dân; tiếp tục đổi mới chế độ tiền lương. Tạo điều kiện thuận lợi cho người tố cáo, bảo vệ và có chính sách khen thưởng người tố cáo đúng các vụ tham nhũng, lãng phí, xử lý nghiêm khắc những ai trù dập người tố cáo hoặc lợi dụng tố cáo tham nhũng để vu khống, hãm hại người khác, gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ. Đề cao vai trò, trách nhiệm của báo chí trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí, đồng thời bảo đảm tính trung thực, chính xác, hoạt động đúng luật pháp, kiên quyết khắc phục lối thông tin một chiều hoặc quy kết một cách không căn cứ, làm lộ, lọt bí mật của cơ quan điều tra.

Hành vi tham nhũng, lãng phí là biểu hiện sự suy thoái về đạo đức, lối sống trong cán bộ, công chức, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Tham ô, lãng phí tài sản của Nhà nước, của tập thể, của nhân dân là hành động trộm cắp, mà ai cũng phải thù ghét, phải trừ bỏ". Do đó, trong thời gian tới, kết hợp với việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, toàn Đảng sẽ tiếp tục tiến hành một cách thiết thực cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" về cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư, tạo nên phong trào tự tu dưỡng, rèn luyện trong cán bộ, đảng viên, công chức. Cùng với việc giáo dục đạo đức là giáo dục chính sách, luật pháp, đặc biệt là Luật phòng, chống tham nhũng và Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí... để mọi người tuân theo và có căn cứ để giám sát đảng viên, giám sát cán bộ, công chức. Nêu gương người tốt, việc tốt, gương cán bộ, công chức liêm chính để đẩy lùi tư tưởng và hành vi tiêu cực; biểu dương,

khen thưởng tập thể và cá nhân có thành tích đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

Tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên và các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước có vai trò rất quan trọng trong cuộc đấu tranh này. Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu trong đạo đức, lối sống và đi đầu trong cuộc đấu tranh; coi đó là một tiêu chí để đánh giá và xem xét, sử dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức. Đồng thời các cấp ủy đảng phải tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan chức năng thực thi pháp luật trong trường hợp cán bộ, công chức trong tổ chức của mình có hành vi tham nhũng, lãng phí cần xử lý, không được dung túng, bao che. Người có hành vi tham nhũng phải bị xử lý kiên quyết, kịp thời, nghiêm minh về trách nhiệm hành chính hoặc hình sự, bất kể người đó là ai, ở cương vị nào, dù đương chức hay nghỉ hưu.

Kinh nghiệm xử lý các vụ tham nhũng vừa qua cho thấy vai trò cán bộ quản lý và người đứng đầu các tổ chức là rất quan trọng. Cán bộ quản lý, nhất là người đứng đầu liêm khiết, gương mẫu chấp hành Điều lệ Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, không tơ hào hoặc phung phí của công thì cơ quan, tổ chức đó sẽ trong sạch, công tác có hiệu quả, được nhân dân tin yêu. Do đó, việc quản lý cán bộ, đánh giá đúng, sử dụng và bổ nhiệm đúng có vai trò rất quan trọng trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Kiên quyết không đề bạt, bổ nhiệm, giới thiệu tái cử những người mắc vào tệ tham nhũng, lãng phí hoặc bao che, tiếp tay cho tham nhũng, lãng phí. Thực hiện nghiêm quy định về xử lý trách nhiệm như miễn nhiệm, bãi nhiệm người đứng đầu các tổ chức để xảy ra tham nhũng, lãng phí nghiêm trọng.

Mỗi đồng tiền ngân sách, có nguồn gốc từ ngân sách hoặc tài sản của tập thể đều là mồ hôi nước mắt của nhân dân, của tập thể, do đó phải có trách nhiệm sử dụng đúng luật pháp, đúng chính sách và có hiệu quả. Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hiện những quy định và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng và Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công khai và minh bạch việc mua sắm công cũng như các hoạt động kinh tế khác theo luật pháp. Không dùng công quỹ làm quà tặng mang tính cá nhân; không sử dụng những phương tiện công tác và sinh hoạt quá quy định; không tổ chức các cuộc hội họp hình thức, tốn kém công của và thời gian; không lợi dụng các sinh hoạt riêng như việc tang, việc cưới, sinh nhật... để phô trương thanh thế và thu lợi bất chính.

3. Tuy cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí là khó khăn và phức tạp, nhưng với quyết tâm cao của toàn Đảng và của Ban Chấp hành Trung ương, được nhân dân đồng tình ủng hộ và đòi hỏi thực hiện tốt; lại có Luật phòng, chống tham nhũng và Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, có Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, có các cơ quan chức năng được củng cố và những kinh nghiệm trong các cuộc đấu tranh với các vụ án tham nhũng, lãng phí lớn vừa qua, chúng ta tin tưởng cuộc đấu tranh sẽ thắng lợi góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm đầu thế kỷ XXI. Kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí đồng thời phải giữ vững ổn định chính trị để phát triển; muốn giữ vững ổn định chính trị để phát triển thì một trong những việc quan trọng là phải kiên quyết đấu tranh

và đấu tranh có hiệu quả chống tham nhũng, lãng phí. Đảng giữ vững vai trò lãnh đạo của mình đối với cuộc đấu tranh này, đồng thời phải huy động toàn bộ hệ thống chính trị, đặc biệt là phải dựa chắc vào nhân dân, đó là nhân tố chính yếu bảo đảm thành công.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Trung ương đã thảo luận, thông qua những nghị quyết quan trọng. Vấn đề có ý nghĩa quyết định là "nói thì phải làm" như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu lên trong tư cách người cách mạng, ngay từ ngày mới thành lập Đảng.

Muốn cho các cấp "nói thì phải làm", trước hết từng đồng chí Ủy viên Trung ương chúng ta phải gương mẫu. Mỗi đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng và gia đình của mình phải là tấm gương trong xã hội về cuộc sống trong sạch, liêm khiết. Tôi tin chắc là chúng ta có thể làm được như thế, xứng đáng là đảng viên của Đảng do Bác Hồ sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện.

Tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X).

Chúc các đồng chí mạnh khỏe.

Xin trân trọng cảm ơn.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa X,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.40-50.

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 02-KL/TW, ngày 25 tháng 7 năm 2006

Về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, các giải pháp chủ yếu trong 6 tháng cuối năm 2006

Ngày 15-7-2006, Bộ Chính trị đã nghe Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2006, các giải pháp chủ yếu trong 6 tháng cuối năm, ý kiến phát biểu của các bộ, ngành liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2006

a) Về kết quả đạt được

Bộ Chính trị cơ bản nhất trí với những đánh giá về kết quả và thành tựu đã nêu trong Báo cáo và nhấn mạnh một số nội dung sau:

- Sáu tháng đầu năm, bên cạnh những thuận lợi cơ bản là tiếp tục kế thừa và phát huy những thành tựu của 20 năm đổi mới và 5 năm vừa qua, các chủ trương, phương hướng, nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội đã được

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X xác định rõ, công tác cán bộ tiếp tục được kiện toàn...; chúng ta cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức như thiên tai, dịch bệnh, giá nhiều mặt hàng nguyên, nhiên vật liệu tăng cao. Trong bối cảnh đó nền kinh tế nước ta vẫn duy trì được mức tăng trưởng khá và tương đối toàn diện, một số ngành và lĩnh vực có những tiến bộ rõ rệt như: sản xuất công nghiệp tiếp tục tăng, xuất khẩu tăng cao, nhập siêu giảm mạnh, vốn đầu tư toàn xã hội tăng, đặc biệt vốn của dân cư và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng cao, điều hành các cân đối vĩ mô có nhiều chuyển biến tích cực.

- Các lĩnh vực xã hội, đặc biệt là công tác xóa đói giảm nghèo có nhiều tiến bộ. Nhìn chung, đời sống của nhân dân vẫn ổn định; sức mua tăng, thị trường trong nước phát triển khá.

- Đã chủ động và nỗ lực để hoàn thành cơ bản mục tiêu đàm phán gia nhập WTO và triển khai các công việc chuẩn bị cho Hội nghị cấp cao APEC. Thực hiện tốt lộ trình xây dựng các văn bản pháp luật phù hợp với các cam kết trong đàm phán gia nhập WTO và từng bước triển khai thực hiện theo các cam kết và quy định của WTO. Môi trường kinh doanh được cải thiện và ổn định hơn, tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Nhiều doanh nghiệp đã biết tận dụng cơ hội mở cửa thị trường để đẩy mạnh sản xuất, tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu. Trình độ công nghệ, năng lực quản lý của đội ngũ doanh nhân Việt Nam có tiến bộ, trình độ tay nghề và kỹ năng của người lao động trong nhiều ngành nghề được nâng lên rõ rệt.

Những kết quả đó bước đầu tạo cơ sở và tiền đề cho việc thực hiện và hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch năm 2006 và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X đề ra.

b) Về tồn tại, yếu kém

- Tốc độ tăng trưởng GDP trong 6 tháng đạt 7,4% là thấp so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra (từ 8% trở lên), thấp hơn cùng kỳ năm 2005, chưa tương xứng với tiềm năng và khả năng của đất nước.

- Giá trị sản phẩm tăng thêm của công nghiệp và xây dựng thấp hơn chỉ tiêu kế hoạch và chưa được cải thiện so với cùng kỳ năm 2005. Một số ngành sản xuất tăng chậm, thậm chí giảm sút do khó khăn về thị trường và sức cạnh tranh thấp.

- Sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn, đang có xu hướng chững lại. Đây là vấn đề cần được nghiên cứu để có giải pháp khắc phục cho 6 tháng cuối năm và những năm tiếp theo.

- Trong tổng kim ngạch xuất khẩu, dầu thô vẫn chiếm tỷ trọng lớn, hàng gia công công nghiệp còn nhiều, giá trị gia tăng thấp; chuyển dịch cơ cấu mặt hàng xuất khẩu còn chậm, chưa có giải pháp cơ bản và vững chắc để tăng nhanh xuất khẩu. Nhập siêu của khu vực kinh tế trong nước tuy có giảm so với cùng kỳ năm trước, nhưng vẫn còn cao.

- Thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đạt thấp so với kế hoạch.

- Chất lượng và hiệu quả đầu tư xã hội chưa cao. Một số công trình trọng điểm của Nhà nước tiến độ thi công

chậm. Những giải pháp để ngăn chặn tình trạng thất thoát, lãng phí trong đầu tư của khu vực nhà nước chưa có kết quả rõ rệt.

- Còn nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt; tình trạng đình công xảy ra ở một số doanh nghiệp trong những tháng vừa qua có nhiều biểu hiện đáng lo ngại, ảnh hưởng đến ổn định xã hội và môi trường thu hút đầu tư phát triển. Tai nạn giao thông vẫn nghiêm trọng, tệ nạn xã hội, ma tuý, mại dâm chưa giảm. Công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí kết quả đạt còn hạn chế.

- Việc chậm ban hành một số lượng lớn nghị định của Chính phủ và thông tư của các bộ, ngành trong khi nhiều luật đã có hiệu lực pháp luật, đang là những khó khăn cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế; cải cách hành chính đạt kết quả chưa cao.

2. Về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong 6 tháng cuối năm 2006

Bộ Chính trị cơ bản nhất trí với những nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Báo cáo và nhấn mạnh một số vấn đề sau đây.

Sáu tháng cuối năm 2006, dự báo có nhiều thuận lợi, song cũng còn nhiều khó khăn, thách thức như thiên tai, dịch bệnh, giá cả một số mặt hàng sẽ tiếp tục biến động phức tạp, ảnh hưởng đến sự phát triển. Để đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế cả năm từ 8% trở lên, nhiệm vụ còn lại trong 6 tháng tới là rất nặng nề, đòi hỏi phải có sự quyết tâm rất cao trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành. Trong đó cần tập trung làm tốt một số nhóm giải pháp sau:

a) Nhóm giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế mạnh hơn để đạt được mục tiêu tăng trưởng GDP cả năm từ 8% trở lên

Để nền kinh tế tăng trưởng nhanh hơn và bền vững hơn nhằm hoàn thành kế hoạch năm 2006 tạo tiền đề cho việc thực hiện và hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 mà Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X đã đề ra; các cấp ủy đảng, chính quyền cần tập trung tháo gỡ khó khăn, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, kế hoạch; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, chấn chỉnh công tác quản lý đầu tư và chuyển dịch cơ cấu đầu tư; điều hành giữ vững và ổn định các cân đối vĩ mô; cụ thể hóa giải pháp và nội dung thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; đẩy mạnh việc thực hiện xã hội hóa các lĩnh vực văn hóa, xã hội; chấn chỉnh bộ máy hành chính và đẩy mạnh việc phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Sớm ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật đấu thầu, Luật phòng, chống tham nhũng..., tiếp tục tạo môi trường kinh doanh minh bạch và ổn định để các nhà đầu tư yên tâm bỏ vốn làm ăn lâu dài trên đất nước ta. Đẩy mạnh thu hút các nguồn lực ngoài nhà nước để đầu tư phát triển.

- Thúc đẩy phát triển nhanh hơn các ngành công nghiệp, dịch vụ quan trọng của nền kinh tế, trong đó chú ý phát triển ngành công nghiệp phụ trợ để nền kinh tế giảm dần tỷ trọng gia công, tạo điều kiện tốt hơn thu hút đầu tư trong và ngoài nước và những ngành dịch vụ như ngân hàng, tài chính,

kiểm toán, vận tải, du lịch, bưu chính - viễn thông, dịch vụ tư vấn pháp lý...; đảm bảo tiến độ triển khai các dự án quan trọng có ảnh hưởng lớn nền kinh tế.

- Đối với sản xuất nông nghiệp, cần nghiên cứu có các biện pháp cụ thể về khoa học công nghệ, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, đưa giống mới có năng suất, chất lượng tốt vào sản xuất, có sức cạnh tranh cao khi hội nhập, tổ chức sản xuất, phòng chống dịch bệnh, chế biến và tiêu thụ sản phẩm để khắc phục tình trạng chững lại trong thời gian vừa qua.

- Hoàn chỉnh cơ chế, chính sách và các giải pháp cụ thể để tạo điều kiện hình thành và phát triển các loại thị trường, nhất là thị trường vốn, thị trường bất động sản, nhằm đa dạng hóa các kênh huy động vốn cho đầu tư phát triển.

b) Nhóm giải pháp về đẩy mạnh quá trình chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế

- Cần tập trung chỉ đạo xây dựng chương trình hành động và khẩn trương triển khai thực hiện sau khi Việt Nam gia nhập WTO; nâng cao năng lực cụ thể hóa và triển khai thực hiện các luật đã ban hành; chỉ đạo quyết liệt chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư để nền kinh tế thích ứng và phát triển nhanh, bền vững; rà soát lại các chương trình nâng cao sức cạnh tranh của từng loại sản phẩm hàng hóa và dịch vụ; đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế; kiện toàn Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế; chuẩn bị tốt mọi điều kiện để tổ chức thành công Hội nghị cấp cao APEC.

- Tích cực triển khai các biện pháp để giúp doanh nghiệp tham gia vào thị trường khu vực và thế giới, trên cơ sở

giảm chi phí sản xuất để nâng sức cạnh tranh, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

- Chỉ đạo việc tuyên truyền nâng cao nhận thức cho toàn xã hội, tích cực chủ động thực hiện các cam kết gia nhập WTO, phát hiện, động viên những mô hình tiên tiến trong sản xuất, kinh doanh...

c) Nhóm giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác xã hội hóa các lĩnh vực xã hội, giải quyết hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc, đẩy mạnh hoạt động xóa đói giảm nghèo...

- Thực hiện sâu rộng, triệt để hơn công tác xã hội hóa các lĩnh vực văn hóa, xã hội, tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc trong giáo dục, y tế, giải quyết việc làm; đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo, đặc biệt quan tâm đối với người nghèo ở miền núi, dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các giải pháp nhằm kiềm chế gia tăng, tiến tới giảm tai nạn và ùn tắc giao thông, lập lại trật tự kỷ cương, trật tự an toàn giao thông.

d) Nhóm giải pháp nhằm đảm bảo quốc phòng - an ninh

Đi đôi phát triển kinh tế, xã hội, cần đặc biệt coi trọng giữ vững đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhất là các vùng Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam Bộ; xây dựng và củng cố quốc phòng, an ninh vững mạnh ở từng khu vực, từng vùng và trên toàn quốc, gắn quốc phòng với phát triển kinh tế và đối ngoại.

Tập trung chỉ đạo tình hình đình công ở một số tỉnh và thành phố, tình hình khiếu kiện đông người, không để kẻ

xấu lợi dụng, làm mất ổn định; chỉ đạo tích cực tạo việc làm, chuyển đổi ngành nghề cho nông dân bị thu hồi đất ở nông thôn.

e) Nhóm giải pháp về nâng cao năng lực điều hành và tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành

- Nhanh chóng ổn định tổ chức, phân công nhiệm vụ của Thường trực Chính phủ và một số bộ, ngành có thay đổi nhân sự vừa qua, đưa nhanh hoạt động đi vào nền nếp. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với điều chỉnh, sắp xếp tổ chức, biên chế, xây dựng lề lối làm việc, phân công, phân cấp hợp lý; cải tiến các thủ tục hành chính nhằm tạo thuận lợi cho đầu tư phát triển. Nâng cao tính minh bạch của chính sách, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, sách nhiễu người dân và doanh nghiệp... Gắn nội dung đổi mới công tác quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

- Tập trung xử lý dứt điểm, đúng người, đúng tội các vụ tiêu cực, tham nhũng nổi cộm trong thời gian vừa qua để tạo niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Qua đó, tìm ra các nguyên nhân, nhất là các nguyên nhân từ cơ chế, chính sách, để có biện pháp khắc phục trong thời gian tới.

3. Về một số kiến nghị

Bộ Chính trị đồng ý với những kiến nghị đã nêu trong Báo cáo nhằm đưa nền kinh tế của đất nước phát triển nhanh hơn, bền vững hơn. Vì vậy, trong thời gian tới yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền tập trung sức để xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết Đại

hội Đảng các cấp; tháo gỡ khó khăn, phấn đấu hoàn thành thắng lợi mục tiêu nhiệm vụ năm 2006 và các năm tiếp theo, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

4. Căn cứ vào Kết luận này, Ban Cán sự Đảng Chính phủ và cấp ủy, chính quyền các cấp xây dựng kế hoạch chỉ đạo việc triển khai thực hiện. Giao Ban Kinh tế Trung ương phối hợp với Ban Cán sự Đảng Chính phủ đôn đốc, theo dõi, kiểm tra thực hiện Kết luận này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 07-QĐ/TW, ngày 1 tháng 8 năm 2006

Về việc phân công Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy định về phân cấp quản lý cán bộ;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân công Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X, gồm 17 đồng chí sau:

1. Đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, phụ trách chung và thực hiện nhiệm vụ theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; phụ trách công tác lý luận; trực tiếp làm Bí thư Đảng ủy Quân sự Trung ương.

2. Đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước, phụ trách công tác tư pháp; tham gia Thường

vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương; trực tiếp làm Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương.

3. Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, tham gia Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương; phụ trách Đảng ủy Công an Trung ương; Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng.

4. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội.

5. Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Thường trực Ban Bí thư; phụ trách tài chính, kinh tế Đảng; phụ trách Văn phòng Trung ương và Ban Kinh tế Trung ương.

6. Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ; Trưởng Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ.

7. Đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Nội chính Trung ương, Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng; Trưởng Ban Chỉ đạo Tây Bắc.

8. Đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao; phụ trách công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước, công tác thông tin đối ngoại.

9. Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương; phụ trách công tác bảo vệ chính trị nội bộ và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; phụ trách công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Trung ương.

10. Đồng chí Nguyễn Văn Chi, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

11. Đồng chí Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an, Bí thư Đảng ủy Công an Trung ương, Trưởng Ban Chỉ đạo Tây Nguyên.

12. Đồng chí Phùng Quang Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Bí thư Đảng ủy Quân sự Trung ương.

13. Đồng chí Phạm Quang Nghị, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội.

14. Đồng chí Lê Thanh Hải, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

15. Đồng chí Tô Huy Rứa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương; phụ trách khối công tác tư tưởng và khoa giáo; Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương.

16. Đồng chí Tòng Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương; phụ trách công tác dân tộc, tôn giáo của Đảng; Chủ tịch Hội đồng công tác quần chúng Trung ương.

17. Đồng chí Lê Văn Dũng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 2. Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG, BỘ CHÍNH TRỊ VÀ BAN BÍ THƯ KHÓA X

Số 09-QĐ/TW, ngày 4 tháng 8 năm 2006

(Đã được Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa X thông qua)

Căn cứ Cương lĩnh năm 1991;

Căn cứ Điều lệ Đảng;

Căn cứ Hiến pháp năm 1992 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng;

Ban Chấp hành Trung ương khóa X quyết định Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư như sau:

Chương I

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

Điều 1. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Chấp hành Trung ương

Ban Chấp hành Trung ương là cơ quan lãnh đạo của Đảng

giữa hai kỳ Đại hội, chịu trách nhiệm trước toàn Đảng và toàn dân về tình hình mọi mặt của Đảng và của đất nước; quyết định những vấn đề chiến lược và chủ trương, chính sách lớn về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, công tác xây dựng Đảng, công tác quần chúng nhằm thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết Đại hội Đảng:

1- Lãnh đạo việc chuẩn bị xây dựng, sửa đổi, bổ sung, phát triển Cương lĩnh. Xác định chủ trương và nội dung cơ bản sửa đổi, bổ sung Hiến pháp.

2- Quyết định Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

3- Định hướng xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế; xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm.

Chủ trương đầu tư những dự án, công trình quan trọng quốc gia trước khi Quốc hội xem xét, quyết định.

4- Xác định chiến lược bảo vệ Tổ quốc; phương hướng hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Chủ trương về việc Việt Nam tham gia công ước, hiệp ước hoặc ký kết hiệp định song phương, đa phương đặc biệt quan trọng cần có sự phê chuẩn hoặc xin ý kiến của Quốc hội.

5- Quyết định những chủ trương, quan điểm chỉ đạo lớn về công tác tư tưởng, công tác lý luận, phát triển nền văn hóa.

6- Định hướng hoặc quyết định những vấn đề hệ trọng về xây dựng hệ thống chính trị và công tác cán bộ.

Định hướng về bầu cử đại biểu Quốc hội; tỷ lệ Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư tham gia Quốc hội; tỷ lệ đại biểu Quốc hội chuyên trách.

Quyết định giới thiệu nhân sự ứng cử, đề cử hoặc rút khỏi các chức danh Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội.

Quyết định việc xin rút khỏi Ban Chấp hành Trung ương và các chức danh do Ban Chấp hành Trung ương bầu hoặc cử ra; kỷ luật và giải quyết khiếu nại kỷ luật Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng.

Quyết định việc thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các ban Trung ương Đảng. Cho ý kiến về chủ trương thành lập, sáp nhập, chia tách các bộ, cơ quan ngang bộ, các cơ quan của Quốc hội, các tổ chức chính trị - xã hội và việc thành lập, sáp nhập, chia tách các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

7- Kết luận một số vấn đề về lịch sử Đảng.

8- Xem xét về công tác tài chính Đảng.

9- Xem xét và cho ý kiến đối với báo cáo của Bộ Chính trị về lãnh đạo thực hiện các nghị quyết của Đại hội, của Ban Chấp hành Trung ương; những công việc quan trọng mà Bộ Chính trị đã giải quyết giữa hai kỳ hội nghị Ban Chấp hành Trung ương và những vấn đề mà Bộ Chính trị sẽ bàn và quyết định trong thời gian tới.

Xem xét báo cáo hằng năm, giữa và cuối nhiệm kỳ, báo cáo bất thường của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng, về hoạt

động của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ủy ban kiểm tra các cấp.

Góp ý kiến đối với các báo cáo công tác giữa nhiệm kỳ và cuối nhiệm kỳ của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

10- Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội trong nửa đầu nhiệm kỳ và quyết định các chủ trương, giải pháp cần thiết để tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội.

11- Chuẩn bị và triệu tập Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường của Đảng; thảo luận và thông qua các văn kiện trình Đại hội; giới thiệu với Đại hội nhân sự bầu vào Ban Chấp hành Trung ương.

Xác định phương hướng chỉ đạo đại hội các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng.

12- Theo đề nghị của Bộ Chính trị, thảo luận và quyết định những vấn đề khi có một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương yêu cầu.

Điều 2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương (bao gồm cả Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư)

1- Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương về sự lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực, địa bàn được phân công.

2- Chủ động đề xuất ý kiến với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và chương trình hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, nhất là về

những vấn đề Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư cần tăng cường chỉ đạo và xem xét, xử lý liên quan đến lĩnh vực hoặc địa bàn được phân công phụ trách.

Báo cáo kịp thời với Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề phức tạp, đột xuất và những nhân tố mới nảy sinh thuộc lĩnh vực, địa bàn được phân công phụ trách.

3- Nêu cao tinh thần trách nhiệm, nghiêm chỉnh chấp hành các nghị quyết, quyết định của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước. Cương quyết đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng, đường lối, quan điểm của Đảng; giữ gìn sự thống nhất ý chí, hành động và sự đoàn kết trong Đảng.

Cùng với cấp ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng nơi công tác lãnh đạo việc nghiên cứu, quán triệt, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng; chỉ đạo công tác xây dựng và bảo vệ Đảng thuộc ban, ngành, địa phương được phân công phụ trách.

4- Trực tiếp phụ trách và chịu trách nhiệm hoặc tham gia chỉ đạo công tác tổ chức, cán bộ; xây dựng quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ kế cận chủ chốt; chỉ đạo kiểm tra, giám sát, nhận xét, đánh giá cán bộ thuộc bộ, ban, ngành hoặc địa phương được phân công phụ trách. Chỉ đạo tổ chức triển khai các biện pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu và thực hành tiết kiệm ở đơn vị, địa bàn được phân công phụ trách; chịu trách nhiệm đối với những sai phạm của tổ chức và cán bộ dưới quyền quản lý trực tiếp.

Tích cực góp phần xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh ở đơn vị mình sinh hoạt, công tác.

5- Nghiêm chỉnh chấp hành sự phân công và điều động của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư;

có quyền trình bày ý kiến khi các cơ quan lãnh đạo của Đảng nhận xét, đánh giá, quyết định bố trí công tác, thi hành kỷ luật đối với mình.

6- Có lối sống gương mẫu, trong sạch, lành mạnh; xây dựng gia đình văn hóa; không để vợ (hoặc chồng), con lợi dụng làm những việc trái quy định của Đảng, pháp luật và chính sách của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng. Giữ mối liên hệ mật thiết với nhân dân.

7- Thực hiện đúng chế độ bảo mật, kỷ luật phát ngôn của Đảng, Nhà nước.

8- Thực hiện chế độ tự phê bình và phê bình, chất vấn đã được quy định trong Điều lệ Đảng. Hằng năm tự phê bình về thực hiện trách nhiệm được giao và về phẩm chất đạo đức, lối sống.

Phê bình, chất vấn về hoạt động của các cơ quan lãnh đạo và trách nhiệm của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Tổng Bí thư; các tổ chức và cá nhân được phê bình, chất vấn có trách nhiệm trả lời về các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ được giao.

9- Gương mẫu học tập nâng cao trình độ mọi mặt về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực hoạt động thực tiễn.

10- Tham gia chuẩn bị, thảo luận, biểu quyết những quyết định chung của Ban Chấp hành Trung ương và cùng tập thể Ban Chấp hành Trung ương chịu trách nhiệm về những quyết định đó.

Tham gia hoạt động của các tiểu ban, các hội đồng tư vấn, các tổ công tác hoặc các hình thức tổ chức khác của Ban

Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khi được phân công.

Tham dự đầy đủ và đóng góp ý kiến vào các đề án, quyết định tại các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương; đóng góp ý kiến vào các đề án, các vấn đề khác do Bộ Chính trị, Ban Bí thư đề nghị.

11- Được bầu cử, ứng cử, đề cử vào Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, xin rút khỏi Ban Chấp hành Trung ương và những chức danh thuộc các cơ quan lãnh đạo nói trên.

12- Được cung cấp và yêu cầu Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương cung cấp những thông tin cần thiết, kịp thời về hoạt động của các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, về tình hình trong nước và quốc tế để phục vụ việc lãnh đạo, chỉ đạo và nghiên cứu xây dựng đường lối, chủ trương của Đảng, luật pháp và chính sách của Nhà nước.

Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương

Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương thực hiện trách nhiệm và quyền hạn như quy định của Điều 2 Quy chế này; trừ quyền bầu cử và biểu quyết các quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, quyền ứng cử vào Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của Bộ Chính trị

Quyết định những chủ trương, chính sách, biện pháp lớn nhằm thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương

lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết của Đại hội, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương:

1- Chuẩn bị quy chế và chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương. Quyết định chương trình làm việc hằng năm của Bộ Chính trị.

2- Những vấn đề quan trọng thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội:

- Xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (chiến lược 10 năm, kế hoạch 5 năm và hằng năm) và ngân sách nhà nước hằng năm để trình Ban Chấp hành Trung ương.

- Lãnh đạo việc cụ thể hóa chủ trương về phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng quan hệ sản xuất và đổi mới cơ chế quản lý.

- Định hướng quan điểm, mục tiêu, giải pháp chủ yếu của chiến lược phát triển một số ngành, lĩnh vực, địa bàn quan trọng.

- Định hướng quy hoạch Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

- Định hướng quan điểm, mục tiêu và một số giải pháp chủ yếu của chiến lược sử dụng các nguồn lực quốc gia.

- Một số chủ trương, chính sách lớn về kinh tế - xã hội, một số dự án đầu tư quan trọng do Chính phủ quyết định có tác động lớn đến ổn định kinh tế vĩ mô và ảnh hưởng sâu rộng đến quyền lợi, tư tưởng của nhiều đối tượng xã hội, đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, những vấn đề đòi hỏi sự phối hợp sức mạnh tổng hợp của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

- Lãnh đạo việc cụ thể hóa chủ trương phát triển văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

3- Những vấn đề có tính chiến lược thuộc lĩnh vực tư tưởng, lý luận:

- Lãnh đạo tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, về công tác xây dựng Đảng, xây dựng nhà nước pháp quyền, về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Lãnh đạo nghiên cứu những vấn đề lý luận mới của thời đại.

4- Định hướng về xây dựng lực lượng vũ trang và bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội:

- Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, kế hoạch phòng thủ và phương án tác chiến chiến lược.

- Chiến lược an ninh quốc gia, chiến lược xây dựng công nghiệp quốc phòng, chiến lược trang bị cho quân đội, công an; phương hướng xây dựng hậu phương chiến lược; chính sách và tổ chức đối với lực lượng vũ trang.

- Chủ trương xử lý các tình huống đặc biệt của đất nước (tổng động viên, động viên cục bộ, tình trạng khẩn cấp, tình trạng chiến tranh...).

- Những chủ trương lớn về công tác Đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang.

5- Những vấn đề quan trọng về hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước:

- Đánh giá, nhận định tình hình quốc tế, khu vực và quan hệ đối ngoại; xác định phương hướng, chính sách đối ngoại.

- Chủ trương thiết lập khuôn khổ quan hệ lâu dài, hợp tác về quốc phòng, an ninh, khôi phục, đình chỉ quan hệ ngoại giao với một số nước; thiết lập, đình chỉ quan hệ giữa Đảng ta với một số đảng trên thế giới; gia nhập và rút khỏi các tổ chức quốc tế quan trọng và phương hướng hoạt động trong các tổ chức đó. Chủ trương và chính sách của ta đối với các tổ chức quốc tế và khu vực, các nước láng giềng, các nước lớn và với một số đối tác quan trọng trong thời gian 5 - 10 năm.

- Chủ trương đăng cai, những nội dung chủ yếu Việt Nam tham gia các hội nghị quốc tế cấp người đứng đầu Đảng, Nhà nước (Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội).

- Quyết định những nội dung chủ yếu của đề án, văn kiện, điều ước ký kết với nước ngoài liên quan đến biên giới, lãnh thổ, chủ quyền quốc gia.

- Thái độ của Việt Nam đối với các vấn đề hòa bình và chiến tranh, xung đột quốc tế và khu vực; đối với sự kiện quốc tế quan trọng, phức tạp; các vấn đề gây tác động lớn đến tình hình chính trị - xã hội, kinh tế, an ninh và quan hệ đối ngoại của ta.

- Chương trình và nội dung hoạt động đối ngoại quan trọng của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội.

- Chủ trương đón người đứng đầu Nhà nước, Chính phủ các nước lớn, nước có vị trí quan trọng trong quan hệ đối ngoại của ta; chủ trương đón người đứng đầu một số đảng.

6- Lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; cụ thể hóa chủ trương, chính sách lớn về xây dựng khối đại

đoàn kết dân tộc, các giai cấp và tầng lớp xã hội, các tôn giáo và người Việt Nam ở nước ngoài.

7- Định hướng về chương trình xây dựng pháp luật dài hạn; về quan điểm và nội dung cơ bản của một số dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ liên quan đến đường lối, chủ trương, chính sách mới, quan trọng; đến thể chế chính trị, thể chế kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

8- Một số vấn đề quan trọng thuộc lĩnh vực tư pháp:

- Định hướng chiến lược phát triển ngành tư pháp;

- Chủ trương xử lý một số vụ án đặc biệt nghiêm trọng có liên quan đến an ninh chính trị, đối ngoại.

9- Lãnh đạo cụ thể hóa, thực hiện những chủ trương, chính sách lớn về công tác xây dựng Đảng và công tác cán bộ.

- Hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng; ban hành Quy chế bầu cử trong Đảng.

- Quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các ban Đảng trực thuộc Trung ương, cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương, tổ chức đảng và đảng ủy trực thuộc Trung ương.

- Phân công công tác đối với các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị.

- Quyết định giới thiệu hoặc đề nghị nhân sự lãnh đạo các cơ quan nhà nước, đoàn thể để bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, thăng quân hàm, chuẩn y hoặc tạm đình chỉ công tác, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật và để nghỉ hưu đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị quản lý. Quyết định nhân sự cấp ủy và nhân sự lãnh đạo tổ chức đảng thuộc diện Bộ Chính trị quản lý. Xét tặng Huân chương Sao vàng cho cá nhân.

Xin ý kiến Ban Chấp hành Trung ương trước khi chính thức giới thiệu nhân sự để bầu, phê chuẩn hoặc phân công đối với các chức danh: Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội, bộ trưởng và người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội, trưởng ban Đảng ở Trung ương.

Hằng năm, nghe báo cáo và cho ý kiến về tình hình cán bộ và công tác cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị quản lý. Cuối nhiệm kỳ nhận xét, đánh giá Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

10- Xem xét báo cáo hằng năm về công tác tài chính đảng để trình Ban Chấp hành Trung ương.

11- Quyết định chuẩn bị và triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương; chỉ đạo việc chuẩn bị các báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết, kết luận để trình Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương.

Báo cáo để Ban Chấp hành Trung ương xem xét, góp ý về những công việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết và sẽ giải quyết giữa hai kỳ hội nghị Trung ương hoặc theo yêu cầu của Ban Chấp hành Trung ương.

Trả lời các ý kiến phê bình, chất vấn của các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương liên quan đến trách nhiệm của Bộ Chính trị.

12- Giữa nhiệm kỳ báo cáo Ban Chấp hành Trung ương về tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội trong nửa đầu nhiệm kỳ, những chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội.

13- Chuẩn bị các dự thảo văn kiện và đề án nhân sự Đại hội đại biểu toàn quốc trình Ban Chấp hành Trung ương.

14- Làm việc với tập thể ban thường vụ để định hướng nội dung và nhân sự chuẩn bị đại hội đại biểu các đảng bộ Quân đội, Công an, thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số đảng bộ trực thuộc Trung ương xét thấy cần thiết.

15- Thảo luận và quyết định những vấn đề khác do Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc đề nghị mà Bộ Chính trị thấy cần thiết hoặc do Bộ Chính trị yêu cầu.

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Bí thư

Ban Bí thư lãnh đạo công việc hằng ngày của Đảng:

1- Chỉ đạo và kiểm tra công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng; kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

Chỉ đạo, kiểm tra việc chuẩn bị các vấn đề đưa ra Bộ Chính trị thảo luận và quyết định.

Chỉ đạo làm thí điểm xây dựng, thực hiện một số chủ trương, chính sách mới.

2- Chỉ đạo sự phối hợp hoạt động giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị; chỉ đạo xây dựng quy chế làm việc của các ban Trung ương Đảng; chỉ đạo và kiểm tra, giám sát hoạt động của các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương.

3- Quyết định giới thiệu hoặc đề nghị nhân sự lãnh đạo cơ quan nhà nước, đoàn thể để bầu, bổ nhiệm, thăng quân

hàm, tạm đình chỉ công tác, miễn nhiệm, kỷ luật (tổ chức và cá nhân) và để nghỉ hưu đối với cán bộ thuộc diện Ban Bí thư quản lý.

Quyết định nhân sự cấp ủy và nhân sự lãnh đạo tổ chức đảng thuộc diện Ban Bí thư quản lý.

Hằng năm, nghe báo cáo và cho ý kiến về tình hình cán bộ và công tác cán bộ thuộc diện Ban Bí thư quản lý.

Xét tặng Huân chương Hồ Chí Minh cho cá nhân.

Gợi ý kiểm điểm đối với tập thể cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc và cá nhân thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý khi cần thiết.

Chỉ đạo việc xây dựng và kiểm tra thực hiện thống nhất chế độ, chính sách đối với cán bộ.

4- Chủ trương thành lập, giải thể các cơ quan trực thuộc Chính phủ, trực thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các tổ chức kinh tế có vị trí quan trọng, các hội có tính chất chính trị - xã hội.

Định hướng nội dung và nhân sự chuẩn bị đại hội các đảng bộ trực thuộc Trung ương (trừ các đảng bộ Bộ Chính trị đã chỉ đạo), các đoàn thể chính trị - xã hội và các hội có tính chất chính trị - xã hội.

5- Chỉ đạo việc chuẩn bị chương trình, nội dung nghiên cứu và học tập của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

6- Định hướng những hoạt động thường xuyên, quan trọng trong lĩnh vực tư tưởng và văn học, nghệ thuật; chương trình và nội dung đào tạo của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; chương trình giáo dục lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đảng, nhà nước, đoàn

thể; chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước liên quan đến lý luận chính trị; nghiệm thu và phổ biến kết quả nghiên cứu một số đề tài liên quan đến lý luận chính trị xét thấy cần thiết.

Định hướng tuyên truyền, thông tin báo chí trong nước và tuyên truyền, thông tin đối ngoại; chủ trương lớn về công tác báo chí, xuất bản. Chỉ đạo xử lý những vấn đề có ảnh hưởng rộng về chính trị trong lĩnh vực báo chí, xuất bản; tổ chức lấy ý kiến, tiếp thu và trả lời bằng hình thức thích hợp ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với những vấn đề cần thiết.

7- Định hướng hoạt động đối với một số hội quần chúng có tính chất chính trị - xã hội hoặc có phạm vi hoạt động và ảnh hưởng xã hội trong toàn quốc.

Chỉ đạo xử lý các vấn đề thường xuyên và vấn đề quan trọng nảy sinh đột xuất trong công tác dân vận, công tác dân tộc, công tác tôn giáo, trong quan hệ giữa Đảng với nhân dân.

8- Chủ trương xử lý một số vụ án nghiêm trọng có liên quan đến an ninh chính trị, đối ngoại.

9- Chỉ đạo xử lý các vấn đề cụ thể phức tạp nảy sinh về quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

10- Thông báo tình hình chung và công việc của Trung ương cho cấp dưới theo quy định của Điều lệ Đảng; chỉ đạo thông tin kịp thời và đầy đủ tình hình trong nước và ngoài nước cho Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và các cấp ủy đảng. Chỉ đạo việc thực hiện chế độ bảo mật trong Đảng; chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác, hoạt động của Đảng.

11- Trả lời ý kiến phê bình, chất vấn của các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương liên quan đến trách nhiệm của Ban Bí thư.

12- Thảo luận và quyết định những vấn đề khác do các tổ chức đảng trực thuộc đề nghị mà Ban Bí thư thấy cần thiết hoặc do Ban Bí thư yêu cầu.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của Tổng Bí thư

1- Tổng Bí thư là người đứng đầu Ban Chấp hành Trung ương; cùng Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư chịu trách nhiệm trước toàn Đảng, toàn dân về sự lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực.

2- Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương chủ trì công việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết luận các hội nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

3- Đề xuất những vấn đề về đường lối, chủ trương, chính sách lớn để Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư bàn, quyết định. Chỉ đạo và định hướng chuẩn bị các đề án trình Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương và một số đề án quan trọng trình Bộ Chính trị.

4- Chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ cấp cao của Đảng; công tác nghiên cứu lý luận; cải tiến và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Giữ mối liên hệ với các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và các đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương.

5- Trực tiếp chỉ đạo các vấn đề trọng yếu và cơ mật về quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Trực tiếp làm Bí thư Đảng

ủy Quân sự Trung ương; thay mặt Ban Chấp hành Trung ương giữ mối quan hệ làm việc với Hội đồng Quốc phòng và An ninh.

6- Chủ trì tổ chức các cuộc làm việc với các đồng chí Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội và đồng chí Thường trực Ban Bí thư, đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư phụ trách vấn đề liên quan để chỉ đạo, xử lý kịp thời những công việc hệ trọng, cấp bách của quốc gia trên cơ sở các chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị. Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư tại các cuộc làm việc này được thông báo để các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện và báo cáo Bộ Chính trị tại phiên họp gần nhất.

7- Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ký các nghị quyết và văn bản quan trọng của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

8- Trong trường hợp Tổng Bí thư vì lý do nào đó mà không thể chủ trì được công việc thì Bộ Chính trị phân công một đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị chủ trì công việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

9- Giữa nhiệm kỳ và cuối nhiệm kỳ báo cáo kết quả công tác trước Ban Chấp hành Trung ương.

10- Các quyết định xử lý mang tính chất lãnh đạo, chỉ đạo của Tổng Bí thư do Văn phòng Trung ương thông báo bằng văn bản, trừ trường hợp Tổng Bí thư chỉ đạo trực tiếp.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư

1- Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tổ chức chỉ đạo thực hiện và

kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong lĩnh vực hoặc địa bàn công tác được phân công.

2- Chủ động đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách và những vấn đề khác có liên quan đến đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

3- Tham gia thảo luận và biểu quyết các quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

4- Chỉ đạo các cơ quan chức năng liên quan, các tổ công tác, hội đồng, ban chỉ đạo để phối hợp giải quyết công việc của Đảng trên lĩnh vực được phân công. Đối với các vấn đề vượt quá thẩm quyền, hoặc thấy cần thiết thì chủ động trao đổi với đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư có liên quan và đồng chí Thường trực Ban Bí thư để xử lý hoặc đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, giải quyết tùy phạm vi và tầm quan trọng của vấn đề.

5- Chịu trách nhiệm chỉ đạo và trực tiếp giải quyết công việc của Đảng trên lĩnh vực được phân công phụ trách.

Chỉ đạo việc đào tạo, bồi dưỡng, nhận xét, đánh giá cán bộ và phối hợp sắp xếp, bố trí cán bộ lãnh đạo của các ban, ngành trong lĩnh vực được phân công phụ trách.

Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị là Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội

Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn chung của Ủy viên Bộ Chính trị nêu tại Điều 7 và những trách nhiệm, quyền hạn sau:

1- Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương về lãnh đạo, chỉ đạo việc thể chế hóa đường lối, nghị quyết của Đảng trong phạm vi chức trách được phân công.

2- Đề xuất những vấn đề về đường lối, chủ trương, chính sách quan trọng thuộc lĩnh vực được phân công để Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị bàn, quyết định.

3- Chủ trì cùng với các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư phụ trách lĩnh vực xử lý những việc cần có sự phối hợp theo sự phân công của Bộ Chính trị.

4- Khi giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền, nếu thấy có vấn đề cần thiết thì chủ động đề xuất để đồng chí Tổng Bí thư hội ý, trao đổi với các đồng chí Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội, đồng chí Thường trực Ban Bí thư và đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư có liên quan trước khi quyết định.

5- Giữa nhiệm kỳ và cuối nhiệm kỳ báo cáo kết quả công tác trước Ban Chấp hành Trung ương.

Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của đồng chí Thường trực Ban Bí thư

1- Chịu trách nhiệm giải quyết công việc hằng ngày của Đảng. Nếu thấy có vấn đề cần thiết thì xin ý kiến Tổng Bí thư trước khi quyết định.

Chủ trì hội nghị Ban Bí thư khi được Tổng Bí thư ủy quyền.

2- Chỉ đạo Văn phòng Trung ương cùng các cơ quan liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

3- Chủ trì cùng với các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy

viên Ban Bí thư phụ trách lĩnh vực xử lý những việc cần có sự phối hợp, hoặc những việc do các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư phụ trách lĩnh vực đề nghị.

4- Chủ trì cùng với các đồng chí Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét kết quả bầu cử và quyết định chuẩn y danh sách ban chấp hành, ủy ban kiểm tra và các chức danh bầu bổ sung của các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; chỉ định bổ sung cấp ủy viên, ủy viên đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc Trung ương theo quy định của Điều lệ Đảng; trường hợp cần thiết thì trình tập thể Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

5- Chỉ đạo, phối hợp hoạt động của bộ máy Đảng ở Trung ương. Chủ trì giao ban với Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, các ban đảng Trung ương; giao ban với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

6- Chỉ đạo việc thực hiện chế độ thông tin cho các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, các cấp ủy đảng về hoạt động của các cơ quan lãnh đạo của Đảng và các thông tin cần thiết khác.

7- Thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư ký các văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư (trừ những nghị quyết và văn bản do đồng chí Tổng Bí thư ký và một số văn bản do các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư là Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương ký theo ủy quyền của Bộ Chính trị, Ban Bí thư).

Chương II

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ PHƯƠNG PHÁP CÔNG TÁC

Điều 10. Về việc chuẩn bị hội nghị và tổ chức các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương

1- Ban Chấp hành Trung ương làm việc theo chương trình toàn khóa và hằng năm (có điều chỉnh khi cần thiết). Ban Chấp hành Trung ương họp thường lệ 6 tháng một lần.

Khi Bộ Chính trị thấy cần hoặc khi có trên một nửa số Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương đề nghị thì Bộ Chính trị quyết định triệu tập hội nghị Ban Chấp hành Trung ương bất thường.

2- Các đồng chí thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương không phải Ủy viên Trung ương được mời dự các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, trừ những hội nghị Ban Chấp hành Trung ương cần họp riêng.

Không triệu tập hội nghị Ban Chấp hành Trung ương mở rộng. Khi cần thiết, Bộ Chính trị mời một số đồng chí không là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương có liên quan đến nội dung hội nghị dự họp và báo cáo với Ban Chấp hành Trung ương tại hội nghị.

Các đồng chí được mời họp tham gia phát biểu tại tổ, khi Bộ Chính trị đề nghị thì phát biểu tại hội trường.

3- Bộ Chính trị có trách nhiệm chuẩn bị hội nghị Ban Chấp hành Trung ương; xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, phạm vi của mỗi hội nghị; phân công đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị chủ trì và các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm chuẩn bị các đề án. Đề án trình hội nghị Ban Chấp

hành Trung ương cần gửi đến các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương trước cuộc họp 7 đến 10 ngày (trừ trường hợp đặc biệt).

Đề án trình Ban Chấp hành Trung ương phải tập trung được trí tuệ của các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, các cơ quan chức năng, lãnh đạo chủ chốt các ban, ngành, đoàn thể, địa phương, các chuyên gia, nhà khoa học và tổ chức khoa học có liên quan. Tùy vấn đề, Bộ Chính trị, Ban Bí thư tổ chức lấy ý kiến của các tầng lớp nhân dân. Việc tổ chức lấy ý kiến phải bảo đảm thiết thực, có hiệu quả.

Tờ trình Trung ương phải ngắn gọn, nêu rõ những vấn đề Trung ương cần tập trung thảo luận và quyết định. Các cơ quan có trách nhiệm chuẩn bị đề án và tờ trình phải cung cấp kịp thời những thông tin cần thiết cho Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương, nhất là những tri thức và những ý kiến khác nhau lớn liên quan đến nội dung đề án. Các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương có trách nhiệm nghiên cứu, chuẩn bị để đóng góp ý kiến có chất lượng vào quá trình thảo luận và quyết định của Ban Chấp hành Trung ương.

4- Bộ Chính trị phân công một số đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị điều hành các phiên họp của hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, báo cáo với Ban Chấp hành Trung ương về thành phần dự họp và dự kiến chương trình làm việc. Ban Chấp hành Trung ương thảo luận, biểu quyết thông qua chương trình làm việc của hội nghị.

Bộ Chính trị nêu những vấn đề Ban Chấp hành Trung ương cần tập trung thảo luận. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban

Bí thư cần bày tỏ chính kiến về những vấn đề đó và tranh luận về những vấn đề quan trọng còn có ý kiến khác nhau.

Tùy vấn đề, Ban Chấp hành Trung ương có thể tổ chức thảo luận ở hội trường, ở tổ hoặc ở các nhóm chuyên đề. Khi Ban Chấp hành Trung ương thảo luận ở tổ hoặc các nhóm chuyên đề, Bộ Chính trị chỉ đạo việc tổng hợp đầy đủ ý kiến phát biểu, thông báo kịp thời đến Ban Chấp hành Trung ương.

Đối với việc trình xem xét kỷ luật Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị trình Ban Chấp hành Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương phát biểu khi có ý kiến khác với Bộ Chính trị.

5- Bộ Chính trị trình bày ý kiến của mình về những vấn đề Ban Chấp hành Trung ương còn ý kiến khác nhau trước khi Ban Chấp hành Trung ương biểu quyết và kiến nghị với Ban Chấp hành Trung ương danh mục và nội dung những vấn đề cần biểu quyết.

Ban Chấp hành Trung ương thông qua danh mục, nội dung các vấn đề cần biểu quyết và hình thức biểu quyết. Nếu biểu quyết về nhân sự, Ban Chấp hành Trung ương cử Ban kiểm phiếu để kiểm phiếu; nếu biểu quyết những vấn đề về nội dung nghị quyết thì giao Văn phòng Trung ương thực hiện việc kiểm phiếu.

Đối với những vấn đề đã có nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và nghị quyết đó vẫn còn giá trị chỉ đạo, Ban Chấp hành Trung ương không ra nghị quyết mới mà chỉ tập trung kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết đã có, bổ sung những chủ trương, giải pháp cần thiết để thực hiện.

Ban Chấp hành Trung ương biểu quyết thông qua nghị quyết tại hội nghị; trường hợp không chuẩn bị kịp văn bản

thì ủy nhiệm Bộ Chính trị căn cứ vào kết luận của hội nghị để hoàn chỉnh văn bản và ban hành. Nếu Bộ Chính trị thấy có nội dung cần điều chỉnh, bổ sung thì phải xin ý kiến Ban Chấp hành Trung ương và chỉ được bổ sung, điều chỉnh khi có quá 1/2 tổng số Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương tán thành.

6- Ban Chấp hành Trung ương giao Ban Bí thư chỉ đạo việc thông báo kết quả và nội dung hội nghị Ban Chấp hành Trung ương.

7- Các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và các đồng chí được mời dự hội nghị Ban Chấp hành Trung ương thực hiện nghiêm chế độ bảo mật hội nghị.

8- Trong một số trường hợp, do yêu cầu giải quyết gấp và không có điều kiện triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị gửi văn bản xin ý kiến trực tiếp các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Những vấn đề Bộ Chính trị xin ý kiến nếu được quá 1/2 tổng số Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương tán thành thì Bộ Chính trị chỉ đạo triển khai và báo cáo lại Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị gần nhất. Trong trường hợp tuy đã có trên 1/2 tán thành, nhưng ý kiến của các đồng chí Ủy viên Trung ương còn khác nhau về những vấn đề quan trọng thì phải đưa ra Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương gần nhất thảo luận, quyết định.

Điều 11. Về hội nghị Bộ Chính trị, hội nghị Ban Bí thư

1- Bộ Chính trị, Ban Bí thư làm việc theo chương trình hằng năm, hằng quý, hằng tháng, hằng tuần.

2- Mỗi tháng, Bộ Chính trị họp 2 lần vào những ngày cuối của tuần thứ nhất và tuần thứ ba, họp bất thường khi cần; Ban Bí thư họp từ 2 - 3 lần, có điều chỉnh khi cần thiết.

3- Các cuộc họp Bộ Chính trị (Ban Bí thư) phải có ít nhất 2/3 số thành viên Bộ Chính trị (Ban Bí thư) tham dự.

Khi Bộ Chính trị họp thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Bộ Chính trị, nhưng có nhiều nội dung liên quan đến trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện của Ban Bí thư thì Bộ Chính trị mời Ban Bí thư cùng dự. Các đồng chí Ủy viên Ban Bí thư không phải là Ủy viên Bộ Chính trị phát biểu ý kiến tại cuộc họp, song không biểu quyết.

4- Khi chuẩn bị những quyết định quan trọng của Bộ Chính trị, cần lấy ý kiến của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương có liên quan.

5- Cơ quan được giao chuẩn bị đề án là cơ quan có trách nhiệm trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Các tài liệu hội nghị gửi trước đến các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư ít nhất 3 ngày. Đối với các đề án quan trọng, phức tạp, cần lấy ý kiến trước các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư thì gửi trước ít nhất 5 ngày. Văn phòng Trung ương tổng hợp và báo cáo ý kiến khác nhau của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư trước cuộc họp.

6- Tại Hội nghị, Bộ Chính trị (Ban Bí thư) nghe tờ trình của cơ quan chuẩn bị đề án và ý kiến thẩm định của các ban tham mưu Trung ương Đảng, trường hợp cơ quan trình đề án là ban đảng thì Bộ Chính trị (Ban Bí thư) chỉ định một cơ quan khác thẩm định và phát biểu ý kiến; sau đó chỉ tập trung thảo luận những vấn đề quan trọng, còn có ý kiến khác nhau để quyết định.

+ Về việc bổ nhiệm, điều động đối với cán bộ công tác tại cơ quan nhà nước, Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ dự họp và phát biểu ý kiến (bằng văn bản).

+ Bộ Chính trị, Ban Bí thư biểu quyết bằng hình thức thích hợp đối với những vấn đề quan trọng có ý kiến khác nhau; biểu quyết bằng phiếu kín đối với việc bổ nhiệm, thi hành kỷ luật cán bộ.

+ Đối với các cuộc họp có đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị (Ủy viên Ban Bí thư) vắng mặt, Văn phòng Trung ương gửi tài liệu họp để các đồng chí góp ý kiến trực tiếp vào văn bản và tổng hợp, báo cáo đồng chí Thường trực Ban Bí thư và đồng chí Tổng Bí thư.

7- Trong một số rất ít trường hợp do nội dung vấn đề phải giải quyết không phức tạp, được đồng chí Tổng Bí thư hoặc đồng chí Thường trực Ban Bí thư đồng ý thì giao Văn phòng Trung ương gửi văn bản xin ý kiến trực tiếp các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị hoặc Ủy viên Ban Bí thư; nếu quá 1/2 tổng số Ủy viên Bộ Chính trị hoặc Ủy viên Ban Bí thư tán thành thì ý kiến quá bán đó có giá trị như nghị quyết cuộc họp; trường hợp tuy đã có trên 1/2 tán thành, nhưng còn có ý kiến khác nhau về những vấn đề quan trọng thì đưa ra tập thể Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư thảo luận, quyết định.

8- Hằng năm, Bộ Chính trị (Ban Bí thư) làm việc tập thể với một số cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc khi thấy cần thiết.

9- Các quyết định của Hội nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư đều được thể hiện bằng văn bản. Các dự thảo quyết định quan trọng của Bộ Chính trị, Ban Bí thư được gửi các đồng

chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư góp ý kiến trực tiếp vào văn bản trước khi ban hành chính thức.

Điều 12. Lãnh đạo, chỉ đạo đối với cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội theo quy định của Điều lệ Đảng và theo trách nhiệm và quyền hạn đã quy định ở các Điều 1, 4, 5 của Quy chế này.

Đối với những việc Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư bàn và quyết định có liên quan đến hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội thì phải lấy ý kiến của các tổ chức này trước khi quyết định. Khi đã có quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các tổ chức đảng và đảng viên công tác trong cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể chính trị - xã hội có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo việc cụ thể hóa, thể chế hóa và tổ chức thực hiện; nếu có ý kiến khác với quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì cần bàn bạc kỹ trong tổ chức và báo cáo lại với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Trong trường hợp cần thiết, đại diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc đồng chí Tổng Bí thư thay mặt Ban Chấp hành Trung ương trực tiếp phát biểu ý kiến hoặc kiến nghị với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chủ động giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình (có trao đổi với các ban tham mưu của Trung ương Đảng đối với những vấn đề cần thiết), đồng thời trình Bộ Chính trị (Ban Bí thư) những vấn đề đã được quy định tại các Điều 4, 5 của Quy chế này và vấn đề hệ trọng khác khi thấy cần thiết.

Điều 13. Chế độ làm việc của Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư và Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương

Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư phụ trách từng lĩnh vực phát huy trách nhiệm cao nhất, chủ động giải quyết công việc theo chức trách được giao; những việc vượt quá thẩm quyền, hoặc xét thấy cần thiết thì đề nghị Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư bàn tập thể.

Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư có kế hoạch làm việc với tập thể lãnh đạo các tổ chức đảng trực thuộc và lãnh đạo các ban Đảng (với từng đơn vị hoặc theo khối, theo vùng, theo sự phân công của Bộ Chính trị, Ban Bí thư), nhất là với các tỉnh ủy, thành ủy để kiểm tra tình hình thực hiện nghị quyết của Đảng và chỉ đạo công tác.

Ý kiến chỉ đạo của đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị hoặc đồng chí Ủy viên Ban Bí thư phụ trách lĩnh vực giải quyết công việc với danh nghĩa Ủy viên Bộ Chính trị hoặc Ủy viên Ban Bí thư do Văn phòng Trung ương thông báo đến các đơn vị và cá nhân có nhiệm vụ thực hiện.

Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư căn cứ thẩm quyền và

trách nhiệm được giao để giải quyết công việc, không lấy danh nghĩa thay mặt Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, trừ trường hợp được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ủy nhiệm.

Đồng chí Thường trực Ban Bí thư chỉ đạo Văn phòng Trung ương thực hiện việc thông tin trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư về các nội dung được thảo luận và quyết định tại các cuộc họp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các quyết định quan trọng do các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư đã xử lý theo chức trách của mình.

Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư là Trưởng Ban Tổ chức Trung ương và Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương được thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư ký một số văn bản theo ủy quyền của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong lĩnh vực công tác được phân công (trừ những quyết định có liên quan đến các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư đương chức).

Điều 14. Chế độ tự phê bình, phê bình và chất vấn

1- Hằng năm, các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương tiến hành tự phê bình và phê bình trong hội nghị kiểm điểm của tập thể ban thường vụ cấp ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng hoặc tập thể lãnh đạo cơ quan nơi công tác, có nhận xét của chi ủy nơi sinh hoạt và chi ủy nơi cư trú. Kết quả kiểm điểm gửi về Bộ Chính trị, Ban Tổ chức Trung ương; các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư tiến hành tự phê bình và phê bình trong hội nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư, có nhận xét của cấp ủy nơi công tác và chi ủy nơi cư trú.

2- Trong các Hội nghị Trung ương, dành thời gian cần thiết để các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương thực hiện chế độ phê bình, chất vấn và cho ý kiến đối với báo cáo của Bộ Chính trị về những công việc quan trọng mà Bộ Chính trị đã giải quyết giữa hai kỳ Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương và những vấn đề mà Bộ Chính trị sẽ bàn và quyết định trong thời gian tới.

3- Tại các Hội nghị Trung ương cuối năm, Bộ Chính trị, Ban Bí thư có báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong năm đó để Ban Chấp hành Trung ương xem xét, góp ý.

Điều 15. Chế độ đi công tác cơ sở

Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương phải có kế hoạch đi công tác cơ sở; lắng nghe ý kiến của các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; phát hiện tình hình để chỉ đạo tại chỗ hoặc kiến nghị với Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương lưu ý chỉ đạo. Việc đi công tác cơ sở đảm bảo thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả, tránh phô trương hình thức.

Văn phòng Trung ương phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi lịch đi công tác cơ sở của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với chương trình và lịch làm việc chung của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và để tránh cùng một lúc, cùng một nơi trong một thời gian ngắn, nhiều đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư đến thăm và làm việc tại một địa phương.

Điều 16. Cơ quan tham mưu giúp việc

Ban Chấp hành Trung ương có các cơ quan tham mưu, giúp việc gồm Văn phòng Trung ương và các ban Trung ương Đảng do Ban Chấp hành Trung ương quyết định thành lập và ủy nhiệm Bộ Chính trị quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các cơ quan này.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương và các ban Trung ương Đảng căn cứ Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, có trách nhiệm tham mưu, chuẩn bị hoặc thẩm định các đề án, các chủ trương lớn có liên quan và phát biểu ý kiến với Bộ Chính trị, Ban Bí thư; theo dõi, kiểm tra và định kỳ báo cáo việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; thường xuyên cải tiến lề lối làm việc, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác.

Tổng Bí thư có bộ phận giúp việc đặt trong Văn phòng Trung ương; có quy chế hoạt động của bộ phận này.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư và đồng chí Tổng Bí thư có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Quy chế này.

Văn phòng Trung ương chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương và các cơ

quan liên quan giúp Ban Chấp hành Trung ương theo dõi việc thực hiện Quy chế.

Giữa nhiệm kỳ, Ban Chấp hành Trung ương sơ kết và sửa đổi, bổ sung Quy chế nếu thấy cần thiết; cuối nhiệm kỳ tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Quy chế.

Căn cứ Quy chế này, Bộ Chính trị, Ban Bí thư sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế có liên quan cho phù hợp.

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG KHÓA X

Số 10-QĐ/TW, ngày 11 tháng 8 năm 2006

(Đã được Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa X thông qua)

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X;

Ban Chấp hành Trung ương khóa X quyết định Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương như sau:

Chương I
CHỨC NĂNG, TỔ CHỨC CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG; TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA ỦY BAN VÀ CÁC THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

Điều 1. Chức năng và tổ chức của Ủy ban Kiểm tra Trung ương

1- Ủy ban Kiểm tra Trung ương là cơ quan kiểm tra, giám sát chuyên trách của Ban Chấp hành Trung ương, thực

hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Điều lệ Đảng; tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng.

2- Ủy ban Kiểm tra Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương bầu, gồm một số đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương và một số đồng chí ngoài Ban Chấp hành Trung ương. Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương bầu trong số các thành viên Ủy ban.

Các Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương do Ủy ban Kiểm tra Trung ương bầu trong số các thành viên Ủy ban và được Bộ Chính trị chuẩn y. Chủ nhiệm và các Phó Chủ nhiệm là tập thể thường trực của Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Ủy ban phân công một đồng chí Phó Chủ nhiệm Thường trực.

3- Tổ chức bộ máy cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương do Bộ Chính trị quy định.

Điều 2. Trách nhiệm, quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương

1- Quyết định phương hướng, nhiệm vụ, chương trình công tác kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ, hằng năm, 6 tháng; sơ kết, tổng kết công tác kiểm tra, giám sát; triệu tập và chỉ đạo hội nghị cán bộ kiểm tra toàn quốc.

2- Trực tiếp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng do Điều lệ Đảng quy định.

- Kiểm tra đảng viên ở bất cứ cương vị nào khi có dấu

hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

- Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các nguyên tắc tổ chức của Đảng, pháp luật của Nhà nước; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng.

- Giám sát Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương (kể cả Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư), cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và tổ chức đảng cấp dưới về việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và về đạo đức, lối sống theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

- Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên thuộc diện Trung ương quản lý theo quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Ủy ban Kiểm tra Trung ương không xem xét, giải quyết đơn, thư tố cáo giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ và những tố cáo có tên đã được cấp có thẩm quyền do Điều lệ Đảng quy định xem xét, kết luận, nay tố cáo lại nhưng không có thêm tài liệu, chứng cứ mới.

- Xem xét, kết luận, quyết định thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại kỷ luật theo thẩm quyền do Điều lệ Đảng quy định.

- Kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới và cơ quan tài chính của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

3- Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

4- Khi tiến hành công tác kiểm tra, giám sát có quyền yêu cầu tổ chức đảng và đảng viên báo cáo tình hình, cung cấp tài liệu về những vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát; yêu cầu các tổ chức đảng có liên quan phối hợp trong công tác kiểm tra, giám sát. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, nếu phát hiện tổ chức đảng hoặc đảng viên có những quyết định hoặc việc làm có dấu hiệu sai, trái với Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương được quyền yêu cầu tổ chức đảng hoặc đảng viên xem xét lại quyết định hoặc việc làm đó; nếu tổ chức đảng và đảng viên không thực hiện thì báo cáo kịp thời với cấp có thẩm quyền xem xét.

Qua công tác kiểm tra, giám sát, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc yêu cầu tổ chức và cá nhân có thẩm quyền thi hành kỷ luật, thay đổi hình thức kỷ luật về chính quyền, đoàn thể đối với đảng viên; nếu tổ chức và cá nhân có thẩm quyền không thực hiện thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư giải quyết và kiến nghị xem xét trách nhiệm của tổ chức và cá nhân đó.

Khi xem xét, kết luận, xử lý kỷ luật phải đảm bảo công minh, chính xác, kịp thời và chịu trách nhiệm đối với các kết luận, quyết định đó; bảo vệ những tổ chức và cá nhân làm đúng, đề nghị với tổ chức có thẩm quyền xem xét, xử lý nghiêm những trường hợp trù dập, trả thù người tố cáo và những trường hợp tố cáo mang tính chất bịa đặt, vu cáo, có dụng ý xấu.

5- Phối hợp với các ban Trung ương Đảng giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư xây dựng phương hướng, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát, tổ chức lực lượng để tiến hành kiểm tra, giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng (theo Điều 30 Điều lệ Đảng).

6- Tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng, về những giải pháp nhằm giữ vững nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, tăng cường kỷ cương của Đảng, chủ động phòng ngừa vi phạm kỷ luật của tổ chức đảng và đảng viên.

- Báo cáo các vụ kỷ luật, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Hướng dẫn và kiểm tra các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng.

- Được ủy quyền tổ chức triển khai các quyết định, kết luận, thông báo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về thi hành kỷ luật, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên có liên quan trong việc thực hiện các quyết định, kết luận, thông báo đó.

- Chủ động tham gia ý kiến và kiến nghị những vấn đề liên quan đến công tác cán bộ và cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

7- Thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương được dự tất cả các cuộc họp của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn của các bộ, ngành, đoàn thể... Việc cử cán bộ của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương đến dự các cuộc họp của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn của các bộ, ngành, đoàn thể... và các tổ chức đảng, đơn vị để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát do Ủy ban Kiểm tra Trung ương quy định.

8- Tham mưu với Bộ Chính trị, Ban Bí thư về nội dung, quy trình, phương thức giám sát và trực tiếp tổ chức giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng và điểm 2, Điều 2 của Quy chế này.

9- Về tổ chức bộ máy của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương, trên cơ sở quyết định của Bộ Chính trị về tổ chức bộ máy và biên chế được duyệt, Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ động bố trí, sắp xếp tổ chức, bộ máy cụ thể; quy định chế độ làm việc của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương; hướng dẫn ủy ban kiểm tra cấp dưới về mô hình tổ chức bộ máy của cơ quan Ủy ban kiểm tra; Ủy ban Kiểm tra Trung ương có thể trưng tập một số chuyên gia khi cần thiết.

10- Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với Văn phòng Trung ương (là cơ quan chủ trì), Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan liên quan giúp Ban Chấp hành Trung ương theo dõi, giám sát việc thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 3. Trách nhiệm, quyền hạn của thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương

1- Được Ủy ban Kiểm tra Trung ương phân công phụ trách một hoặc một số lĩnh vực, địa bàn; chịu trách nhiệm chính trước Ủy ban về hoạt động công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng thuộc phạm vi phụ trách theo đúng quy định của Điều lệ Đảng, Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Quy định về chế độ làm việc của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

2- Tham gia xây dựng phương hướng, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban; trực tiếp tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban Kiểm tra Trung ương phân công; tham gia các đoàn kiểm tra do Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc Ủy ban Kiểm tra Trung ương quyết định thành lập.

3- Nghiên cứu, đề xuất các chủ trương, biện pháp về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng; chủ động nắm tình hình, phát hiện, đề xuất biện pháp giải quyết những vấn đề quan trọng thuộc phạm vi phụ trách; theo dõi tình hình chấp hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương để báo cáo Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

4- Được cung cấp thông tin theo quy định chung của Trung ương; dự đầy đủ các kỳ họp của Ủy ban Kiểm tra Trung ương; thảo luận, biểu quyết và cùng với Ủy ban chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về các quyết định đó.

5- Các thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương không phải là Ủy viên Trung ương được dự các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, trừ những hội nghị Ban Chấp hành Trung ương cần họp riêng. Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương phân công thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương dự các cuộc họp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư bàn về công tác kiểm tra, giám sát, công tác xây dựng Đảng và các công việc khác có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát khi được mời.

6- Giữ mối liên hệ với cấp ủy, Ủy ban kiểm tra, các tổ chức đảng trong phạm vi phụ trách. Phối hợp chặt chẽ với các thành viên khác của Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong việc thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban phân công. Giúp Ủy ban trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng chương trình, kế hoạch công tác, củng cố tổ chức, nhận xét, đánh giá cán bộ của đơn vị trong cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương được Ủy ban phân công phụ trách. Góp phần tích cực xây dựng chi bộ nơi mình sinh hoạt trong sạch, vững mạnh.

Điều 4. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương

1- Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về toàn bộ hoạt động công tác của Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Thường xuyên giữ mối liên hệ công tác của Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2- Chủ trì các công việc, các cuộc họp của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và của Thường trực Ủy ban; đề xuất những nội dung, chương trình, những vấn đề cần thảo luận, giải quyết nhằm giữ vững kỷ cương, kỷ luật trong Đảng, thực

hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương do Điều lệ Đảng quy định và nhiệm vụ do Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

3- Chỉ đạo, chủ trì một số cuộc kiểm tra hoặc thẩm tra, xác minh những trường hợp tổ chức đảng, đảng viên là cán bộ lãnh đạo cấp cao của Đảng và các thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương khi có dấu hiệu vi phạm, bị tố cáo; được Bộ Chính trị, Ban Bí thư ủy quyền nghe ý kiến trình bày của tổ chức đảng hoặc đảng viên bị thi hành kỷ luật, khiếu nại kỷ luật thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và báo cáo đầy đủ với Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

4- Trực tiếp chỉ đạo chuẩn bị nhân sự thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, giới thiệu để Ban Chấp hành Trung ương bầu bổ sung khi cần và bầu cho nhiệm kỳ tiếp theo. Trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ từ cấp vụ trở lên của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Tham gia với cấp ủy trực thuộc Trung ương chuẩn bị nhân sự Ủy ban kiểm tra, nhất là chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra của cấp ủy đó.

5- Ký một số văn bản thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo ủy quyền của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Thay mặt Ủy ban Kiểm tra Trung ương ký văn bản trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; các quyết định về thi hành kỷ luật thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban Kiểm tra Trung ương; các quyết định liên quan đến tổ chức bộ máy, cán bộ của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương và một số văn bản quan trọng khác. Kiểm tra, đôn đốc các thành viên Ủy ban thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được phân công.

6- Giữa nhiệm kỳ và cuối nhiệm kỳ báo cáo kết quả công tác trước Ban Chấp hành Trung ương.

Điều 5. Trách nhiệm, quyền hạn của Thường trực Ủy ban, Phó Chủ nhiệm thường trực Ủy ban và các Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương

1- Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương thay mặt Ủy ban chỉ đạo thực hiện chương trình công tác và các nhiệm vụ cụ thể do Ủy ban ủy nhiệm.

2- Phó Chủ nhiệm thường trực thực hiện trách nhiệm, quyền hạn của thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã ghi tại Điều 3 và khoản 1, Điều 5 của Quy chế này, giúp Chủ nhiệm giải quyết công việc hằng ngày của Ủy ban; trực tiếp quản lý và điều hành cơ quan giúp việc thực hiện chương trình công tác và các quyết định của Ủy ban Kiểm tra Trung ương; ký các văn bản theo sự phân công của Ủy ban và Chủ nhiệm; thay mặt Chủ nhiệm khi được Chủ nhiệm ủy nhiệm.

3- Các Phó Chủ nhiệm thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã ghi tại Điều 3 và khoản 1, Điều 5 của Quy chế này.

Chương II

NGUYÊN TẮC, CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

Điều 6. Nguyên tắc làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương

1- Ủy ban Kiểm tra Trung ương làm việc dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, sự chỉ đạo trực tiếp

và thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Ủy ban Kiểm tra Trung ương chấp hành các kết luận, quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng. Trường hợp Ủy ban Kiểm tra Trung ương có ý kiến khác với kết luận, quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương chấp hành các kết luận, quyết định đó, nhưng có quyền báo cáo để Ban Chấp hành Trung ương xem xét, quyết định. Các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương có quyền chất vấn về hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Ủy ban Kiểm tra Trung ương có trách nhiệm trả lời các vấn đề liên quan đến trách nhiệm được giao.

2- Ủy ban Kiểm tra Trung ương thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số.

3- Khi tiến hành công tác kiểm tra, giám sát, nếu tổ chức đảng và đảng viên được kiểm tra, giám sát thấy có vấn đề cần tham gia ý kiến thì phản ánh với Chủ nhiệm hoặc Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương; không được gây khó khăn, trở ngại cho việc kiểm tra, giám sát. Khi báo cáo Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương phải báo cáo đầy đủ những ý kiến của tổ chức đảng và đảng viên về vấn đề có liên quan, kể cả những ý kiến khác với ý kiến của Ủy ban Kiểm tra Trung ương để Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

4- Các quyết định, kết luận, thông báo của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng phải được thông báo công khai bằng hình thức thích hợp đến tổ chức đảng và đảng viên có liên quan; tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên có liên quan phải chấp hành nghiêm chỉnh thông báo này. Trường hợp có ý kiến khác thì được quyền khiếu nại, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Điều 7. Chế độ làm việc của Ủy ban và Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương

1- Ủy ban Kiểm tra Trung ương họp thường kỳ mỗi quý hai lần; Thường trực Ủy ban họp mỗi tháng một lần; khi cần thì họp bất thường.

2- Ủy ban Kiểm tra Trung ương thực hiện chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết như sau:

- Mỗi năm một lần và giữa nhiệm kỳ, báo cáo Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng; về hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ủy ban kiểm tra các cấp.

- Sáu tháng một lần, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng.

3- Giữa và cuối nhiệm kỳ, Ủy ban Kiểm tra Trung ương tiến hành tổng kết hoạt động kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng, tổng kết việc thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương để báo cáo Ban Chấp hành Trung ương.

Chương III

CÁC MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

Điều 8. Quan hệ công tác với các ban của Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn của cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội của Trung ương

1- Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với các ban và các cơ quan của Trung ương Đảng thực hiện những nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định và những nhiệm vụ do Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao; làm tốt chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2- Ủy ban Kiểm tra Trung ương tham gia ý kiến với các ban Đảng có liên quan trong việc giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư chuẩn bị và chuẩn y nhân sự cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn và Ủy ban kiểm tra của các cấp ủy trực thuộc Trung ương; trong việc đánh giá, bố trí, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

3- Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, có kế hoạch phối hợp với các ban của Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương trong việc xem xét, giải quyết tố cáo, đôn đốc thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, có dấu hiệu vi phạm kỷ luật đảng và pháp

luật nhà nước. Trường hợp ý kiến khác nhau, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và tổ chức đảng có liên quan có trách nhiệm báo cáo các ý kiến khác nhau đó để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4- Ủy ban Kiểm tra Trung ương xây dựng quy chế phối hợp công tác với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Đảng đoàn Quốc hội, Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương, Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và các cơ quan khác có liên quan trong việc nắm thông tin, phát hiện những dấu hiệu vi phạm của các tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và những nhiệm vụ liên quan đến nhiều cán bộ là đảng viên vi phạm kỷ luật, gây hậu quả nghiêm trọng để xem xét, xử lý kỷ luật đảng và kỷ luật hành chính, đoàn thể được kịp thời.

Điều 9. Quan hệ công tác với các cấp ủy trực thuộc Trung ương

1- Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các cấp ủy trực thuộc Trung ương thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2- Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, có kế hoạch phối hợp với các cấp ủy trực thuộc Trung ương trong việc giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ

Chính trị, Ban Bí thư quản lý. Ủy ban Kiểm tra Trung ương chỉ đạo việc kiểm tra đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp dưới quản lý khi có dấu hiệu vi phạm; trực tiếp kiểm tra khi thấy cần thiết. Trường hợp có ý kiến khác nhau, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và cấp ủy liên quan có trách nhiệm báo cáo các ý kiến khác nhau đó để Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

3- Các cấp ủy trực thuộc Trung ương khi chuẩn bị nhân sự để bầu ủy ban kiểm tra, bầu chủ nhiệm, thay đổi chủ nhiệm phải trao đổi với Ủy ban Kiểm tra Trung ương để báo cáo Ban Bí thư xem xét, quyết định; thay đổi các thành viên của ủy ban kiểm tra cấp mình thì trao đổi thống nhất với Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

4- Các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, báo cáo thường kỳ và đột xuất của cấp ủy trực thuộc Trung ương khi gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì đồng gửi Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Điều 10. Quan hệ công tác với Ủy ban kiểm tra của cấp ủy cấp dưới

1- Ủy ban Kiểm tra Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát và kiểm tra, giám sát hoạt động của ủy ban kiểm tra các cấp; tham gia ý kiến với ủy ban kiểm tra của các cấp ủy trực thuộc Trung ương về việc chuẩn bị nhân sự ủy ban kiểm tra, xây dựng tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ kiểm tra; kiểm tra, giám sát hoạt động của ủy ban kiểm tra các cấp; chủ trì hoặc phối hợp với ủy ban kiểm tra của cấp ủy cấp

dưới trong công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng; chỉ đạo, hướng dẫn ủy ban kiểm tra cấp ủy trực thuộc Trung ương sơ kết, tổng kết công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng.

2- Ủy ban kiểm tra của cấp dưới chấp hành sự lãnh đạo của cấp ủy cùng cấp và sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát của Ủy ban Kiểm tra Trung ương; phát hiện, đề xuất những vấn đề có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng để báo cáo với Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, giải quyết.

Chương IV

CHẤP HÀNH QUY CHẾ

Điều 11.

1- Ủy ban Kiểm tra Trung ương, các tổ chức đảng và đảng viên có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Quy chế này.

2- Ủy ban Kiểm tra Trung ương căn cứ vào nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định, Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, quy chế làm việc của các ban Đảng ở Trung ương và Quy chế này để xây dựng các quy định cụ thể về tổ chức bộ máy, chế độ làm việc của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

3- Các tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương căn cứ vào Điều lệ Đảng, quy chế làm việc của cấp ủy cấp mình và Quy chế này để xây dựng hoặc bổ sung quy chế làm việc của ủy ban kiểm tra cấp mình.

4- Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát việc thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

- Các tổ chức đảng, đảng viên có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc thực hiện Quy chế này.

Điều 12. Quy chế này thay thế các Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã ban hành trước đây, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và được phổ biến toàn văn đến chi bộ.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 13-TB/TW, ngày 14 tháng 8 năm 2006

Về việc xây dựng Nhà lưu niệm đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai và quan hệ hợp tác giữa tỉnh Nghệ An và tỉnh Ulianốp (Liên bang Nga)

Ngày 10-8-2006, sau khi nghe đề nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghệ An về việc xin chủ trương xây dựng Nhà lưu niệm đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai (Công văn số 258-CV/TU, ngày 16-6-2006) và một số việc trong quan hệ hợp tác hữu nghị giữa tỉnh Nghệ An với tỉnh Ulianốp (Liên bang Nga) (Công văn số 247-CV/TU, ngày 24-6-2006), ý kiến của Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin và các ban Đảng có liên quan, Ban Bí thư đã kết luận:

1. Đồng ý việc xây dựng Nhà lưu niệm đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai, một cán bộ tiền bối tiêu biểu của Đảng, có nhiều công lao đóng góp cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, tại nơi đồng chí đã sinh ra và lớn lên (nhà 132, phố Ga cũ, thành phố Vinh).

Tỉnh ủy Nghệ An phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin chỉ

đạo các cơ quan chức năng, các nhà khoa học, gia đình, dòng họ tổ chức hội thảo khoa học để lựa chọn phương án xây dựng Nhà lưu niệm và sưu tầm các hiện vật lịch sử về đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai. Việc xây dựng Nhà lưu niệm phải có tác dụng giáo dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ hôm nay và mai sau theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thường vụ Bộ Chính trị (khóa VIII) tại Công văn số 128-CV/TW, ngày 16-8-1998.

2. Đồng ý việc chọn một đường lớn tại thành phố Vinh để mang tên V.I. Lênin.

- Đồng ý việc đặt tượng bán thân Chủ tịch Hồ Chí Minh tại đường phố mang tên Hồ Chí Minh tại thành phố Ulianốp (Liên bang Nga). Lãnh đạo tỉnh Nghệ An phối hợp với lãnh đạo tỉnh Ulianốp làm tốt công tác chuẩn bị tượng và chọn địa điểm đặt tượng.

- Đồng ý có một gian trưng bày về V.I. Lênin và Cách mạng Tháng Mười Nga với cách mạng Việt Nam và Xôviết Nghệ - Tĩnh tại Bảo tàng Xôviết Nghệ - Tĩnh. Tỉnh ủy Nghệ An phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin chỉ đạo các cơ quan chức năng làm tốt việc sưu tầm, bổ sung tài liệu, hiện vật cho gian trưng bày.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 12-QĐ/TW, ngày 15 tháng 8 năm 2006

Thành lập Ban soạn thảo Đề án sắp xếp, kiện toàn bộ máy các ban đảng và cơ quan nhà nước, trình Hội nghị Trung ương 4 (khóa X)

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khóa X;
- Căn cứ yêu cầu công tác,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban soạn thảo Đề án sắp xếp, kiện toàn bộ máy các ban đảng và cơ quan nhà nước, gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Trưởng ban;

2. Đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương, Phó Trưởng ban;

3. Đồng chí Tạ Xuân Đại, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Phó Trưởng ban;

4. Đồng chí Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên;

5. Đồng chí Trần Văn Tuấn, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Ủy viên;

6. Đồng chí Bùi Ngọc Thanh, Ủy viên Đảng đoàn Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Ủy viên;

7. Đồng chí Trần Quốc Huy, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên.

Giúp việc Ban soạn thảo Đề án có Tổ Biên tập do đồng chí Trưởng Ban soạn thảo Đề án quyết định.

Điều 2. Ban soạn thảo Đề án có nhiệm vụ: xây dựng kế hoạch, tổ chức khảo sát, nghiên cứu và xây dựng đề án sắp xếp, kiện toàn bộ máy các ban đảng và cơ quan nhà nước, để báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định trình Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa X).

Điều 3. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cấp kinh phí phục vụ cho việc xây dựng Đề án này.

Điều 4. Ban Tổ chức Trung ương, Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các đồng chí có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 13-QĐ/TW, ngày 15 tháng 8 năm 2006

Về nhân sự Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

1. Các đồng chí sau đây thôi tham gia Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp:

- Đồng chí Trần Đức Lương, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp.

- Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thành viên Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp.

- Đồng chí Phạm Văn Trà, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, thành viên Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp.

2. Bổ sung các đồng chí sau đây giữ chức Trưởng, Phó ban và tham gia thành viên Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp:

- Đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, giữ chức Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp.

- Đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Nội chính Trung ương, giữ chức Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp.

- Đồng chí Nguyễn Văn Được, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, tham gia thành viên Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp.

- Đồng chí Nguyễn Tuấn Khanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Nội chính Trung ương, tham gia thành viên Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp.

- Đồng chí Nguyễn Văn Quyền, Phó Trưởng Ban Nội chính Trung ương, Tổ trưởng Tổ Thư ký của Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp, tham gia thành viên Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 14-QĐ/TW, ngày 23 tháng 8 năm 2006

Về nhân sự Ban Chỉ đạo giúp Ban Bí thư tiếp tục kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đồng chí Trần Văn Truyền, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Thanh tra Chính phủ, thành viên Ban Chỉ đạo giúp Ban Bí thư tiếp tục kiểm tra theo Chương trình kiểm tra số 07-CTr/TW, ngày 2-6-2006, nay thôi tham gia Ban Chỉ đạo.

Điều 2. Bổ sung 2 thành viên Ban Chỉ đạo giúp Ban Bí thư tiếp tục kiểm tra theo Chương trình kiểm tra số 07-CTr/TW, ngày 2-6-2006:

- 1 đồng chí lãnh đạo Ban Kinh tế Trung ương,
- 1 đồng chí lãnh đạo Ban Nội chính Trung ương.

Điều 3. Các tỉnh ủy, thành ủy; các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan, đồng chí có tên tại Điều 1, Điều 2 thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 16-QĐ/TW, ngày 8 tháng 9 năm 2006

Thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết thực hiện Chỉ thị 29 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết thực hiện Chỉ thị 29-CT/TW, ngày 14-2-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng, gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Nguyễn Văn Chi, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Trưởng ban.

2. Đồng chí Nguyễn Thị Doan, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Phó Trưởng ban.

3. Đồng chí Phạm Thị Hải Chuyền, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, thành viên.

4. Đồng chí Trần Hoà, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, thành viên.

5. Đồng chí Lê Hồng Liêm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, thành viên.

6. Đồng chí Nguyễn Minh Quang, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, thành viên.

7. Đồng chí Lê Văn Giảng, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, thành viên.

8. Đồng chí Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, thành viên.

9. Đồng chí Phó Trưởng Ban Nội chính Trung ương, thành viên.

10. Đồng chí Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương, thành viên.

11. Đồng chí Phó Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, thành viên.

Giúp việc Ban Chỉ đạo có Tổ Biên tập do đồng chí Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ chỉ đạo và tổ chức tổng kết thực hiện Chỉ thị 29-CT/TW, ngày 14-2-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) đúng yêu cầu, tiến độ và bảo đảm chất lượng, xây dựng dự thảo Nghị quyết về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng để báo cáo Bộ Chính trị xem xét, trình Ban Chấp hành Trung ương.

Điều 3. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cấp kinh phí phục vụ cho việc tổng kết.

Điều 4. Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Ban Kinh tế Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các đồng chí có tên tại Điều 1 thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 17-TB/TW, ngày 8 tháng 9 năm 2006

Về tổng kết việc thực hiện Chỉ thị 29 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng

Để tiếp tục tăng cường, đẩy mạnh công tác kiểm tra của Đảng, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng ở các cấp từ Trung ương đến cơ sở, tiếp tục thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới và thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, Bộ Chính trị đã có chủ trương tiến hành tổng kết Chỉ thị số 29-CT/TW, ngày 14-2-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) và chuẩn bị trình Ban Chấp hành Trung ương xem xét, ban hành Nghị quyết về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng. Để việc tổ chức tổng kết ở các cấp đạt kết quả tốt, Ban Bí thư có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW của Trung ương gồm một số đồng chí thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương và lãnh đạo một số ban xây dựng Đảng của Trung ương: Ban Tổ chức Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Ban Kinh tế Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, do đồng chí Ủy viên Bộ Chính

trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương làm Trưởng Ban. Ban Chỉ đạo của Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo việc tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả việc thực hiện Chỉ thị theo đúng mục đích, yêu cầu đặt ra.

2. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả việc tổ chức thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW theo kế hoạch của Ban Chỉ đạo; tổ chức Hội nghị tổng kết ở cấp tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương. Việc tổng kết phải bám sát những nội dung của Chỉ thị số 29-CT/TW, đề cao tinh thần phê bình và tự phê bình, khẳng định những kết quả đã đạt được và những tồn tại, hạn chế cần khắc phục; phân tích rõ các nguyên nhân, rút ra những bài học và đề xuất những phương hướng, biện pháp tăng cường, đẩy mạnh hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong tình hình hiện nay.

3. Trên cơ sở tổng kết Chỉ thị 29-CT/TW và kết quả tổng kết 20 năm đổi mới công tác kiểm tra của Đảng, Ban Chỉ đạo xây dựng dự thảo Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng, báo cáo Bộ Chính trị trình Ban Chấp hành Trung ương xem xét, quyết định tại kỳ họp thứ năm (tháng 6-2007).

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 17-QĐ/TW, ngày 9 tháng 9 năm 2006

Về việc kết thúc nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2)

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kết thúc nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, được thành lập theo Kết luận số 04-KL/TW, ngày 19-11-2001 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương và Quyết định số 20-QĐ/TW, ngày 4-1-2002 của Bộ Chính trị khóa IX.

Nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng do các ban đảng đảm nhiệm; công tác phòng, chống tham nhũng do Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng thực hiện theo luật định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) và các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 03-KL/TW, ngày 22 tháng 9 năm 2006

Về Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2006 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2007

Sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2006 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2007; ý kiến phát biểu của các bộ, ngành liên quan, Bộ Chính trị đã kết luận:

Về cơ bản, Bộ Chính trị nhất trí với những nội dung của Báo cáo, đồng thời nhấn mạnh một số điểm chủ yếu sau đây:

I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2006

1. Một số vấn đề chung: Báo cáo đã nêu khá rõ và toàn diện những kết quả, thành tựu, cũng như những khuyết điểm, yếu kém và nguyên nhân của tình hình thực hiện kế hoạch năm 2006, từ đó đề ra mục tiêu, giải pháp nhằm thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2007. Tuy nhiên cần bổ sung, làm rõ hơn một số vấn đề sau:

- Nội dung đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực kinh tế trình bày khá rõ, song cần đánh giá sâu

hơn về lĩnh vực xã hội, như vấn đề lao động, việc làm, đời sống; vấn đề đình công của công nhân và khiếu kiện của nhân dân; an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội... (nhất là ở các khu công nghiệp, những vùng nông thôn bị thu hồi đất để phát triển công nghiệp, đô thị...) để bản Báo cáo có tính toàn diện hơn.

- Cân nhắc gom một số nội dung lại để thể hiện cho rõ và nổi bật hơn tình hình chung trên các vấn đề chính.

- Cần đánh giá kỹ hơn về công tác cải cách hành chính trong bối cảnh tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Về nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém:

- Cần phân tích, nêu rõ nguyên nhân vì sao tốc độ tăng trưởng năm 2006 lại thấp hơn năm 2005, từ đó có giải pháp cho năm 2007 cho phù hợp.

- Tình hình chất lượng tăng trưởng thấp do nhiều nguyên nhân nhưng có nguyên nhân do công tác quy hoạch, kế hoạch còn yếu, cần được đánh giá sâu hơn.

- Đề nghị phân tích vì sao môi trường đầu tư của ta tuy có được cải thiện, song vẫn còn kém hấp dẫn, nguyên nhân và giải pháp khắc phục.

2. Những kết quả chủ yếu đã đạt được trong năm 2006

Phát huy những thành tựu quan trọng đã đạt được trong kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, với tinh thần quyết tâm, phấn đấu cao để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ X về định hướng phát triển kinh tế - xã hội 2006 - 2010, trong năm 2006, chúng ta đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, nhất là những diễn biến phức tạp về giá cả một số nguyên, nhiên vật liệu trên thị trường quốc tế và trong nước, thiên tai, dịch bệnh..., thực hiện đạt

và vượt hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, tạo đà cho việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu của kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, mà nổi bật là:

Thứ nhất, nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, ước đạt từ 8,0 - 8,2% (kế hoạch là 8%). Trong đó, lĩnh vực dịch vụ có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong nhiều năm qua. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; từng bước phát huy được lợi thế so sánh của từng vùng.

Các cân đối lớn của nền kinh tế tiếp tục ổn định, là nhân tố quan trọng bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển.

Tổng số vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP đạt 40%, tăng 19,8%, là mức cao nhất từ trước tới nay. Cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường.

Hoạt động xuất nhập khẩu đạt được kết quả tốt, tăng trưởng xuất khẩu cao gấp trên 2 lần tốc độ tăng trưởng kinh tế, nhập siêu giảm.

Thứ hai, hoạt động đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế đạt được nhiều kết quả tích cực. Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt lộ trình hội nhập kinh tế trong khuôn khổ các cam kết quốc tế.

Thứ ba, các lĩnh vực xã hội đạt nhiều kết quả. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới giảm từ 22% năm 2005 xuống còn 19% năm 2006, vượt kế hoạch đề ra. Các hoạt động giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao và các lĩnh vực xã hội khác có tiến bộ.

Thứ tư, công tác chỉ đạo của Chính phủ có nhiều tiến bộ; việc triển khai thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng đã

được đẩy mạnh với quyết tâm cao, góp phần củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Thứ năm, chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được củng cố, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế.

3. Về những hạn chế, yếu kém, Bộ Chính trị lưu ý một số vấn đề sau:

3.1- Chất lượng tăng trưởng còn thấp, khả năng cạnh tranh của nền kinh tế cũng như của từng sản phẩm còn nhiều hạn chế. Năng suất, chất lượng sản phẩm còn thấp; chi phí trung gian cao, nhiều khoản chi phí dịch vụ còn bất hợp lý,...

Một số cân đối vĩ mô chưa thật vững chắc; quản lý và sử dụng các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội còn kém hiệu quả. Việc quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính và tài sản của Nhà nước còn yếu kém và bất cập, hiệu quả thấp. Tình trạng thất thoát nguồn thu, trốn lậu thuế trong nhiều năm qua chậm được khắc phục. Chi tiêu ngân sách nhà nước còn lãng phí, thất thoát. Quản lý, sử dụng và khai thác tài nguyên còn nhiều yếu kém, nhất là quản lý đất đai, khoáng sản và quản lý, bảo vệ rừng. Tình trạng giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất không đúng quy hoạch, kế hoạch vẫn còn khá phổ biến.

3.2- Các vấn đề xã hội còn nhiều khó khăn, thách thức

- Chất lượng giáo dục ở các cấp học chưa cao. Dịch vụ y tế chưa đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

- Việc bảo đảm điều kiện lao động, sinh hoạt và đời sống, nhất là nhà ở và các phúc lợi xã hội cho người lao động ở các khu công nghiệp tập trung chưa được quan tâm đúng mức kéo

dài; đời sống nhân dân nhiều nơi ở miền núi, vùng đồng bào dân tộc và vùng thường bị thiên tai còn gặp nhiều khó khăn.

- Chưa có giải pháp, chính sách đồng bộ trong giải quyết việc làm, ổn định đời sống cho người dân khi bị thu hồi đất để phát triển công nghiệp, đô thị.

3.3- Công tác phòng, chống tham nhũng tuy được đẩy mạnh, nhưng tình trạng tham nhũng, lãng phí, nhũng nhiễu, gây nhiều phiền hà cho người dân và doanh nghiệp vẫn còn nặng nề, đang là sự quan tâm, bức xúc lớn của xã hội.

3.4- Cải cách hành chính vẫn còn chậm. Tình trạng vi phạm kỷ luật hành chính, việc chấp hành các quyết định, chỉ thị của cấp trên chưa nghiêm.

II- VỀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2007

Bộ Chính trị nhất trí với các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch năm 2007 đã nêu trong Báo cáo. Song nhấn mạnh một số nội dung:

Năm 2007 là năm thứ hai triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng và năm đầu tiên gia nhập WTO. Dự báo năm tới nền kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng cao. Vì vậy, trong thời gian tới nước ta tiếp tục có nhiều thời cơ thuận lợi như chính trị, xã hội của đất nước ổn định, thành tựu của 20 năm đổi mới tạo ra nội lực của đất nước không ngừng tăng lên, làm tiền đề cho sự phát triển kinh tế, nhân dân phấn khởi trước những thành tựu đạt được vừa qua, tư tưởng, tâm trạng xã hội có chiều hướng tích cực; dòng đầu tư nước ngoài có xu hướng vào Việt Nam lớn hơn,...

là những cơ hội lớn cho sự phát triển của đất nước trong những năm tới.

1. Về mục tiêu của kế hoạch năm 2007

Bộ Chính trị đồng ý như nội dung đã nêu trong Tờ trình và nhấn mạnh:

Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Từng bước nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh. Chuyển mạnh sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện các nguyên tắc của thị trường. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả theo đúng lộ trình đã cam kết với các nước và các tổ chức quốc tế. Huy động tối đa các nguồn lực cả trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển. Tiếp tục lành mạnh hóa tình hình tài chính tiền tệ, giảm dần nợ xấu, ổn định giá trị đồng tiền. Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực xã hội. Giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc. Giảm thiểu ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường sinh thái. Hoàn thiện tổ chức; chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ và bộ máy hành chính các cấp, các cơ quan tư pháp. Tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2. Về các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2007

Bộ Chính trị đồng ý về những mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2007 nêu trong Tờ trình và nhấn mạnh một số vấn đề sau:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) năm 2007 là 8,2 - 8,5%, cố gắng phấn đấu để đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn. Đồng thời với việc nâng cao tốc độ tăng trưởng, phải có các giải pháp, chương trình cụ thể để nâng cao chất lượng và hiệu quả tăng trưởng, điều chỉnh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững trong điều kiện nước ta gia nhập WTO.

- Cùng với việc tập trung phát triển kinh tế, phải đặc biệt chú trọng thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ về các vấn đề xã hội như: phát triển nguồn nhân lực, giáo dục - đào tạo, y tế, các tệ nạn xã hội, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, bảo vệ và cải thiện môi trường... đã đề ra trong kế hoạch năm 2007.

- Để đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, cần tính toán một cách chặt chẽ, tích cực và có tính khả thi cao các cân đối lớn của nền kinh tế. Đảm bảo phát triển hài hòa giữa các ngành có công nghệ cao, hiện đại với các ngành sử dụng nhiều lao động. Phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ; chỉ đạo thực hiện tốt quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Về cân đối ngân sách, phải bảo đảm tính tích cực và chủ động theo hướng tăng dần tỷ trọng thu trong nước, giảm dần tỷ trọng các nguồn thu phụ thuộc vào yếu tố bên ngoài. Trong cân đối vốn đầu tư phát triển, phải huy động tỷ lệ hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển.

- Về nguồn thu xổ số: trước mắt, để lại cho địa phương đầu tư xây dựng những công trình phúc lợi xã hội, cơ sở hạ tầng cấp bách đã có chủ trương đầu tư, không đưa vào cân đối chung, song không khuyến khích mở rộng nguồn thu này.

3. Về cân đối nguồn lực để đảm bảo thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

Về cơ bản, Bộ Chính trị đồng ý với các cân đối lớn đã nêu trong Tờ trình. Với chỉ tiêu tổng mức đầu tư toàn xã hội năm 2007 dự kiến bằng 40% GDP nhưng cần có những giải pháp tích cực để huy động, nâng chỉ tiêu đầu tư toàn xã hội lên mức cao hơn.

Riêng về cân đối vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, phải tiếp tục điều chỉnh theo hướng vừa tăng tỷ trọng đầu tư cho phát triển kinh tế, đồng thời quan tâm tăng đầu tư cho các lĩnh vực xã hội, nhất là đầu tư phát triển nguồn nhân lực, giáo dục - đào tạo, y tế; ưu tiên đầu tư cho các vùng miền núi, vùng cao, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc và các vùng khó khăn; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo.

4. Một số giải pháp, cơ chế, chính sách chủ yếu để thực hiện các mục tiêu kế hoạch năm 2007

Trong thời gian tới cần tiếp tục thực hiện tốt 5 nhóm giải pháp lớn mà Bộ Chính trị đã nêu trong kết luận về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ giải pháp

6 tháng cuối năm 2006. Đồng thời quan tâm làm tốt một số giải pháp sau:

4.1- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Nâng cao chất lượng tăng trưởng, nhất là trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ.

4.2- Thu hút mạnh mẽ đầu tư của các thành phần kinh tế, nâng cao hiệu quả đầu tư.

- Tập trung giải quyết tốt những vấn đề bức xúc, vướng mắc liên quan đến công tác đầu tư phát triển.

- Sớm hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; thủ tục, quy trình, thời hạn giải quyết những vấn đề liên quan đến đất đai, nhà ở; khắc phục tình trạng trầm lắng kéo dài của thị trường bất động sản; khai thác có hiệu quả tiềm năng to lớn của thị trường này.

- Tổ chức triển khai tốt Luật đầu tư; phân cấp mạnh mẽ việc quản lý đầu tư, trong đó có phân cấp cấp giấy phép đầu tư cho các địa phương không hạn chế về quy mô trên cơ sở các bộ quản lý tốt quy hoạch ngành, lãnh thổ và đảm bảo có hướng dẫn, quản lý chặt chẽ khi triển khai thực hiện.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các nguồn vốn của nhà nước, bao gồm: Vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái giáo dục, trái phiếu chính phủ, trái phiếu dự án, vốn doanh nghiệp nhà nước... Phải có giải pháp cụ thể, thiết thực để quản lý chặt chẽ các nguồn vốn này trên cơ sở thực hiện nghiêm chỉnh Luật đấu thầu.

4.3- Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chuyển mạnh sang kinh tế thị trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới về thể chế kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời với việc tiếp tục thực hiện các chương trình và kế hoạch đổi mới thể chế, hoàn thiện hệ thống pháp luật, hình thành các loại thị trường... đã được đề ra trong kế hoạch 5 năm 2006 - 2010.

4.4- Tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và cơ chế, chính sách trong tất cả các lĩnh vực, các ngành và các cấp; đồng thời có kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với yêu cầu của đổi mới và những cam kết quốc tế. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cam kết quốc tế, trước hết là các cam kết trong khuôn khổ WTO, AFTA, Hiệp định thương mại Việt - Mỹ.

- Khẩn trương nghiên cứu tác động của việc triển khai thực hiện các cam kết quốc tế, nhất là các cam kết trong khuôn khổ WTO đối với các ngành, lĩnh vực kinh tế cụ thể; đề ra giải pháp kịp thời khắc phục khó khăn, khai thác thuận lợi cho phát triển nền kinh tế.

4.5- Về các lĩnh vực xã hội.

- Khẩn trương nghiên cứu hoàn thiện các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo công bằng xã hội, giảm thiểu những bất hợp lý gây bức xúc trong nhân dân, nhất là với người dân bị thu hồi đất xây dựng các khu công nghiệp, khu đô thị, vấn đề giải quyết việc làm ở nông thôn,...

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để tạo chuyển biến căn bản trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế,... Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa các dịch vụ công.

4.6- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường các biện pháp chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

4.7- Thực hiện tốt các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

*

* *

Căn cứ vào kết luận của Bộ Chính trị, Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo bổ sung Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2006 và kế hoạch năm 2007 để gửi xin ý kiến các đồng chí ủy viên Trung ương, trên cơ sở đó tiếp thu, hoàn chỉnh Báo cáo, trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 10.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 04-CT/TW, ngày 25 tháng 9 năm 2006

Về việc tổ chức kỷ niệm 60 năm Ngày Toàn quốc kháng chiến (19-12-1946 – 19-12-2006)

Năm nay, kỷ niệm 60 năm Ngày Toàn quốc kháng chiến (19-12-1946 – 19-12-2006) trong bối cảnh toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng, đưa Nghị quyết Đại hội vào cuộc sống. Kỷ niệm sự kiện lịch sử quan trọng này là dịp để ôn lại và phát huy truyền thống yêu nước, ý chí độc lập, tự cường của nhân dân ta, biểu dương sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng; cổ vũ, động viên nhân dân tích cực tham gia phong trào thi đua yêu nước, quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng.

Với ý nghĩa đó, kỷ niệm 60 năm Ngày Toàn quốc kháng chiến cần tập trung vào các nội dung sau:

I- CHỦ ĐỀ TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC

1. Giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, ý chí độc lập, tự cường, truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc cho cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân, đặc biệt cho thế hệ trẻ, tạo sự thống nhất cao về chính trị, tư tưởng, ý chí và hành động trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Khẳng định sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Bác Hồ, những thành tựu to lớn của đất nước ta trong 60 năm qua, đặc biệt trong 20 năm đổi mới; củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào chế độ xã hội chủ nghĩa, vào thắng lợi của sự nghiệp đổi mới; tăng cường quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân, xây dựng hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh.

3. Phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong kháng chiến, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, lấy phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, quyết tâm sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

II- VỀ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG KỶ NIỆM

Với tinh thần thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, tránh phô trương, hình thức, lãng phí, việc tổ chức các hoạt động kỷ niệm cần tập trung làm tốt những việc chính sau đây:

1. Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 60 năm Ngày Toàn quốc kháng chiến gắn với kỷ niệm 62 năm Ngày thành lập

Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12-1944 - 22-12-2006), 17 năm Ngày Hội quốc phòng toàn dân (22-12-1989 - 22-12-2006); song chủ đề chính cần tập trung vào kỷ niệm 60 năm Ngày Toàn quốc kháng chiến (19-12-1946 - 19-12-2006).

2. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương hướng dẫn tuyên truyền, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng có kế hoạch thông tin, tuyên truyền các hoạt động kỷ niệm trên phạm vi cả nước. Cần gắn tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa yêu nước, truyền thống cách mạng với biểu dương người tốt, việc tốt, các cá nhân và tập thể điển hình có nhiều thành tích trong sản xuất, công tác, trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

3. Bộ Quốc phòng hướng dẫn các đơn vị trong toàn quân tổ chức các hoạt động kỷ niệm một cách thiết thực; đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và các mặt hoạt động xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; phối hợp với Viện Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức hội thảo về Ngày Toàn quốc kháng chiến.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, các bộ, ngành, địa phương trong cả nước phát động phong trào thi đua hăng hái lao động sản xuất, công tác, thực hành tiết kiệm, hoàn thành thắng lợi các chương trình kinh tế - xã hội năm 2006, lập thành tích chào mừng 60 năm Ngày Toàn quốc kháng chiến; tổ chức các hoạt động kỷ niệm phong phú, sinh động, mang tính quần chúng rộng rãi, hướng về cơ sở như: sinh hoạt truyền thống, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao; động viên, thăm hỏi, giúp đỡ các thế

hệ đã tham gia kháng chiến, thực hiện tốt chính sách đối với người có công; mở rộng phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn"; bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử kháng chiến; đa dạng hóa các hình thức hoạt động của phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa",...

5. Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố Hà Nội tổ chức mít tinh trọng thể kỷ niệm 60 năm Ngày Toàn quốc kháng chiến, mời các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các ban, ngành, đoàn thể Trung ương dự.

Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố khác tổ chức các hình thức kỷ niệm thích hợp như: mít tinh, hội thảo, gặp mặt, tọa đàm,...

Các cấp ủy cần có kế hoạch cụ thể và lãnh đạo tốt đợt kỷ niệm này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 18-QĐ/TW, ngày 27 tháng 9 năm 2006

Về việc thành lập Ban Chỉ đạo lớp bồi dưỡng kiến thức mới đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo lớp bồi dưỡng kiến thức mới đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý, gồm các đồng chí có tên sau đây:

1. Đồng chí Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trưởng Ban;

2. Đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Phó Trưởng Ban;

3. Đồng chí Phùng Hữu Phú, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ủy viên;

4. Đồng chí Nguyễn Huy Cường, Phó Trưởng Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Ủy viên;

5. Đồng chí Vũ Đình Hoè, Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên;

6. Đồng chí Nguyễn Văn Thạo, Phó Chánh Văn phòng Trung ương, Ủy viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan chuẩn bị phục vụ lớp học.

Điều 3. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Công an, Văn phòng Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 19-QĐ/TW, ngày 27 tháng 9 năm 2006

Về việc thành lập Hội đồng Thẩm định nội dung bồi dưỡng kiến thức mới đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Thẩm định nội dung bồi dưỡng kiến thức mới đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý, gồm các đồng chí có tên sau đây:

1. Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Chủ tịch Hội đồng.

2. Đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Ủy viên.

3. Đồng chí Phùng Quang Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Ủy viên.

4. Đồng chí Tô Huy Rứa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ủy viên.

5. Đồng chí Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên.

6. Đồng chí Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Ủy viên.

7. Đồng chí Uông Chu Lưu, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Ủy viên.

8. Đồng chí Lê Đức Thúy, Ủy viên Trung ương Đảng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy viên.

9. Đồng chí Nguyễn Khánh Toàn, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Công an, Ủy viên.

10. Đồng chí Vũ Đình Cự, Văn phòng Quốc hội, Ủy viên.

Điều 2. Hội đồng Thẩm định nội dung bồi dưỡng kiến thức mới đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý có trách nhiệm thẩm định nội dung các chuyên đề của lớp bồi dưỡng kiến thức mới đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Điều 3. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hội đồng Lý luận Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 39-TB/TW, ngày 10 tháng 10 năm 2006

Về một số vấn đề thuộc các dự án Luật cư trú và Luật công chứng

Tại phiên họp ngày 6-10-2006, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các ngành hữu quan về một số vấn đề thuộc các dự án Luật cư trú và Luật công chứng, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Đồng ý với ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội nêu tại Tờ trình số 326/ĐĐQH11, ngày 30-9-2006 về các dự án Luật cư trú và Luật công chứng.

1. Về dự án Luật cư trú

- Cần thiết phải ban hành Luật cư trú nhằm thể chế hóa và bảo đảm quyền tự do cư trú của công dân theo quy định của Hiến pháp, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về cư trú, góp phần giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội.

- Về mô hình quản lý cư trú, tiếp tục thực hiện quản lý cư trú bằng sổ hộ khẩu và sổ tạm trú cấp cho hộ gia đình, cá

nhân, nhưng phải tinh giảm thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho người dân trong việc thực hiện quyền tự do cư trú.

- Về hình thức cư trú, nên quy định các hình thức thường trú, tạm trú và lưu trú như nội dung dự thảo Luật.

- Về điều kiện đăng ký thường trú, cần quy định công dân muốn đăng ký thường trú trong trường hợp có chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ của cá nhân thì phải được người cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ đồng ý bằng văn bản.

2. Về dự án Luật công chứng

- Luật này chỉ điều chỉnh hoạt động công chứng; hoạt động chứng thực do Chính phủ quy định.

- Tổ chức hành nghề công chứng là phòng công chứng và văn phòng công chứng.

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo trên, Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo việc hoàn chỉnh 2 dự án Luật để trình Quốc hội. Trong quá trình Quốc hội thảo luận, nếu có vấn đề cần thiết thì Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Bộ Chính trị trước khi Quốc hội biểu quyết thông qua.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 40-TB/TW, ngày 10 tháng 10 năm 2006

Về một số vấn đề thuộc các dự án Luật bình đẳng giới, Luật đê điều và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật lao động

Tại phiên họp ngày 6-10-2006, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các ngành hữu quan về một số vấn đề thuộc các dự án Luật bình đẳng giới, Luật đê điều và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật lao động, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Về dự án Luật bình đẳng giới

- Việc ban hành Luật bình đẳng giới là cần thiết, nhằm khẳng định quyết tâm của Đảng và Nhà nước ta thực hiện ngày càng tốt hơn công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ trong sự nghiệp phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Về điều kiện hưởng lương hưu của người lao động, Luật bình đẳng giới không nên quy định; để pháp luật về lao động, về cán bộ, công chức và về bảo hiểm xã hội quy định vấn đề này.

- Về tỷ lệ nam nữ tham gia Quốc hội, Hội đồng nhân dân và tham gia quản lý, lãnh đạo, Luật nên quy định có tính nguyên tắc khuyến khích để nữ tham gia ngày càng nhiều hơn vào cơ quan dân cử và chức vụ quản lý, lãnh đạo.

Trong quá trình thực hiện cụ thể, cơ quan có thẩm quyền sẽ xác định tỷ lệ phù hợp với mục tiêu bình đẳng giới trong từng giai đoạn.

- Về trách nhiệm quản lý nhà nước về bình đẳng giới, đồng ý với ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội.

2. Về một số vấn đề trong dự án Luật đê điều và dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật lao động, Bộ Chính trị đồng ý với các kiến nghị của Đảng đoàn Quốc hội (Tờ trình số 325/ĐĐQH11, ngày 29-9-2006).

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo trên, Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo việc hoàn chỉnh 3 dự án luật để trình Quốc hội. Trong quá trình Quốc hội thảo luận, nếu có vấn đề cần thiết thì Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Bộ Chính trị trước khi Quốc hội biểu quyết thông qua.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 42-TB/TW, ngày 11 tháng 10 năm 2006

Về phương án bảo tồn, phát huy giá trị Khu di tích Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu, Hà Nội và địa điểm xây dựng nhà Quốc hội

Tại phiên họp ngày 28-9-2006, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin được sự ủy quyền của Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về "Phương án bảo tồn, phát huy giá trị Khu di tích Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu, Hà Nội và đề xuất địa điểm xây dựng nhà Quốc hội" (Báo cáo số 26-BC/BCS, ngày 25-9-2006), ý kiến của Ban Cán sự Đảng Bộ Xây dựng và các bộ, ban, ngành có liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Bộ Chính trị hết sức coi trọng việc bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa của dân tộc. Đối với việc bảo tồn, phát huy giá trị của Khu di tích Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu, Hà Nội, Bộ Chính trị đồng ý phương án lựa chọn một số vị trí khai quật có di tích quan trọng, đặc sắc, tiêu biểu để bảo tồn nguyên trạng làm bảo

tàng tại chỗ, kết hợp với tổ chức trưng bày tại Khu di tích các hình ảnh, tư liệu, hiện vật, mô hình dấu tích kiến trúc khác được phát hiện.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo Bộ Văn hóa - Thông tin, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và các bộ, ngành có liên quan hoàn thành việc nghiên cứu, chỉnh lý các tài liệu, hiện vật, đánh giá đầy đủ giá trị khoa học của toàn bộ Khu di tích 18 Hoàng Diệu theo quy định của Luật di sản văn hóa; xây dựng đề án bảo tồn, phát huy giá trị Khu di tích 18 Hoàng Diệu gắn với quy hoạch tổng thể bảo tồn, phát huy giá trị của cả Khu di tích lịch sử Hoàng thành Thăng Long, Hà Nội.

2. Bộ Chính trị đồng ý chọn địa điểm xây dựng nhà Quốc hội trong khu vực 18 Hoàng Diệu với diện tích khoảng 4 hécta đất (việc xác định vị trí cụ thể dựa trên cơ sở ưu tiên cho việc lựa chọn một số hố khai quật khảo cổ để làm bảo tàng tại chỗ và nhà trưng bày các hiện vật khai quật được của khu di tích).

Xây dựng nhà Quốc hội, nơi làm việc của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của đất nước ở vị trí này có ý nghĩa là sự nối tiếp, kế tục truyền thống lịch sử vẻ vang của Thủ đô nghìn năm văn hiến và phù hợp với quyết định của Bộ Chính trị khóa VIII, khóa IX xác định nhà Quốc hội cần nằm trong khu vực trung tâm chính trị Ba Đình.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc báo cáo Quốc hội kết quả khai quật và đánh giá giá trị Khu di tích Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu, chỉ đạo Bộ Xây dựng và các cơ quan có liên quan bổ sung, hoàn chỉnh đề án xây dựng nhà Quốc hội để trình Quốc hội xem xét, quyết định.

3. Giao Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền tạo sự thống nhất cao trong cán bộ, đảng viên và nhân dân chủ trương của Bộ Chính trị về bảo tồn, phát huy giá trị khu di tích Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu và địa điểm xây dựng nhà Quốc hội.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 21-QĐ/TW, ngày 19 tháng 10 năm 2006

Về chế độ giao ban của đồng chí Thường trực Ban Bí thư với Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, các ban đảng, đảng ủy khối, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội trực thuộc Trung ương

- Căn cứ khoản 5, Điều 9, Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, các ban đảng, đảng ủy khối, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội trực thuộc Trung ương;

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả giao ban, góp phần thực hiện tốt chức năng tham mưu, phục vụ hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về chế độ giao ban của đồng chí Thường trực Ban Bí thư với Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, các ban đảng, đảng ủy khối, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội trực thuộc Trung ương (văn bản kèm theo).

Điều 2. Các cơ quan có tên tại Điều 1 có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
VỀ CHẾ ĐỘ GIAO BAN CỦA ĐỒNG CHÍ THƯỜNG TRỰC BAN BÍ THƯ VỚI VĂN PHÒNG TRUNG ƯƠNG ĐẢNG, VĂN PHÒNG QUỐC HỘI, VĂN PHÒNG CHỦ TỊCH NƯỚC, VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ, CÁC BAN ĐẢNG, ĐẢNG ỦY KHỐI, ĐẢNG ĐOÀN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21-QĐ/TW, ngày 19-10-2006)

I- QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hội nghị giao ban của đồng chí Thường trực Ban Bí thư với Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ (sau đây gọi chung là các văn phòng), các ban đảng, đảng ủy khối, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội trực thuộc Trung ương được tiến hành định kỳ 2 tháng/lần, đột xuất khi cần.

Điều 2. Hội nghị giao ban do đồng chí Thường trực Ban Bí thư chủ trì, được tổ chức thành 2 cuộc làm việc:

1- *Giao ban với các Văn phòng và cơ quan đảng,* thành phần tham dự gồm: các đồng chí đại diện lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, các ban đảng, bí thư hoặc phó bí thư đảng ủy khối trực thuộc Trung ương.

2- *Giao ban với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội,* thành phần tham dự gồm: các đồng chí đại diện lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Dân vận Trung ương, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam và đại diện Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Điều 3. Các đồng chí tham dự giao ban có trách nhiệm giữ gìn bí mật thông tin giao ban, không phổ biến cho người không có trách nhiệm biết những nội dung giao ban.

II- QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm tham mưu giúp đồng chí Thường trực Ban Bí thư bố trí lịch giao ban, mời dự họp và phối hợp với cơ quan liên quan phục vụ các hội nghị giao ban.

Điều 5. Các cơ quan dự hội nghị giao ban cử cán bộ lãnh đạo đi giao ban đúng giờ, đúng thành phần triệu tập, trường hợp vắng hoặc cử người đi thay phải thông báo trước cho Văn phòng Trung ương Đảng để báo cáo đồng chí Thường trực Ban Bí thư; chuẩn bị báo cáo bằng văn bản về những vấn đề quan trọng, phức tạp nổi lên và những đề xuất, kiến nghị với

lãnh đạo Đảng, gửi về Văn phòng Trung ương Đảng *trước Hội nghị giao ban ít nhất 3 ngày* để tổng hợp trình đồng chí Thường trực Ban Bí thư.

Điều 6. Ý kiến phát biểu của từng cơ quan tại hội nghị giao ban cần ngắn gọn, chủ yếu nêu những vấn đề cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, hoặc sự phối hợp của các cơ quan liên quan; những kiến nghị, đề xuất để xử lý những vấn đề đó. Thời gian trình bày không quá 10 phút.

Điều 7. Phạm vi, nội dung chủ yếu cần thông tin, báo cáo trong hội nghị giao ban của từng cơ quan như sau:

1- Văn phòng Trung ương Đảng báo cáo kết quả thực hiện chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư giữa hai kỳ giao ban và trọng tâm công tác của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong thời gian tới; việc thực hiện những kết luận của đồng chí Thường trực Ban Bí thư đã nêu tại kỳ giao ban lần trước và những đề xuất, kiến nghị.

2- Văn phòng Quốc hội báo cáo những nội dung chủ yếu các kỳ họp của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội; việc chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và những đề xuất, kiến nghị.

3- Văn phòng Chủ tịch nước báo cáo những hoạt động chủ yếu về đối nội, đối ngoại của Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước và những đề xuất, kiến nghị.

4- Văn phòng Chính phủ báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chương trình và trọng tâm công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Chính phủ, thường trực Chính phủ trong thời gian tới và những đề xuất, kiến nghị.

5- Các ban đảng Trung ương căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình, báo cáo tình hình thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư trên các lĩnh vực có liên quan và những đề xuất, kiến nghị.

6- Các đảng ủy khối báo cáo tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên trong khối; về việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của khối và những đề xuất, kiến nghị.

7- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội báo cáo về tình hình tư tưởng và dư luận xã hội đáng quan tâm; kết quả triển khai, tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác vận động quần chúng, công tác dân tộc, tôn giáo...; về việc động viên các tầng lớp nhân dân tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước và những đề xuất, kiến nghị.

Điều 8. Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về nội dung kết luận của đồng chí Thường trực Ban Bí thư trong hội nghị giao ban để các cơ quan có liên quan biết và thực hiện.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 22-QĐ/TW, ngày 19 tháng 10 năm 2006

Thu hồi tài liệu của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước đã chuyển công tác khác, nghỉ hưu, từ trần

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước năm 2000 và Pháp lệnh lưu trữ quốc gia năm 2001;
- Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Trung ương Đảng và Trưởng Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương;

Ban Bí thư Trung ương ban hành Quy chế thu hồi tài liệu của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước đã chuyển công tác khác, nghỉ hưu, từ trần.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tài liệu của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước hình thành trong quá trình hoạt động trên cương vị lãnh đạo được phân công, chứa đựng nhiều thông tin bí mật của Đảng và Nhà nước, cần được quản lý chặt chẽ và bảo vệ

an toàn theo quy định về quản lý tài liệu mật. Sau khi các đồng chí lãnh đạo chuyển công tác khác, nghỉ hưu, từ trần, tài liệu phải được thu hồi đầy đủ và bảo quản tập trung tại Kho Lưu trữ Trung ương Đảng, hoặc kho lưu trữ tỉnh ủy, thành ủy, lưu trữ của cơ quan chủ quản.

Điều 2. Tài liệu của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước thuộc diện thu hồi là toàn bộ tài liệu thuộc danh mục bí mật Nhà nước được các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước quyết định, chưa công bố hoặc không công bố, do các đồng chí còn lưu giữ đến thời điểm chuyển công tác khác, nghỉ hưu, từ trần.

Điều 3. Đối tượng áp dụng Quy chế này bao gồm:

- Các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng (chính thức và dự khuyết) các khóa (bao gồm cả Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư).

- Các đồng chí không phải là Ủy viên Trung ương Đảng nhưng giữ các chức vụ: Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương; Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Phó Chánh Văn phòng Trung ương; Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước.

- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương; Bí thư, Phó Bí thư Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao.

Sau đây gọi chung là các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước.

Điều 4. Các cơ quan lưu trữ của Đảng ở Trung ương, ở các tỉnh ủy, thành ủy, lưu trữ cơ quan chủ quản của các đối

tượng quy định tại Điều 3 của Quy chế này, có nhiệm vụ tổ chức và phối hợp thu hồi tài liệu của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước để tập trung bảo quản trong các kho lưu trữ của Đảng và Nhà nước.

Nghiêm cấm mọi trường hợp tự ý sao chép, phát tán, công bố, mua bán, trao đổi, làm sai lạc nội dung tài liệu, vận chuyển tài liệu ra nước ngoài; không được tiêu hủy tài liệu sai quy định hoặc sử dụng tài liệu làm tổn hại lợi ích của Đảng, Nhà nước, tổn hại lợi ích và danh dự, nhân phẩm của cá nhân.

Chương II

THÀNH PHẦN TÀI LIỆU, TRÁCH NHIỆM VÀ QUY TRÌNH THU HỒI TÀI LIỆU

Điều 5. Thành phần tài liệu của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước cần thu hồi là tài liệu thuộc danh mục bí mật của Nhà nước, phản ánh các hoạt động và trách nhiệm trên cương vị công tác của đồng chí đó, bao gồm tài liệu được ghi trên giấy, phim, ảnh, băng, đĩa... (như ghi trong danh mục kèm theo).

Điều 6. Các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước khi chuyển công tác khác, nghỉ hưu có trách nhiệm giao nộp tài liệu thuộc diện thu hồi. Thời gian giao nộp tài liệu chậm nhất là sau một tháng kể từ ngày có quyết định chuyển công tác hoặc nghỉ hưu.

Các đồng chí trợ lý, thư ký, cơ quan, gia đình đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước từ trần, có trách nhiệm giao nộp tài liệu thuộc diện thu hồi. Thời gian giao nộp tài liệu chậm nhất là sau 4 tháng kể từ ngày đồng chí từ trần.

Điều 7. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm tiếp nhận, thu hồi và quản lý tài liệu của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư các khóa.

Lưu trữ cơ quan chủ quản của các đối tượng còn lại của Quy chế này có trách nhiệm tiếp nhận, thu hồi và quản lý tài liệu của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước công tác tại các cơ quan đó.

Các phòng (kho) lưu trữ tỉnh ủy, thành ủy có trách nhiệm tiếp nhận, thu hồi và quản lý tài liệu của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước công tác tại các tỉnh, thành phố.

Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, các cơ quan lưu trữ tỉnh ủy, thành ủy có nhiệm vụ hướng dẫn về nghiệp vụ và thủ tục giao nộp tài liệu.

Điều 8. Tài liệu trước khi giao, nhận phải được thống kê đầy đủ. Các bên có liên quan lập biên bản giao, nhận tài liệu.

Điều 9. Khuyến khích việc tặng cho hoặc ký gửi tài liệu riêng của cá nhân các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước vào các cơ quan lưu trữ của Đảng.

Các cá nhân đã tặng cho, ký gửi tài liệu vào cơ quan lưu trữ của Đảng được ưu tiên khai thác, sử dụng tài liệu đó. Việc khai thác, sử dụng tài liệu của cá nhân đã ký gửi, phải được sự đồng ý bằng văn bản của cá nhân có tài liệu.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm giúp Ban Bí thư hướng dẫn, kiểm tra và định kỳ hằng năm báo cáo kết quả việc tổ chức thực hiện Quy chế này.

Điều 11. Quy chế này được phổ biến đến các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước; các cơ quan đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; các đồng chí trợ lý, thư ký giúp việc các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước.

Điều 12. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vấn đề gì cần bổ sung, sửa đổi, đề nghị phản ánh kịp thời về Văn phòng Trung ương Đảng để tập hợp báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

DANH MỤC
THÀNH PHẦN TÀI LIỆU CỦA CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC ĐÃ CHUYỂN CÔNG TÁC KHÁC, NGHỈ HƯU, TỪ TRẦN CẦN THU HỒI

(Ban hành kèm theo Quy chế số 22-QĐ/TW, ngày 19-10-2006)

I- TÀI LIỆU GỬI ĐẾN CÁ NHÂN CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO

(những tài liệu thuộc Điều 2 của Quy chế)

1. Tài liệu của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

- Dự thảo các văn bản của Trung ương gửi đến để xin ý kiến.

- Bản thảo, dự thảo các văn bản của Trung ương do cá nhân các đồng chí lãnh đạo hoặc thư ký dự thảo.

- Tài liệu của Trung ương ban hành.

- Tài liệu của Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng; tài liệu hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Trung ương.

- Tài liệu của hội nghị Ban Chấp hành Trung ương; hội nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư; hội nghị cán bộ.

- Các bài phát biểu, bài viết của cá nhân góp ý về lề lối làm việc, nội dung các hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Bút tích, ý kiến góp ý của cá nhân về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và dự thảo các văn bản của Trung ương.

2. Tài liệu của Quốc hội, Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước *(nếu có)*

- Tài liệu về các kỳ họp Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Tài liệu của Văn phòng Quốc hội; tài liệu của các ủy ban, hội đồng trực thuộc Quốc hội; tài liệu của Đảng đoàn Quốc hội.

- Tài liệu của Chủ tịch nước, Văn phòng Chủ tịch nước.

- Tài liệu về các kỳ họp của Chính phủ.

- Tài liệu của Chính phủ ban hành.

- Tài liệu của Ban Cán sự Đảng Chính phủ, tài liệu của các ban trực thuộc Chính phủ, Văn phòng Chính phủ.

- Bài phát biểu, ý kiến góp ý của cá nhân trong các hoạt động của Chính phủ, Quốc hội.

- Bút tích, ý kiến góp ý của cá nhân đối với dự thảo các văn bản của Chính phủ, Quốc hội (Hiến pháp, luật, pháp lệnh...).

3. Tài liệu của các cơ quan, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, các địa phương

- Tài liệu của Văn phòng Trung ương gửi đến để báo cáo và xin ý kiến.

- Tài liệu của các ban Trung ương gửi đến để báo cáo và xin ý kiến.

- Tài liệu của các đảng ủy khối, các tiểu ban, hội đồng, các ban chỉ đạo trực thuộc Trung ương gửi đến để báo cáo và xin ý kiến.

- Tài liệu của các ban cán sự đảng và các bộ, ngành gửi đến để báo cáo và xin ý kiến.

- Tài liệu của các đảng đoàn, đoàn thể và các hội quần chúng ở Trung ương gửi đến để báo cáo và xin ý kiến.

- Tài liệu của các tỉnh ủy, thành ủy, đặc khu ủy gửi đến để báo cáo và xin ý kiến.

- Bút tích, ý kiến chỉ đạo, xử lý, giải quyết công việc của cá nhân đối với các vấn đề thuộc các cơ quan, các ngành, các cấp gửi xin ý kiến.

- Thư, điện gửi đến cá nhân.

II- TÀI LIỆU CỦA CÁ NHÂN CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO

(những tài liệu thuộc Điều 2 của Quy chế)

- Bài nói, bài phát biểu, bài viết của cá nhân.

- Bản thảo, bản góp ý kiến vào các tài liệu, văn kiện.

- Kiểm điểm công tác của cá nhân.

- Báo cáo của cá nhân gửi Trung ương về kết quả công tác năm hoặc những phần việc được Trung ương phân công.

- Báo cáo của cá nhân về tình hình hoạt động của các cơ quan, ban, ngành, các địa phương.

- Tài liệu phản ánh hoạt động nghiên cứu khoa học, các đề tài, đề án thuộc các ngành, các lĩnh vực...

- Thư, điện của cá nhân gửi các cơ quan, các tỉnh, thành phố để chỉ đạo và trao đổi công tác.

- Thư, điện của cá nhân gửi các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương để trao đổi công tác.

- Tài liệu, sổ tay ghi chép công việc của cá nhân.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 43-TB/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2006

Về việc đầu tư xây dựng một số công trình trong khu Trụ sở Trung ương Đảng

Tại phiên họp ngày 18-10-2006, sau khi nghe Ban Tài chính - Quản trị Trung ương báo cáo về việc đầu tư xây dựng một số công trình trong khu Trụ sở Trung ương Đảng (2007 - 2013) (Tờ trình 367-CV/BTCQTTW, ngày 12-10-2006) và ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

- Bộ Chính trị khóa IX đã thông qua đề án Quy hoạch chi tiết tổng mặt bằng khu Trụ sở Trung ương Đảng đến năm 2020 và Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý với đề nghị của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương điều chỉnh một số chỉ tiêu quản lý kiến trúc khu Trụ sở Trung ương Đảng.

- Các công trình xây dựng trong Trụ sở Trung ương Đảng phải đảm bảo kiến trúc hiện đại và có chất lượng cao nhất. Việc chuẩn bị, xây dựng và sau xây dựng thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư, về xây dựng cơ bản.

- Ban Tài chính - Quản trị Trung ương chuẩn bị để từ đầu năm 2007 tiến hành đầu tư xây dựng một dãy nhà làm

việc khu vực ngõ Nguyễn Cảnh Chân (gồm các cơ quan đang làm việc hiện nay: Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Đảng ủy Khối cơ quan Kinh tế Trung ương, Đảng ủy cơ quan Khối Nội chính Trung ương và một bộ phận của Ban Kinh tế Trung ương).

- Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cần rà soát lại chỗ làm việc của các ban Đảng, nếu còn điều kiện thì sắp xếp tiếp cho những ban, bộ phận có chỗ làm việc quá chật chội.

- Ban Tài chính - Quản trị Trung ương hoàn chỉnh thủ tục để công bố kết quả kiểm toán đầu tư xây dựng nhà A1.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 23-QĐ/TW, ngày 31 tháng 10 năm 2006
Thi hành Điều lệ Đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X,

Bộ Chính trị quy định thi hành Điều lệ Đảng (được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng thông qua) với các nội dung sau đây:

1. Điều 1 (điểm 2): Tuổi đời và trình độ học vấn của người vào Đảng

1.1- Về tuổi đời:

a) Tại thời điểm chi bộ xét kết nạp, người vào Đảng phải đủ 18 tuổi trở lên (tính theo tháng).

b) Việc kết nạp vào Đảng những người trên 60 tuổi do cấp ủy trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định.

1.2- Về trình độ học vấn:

a) Người vào Đảng nói chung phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc tương đương trở lên.

b) Người vào Đảng đang sinh sống ở vùng cao, vùng sâu, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, không bảo đảm được quy định tại điểm a nêu trên thì nói chung cũng phải có trình độ học vấn tối thiểu là tiểu học.

c) Những trường hợp cụ thể khác thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

2. Điều 3: Về quyền của đảng viên

2.1- Điều 3 (điểm 1): Quyền được thông tin của đảng viên.

Định kỳ hằng tháng, theo hướng dẫn của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và cấp ủy cấp trên, các cấp ủy đảng thông tin cho đảng viên về tình hình và nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thời sự trong nước và thế giới phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, đặc điểm của đảng viên, góp phần nâng cao nhận thức, tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2.2- Điều 3 (điểm 2): Quyền của đảng viên trong việc ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng.

Thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.

2.3- Điều 3 (điểm 3): Quyền của đảng viên trong việc phê bình, chất vấn tổ chức đảng và đảng viên; báo cáo, kiến nghị với cơ quan có trách nhiệm.

Đảng viên được phê bình, chất vấn, báo cáo, kiến nghị trực tiếp hoặc bằng văn bản trong phạm vi tổ chức của Đảng về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp, về những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức đảng hoặc chức trách, nhiệm vụ, phẩm chất đạo

đức của đảng viên đó. Khi nhận được ý kiến phê bình, chất vấn, báo cáo, kiến nghị, tổ chức đảng và đảng viên có trách nhiệm phải trả lời, chậm nhất là 30 ngày đối với tổ chức cơ sở đảng và đảng viên; 60 ngày đối với cấp huyện, tỉnh và tương đương và 90 ngày đối với cấp trung ương; những trường hợp phức tạp cần phải kéo dài hơn thời gian quy định trên thì phải thông báo cho tổ chức đảng và đảng viên biết lý do.

2.4- Đảng viên được thông báo ý kiến nhận xét của cấp ủy nơi làm việc và nơi cư trú khi xem xét bổ nhiệm, giới thiệu bầu cử; được trình bày ý kiến với tổ chức đảng, cấp ủy đảng khi xem xét thi hành kỷ luật đối với mình.

3. Điều 4 và Điều 5: Thẩm quyền quyết định kết nạp đảng viên và xét công nhận đảng viên chính thức

3.1- Đảng ủy cơ sở được ủy quyền kết nạp đảng viên: Do tập thể đảng ủy cơ sở xem xét, quyết định.

3.2- Huyện ủy (và tương đương): Do ban thường vụ xem xét, quyết định.

3.3- Tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương: Do tập thể thường trực cấp ủy và các đồng chí ủy viên thường vụ là trưởng các ban đảng cùng cấp xem xét, quyết định.

3.4- Ban Cán sự đảng Ngoài nước: Do tập thể Thường trực lãnh đạo Ban Cán sự đảng (bí thư, các phó bí thư) xem xét, quyết định.

3.5- Đảng ủy Quân sự Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương: Có quy định riêng.

4. Điều 4 (điểm 3): Vấn đề lịch sử chính trị và chính trị hiện nay của người vào Đảng

Thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.

5. Điều 4: Về kết nạp lại người vào Đảng

5.1- Người được xét kết nạp lại phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có đủ tiêu chuẩn và điều kiện của người vào Đảng quy định tại Điều 1 Điều lệ Đảng.

b) Ít nhất là 36 tháng kể từ khi ra khỏi Đảng (riêng người bị án hình sự ở mức ít nghiêm trọng thì phải sau 60 tháng kể từ khi được xóa án tích), làm đơn xin kết nạp lại vào Đảng; phải được ban thường vụ tỉnh, thành ủy (hoặc tương đương) đồng ý bằng văn bản, cấp ủy có thẩm quyền (huyện ủy và tương đương) xem xét, quyết định.

c) Thực hiện đúng các thủ tục nêu ở các điểm 1, 2, 3 Điều 4 Điều lệ Đảng.

5.2- Đối tượng không xem xét kết nạp lại.

Không xem xét, kết nạp lại những người trước đây ra khỏi Đảng vì lý do: vi phạm lịch sử chính trị và chính trị hiện nay theo quy định của Bộ Chính trị; tự bỏ sinh hoạt đảng; làm đơn xin ra Đảng (trừ trường hợp vì lý do gia đình đặc biệt khó khăn); gây mất đoàn kết nội bộ nghiêm trọng; bị phạt tù vì tội tham nhũng; bị án hình sự từ mức nghiêm trọng trở lên.

5.3- Chỉ kết nạp lại một lần.

5.4- Những đảng viên được kết nạp lại phải trải qua thời gian dự bị.

5.5- Điều 5 (điểm 4): Tuổi đảng của đảng viên được kết nạp lại được tính từ ngày đảng viên đó được công nhận là đảng viên chính thức lần đầu, trừ thời gian không tham gia sinh hoạt đảng và thời gian dự bị của lần kết nạp lại (trường hợp đặc biệt do Ban Bí thư xem xét, quyết định).

Đối với những đảng viên được kết nạp lại theo Quy định số 14-QĐ/TW ngày 16-11-2001 của Bộ Chính trị khóa IX thì tuổi đảng của đảng viên đó không phải trừ thời gian dự bị.

6. Điều 4 (điểm 4): Kết nạp đảng viên trong một số trường hợp đặc biệt

Bộ Chính trị có quy định riêng.

7. Điều 5: Về công nhận đảng viên chính thức và tính tuổi đảng của đảng viên

7.1- Điều 5 (điểm 2): Thời điểm công nhận đảng viên chính thức:

a) Chi bộ phải kịp thời xét công nhận chính thức cho đảng viên khi hết 12 tháng dự bị, nếu không đủ điều kiện thì đề nghị lên cấp ủy có thẩm quyền quyết định xóa tên. Thời hạn từ khi chi bộ có văn bản đề nghị đến khi cấp ủy đảng có thẩm quyền quyết định công nhận chính thức không được quá 30 ngày.

b) Đảng viên dự bị đủ điều kiện được công nhận là đảng viên chính thức, dù chi bộ họp chậm, cấp ủy có thẩm quyền chuẩn y chậm, vẫn được công nhận đảng viên chính thức đúng thời điểm hết 12 tháng dự bị.

c) Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới đã qua 3 lần biểu quyết nhưng không đủ 2/3 số đảng viên chính thức hoặc cấp ủy viên tán thành công nhận một đảng viên dự bị là đảng viên chính thức hoặc đề nghị xóa tên trong danh sách đảng viên, thì báo cáo cấp ủy cấp trên trực tiếp và cấp ủy có thẩm quyền xem xét, quyết định.

7.2- Tính tuổi đảng của đảng viên:

a) Tuổi đảng của đảng viên được tính từ ngày ghi trong quyết định công nhận đảng viên chính thức, trừ thời gian không tham gia sinh hoạt đảng.

Thời gian không tham gia sinh hoạt đảng là: thời gian bị khai trừ (kể cả khai trừ có thời hạn theo quy định của Điều lệ Đảng khóa II), thời gian bị xóa tên, thời gian mất liên lạc với tổ chức đảng và thời gian gián đoạn do chuyển sinh hoạt đảng.

b) Thời gian dự bị của đảng viên phải thực hiện theo quy định của Điều lệ Đảng trong từng thời kỳ Đại hội của Đảng. Đối với những đảng viên kết nạp trước tháng 1 năm 1945, những đảng viên đã qua chỉnh Đảng, chỉnh huấn trong các cuộc vận động bảo vệ Đảng mà thời gian dự bị được rút ngắn hay kéo dài, hoặc ngày kết nạp vào Đảng được chi bộ công nhận làm ngày chính thức, được cấp ủy có thẩm quyền chuẩn y thì được giữ nguyên để tính tuổi đảng.

8. Về đảng tịch của đảng viên

8.1- Việc thẩm tra, kết luận về đảng tịch của đảng viên, việc công nhận là đảng viên, khôi phục quyền đảng viên, xóa tên đảng viên hoặc cho nối lại sinh hoạt đảng của đảng viên do ban thường vụ tỉnh ủy, huyện ủy (và tương đương), Ban Tổ chức Trung ương xem xét, quyết định. Trường hợp đặc biệt do Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định.

8.2- Giải quyết vấn đề đảng tịch của đảng viên được quy định như sau:

a) Không đặt ra việc xem xét lại đối với những đảng viên có vấn đề về đảng tịch đã được cấp ủy có thẩm quyền

xem xét, kết luận trước đây mà không phát hiện thêm vấn đề gì mới.

b) Chỉ xem xét, khôi phục quyền đảng viên và tính tuổi đảng liên tục đối với những người bị đưa ra khỏi Đảng đã được cấp có thẩm quyền thẩm tra, xác minh, kết luận là bị oan và từ khi bị đưa ra khỏi Đảng đến nay không làm điều gì vi phạm.

c) Đảng viên được kết nạp trước Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng (ngày 5-9-1960) và trước ngày 30-4-1975 (ở các địa phương từ phía nam sông Bến Hải trở vào) mà lúc kết nạp vào Đảng chưa đủ 18 tuổi thì ngày vào Đảng được giữ nguyên.

d) Đảng viên được kết nạp vào Đảng trong kháng chiến chống Pháp từ tháng 7-1954 trở về trước và đảng viên được kết nạp trong kháng chiến chống Mỹ ở các địa phương từ phía nam sông Bến Hải trở vào (từ tháng 7-1954 đến tháng 12-1973) nếu chỉ có một người giới thiệu vào Đảng thì vẫn được công nhận đảng tịch.

đ) Những đồng chí trước đây đã vào Việt Minh hay một tổ chức quần chúng cách mạng hoạt động bí mật (từ tháng 2-1951 trở về trước), sau đó được tham gia sinh hoạt chi bộ, thì lấy ngày sinh hoạt chi bộ là ngày kết nạp vào Đảng.

e) Những đồng chí hoạt động trong kháng chiến chống Pháp (từ tháng 7-1954 trở về trước) và trong kháng chiến chống Mỹ (từ tháng 7-1954 đến 30-4-1975) từ phía nam sông Bến Hải trở vào, chưa được kết nạp vào Đảng nhưng đã được tổ chức đảng giao nhiệm vụ của người đảng viên như làm công tác tuyên truyền phát triển đảng viên hoặc tham gia việc thành lập chi bộ, thì lấy ngày chi bộ giao nhiệm vụ làm

công tác tuyên truyền phát triển đảng viên hoặc ngày tham gia lập chi bộ là ngày kết nạp vào Đảng. Đối với trường hợp chỉ là quần chúng cảm tình đảng, được tổ chức đảng giao một số việc để thử thách (như giao liên hoặc theo dõi tình hình địch...), chưa được kết nạp vào Đảng, nhưng ngộ nhận mình đã vào Đảng, sau đó được tổ chức đảng cho sinh hoạt, được rèn luyện thử thách, xét có đủ tư cách đảng viên thì được công nhận là đảng viên từ ngày tham gia sinh hoạt đảng.

g) Những đảng viên được kết nạp trong kháng chiến chống Mỹ theo Điều lệ Đảng Nhân dân cách mạng Việt Nam (từ năm 1961 đến tháng 12-1976) thì tuổi đảng được tính theo quy định của Điều lệ Đảng Nhân dân cách mạng Việt Nam.

h) Những đảng viên có nghi vấn là không được tổ chức đảng kết nạp vào Đảng thì phải xem xét kỹ, sau khi thẩm tra, thấy có đủ căn cứ kết luận là đã được tổ chức kết nạp vào Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng; hoặc đúng với quy định tại những điểm nêu trên và từ đó đến nay vẫn tham gia sinh hoạt đảng, giữ gìn được tư cách đảng viên thì cấp ủy có thẩm quyền công nhận là đảng viên. Nếu có đủ căn cứ kết luận người đó mạo nhận là đảng viên thì cấp ủy có thẩm quyền quyết định xóa tên trong danh sách đảng viên.

i) Những đảng viên không được tham gia sinh hoạt đảng do gián đoạn sinh hoạt đảng, sau khi đã thẩm tra, thấy có đủ căn cứ và chứng lý rõ ràng, nếu nội dung vi phạm là do chính bản thân gây ra thì không nối lại sinh hoạt đảng; nếu nội dung vi phạm không phải do chính bản thân gây ra và được chi bộ, cấp ủy cơ sở nơi công tác hoặc nơi ở xác nhận vẫn thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân,

giữ gìn được phẩm chất đạo đức trong thời gian không tham gia sinh hoạt đảng, thì được xét nối lại sinh hoạt đảng.

8.3- Thẩm quyền giải quyết vấn đề đảng tịch của đảng viên:

a) Đối với đảng viên là cán bộ diện Trung ương quản lý, Bộ Chính trị ủy quyền Ban Tổ chức Trung ương xem xét, giải quyết.

Trường hợp ý kiến của cấp ủy trực thuộc Trung ương khác với kết luận của Ban Tổ chức Trung ương thì báo cáo Ban Bí thư xem xét, quyết định.

b) Đảng viên là cán bộ diện tỉnh ủy và tương đương quản lý thì ban thường vụ tỉnh ủy và tương đương xem xét, quyết định.

c) Đảng viên không thuộc diện nêu trên thì ban thường vụ huyện ủy và tương đương xem xét, quyết định.

9. Điều 6: Phát thẻ và quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên và thủ tục chuyển sinh hoạt đảng

9.1- Phát thẻ và quản lý thẻ đảng viên:

a) Thẻ đảng viên được phát cho đảng viên chính thức có đủ tư cách đảng viên, tổ chức phát thẻ tại tổ chức cơ sở đảng vào dịp kỷ niệm các ngày lễ 3-2, 19-5, 2-9, 7-11 hằng năm.

b) Đảng viên được nhận thẻ đảng viên phải thực hiện đúng những quy định về sử dụng và bảo quản thẻ đảng viên, khi mất hoặc làm hỏng thẻ đảng viên phải báo cáo ngay với cấp ủy để xét cấp lại hoặc đổi thẻ đảng viên.

c) Cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng xét, ra quyết định phát thẻ đảng viên và quản lý sổ phát thẻ đảng viên. Ban Cán sự đảng Ngoài nước xét, quyết định phát thẻ đảng viên cho đảng viên ở ngoài nước.

d) Các tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương chỉ đạo và kiểm tra việc phát thẻ đảng viên.

đ) Ban Tổ chức Trung ương giúp Trung ương hướng dẫn, kiểm tra việc phát, quản lý thẻ đảng viên trong toàn Đảng.

e) Sử dụng thẻ đảng viên: Đảng viên sử dụng thẻ đảng viên để biểu quyết trong sinh hoạt đảng, trong đại hội đảng ở các cấp (trừ trường hợp biểu quyết bằng phiếu kín).

9.2- Quản lý hồ sơ đảng viên:

a) Cấp ủy cơ sở quản lý hồ sơ đảng viên và danh sách đảng viên. Cấp ủy cơ sở nào không có điều kiện quản lý và bảo quản hồ sơ đảng viên thì cấp ủy cấp trên trực tiếp quản lý, bảo quản.

b) Cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng quản lý phiếu đảng viên và danh sách đảng viên của đảng bộ, chi bộ cơ sở trực thuộc.

c) Hằng năm, các cấp ủy chỉ đạo, kiểm tra việc bổ sung lý lịch đảng viên và quản lý hồ sơ đảng viên.

d) Hồ sơ đảng viên là tài liệu mật của Đảng, không được tẩy xóa. Tổ chức đảng phải quản lý chặt chẽ theo chế độ bảo mật.

đ) Ban Cán sự đảng Ngoài nước quản lý hồ sơ đảng viên, thẻ đảng viên và danh sách đảng viên ở ngoài nước.

Ban Tổ chức Trung ương giúp Trung ương hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý hồ sơ đảng viên trong toàn Đảng.

9.3- Chuyển sinh hoạt đảng:

9.3.1- Chuyển sinh hoạt đảng chính thức:

a) Đảng viên được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển công tác sang một đơn vị mới, được nghỉ hưu, nghỉ mất sức,

thôi việc, phục viên hoặc thay đổi nơi ở mới lâu dài thì phải làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng chính thức.

b) Đảng viên chuyển sinh hoạt đảng chính thức ra ngoài đảng bộ huyện, tỉnh (và tương đương) thì cấp ủy huyện (và tương đương) có đảng viên chuyển đi, có trách nhiệm làm thủ tục giới thiệu chuyển sinh hoạt đảng. Đảng viên của đảng bộ, chi bộ cơ sở trực thuộc tỉnh ủy (và tương đương) khi chuyển sinh hoạt đảng chính thức thì ban tổ chức tỉnh ủy (và tương đương) làm thủ tục giới thiệu chuyển sinh hoạt đảng.

c) Trong vòng 30 ngày kể từ ngày giới thiệu chuyển đi, đảng viên phải xuất trình giấy giới thiệu sinh hoạt đảng với đảng ủy cơ sở, chi ủy nơi chuyển đến để được sinh hoạt đảng. Nếu quá thời hạn trên, đảng viên hoặc tổ chức đảng vi phạm phải báo cáo lý do cụ thể để cấp ủy có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của Điều lệ Đảng.

d) Khi chuyển sinh hoạt đảng chính thức cho đảng viên, cấp ủy nơi đảng viên đang sinh hoạt và công tác làm đầy đủ thủ tục, niêm phong hồ sơ, giao cho đảng viên trực tiếp mang theo để báo cáo với tổ chức đảng làm thủ tục giới thiệu và tiếp nhận sinh hoạt đảng theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

9.3.2- Chuyển sinh hoạt đảng tạm thời:

a) Khi đảng viên thay đổi nơi ở và nơi công tác trong thời gian từ 3 tháng đến dưới 1 năm, khi được cử đi học ở các trường trong nước từ 3 tháng đến 2 năm, sau đó lại trở về đơn vị cũ thì phải làm thủ tục giới thiệu sinh hoạt đảng tạm thời từ đảng bộ, chi bộ nơi đảng viên đang sinh hoạt đảng chính thức đến đảng bộ, chi bộ nơi công tác, học tập hoặc nơi ở mới.

b) Đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời có nhiệm vụ và quyền hạn:

- Ở nơi sinh hoạt chính thức thì thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 2 và các quyền ghi tại Điều 3 của Điều lệ Đảng; ở nơi sinh hoạt tạm thời thì trừ quyền biểu quyết, ứng cử và bầu cử.

- Nếu cần kéo dài thời hạn sinh hoạt đảng tạm thời, đảng viên phải báo cáo với cấp ủy đảng nơi đảng viên đang sinh hoạt tạm thời để xin gia hạn, đồng thời báo cáo với tổ chức đảng nơi sinh hoạt chính thức.

c) Đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời không tính vào đảng số của đảng bộ nơi sinh hoạt tạm thời mà tính vào đảng số của đảng bộ nơi sinh hoạt chính thức; đóng đảng phí ở chi bộ nơi sinh hoạt đảng tạm thời.

d) Nếu có từ 3 đảng viên chính thức trở lên chuyển đến sinh hoạt đảng tạm thời để học theo lớp, theo khóa ở trường hoặc đến công tác biệt phái trong một đơn vị thành viên trực thuộc đơn vị cơ sở, thì đảng ủy nơi tiếp nhận đảng viên ra quyết định thành lập chi bộ sinh hoạt tạm thời và chỉ định chi ủy, bí thư, phó bí thư của chi bộ đó.

Nhiệm vụ của chi bộ sinh hoạt tạm thời là lãnh đạo đảng viên trong chi bộ thực hiện nghị quyết của cấp ủy cấp trên, quản lý đảng viên, thu nộp đảng phí và thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể do cấp ủy cấp trên giao.

9.3.3- Chuyển sinh hoạt đảng ra ngoài nước: Việc quản lý, chuyển sinh hoạt đảng, tổ chức sinh hoạt đảng cho đảng viên đi ra ngoài nước thực hiện theo Quy định số 17-QĐ/TW, ngày 10-12-1996 của Bộ Chính trị khóa VIII và những quy định sau đây:

a) Đảng viên dự bị sinh hoạt đơn lẻ ở ngoài nước, khi hết thời hạn dự bị phải làm bản tự kiểm điểm về tư cách đảng viên và việc thực hiện nhiệm vụ được giao trong thời gian sinh hoạt đơn lẻ; cấp ủy trực tiếp quản lý đảng viên ở ngoài nước căn cứ vào nhận xét, đánh giá của cấp ủy nơi đi và kiểm điểm của đảng viên để xét công nhận đảng viên chính thức.

b) Đối với những địa bàn ở ngoài nước có hoàn cảnh đặc biệt, không đủ 3 đảng viên chính thức để lập chi bộ thì có thể được thành lập chi bộ sinh hoạt dự bị (gồm 3 đảng viên trở lên, kể cả đảng viên chính thức và dự bị), cấp ủy cấp trên chỉ định bí thư chi bộ.

c) Chức năng, nhiệm vụ của các loại hình chi bộ và nhiệm vụ của đảng viên ở ngoài nước thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan có liên quan.

9.3.4- Chuyển sinh hoạt đảng khi chuyển giao, chia tách, sáp nhập chi bộ, đảng bộ: Khi cấp có thẩm quyền quyết định chuyển giao, chia tách hay sáp nhập một chi bộ, đảng bộ từ đảng bộ này sang đảng bộ khác trong hoặc ngoài đảng bộ tỉnh (và tương đương) thì cấp ủy cấp trên trực tiếp nơi có chi bộ, đảng bộ được chuyển đi có trách nhiệm làm thủ tục chuyển giao tổ chức và chuyển sinh hoạt đảng tập thể cho đảng viên.

9.3.5- Chuyển sinh hoạt đảng khi tổ chức đảng bị giải tán, giải thể:

Sau khi cấp ủy có thẩm quyền quyết định kỷ luật giải tán hoặc giải thể một chi bộ, đảng bộ thì cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức đảng đó thu hồi hồ sơ, con dấu và làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên.

9.3.6- Trách nhiệm giới thiệu sinh hoạt đảng:

Việc giới thiệu sinh hoạt đảng cho tổ chức đảng và đảng viên là trách nhiệm của các cấp ủy đảng:

a) Các tỉnh, thành ủy và tương đương, Ban Cán sự Đảng Ngoài nước được ủy nhiệm cho ban tổ chức của cấp mình; các cấp ủy cấp trên của tổ chức cơ sở đảng thuộc Đảng ủy Quân sự Trung ương được ủy nhiệm cho cơ quan chính trị cùng cấp; Đảng ủy Công an Trung ương được ủy nhiệm cho Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong việc giới thiệu sinh hoạt đảng.

b) Ban Tổ chức Trung ương giúp Trung ương hướng dẫn, kiểm tra việc giới thiệu sinh hoạt đảng trong toàn Đảng; giới thiệu đảng viên và tổ chức đảng chuyển sinh hoạt đảng trong những trường hợp đặc biệt.

10. Điều 7: Đảng viên xin miễn công tác và sinh hoạt đảng

10.1- Đảng viên tuổi cao, sức yếu xin miễn công tác và sinh hoạt đảng bằng cách tự làm đơn hoặc trực tiếp báo cáo với chi bộ để chi bộ xem xét, quyết định. Chi ủy hoặc bí thư chi bộ báo cáo cấp ủy cấp trên trực tiếp biết.

10.2- Đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt đảng có quyền hạn và trách nhiệm sau:

a) Được dự đại hội đảng viên, được chi ủy hoặc bí thư chi bộ thông báo về nghị quyết, chỉ thị mới của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tình hình hoạt động của chi bộ, đảng bộ như đối với đảng viên đang sinh hoạt đảng.

b) Được xét tặng Huy hiệu Đảng khi có đủ tiêu chuẩn.

c) Được miễn đánh giá chất lượng đảng viên trong thời gian được miễn công tác và sinh hoạt đảng.

d) Bản thân phải gương mẫu và vận động gia đình chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước và các quy định của địa phương, nếu vi phạm tư cách đảng viên phải xử lý kỷ luật theo quy định của Điều lệ Đảng.

11. Điều 8: Giải quyết khiếu nại về xóa tên đảng viên

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xóa tên, đảng viên có quyền khiếu nại với cấp ủy cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương.

b) Cơ quan tổ chức của cấp ủy có trách nhiệm nghiên cứu giúp cấp ủy giải quyết khiếu nại. Thời hạn giải quyết khiếu nại được quy định như sau: không quá 90 ngày đối với cấp tỉnh, huyện và tương đương; không quá 180 ngày đối với cấp Trung ương, kể từ ngày nhận được khiếu nại.

c) Không giải quyết những trường hợp khiếu nại sau đây: quá thời hạn 30 ngày kể từ ngày đảng viên nhận được quyết định xóa tên; đã được cấp có thẩm quyền cao nhất xem xét, kết luận; cá nhân hoặc tập thể khiếu nại hộ; khiếu nại khi chưa có quyết định xóa tên của cấp ủy đảng có thẩm quyền.

d) Việc giải quyết khiếu nại về xóa tên đối với đảng viên ở ngoài nước có quy định riêng.

12. Điều 9: Một số quy định về thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ

12.1- Về quy chế làm việc của cấp ủy và tổ chức đảng:

a) Căn cứ vào Điều lệ Đảng và quy chế làm việc của cấp ủy cấp trên, các cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng,

cơ quan tham mưu của Đảng đều phải xây dựng quy chế làm việc đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ và thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn được giao. Tổ chức đảng phải báo cáo với tổ chức đảng cấp trên và thông báo cho tổ chức đảng cấp dưới biết quy chế làm việc của mình.

b) Khi xét thấy cần thiết, cấp ủy cấp trên ban hành quy chế phối hợp hoạt động, công tác của các cấp ủy hoặc tổ chức đảng cấp dưới có liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp.

c) Ban tổ chức cấp ủy cấp trên có trách nhiệm hướng dẫn cấp ủy và tổ chức đảng cấp dưới xây dựng quy chế làm việc.

12.2- Điều 9 (điểm 3): Về thực hiện nguyên tắc tự phê bình và phê bình:

a) Hằng năm, gắn với tổng kết công tác năm, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, cấp ủy viên các cấp và đảng viên phải tự phê bình và phê bình tập thể và cá nhân, có kế hoạch và biện pháp phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm.

b) Cuối nhiệm kỳ đại hội, các cấp ủy, tổ chức đảng, cấp ủy viên các cấp phải tiến hành tự phê bình và phê bình gắn với kiểm điểm đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết đại hội.

- Báo cáo kiểm điểm của cấp ủy phải lấy ý kiến đóng góp của cấp ủy cấp dưới trực tiếp, của đảng đoàn, ban cán sự đảng và của lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể cùng cấp, phải có ý kiến của cấp ủy cấp trên trực tiếp.

- Báo cáo của đảng đoàn, ban cán sự đảng và lãnh đạo ban, ngành, đoàn thể phải lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan chuyên môn, đảng ủy cơ quan và của cấp ủy cùng cấp.

- Cấp ủy cấp trên gợi ý cho cá nhân và tập thể cấp ủy của cơ quan, tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp những nội dung cần làm rõ khi kiểm điểm, tự phê bình và phê bình:

+ Đối với cá nhân cấp ủy viên, đi sâu kiểm điểm về trách nhiệm chính trị, mức độ phấn đấu hoàn thành công việc được giao và những vấn đề khác có liên quan đến trách nhiệm cá nhân; về giữ gìn phẩm chất cá nhân (tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu).

+ Đối với tập thể cấp ủy, kiểm điểm về việc chấp hành nghị quyết, chủ trương của cấp trên; việc đề ra và kết quả tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương của cấp mình; về xây dựng và thực hiện quy chế làm việc; về xây dựng nội bộ đoàn kết, trong sạch, vững mạnh; về quản lý tài chính ngân sách, quản lý đất đai...

Thường trực cấp ủy cấp trên có trách nhiệm tổng hợp, phân tích, chọn lọc các vấn đề để đưa xuống các tổ chức đảng, cấp ủy cấp dưới gợi ý cho tập thể và cá nhân tự phê bình và phê bình.

- Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của Mặt trận Tổ quốc, ban chấp hành các đoàn thể chính trị - xã hội, hội đồng nhân dân cùng cấp, phát huy vai trò giám sát, góp ý kiến xây dựng Đảng của nhân dân.

12.3- Điều 9 (điểm 5): Quy định "Nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo của Đảng chỉ có giá trị thi hành khi có hơn một nửa số thành viên trong cơ quan đó tán thành" được cụ thể hóa như sau:

a) Số thành viên của đại hội đại biểu là tổng số đại biểu chính thức được triệu tập có đủ tư cách dự đại hội.

b) Số thành viên của đại hội đảng viên, hội nghị đảng viên là tổng số đảng viên chính thức trong đảng bộ, chi bộ, trừ số đảng viên đã được giới thiệu sinh hoạt tạm thời ở đảng bộ khác và đảng viên đã được miễn công tác và sinh hoạt đảng không có mặt ở đại hội (nếu đảng viên đó có mặt ở đại hội, hội nghị đảng viên, tham gia bầu cử, biểu quyết thì vẫn tính), trừ số đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, bị khởi tố, truy tố, tạm giam.

c) Số thành viên của ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra là tổng số cấp ủy viên đương nhiệm của ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ cấp ủy, ủy viên ủy ban kiểm tra đương nhiệm (trừ số thành viên đang bị đình chỉ sinh hoạt, bị khởi tố, truy tố, tạm giam).

d) Trường hợp kết nạp đảng viên, công nhận đảng viên chính thức, xóa tên đảng viên, khai trừ đảng viên thì phải được ít nhất hai phần ba số thành viên của tổ chức đảng nhất trí đề nghị và được cấp ủy cấp trên có thẩm quyền quyết định với sự nhất trí của trên một nửa số thành viên.

đ) Trường hợp giải tán tổ chức đảng thì phải được ít nhất hai phần ba số thành viên cấp ủy cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp ủy cấp trên cách một cấp quyết định với sự đồng ý của trên một nửa số thành viên.

13. Điều 10 (điểm 1): Hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước

Hệ thống tổ chức của Đảng được tổ chức theo đơn vị hành chính lãnh thổ cấp xã, phường, thị trấn; cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; cấp tỉnh và thành phố trực thuộc

Trung ương và cấp trung ương. Đây là hệ thống tổ chức cơ bản của Đảng có chức năng lãnh đạo toàn diện ở mỗi cấp và của toàn Đảng.

14. Điều 10 (điểm 2 và 3), Điều 13 (điểm 5), Điều 21 (điểm 3, 4, 5): Lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng; lập cơ cấu tổ chức ở các cơ sở đảng có đặc điểm khác nhau; lập hoặc giải thể đảng bộ, chi bộ trực thuộc; việc giao quyền cấp trên cơ sở cho đảng ủy cơ sở

14.1- Điều 10 (điểm 2): Việc lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng:

a) Tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng là tổ chức đảng không phải là cấp huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh. Các tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng nói trên do cấp ủy cấp trên trực tiếp của các tổ chức này (cụ thể là tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương và Trung ương) quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ nhằm giúp cấp ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đối với hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng ở những đơn vị đó. Các tổ chức cơ sở đảng lớn (có đông đảng viên, có nhiều chi bộ trực thuộc), có vị trí quan trọng (về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng) có thể đặt trực thuộc tỉnh, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương.

b) Ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập đảng bộ khối cơ quan dân chính đảng; ở một số tỉnh, thành phố có nhiều doanh nghiệp có thể lập thêm đảng bộ khối doanh nghiệp. Tỉnh, thành phố có yêu cầu lập đảng bộ khối khác với

quy định này phải được Bộ Chính trị đồng ý, sau đó tỉnh ủy, thành ủy quyết định.

c) Ở Trung ương: Lập các đảng bộ khối cơ quan Trung ương trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương.

Đảng bộ khối các cơ quan trung ương được tổ chức theo các đơn vị cùng ngành hoặc các ngành có quan hệ với nhau về nhiệm vụ chính trị được giao. Đảng ủy khối là cơ quan lãnh đạo của đảng bộ giữa hai kỳ đại hội của đảng bộ, có cơ quan chuyên trách và cán bộ chuyên trách giúp việc.

d) Bộ Chính trị quyết định lập các đảng bộ trực thuộc Trung ương, căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ của các đảng ủy trực thuộc Trung ương. Ban Tổ chức Trung ương giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý về hoạt động, hướng dẫn về tổ chức và biên chế cơ quan tham mưu giúp việc của các đảng ủy trực thuộc Trung ương.

14.2- Điều 21 (điểm 5): Việc lập cơ cấu tổ chức ở các cơ sở đảng có đặc điểm khác nhau:

a) Ở những đơn vị cơ sở chưa đủ 30 đảng viên (gồm đảng viên chính thức và đảng viên dự bị) nhưng có yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phù hợp với tình hình, đặc điểm của các đơn vị đó (là đơn vị có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội ở các cơ quan trung ương, trường đại học, doanh nghiệp lớn, xã, phường có số dân đông...) thì cấp ủy từ cấp huyện và tương đương trở lên có thể xem xét, quyết định cho lập đảng bộ cơ sở.

b) Ở một số khoa của trường đại học; một số phân xưởng, xí nghiệp trực thuộc của doanh nghiệp; một số thôn, xóm, ấp, bản, cụm dân cư ở xã, phường... có hơn 30 đảng

viên, do tình hình thực tế và yêu cầu chỉ đạo không thể tách ra nhiều chi bộ, nếu được cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đồng ý, thì đảng ủy cơ sở ra quyết định thành lập chi bộ trực thuộc. Chi bộ có từ 30 đảng viên trở lên chia thành nhiều tổ đảng.

Tổ đảng có nhiệm vụ quản lý, giáo dục, hướng dẫn và giúp đỡ đảng viên sản xuất, công tác và học tập, lãnh đạo quần chúng thực hiện nghị quyết của Đảng và pháp luật Nhà nước, hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị; tuyên truyền vận động quần chúng vào Đảng. Tổ đảng sinh hoạt ít nhất mỗi tháng một lần.

c) Ở một số tổ chức cơ sở đảng có đông đảng viên có thể được lập đảng bộ bộ phận. Đảng ủy bộ phận trực thuộc đảng ủy cơ sở và là cấp trên của các chi bộ, sinh hoạt thường kỳ một tháng một lần, có nhiệm vụ đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của đảng ủy cơ sở ở các chi bộ, thẩm định nghị quyết của chi bộ về kết nạp đảng viên, về thi hành kỷ luật, khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên để đề đạt ý kiến với đảng ủy cơ sở. Đảng ủy bộ phận không quyết định các vấn đề về tổ chức, cán bộ, không có con dấu. Việc lập chi bộ trực thuộc do đảng ủy bộ phận đề nghị, đảng ủy cơ sở quyết định. Nhiệm kỳ của đảng ủy bộ phận như nhiệm kỳ của đảng ủy cơ sở.

14.3- Điều 13 (điểm 5): Việc lập đảng bộ, chi bộ:

Khi có yêu cầu và có đủ điều kiện như quy định tại Điều 21, Điều 24 Điều lệ Đảng thì cấp ủy cấp trên trực tiếp của đảng bộ, chi bộ quyết định việc lập đảng bộ, chi bộ, chỉ định cấp ủy, chi ủy lâm thời, ủy ban kiểm tra lâm thời; chỉ đạo việc chuẩn bị tiến hành đại hội bầu đảng ủy, chi ủy chính thức và

ủy ban kiểm tra chính thức theo quy định tại điểm 5, Điều 13 Điều lệ Đảng và báo cáo cấp ủy cấp trên.

14.4- Điều 10 (điểm 3): Việc giải thể đảng bộ, chi bộ:

Chỉ giải thể một đảng bộ, chi bộ khi đảng bộ, chi bộ đó đã làm xong nhiệm vụ hoặc không còn phù hợp về mặt tổ chức.

Cấp ủy nào có thẩm quyền quyết định thành lập thì cấp ủy đó có thẩm quyền ra quyết định giải thể đảng bộ, chi bộ trực thuộc và báo cáo cấp ủy cấp trên trực tiếp.

14.5- Điều kiện để đảng ủy cơ sở được giao quyền cấp trên cơ sở.

Chỉ giao quyền cấp trên cơ sở cho đảng ủy cơ sở ở cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang (mà cấp trên trực tiếp là tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương) khi có đủ các điều kiện sau đây: Có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh; có nhiều đơn vị thành viên là tổ chức cơ sở trong cùng một đơn vị chính quyền hoặc cơ quan quản lý; có số lượng khoảng từ bốn trăm đảng viên trở lên.

Sau khi thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương, tỉnh, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương quyết định việc giao quyền cấp trên cơ sở cho đảng ủy cơ sở. Đảng bộ mà đảng ủy được giao quyền cấp trên cơ sở có chức năng, nhiệm vụ như chức năng, nhiệm vụ của loại hình cơ sở đó. Căn cứ tình hình cụ thể, các tỉnh, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương có thể giao thêm cho đảng ủy cơ sở được giao quyền một số quyền sau:

a) Được lập các cơ quan tham mưu giúp việc (ban tổ chức, ban tuyên giáo, cơ quan ủy ban kiểm tra, văn phòng đảng ủy).

b) Ban thường vụ được quyết định kết nạp, khai trừ đảng viên, khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên, phát thẻ đảng viên, chuyển sinh hoạt cho tổ chức đảng và đảng viên trực tiếp đến các đảng bộ cấp trên cơ sở.

c) Được quản lý hồ sơ, dữ liệu đảng viên.

d) Ban thường vụ mỗi tháng sinh hoạt một lần, đảng ủy sinh hoạt thường lệ 3 tháng một lần, họp bất thường khi cần.

15. Điều 11 (điểm 2): Quy định số lượng đại biểu và phân bổ đại biểu đi dự đại hội đại biểu đảng bộ các cấp

15.1- Số lượng đại biểu Đại hội toàn quốc của Đảng do Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

15.2- Số lượng đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ các cấp do cấp ủy cấp triệu tập đại hội quyết định theo chỉ thị của Bộ Chính trị trước khi tiến hành đại hội. Cấp ủy triệu tập đại hội phân bổ số lượng đại biểu cho các đảng bộ trực thuộc căn cứ vào số lượng đảng viên, số lượng đảng bộ trực thuộc, vị trí quan trọng của từng đảng bộ.

15.3- Đại biểu dự đại hội đại biểu các cấp gồm các ủy viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội đang sinh hoạt tại đảng bộ, các đại biểu do đại hội đại biểu đảng bộ, chi bộ trực thuộc bầu và đại biểu được chỉ định theo quy định tại điểm 4, Điều 11 của Điều lệ Đảng.

15.4- Khi bầu đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên, danh sách bầu cử lập một danh sách chung; bầu đại biểu chính thức trước, số còn lại bầu đại biểu dự khuyết. Trường hợp bầu đại biểu chính thức đã lấy đủ số lượng mà vẫn còn một số đại biểu được số phiếu trên một nửa so với tổng số đại biểu hoặc tổng số đảng viên được triệu tập, thì đại

biểu dự khuyết lấy trong số các đồng chí đó theo số phiếu bầu từ cao đến thấp. Nếu vẫn chưa bầu đủ số lượng đại biểu dự khuyết theo quy định, có bầu nữa hay không là do đại hội quyết định.

Danh sách bầu cử lần sau có giới thiệu bổ sung đại biểu ngoài danh sách bầu cử lần thứ nhất hay không là do đại hội quyết định.

15.5- Việc chuyển đại biểu dự khuyết thành đại biểu chính thức do ban thường vụ cấp ủy cấp triệu tập đại hội (ở Trung ương là Bộ Chính trị) quyết định. Việc chuyển đại biểu này phải được ban thẩm tra tư cách đại biểu đại hội xem xét và báo cáo đại hội thông qua. Đại biểu dự khuyết được chuyển thành đại biểu chính thức ở mỗi đảng bộ theo thứ tự số phiếu bầu từ cao xuống thấp ở đại hội đại biểu đảng bộ đó. Trường hợp bằng phiếu nhau thì lấy người có tuổi đảng cao hơn.

15.6- Sau khi trúng cử, đại biểu chính thức chuyển công tác và sinh hoạt đảng đến đơn vị mới, nhưng tổ chức đảng ở đơn vị mới đó vẫn trực thuộc cấp ủy cấp triệu tập đại hội thì đại biểu đó vẫn được triệu tập đến dự đại hội, cấp ủy nơi có đại biểu chính thức chuyển đi đảng bộ khác không cử đại biểu dự khuyết thay thế; nếu đại biểu đó đã chuyển đến đơn vị mới mà tổ chức đảng ở đơn vị mới đó không trực thuộc cấp ủy cấp triệu tập đại hội thì tổ chức đảng ở đơn vị đó được chuyển đại biểu dự khuyết thành chính thức để thay thế.

Trường hợp đại biểu chính thức (do bầu cử) xin rút mà được cấp ủy triệu tập đại hội đồng ý, thì được cử đại biểu dự khuyết thay thế.

15.7- Trường hợp đại hội cấp dưới bầu không đủ số lượng đại biểu chính thức được phân bổ, cấp ủy không được cử đại biểu dự khuyết thay thế số đại biểu chính thức do bầu không đủ.

Cấp ủy viên cấp triệu tập đại hội vắng mặt suốt thời gian đại hội, đại biểu chính thức bị bác tư cách thì không cử đại biểu dự khuyết thay thế.

Đại biểu chính thức vắng mặt suốt thời gian đại hội mà không có đại biểu dự khuyết thay thế thì không tính vào tổng số đại biểu được triệu tập dự đại hội khi tính kết quả bầu cử.

Trường hợp đặc biệt, ở đảng bộ đã bầu xong đại biểu lại có quyết định tách đảng bộ đó thành một số đảng bộ mới, thì cấp ủy triệu tập đại hội có thể quyết định bầu bổ sung một số đại biểu cho các đảng bộ mới đó phù hợp với quy định tại điểm 2, Điều 11 của Điều lệ Đảng về phân bổ đại biểu cho các đảng bộ trực thuộc.

15.8- Trường hợp đảng bộ, chi bộ đã tổ chức đại hội bầu đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên, nhưng do yêu cầu chia tách, đảng bộ, chi bộ đó được chuyển về một đảng bộ mới và đảng bộ mới chưa tiến hành đại hội, thì cấp ủy triệu tập đại hội có trách nhiệm triệu tập số đại biểu của đảng bộ, chi bộ mới chuyển về và tính vào tổng số đại biểu được triệu tập của đại hội.

16. Điều 11 (điểm 1, 2): Nhiệm vụ của cấp ủy triệu tập đại hội

Cấp ủy triệu tập đại hội có nhiệm vụ:

a) Chuẩn bị dự thảo các báo cáo, các vấn đề về nhân sự đại biểu, đề án nhân sự cấp ủy, ủy ban kiểm tra và kế hoạch tổ chức đại hội.

b) Tiếp nhận đơn ứng cử vào cấp ủy của đảng viên chính thức không phải là đại biểu chính thức của đại hội (gửi đến cấp ủy trước khi đại hội chính thức khai mạc chậm nhất là 15 ngày) để đoàn chủ tịch đại hội báo cáo đại hội xem xét, quyết định.

c) Quyết định và thông báo thời gian khai mạc đại hội trước 30 ngày, thông báo số lượng đại biểu và phân bổ đại biểu cho các đảng bộ trực thuộc; chỉ đạo việc bầu cử đại biểu bảo đảm đúng nguyên tắc, thủ tục quy định.

d) Cung cấp tài liệu cho ban thẩm tra tư cách đại biểu về tình hình, kết quả bầu cử đại biểu và những vấn đề có liên quan đến tư cách đại biểu.

đ) Cung cấp tài liệu cho đoàn chủ tịch đại hội để trả lời các vấn đề do đại biểu đại hội yêu cầu.

e) Chỉ đạo các mặt công tác thường xuyên của đảng bộ cho đến khi bầu được cấp ủy mới.

g) Chuẩn bị tài liệu cho cấp ủy khóa mới để bầu các chức danh lãnh đạo của cấp ủy trong phiên họp thứ nhất.

17. Điều 11 (điểm 4): Chỉ định đại biểu tham dự đại hội đại biểu đảng bộ các cấp

Việc chỉ định đại biểu chỉ thực hiện đối với tổ chức đảng ở các đơn vị hoạt động trong điều kiện đặc biệt.

Các tổ chức đảng hoạt động trong điều kiện đặc biệt là tổ chức đảng hoạt động ở ngoài nước; tổ chức đảng hoạt động

phân tán, đang làm nhiệm vụ chiến đấu hoặc không thể mở đại hội được.

Cấp ủy triệu tập đại hội được chỉ định một số đại biểu ở các đảng bộ, chi bộ đó phù hợp với tính chất, đặc điểm, số lượng đảng viên ở các đơn vị đó.

18. Điều 11, Điều 12: Các tổ chức điều hành và giúp việc đại hội

18.1- Điều 11 (điểm 7), Điều 12 (điểm 3): Đoàn chủ tịch đại hội.

a) Đoàn chủ tịch đại hội là cơ quan điều hành công việc của đại hội, làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo đa số. Cấp ủy triệu tập đại hội đề xuất để đại hội biểu quyết về số lượng thành viên đoàn chủ tịch, sau đó giới thiệu để đại hội biểu quyết danh sách đoàn chủ tịch. Đại hội chi bộ biểu quyết danh sách đoàn chủ tịch hoặc chủ tịch đại hội.

b) Đoàn chủ tịch đại hội có nhiệm vụ:

- Điều hành công việc của đại hội theo chương trình, quy chế làm việc đã được đại hội biểu quyết thông qua; phân công thành viên điều hành các phiên họp của đại hội; chuẩn bị nội dung để đại hội thảo luận, biểu quyết; lãnh đạo, điều hành các hoạt động của đại hội.

- Điều hành việc bầu cử theo quy định của Bộ Chính trị.

18.2- Điều 11 (điểm 5): Ban thẩm tra tư cách đại biểu của đại hội.

a) Thành viên của ban thẩm tra tư cách đại biểu của đại hội phải là những đại biểu chính thức của đại hội,

am hiểu về công tác tổ chức, cán bộ và công tác kiểm tra. Cấp ủy triệu tập đại hội giới thiệu, đại hội biểu quyết số lượng và danh sách ban thẩm tra tư cách đại biểu. Đại hội đảng viên không bầu ban thẩm tra tư cách đại biểu; cấp ủy triệu tập đại hội báo cáo với đại hội tình hình đảng viên tham dự đại hội.

b) Nhiệm vụ của ban thẩm tra tư cách đại biểu:

- Xem xét báo cáo của cấp ủy về việc chấp hành nguyên tắc, thủ tục, tình hình và kết quả bầu cử đại biểu; những vấn đề có liên quan đến tư cách đại biểu.

- Xem xét, kết luận các đơn, thư khiếu nại, tố cáo về tư cách đại biểu do cấp ủy các cấp giải quyết; báo cáo với đoàn chủ tịch để trình đại hội xem xét, quyết định về những trường hợp không được công nhận tư cách đại biểu, những trường hợp có đơn xin rút khỏi danh sách đại biểu và việc chuyển đại biểu dự khuyết lên chính thức đã được triệu tập.

- Báo cáo với đại hội kết quả thẩm tra tư cách đại biểu để đại hội xem xét, biểu quyết công nhận.

18.3- Điều 11 (điểm 7): Đoàn thư ký đại hội.

a) Đoàn thư ký đại hội gồm những đại biểu chính thức (đối với đại hội đại biểu) hoặc đảng viên chính thức (đối với đại hội đảng viên). Cấp ủy triệu tập đại hội đề xuất, giới thiệu để đại hội biểu quyết về số lượng, danh sách đoàn thư ký và trưởng đoàn thư ký. Ở đại hội chi bộ thì chi ủy hoặc bí thư chi bộ đề xuất, giới thiệu để đại hội biểu quyết. Trưởng đoàn thư ký có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên, chịu trách nhiệm trước đoàn chủ tịch về nhiệm vụ của đoàn thư ký.

b) Nhiệm vụ của đoàn thư ký:

- Ghi biên bản tổng hợp ý kiến thảo luận, dự thảo các văn bản kết luận, nghị quyết của đại hội.

- Quản lý và phát hành tài liệu, ấn phẩm của đại hội theo sự chỉ đạo của đoàn chủ tịch. Thu nhận, bảo quản và gửi đến cấp ủy khóa mới đầy đủ hồ sơ, tài liệu, ấn phẩm của đại hội.

18.4- Điều 12 (điểm 3): Ban kiểm phiếu.

a) Ban kiểm phiếu gồm những đại biểu chính thức (đối với đại hội đại biểu), đảng viên chính thức (đối với đại hội đảng viên) trong đại hội không có tên trong danh sách bầu cử. Đoàn chủ tịch (hoặc chủ tịch) đại hội đề xuất, giới thiệu, đại hội biểu quyết số lượng, danh sách thành viên ban kiểm phiếu và trưởng ban kiểm phiếu.

b) Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Hướng dẫn cách thức bỏ phiếu, phát phiếu, thu phiếu, kiểm phiếu bầu.

- Xem xét, kết luận các phiếu không hợp lệ và những ý kiến khiếu nại về việc bầu cử trong đại hội (nếu có).

- Lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử, kết quả trúng cử; niêm phong phiếu bầu và chuyển cho đoàn chủ tịch đại hội. Đoàn chủ tịch đại hội bàn giao cho cấp ủy khóa mới lưu trữ theo quy định (qua ban tổ chức của cấp ủy).

Nếu kiểm phiếu bằng máy vi tính, ban kiểm phiếu được sử dụng một số nhân viên kỹ thuật không phải là đại biểu đại hội.

Ngoài ban kiểm phiếu và nhân viên kỹ thuật được đại hội sử dụng làm nhiệm vụ kiểm phiếu, không ai được đến nơi ban kiểm phiếu đang làm việc.

18.5- Bộ Chính trị giao cho Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn cụ thể quy trình, thủ tục trong đại hội.

19. Về việc bầu cử trong Đảng

Thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.

20. Điều 12 (điểm 2), Điều 20 (điểm 2): Số lượng cấp ủy viên, số lượng ủy viên ban thường vụ và số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra của cấp ủy các cấp

Việc quy định số lượng cấp ủy viên, ủy viên thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra của cấp ủy mỗi cấp căn cứ vào nhiệm vụ chính trị, vị trí, đặc điểm của mỗi cấp, vào số lượng đơn vị trực thuộc và số lượng đảng viên của mỗi đảng bộ.

Số lượng ủy viên ban thường vụ cấp ủy mỗi cấp không quá một phần ba tổng số cấp ủy viên.

Trước mỗi kỳ đại hội đảng bộ các cấp, căn cứ vào nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị ra chỉ thị, Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn cụ thể về việc chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ các cấp, có quy định về số lượng (tối đa, tối thiểu) cấp ủy viên, ủy viên thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra của cấp ủy mỗi cấp. Trên cơ sở đó, cấp ủy từng cấp tiến hành công tác chuẩn bị nhân sự khóa mới trình đại hội đảng bộ cấp mình xem xét, quyết định số lượng cấp ủy viên trước khi tiến hành công tác bầu cử. Sau khi được bầu, cấp ủy khóa mới thảo luận và quyết định số lượng ủy viên thường vụ và số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra cấp mình trước khi tiến hành bầu cử các chức vụ đó theo quy định hiện hành.

21. Điều 13 (điểm 1): Cấp ủy khóa mới được điều hành công việc ngay sau khi được bầu

21.1- Hội nghị lần thứ nhất của cấp ủy khóa mới do đồng chí nguyên là bí thư hoặc phó bí thư khóa trước tái cử, hoặc đồng chí ủy viên thường vụ tái cử (nếu bí thư và phó bí thư khóa trước không tái cử) làm triệu tập viên, khai mạc và chủ trì cho đến khi bầu được đoàn chủ tịch hoặc chủ tịch hội nghị.

21.2- Sau khi cấp ủy khóa mới bầu xong, cấp ủy, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra điều hành ngay công việc của cấp ủy và ủy ban kiểm tra khóa mới; đồng chí bí thư cấp ủy được ký các văn bản với chức danh bí thư và nhận bàn giao từ cấp ủy khóa trước trong vòng 15 ngày. Sau khi có quyết định chuẩn y của cấp có thẩm quyền, các đồng chí có chức danh phó bí thư, ủy viên thường vụ, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra mới được ký chức danh trong các văn bản của đảng bộ.

22. Điều 13 (điểm 1), Điều 31 (điểm 1): Việc chuẩn y kết quả bầu cử cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, bí thư, phó bí thư, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra và ủy ban kiểm tra của cấp ủy các cấp

22.1- Cấp ủy khóa mới phải báo cáo lên cấp ủy cấp trên trực tiếp: các biên bản bầu cử ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm và phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra; danh sách trích ngang, sơ yếu lý lịch của từng thành viên theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

22.2- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả bầu cử của cấp dưới, cấp ủy cấp trên trực tiếp

chuẩn y ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư cấp ủy; các thành viên, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra.

22.3- Sau đại hội, nếu phát hiện thấy có sự vi phạm về tiêu chuẩn, nguyên tắc, thủ tục bầu cử thì cấp ủy cấp trên có quyền bác bỏ kết quả bầu cử của đại hội hoặc của cấp ủy cấp dưới, chỉ đạo tiến hành bầu lại; nếu thấy có một hoặc một số chức danh đã được bầu nhưng không bảo đảm nguyên tắc hoặc tiêu chuẩn quy định thì cấp ủy cấp trên có quyền không công nhận một hoặc một số chức danh đó.

23. Điều 13 (điểm 2): Việc bổ sung cấp ủy viên thiếu do cấp ủy đề nghị, cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định

23.1- Khi cần bổ sung cấp ủy viên thiếu, tập thể cấp ủy thảo luận, thống nhất đề nghị cấp ủy cấp trên về số lượng, nhân sự cụ thể để cấp ủy cấp trên ra quyết định. Trường hợp đặc biệt, nếu xét thấy cần, cấp ủy cấp trên có thể ra quyết định bổ sung số cấp ủy viên thiếu.

23.2- Việc bổ sung cấp ủy viên, ủy viên thường vụ, bí thư, phó bí thư là đảng viên trong đảng bộ, chi bộ, nói chung thực hiện theo quy trình: chỉ định vào ban chấp hành đảng bộ, ban chấp hành đảng bộ bầu vào các chức danh cần thiết.

23.3- Cấp ủy cấp trên trực tiếp có thể chỉ định đích danh đảng viên là cấp ủy viên cấp trên vào chức danh bí thư, phó bí thư, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra của cấp ủy cấp dưới.

23.4- Khi cần thiết, cấp ủy cấp trên có quyền điều động đảng viên từ đảng bộ khác chỉ định tham gia cấp ủy và giữ các chức vụ ủy viên thường vụ, phó bí thư, bí thư cấp ủy, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra.

24. Điều 13 (điểm 2): Việc chỉ định tăng thêm cấp ủy viên

Khi thật cần thiết, cấp ủy cấp dưới thảo luận thống nhất đề nghị cấp ủy cấp trên chỉ định tăng thêm một số cấp ủy viên cấp dưới. So với số lượng cấp ủy viên mà đại hội đã quyết định, số lượng cấp ủy viên chỉ định tăng thêm không được quá 10% đối với cấp quận, huyện và tương đương trở lên, không quá 20% đối với cấp cơ sở. Các trường hợp cụ thể khác, giao Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn.

25. Điều 13 (điểm 3): Việc điều động cấp ủy viên

Trường hợp đặc biệt, khi phải điều động quá một phần ba số cấp ủy viên do đại hội đã bầu thì phải được cấp ủy cấp trên cách một cấp đồng ý; nếu là cấp ủy viên của đảng bộ trực thuộc Trung ương thì do Bộ Chính trị quyết định.

26. Điều 13 (điểm 4), Điều 42 (điểm 2), Điều 43 (điểm 3): Việc thôi tham gia cấp ủy và thôi sinh hoạt đảng đoàn, ban cán sự đảng

26.1- Việc thôi tham gia cấp ủy của các đồng chí cấp ủy viên khi có quyết định nghỉ công tác để nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác:

a) Cấp ủy viên khi có thông báo nghỉ công tác để nghỉ hưu, nghỉ công tác chờ nghỉ hưu hoặc có quyết định thôi làm công tác quản lý thì thôi tham gia cấp ủy đương nhiệm (trường hợp thay đổi vị trí quản lý thì không áp dụng quy định này).

b) Cấp ủy viên tham gia nhiều cấp ủy, khi có thông báo nghỉ công tác để nghỉ hưu thì thôi tham gia các cấp ủy mà

đồng chí đó là thành viên; trường hợp chuyển công tác sang đảng bộ khác thì thôi tham gia các cấp ủy trong cùng đảng bộ mà đồng chí đó đã tham gia. Nếu đồng chí đó là thành viên của cấp ủy cấp trên mà nơi chuyển đến trong cùng đảng bộ thì vẫn là cấp ủy viên cấp ủy cấp trên.

26.2- Khi có thông báo bằng văn bản quyết định nghỉ công tác để nghỉ hưu hoặc chuyển sang công tác khác mà vị trí công tác mới không thuộc cơ cấu đảng đoàn, ban cán sự đảng, thì đồng chí ủy viên đảng đoàn, ban cán sự đảng thôi tham gia sinh hoạt đảng đoàn, ban cán sự đảng; cấp ủy cùng cấp chỉ định thành viên mới tham gia ban cán sự đảng, đảng đoàn.

27. Điều 14 (điểm 1): Lập các cơ quan tham mưu giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp ủy

27.1- Các đảng bộ trực thuộc Trung ương:

a) Cấp ủy tỉnh, huyện và tương đương được lập các cơ quan tham mưu giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp mình theo quy định sau:

- Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các cơ quan, đơn vị: văn phòng, ban tổ chức, cơ quan ủy ban kiểm tra, ban tuyên giáo, ban dân vận, trường chính trị và báo của đảng bộ tỉnh, thành phố.

- Cấp huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có các cơ quan, đơn vị: văn phòng, ban tổ chức, cơ quan ủy ban kiểm tra, ban tuyên giáo, ban dân vận, trung tâm bồi dưỡng chính trị.

- Đảng bộ khối trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy có các cơ quan: văn phòng, ban tổ chức, cơ quan ủy ban kiểm tra, ban tuyên giáo.

b) Các đảng bộ trực thuộc Trung ương được lập cơ quan tham mưu giúp việc, bao gồm: văn phòng, ban tổ chức, cơ quan ủy ban kiểm tra, ban tuyên giáo.

c) Nơi có yêu cầu lập cơ quan tham mưu giúp việc, đơn vị sự nghiệp, khác với quy định trên thì phải báo cáo Bộ Chính trị, Bộ Chính trị đồng ý mới được lập.

Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, định kỳ báo cáo Ban Bí thư về tổ chức bộ máy và biên chế của các cơ quan tham mưu giúp việc, đơn vị sự nghiệp nêu trên. Các ban và cơ quan của Đảng ở Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn hoạt động của các cơ quan tham mưu giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp ủy địa phương.

d) Cơ quan tham mưu giúp việc, của các cấp ủy trong Đảng bộ Quân đội là cơ quan chính trị, trong Đảng bộ Công an là cơ quan xây dựng lực lượng theo quy định của Bộ Chính trị.

27.2- Việc thành lập và giải thể cơ quan tham mưu giúp việc, đơn vị sự nghiệp của Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương quyết định. Ban Tổ chức Trung ương giúp Trung ương hướng dẫn, kiểm tra và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của các cơ quan tham mưu giúp việc, đơn vị sự nghiệp của Trung ương.

27.3- Tổ chức, bộ máy và biên chế của cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội (Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam): ở cấp Trung ương, giao Ban Tổ chức Trung ương quản lý; ở cấp tỉnh, cấp huyện,

giao ban tổ chức tỉnh ủy, thành ủy quản lý, định kỳ báo cáo Ban Bí thư (qua Ban Tổ chức Trung ương).

28. Điều 18 (điểm 3), Điều 22 (điểm 3): Về đại hội bất thường ở các cấp

Khi có trên một nửa số ủy viên ban chấp hành đảng bộ đồng ý bằng phiếu kín, hoặc có trên một nửa số tổ chức đảng trực thuộc nhất trí và được ban thường vụ cấp ủy cấp trên đồng ý mới triệu tập đại hội bất thường; đối với đảng bộ trực thuộc Trung ương phải được Bộ Chính trị đồng ý.

Điều kiện để tổ chức đại hội bất thường là có thay đổi lớn về chủ trương, nhiệm vụ so với nghị quyết đại hội đề ra; có thay đổi lớn về nhân sự chủ chốt của cấp ủy; do nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng hoặc hầu hết cấp ủy viên bị xử lý kỷ luật.

29. Điều 21 (điểm 1): Điều kiện để thành lập chi bộ cơ sở đối với chi bộ trực thuộc đảng ủy được giao quyền cấp trên cơ sở

Ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, chi bộ trực thuộc đảng ủy được giao quyền cấp trên cơ sở, được xác định là chi bộ cơ sở phải có các điều kiện sau đây: đơn vị có từ 3 đảng viên chính thức trở lên hoặc có dưới 30 đảng viên, có các tổ đảng trực thuộc; chính quyền cùng cấp phải là đơn vị hạch toán độc lập, có con dấu, tài khoản riêng, có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh, do cấp ủy trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định cụ thể.

Đối với Đảng bộ Quân đội và Đảng bộ Công an có quy định riêng.

30. Điều 22 (điểm 6): Sinh hoạt định kỳ của đảng bộ cơ sở

Đảng bộ cơ sở họp thường lệ mỗi năm hai lần vào dịp đánh giá công tác 6 tháng đầu năm và tổng kết công tác cuối năm, họp bất thường khi cần.

Nội dung sinh hoạt đảng bộ: Báo cáo kết quả hoạt động của đảng bộ, của đảng ủy trong thời gian qua, xác định nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới; phổ biến thông tin thời sự, chủ trương, chính sách, pháp luật mới của Đảng và Nhà nước; thông báo kết quả kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của đảng ủy đối với các chi bộ, đảng viên; giải đáp ý kiến phê bình, chất vấn của đảng viên và chi bộ.

Đối với đảng bộ cơ sở có đông đảng viên, hoạt động phân tán, địa bàn rộng, cấp ủy cơ sở căn cứ vào tình hình cụ thể để tổ chức sinh hoạt theo cụm, phân công cấp ủy viên phụ trách, bảo đảm nội dung sinh hoạt của đảng bộ như đã nêu trên.

31. Điều 23 (điểm 5): Đảng ủy cơ sở được ủy quyền quyết định kết nạp và khai trừ đảng viên

Các đảng bộ cơ sở ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang có trên 100 đảng viên và được công nhận đạt tiêu chuẩn đảng bộ trong sạch, vững mạnh, có thể được cấp ủy cấp trên trực tiếp xem xét, ra quyết định ủy quyền cho đảng ủy cơ sở quyền quyết định kết nạp đảng viên và thi hành kỷ luật khai trừ đảng viên.

Sau khi ủy quyền, cấp ủy cấp trên trực tiếp phải thường xuyên kiểm tra, nếu thấy đảng ủy cơ sở được ủy quyền không làm tốt nhiệm vụ theo quy định thì thu hồi quyết định đã ủy quyền.

32. Điều 24 (điểm 4): Việc bầu chi ủy, bí thư, phó bí thư chi bộ (kể cả chi bộ cơ sở)

Chi bộ có 9 đảng viên chính thức trở lên bầu chi ủy; chi bộ đông đảng viên bầu không quá 7 chi ủy viên. Chi bộ trực tiếp bầu chi ủy trước, sau đó bầu bí thư, bầu phó bí thư trong số chi ủy viên. Chi bộ có dưới 9 đảng viên bầu bí thư, nếu cần bầu phó bí thư.

Trường hợp chi bộ bầu đến lần thứ ba mà không có đồng chí nào đủ số phiếu trúng cử bí thư chi bộ, thì cấp ủy cấp trên căn cứ vào tình hình cụ thể của chi bộ để chỉ định một đồng chí trong số chi ủy viên hoặc đảng viên (nơi không có chi ủy) làm bí thư để điều hành hoạt động của chi bộ.

Khi thật cần thiết, cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định bí thư, phó bí thư, chi ủy viên.

33. Điều 27 (điểm 2): Đảng ủy quân khu

Đảng ủy quân khu gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân khu do đại hội cùng cấp bầu, các đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy trên địa bàn quân khu được Ban Bí thư chỉ định tham gia. Trường hợp thật cần thiết, Bộ Chính trị có thể chỉ định một số đồng chí khác có cơ cấu thích hợp tham gia đảng ủy quân khu.

Đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy và các đồng chí khác được Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ định tham gia đảng ủy quân khu thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của cấp ủy viên quân khu (trừ quyền ứng cử); thực hiện chế độ sinh hoạt theo quy chế làm việc của đảng ủy quân khu; tham gia đảng ủy quân khu từ khi được Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ

định và thôi tham gia đảng ủy quân khu khi thôi giữ chức vụ tương ứng.

Đảng ủy quân khu có nhiệm vụ lãnh đạo mọi mặt các đơn vị thuộc quyền; chỉ đạo, hướng dẫn cấp ủy địa phương xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân, công tác quân sự địa phương, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, chấp hành chính sách hậu phương quân đội; phối hợp với cấp ủy địa phương thực hiện đường lối, chính sách của Đảng trong quân khu.

Các cấp ủy địa phương có trách nhiệm lãnh đạo thực hiện nghị quyết của đảng ủy quân khu về nhiệm vụ quân sự - quốc phòng trong địa phương mình.

34. Điều 27 (điểm 3): Cơ quan chính trị cấp trên phối hợp với cấp ủy địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng vũ trang địa phương

Cơ quan chính trị cấp nào đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng ở cấp đó, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng cùng cấp và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên.

Cơ quan chính trị quân khu phối hợp với tỉnh ủy, thành ủy; cơ quan chính trị thuộc bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố phối hợp với huyện ủy, quận ủy; cơ quan chính trị thuộc ban chỉ huy quân sự huyện, quận phối hợp với đảng ủy (chi ủy) xã, phường, thị trấn để chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng vũ trang địa phương.

35. Điều 27 (điểm 4): Chỉ định đồng chí bí thư cấp ủy và một số đồng chí ngoài đảng bộ quân sự địa phương tham gia đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là tỉnh, huyện)

35.1- Sau mỗi kỳ đại hội đảng bộ địa phương (tỉnh, huyện), khi cấp ủy địa phương khóa mới đã kiện toàn và được cấp ủy cấp trên chuẩn y, các đồng chí cấp ủy viên là bí thư cấp ủy, chủ tịch ủy ban nhân dân, được ban thường vụ cấp ủy địa phương (tỉnh, huyện) chỉ định tham gia đảng ủy quân sự cùng cấp. Đồng chí bí thư cấp ủy địa phương trực tiếp làm bí thư đảng ủy quân sự cùng cấp.

Các đồng chí được ban thường vụ cấp ủy địa phương chỉ định tham gia đảng ủy quân sự thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của cấp ủy viên (trừ quyền ứng cử); thực hiện chế độ sinh hoạt theo quy chế làm việc của đảng ủy quân sự; tham gia đảng ủy quân sự từ khi được ban thường vụ cấp ủy địa phương chỉ định và thôi tham gia đảng ủy quân sự khi thôi giữ chức vụ bí thư cấp ủy, chủ tịch ủy ban nhân dân.

35.2- Ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có bộ đội biên phòng thì tổ chức đảng bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của tỉnh ủy, thành ủy, đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng ủy bộ đội biên phòng cấp trên.

Cơ quan chính trị bộ đội biên phòng cấp nào đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng ở cấp mình dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng bộ đội biên phòng cùng cấp, sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên, sự hướng dẫn,

kiểm tra về nghiệp vụ của các ban đảng thuộc cấp ủy địa phương cùng cấp.

Cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phân công đồng chí phó bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân phụ trách đảng ủy bộ đội biên phòng.

36. Điều 28 (điểm 1, điểm 4): Quan hệ giữa Đảng ủy Công an Trung ương với tỉnh ủy, thành ủy và cơ quan xây dựng lực lượng công an nhân dân

36.1- Điều 28 (điểm 1): Quan hệ giữa Đảng ủy Công an Trung ương với tỉnh ủy, thành ủy.

Quan hệ giữa Đảng ủy Công an Trung ương với tỉnh ủy, thành ủy là quan hệ phối hợp trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an nhân dân ở tỉnh, thành phố.

Bộ Chính trị ủy nhiệm cho Đảng ủy Công an Trung ương khi cần thiết triệu tập các đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy để truyền đạt những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực bảo đảm an ninh, chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an nhân dân.

36.2- Điều 28 (điểm 4): Về cơ quan xây dựng lực lượng công an nhân dân.

Cơ quan xây dựng lực lượng công an mỗi cấp đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng trong công an cấp mình; hoạt động dưới sự lãnh đạo của cấp ủy công an cùng cấp, sự chỉ đạo của cơ quan xây dựng lực lượng cấp trên, sự hướng dẫn và kiểm tra về nghiệp vụ của các ban đảng của cấp ủy cùng cấp; tham mưu giúp cấp ủy công an

cùng cấp trong việc phối hợp với cấp ủy địa phương cấp dưới lãnh đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng công an địa phương cấp dưới.

37. Điều 29 (điểm 1): Nhiệm vụ tham mưu của các đảng ủy công an đối với cấp ủy địa phương cùng cấp

Tổ chức đảng trong công an nhân dân không có hệ thống dọc từ Trung ương đến các đơn vị cơ sở của công an nhân dân địa phương.

Cấp ủy đảng công an địa phương cấp nào có nhiệm vụ tham mưu giúp cấp ủy địa phương cấp đó lãnh đạo các ngành, các cấp ở địa phương thực hiện nghị quyết của đảng ủy công an cấp trên về giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; lãnh đạo xây dựng lực lượng công an nhân dân ở địa phương.

38. Điều 29 (điểm 2): Việc phân công đồng chí phó bí thư cấp ủy địa phương phụ trách đảng ủy công an cùng cấp

Các tỉnh ủy, thành ủy, huyện ủy, quận ủy, thị ủy phân công đồng chí phó bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân phụ trách đảng ủy công an cùng cấp.

Đồng chí phó bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân được phân công phụ trách đảng ủy công an địa phương cùng cấp thường xuyên nắm chắc tình hình mọi mặt của cấp ủy công an; chịu trách nhiệm trước cấp ủy địa phương về hoạt động của cấp ủy công an; tham gia cùng cấp ủy địa phương lãnh đạo kiện toàn cấp ủy công an; trực tiếp tham dự các hội nghị quan trọng của cấp ủy công an để truyền đạt ý kiến chỉ đạo của

cấp ủy địa phương đối với cấp ủy công an về những vấn đề có liên quan đến giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an nhân dân ở địa phương.

Định kỳ hằng tháng hoặc đột xuất, cấp ủy công an báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của đồng chí phó bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân phụ trách về những vấn đề liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an nhân dân ở địa phương trước khi báo cáo xin ý kiến cấp ủy địa phương.

39. Điều 30: Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng

39.1- Các cấp ủy, tổ chức đảng, chi bộ, đảng ủy bộ phận, đảng ủy cơ sở; cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên; ủy ban kiểm tra, các ban đảng, văn phòng cấp ủy vừa phải tiến hành công tác kiểm tra, giám sát cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới, vừa chịu sự kiểm tra, giám sát của Đảng; đồng thời phải chịu sự giám sát của nhân dân.

Tổ chức đảng cấp trên được quyền giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên; đảng viên không được tự ý giám sát, chỉ được tham gia giám sát theo sự phân công của tổ chức đảng có thẩm quyền.

39.2- Các cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng.

Cấp ủy, trước hết là ban thường vụ cấp ủy xây dựng và chỉ đạo các tổ chức đảng cấp dưới xây dựng phương hướng, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát trong từng thời gian; chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện; nghe báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy chế làm việc; giải quyết những kiến nghị của các tổ chức đảng cấp

dưới về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; lãnh đạo, chỉ đạo về tổ chức và hoạt động của ủy ban kiểm tra; xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kiểm tra.

Ban hành, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định về thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng của cấp mình theo thẩm quyền; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng của đảng bộ mình; đề xuất với cấp có thẩm quyền về những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành các hướng dẫn mới về nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng cho phù hợp; xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy chế phối hợp giữa ủy ban kiểm tra với các tổ chức đảng có liên quan trong việc kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; có chương trình, kế hoạch và trực tiếp tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy cấp trên và cấp mình; kiểm tra, giám sát việc ra các quyết định và tổ chức thực hiện các quyết định của cấp ủy cấp mình và cấp dưới.

Các cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đảng thuộc phạm vi quản lý của mình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng; tiến hành các mặt công tác kiểm tra, giám sát khi cần thiết.

39.3- Các ban của cấp ủy có trách nhiệm kiểm tra, giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên (kể cả đảng viên là thành viên của tổ chức mình) thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách; giúp cấp ủy kiểm tra, giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên trong việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng thuộc lĩnh vực

công tác do ban mình phụ trách; kiểm tra, giám sát những nội dung theo nhiệm vụ cấp ủy giao.

Các ban sử dụng bộ máy của mình để kiểm tra, giám sát hoặc phối hợp với ủy ban kiểm tra và các ban khác của cấp ủy (theo sự chỉ đạo của cấp ủy) để tiến hành công tác kiểm tra, giám sát.

39.4- Đảng đoàn, ban cán sự đảng căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quy chế làm việc của mình và tình hình thực tế trong từng thời gian để tiến hành kiểm tra việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

39.5- Các tổ chức đảng ở cơ sở kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật Nhà nước ở cơ sở mình. Chi bộ kiểm tra, giám sát đảng viên trong việc chấp hành Điều lệ Đảng, nghị quyết của chi bộ, việc thực hiện nhiệm vụ do chi bộ phân công và việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

40. Điều 31: Tổ chức ủy ban kiểm tra

40.1- Ủy ban kiểm tra các cấp được thành lập từ đảng ủy cơ sở trở lên, do cấp ủy cùng cấp bầu, gồm một số đồng chí trong cấp ủy và một số đồng chí ngoài cấp ủy.

Các thành viên của Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoạt động chuyên trách, ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy, Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương; quận ủy, huyện ủy, thị ủy, thành ủy (thuộc tỉnh, thành ủy) và tương đương có thành viên kiêm nhiệm là trưởng ban hoặc phó trưởng ban tổ chức cấp ủy là cấp ủy viên, chánh thanh tra cùng cấp (nếu có).

40.2- Số lượng thành viên ủy ban kiểm tra các cấp thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn về tổ chức bộ máy của cơ quan ủy ban kiểm tra cấp dưới.

40.3- Ủy ban kiểm tra cấp trên hướng dẫn tổ chức đảng cấp dưới về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; chỉ đạo, hướng dẫn ủy ban kiểm tra cấp dưới về nghiệp vụ chuyên môn.

41. Điều 32 (điểm 4): Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên

41.1- Cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

41.2- Đảng viên phải nêu cao tinh thần dân chủ trong tự phê bình và phê bình; khi báo cáo với Đảng, Nhà nước những việc làm sai trái của tập thể hoặc cá nhân, phải phản ánh đúng sự thật, ghi rõ họ, tên, địa chỉ; cung cấp những tài liệu có liên quan đến nội dung tố cáo mà mình nắm được, chịu trách nhiệm về nội dung tố cáo của mình và chỉ gửi đến tổ chức đảng và cá nhân có thẩm quyền giải quyết.

41.3- Tổ chức đảng phải bảo đảm quyền dân chủ của đảng viên và quần chúng trong việc giám sát, tố cáo, phản ánh về những tổ chức đảng hoặc đảng viên vi phạm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật Nhà nước; giữ bí mật cho người tố cáo; giải quyết dứt điểm và kịp thời các vụ việc bị tố cáo, chậm nhất là 90 ngày đối với cấp tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương trở xuống,

180 ngày đối với cấp trung ương; trường hợp hết thời hạn mà chưa giải quyết xong thì thông báo cho người tố cáo biết. Nghiêm cấm và kiên quyết xử lý những tổ chức, cá nhân truy tìm, trả thù, trù dập người tố cáo; không để người bị tố cáo chủ trì giải quyết tố cáo liên quan đến bản thân, không để người tố cáo chủ trì giải quyết nội dung do mình tố cáo.

41.4- Trường hợp tố cáo có liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp cần phối hợp giải quyết, thì cấp ủy chỉ đạo ủy ban kiểm tra chủ trì và phối hợp với các tổ chức đảng có liên quan để giải quyết. Những trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét, kết luận và thông báo thì người tố cáo phải chấp hành. Trường hợp người tố cáo vu khống thì tùy theo mức độ, tính chất, nguyên nhân mà xem xét, xử lý theo quy định của Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước.

41.5- Đơn, thư tố cáo không xem xét, giải quyết.

Không xem xét, giải quyết những đơn, thư tố cáo giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ hoặc những đơn, thư tố cáo có tên nhưng không có nội dung cụ thể, không có căn cứ thẩm tra, xác minh; những tố cáo đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét, kết luận mà người tố cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để làm rõ sự việc; những thư tố cáo không phải là bản do người tố cáo trực tiếp ký tên.

41.6- Tổ chức đảng và đảng viên bị tố cáo, khi được kiểm tra phải báo cáo trung thực, rõ ràng, đầy đủ, kịp thời với tổ chức đảng có thẩm quyền; được đưa ra những bằng chứng xác thực để chứng minh nội dung tố cáo không đúng.

Trong thời gian tổ chức đảng có thẩm quyền đang kiểm tra và chưa kết luận thì các quyền của đảng viên, của tổ chức đảng phải được bảo đảm.

42. Điều 34: Khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên

42.1- Hình thức khen thưởng trong Đảng:

a) Đối với tổ chức đảng: Biểu dương, tặng giấy khen, bằng khen, tặng cờ, tặng thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu vinh dự khác của Đảng và Nhà nước.

b) Đối với đảng viên: Biểu dương, tặng giấy khen, bằng khen, Huy hiệu Đảng 30 năm, 40 năm, 50 năm, 60 năm, 70 năm, 80 năm tuổi đảng, tặng thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu vinh dự khác của Đảng và Nhà nước.

42.2- Thẩm quyền khen thưởng:

a) Chi bộ: Biểu dương tổ đảng và đảng viên trong chi bộ.

b) Đảng ủy bộ phận: Biểu dương tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ.

c) Đảng ủy cơ sở: Quyết định công nhận chi bộ trong sạch, vững mạnh, biểu dương, khen thưởng, tặng giấy khen cho tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ.

d) Huyện ủy (và tương đương): Quyết định công nhận tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, tặng giấy khen cho tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ.

đ) Tỉnh ủy (và tương đương): Quyết định tặng bằng khen, tặng cờ cho tổ chức đảng, tặng Huy hiệu Đảng 30 năm, 40 năm, 50 năm, 60 năm, 70 năm, 80 năm tuổi đảng, bằng khen cho đảng viên trong đảng bộ.

e) Việc tặng thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu cao quý khác cho tổ chức đảng và đảng viên, thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và pháp luật về khen thưởng.

42.3- Tiêu chuẩn, đối tượng và thủ tục khen thưởng:

a) Tiêu chuẩn, đối tượng tặng Huy hiệu Đảng:

Những đảng viên hoạt động cách mạng lâu năm, giữ gìn được tư cách đảng viên, có đủ 30 năm, 40 năm, 50 năm, 60 năm, 70 năm, 80 năm tuổi đảng trở lên thì được tặng Huy hiệu Đảng. Đảng viên đã từ trần, nếu thời gian tham gia sinh hoạt đảng có đủ tuổi đảng như nêu trên thì được truy tặng Huy hiệu Đảng. Tại thời điểm xét tặng Huy hiệu Đảng, đảng viên bị kỷ luật về Đảng từ hình thức cảnh cáo trở lên thì chưa được xét tặng; sau sáu tháng (đối với kỷ luật cảnh cáo), một năm (đối với kỷ luật cách chức), nếu sửa chữa tốt khuyết điểm sẽ được xét tặng Huy hiệu Đảng. Đảng viên bị bệnh nặng có thể được xét tặng Huy hiệu Đảng sớm, nhưng thời gian xét tặng sớm không được quá một năm so với thời gian quy định.

b) Việc tặng giấy khen, bằng khen, tặng cờ đối với tổ chức đảng, tặng giấy khen, bằng khen đối với đảng viên và thủ tục xét tặng Huy hiệu Đảng, các hình thức khen thưởng khác ở trong Đảng thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

42.4- Giá trị tặng phẩm kèm theo các hình thức khen thưởng của Đảng:

- Tặng phẩm kèm theo các hình thức khen thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu cao quý khác thực hiện theo quy định chung của Nhà nước.

- Tặng phẩm kèm theo đối với đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng và các hình thức khen thưởng khác trong Đảng được quy định thống nhất, nguồn kinh phí được trích từ quỹ khen thưởng chung của các địa phương, ngành hoặc một

phần từ tài chính Đảng theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương.

43. Điều 35, Điều 36: Thi hành kỷ luật trong Đảng

43.1- Đảng viên vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật đều phải thi hành kỷ luật nghiêm minh; vi phạm đến mức khai trừ thì phải khai trừ, không áp dụng hình thức xóa tên; cấp ủy viên vi phạm đến mức cách chức thì phải cách chức, không để thôi giữ chức; đảng viên dự bị vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì áp dụng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo, không đủ tư cách thì xóa tên trong danh sách đảng viên.

43.2- Đảng viên bị cách chức vụ về Đảng thì cấp ủy quản lý đảng viên đó phải kịp thời chỉ đạo tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội có thẩm quyền, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đảng viên bị cách chức, phải xem xét, xử lý kỷ luật về chính quyền, đoàn thể (nếu có) theo quy định của cơ quan nhà nước và điều lệ của đoàn thể.

43.3- Chi bộ (gồm chi bộ cơ sở, chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở hoặc chi bộ trong đảng bộ bộ phận), đảng ủy cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đối với đảng viên sinh hoạt trong chi bộ (kể cả cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ do cấp trên giao). Đối với cấp ủy viên các cấp sinh hoạt tại chi bộ, từ ủy viên đảng ủy cơ sở cho đến ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý, nếu vi phạm nhiệm vụ do cấp trên giao, phải áp dụng hình thức kỷ luật

từ khiển trách trở lên thì chi bộ đề nghị lên cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

43.4- Đảng viên tham gia nhiều cấp ủy, vi phạm đến mức phải cách chức cấp ủy viên cấp cao nhất hoặc khai trừ thì do ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp của cấp ủy cao nhất mà đảng viên đó là thành viên quyết định; nếu cách chức cấp ủy viên cấp dưới thì do ban thường vụ cấp ủy quản lý đảng viên đó quyết định.

Trong một cấp ủy có ban thường vụ, nếu một đồng chí chỉ bị cách chức bí thư hoặc phó bí thư thì vẫn còn là ủy viên thường vụ; nếu cách chức ủy viên thường vụ thì vẫn còn là cấp ủy viên; khi bị cách chức cấp ủy viên thì đương nhiên không còn chức bí thư, phó bí thư, ủy viên thường vụ.

Đảng viên tham gia nhiều cấp ủy, giữ nhiều chức vụ, bị thi hành kỷ luật bằng hình thức cách chức một chức vụ đang giữ, thì cấp ủy có thẩm quyền phải xem xét đến các chức vụ khác, có thể cách chức hoặc cho thôi giữ một hoặc nhiều chức vụ khác.

43.5- Đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời vi phạm kỷ luật, thì cấp ủy nơi đảng viên sinh hoạt tạm thời có trách nhiệm xem xét, xử lý tới mức cảnh cáo. Nội dung xử lý kỷ luật thực hiện như quy định tại điểm 43.3 của Quy định này và phải thông báo với cấp ủy nơi đảng viên sinh hoạt chính thức biết. Trường hợp phải xử lý kỷ luật ở mức cao hơn, cấp ủy nơi đảng viên sinh hoạt tạm thời phải thông báo mức độ khuyết điểm để cấp ủy nơi quản lý chính thức đảng viên đó xem xét, xử lý; đồng thời báo cáo với cấp ủy cấp trên của tổ chức đảng nơi quản lý chính thức đảng viên đó biết và chỉ đạo việc xử lý theo đúng quy định của Điều lệ Đảng.

43.6- Ủy viên ủy ban kiểm tra không phải là cấp ủy viên thì việc thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo tiến hành như đối với cán bộ do cấp ủy cùng cấp quản lý; trường hợp cách chức, khai trừ thì do cấp ủy cùng cấp quyết định.

43.7- Việc biểu quyết để quyết định kỷ luật hoặc đề nghị kỷ luật phải thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín. Trường hợp biểu quyết mà không có hình thức kỷ luật nào đủ số phiếu cần thiết như quy định tại điểm 12.3 thì phải báo cáo đầy đủ kết quả bỏ phiếu lên cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Quyết định của cấp có thẩm quyền phải được chấp hành nghiêm chỉnh.

43.8- Đối với đảng viên là cấp ủy viên các cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp ủy các cấp quản lý đã nghỉ hưu, nếu có vi phạm trong thời gian đang công tác, sau này mới phát hiện được, thì việc thi hành kỷ luật thực hiện như đối với cán bộ đương chức; nếu vi phạm kỷ luật khi đã nghỉ hưu thì do tổ chức đảng quản lý đảng viên đó xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định của Điều lệ Đảng.

43.9- Cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp căn cứ nội dung, tính chất, mức độ tác hại và nguyên nhân vi phạm của đối tượng bị kỷ luật mà xem xét, quyết định thi hành kỷ luật bằng hình thức thích hợp theo thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm trước quyết định đó. Trường hợp cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp quyết định kỷ luật đảng viên oan, sai thì phải xem xét hủy bỏ quyết định đó; đồng thời phải kiểm điểm, rút kinh nghiệm, nếu đến mức phải xử lý kỷ luật thì cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên xem xét, xử lý kỷ luật.

44. Điều 39 (điểm 7): Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật trong Đảng

44.1- Cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ giải quyết khiếu nại kỷ luật trong Đảng; nếu ban thường vụ và ủy ban kiểm tra giải quyết thì sau khi giải quyết phải báo cáo với cấp ủy.

44.2- Khi giải quyết khiếu nại kỷ luật trong Đảng, đảng ủy cơ sở, ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên có thẩm quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật do tổ chức đảng cấp dưới quyết định. Trường hợp cần thay đổi hình thức kỷ luật với mức cao hơn, vượt quá thẩm quyền thì phải báo cáo lên cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Điều 36, Điều 37, Chương VIII, Điều lệ Đảng.

Ban thường vụ, ủy ban kiểm tra của đảng ủy cơ sở và đảng ủy bộ phận có trách nhiệm xem xét khiếu nại về kỷ luật đảng của đảng viên do chi bộ quyết định, nhưng không có quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật mà phải đề nghị đảng ủy cơ sở xem xét, quyết định.

44.3- Tổ chức đảng cấp trên chỉ giải quyết những khiếu nại về kỷ luật đảng do tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp quyết định kỷ luật hoặc đã giải quyết khiếu nại. Khi nhận được những khiếu nại vượt cấp thì tổ chức đảng cấp trên chuyển cho tổ chức đảng cấp dưới có thẩm quyền giải quyết.

Tổ chức đảng khi nhận được khiếu nại về kỷ luật đảng không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì chuyển cho các tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết, đồng thời báo cho người khiếu nại biết. Sau khi giải quyết, cơ quan chức năng phải thông báo kết quả cho người khiếu nại biết.

44.4- Ủy ban Kiểm tra Trung ương có trách nhiệm xem xét, đề xuất ý kiến giải quyết và chuẩn bị hồ sơ các vụ việc khiếu nại về kỷ luật đảng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

44.5- Việc giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng được tiến hành tuần tự từ ủy ban kiểm tra hoặc cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức đảng đã quyết định thi hành kỷ luật. Sau khi được giải quyết, nếu đảng viên hoặc tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật không đồng ý, có khiếu nại tiếp thì cấp trên nữa mới giải quyết, lần lượt cho đến Ban Chấp hành Trung ương. Những trường hợp khiếu nại cần trình Ban Chấp hành Trung ương giải quyết thì do Bộ Chính trị quyết định. Những trường hợp xử lý kỷ luật do Ban Chấp hành Trung ương quyết định, nếu có khiếu nại thì Ban Chấp hành Trung ương xem xét, giải quyết.

44.6- Khi nhận được khiếu nại kỷ luật, cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra phải thông báo cho tổ chức đảng hoặc người khiếu nại biết. Kể từ ngày nhận được khiếu nại, trong thời hạn 90 ngày đối với cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tương đương trở xuống, 180 ngày đối với cấp trung ương, cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra phải xem xét giải quyết, trả lời cho tổ chức đảng hoặc người khiếu nại biết.

Nghiêm cấm các hành vi cản trở, dìm bỏ không xem xét, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

44.7- Không giải quyết những trường hợp khiếu nại sau đây: quá thời hạn 30 ngày kể từ ngày tổ chức đảng, đảng viên nhận được quyết định kỷ luật; đã được cấp có thẩm quyền cao nhất xem xét, kết luận mà không có chứng cứ mới;

bị tòa án quyết định hình phạt từ cảnh cáo trở lên chưa được cơ quan pháp luật có thẩm quyền hủy bỏ bản án; cá nhân, tập thể và tổ chức đảng khiếu nại hộ cho tổ chức và người bị thi hành kỷ luật; khiếu nại khi chưa có quyết định kỷ luật của tổ chức đảng có thẩm quyền.

Trường hợp người bị thi hành kỷ luật có khiếu nại chưa được giải quyết mà đã qua đời thì tổ chức đảng vẫn phải xem xét, giải quyết.

45. Điều 40 (điểm 4): Việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng

45.1- Việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng nhằm ngăn chặn hành vi gây trở ngại cho việc xem xét, kết luận của tổ chức đảng có thẩm quyền, hoặc hành vi làm cho vi phạm trở nên nghiêm trọng hơn. Do đó, chỉ áp dụng trong các trường hợp sau:

- Đảng viên (kể cả cấp ủy viên) bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền quyết định truy tố, tạm giam; có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật Đảng mà có hành vi cụ thể cố ý gây trở ngại cho hoạt động của cấp ủy và công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng thì đình chỉ sinh hoạt đảng.

- Cấp ủy viên có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành vi gây trở ngại cho công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng hoặc bị khởi tố trở lên thì đình chỉ sinh hoạt cấp ủy.

- Tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật

Đảng mà có hành vi cụ thể cố ý gây trở ngại cho hoạt động của tổ chức đảng, cho công tác lãnh đạo và kiểm tra, kỷ luật của Đảng thì đình chỉ hoạt động.

45.2- Thời hạn đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp ủy, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng.

- Thời hạn đình chỉ sinh hoạt đảng đối với đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy đối với cấp ủy viên có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng là 90 ngày; trường hợp cần thiết phải gia hạn thì thời hạn đình chỉ kể cả gia hạn nhiều nhất không quá 180 ngày.

- Thời hạn đình chỉ hoạt động đối với tổ chức đảng nhiều nhất không quá 90 ngày.

- Thời hạn đình chỉ sinh hoạt đảng đối với đảng viên, cấp ủy viên bị truy tố, tạm giam; thời hạn đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên được tính theo thời hạn khởi tố, truy tố, thời hạn tạm giam (kể cả gia hạn nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành.

Đảng viên là thủ trưởng và tổ chức đảng của các cơ quan pháp luật có thẩm quyền, khi quyết định khởi tố, truy tố, tạm giam đối với công dân là đảng viên thì phải kịp thời thông báo bằng văn bản các quyết định nói trên đến cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra của cấp ủy quản lý đảng viên đó. Tổ chức đảng quản lý đảng viên bị tạm giam, truy tố cần chủ động quan hệ với tổ chức đảng và đảng viên là thủ trưởng cơ quan pháp luật (cơ quan điều tra, cơ quan kiểm sát, cơ quan xét xử), nắm chắc thời hạn bị tạm giam của đảng viên, không để bị kéo dài so với quy định của pháp luật.

45.3- Thẩm quyền đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp ủy, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng.

Tổ chức đảng nào có thẩm quyền khai trừ đảng viên, cách chức cấp ủy viên, giải tán tổ chức đảng thì tổ chức đảng đó có thẩm quyền đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng.

a) Đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên do chi bộ và đảng ủy cơ sở đề nghị, ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng hoặc đảng ủy cơ sở được ủy quyền quyết định. Đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý, chi bộ và đảng ủy cơ sở đề nghị, ban thường vụ cấp ủy quản lý cán bộ đó quyết định.

b) Đình chỉ sinh hoạt đảng hoặc đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên do chi bộ hoặc cấp ủy cùng cấp đề nghị, cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định. Nếu đảng viên tham gia nhiều cấp ủy thì cấp ủy phát hiện đảng viên có dấu hiệu vi phạm đề nghị, cấp ủy có thẩm quyền cách chức cấp ủy viên, khai trừ đảng viên đó quyết định.

c) Đình chỉ hoạt động của một tổ chức đảng do cấp ủy cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp ủy cấp trên cách một cấp quyết định. Đình chỉ hoạt động của một cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương do Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư quyết định và báo cáo với Ban Chấp hành Trung ương. Riêng đối với cấp ủy các cấp bị đình chỉ hoạt động, sau khi có quyết định đình chỉ, cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định một cấp ủy lâm thời để tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của cấp ủy đã bị đình chỉ hoạt động. Nếu cấp ủy bị đình chỉ hoạt động được quyết định trở lại hoạt động hoặc bị kỷ luật giải

tán và đã lập lại tổ chức đảng, thì cấp ủy lâm thời đương nhiên giải thể.

d) Khi có đủ căn cứ phải đình chỉ mà tổ chức đảng cấp dưới không đề nghị đình chỉ hoặc không đình chỉ và trong trường hợp cần thiết, thì tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên hoặc đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng. Quyết định đó được thông báo cho đảng viên, cấp ủy viên bị đình chỉ sinh hoạt, tổ chức đảng bị đình chỉ hoạt động và các tổ chức đảng có liên quan để chấp hành.

đ) Ủy ban kiểm tra của cấp ủy kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện việc đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp ủy, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng thuộc phạm vi quản lý của cấp ủy cấp mình; giúp cấp ủy làm các thủ tục đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp ủy, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng theo đúng quy định.

45.4- Trường hợp đặc biệt, đối với những vụ việc đang trong quá trình điều tra, kiểm tra, giám sát, nhận thấy cán bộ có dấu hiệu liên quan đến trách nhiệm cá nhân hoặc có những dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng, nếu để đương chức có trở ngại cho việc xem xét, kết luận, thì ngoài việc đã đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên hoặc đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định đình chỉ chức vụ trong Đảng (cả chức vụ bầu cử và chức vụ bổ nhiệm) mà cán bộ đó đang đảm nhiệm; đồng thời giao trách nhiệm cho ban cán sự đảng, đảng đoàn hoặc cấp ủy nơi quản lý cán bộ đó chỉ đạo tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp quyết định đình chỉ chức vụ về chính quyền,

đoàn thể theo thẩm quyền và theo quy định của Nhà nước, của tổ chức đó.

Sau khi kết thúc điều tra, kiểm tra, nếu cán bộ đó vi phạm pháp luật thì xử lý theo quy định của pháp luật; đồng thời phải xem xét, thi hành kỷ luật Đảng. Nếu cán bộ đó không vi phạm hoặc vi phạm không đến mức cách chức thì khôi phục lại chức vụ đã đình chỉ hoặc bố trí làm công tác khác.

Trường hợp tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội có thẩm quyền đình chỉ chức vụ về chính quyền hoặc đoàn thể đối với đảng viên, thì đảng viên là thủ trưởng hoặc tổ chức đảng trong cơ quan của đảng viên đó phải kịp thời thông báo cho ủy ban kiểm tra cùng cấp để ủy ban kiểm tra đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, quyết định việc đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp ủy hoặc đình chỉ chức vụ về Đảng mà đảng viên đó đang đảm nhiệm.

45.5- Trong thời gian đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, cấp ủy viên bị đình chỉ sinh hoạt cấp ủy, tổ chức đảng bị đình chỉ hoạt động, cán bộ bị đình chỉ chức vụ phải chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của tổ chức đảng có thẩm quyền (tường trình sự việc, tự kiểm điểm về những vi phạm, thực hiện các nhiệm vụ được giao...); được đề đạt ý kiến của mình với tổ chức đảng có thẩm quyền nhưng không được lấy danh nghĩa tổ chức đảng hoặc danh nghĩa cấp ủy viên, danh nghĩa chức vụ đã bị đình chỉ để điều hành công việc.

45.6- Tổ chức đảng có thẩm quyền phải nhanh chóng xem xét, kết luận rõ nội dung vi phạm của đảng viên, cấp ủy viên bị đình chỉ sinh hoạt, tổ chức đảng bị đình chỉ hoạt

động, cán bộ bị đình chỉ chức vụ để quyết định việc đảng viên, cấp ủy viên trở lại sinh hoạt, tổ chức đảng trở lại hoạt động, cán bộ trở lại chức vụ cũ hoặc bố trí làm việc khác và xem xét, xử lý kỷ luật bằng hình thức thích hợp cả về Đảng, về chính quyền, về các đoàn thể chính trị - xã hội. Trường hợp không thuộc thẩm quyền của mình thì phải chỉ đạo hoặc kiến nghị với các tổ chức đảng có thẩm quyền để xem xét, quyết định.

45.7- Khi đảng viên hết thời hạn bị tạm giam (kể cả gia hạn, nếu có), không còn bị cơ quan pháp luật truy tố, thì đảng viên là thủ trưởng và tổ chức đảng các cơ quan pháp luật (cơ quan điều tra, cơ quan kiểm sát, cơ quan xét xử) có trách nhiệm thông báo kịp thời bằng văn bản đến cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra của cấp ủy quản lý đảng viên đó để xem xét việc quyết định cho đảng viên trở lại sinh hoạt và xem xét, xử lý kỷ luật đảng theo mức độ vi phạm.

45.8- Trường hợp hết thời hạn tạm giam hoặc không bị tạm giam nhưng vẫn bị truy tố, xét xử thì chưa quyết định cho đảng viên trở lại sinh hoạt đảng. Khi đảng viên bị khởi tố, truy tố hoặc bị tạm giam, nếu tổ chức đảng có thẩm quyền kết luận rõ đảng viên đó có vi phạm đến mức phải xử lý thì phải chủ động xem xét, xử lý kỷ luật đảng, không nhất thiết phải chờ kết luận hoặc tuyên phạt của tòa án có thẩm quyền. Sau khi có bản án hoặc quyết định của tòa án, tổ chức đảng có thẩm quyền thi hành kỷ luật xem xét quyết định tăng nặng hoặc giảm nhẹ hình thức kỷ luật đảng đối với đảng viên vi phạm.

46. Điều 41 (điểm 2): Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ

46.1- Nguyên tắc quản lý cán bộ:

a) Đảng đề ra đường lối, chủ trương, chính sách, tiêu chuẩn, quy chế, quy định về công tác cán bộ và thông qua các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp để lãnh đạo các cấp, các ngành tổ chức thực hiện các quyết định của Đảng về cán bộ và công tác cán bộ.

b) Tập thể cấp ủy và tổ chức đảng có thẩm quyền thảo luận dân chủ và quyết định theo đa số những vấn đề về đường lối, chủ trương, chính sách, đánh giá, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật cán bộ. Khi ý kiến người đứng đầu khác ý kiến của tập thể cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị thì phải báo cáo lên cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm đề xuất và tổ chức thực hiện các quyết định của tập thể về cán bộ và công tác cán bộ trong lĩnh vực được phân công phụ trách.

d) Cá nhân đề xuất, cơ quan thẩm định, quyết định về cán bộ phải chịu trách nhiệm về đề xuất, thẩm định, quyết định của mình.

đ) Cán bộ, đảng viên phải chấp hành nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của cấp ủy, tổ chức đảng; cấp ủy cấp dưới

phải chấp hành quyết định của cấp ủy cấp trên về cán bộ và công tác cán bộ.

e) Mỗi cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm trực tiếp quản lý cán bộ (kể cả các đồng chí Ủy viên Trung ương) đang công tác, sinh hoạt trong tổ chức mình và chịu trách nhiệm trước cấp ủy, thủ trưởng cấp trên về cán bộ thuộc quyền quản lý của mình.

46.2- Quản lý cán bộ bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Tuyển chọn, bố trí, phân công, điều động và luân chuyển cán bộ, phân cấp quản lý cán bộ.

b) Đánh giá cán bộ.

c) Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ.

đ) Khen thưởng, kỷ luật cán bộ.

e) Thực hiện chế độ, chính sách cán bộ.

g) Kiểm tra, giám sát công tác cán bộ; giải quyết khiếu nại, tố cáo về cán bộ.

47. Điều 41 (điểm 3): Đảng giới thiệu cán bộ đủ tiêu chuẩn để ứng cử hoặc bổ nhiệm vào cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội

47.1- Tiêu chuẩn chung của cán bộ:

- Có tinh thần yêu nước sâu sắc, tận tuỵ phục vụ nhân dân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu thực hiện có kết quả đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng. Có ý thức

tổ chức kỷ luật. Trung thực, không cơ hội, gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm.

- Có trình độ hiểu biết về chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; có trình độ văn hóa, chuyên môn, đủ năng lực và sức khỏe để làm việc có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

47.2- Phân cấp việc giới thiệu cán bộ để bầu hoặc bổ nhiệm vào cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội:

a) Ở Trung ương:

- Ban Chấp hành Trung ương giới thiệu 3 chức danh: Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ để Quốc hội bầu; tham gia ý kiến về nhân sự Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm các ủy ban của Quốc hội và các thành viên Chính phủ.

- Bộ Chính trị giới thiệu các chức danh thuộc diện Bộ Chính trị quản lý để Chính phủ trình Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội bầu.

- Ban Bí thư giới thiệu các chức danh thuộc diện Ban Bí thư quản lý để Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm; Quốc hội, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội bầu.

b) Ở địa phương:

- Ban chấp hành đảng bộ các cấp giới thiệu chức danh chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân để hội đồng nhân dân bầu; tham gia ý kiến về nhân sự phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân trước khi ban thường vụ cấp ủy quyết định giới thiệu để hội đồng nhân dân bầu.

- Ban thường vụ cấp ủy các cấp giới thiệu các chức danh thuộc diện ban thường vụ quản lý để ủy ban nhân dân các cấp xem xét, bổ nhiệm, hội đồng nhân dân, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội bầu.

48. Điều 42 (điểm 1): Việc lập đảng đoàn trong cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội

48.1- Ở cấp Trung ương: lập Đảng đoàn Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

Đối với các tổ chức hội quần chúng, lập đảng đoàn ở các liên hiệp hội: Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp hội Văn học - nghệ thuật Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam... Một số hội chính trị - xã hội có quy mô lớn, có vị trí quan trọng được lập đảng đoàn theo quyết định của Bộ Chính trị.

48.2- Ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: lập đảng đoàn hội đồng nhân dân tỉnh, ủy ban mặt trận tổ quốc tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh: hội liên hiệp phụ nữ tỉnh, liên đoàn lao động tỉnh, hội cựu chiến binh tỉnh, hội nông dân tỉnh.

49. Điều 43 (điểm 1): Việc lập ban cán sự đảng trong cơ quan hành pháp, tư pháp

Ở cấp Trung ương, lập Ban Cán sự Đảng Chính phủ, ban cán sự đảng bộ, ngành quản lý nhà nước, các cơ quan tư pháp.

Ở cấp tỉnh, lập ban cán sự đảng ủy ban nhân dân và ban cán sự đảng cơ quan tư pháp tỉnh.

Tổ chức và nhân sự của đảng đoàn, ban cán sự đảng ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do ban tổ chức tỉnh ủy, thành ủy trình ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quyết định. Ở Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương trình Bộ Chính trị quyết định.

Ngoài các quy định trên đây, nơi nào cần lập đảng đoàn, ban cán sự đảng thì giao Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu, trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

50. Điều 42, Điều 43: Nhiệm vụ và quyền hạn của đảng đoàn, ban cán sự đảng

- Đảng đoàn, ban cán sự đảng lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng; phương hướng, nhiệm vụ chính trị, tổ chức, cán bộ của ngành, đơn vị; quyết định những vấn đề về tổ chức, cán bộ theo phân công, phân cấp quản lý cán bộ; phối hợp với các cấp ủy đảng để xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh; chịu trách nhiệm trước cấp ủy cùng cấp về các đề xuất và quyết định của mình.

- Đảng đoàn, ban cán sự đảng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số. Khi các thành viên của đảng đoàn, ban cán sự đảng có ý kiến khác nhau, qua thảo luận không thống nhất được ý kiến thì xin ý kiến chỉ đạo của cấp trên: ở Trung ương báo cáo, xin ý kiến Ban Bí thư; ở tỉnh, thành phố báo cáo, xin ý kiến ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy.

- Đảng đoàn, ban cán sự đảng họp định kỳ ba tháng một lần, họp bất thường khi cần. Các cuộc họp đều phải ghi biên bản, có kết luận và ra nghị quyết để lưu hành, thực hiện trong nội bộ. Đồng chí bí thư chủ trì công việc chung, chủ tọa các cuộc họp, trực tiếp báo cáo hoặc ký các văn bản báo cáo với cấp ủy cùng cấp. Hằng năm, đảng đoàn, ban cán sự đảng báo cáo cấp ủy cùng cấp (ở Trung ương báo cáo Ban Bí thư, ở tỉnh, thành phố báo cáo ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy) về tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác tổ chức, cán bộ của bộ, ngành, đoàn thể mình.

- Đảng đoàn, ban cán sự đảng sử dụng bộ máy giúp việc gồm một số cán bộ, đảng viên kiêm nhiệm trong cơ quan. Nếu xét thấy thực sự cần thiết thì tập thể đảng đoàn, ban cán sự đảng có thể quyết định việc bố trí một số cán bộ chuyên trách giúp việc.

51. Điều 42, Điều 43: Việc thực hiện chức năng lãnh đạo của Đảng ở những nơi không lập đảng đoàn, ban cán sự đảng

Ở những nơi không lập đảng đoàn hoặc ban cán sự đảng, để thực hiện chức năng lãnh đạo của Đảng, cấp ủy giao trách nhiệm cho cấp ủy viên và đảng viên là cán bộ phụ trách các cơ quan, đoàn thể cùng cấp phát huy vai trò, trách nhiệm của đảng ủy, chi ủy trong các cơ quan, đơn vị đó theo chức năng, nhiệm vụ đã được quy định.

Khi tập thể lãnh đạo cơ quan, đoàn thể thảo luận, quyết định về chủ trương, nhiệm vụ và công tác cán bộ của ngành,

đoàn thể và cơ quan, thì đảng viên là thủ trưởng cơ quan và lãnh đạo đoàn thể đó mời đại diện của đảng ủy, chi ủy cơ quan tham gia. Khi cấp ủy họp bàn về việc thực hiện nghị quyết của Đảng thì đảng ủy, chi ủy mời thủ trưởng tham dự (nếu thủ trưởng không trong cấp ủy hoặc không phải là đảng viên).

52. Điều 44: Cấp ủy đảng lãnh đạo tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cùng cấp

Cấp ủy cùng cấp phân công cấp ủy viên theo dõi, kiểm tra hoạt động của tổ chức đoàn. Định kỳ hằng năm, tập thể ban thường vụ cấp ủy nghe báo cáo để chỉ đạo về hoạt động của tổ chức đoàn cùng cấp.

53. Điều 46: Đảng phí, nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng

53.1- Đảng phí: đảng viên đóng đảng phí trên cơ sở tiền lương, tiền công, khoản thu nhập coi như tiền lương, tiền công, sinh hoạt phí và các khoản phụ cấp theo tiền lương, tiền công, sinh hoạt phí... theo quy định của Bộ Chính trị.

53.2- Nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng.

- Kinh phí hoạt động của tổ chức đảng các cấp sử dụng đảng phí, tài chính của Đảng theo quy định của Bộ Chính trị, hướng dẫn của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và Bộ Tài chính.

- Cấp ủy các cấp lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động tài chính và quản lý tài sản của Đảng ở các tổ chức đảng cấp dưới; chịu trách nhiệm trước cấp ủy cấp trên và các tổ chức

đảng cấp dưới về các hoạt động và quản lý tài chính, tài sản ở cấp mình.

- Cấp ủy các cấp có thể lập các hình thức tổ chức phù hợp (phòng, bộ phận...) hoặc cử cán bộ giúp cấp ủy thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính và tài sản của Đảng ở cấp mình theo sự hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương. Các tổ chức đó có trách nhiệm giúp cấp ủy hướng dẫn, kiểm tra cấp ủy và cơ quan tài chính, quản trị của tổ chức đảng cấp dưới về nghiệp vụ tài chính, quản lý và sử dụng tài sản của Đảng; định kỳ báo cáo với cấp ủy cấp mình xem xét về kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính và tài sản được giao.

- Tài chính, tài sản của Đảng được công khai trong nội bộ từng cấp ủy đảng và trong từng cơ quan đảng theo năm ngân sách nhà nước. Hằng năm, cơ quan tài chính đảng các cấp có trách nhiệm báo cáo quyết toán ngân sách năm trước và dự toán năm sau với cấp ủy cấp mình.

- Ủy ban kiểm tra của cấp ủy các cấp có trách nhiệm kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp.

54. Ngoài các quy định trên đây, Bộ Chính trị, Ban Bí thư sẽ có quy định riêng về một số vấn đề khác.

55. Bộ Chính trị giao cho Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và một số cơ quan đảng có liên quan nghiên cứu để hướng dẫn những vấn đề thuộc về phương pháp, quy trình, thủ tục và nghiệp vụ để cụ thể hóa

những quy định của Điều lệ Đảng, phù hợp với tình hình và yêu cầu thực tiễn của công tác xây dựng Đảng hiện nay.

*
* *

Quy định này được ban hành trong hệ thống Đảng tới các chi bộ, có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Các tổ chức đảng và đảng viên có trách nhiệm thi hành.

Các quy định trước đây trái với nội dung Quy định này đều bãi bỏ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 06-CT/TW, ngày 7 tháng 11 năm 2006

Về tổ chức cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"

Tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh là sự kết tinh những truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta và tinh hoa văn hóa của nhân loại, là tài sản tinh thần vô giá của Đảng và nhân dân ta; là tấm gương sáng để mọi người Việt Nam học tập và noi theo.

Trong hơn 3 năm qua, thực hiện Chỉ thị 23-CT/TW, ngày 27-3-2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX, toàn Đảng, toàn dân ta đã tổ chức đợt học tập tư tưởng Hồ Chí Minh để quán triệt, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng của Người trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đợt học tập đã thu được nhiều kết quả tốt.

Trước yêu cầu tăng cường công tác tư tưởng trong tình hình mới, Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX đã quyết định triển khai chỉ đạo điểm cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, đúc rút kinh nghiệm để tiến

hành cuộc vận động lớn trong toàn Đảng về vấn đề này sau Đại hội X của Đảng. Đây là một chủ trương lớn, vừa mang tính cấp bách trong bối cảnh tình hình hiện nay, vừa có ý nghĩa lâu dài đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trên cơ sở những kinh nghiệm thu được qua đợt làm điểm ở một số cơ quan trung ương và địa phương, cùng với việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng, Bộ Chính trị quyết định tổ chức cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" trong toàn Đảng, toàn dân từ ngày kỷ niệm 77 năm thành lập Đảng (3-2-2007) tới hết nhiệm kỳ Đại hội X của Đảng.

1. Mục đích

Làm cho toàn Đảng, toàn dân nhận thức sâu sắc về những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của tư tưởng đạo đức và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức tu dưỡng, rèn luyện và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh sâu rộng trong toàn xã hội, đặc biệt trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, thanh niên, học sinh... nâng cao đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các tệ nạn xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng.

2. Yêu cầu

- Tổ chức cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" sâu rộng, thiết thực, hiệu quả trong cả hệ thống chính trị và trong toàn xã hội, không phô trương, hình thức.

- Việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn liền với việc triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng, với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí và đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, với các phong trào thi đua yêu nước.

- Gắn tính tự giác học tập, rèn luyện của mỗi cá nhân với sự đôn đốc, kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng và nhân dân.

3. Nội dung cuộc vận động

- Tổ chức nghiên cứu, học tập và làm theo tư tưởng đạo đức trong các tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân, Di chúc* và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tập trung vào các phẩm chất "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư", ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

- Mỗi người tự liên hệ, tự phê bình, kiểm điểm cá nhân; tổ chức để quần chúng ở nơi công tác và nơi cư trú góp ý cho cán bộ, đảng viên.

- Các cơ quan, đơn vị xây dựng tiêu chuẩn đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên, công chức để phấn đấu thực hiện phù hợp với tình hình từng cơ quan, đơn vị; xây dựng chương trình hành động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm, yếu kém; xử lý các sai phạm được phát hiện theo đúng kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Tổ chức tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về cuộc vận động.

4. Tổ chức thực hiện

- Phát động cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" trong toàn Đảng, toàn dân, bắt đầu từ ngày 3-2-2007 và tổng kết vào ngày 3-2-2011, có sơ kết hằng năm vào dịp sinh nhật Bác (19-5).

- Ở cấp Trung ương, thành lập Ban Chỉ đạo cuộc vận động do đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng làm Trưởng ban. Ban Chỉ đạo Trung ương thống nhất sự chỉ đạo cuộc vận động trong toàn Đảng, toàn dân. Các bộ, ban, ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh, thành phố thành lập ban chỉ đạo do đồng chí bí thư cấp ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng làm trưởng ban, thống nhất chỉ đạo cuộc vận động trong phạm vi ngành, địa phương, đơn vị.

- Giao Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn triển khai cuộc vận động, biên soạn tài liệu, chuẩn bị đội ngũ giảng viên phục vụ cuộc vận động, giúp Ban Chỉ đạo theo dõi, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện chỉ thị, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ đảng và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 45-TB/TW, ngày 13 tháng 11 năm 2006

Về việc tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III Hội Người cao tuổi Việt Nam

Tại phiên họp ngày 18-10-2006 và ngày 8-11-2006, sau khi nghe Ban Thường vụ Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam báo cáo về việc tổ chức đại hội các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Hội Người cao tuổi Việt Nam nhiệm kỳ 2006 - 2010 và ý kiến của các cơ quan có liên quan, Ban Bí thư đã thảo luận và có ý kiến như sau:

1. Đảng, Nhà nước luôn quan tâm chăm sóc và đánh giá cao vai trò của người cao tuổi trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và tiếp tục phát huy vai trò của người cao tuổi là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội, trong đó Hội Người cao tuổi Việt Nam có vai trò và trách nhiệm quan trọng.

Hoạt động của Hội Người cao tuổi trong nhiệm kỳ khóa II đã đạt được nhiều kết quả tích cực; phong trào thi đua yêu nước "Tuổi cao chí càng cao, nêu gương sáng vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc" của Hội đã thu hút hàng triệu hội

viên tham gia, góp phần vào thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng, chính quyền, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội của đất nước. Đại hội lần này cần đánh giá, tổng kết sâu sắc hoạt động của Hội Người cao tuổi và những đóng góp của người cao tuổi trong nhiệm kỳ vừa qua.

2. Trong hơn 10 năm kể từ ngày thành lập, Hội Người cao tuổi Việt Nam đã có những đóng góp tích cực, có ý nghĩa chính trị sâu sắc vào thành tựu chung của sự nghiệp đổi mới. Pháp lệnh Người cao tuổi đã khẳng định Hội Người cao tuổi Việt Nam là tổ chức xã hội của người cao tuổi. Cần có thời gian để nghiên cứu tổng kết thực tiễn trong tổng thể chung về tổ chức, bộ máy và tính chất của các hội, vì vậy, hiện nay, chưa đặt vấn đề Hội Người cao tuổi là một đoàn thể chính trị - xã hội. Đề nghị Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam không đưa nội dung này vào trong dự thảo Báo cáo, dự thảo Điều lệ sửa đổi của Hội để xin ý kiến đại biểu tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III nhiệm kỳ 2006 - 2010.

3. Theo các quy định hiện hành, tổ chức Hội Người cao tuổi ở cấp quận, huyện, tỉnh, thành phố chỉ có ban đại diện. Việc thay đổi tổ chức Hội ở cấp tỉnh, thành phố, quận, huyện cần được nghiên cứu, tổng kết chu đáo. Vì vậy, trong nhiệm kỳ khóa III, ở cấp tỉnh, thành phố, quận, huyện, tổ chức Hội vẫn là ban đại diện người cao tuổi như hiện nay. Ban đại diện là thành viên của Mặt trận Tổ quốc cùng cấp.

Sau Đại hội, Hội cần phối hợp với các ban, ngành có liên quan nghiên cứu, tổng kết, đề xuất ý kiến chuẩn bị cho việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội, xác định mô hình tổ chức Hội trong nhiệm kỳ tới.

4. Về việc Hội Người cao tuổi Việt Nam đề nghị Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng cho Hội, Trung ương Hội Người cao tuổi cần làm việc với Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật về thi đua - khen thưởng.

5. Về nhân sự chủ chốt của Trung ương Hội Người cao tuổi khóa III, Ban Thường vụ Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam chuẩn bị, trao đổi với các cơ quan có liên quan, phát huy dân chủ trong Ban Chấp hành Trung ương Hội để lựa chọn những đồng chí là người cao tuổi còn đủ sức khỏe, có uy tín để đảm đương được ít nhất một nhiệm kỳ khóa III (2006 - 2010), sau đó báo cáo với Ban Bí thư.

6. Thường vụ Đảng ủy Khối cơ quan Dân vận Trung ương chỉ đạo chi bộ Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam kiểm điểm làm rõ đúng, sai trong chi tiêu, quản lý tài chính, trong thực hiện Quy chế dân chủ, quy trình, thủ tục, nguyên tắc bổ nhiệm cán bộ khi bổ nhiệm Phó Tổng biên tập Báo Người cao tuổi, báo cáo Ban Bí thư trước khi tiến hành Đại hội.

7. Đồng thời với việc chỉ đạo, triển khai tổ chức đại hội cấp cơ sở, Ban Thường vụ Trung ương Hội Người cao tuổi tiếp tục làm việc với Ban Dân vận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ và các cơ quan có liên quan để soát xét nội dung các văn kiện Đại hội, dự thảo Điều lệ và nhân sự trình Đại hội. Sau khi hoàn tất đại hội cơ sở và các công việc chuẩn bị Đại hội III cả về nội dung và nhân sự, đồng ý để Hội Người cao tuổi Việt Nam tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III, nhiệm kỳ 2006 - 2010.

Ban Dân vận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ và các cơ quan có liên quan chỉ đạo, giúp đỡ Hội Người cao tuổi Việt Nam tổ chức Đại hội III của Hội thành công.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 47-TB/TW, ngày 13 tháng 11 năm 2006

Về kết quả hoạt động của Hội đồng Lý luận Trung ương giai đoạn 2001 - 2005 và phương hướng, nhiệm vụ công tác giai đoạn 2006 - 2010

Tại phiên họp ngày 9-11-2006, sau khi nghe Hội đồng Lý luận Trung ương báo cáo về kết quả hoạt động giai đoạn 2001 - 2005 và phương hướng, nhiệm vụ công tác giai đoạn 2006 - 2010 (số 54-TT/HĐLLTW, ngày 21-9-2006), các ý kiến góp ý của các ban, ngành liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

Bộ Chính trị cơ bản tán thành với nội dung Tờ trình của Hội đồng Lý luận Trung ương, đồng thời nhấn mạnh thêm như sau:

1. Về kết quả hoạt động của Hội đồng Lý luận Trung ương giai đoạn 2001 - 2005

- Bộ Chính trị đánh giá cao kết quả hoạt động, những đóng góp của Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2001 - 2005. Hội đồng đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và

quy chế do Bộ Chính trị, Ban Bí thư quy định; hoàn thành tốt những nhiệm vụ do Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư (khóa IX) giao, cung cấp những căn cứ khoa học góp phần phục vụ việc hoạch định đường lối, nhất là việc chuẩn bị các văn kiện Đại hội X của Đảng; phối hợp tổ chức triển khai và nghiệm thu các chương trình khoa học xã hội cấp Nhà nước; đấu tranh, bác bỏ những quan điểm, luận điệu sai trái, thù địch; tổ chức thành công những hội thảo khoa học quốc tế quan trọng.

- Tuy nhiên, hoạt động của Hội đồng còn có những mặt hạn chế: chất lượng nghiên cứu chưa cao, một số vấn đề quan trọng, nhạy cảm đã được Hội đồng nghiên cứu nhưng chưa làm đủ rõ được về lý luận, tính thuyết phục chưa cao; công tác tổ chức triển khai và nghiệm thu các chương trình, đề tài khoa học xã hội cấp Nhà nước còn có thiếu sót; việc đấu tranh về lý luận để bác bỏ những quan điểm sai trái, thù địch chưa sắc bén và chưa mạnh, hiệu quả còn hạn chế.

Hội đồng cần phát huy những mặt tích cực, khắc phục những mặt hạn chế, nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động của Hội đồng trong nhiệm kỳ mới.

2. Về phương hướng, nhiệm vụ của Hội đồng giai đoạn 2006 - 2010

- Bộ Chính trị khẳng định tổ chức Hội đồng Lý luận Trung ương là cần thiết để đáp ứng yêu cầu công tác lý luận của đảng cầm quyền. Hội đồng là cơ quan tư vấn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về các vấn đề lý luận chính trị, phục vụ cho sự lãnh đạo, hoàn thiện, phát triển đường lối của Đảng. Hội đồng có nhiệm vụ: kế thừa,

chắt lọc kết quả của các đề tài, chương trình nghiên cứu khác; trực tiếp nghiên cứu một số đề tài do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao hoặc Hội đồng đề xuất để thực hiện tốt chức năng tư vấn của mình và thực hiện một số nhiệm vụ tư vấn khác do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

- Hướng nghiên cứu giai đoạn 2006 - 2010 của Hội đồng tập trung vào chuẩn bị cho việc bổ sung, phát triển Cương lĩnh 1991 và chuẩn bị soạn thảo các văn kiện Đại hội XI của Đảng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước thời kỳ 2010 - 2020; tiếp tục làm sáng tỏ những vấn đề về đặc điểm của thời đại, của tình hình thế giới hiện nay; về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo, phù hợp với tình hình Việt Nam; về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế; về phát triển văn hóa - xã hội; về chiến lược bảo vệ Tổ quốc, về phát huy dân chủ, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong tình hình mới...

Theo các định hướng đó, Hội đồng Lý luận Trung ương tiếp thu ý kiến góp ý của các ban, ngành và ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, chỉnh lý danh mục các đề tài nghiên cứu cho phù hợp.

- Về cách tiến hành:

+ Đồng ý thống nhất các đề tài nghiên cứu trong một chương trình, Thường trực Hội đồng là Ban Chủ nhiệm chương trình.

+ Bộ Khoa học và Công nghệ làm chức năng quản lý nhà nước đối với các đề tài và chương trình do Hội đồng Lý luận Trung ương thực hiện.

- Về tổ chức bộ máy của Hội đồng: Hội đồng gồm trên dưới 30 thành viên, Thường trực Hội đồng gồm 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch Thường trực chuyên trách, 02 Phó Chủ tịch kiêm nhiệm và 01 Tổng Thư ký chuyên trách. Ban Thư ký khoa học của Hội đồng gồm những cán bộ chuyên trách (không phải là cán bộ kiêm nhiệm hoặc biệt phái).

Văn phòng Hội đồng do đồng chí Chủ tịch Hội đồng quyết định về số lượng cán bộ, nhân viên và chức năng, nhiệm vụ với sự thống nhất của Ban Tổ chức Trung ương.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 24-QĐ/TW, ngày 16 tháng 11 năm 2006

Thành lập Ban Chỉ đạo biên soạn lịch sử quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Xét đề nghị của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo biên soạn lịch sử quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào, gồm các đồng chí có tên sau đây:

1. Đồng chí Tô Huy Rứa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Trưởng ban.

2. Đồng chí Phùng Hữu Phú, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Phó Trưởng Ban.

3. Đồng chí Trương Hòa Bình, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Công an, Ủy viên.

4. Đồng chí Phạm Xuân Sơn, Phó Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương, Ủy viên.

5. Đồng chí Tạ Xuân Đại, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên.

6. Đồng chí Nguyễn Văn Thạo, Phó Chánh Văn phòng Trung ương, Ủy viên.

7. Đồng chí Nguyễn Huy Cường, Phó Trưởng Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Ủy viên.

8. Đồng chí Trương Văn Đoan, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy viên.

9. Đồng chí Nguyễn Phú Bình, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Ủy viên.

10. Đồng chí Trần Chiến Thắng, Thứ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin, Ủy viên.

11. Đồng chí Phan Thế Ruệ, Thứ trưởng Bộ Thương mại, Ủy viên.

12. Đồng chí Nguyễn Đăng Thành, Phó Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên.

13. Đồng chí Hoàng Phong Hà, Phó Giám đốc - Phó Tổng biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Ủy viên.

14. Đồng chí Phạm Hồng Thanh, Trung tướng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Bộ Quốc phòng, Ủy viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ phối hợp với phía bạn Lào tổ chức việc sưu tầm tư liệu, biên soạn lịch sử quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào. Ban Chỉ đạo xin ý kiến Ban Bí thư về những vấn đề xét thấy cần thiết.

Điều 3. Kinh phí thực hiện được bổ sung từ nguồn kinh phí của Ủy ban Hợp tác liên Chính phủ Việt Nam - Lào.

Điều 4. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ủy ban Hợp tác liên Chính phủ Việt Nam - Lào, các cơ quan có liên quan và các đồng chí có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 48-TB/TW, ngày 16 tháng 11 năm 2006

Về kế hoạch học tập, nghiên cứu của Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X

Tại phiên họp ngày 8-11-2006, sau khi nghe Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương báo cáo về kế hoạch học tập, nghiên cứu của Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X (Tờ trình số 53-BC/HĐLLTW, ngày 21-9-2006), ý kiến của các ban, ngành liên quan, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Việc xây dựng chương trình học tập, nghiên cứu của Bộ Chính trị, Ban Bí thư là cần thiết, tiếp tục chủ trương đã được thực hiện ở khóa IX, để góp phần cung cấp thông tin, mở rộng hiểu biết về lý luận và kinh nghiệm thực tiễn phục vụ hoạt động của lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước.

2. Về chương trình học tập, Ban Bí thư cơ bản tán thành 15 chuyên đề theo đề xuất của Hội đồng Lý luận Trung ương và đề nghị bổ sung 02 chuyên đề đã thực hiện ở khóa trước là

"Những quan niệm mới trên thế giới về chủ nghĩa xã hội" và "Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa", có cập nhật, bổ sung những thông tin và kiến thức mới. Trong mỗi chuyên đề, cùng với kiến thức lý luận, kinh nghiệm nước ngoài, cần có phần liên hệ với tình hình thực tiễn và gợi ý vận dụng ở Việt Nam. Thường trực Hội đồng cân nhắc, tiếp thu các ý kiến góp ý của các ban, ngành và của các đồng chí trong Ban Bí thư để điều chỉnh, bổ sung các chuyên đề cho phù hợp.

3. Thành phần tham dự học tập, nghiên cứu bao gồm các đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Tùy theo nội dung của từng chuyên đề, có mời thêm một số đồng chí trưởng các ban, bộ, ngành có liên quan, đặc biệt là liên quan đến việc phục vụ chuẩn bị các đề án trình Ban Chấp hành Trung ương.

4. Về phương pháp tiến hành, Hội đồng Lý luận Trung ương cần bàn với các cơ quan có liên quan, lựa chọn báo cáo viên là những nhà khoa học, chuyên gia hàng đầu lĩnh vực, có uy tín khoa học, uy tín chính trị và phẩm chất đạo đức. Báo cáo viên chuẩn bị kỹ đề cương, tài liệu, gửi trước cho các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư nghiên cứu. Các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư có thể đặt ra những câu hỏi cần làm rõ để báo cáo viên nghiên cứu giải đáp khi trình bày chuyên đề. Đồng chí Tổng Bí thư chủ trì buổi nghiên cứu, học tập. Khi báo cáo, báo cáo viên nêu rõ những vấn đề mới, các quan điểm, ý kiến khác nhau để Bộ Chính trị, Ban Bí thư nghiên cứu, trao đổi, thảo luận.

Hội đồng Lý luận Trung ương phối hợp với Văn phòng Trung ương và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch này trong toàn khóa.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 25-QĐ/TW, ngày 24 tháng 11 năm 2006

Ban hành Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng khóa X

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X, Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng khóa X".

Điều 2. Các cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp, các tổ chức đảng và đảng viên có trách nhiệm thực hiện đúng

Hướng dẫn này; nếu có những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi thì báo cáo Bộ Chính trị (qua Ủy ban Kiểm tra Trung ương).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hướng dẫn kèm theo Quyết định này thay thế Hướng dẫn ban hành kèm theo Quyết định số 10-QĐ/TW, ngày 25-9-2001 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

HƯỚNG DẪN
THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ KỶ LUẬT CỦA ĐẢNG TRONG CHƯƠNG VII VÀ CHƯƠNG VIII ĐIỀU LỆ ĐẢNG KHÓA X

(Kèm theo Quyết định số 25-QĐ/TW, ngày 24-11-2006 của Bộ Chính trị)

Phần thứ nhất

CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG VÀ ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

I- CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG

Điều 30.

1. Kiểm tra, giám sát là những chức năng lãnh đạo của Đảng. Tổ chức đảng phải tiến hành công tác kiểm tra, giám sát. Tổ chức đảng và đảng viên chịu sự kiểm tra, giám sát của Đảng

1.1- Kiểm tra, giám sát là những chức năng lãnh đạo của Đảng. Lãnh đạo mà không kiểm tra, giám sát thì coi như không có lãnh đạo.

1.2- Các tổ chức đảng vừa là chủ thể, vừa là đối tượng kiểm tra, gồm có: chi bộ (chi bộ cơ sở, chi bộ trong đảng bộ cơ sở, chi bộ trong đảng bộ bộ phận), đảng ủy bộ phận, đảng ủy cơ sở; cấp ủy ban thường vụ cấp ủy các cấp, ủy ban kiểm tra, các ban đảng, văn phòng cấp ủy; ban cán sự đảng, đảng đoàn.

1.3- Các tổ chức đảng là chủ thể giám sát gồm có: chi bộ (chi bộ cơ sở, chi bộ trong đảng bộ cơ sở, chi bộ trong đảng bộ bộ phận), đảng ủy bộ phận, đảng ủy cơ sở; cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp; ủy ban kiểm tra, các ban đảng, văn phòng cấp ủy.

1.4- Các tổ chức đảng là đối tượng giám sát, gồm có: chi bộ (chi bộ cơ sở, chi bộ trong đảng bộ cơ sở, chi bộ trong đảng bộ bộ phận), đảng ủy bộ phận, đảng ủy cơ sở, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy các cấp; ủy ban kiểm tra, các ban đảng, văn phòng cấp ủy; ban cán sự đảng, đảng đoàn; các tiểu ban, hội đồng, tổ công tác do cấp ủy các cấp lập ra.

1.5- Giám sát của Đảng là việc các cấp ủy, tổ chức đảng theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên chịu sự giám sát trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và đạo đức, lối sống theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Tổ chức đảng cấp trên được giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên; đảng viên được tham gia giám sát theo sự phân công của tổ chức đảng có thẩm quyền.

2. Các cấp ủy đảng lãnh đạo công tác kiểm tra, *giám sát* và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng

2.1- Công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy tỉnh, thành phố, huyện, quận và tương đương

2.1.1- Công tác kiểm tra:

a) Lãnh đạo công tác kiểm tra:

Cấp ủy, trước hết là ban thường vụ cấp ủy xây dựng và chỉ đạo các cấp ủy thuộc phạm vi quản lý của cấp mình xây dựng phương hướng nhiệm vụ công tác kiểm tra trong từng thời gian; chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc cấp ủy cấp dưới thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra.

Triển khai, quán triệt các quy định của Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quyết định, quy định, quy chế của cấp ủy cấp trên và cấp mình về công tác kiểm tra đối với các tổ chức đảng và đảng viên thuộc phạm vi quản lý của cấp mình.

Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các quy định về sự phối hợp giữa các ban đảng, các ban đảng với ban cán sự đảng của cơ quan thanh tra, cơ quan pháp luật để làm tốt công tác kiểm tra.

Định kỳ nghe báo cáo và cho ý kiến chỉ đạo về việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo quy chế làm việc; giải quyết những kiến nghị của các tổ chức đảng cấp dưới và định kỳ sơ kết, tổng kết về công tác kiểm tra.

Lãnh đạo, chỉ đạo về tổ chức và hoạt động của ủy ban kiểm tra; xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kiểm tra.

b) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra:

Cấp ủy xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra, trong đó, xác định rõ nội dung, đối tượng, thời gian, phương pháp tiến hành, tổ chức lực lượng, phân công cụ

thể từng cấp ủy viên và các ban, ban cán sự đảng, đảng đoàn của cấp mình tiến hành kiểm tra.

- Nội dung kiểm tra:

Kiểm tra việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng; nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế, kết luận của cấp ủy cấp trên và của cấp ủy cấp mình; các nguyên tắc tổ chức của Đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc; giữ gìn đoàn kết nội bộ, giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của đảng viên; chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ chính trị và tình hình thực tế ở đảng bộ mà cấp ủy chọn nội dung kiểm tra cho phù hợp.

- Đối tượng kiểm tra:

Kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên thuộc phạm vi quản lý của cấp mình, trước hết là tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp và cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp mình quản lý, cán bộ giữ các cương vị chủ chốt hoặc được giao các nhiệm vụ quan trọng và tập trung kiểm tra các tổ chức đảng ở những địa bàn trọng điểm, trọng yếu, dễ phát sinh vi phạm.

- Cách tiến hành:

+ Xây dựng kế hoạch theo chương trình công tác kiểm tra hằng năm, 6 tháng,... (xác định rõ nội dung, đối tượng, trọng tâm, trọng điểm, hình thức, thời gian, thời điểm kiểm tra...).

+ Trực tiếp tiến hành kiểm tra ở một số lĩnh vực quan trọng, địa bàn trọng điểm; huy động lực lượng các ban của cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn của các ngành có liên quan tham gia (lập tổ hoặc đoàn kiểm tra). Đồng chí cấp ủy viên được phân công chủ trì chịu trách nhiệm chính trong việc xây

dựng kế hoạch, chỉ đạo thực hiện và báo cáo cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy xem xét, kết luận các cuộc kiểm tra.

+ Giao các ban của cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn (trực thuộc) chủ trì thực hiện một số cuộc kiểm tra theo chức trách, nhiệm vụ của các tổ chức đảng.

+ Các thành viên của cấp ủy xây dựng kế hoạch kiểm tra về các nội dung thuộc nhiệm vụ được cấp ủy phân công phụ trách, đề xuất kiểm tra chuyên sâu một số vấn đề đối với các tổ chức đảng cấp dưới.

+ Cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy trực tiếp kết luận các cuộc kiểm tra do cấp ủy chủ trì.

Qua kiểm tra, cấp ủy nhận xét, đánh giá, kết luận về ưu điểm, khuyết điểm, vi phạm (nếu có) và nguyên nhân; rút ra những kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện; bổ sung, sửa đổi những vấn đề cần thiết; phát hiện những nhân tố mới, biểu dương, khen thưởng những tổ chức đảng và đảng viên chấp hành tốt; phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm; phê bình tổ chức đảng và đảng viên có khuyết điểm; kịp thời xem xét, kết luận, xử lý kỷ luật hoặc đề nghị cấp trên xem xét, xử lý kỷ luật theo thẩm quyền những trường hợp vi phạm đến mức phải xử lý. Những trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì chuyển cơ quan pháp luật có thẩm quyền xem xét, xử lý.

2.1.2- Công tác giám sát:

a) Lãnh đạo công tác giám sát:

- Xây dựng và chỉ đạo tổ chức đảng cấp dưới thuộc phạm vi quản lý của cấp mình xây dựng phương hướng nhiệm vụ công tác giám sát; phân công cấp ủy viên, các ban của cấp ủy cấp mình thực hiện giám sát đối với tổ chức đảng cấp dưới.

- Ban hành văn bản theo thẩm quyền làm căn cứ để các tổ chức đảng thực hiện nhiệm vụ giám sát và để các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia giám sát.

- Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các quy định về sự phối hợp giữa các tổ chức đảng để thực hiện công tác giám sát.

- Định kỳ nghe báo cáo và cho ý kiến chỉ đạo về việc thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy chế làm việc; giải quyết những kiến nghị của các tổ chức đảng cấp dưới; sơ kết, tổng kết về việc thực hiện nhiệm vụ giám sát của cấp mình.

- Đề xuất với cấp có thẩm quyền về những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành các hướng dẫn mới về nghiệp vụ công tác giám sát cho phù hợp.

b) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ giám sát:

Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện việc giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên thuộc phạm vi quản lý của cấp mình. Xác định nội dung, đối tượng, phương pháp tiến hành, tổ chức lực lượng, phân công cụ thể cho từng cấp ủy viên và các ban của cấp ủy cấp mình thực hiện nhiệm vụ giám sát.

- Đối tượng giám sát:

Ban chấp hành giám sát:

+ Ban thường vụ, thường trực cấp ủy cùng cấp;

+ Ủy ban kiểm tra cùng cấp;

+ Tổ chức đảng trực thuộc, trước hết là tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp;

+ Đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp mình quản lý.

Ban thường vụ cấp ủy giám sát:

+ Các ban tham mưu, giúp việc của cấp ủy cấp mình;

+ Các tiểu ban, hội đồng, tổ công tác do cấp ủy cấp mình lập ra;

+ Tổ chức đảng trực thuộc, trước hết là tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp;

+ Đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp mình quản lý.

- Nội dung giám sát:

Giám sát đối với tổ chức đảng:

+ Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng; các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của cấp ủy cấp trên và cấp ủy cấp mình; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

+ Việc quán triệt và chấp hành các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách và quy chế làm việc của cấp ủy; việc bảo đảm quyền của đảng viên.

+ Việc chấp hành các quy định của Đảng, Nhà nước trong công tác tổ chức, cán bộ; việc thực hiện giữ mối liên hệ mật thiết với quần chúng.

+ Việc chấp hành kỷ luật của tổ chức đảng và đảng viên; giữ gìn đoàn kết nội bộ, quản lý, giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của đảng viên.

Giám sát đối với đảng viên:

Ngoài những nội dung giám sát như đối với tổ chức đảng, cấp ủy còn giám sát đảng viên trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, việc giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống và giữ mối liên hệ với tổ chức đảng nơi cư trú.

- Cách tiến hành giám sát:

+ Xem xét báo cáo hoạt động của ban thường vụ giữa hai kỳ họp của cấp ủy.

+ Dự các cuộc họp định kỳ, đột xuất của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp dưới trực tiếp.

+ Định kỳ hoặc đột xuất, theo quy chế làm việc, cấp ủy nghe các tổ chức đảng cấp dưới (cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra, các ban tham mưu, ban cán sự đảng, đảng đoàn...) báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng, công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ; kết quả kiểm điểm, tự phê bình và phê bình của tập thể lãnh đạo các tổ chức đó.

+ Nắm tình hình hoạt động, tự phê bình và phê bình, báo cáo kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và về phẩm chất đạo đức, lối sống của cấp ủy viên cùng cấp và cán bộ diện cấp ủy quản lý.

+ Thông qua phản ánh, trao đổi của các cơ quan bảo vệ pháp luật, của các đoàn thể chính trị - xã hội, phản ánh của quần chúng nhân dân, qua các phương tiện thông tin đại chúng; thông qua đơn thư tố cáo, khiếu nại kỷ luật để nắm tình hình liên quan đến cán bộ, đảng viên.

+ Thông qua các văn bản, báo cáo của cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới gửi cấp ủy cấp trên theo quy định.

- Thẩm quyền và trách nhiệm:

+ Phân công cấp ủy viên dự các cuộc họp, hội nghị của cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới thuộc phạm vi phụ trách.

+ Cấp ủy viên khi thực hiện giám sát theo thẩm quyền được yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới, các tổ chức có liên quan và đảng viên cung cấp thông tin, văn bản, tài liệu, hoặc báo cáo những nội dung theo yêu cầu giám sát.

Cấp ủy viên có trách nhiệm báo cáo kết quả giám sát bằng văn bản cho ban thường vụ hoặc cho cấp ủy biết để có

biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo; chịu trách nhiệm về việc giám sát theo thẩm quyền của mình trước cấp ủy; giữ bí mật về nội dung thông tin, văn bản, tài liệu cung cấp cho việc giám sát.

+ Đối với những tổ chức đảng cấp dưới có khuyết điểm, yếu kém, vi phạm đã được kết luận, cấp ủy cử cấp ủy viên đến tổ chức đảng đó trực tiếp chỉ đạo, giám sát việc khắc phục yếu kém, sửa chữa khuyết điểm, vi phạm.

+ Qua giám sát đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên, định kỳ hằng năm (hoặc đột xuất), cấp ủy nhận xét, đánh giá về ưu điểm, khuyết điểm, vi phạm (nếu có) và nguyên nhân; rút ra những kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo, về tổ chức thực hiện; bổ sung, sửa đổi những vấn đề cần thiết; phát hiện những nhân tố mới...

Nếu phát hiện tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên không thực hiện, thực hiện không đúng nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, hoặc có hành vi ban hành quyết định, quy định trái với nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, của cấp ủy cấp trên và của cấp mình, trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước thì có quyền yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên khắc phục, sửa chữa; nếu không khắc phục, sửa chữa thì xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp ủy cấp trên xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên có liên quan; nếu cần thiết thì yêu cầu hủy bỏ các quyết định, quy định sai trái đó.

Nếu phát hiện tổ chức đảng hoặc đảng viên có dấu hiệu vi phạm thì giao cho ủy ban kiểm tra tiến hành kiểm tra, xem xét, kết luận.

2.2- Công tác kiểm tra, giám sát của các tổ chức đảng ở cơ sở

2.2.1- Công tác kiểm tra:

- Đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy cơ sở có nhiệm vụ lãnh đạo công tác kiểm tra như đã nêu ở điểm a, mục 2.1.1 và tổ chức tiến hành kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên thuộc phạm vi quản lý của cấp mình trong việc chấp hành Điều lệ Đảng, các nguyên tắc tổ chức của Đảng, nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy cấp trên và của cấp mình; việc giáo dục, quản lý cán bộ, đảng viên. Tập trung kiểm tra những tổ chức đảng và đảng viên được giao những nhiệm vụ quan trọng liên quan trực tiếp đến phát huy dân chủ ở cơ sở, phát triển kinh tế, thực hiện chính sách xã hội, chăm lo đời sống, giải quyết việc làm cho nhân dân; *thực hành tiết kiệm,* chống lãng phí, *phòng, chống* tham nhũng, *quan liêu* và các tiêu cực khác. Coi trọng kiểm tra việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, tự phê bình và phê bình, giữ gìn đoàn kết, thống nhất nội bộ, giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của đảng viên.

Cách tiến hành kiểm tra của đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy cơ sở thực hiện như trình bày ở điểm b, mục 2.1.1, song cần chú ý: qua hội ý, nắm tình hình giữa ban thường vụ đảng ủy với các chi ủy, với chính quyền, các ban, ngành và các đoàn thể; qua sinh hoạt thường kỳ của đảng ủy và ban thường vụ đảng ủy; qua sơ kết, tổng kết công tác lãnh đạo và kiểm tra, công tác chuyên môn... mà đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy tự kiểm tra mình và kiểm tra tổ chức đảng và đảng

viên thuộc phạm vi quản lý của mình. Cùng với việc kiểm tra thường xuyên, đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy cơ sở có chương trình, kế hoạch định kỳ kiểm tra (ba tháng, sáu tháng, theo thời vụ hoặc chu kỳ sản xuất,...) đối với các tổ chức đảng và đảng viên. Qua kiểm tra, phát huy ưu điểm, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm và kịp thời xử lý vi phạm (nếu có).

- Đảng ủy bộ phận xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ của mình và do đảng ủy cơ sở giao.

- Chi bộ (bao gồm chi bộ cơ sở, chi bộ trong đảng bộ cơ sở và chi bộ trong đảng bộ bộ phận) có nhiệm vụ kiểm tra mọi đảng viên sinh hoạt trong chi bộ. Nội dung kiểm tra như nội dung kiểm tra của đảng ủy cơ sở. Tập trung kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của chi bộ, thực hiện nhiệm vụ do chi bộ phân công và theo tiêu chuẩn đảng viên.

- Chi bộ kiểm tra đảng viên thông qua sinh hoạt thường kỳ (kiểm điểm công tác lãnh đạo, tự phê bình và phê bình, học tập nghị quyết...); phân tích chất lượng đảng viên; nhận xét, đánh giá, phản ánh của các tổ chức đoàn thể và nhân dân đối với tổ chức đảng và đảng viên; nghiên cứu, khảo sát nắm tình hình theo yêu cầu của cấp ủy; sơ kết, tổng kết công tác, sản xuất, kinh doanh,... của đơn vị và thông báo của tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên để đánh giá đúng mặt mạnh, mặt yếu của đảng viên, kịp thời phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, chủ động phòng ngừa và phát hiện dấu hiệu vi phạm của đảng viên.

Chi bộ có kế hoạch kiểm tra chấp hành đối với đảng viên trong việc quán triệt và thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhất là

đối với những đảng viên được giao các nhiệm vụ quan trọng. Khi đảng viên có dấu hiệu vi phạm hoặc bị tố cáo, chi bộ kịp thời xem xét hoặc báo cáo tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Nếu đảng viên vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật, chi bộ quyết định hoặc đề nghị cấp trên quyết định thi hành kỷ luật theo thẩm quyền.

2.2.2- Công tác giám sát:

- Đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy cơ sở có nhiệm vụ lãnh đạo và tổ chức thực hiện công tác giám sát như đã nêu trên đối với cấp ủy các cấp. Tập trung giám sát những tổ chức đảng và đảng viên được giao những nhiệm vụ quan trọng liên quan trực tiếp đến phát huy dân chủ ở cơ sở, phát triển kinh tế, thực hiện chính sách xã hội, chăm lo đời sống, giải quyết việc làm cho nhân dân; thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu và các tiêu cực khác. Coi trọng giám sát việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, tự phê bình và phê bình, giữ gìn đoàn kết, thống nhất nội bộ, giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của đảng viên.

Cách tiến hành giám sát của đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy cơ sở: chủ yếu thông qua hội ý, nắm tình hình giữa ban thường vụ đảng ủy với các chi ủy, với chính quyền, các ban, ngành và các đoàn thể; qua sinh hoạt thường kỳ của đảng ủy và ban thường vụ đảng ủy; phân công đảng ủy viên dự sinh hoạt của các chi bộ; qua sơ kết, tổng kết công tác đảng và công tác chuyên môn...

- Đảng ủy bộ phận thực hiện nhiệm vụ giám sát theo chức năng, nhiệm vụ của mình và do đảng ủy cơ sở giao.

Nội dung, hình thức, cách tiến hành, thẩm quyền và trách nhiệm giám sát như của đảng ủy cơ sở.

- Chi bộ giám sát mọi đảng viên sinh hoạt trong chi bộ. Nội dung giám sát như nội dung giám sát của đảng ủy cơ sở. Tập trung giám sát việc thực hiện nghị quyết của chi bộ, thực hiện nhiệm vụ do chi bộ phân công và theo nhiệm vụ, tiêu chuẩn đảng viên; việc giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống và giữ mối liên hệ với tổ chức đảng nơi cư trú.

Chi bộ giám sát đảng viên thông qua sinh hoạt thường kỳ (kiểm điểm công tác lãnh đạo, tự phê bình và phê bình,...); phân tích chất lượng đảng viên; qua theo dõi, đôn đốc đảng viên thực hiện nhiệm vụ được giao; qua yêu cầu đảng viên báo cáo khi cần thiết; nhận xét, đánh giá, phản ánh của các tổ chức đoàn thể và nhân dân đối với tổ chức đảng và đảng viên; nghiên cứu, khảo sát nắm tình hình theo yêu cầu của cấp ủy; sơ kết, tổng kết công tác, sản xuất, kinh doanh,... của đơn vị để đánh giá đúng mặt mạnh, mặt yếu của đảng viên, kịp thời phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, chủ động phòng ngừa vi phạm của đảng viên.

Qua giám sát, nếu phát hiện đảng viên có dấu hiệu vi phạm hoặc bị tố cáo, chi bộ kịp thời xem xét hoặc báo cáo tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

2.3- Công tác kiểm tra, giám sát của các ban của cấp ủy

a) Công tác kiểm tra của các ban của cấp ủy:

Các ban của cấp ủy phối hợp với ủy ban kiểm tra tham mưu, giúp cấp ủy xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra hằng năm thuộc lĩnh vực ban mình phụ trách;

tham gia các cuộc kiểm tra của cấp ủy hoặc chủ trì kiểm tra khi được cấp ủy giao; xây dựng chương trình, kế hoạch và chủ động tiến hành kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới; giúp cấp ủy theo dõi, đôn đốc tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra chấp hành nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước; tham gia ý kiến và giúp cấp ủy kết luận các nội dung kiểm tra thuộc lĩnh vực được giao.

- *Nội dung kiểm tra:* Những nội dung liên quan đến chức trách, nhiệm vụ, lĩnh vực công tác của ban mình và những nội dung do cấp ủy giao.

- *Đối tượng kiểm tra:* Các cấp ủy cấp dưới, trước hết là cấp ủy cấp dưới trực tiếp và các ban của cấp ủy cấp dưới trực tiếp thuộc lĩnh vực công tác do ban mình phụ trách và các đối tượng khác do cấp ủy giao.

- *Cách tiến hành:* Sử dụng bộ máy của ban để kiểm tra hoặc phối hợp với ủy ban kiểm tra (dưới sự chỉ đạo của cấp ủy hoặc theo quy định của cấp ủy về phối hợp kiểm tra) để kiểm tra.

Qua kiểm tra, các ban kết luận về những nội dung được kiểm tra, báo cáo cấp ủy cùng cấp về kết quả kiểm tra và những kiến nghị cần thiết.

b) Công tác giám sát của các ban của cấp ủy:

Các ban của cấp ủy phối hợp với ủy ban kiểm tra tham mưu, giúp cấp ủy xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát hằng năm thuộc lĩnh vực ban mình phụ trách; xây dựng chương trình, kế hoạch và chủ động tiến hành giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và

chính sách, pháp luật Nhà nước thuộc lĩnh vực công tác do ban mình phụ trách.

- Đối tượng giám sát:

+ Các thành viên của tổ chức mình.

+ Cấp ủy và các ban của cấp ủy cấp dưới và đảng viên thuộc lĩnh vực công tác do ban mình phụ trách.

- Nội dung giám sát:

+ Những nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn thuộc lĩnh vực công tác do ban mình phụ trách trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

+ Những nội dung do cấp ủy giao.

- Cách tiến hành:

+ Giám sát các thành viên của tổ chức mình thông qua sinh hoạt thường kỳ (kiểm điểm công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ công tác chuyên môn, tự phê bình và phê bình,...); phân tích chất lượng đảng viên; nhận xét, đánh giá, phản ánh của các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân đối với tổ chức đảng và đảng viên.

+ Nghe các thành viên trong tổ chức mình trực tiếp báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ theo chức trách, nhiệm vụ được giao và kết quả giám sát thuộc phạm vi được phân công phụ trách.

+ Nghe cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới, các đơn vị tham mưu, giúp việc của tổ chức mình phản ánh, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và việc thực hiện nhiệm vụ giám sát được giao.

+ Cử cán bộ, chuyên viên theo dõi, trực tiếp làm việc, dự họp với cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới.

- Thẩm quyền và trách nhiệm:

+ Các thành viên các ban của cấp ủy và cán bộ, chuyên viên được phân công theo dõi lĩnh vực, địa bàn khi thực hiện việc giám sát theo thẩm quyền được yêu cầu tổ chức đảng, đảng viên thuộc phạm vi phụ trách báo cáo, cung cấp văn bản, tài liệu liên quan đến việc giám sát và phải giữ bí mật nội dung văn bản, tài liệu đó.

+ Qua giám sát, các ban của cấp ủy kịp thời nhắc nhở đối tượng được giám sát phát huy ưu điểm, khắc phục, sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm; nếu phát hiện tổ chức đảng hoặc đảng viên có dấu hiệu vi phạm thì báo cáo hoặc đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

+ Nếu phát hiện tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên không thực hiện, thực hiện không đúng nghị quyết, chỉ thị của Đảng, hoặc ban hành quyết định, quy định trái với nghị quyết, quy định của Đảng, của cấp ủy cấp trên, trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước thì báo cáo cấp ủy cấp mình xem xét, giải quyết.

Trường hợp các ban của cấp ủy cấp dưới ban hành các quy định trái với quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thì các ban của cấp ủy cấp trên có quyền yêu cầu hủy bỏ hoặc đề nghị cấp ủy quản lý tổ chức đó xem xét, quyết định.

2.4- Công tác kiểm tra của các ban cán sự đảng, đảng đoàn

Các ban cán sự đảng, đảng đoàn tham gia các cuộc kiểm tra của cấp ủy cấp trên trực tiếp hoặc chủ trì kiểm tra khi

được cấp ủy cấp trên trực tiếp giao; xây dựng chương trình, kế hoạch và chủ động tiến hành kiểm tra.

Các ban cán sự đảng, đảng đoàn căn cứ quyết định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc của tỉnh, thành ủy về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quy chế làm việc của mình để xác định rõ nội dung, đối tượng và cách tiến hành kiểm tra cho phù hợp với phạm vi lãnh đạo của mình.

- *Nội dung kiểm tra*:

Việc tổ chức quán triệt và thực hiện các chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phương hướng, nhiệm vụ chính trị; công tác tổ chức, cán bộ; những nội dung liên quan đến chức trách, nhiệm vụ, lĩnh vực được phân công phụ trách và những nội dung do cấp ủy giao.

- *Đối tượng kiểm tra:*

Các tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống quản lý trực tiếp.

- *Cách tiến hành:*

+ Ban cán sự đảng, đảng đoàn chủ trì hoặc phối hợp với đảng ủy cơ quan, tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp; hoặc sử dụng bộ máy của bộ, ban, ngành, đoàn thể mình (nhất là lực lượng thanh tra ngành, thanh tra nhân dân); hoặc phối hợp với ủy ban kiểm tra của cấp ủy cấp trên trực tiếp (theo quy định của cấp ủy về phối hợp kiểm tra) để tiến hành kiểm tra.

+ Phối hợp với các tổ chức đảng trong các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống quản lý và cấp ủy khối hoặc cấp ủy địa

phương nơi quản lý các tổ chức đảng trong các cơ quan, đơn vị đó để tiến hành kiểm tra.

+ Qua kiểm tra, các ban cán sự đảng, đảng đoàn kết luận về những nội dung được kiểm tra báo cáo cấp ủy cấp trên trực tiếp, đồng thời gửi báo cáo kết quả kiểm tra và những đề xuất, kiến nghị cho ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp trên trực tiếp.

2.5- Ủy ban kiểm tra giúp cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy tiến hành công tác kiểm tra, giám sát theo Điều 30, Điều lệ Đảng; về công tác kiểm tra, giám sát và việc thi hành kỷ luật đảng. Cụ thể:

- Phối hợp với văn phòng và các ban của cấp ủy giúp cấp ủy tổ chức quán triệt trong đảng bộ về thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy và của các tổ chức đảng; xây dựng phương hướng nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát của cấp ủy và ban thường vụ cấp ủy trong từng thời gian; xây dựng quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo, khiếu nại, xử lý kỷ luật.

- Tham mưu cho cấp ủy về nội dung, đối tượng, phương pháp kiểm tra, giám sát; thời gian, thời điểm kiểm tra; phân công nhiệm vụ cho các ban của cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn; tổ chức lực lượng kiểm tra, giám sát; giải quyết các kiến nghị của các tổ chức đảng cấp dưới về công tác kiểm tra, giám sát và việc thi hành kỷ luật đảng.

- Hướng dẫn tổ chức đảng cấp dưới, các ban của cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn trực thuộc và chỉ đạo, hướng dẫn

ủy ban kiểm tra cấp dưới về nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát.

- Tham gia các cuộc kiểm tra do cấp ủy chủ trì. Khi có yêu cầu, tham gia những cuộc kiểm tra do các ban của cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn chủ trì. Qua kiểm tra, giám sát, nếu phát hiện có trường hợp vi phạm đến mức phải xử lý thì xem xét, quyết định hoặc đề nghị cấp ủy xem xét, quyết định xử lý kỷ luật.

- Cùng với văn phòng và các ban của cấp ủy có liên quan giúp cấp ủy kết luận các cuộc kiểm tra và sơ kết, tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các kết luận của cấp ủy sau các cuộc kiểm tra; quản lý hồ sơ các cuộc kiểm tra của cấp ủy.

2.6- Một số lưu ý trong việc thực hiện Điều 30, Điều lệ Đảng

- Tổ chức đảng cấp trên được quyền giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên. Đảng viên không được tự ý giám sát, chỉ được tham gia giám sát theo sự phân công của tổ chức đảng có thẩm quyền.

Ban cán sự đảng, đảng đoàn, các tiểu ban, hội đồng, tổ công tác do cấp ủy các cấp lập ra là đối tượng giám sát, không phải là chủ thể giám sát.

- Khi kiểm tra theo Điều 30, Điều lệ Đảng, cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy phải có kết luận trong trường hợp trực tiếp kiểm tra và cả trường hợp cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy giao cho các tổ chức đảng giúp mình kiểm tra.

- Các ban của cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn không có thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng, nếu qua kiểm tra phát

hiện tổ chức đảng hoặc đảng viên có dấu hiệu vi phạm hoặc vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì báo cáo với cấp ủy và thông báo cho ủy ban kiểm tra cùng cấp xem xét, quyết định.

- Theo quy định của Điều lệ Đảng, tổ chức đảng quân sự, biên phòng địa phương và tổ chức đảng công an nhân dân địa phương ở cấp nào thì đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy cấp đó. Do vậy, việc kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng quân sự, biên phòng địa phương và tổ chức đảng công an nhân dân địa phương trong việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị của Đảng (bao gồm cả nghị quyết, chỉ thị của đảng ủy quân sự, đảng ủy bộ đội biên phòng, đảng ủy công an nhân dân cấp trên) là nhiệm vụ của cấp ủy địa phương, do cấp ủy địa phương chủ động, trực tiếp tiến hành, có sự phối hợp với đảng ủy quân sự cấp trên hoặc với đảng ủy công an nhân dân cấp trên nhưng đều do cấp ủy địa phương chủ trì và kết luận.

II- CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

Điều 31.

1. Ủy ban kiểm tra các cấp do cấp ủy cùng cấp bầu, gồm một số đồng chí trong cấp ủy và một số đồng chí ngoài cấp ủy

1.1- Nguyên tắc tổ chức

- Ủy ban kiểm tra các cấp được lập từ đảng ủy cơ sở trở lên, do hội nghị cấp ủy cùng cấp bầu; bầu ủy viên ủy ban kiểm tra trước, sau đó bầu chủ nhiệm ủy ban kiểm tra trong

số ủy viên ủy ban kiểm tra. Phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra do ủy ban kiểm tra bầu trong số ủy viên ủy ban kiểm tra. Việc bầu cử được tiến hành bằng phiếu kín.

- Nhiệm kỳ của ủy ban kiểm tra các cấp theo nhiệm kỳ của cấp ủy cùng cấp. Ủy ban kiểm tra khóa mới điều hành công việc ngay sau khi được bầu; nhận bàn giao từ ủy ban kiểm tra khóa trước.

1.2- Cơ cấu tổ chức và số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra

- Ủy ban kiểm tra của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương:

+ Số lượng từ 7 đến 11 ủy viên (do tỉnh ủy, thành ủy quyết định), trong đó có 2 ủy viên kiêm chức; riêng Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Thanh Hóa, Nghệ An cần đủ 11 ủy viên. Trường hợp đặc biệt thì cấp ủy trao đổi với Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương để báo cáo Ban Bí thư xem xét, quyết định.

+ Các ủy viên chuyên trách gồm: chủ nhiệm, 2 hoặc 3 phó chủ nhiệm và một số ủy viên. Trong đó, 1 ủy viên ban thường vụ cấp ủy làm chủ nhiệm và một cấp ủy viên làm phó chủ nhiệm thường trực.

+ Ủy viên kiêm chức gồm: trưởng ban hoặc phó trưởng ban tổ chức của cấp ủy là cấp ủy viên và chánh thanh tra tỉnh, thành phố.

- Ủy ban kiểm tra của đảng ủy khối cơ quan trung ương:

+ Số lượng từ 7 đến 9 ủy viên (do đảng ủy khối quyết định), trong đó có từ 3 đến 5 ủy viên chuyên trách.

+ Ủy ban kiểm tra có 1 đến 2 cấp ủy viên, trong đó có 1 ủy viên ban thường vụ cấp ủy làm chủ nhiệm.

+ Ủy viên chuyên trách là chủ nhiệm hoặc phó chủ nhiệm.

+ Ủy viên kiêm chức là cấp ủy viên phụ trách công tác tổ chức, cấp ủy viên phụ trách công tác khác hoặc bí thư, phó bí thư, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc đảng ủy khối.

- Ủy ban kiểm tra trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy:

+ Ủy ban kiểm tra huyện ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy có từ 5 đến 7 ủy viên (do cấp ủy quyết định), trong đó chủ nhiệm là thường vụ cấp ủy, từ 1 đến 2 phó chủ nhiệm (phó chủ nhiệm thường trực là cấp ủy viên) và một số ủy viên chuyên trách; 2 ủy viên kiêm chức gồm trưởng ban hoặc phó trưởng ban tổ chức là cấp ủy viên và chánh thanh tra cùng cấp.

+ Ủy ban kiểm tra quận ủy, thị ủy, thành ủy thuộc tỉnh ủy, thành ủy có từ 7 đến 9 ủy viên (do cấp ủy quyết định); trong đó chủ nhiệm là thường vụ cấp ủy, từ 1 đến 2 phó chủ nhiệm (phó chủ nhiệm thường trực là cấp ủy viên) và một số ủy viên chuyên trách; 2 ủy viên kiêm chức gồm trưởng ban hoặc phó trưởng ban tổ chức là cấp ủy viên và chánh thanh tra cùng cấp.

- Ủy ban kiểm tra của đảng ủy cơ sở:

+ Số lượng từ 3 đến 5 ủy viên (do đảng ủy cơ sở quyết định), trong đó đồng chí phó bí thư hoặc ủy viên ban thường vụ, thường trực cấp ủy làm chủ nhiệm. Trường hợp không có ban thường vụ cấp ủy thì đồng chí phó bí thư làm chủ nhiệm; phó chủ nhiệm là cấp ủy viên hoặc đảng viên.

+ Các ủy viên khác có thể là cấp ủy viên hoặc đảng viên phụ trách công tác đoàn thể, bí thư chi bộ, thanh tra nhân dân.

- Đảng ủy bộ phận và chi ủy không lập ủy ban kiểm tra; tập thể cấp ủy thực hiện công tác kiểm tra và phân công 1 cấp ủy viên phụ trách. Ngoài ra, có thể lựa chọn phân công một số đảng viên có điều kiện giúp đồng chí cấp ủy viên phụ trách làm công tác kiểm tra.

- Ủy ban kiểm tra của các cấp ủy thuộc Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương và Ban Cán sự đảng Ngoài nước.

+ Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Quân sự Trung ương:

Số lượng từ 9 đến 11 ủy viên (do Đảng ủy Quân sự Trung ương quyết định), trong đó có 5 đến 6 ủy viên chuyên trách và từ 4 đến 5 ủy viên kiêm chức; có 2 đến 3 ủy viên là cấp ủy viên cùng cấp.

Các ủy viên chuyên trách gồm: Phó Chủ nhiệm thường trực và 4 đến 5 ủy viên. Phó Chủ nhiệm thường trực có nhóm chức vụ, trần quân hàm bằng Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị; các ủy viên chuyên trách có nhóm chức vụ, trần quân hàm bằng Cục trưởng Cục Tổ chức, Cục Cán bộ thuộc Tổng cục Chính trị.

Ủy viên kiêm chức gồm: Chủ nhiệm ủy ban là Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng; Cục trưởng Cục Tổ chức; Cục trưởng Cục Cán bộ; Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng...

+ Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương:

Số lượng từ 9 đến 11 ủy viên (do Đảng ủy Công an

Trung ương quyết định), trong đó có từ 6 đến 8 ủy viên chuyên trách và 3 ủy viên kiêm chức; có 2 đến 3 ủy viên là cấp ủy viên cùng cấp.

Các ủy viên chuyên trách gồm: 4 phó chủ nhiệm (Phó Chủ nhiệm thường trực ủy ban là Đảng ủy viên Đảng ủy Công an Trung ương, Phó Tổng cục trưởng; 3 phó chủ nhiệm chuyên trách là cục trưởng) và 2 đến 4 ủy viên chuyên trách là phó cục trưởng (chức vụ như cục trưởng, phó cục trưởng trong Tổng cục Xây dựng lực lượng).

Các ủy viên kiêm chức gồm: Chủ nhiệm ủy ban là đồng chí Phó Bí thư hoặc Ủy viên Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương, Thứ trưởng Bộ Công an; Chánh Thanh tra Bộ Công an; Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ.

+ Ủy ban Kiểm tra Ban Cán sự đảng Ngoài nước:

Số lượng từ 5 đến 7 ủy viên (do Ban Cán sự đảng Ngoài nước quyết định), trong đó có 3 đến 4 ủy viên chuyên trách và 2 đến 3 ủy viên kiêm chức; có 1 ủy viên là ủy viên Ban Cán sự đảng Ngoài nước.

Các ủy viên chuyên trách gồm: Chủ nhiệm ủy ban là Ủy viên Ban Cán sự đảng và từ 2 đến 3 ủy viên thường trực.

Các ủy viên kiêm chức gồm một số đảng viên là cán bộ cấp vụ, đơn vị thuộc Ban Cán sự đảng Ngoài nước.

Việc bầu ủy ban kiểm tra các cấp trong Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam, Đảng bộ Công an nhân dân Việt Nam, Ban Cán sự đảng Ngoài nước do Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn sau khi thống nhất với Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Ban Cán sự đảng Ngoài nước và Ban Tổ chức Trung ương.

1.3- Trường hợp có những yêu cầu khác với hướng dẫn nêu tại các mục 1.1 và 1.2, Điều 31, cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy phải báo cáo với cấp ủy cấp trên trực tiếp, khi được sự đồng ý mới tổ chức thực hiện.

2. Các thành viên ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp dưới phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y, nếu điều động chủ nhiệm ủy ban kiểm tra sang công tác khác phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý

Ngoài việc thay đổi chủ nhiệm ủy ban kiểm tra như quy định của Điều lệ Đảng, khi thay đổi phó chủ nhiệm hoặc ủy viên ủy ban kiểm tra (kể cả việc chuẩn bị người thay thế) thì cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy cấp dưới phải trao đổi với ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp trước khi thực hiện.

3. Ủy ban kiểm tra làm việc theo chế độ tập thể, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy cùng cấp và sự chỉ đạo, kiểm tra của ủy ban kiểm tra cấp trên

- Ủy ban kiểm tra thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Ủy ban có thể ủy quyền cho tập thể thường trực ủy ban (nơi có từ 2 phó chủ nhiệm trở lên) quyết định một số vấn đề cụ thể (theo quy chế làm việc của ủy ban và quy định chế độ làm việc của cơ quan ủy ban kiểm tra). Thường trực ủy ban gồm chủ nhiệm và các phó chủ nhiệm. Đối với Đảng bộ Quân đội, thường trực ủy ban gồm chủ nhiệm, các phó chủ nhiệm và các ủy viên chuyên trách.

- Ủy ban kiểm tra làm việc dưới sự lãnh đạo của cấp ủy cùng cấp; chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Điều lệ Đảng về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của ủy ban kiểm tra; định kỳ báo cáo với cấp ủy chương trình, kế hoạch, kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát của mình và thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của cấp ủy về công tác kiểm tra, giám sát, về quy chế làm việc của ủy ban kiểm tra và các nhiệm vụ do cấp ủy giao; chịu sự kiểm tra, giám sát của cấp ủy về tất cả các hoạt động của mình.

- Ủy ban kiểm tra làm việc dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra cấp trên:

+ Chấp hành sự chỉ đạo, hướng dẫn của ủy ban kiểm tra cấp trên về phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát và việc thi hành kỷ luật trong Đảng.

+ Chịu sự đôn đốc, kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra cấp trên về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của ủy ban kiểm tra theo quy định của Điều lệ Đảng, của Trung ương Đảng và hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

+ Khi cần thiết, ủy ban kiểm tra cấp trên có thể trực tiếp chỉ đạo giải quyết một số vấn đề cụ thể trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng của ủy ban kiểm tra cấp dưới.

+ Phối hợp với ban tổ chức của cấp ủy cùng cấp và cấp ủy cấp dưới chuẩn bị nhân sự ủy ban kiểm tra theo sự hướng dẫn của ủy ban kiểm tra cấp trên; giúp cấp ủy xây dựng, ban hành quy chế làm việc của ủy ban kiểm tra; kiện toàn cơ quan ủy ban kiểm tra về tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ,...

- Trường hợp giữa ủy ban kiểm tra và ban thường vụ cấp ủy có ý kiến khác nhau trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của ủy ban kiểm tra theo quy định của Điều lệ Đảng, thì ủy ban kiểm tra phải chấp hành kết luận, quyết định của cấp ủy, đồng thời báo cáo ủy ban kiểm tra cấp trên. Trường hợp ủy ban kiểm tra cấp trên có ý kiến khác với cấp ủy cấp dưới thì ủy ban kiểm tra cấp trên báo cáo với cấp ủy cấp mình xem xét, quyết định.

Điều 32. Ủy ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ:

1. Kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp khi có dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên

- Nội dung kiểm tra:

Kiểm tra những dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên; tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên (Quy định ở các Điều 1, Điều 2, Điều 12, Điều lệ Đảng). Ủy ban kiểm tra căn cứ tình hình, nhiệm vụ, yêu cầu công tác xây dựng Đảng của địa phương, đơn vị; tính chất, dấu hiệu vi phạm của đảng viên để tập trung kiểm tra.

- Đối tượng kiểm tra:

Ủy ban kiểm tra các cấp, kể cả ủy ban kiểm tra của đảng ủy cơ sở chỉ kiểm tra những đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, trước hết là cấp ủy viên cùng cấp, đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý; khi cần thiết thì kiểm tra đảng viên do tổ chức đảng cấp dưới quản lý. Trường hợp đảng viên có dấu hiệu vi phạm là cấp ủy viên cấp mình,

đồng thời là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý thì ủy ban kiểm tra cấp dưới báo cáo để ủy ban kiểm tra cấp trên chủ trì và phối hợp tiến hành kiểm tra. Đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp mình quản lý, trước khi được bổ nhiệm phải có ý kiến của các ban có liên quan của cấp ủy cấp trên (theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Chính trị và cấp ủy các cấp) thì đề nghị ủy ban kiểm tra cấp trên chỉ đạo và phối hợp tiến hành.

- Cách tiến hành:

+ Chủ động nắm tình hình, phát hiện dấu hiệu vi phạm, xác định nội dung, đối tượng kiểm tra.

Để phát hiện tổ chức đảng và đảng viên có dấu hiệu vi phạm, ủy ban kiểm tra và cán bộ kiểm tra phải theo dõi nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị, hoạt động và sinh hoạt của tổ chức đảng và đảng viên; báo cáo hoặc giao ban theo định kỳ với các địa phương, đơn vị; bình xét hoặc phân tích chất lượng đảng viên; qua các cuộc kiểm tra việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng; qua hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm sát, giám sát của các cơ quan nhà nước, đoàn thể đối với các tổ chức đảng và đảng viên; qua đơn thư tố cáo, ý kiến phản ảnh của đảng viên, quần chúng và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

+ Ủy ban kiểm tra phân tích, lựa chọn để quyết định nội dung, đối tượng kiểm tra; chỉ đạo lập kế hoạch, xác định rõ yêu cầu, phương pháp, thời gian, lực lượng kiểm tra; ra quyết định hoặc thông báo kiểm tra.

+ Thông báo kế hoạch kiểm tra bằng văn bản cho đảng viên được kiểm tra và cho cấp ủy quản lý đảng viên đó biết

để phục vụ cho việc kiểm tra (trước khi thông báo quyết định kiểm tra, phải gặp trực tiếp trao đổi với đảng viên được kiểm tra và cấp ủy quản lý đảng viên đó).

+ Đảng viên được kiểm tra giải trình các nội dung kiểm tra bằng văn bản, gửi cho ủy ban kiểm tra qua tổ (hoặc đoàn) kiểm tra; sau đó trình bày trước chi bộ để chi bộ góp ý kiến, xem xét, kết luận. Nhưng tùy trường hợp cụ thể và nội dung kiểm tra, ủy ban kiểm tra (cấp kiểm tra) yêu cầu đảng viên đó trình bày ở cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn,... mà đảng viên đó là thành viên, không nhất thiết phải trình bày ở chi bộ. Các cuộc họp để đảng viên được kiểm tra trình bày đều có đại diện cấp kiểm tra tham dự.

- Các tổ chức đảng (chi bộ, cấp ủy...) phải có kết luận bằng văn bản về những nội dung kiểm tra đối với đảng viên được kiểm tra (ưu điểm, khuyết điểm hoặc vi phạm nếu có và nguyên nhân); nếu thấy có vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì biểu quyết đề nghị hình thức kỷ luật. Trường hợp đảng viên vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì ủy ban kiểm tra (cấp kiểm tra) xem xét, quyết định hoặc đề nghị cấp ủy xem xét, quyết định thi hành kỷ luật theo thẩm quyền. Nếu đảng viên vi phạm đến mức phải xử lý bằng pháp luật thì chuyển cơ quan pháp luật xem xét, xử lý, nhưng ủy ban kiểm tra vẫn phải chủ động xem xét, kết luận về kỷ luật đảng đối với những nội dung vi phạm đã rõ. Khi có kết quả xử lý của cơ quan pháp luật có thẩm quyền thì xem xét lại kỷ luật đảng cho đúng mức.

2. Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các nguyên tắc tổ chức của Đảng; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng

2.1- Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các nguyên tắc tổ chức của Đảng

- Nội dung kiểm tra:

Kiểm tra dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng; nghị quyết, chỉ thị, các nguyên tắc tổ chức của Đảng, trước hết là những dấu hiệu vi phạm về nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc; về đoàn kết nội bộ, về giữ gìn phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên; về chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước.

- Đối tượng kiểm tra:

Kiểm tra các tổ chức đảng cấp dưới, trước hết là các tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp; khi cần, mới kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới cách nhiều cấp. Khi kiểm tra các tổ chức đảng, có thể kết hợp kiểm tra một số đảng viên là cán bộ chủ chốt của tổ chức đảng đó.

- Cách tiến hành:

+ Việc nắm tình hình, phát hiện dấu hiệu vi phạm, phân tích, lựa chọn để quyết định nội dung, đối tượng kiểm tra, thông báo kế hoạch kiểm tra tiến hành như kiểm tra đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm theo hướng dẫn ở trên.

Trong kế hoạch kiểm tra, cần ghi cụ thể cả những nội dung kết hợp kiểm tra đối với một số đảng viên của tổ chức đảng đó.

+ Có thể tổ chức lấy ý kiến bằng thư góp ý về nội dung kiểm tra đến một số đối tượng nhất định. Ví dụ: kiểm tra một ban thường vụ cấp ủy có thể lấy ý kiến của cấp ủy viên và cán bộ do cấp ủy cùng cấp quản lý, của ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp dưới trực tiếp.

+ Tổ chức hội nghị để tổ chức đảng được kiểm tra trình bày về nội dung kiểm tra. Hội nghị thảo luận làm rõ và kết luận về các nội dung đó bằng văn bản.

+ Qua kiểm tra, ủy ban kiểm tra kết luận về những nội dung kiểm tra (đúng, sai, khuyết điểm hoặc vi phạm nếu có và nguyên nhân) của tổ chức đảng và đảng viên được kiểm tra; chỉ rõ những vấn đề cần khắc phục, xem xét, giải quyết. Nếu đối tượng kiểm tra có vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì căn cứ đối tượng (tổ chức hoặc cá nhân) và mức độ, tính chất vi phạm mà ủy ban kiểm tra xem xét, quyết định hoặc đề nghị cấp ủy quyết định kỷ luật theo thẩm quyền.

- Lưu ý: Khi kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm, nếu cần có thể kiểm tra các tổ chức đảng cấp dưới cách nhiều cấp của tổ chức đảng đó và những đảng viên có liên quan.

2.2- Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra

- Nội dung kiểm tra:

Kiểm tra việc xây dựng phương hướng nhiệm vụ kiểm tra, xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra theo Điều 30 và Điều 32, Điều lệ Đảng; việc lãnh đạo và chỉ đạo

các tổ chức đảng trong đảng bộ thực hiện công tác kiểm tra, bao gồm cả việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức hoạt động của ủy ban kiểm tra; kết quả kiểm tra của cấp ủy, tổ chức đảng.

- Đối tượng kiểm tra:

Kiểm tra các tổ chức đảng cấp dưới, trước hết là cấp ủy cấp dưới trực tiếp chưa làm tốt hoặc có khó khăn trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra.

- Cách tiến hành: Theo quy trình do Ủy ban Kiểm tra Trung ương ban hành.

2.3- Kiểm tra việc thi hành kỷ luật trong Đảng

- Nội dung kiểm tra:

Kiểm tra việc thi hành kỷ luật trong Đảng theo mốc thời gian nhất định. Tập trung kiểm tra việc thực hiện phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thủ tục thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng và đảng viên. Kiểm tra việc giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng, những vụ khiếu nại đã giải quyết, đang giải quyết hoặc những vụ vì lý do nào đó mà chưa giải quyết. Xem xét các vụ kỷ luật đã được xử lý nhưng có dấu hiệu xử lý không đúng mức, các vụ vi phạm đến mức phải xử lý nhưng không xử lý. Kiểm tra việc chấp hành các quyết định, chỉ thị, thông báo của tổ chức đảng cấp trên có liên quan đến việc thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

- Đối tượng kiểm tra:

Kiểm tra các tổ chức đảng cấp dưới có thẩm quyền thi hành kỷ luật, trước hết là cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp dưới trực tiếp, nhất là những nơi có nhiều tổ chức đảng hoặc đảng viên vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật nhưng không xử lý

hoặc xử lý không đúng mức; những nơi có nhiều thư khiếu nại về kỷ luật đảng.

- *Cách tiến hành:* Theo quy trình do Ủy ban Kiểm tra Trung ương ban hành.

2.4- Một số điểm cần lưu ý khi tiến hành kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng

- Phải kết luận về ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân của tổ chức đảng được kiểm tra trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo Điều 30, Điều lệ Đảng hoặc trong việc thực hiện phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thủ tục thi hành kỷ luật trong Đảng. Chỉ rõ những yêu cầu, nội dung cụ thể mà tổ chức đảng cần tập trung kiểm tra trong thời gian tới; những vấn đề cần kịp thời khắc phục, sửa chữa trong việc thi hành kỷ luật đảng; đồng thời nêu rõ những biện pháp giúp đỡ tổ chức đảng khắc phục khó khăn, sửa chữa khuyết điểm, nâng cao chất lượng, hiệu quả kiểm tra và việc thi hành kỷ luật trong Đảng.

- Khi kiểm tra việc thi hành kỷ luật trong Đảng:

+ Nếu có trường hợp vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật nhưng tổ chức đảng cấp dưới không xử lý hoặc xử lý không đúng mức thì ủy ban kiểm tra (cấp kiểm tra) yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới xử lý kỷ luật hoặc thay đổi, xóa bỏ hình thức kỷ luật đã quyết định trong một thời gian được xác định, hoặc căn cứ thẩm quyền mà quyết định, hoặc đề nghị cấp ủy quyết định hình thức kỷ luật cho phù hợp.

+ Nếu phát hiện những trường hợp liên quan đến các vụ kỷ luật do cấp ủy cấp mình hoặc do tổ chức đảng cấp trên

quyết định mà có vấn đề cần xem xét lại thì đề nghị với tổ chức đảng đã quyết định kỷ luật đó xem xét, giải quyết.

+ Cần kết hợp với việc giải quyết khiếu nại kỷ luật của đảng viên và tổ chức đảng ở một đảng bộ trong một thời gian nhất định để có thêm căn cứ nhận xét, đánh giá ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân trong việc thực hiện phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thủ tục thi hành kỷ luật của tổ chức đảng được kiểm tra.

3. Giám sát cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ diện cấp ủy cùng cấp quản lý và tổ chức đảng cấp dưới về việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, nghị quyết của cấp ủy và đạo đức, lối sống theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương

- Đối tượng giám sát:

+ Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp dưới, trước hết là cấp dưới trực tiếp.

+ Các ban của cấp ủy cấp mình, các ban cán sự đảng, đảng đoàn thuộc cấp ủy cấp mình quản lý.

+ Cấp ủy viên cùng cấp, kể cả bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ; đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý.

- Nội dung giám sát:

Giám sát đối với tổ chức đảng:

+ Giám sát tổ chức đảng cấp dưới trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng; nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, kết luận của cấp ủy cấp trên và của cấp ủy cấp mình; việc thực hiện nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; thực hiện chức

năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; thực hiện quy chế làm việc; thực hiện chương trình, kế hoạch công tác toàn khóa, hằng năm của cấp ủy, tổ chức đảng trên các lĩnh vực và công tác cán bộ.

+ Việc thực hiện quy chế làm việc của cấp ủy cấp mình.

Giám sát đối với đảng viên:

+ Việc chấp hành Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, kết luận của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

+ Việc thực hiện tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên; thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống; việc giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và thực hiện nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú.

+ Thực hiện những điều cán bộ, công chức và đảng viên không được làm.

+ Thực hiện chế độ kê khai và công khai tài sản của cán bộ, đảng viên theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

+ Việc chấp hành quy chế làm việc của cấp ủy (đối với cấp ủy viên cùng cấp).

- Cách tiến hành giám sát:

+ Thành viên ủy ban kiểm tra dự các cuộc họp của cấp ủy cùng cấp.

+ Thành viên ủy ban và cán bộ, chuyên viên theo dõi địa bàn, lĩnh vực dự các cuộc họp, hội nghị thường kỳ, đột xuất của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp dưới; các hội nghị của tổ chức đảng cấp dưới.

+ Trực tiếp, thường xuyên theo dõi địa bàn, lĩnh vực, nắm vững tình hình phục vụ cho việc phát hiện dấu hiệu vi phạm của đảng viên và tổ chức đảng cấp dưới.

+ Tham gia các đoàn công tác của cấp ủy cấp mình.

+ Thông qua báo cáo, thông báo kết quả các cuộc kiểm tra của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp; thông qua báo cáo kết quả tự phê bình của tổ chức đảng cấp dưới gửi ủy ban kiểm tra cấp trên.

+ Tổ chức lấy ý kiến về tổ chức đảng và đảng viên bằng hình thức thích hợp.

+ Trao đổi, nắm tình hình từ các tổ chức đảng trong các cơ quan bảo vệ pháp luật, các đoàn thể chính trị - xã hội; thông qua phản ảnh của quần chúng, các phương tiện thông tin đại chúng và đơn thư tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng để nắm tình hình về tổ chức đảng và đảng viên.

+ Thông qua các văn bản, báo cáo của cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới gửi ủy ban kiểm tra cấp trên.

- Thẩm quyền và trách nhiệm:

+ Thành viên ủy ban kiểm tra và cán bộ kiểm tra được yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên giải trình, cung cấp văn bản, tài liệu, báo cáo về các vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm giám sát được giao; có trách nhiệm bảo mật văn bản, tài liệu được cung cấp và chịu trách nhiệm về việc giám sát theo thẩm quyền trước ủy ban kiểm tra cấp mình.

+ Qua giám sát, thành viên ủy ban kiểm tra và cán bộ kiểm tra phải kịp thời báo cáo ủy ban kiểm tra để ủy ban kiểm tra kiến nghị cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới kịp thời

phát huy ưu điểm, nhắc nhở, uốn nắn, khắc phục, sửa chữa khuyết điểm.

Nếu phát hiện cấp ủy cấp dưới ban hành các quyết định không đúng với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thì ủy ban kiểm tra yêu cầu cấp ủy cấp dưới sửa chữa, nếu không sửa chữa thì báo cáo cấp ủy cấp mình xem xét trách nhiệm của cấp ủy cấp dưới và những đảng viên có liên quan.

Nếu phát hiện tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên có dấu hiệu vi phạm thì báo cáo ủy ban kiểm tra để kiểm tra.

4. Xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật, quyết định hoặc đề nghị cấp ủy thi hành kỷ luật

Thông qua thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, giải quyết tố cáo, sinh hoạt nội bộ, phân tích, bình xét chất lượng đảng viên hoặc kết luận của cơ quan pháp luật, qua xem xét, đề nghị về kỷ luật của tổ chức đảng cấp dưới,... nếu phát hiện đảng viên vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì ủy ban kiểm tra quyết định hoặc xem xét, chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp ủy quyết định thi hành kỷ luật theo thẩm quyền. Nội dung thực hiện cụ thể được hướng dẫn ở phần thứ hai của văn bản này.

5. Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên; giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng

5.1- Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên

Tố cáo trong Đảng là việc công dân, đảng viên báo cho tổ chức đảng hoặc cán bộ, đảng viên có trách nhiệm biết về

hành vi của tổ chức đảng hoặc đảng viên mà người tố cáo cho là sai trái, vi phạm Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Trường hợp cơ quan, tổ chức cung cấp các thông tin, báo cáo cho tổ chức đảng, đảng viên có trách nhiệm về hành vi vi phạm của tổ chức đảng hoặc đảng viên thì không phải là tố cáo.

- Yêu cầu, nguyên tắc trong việc giải quyết tố cáo:

+ Tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết tố cáo bao gồm cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp, có nhiệm vụ giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc phạm vi quản lý của cấp ủy cấp mình.

Khi nhận được tố cáo phải phân loại (theo nội dung, đối tượng,...), phân công giải quyết và giải quyết các trường hợp thuộc phạm vi trách nhiệm của mình hoặc phối hợp với các tổ chức đảng có thẩm quyền để giải quyết. Chậm nhất là 90 ngày đối với các tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương trở xuống; 180 ngày đối với cấp Trung ương, kể từ ngày nhận được tố cáo (gửi, phản ánh trực tiếp hoặc theo dấu bưu điện chuyển đến) phải xem xét, giải quyết. Trường hợp hết thời hạn mà chưa giải quyết xong thì phải thông báo cho người tố cáo biết.

Tổ chức đảng và đảng viên nhận được thư tố cáo phải bảo đảm bí mật cho người tố cáo. Không để người bị tố cáo chủ trì giải quyết tố cáo đối với mình. Không để người tố cáo hoặc người có liên quan đến tố cáo giải quyết tố cáo. Ủy ban kiểm tra hoặc cấp giải quyết tố cáo phải xử lý hoặc đề nghị cấp ủy xử lý hay chỉ đạo xử lý nghiêm minh bằng kỷ luật đảng,

kỷ luật hành chính hoặc pháp luật những trường hợp trù dập, trả thù người tố cáo; cản trở, dìm bỏ, không xem xét, giải quyết tố cáo; bao che cho những việc làm sai trái của đối tượng bị tố cáo; để lộ nội dung tố cáo, tên người tố cáo cho đối tượng bị tố cáo, người không có trách nhiệm biết; lợi dụng tố cáo để xuyên tạc sự thật, vu cáo, đả kích, gây dư luận xấu đối với người khác.

Trường hợp tố cáo có liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành thì cấp ủy chỉ đạo ủy ban kiểm tra phối hợp với các tổ chức đảng có liên quan giải quyết (theo quy định phối hợp của Trung ương và của các cấp ủy trực thuộc Trung ương).

+ Người tố cáo phải trình bày trung thực sự việc, ghi rõ họ, tên, địa chỉ, chịu trách nhiệm về nội dung tố cáo và bằng chứng mà mình đưa ra. Nếu phản ảnh trực tiếp thì phải được ghi lại thành văn bản, người tố cáo phải ký tên chịu trách nhiệm vào văn bản đó. Không được gửi hoặc phổ biến nội dung tố cáo, tên người bị tố cáo, nội dung thông báo giải quyết tố cáo của tổ chức đảng có thẩm quyền cho những tổ chức hoặc cá nhân không có trách nhiệm trong việc giải quyết tố cáo.

+ Tổ chức đảng và đảng viên bị tố cáo phải nghiêm túc tự kiểm tra mình, trình bày rõ ràng, trung thực, đầy đủ, kịp thời về những vấn đề bị tố cáo khi các tổ chức đảng có thẩm quyền yêu cầu; tự giác nhận rõ sai lầm, khuyết điểm (nếu có) và có quyền đưa ra bằng chứng xác thực để chứng minh nội dung tố cáo không đúng; không được truy tìm, trấn áp, trù dập, trả thù người phê bình, tố cáo dưới bất kỳ hình thức nào.

+ Tổ chức đảng quản lý đối tượng bị tố cáo phải bảo đảm quyền dân chủ của đảng viên và quần chúng trong việc

giám sát, tố cáo, phản ảnh về những tổ chức đảng và đảng viên vi phạm. Phối hợp và thực hiện đầy đủ yêu cầu của tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

Trong thời gian tổ chức đảng có thẩm quyền đang giải quyết, chưa kết luận thì phải bảo đảm các quyền của đảng viên, của tổ chức đảng bị tố cáo; giáo dục đảng viên, tổ chức đảng thực hiện nghiêm chỉnh các yêu cầu của tổ chức đảng giải quyết tố cáo.

+ Những người lợi dụng việc tố cáo để vu cáo, đả kích cá nhân, chia rẽ bè phái, gây rối nội bộ cũng phải được xem xét, xử lý kỷ luật đảng hoặc đề nghị tổ chức có thẩm quyền xử lý theo Luật khiếu nại, tố cáo.

- Nội dung tố cáo phải giải quyết:

Những nội dung tố cáo có liên quan đến tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên; liên quan đến việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng; nghị quyết, chỉ thị, các nguyên tắc tổ chức của Đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc; đoàn kết nội bộ, phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên; chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước. Những nội dung tố cáo mà ủy ban kiểm tra chưa đủ điều kiện xem xét thì kiến nghị cấp ủy hoặc phối hợp hay yêu cầu tổ chức đảng của cơ quan nhà nước, cơ quan pháp luật có thẩm quyền giải quyết.

Không xem xét, giải quyết những tố cáo giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ và những tố cáo có tên đã được cấp có thẩm quyền do Điều lệ Đảng quy định xem xét, kết luận, nay tố cáo lại, nhưng không có thêm tài liệu, chứng cứ mới; những tố cáo có tên nhưng nội dung không cụ thể, không có

căn cứ để thẩm tra, xác minh; những tố cáo sao chụp chữ ký mà không ký trực tiếp.

- Đối tượng bị tố cáo phải giải quyết:

+ Với đảng viên: tập trung giải quyết các tố cáo cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý; người bị tố cáo có liên quan đến công tác nhân sự của cấp ủy cấp mình. Đối tượng bị tố cáo là cấp ủy viên cấp mình, đồng thời là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý thì do ủy ban kiểm tra cấp trên chủ trì giải quyết, có sự phối hợp của ủy ban kiểm tra cùng cấp. Đối tượng bị tố cáo là cán bộ do cấp ủy cấp mình quản lý nhưng khi được bổ nhiệm phải có ý kiến của các ban có liên quan của cấp ủy cấp trên thì phải báo cáo để có sự chỉ đạo, hoặc phối hợp của ủy ban kiểm tra cấp trên.

+ Với tổ chức đảng: tập trung giải quyết tố cáo các tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp. Nếu tố cáo tổ chức đảng cấp dưới cách nhiều cấp thì tổ chức đảng cấp trên chuyển cho tổ chức đảng cấp dưới có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

- Cách tiến hành:

+ Ủy ban kiểm tra chỉ đạo việc nghiên cứu, phân loại tố cáo, nắm tình hình để có kế hoạch giải quyết.

+ Đối tượng bị tố cáo phải giải trình về các nội dung tố cáo bằng văn bản, gửi cho ủy ban kiểm tra; trình bày trước chi bộ để chi bộ xem xét, kết luận. Đảng viên bị tố cáo là cấp ủy viên cùng cấp hoặc tham gia nhiều cấp ủy và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý, thì tùy nội dung tố cáo cụ thể có thể trình bày ở các tổ chức đảng (cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn,...) hoặc chỉ

trình bày ở một tổ chức đảng là do cấp kiểm tra quyết định, để các tổ chức đảng đó xem xét, kết luận. Tổ chức đảng bị tố cáo phân công người thay mặt tập thể chuẩn bị và trình bày giải trình về nội dung bị tố cáo trước hội nghị của tổ chức đảng cấp mình, có đại diện của cấp ủy và ủy ban kiểm tra (cấp giải quyết) tham dự.

+ Sau khi nghe đại diện tổ chức đảng hoặc đảng viên bị tố cáo trình bày, đại diện ủy ban kiểm tra (cấp giải quyết) gợi ý thêm những vấn đề cần làm rõ. Hội nghị các tổ chức đảng nói trên (chi bộ, cấp ủy,...) thảo luận, đóng góp ý kiến, xem xét, kết luận những nội dung có thể kết luận; nếu thấy có vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì biểu quyết đề nghị hình thức kỷ luật.

+ Ủy ban kiểm tra (cấp giải quyết) nếu thấy nội dung kết luận của các tổ chức đảng nêu trên (chi bộ, cấp ủy,...) là đúng thì có kết luận cuối cùng về nội dung tố cáo đó. Nếu thấy có vấn đề chưa rõ, chưa nhất trí hoặc mới phát sinh thì tiếp tục thẩm tra, xác minh để có đủ căn cứ kết luận. Nếu đối tượng bị tố cáo vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì quyết định kỷ luật hay đề nghị cấp ủy xem xét, quyết định hoặc chỉ đạo tổ chức đảng cấp dưới quyết định thi hành kỷ luật theo thẩm quyền. Trường hợp đảng viên bị tố cáo vi phạm đến mức phải xử lý bằng pháp luật thì tiến hành như đã nêu ở khoản 1 Điều 32.

+ Quá trình giải quyết tố cáo, ủy ban kiểm tra có thể trưng cầu giám định chuyên môn, kỹ thuật về những nội dung có liên quan và phối hợp, kết hợp với các cơ quan chức năng giải quyết.

+ Ủy ban kiểm tra (cấp giải quyết) thông báo kết quả kiểm tra cho đảng viên và tổ chức đảng quản lý đảng viên bị tố cáo, tổ chức đảng bị tố cáo để chấp hành; đồng thời gửi cho tổ chức đảng cấp trên trực tiếp của tổ chức đảng bị tố cáo biết. Bằng hình thức thích hợp, báo cho người tố cáo biết những nội dung cần thiết về kết quả giải quyết tố cáo.

5.2- Giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng

- Một số yêu cầu, nguyên tắc trong việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại:

+ Đối với tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

Cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

Việc giải quyết khiếu nại của tổ chức đảng và đảng viên phải tiến hành tuần tự từ ủy ban kiểm tra hoặc cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức đảng đã quyết định thi hành kỷ luật.

Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra khi nhận được khiếu nại kỷ luật phải báo cho đối tượng khiếu nại biết. Chậm nhất là 90 ngày đối với cấp tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương trở xuống; 180 ngày đối với cấp Trung ương, kể từ ngày nhận được khiếu nại (gửi trực tiếp hoặc theo dấu bưu điện chuyển đến) phải xem xét, giải quyết, trả lời cho đối tượng khiếu nại. Nghiêm cấm các hành vi cản trở, dìm bỏ, không xem xét, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng. Trường hợp hết thời hạn mà chưa giải quyết xong thì phải thông báo cho đối tượng khiếu nại biết.

Ủy ban kiểm tra có trách nhiệm xem xét, đề xuất ý kiến giải quyết và chuẩn bị hồ sơ các vụ khiếu nại kỷ luật thuộc

thẩm quyền giải quyết của cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy cấp mình.

+ Đối tượng bị thi hành kỷ luật không đồng ý với quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật thì được khiếu nại lên tổ chức đảng cấp trên, lần lượt cho đến Ban Chấp hành Trung ương. Thời hạn khiếu nại trong vòng một tháng, tính từ ngày tổ chức đảng và đảng viên vi phạm được tổ chức đảng có thẩm quyền công bố và giao quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật (căn cứ biên bản công bố quyết định kỷ luật, hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật) đến ngày tổ chức đảng và đảng viên bị thi hành kỷ luật gửi thư khiếu nại (gửi trực tiếp hoặc theo dấu bưu điện ở nơi chuyển đi).

Không khiếu nại vượt cấp khi tổ chức đảng có thẩm quyền chưa giải quyết xong. Không gửi thư khiếu nại đến nhiều cấp cùng một lúc, đến các tổ chức và cá nhân không có thẩm quyền giải quyết. Không khiếu nại hộ đảng viên bị thi hành kỷ luật.

Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật của tổ chức đảng có thẩm quyền đã công bố.

+ Sau khi công bố quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật mà đối tượng bị kỷ luật có khiếu nại trực tiếp đến cấp mình, thì chủ động xem xét lại, nếu thấy quyết định của cấp mình không đúng mức thì thay đổi quyết định đó cho phù hợp.

Khi tổ chức đảng cấp trên tiến hành giải quyết khiếu nại thì phải xem xét nghiêm túc quyết định của mình và phải

chấp hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại của tổ chức đảng cấp trên.

+ Tổ chức đảng trực tiếp quản lý đối tượng khiếu nại phối hợp với tổ chức đảng có thẩm quyền để giải quyết khiếu nại; giáo dục đối tượng khiếu nại thực hiện đầy đủ các yêu cầu của tổ chức đảng giải quyết khiếu nại; chấp hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại của tổ chức đảng cấp trên.

- Phạm vi giải quyết khiếu nại:

+ Chỉ giải quyết những nội dung quyết định kỷ luật đảng mà đối tượng bị kỷ luật có khiếu nại.

+ Tổ chức đảng cấp trên chỉ giải quyết khiếu nại kỷ luật do tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp đã quyết định kỷ luật hoặc đã có quyết định giải quyết khiếu nại.

+ Ủy ban kiểm tra phải giải quyết hoặc giúp cấp ủy giải quyết thư khiếu nại về kỷ luật đảng thuộc phạm vi trách nhiệm của cấp mình, trước hết phải giải quyết những trường hợp bị xử lý khai trừ (đối với đảng viên), giải tán (đối với tổ chức đảng) hoặc những trường hợp có liên quan đến nhân sự cấp ủy, chính quyền, đoàn thể.

+ Trường hợp người bị thi hành kỷ luật có khiếu nại chưa được giải quyết mà đã qua đời thì tổ chức đảng vẫn phải xem xét giải quyết; nếu thân nhân (cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con) có đề nghị cho biết kết quả thì thông báo tóm tắt kết quả giải quyết khiếu nại cho tổ chức đảng nơi cư trú và thân nhân của người đó biết.

+ Không giải quyết những trường hợp khiếu nại sau đây: quá thời hạn một tháng theo quy định của Điều lệ Đảng; đã

hoặc đang được cấp trên có thẩm quyền giải quyết; đã được cấp có thẩm quyền cao nhất xem xét, kết luận, nay khiếu nại tiếp, nhưng người khiếu nại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để làm rõ sự việc; bị tòa án quyết định hình phạt từ cải tạo không giam giữ trở lên chưa được tòa án có thẩm quyền quyết định hủy bỏ bản án; cá nhân, tập thể và tổ chức đảng khiếu nại hộ cho tổ chức đảng, đảng viên bị thi hành kỷ luật; khiếu nại khi chưa có quyết định kỷ luật của tổ chức đảng có thẩm quyền.

Thư khiếu nại về xử lý hành chính, về lịch sử chính trị, tính tuổi đảng, xóa tên trong danh sách đảng viên,... thì chuyển cơ quan chức năng có thẩm quyền giải quyết và báo cho người khiếu nại biết.

- Cách tiến hành:

+ Khi nhận đơn khiếu nại, tổ chức đảng phải báo cho người khiếu nại biết và yêu cầu chờ giải quyết; trường hợp không thuộc thẩm quyền giải quyết thì chuyển tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết.

Phải nghiên cứu kỹ hồ sơ kỷ luật và gặp đối tượng khiếu nại để nắm vững nội dung khiếu nại. Khi đang giải quyết khiếu nại nếu đối tượng tự nguyện có đơn xin rút thì thôi giải quyết. Tuyệt đối không được ép buộc đối tượng rút đơn khiếu nại.

Làm việc với các tổ chức đảng (đã đề nghị, quyết định kỷ luật và giải quyết khiếu nại kỷ luật) để trao đổi về nội dung vi phạm, tình tiết, diễn biến của sự việc dẫn đến xử lý kỷ luật; làm rõ những điểm khác nhau giữa nội dung khiếu nại kỷ luật với quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết

khiếu nại (nếu có) trước đây; trao đổi về nội dung, mức độ, tính chất, tác hại và nguyên nhân của vi phạm; biểu quyết đề nghị hình thức kỷ luật.

Việc chuẩn y, thay đổi, xóa bỏ hình thức kỷ luật trước đây thuộc trách nhiệm của các tổ chức đảng có thẩm quyền. Qua làm việc, nếu có vấn đề chưa rõ thì phải tiếp tục thẩm tra, xác minh để kết luận.

+ Do nhiệm vụ chính trị của từng thời kỳ cách mạng khác nhau, đặc điểm, yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của mỗi tổ chức, mỗi lĩnh vực không giống nhau, nên khi giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng, nhất là những vụ kỷ luật xảy ra đã lâu mà đơn khiếu nại vẫn còn thời hiệu giải quyết, phải có quan điểm lịch sử, cụ thể, không máy móc, cứng nhắc nhưng cũng không được giản đơn, tùy tiện.

- Quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật:

+ Chỉ có đảng ủy cơ sở, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên mới có thẩm quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật đối với đảng viên do tổ chức đảng cấp dưới đã quyết định. Chỉ có cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy từ huyện, quận và tương đương trở lên mới có thẩm quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật đối với tổ chức đảng do cấp ủy cấp dưới quyết định. Trường hợp phải thay đổi hình thức kỷ luật cao hơn, vượt quá thẩm quyền thì phải báo cáo tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định tại Điều 36, Điều lệ Đảng.

+ Ban thường vụ, ủy ban kiểm tra của đảng ủy cơ sở có trách nhiệm xem xét khiếu nại kỷ luật của đảng viên do chi

bộ quyết định nhưng không có thẩm quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật mà phải đề nghị đảng ủy cơ sở xem xét, quyết định.

6. Kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp

- Chỉ có cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp và cơ quan tài chính cấp ủy mới có quyền kiểm tra tài chính của Đảng.

- Quá trình kiểm tra, nếu có tố cáo phải thực hiện theo đúng quy định về giải quyết tố cáo. Các vi phạm pháp luật trong quản lý tài chính, tài sản của Đảng, ngoài việc phải xử lý bằng kỷ luật đảng, nếu vi phạm đến mức phải xem xét, xử lý bằng pháp luật thì chuyển cơ quan pháp luật xử lý.

6.1- Nội dung kiểm tra

- Đối với cấp ủy cấp dưới:

+ Kiểm tra việc ban hành các chủ trương, quy định, quyết định về tài chính của cấp ủy.

+ Kiểm tra việc chấp hành và chỉ đạo tổ chức đảng cấp dưới (cơ quan tài chính của cấp ủy, các ban và cấp ủy cấp dưới) chấp hành các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, chính sách, chế độ, nguyên tắc về tài chính của Đảng và Nhà nước; việc thực hiện các nguyên tắc thu chi, lập, phê duyệt dự toán, cấp phát, phê duyệt quyết toán, sử dụng tài chính, tài sản,...; việc chấp hành các quy định của Luật kế toán, Luật ngân sách nhà nước, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, tiêu cực...; việc chấp hành các quy định về chế

độ kế toán, chứng từ; việc kiểm tra tài chính đối với tổ chức đảng trực thuộc; kiểm tra việc ủy quyền cho cơ quan tài chính làm chủ sở hữu tài sản của Đảng.

- Đối với cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp:

Kiểm tra việc chấp hành các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, chế độ, chính sách về quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Đảng và Nhà nước trong quá trình hoạt động tài chính theo chức năng, nhiệm vụ được giao; việc chấp hành sự chỉ đạo, các chủ trương, quy định, quyết định của cấp ủy cấp mình và cơ quan tài chính cấp ủy cấp trên; việc tham mưu cho cấp ủy quyết định các chủ trương, chính sách, chế độ thu chi, quản lý tài chính và tài sản của Đảng; giúp cấp ủy lập dự toán ngân sách, quản lý thực hiện ngân sách, báo cáo phê duyệt thanh quyết toán tài chính; việc chấp hành các quy định của Luật kế toán, Luật ngân sách nhà nước,...; việc hướng dẫn và kiểm tra về nghiệp vụ công tác tài chính đối với cơ quan tài chính cấp ủy cấp dưới; việc thực hiện chức trách được ủy nhiệm chủ sở hữu tài sản của Đảng do cấp ủy giao.

- Đối với các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp có thu của Đảng: ngoài sự kiểm tra của ủy ban kiểm tra và cơ quan tài chính cấp ủy, còn chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan chức năng nhà nước theo quy định hiện hành.

- Đối với những khoản do ngân sách nhà nước trực tiếp chi như đầu tư xây dựng cơ bản, đề tài nghiên cứu khoa học,... ủy ban kiểm tra và cơ quan tài chính đảng có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chức năng nhà nước tổ chức kiểm tra.

- Nội dung kiểm tra thu, nộp đảng phí chủ yếu do đảng ủy cơ sở tiến hành.

6.2- Đối tượng kiểm tra

Tập trung kiểm tra tài chính cấp ủy cấp dưới trực tiếp và của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp; khi cần thiết thì kiểm tra cấp dưới cách nhiều cấp.

Kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới là kiểm tra ban thường vụ cấp ủy, trước hết là thường trực cấp ủy và đồng chí thường vụ được phân công phụ trách trực tiếp công tác tài chính đảng. Khi kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới có thể kiểm tra các cơ quan tài chính trực thuộc cấp ủy đó để có cơ sở đánh giá, kết luận toàn diện.

Kiểm tra cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp là kiểm tra ban tài chính quản trị hoặc bộ phận ngân sách đảng thuộc văn phòng cấp ủy. Khi kiểm tra cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp có thể kiểm tra cơ quan tài chính cấp II thuộc cấp ủy cùng cấp để đánh giá đúng hoạt động tài chính của cơ quan tài chính của cấp ủy.

6.3- Cách tiến hành

Theo quy trình do Ủy ban Kiểm tra Trung ương ban hành.

+ Trước khi báo cáo ủy ban kiểm tra (cấp kiểm tra), tổ (hoặc đoàn) kiểm tra phải trao đổi dự thảo kết luận kiểm tra đối với tổ chức đảng và đảng viên được kiểm tra, có biên bản ghi rõ những nội dung còn có ý kiến khác nhau. Khi báo cáo, tổ (đoàn) kiểm tra phải báo cáo đầy đủ cả những ý kiến chưa thống nhất để ủy ban kiểm tra (cấp kiểm tra) xem xét, kết luận.

+ Khi kiểm tra, có thể kiểm tra toàn diện, có thể chỉ kiểm tra một số nội dung: thu chi ngân sách, sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản, kiểm tra đảng phí.

7. Một số lưu ý trong việc thực hiện Điều 32, Điều lệ Đảng

- Tiến hành kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm, kiểm tra tài chính đảng, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và việc thi hành kỷ luật trong Đảng, nhất thiết phải lập tổ (hoặc đoàn) kiểm tra.

- Các tổ (đoàn) kiểm tra cần tiến hành thẩm tra, xác minh, nghiên cứu tình hình cụ thể để hướng dẫn, động viên, thuyết phục đối tượng kiểm tra tự giác chuẩn bị văn bản giải trình trước hội nghị chi bộ (và các hội nghị khác). Sau hội nghị, cần trao đổi trực tiếp với đối tượng kiểm tra, với cấp ủy quản lý đối tượng kiểm tra về những nội dung dự kiến kết luận. Tổ (đoàn) kiểm tra phải báo cáo các ý kiến khác nhau về kết luận kiểm tra, đồng thời đề xuất những vấn đề thuộc cơ chế, chính sách... (nếu có) để ủy ban kiểm tra (cấp kiểm tra) xem xét, kết luận.

Tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ phải chấp hành đầy đủ, kịp thời các kết luận, quyết định, thông báo theo thẩm quyền của cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra về công tác kiểm tra, về kỷ luật đảng. Sau cuộc kiểm tra, ban kiểm tra cần tiến hành đôn đốc, kiểm tra việc thi hành các kết luận, quyết định, thông báo nói trên (những việc cần phải làm, khắc phục, sửa chữa những trường hợp vi phạm cần xem xét, xử lý,...) để bảo đảm việc chấp hành

nghiêm chỉnh Điều lệ Đảng và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng.

Cấp kiểm tra phải kết luận và xử lý hoặc giúp cấp ủy xử lý kỷ luật theo thẩm quyền; khi cần thiết, có thể chỉ đạo tổ chức đảng cấp dưới xử lý theo đúng quyết định của cấp mình đối với tổ chức đảng và đảng viên vi phạm (nếu có).

- Cần phân biệt phạm vi kiểm tra của ủy ban kiểm tra chỉ là các đảng viên và tổ chức đảng khi có dấu hiệu vi phạm, hẹp hơn phạm vi kiểm tra của cấp ủy, của tổ chức đảng khi kiểm tra chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng; kiểm tra cả nơi chấp hành tốt, cả nơi có dấu hiệu vi phạm.

- Ủy ban kiểm tra của cấp ủy địa phương có trách nhiệm chủ động, trực tiếp tiến hành các nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật đảng đối với đảng viên và tổ chức đảng quân sự, biên phòng địa phương và công an nhân dân địa phương theo quy định của Điều lệ Đảng. Khi tiến hành, có sự phối hợp với ủy ban kiểm tra của đảng ủy quân sự, đảng ủy bộ đội biên phòng cấp trên hoặc của đảng ủy công an nhân dân cấp trên, đều do ủy ban kiểm tra của cấp ủy địa phương chủ trì và kết luận (theo quy chế phối hợp của các cấp ủy đảng có thẩm quyền).

Điều 33. Ủy ban kiểm tra có quyền yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên báo cáo, cung cấp tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra.

Trong quá trình tiến hành công tác kiểm tra, giám sát, khi ủy ban kiểm tra yêu cầu, các tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên phải thực hiện nghiêm chỉnh các yêu cầu đó. Các tổ chức đảng và đảng viên nếu thấy có vấn đề cần tham gia ý

kiến thì phản ảnh với ủy ban kiểm tra, không được gây khó khăn, trở ngại cho việc kiểm tra, giám sát. Chỉ có cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cùng cấp và cấp ủy cấp trên hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên mới có quyền kiểm tra lại kết luận, thông báo, quyết định của ủy ban kiểm tra.

Khi các cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới gửi các văn bản, báo cáo cho tổ chức đảng cấp trên thì đồng gửi ủy ban kiểm tra cấp trên.

Phần thứ hai

VIỆC THI HÀNH KỶ LUẬT TRONG ĐẢNG

Cần tập trung vào những vi phạm về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng; về chấp hành nguyên tắc tổ chức của Đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ; suy thoái về tư tưởng chính trị, về đạo đức, phẩm chất và lối sống. Cụ thể:

- Lợi dụng dân chủ để tuyên truyền chống Đảng; cố ý nói, viết và làm trái Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng; vô tổ chức, vô kỷ luật, không chấp hành nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước.

- Vi phạm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ; cơ hội, kèn cựa, địa vị, độc đoán, chuyên quyền, lợi dụng quyền dân chủ để kéo bè, kéo cánh, gây mất đoàn kết nội bộ.

- Những hành vi tham nhũng, buôn lậu của cán bộ, đảng viên ở bất kỳ cấp nào, lĩnh vực nào.

- Quan liêu, thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý để địa phương, đơn vị mình trực tiếp phụ trách xảy ra lãng phí,

tham nhũng, mất đoàn kết hoặc các tiêu cực khác, gây hậu quả nghiêm trọng. Bản thân gây thiệt hại về kinh tế phải bồi hoàn nhưng cố ý không bồi hoàn.

- Suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống: nghiện ma túy, rượu, bia đến mức bê tha, tổ chức hoặc tham gia các hoạt động không lành mạnh, bất chính như bia ôm, karaoke ôm, cờ bạc ăn tiền, hành nghề đồng cốt, thầy cúng, thầy bói, lập đền, miếu trái phép, tham gia tà đạo,...

Đảng viên ở bất kỳ cương vị nào, nếu vi phạm một trong những nội dung trên đều phải xử lý nghiêm minh. Đối với những vi phạm khác nếu đến mức phải xử lý kỷ luật cũng phải xem xét, thi hành kỷ luật kịp thời để hạn chế và phòng ngừa vi phạm.

Điều 35.

1. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm kỷ luật phải xử lý công minh, chính xác, kịp thời

Khi thi hành kỷ luật phải căn cứ nội dung, mức độ, tính chất, tác hại và nguyên nhân vi phạm mà xem xét, quyết định hình thức kỷ luật cho phù hợp.

Tất cả đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng, nếu vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật đều phải thi hành kỷ luật, không có ngoại lệ, không phân biệt chức vụ cao hay thấp, tuổi đảng nhiều hay ít,...

- Trong xử lý, phải kết hợp xem xét kết quả tự phê bình và phê bình với kết quả thẩm tra, xác minh của tổ chức đảng để bảo đảm kết luận khách quan, chính xác; không bỏ sót vi phạm. Khi xem xét, xử lý cần làm rõ

nguyên nhân, phân biệt sai lầm, khuyết điểm do trình độ, năng lực hoặc động cơ vì lợi ích chung mà dẫn đến phạm sai lầm, khuyết điểm hay vì lợi ích cá nhân, cục bộ mà cố ý làm trái; vi phạm nhất thời hay có hệ thống; đã qua giáo dục, ngăn chặn vẫn làm trái; không tự giác nhận lỗi, không bồi hoàn vật chất hoặc có hành vi đối phó với việc kiểm tra; phân biệt người khởi xướng, tổ chức, quyết định với người bị lôi kéo, đồng tình làm sai.

Đối với đảng viên là người dân tộc thiểu số công tác, sinh hoạt ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa có nhiều khó khăn, đảng viên theo tôn giáo vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì tùy theo tình hình thực tế mà vận dụng xử lý cho phù hợp.

Kỷ luật đảng không thay thế cho kỷ luật hành chính, kỷ luật đoàn thể hoặc việc xử lý bằng pháp luật và ngược lại. Cấp ủy quản lý đảng viên sau khi xem xét, xử lý hoặc chỉ đạo việc xem xét, xử lý về kỷ luật đảng thì phải chỉ đạo các tổ chức có trách nhiệm xem xét, xử lý kỷ luật về hành chính hoặc đoàn thể được kịp thời. Trường hợp không thuộc thẩm quyền của mình thì phải kiến nghị với tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, xử lý. Khi các tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội đình chỉ công tác hoặc thi hành kỷ luật đối với cán bộ, hội viên, đoàn viên là đảng viên thì chủ động thông báo cho tổ chức đảng quản lý đảng viên đó để xem xét, xử lý kỷ luật đảng. Sau khi giải quyết khiếu nại kỷ luật về đảng, nếu có thay đổi hình thức kỷ luật, tổ chức đảng có thẩm quyền phải chỉ đạo việc xem xét lại hình thức kỷ luật về hành chính, về đoàn thể.

Đảng viên vi phạm pháp luật đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì phải chuyển cơ quan pháp luật khởi

tố, điều tra, truy tố, xét xử theo pháp luật, không được giữ lại để xử lý nội bộ. Nếu làm thất thoát tài sản của Nhà nước, của tập thể, của người khác thì phải bồi hoàn.

Trường hợp đảng viên vi phạm kỷ luật khi đang công tác, nhưng sau khi chuyển công tác hoặc nghỉ hưu mới phát hiện vi phạm thì vẫn xem xét, kết luận. Nếu có vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì căn cứ nội dung, mức độ, tính chất, tác hại và nguyên nhân vi phạm mà áp dụng hình thức kỷ luật phù hợp.

Đối với đảng viên là cấp ủy viên các cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp ủy các cấp quản lý đã nghỉ hưu nếu có vi phạm khi đang công tác, nay mới phát hiện thì thẩm quyền thi hành kỷ luật của các tổ chức đảng được thực hiện như đối với đảng viên là cấp ủy viên các cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp ủy các cấp quản lý đang đương chức; nếu có vi phạm kỷ luật khi đã nghỉ hưu thì do tổ chức đảng quản lý đảng viên đó xử lý kỷ luật theo thẩm quyền.

Đảng viên sau khi chuyển công tác sang tổ chức đảng khác nếu phát hiện vi phạm kỷ luật ở nơi công tác cũ mà chưa được xem xét, xử lý thì do tổ chức đảng cấp trên của các tổ chức đó xem xét, xử lý theo phân cấp quản lý cán bộ.

2. Hình thức kỷ luật

- Đối với tổ chức đảng: khiển trách, cảnh cáo, giải tán.

- Đối với đảng viên chính thức: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ.

- Đối với đảng viên dự bị: khiển trách, cảnh cáo.

Đảng viên chính thức vi phạm nghiêm trọng đến mức phải khai trừ thì phải thi hành kỷ luật bằng hình thức khai

trừ, không áp dụng biện pháp xóa tên trong danh sách đảng viên, cũng không chấp nhận việc xin ra khỏi Đảng.

Đảng viên dự bị vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì áp dụng hình thức kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo và khi hết thời hạn dự bị, chi bộ vẫn tiến hành xét công nhận đảng viên chính thức. Nếu vi phạm đến mức không còn đủ tư cách đảng viên thì xóa tên trong danh sách đảng viên, không thi hành kỷ luật bằng hình thức khai trừ.

Điều 36. Thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm.

Chỉ có các tổ chức đảng do Điều lệ Đảng quy định và Ban Chấp hành Trung ương ủy quyền mới có thẩm quyền thi hành kỷ luật đối với đảng viên vi phạm.

Thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm của các tổ chức đảng do Điều lệ Đảng quy định như sau:

1. Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ (kể cả cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ do cấp trên giao).

Đảng ủy cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ, cách chức cấp ủy viên cấp dưới.

Đảng ủy cơ sở được ủy quyền quyết định kết nạp đảng viên thì có quyền quyết định khai trừ đảng viên, nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý.

- Chi bộ:

Chi bộ (gồm chi bộ cơ sở, chi bộ trong đảng bộ cơ sở hoặc đảng bộ bộ phận) quyết định khiển trách, cảnh cáo đối với

đảng viên trong chi bộ (kể cả đảng viên là cấp ủy viên các cấp, đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ do cấp trên giao). Nếu phải áp dụng hình thức kỷ luật cao hơn, chi bộ đề nghị lên cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Quyết định kỷ luật khiển trách, cảnh cáo của chi bộ đối với đảng viên là cấp ủy viên các cấp, là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý phải báo cáo lên cấp ủy (hoặc các cấp ủy) mà đảng viên đó là thành viên, cấp ủy và ủy ban kiểm tra của cấp ủy quản lý cán bộ đó để biết.

- Đảng ủy cơ sở:

+ Quyết định khiển trách, cảnh cáo đối với đảng viên. Đối với cấp ủy viên cấp trên trực tiếp trở lên và cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý sinh hoạt tại đảng bộ, nếu vi phạm phải áp dụng hình thức kỷ luật thì đảng ủy đề nghị lên cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

+ Quyết định cách chức bí thư, phó bí thư, cấp ủy viên của chi bộ hoặc đảng ủy bộ phận trực thuộc nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý.

+ Đảng ủy cơ sở được ủy quyền quyết định kết nạp đảng viên thì có quyền quyết định kỷ luật đối với đảng viên như thẩm quyền của đảng ủy cơ sở và được quyền quyết định khai trừ đảng viên, nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý.

- Lưu ý:

+ Đảng ủy bộ phận và ban thường vụ đảng ủy cơ sở không được quyền thi hành kỷ luật đảng viên, nhưng có trách nhiệm thẩm tra việc đề nghị thi hành kỷ luật của chi bộ. Ban thường vụ đảng ủy cơ sở còn có trách nhiệm thẩm tra đề nghị của ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở để kiến nghị với đảng ủy cơ sở xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

+ Trường hợp tất cả cấp ủy viên của chi bộ và của đảng bộ cơ sở đều bị thi hành kỷ luật khiển trách, cảnh cáo thì báo cáo để tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên ra văn bản quyết định.

+ Việc cách chức, khai trừ đối với cấp ủy viên của chi bộ cơ sở do chi bộ cơ sở đề nghị, ban thường vụ cấp ủy cấp huyện, quận hoặc tương đương quyết định.

2. Cấp ủy tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên cùng cấp

Ban thường vụ cấp ủy quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp và cấp trên.

- Cấp ủy tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương:

+ Quyết định các hình thức kỷ luật đối với đảng viên.

+ Đối với các hình thức khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên cùng cấp, sau khi cấp ủy biểu quyết đủ số phiếu quy định, quá một nửa số phiếu cho một hình thức kỷ luật thì ra quyết định và đồng chí bí thư hoặc phó bí thư thường trực cấp ủy thay mặt cấp ủy ký quyết định đó.

Trường hợp cấp ủy viên cấp mình đồng thời là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên trực tiếp quản lý (bí thư, phó bí thư, kể cả ủy viên thường vụ trực, chủ tịch ủy ban nhân dân, chủ tịch hội đồng nhân dân,...), sau khi cấp ủy biểu quyết đề nghị thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo thì cấp ủy báo cáo để ban thường vụ cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định; ở cấp tỉnh, thành và đảng ủy trực thuộc Trung ương thì báo cáo Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, quyết định theo thẩm quyền; những trường hợp không thuộc thẩm quyền thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương báo cáo đề nghị Ban Bí thư, Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

Đối với các hình thức cách chức, khai trừ cấp ủy viên cấp mình, sau khi cấp ủy biểu quyết đủ số phiếu đề nghị theo quy định thì cấp ủy đề nghị ủy ban kiểm tra cấp trên báo cáo ban thường vụ cấp ủy cùng cấp xem xét, quyết định. Ở cấp tỉnh, thành và đảng ủy trực thuộc Trung ương thì báo cáo Ủy ban Kiểm tra Trung ương để báo cáo Ban Bí thư, Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

- Ban thường vụ cấp ủy tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương:

+ Quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp.

+ Quyết định các hình thức kỷ luật đối với đảng viên, kể cả bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ, cấp ủy viên cấp dưới trực tiếp và cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp mình quản lý nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp.

3. Ban Chấp hành Trung ương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị

Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, nhưng không phải là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

4. Ủy ban kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp; quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý và cấp ủy viên cấp dưới trực tiếp

- Ủy ban kiểm tra của đảng ủy cơ sở không được quyền thi hành kỷ luật đảng viên, nhưng có trách nhiệm xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến với đảng ủy cơ sở và ủy ban kiểm tra cấp trên trong việc xử lý kỷ luật đảng viên.

- Ủy ban kiểm tra của cấp ủy huyện, quận và tương đương quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên cơ sở (kể cả bí thư, phó bí thư, ủy viên thường vụ) và cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp mình quản lý nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp; quyết định các hình thức kỷ luật đối với đảng viên, kể cả đảng viên là bí thư, phó bí thư, cấp ủy viên của chi bộ, đảng ủy bộ phận trực thuộc đảng bộ cơ sở hoặc cán bộ thuộc diện đảng ủy cơ sở quản lý nhưng không phải là đảng ủy viên đảng ủy cơ sở hay cán bộ do cấp ủy huyện, quận và cấp tương đương quản lý.

- Ủy ban kiểm tra của tỉnh ủy, thành ủy và của cấp ủy tương đương quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên huyện, quận và tương đương (kể cả bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ); cán bộ thuộc diện tỉnh ủy, thành ủy và cấp ủy tương đương quản lý nhưng không phải là tỉnh ủy, thành ủy, cấp ủy viên cấp tương đương; quyết định các hình thức kỷ luật đối với đảng viên, kể cả bí thư, phó bí thư, cấp ủy viên cơ sở trở xuống nhưng không phải là cấp ủy viên cấp huyện, quận hoặc cán bộ do cấp ủy tỉnh, thành và cấp tương đương quản lý.

5. Cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp trên có quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật do cấp dưới quyết định

Quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật của cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp trên đã nêu ở mục 5.2, Điều 32.

6. Đảng viên giữ nhiều chức vụ bị kỷ luật cách chức thì tùy mức độ, tính chất vi phạm mà cách một hay nhiều chức vụ

Chức vụ nói ở đây bao gồm: chức vụ trong Đảng do đại hội bầu, cấp ủy bầu, chỉ định hoặc bổ nhiệm đối với đảng viên đó.

Trường hợp đảng viên tham gia nhiều cấp ủy, vi phạm đến mức phải cách chức cấp ủy viên cao nhất hoặc khai trừ thì ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp của cấp ủy cấp cao nhất mà đảng viên đó là thành viên quyết định. Nếu phải cách chức cấp ủy viên ở một cấp dưới do ban thường vụ cấp ủy quản lý đảng viên đó quyết định. Ví dụ: đồng chí

bí thư đảng ủy xã là huyện ủy viên bị cách chức bí thư đảng ủy xã thì ban thường vụ huyện ủy quyết định, bị cách chức huyện ủy viên hoặc khai trừ do ban thường vụ tỉnh ủy quyết định.

Đảng viên giữ nhiều chức vụ vi phạm kỷ luật phải cách chức một, một số hay tất cả các chức vụ hoặc phải khai trừ, thì tổ chức đảng quản lý đảng viên đó quyết định. Ví dụ: đồng chí giám đốc sở kiêm bí thư đảng ủy cơ quan sở bị cách chức bí thư đảng ủy thì do ban thường vụ tỉnh ủy quyết định (không thuộc thẩm quyền của ban thường vụ đảng ủy khối trực thuộc tỉnh ủy quyết định).

Trong cùng một cấp ủy, nếu chỉ cách chức bí thư, phó bí thư thì còn chức ủy viên ban thường vụ. Nếu cách chức ủy viên ban thường vụ thì còn chức cấp ủy viên. Khi cách chức cấp ủy viên thì đương nhiên không còn chức bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ. Khi cách chức ủy viên ủy ban kiểm tra thì đương nhiên không còn là chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra của cấp ủy đó nữa.

- Đảng viên tham gia nhiều cấp ủy, giữ nhiều chức vụ, bị thi hành kỷ luật bằng hình thức cách chức một chức vụ đang giữ, thì cấp ủy có thẩm quyền phải xem xét đến các chức vụ khác, có thể cách chức hoặc cho thôi giữ một hoặc nhiều chức vụ khác.

- Việc thi hành kỷ luật đối với ủy viên ủy ban kiểm tra là cấp ủy viên tiến hành như đối với cấp ủy viên. Nếu ủy viên ủy ban kiểm tra không phải là cấp ủy viên thì việc thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo tiến hành như đối với cán bộ do cấp ủy cùng cấp quản lý; trường hợp cách chức, khai trừ thì do cấp ủy cùng cấp quyết định.

- Trường hợp cấp ủy viên vi phạm đến mức cách chức nhưng lại chủ động xin rút khỏi cấp ủy, thì vẫn phải thi hành kỷ luật bằng hình thức cách chức, không chấp nhận cho rút khỏi cấp ủy.

Điều 37. Thẩm quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng vi phạm.

1. Cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định khiển trách, cảnh cáo tổ chức đảng cấp dưới.

2. Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng do cấp ủy cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp ủy cấp trên cách một cấp quyết định. Quyết định này phải báo cáo lên cấp ủy cấp trên trực tiếp và Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

3. Chỉ giải tán một tổ chức đảng khi tổ chức đảng đó phạm một trong các trường hợp sau: có hành động chống đường lối, chính sách của Đảng; vi phạm đặc biệt nghiêm trọng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng hoặc pháp luật của Nhà nước.

- Đảng ủy cơ sở, cấp ủy và ban thường vụ cấp ủy huyện, quận và tương đương trở lên có quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng theo quy định của Điều lệ Đảng. Ủy ban kiểm tra các cấp không được quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng nhưng có trách nhiệm xem xét, kết luận, đề xuất ý kiến với cấp ủy trong việc xử lý kỷ luật tổ chức đảng.

- Thi hành kỷ luật một tổ chức đảng phải xem xét và quy rõ trách nhiệm của tổ chức đó để xử lý cho đúng. Đồng thời, phải xem xét trách nhiệm cá nhân và thi hành kỷ luật đối với những đảng viên vi phạm có liên quan đến vi phạm của tổ chức đảng.

- Khi tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật thì tất cả thành viên trong tổ chức ấy đều phải chịu trách nhiệm, phải ghi rõ nội dung, hình thức kỷ luật đối với tổ chức vào lý lịch từng thành viên. Những thành viên không tán thành hoặc không liên quan trực tiếp đến quyết định sai lầm của tổ chức đó cũng được ghi rõ vào lý lịch đảng viên.

- Tổ chức đảng bị khiển trách, cảnh cáo do cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định. Tổ chức đảng bị giải tán do cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp đề nghị; cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy cấp trên một cấp quyết định. Ví dụ: giải tán chi bộ trong đảng bộ cơ sở thì đảng ủy cơ sở đề nghị; ban thường vụ huyện ủy, quận ủy, cấp ủy tương đương quyết định. Đảng ủy đảng bộ bộ phận không có thẩm quyền thi hành kỷ luật.

- Những tổ chức đảng vi phạm một trong các nội dung sau đây thì giải tán:

+ Có hành động chống đối quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng với các hành vi cụ thể như: tổ chức, kích động, xúi giục, cưỡng bức quần chúng mít tinh, biểu tình trái với quy định của pháp luật; xuyên tạc sự thật, xuyên tạc lịch sử, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng; có hành động cụ thể chống Đảng.

+ Vi phạm đặc biệt nghiêm trọng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng hoặc pháp luật Nhà nước với các hành vi cụ thể như: bỏ nhiều kỳ không sinh hoạt; cố ý không chấp hành nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, chính sách, các nguyên tắc, quy chế, quy định, quyết định của Đảng, pháp luật Nhà nước; chia rẽ bè phái, mất đoàn kết nghiêm trọng, không còn vai trò và tác dụng lãnh đạo đối với địa phương, đơn vị.

Ngoài hai nội dung nêu trên, nếu tổ chức đảng có vi phạm những nội dung sau thì cần làm rõ nội dung, tính chất, mức độ, tác hại và nguyên nhân vi phạm (do cố ý, do nhận thức không đúng, do năng lực lãnh đạo yếu, do cơ chế,...) và căn cứ việc tự phê bình, tiếp thu phê bình, sửa chữa sai lầm, khuyết điểm để vận dụng xử lý bằng hình thức phù hợp.

Vì lợi ích cục bộ mà có nghị quyết, quyết định sai (cấp đất, bán đất, cho đấu thầu đất sai quy định, khai không đúng các khoản phí, lệ phí do nhân dân đóng góp, huy động vốn nhưng mất khả năng thanh toán, quy định để tỷ lệ phần trăm bồi dưỡng để xin vốn, khoanh nợ, giảm diện tích, giấu nguồn thu, trích lại các khoản tiền hỗ trợ khắc phục thiên tai, trợ giá, lập quỹ trái phép,...) nhằm thu tiền, chi tiêu sai mục đích dẫn đến làm thất thoát, tham nhũng, lãng phí gây hậu quả xấu; hữu khuynh, buông lỏng lãnh đạo, quản lý, điều hành để tổ chức và nhiều cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật đảng, kỷ luật hành chính và pháp luật Nhà nước,...; không chấp hành nghiêm chế độ tự phê bình, phê bình, chế độ kiểm tra, bao che vi phạm.

Điều 38.

1. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm không thuộc thẩm quyền quyết định kỷ luật của cấp mình thì đề nghị lên cấp có thẩm quyền quyết định.

- Các tổ chức đảng có quyền quyết định hoặc đề nghị thi hành kỷ luật theo quy định của Điều lệ Đảng. Khi xử lý kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm, phải quyết định theo đúng thẩm quyền, nếu không thuộc thẩm quyền thì đề nghị tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Việc biểu quyết kỷ luật (biểu quyết đề nghị, biểu quyết quyết định) phải bằng phiếu kín. Trường hợp biểu quyết kỷ luật không đủ số phiếu cần thiết thì báo cáo đầy đủ bằng văn bản kết quả bỏ phiếu để tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới không xử lý hoặc xử lý không đúng mức đối với tổ chức đảng và đảng viên vi phạm thì cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên quyết định các hình thức kỷ luật theo thẩm quyền, đồng thời xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng đó.

Qua hoạt động công tác kiểm tra, giám sát, nếu phát hiện có trường hợp vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật nhưng tổ chức đảng cấp dưới không xử lý hoặc xử lý không đúng mức thì cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp quyết định xử lý kỷ luật theo thẩm quyền, không phải làm thủ tục từ dưới lên. Tổ chức đảng cấp dưới, tổ chức đảng và đảng viên vi phạm bị xử lý phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử lý kỷ luật của tổ chức đảng cấp trên.

Đối với tổ chức đảng có trách nhiệm xem xét, xử lý, nhưng không xử lý hoặc xử lý không đúng mức tổ chức đảng và đảng viên vi phạm là có dấu hiệu vi phạm Điều lệ Đảng, phải được kiểm tra làm rõ đúng, sai và nguyên nhân; nếu xét thấy có vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì phải xử lý đúng mức tổ chức đảng đó.

3. Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng và khai trừ đảng viên phải được ít nhất hai phần ba số thành viên của tổ chức đảng cấp dưới đề nghị và do tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định.

Quyết định kỷ luật hoặc đề nghị thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo, cách chức đối với đảng viên; khiển trách, cảnh cáo đối với tổ chức đảng phải được biểu quyết với sự đồng ý của trên một nửa số đảng viên hoặc cấp ủy viên của tổ chức đảng đó. Trường hợp khai trừ đảng viên, giải tán tổ chức đảng thì phải được sự đồng ý của ít nhất hai phần ba số đảng viên hoặc cấp ủy viên của tổ chức đảng cấp dưới đề nghị và được sự đồng ý của trên một nửa số thành viên của tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền quyết định.

Một nửa hay hai phần ba quy định ở trên được tính trên tổng số thành viên có quyền biểu quyết của tổ chức đảng (ở chi bộ là số đảng viên chính thức, trừ số đảng viên được miễn sinh hoạt không có mặt tại cuộc họp; ở cấp ủy là tổng số cấp ủy viên), không phải tính trên số thành viên có mặt trong cuộc họp.

Điều 39.

1. Đảng viên vi phạm kỷ luật phải kiểm điểm trước chi bộ, tự nhận hình thức kỷ luật; nếu từ chối kiểm điểm hoặc bị tạm giam, tổ chức đảng vẫn tiến hành xem xét kỷ luật. Trường hợp cần thiết, cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp có thẩm quyền trực tiếp xem xét kỷ luật.

Cấp ủy hướng dẫn đảng viên vi phạm kỷ luật chuẩn bị tốt bản tự kiểm điểm. Hội nghị chi bộ thảo luận, góp ý kiến và kết luận rõ về nội dung, tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân vi phạm và biểu quyết (đề nghị hoặc quyết định) kỷ luật. Đại diện cấp ủy tham dự hội nghị chi bộ xem xét kỷ luật đảng viên là cấp ủy viên, là cán bộ thuộc diện cấp

ủy quản lý. Trường hợp có đầy đủ bằng chứng, nếu đảng viên vi phạm từ chối kiểm điểm hoặc bị tạm giam thì tổ chức đảng vẫn tiến hành xem xét kỷ luật.

Đảng viên vi phạm là cấp ủy viên hoặc cán bộ thuộc diện cấp ủy quản lý cùng với việc kiểm điểm ở chi bộ còn phải kiểm điểm ở những tổ chức đảng nào nữa thì do cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra của cấp ủy quản lý đảng viên đó quyết định. Ví dụ: một đảng viên là huyện ủy viên, trưởng phòng của huyện, sinh hoạt tại chi bộ trực thuộc huyện ủy vi phạm kỷ luật thì chi bộ, huyện ủy có trách nhiệm trực tiếp xem xét, kiểm điểm đảng viên đó. Trường hợp đặc biệt (đảng viên vi phạm khi thực hiện nhiệm vụ cấp trên giao hoặc nội dung vi phạm liên quan đến bí mật của Đảng và Nhà nước mà chi bộ không biết hay đảng viên vi phạm trước khi chuyển đến sinh hoạt ở chi bộ, đảng viên vi phạm trong cùng một vụ án có liên quan đến nhiều người, nhiều ngành, nhiều cấp,...) thì cấp ủy và ủy ban kiểm tra có thẩm quyền trực tiếp xem xét, quyết định kỷ luật, không cần yêu cầu đảng viên đó phải kiểm điểm trước chi bộ.

2. Tổ chức đảng vi phạm phải kiểm điểm, tự nhận hình thức kỷ luật và báo cáo lên cấp ủy cấp trên quyết định.

Nếu tổ chức đảng có vi phạm kỷ luật thì cơ quan lãnh đạo (thường trực cơ quan lãnh đạo) hoặc người đứng đầu của tổ chức đảng đó chuẩn bị nội dung kiểm điểm, báo cáo trước hội nghị tổ chức mình để kiểm điểm làm rõ đúng, sai, nội dung, mức độ, tính chất, tác hại, nguyên nhân của vi phạm, trách nhiệm của tổ chức, các thành viên và biểu quyết tự nhận hình thức kỷ luật của tổ chức, của từng thành viên có

liên quan và báo cáo lên tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định. Đại diện của tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền tham dự hội nghị này.

3. Trước khi quyết định kỷ luật, đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền nghe đảng viên vi phạm hoặc đại diện tổ chức đảng vi phạm trình bày ý kiến.

- Trước khi quyết định kỷ luật, đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền nghe đảng viên vi phạm trình bày ý kiến và ý kiến này được báo cáo đầy đủ (cùng với bản tự kiểm điểm của đảng viên đó) khi tổ chức đảng có thẩm quyền họp để xem xét, quyết định kỷ luật.

- Đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền quy định ở điểm này là đại diện của cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp có thẩm quyền thi hành kỷ luật. Đại diện của cấp ủy có thẩm quyền do cấp ủy phân công, có thể là bí thư, phó bí thư thường trực, ủy viên thường vụ là chủ nhiệm ủy ban kiểm tra hoặc trưởng ban tổ chức, cấp ủy viên phụ trách khối công tác hoặc địa bàn (nơi đảng viên và tổ chức đảng vi phạm sinh hoạt hoặc hoạt động). Đại diện ủy ban kiểm tra có thể là chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban phụ trách địa bàn hoặc lĩnh vực công tác.

Trình bày ý kiến với tổ chức đảng có thẩm quyền trước khi bị thi hành kỷ luật là quyền và trách nhiệm của tổ chức đảng và đảng viên. Nếu đảng viên hoặc người đại diện tổ chức đảng vi phạm, vì một lý do nào đó mà không trực tiếp trình bày ý kiến với tổ chức đảng có thẩm quyền khi được yêu cầu thì phải báo cáo với tổ chức đảng có thẩm quyền bằng văn bản và nghiêm chỉnh chấp hành quyết định kỷ luật của tổ chức đảng có thẩm quyền.

4. Quyết định của cấp dưới về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải báo cáo lên cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp; nếu đảng viên vi phạm tham gia nhiều cơ quan lãnh đạo của Đảng thì phải báo cáo đến các cơ quan lãnh đạo cấp trên mà đảng viên đó là thành viên.

5. Quyết định của cấp trên về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải được thông báo đến cấp dưới, nơi có tổ chức đảng và đảng viên vi phạm; trường hợp cần thông báo rộng hơn thì do cấp ủy có thẩm quyền quyết định.

Quyết định thi hành kỷ luật, quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên vi phạm phải được trao cho tổ chức đảng và đảng viên vi phạm để chấp hành. Nếu cần thông báo rộng hơn thì do cấp ủy quản lý đảng viên đó quyết định.

Phạm vi thông báo các quyết định thi hành kỷ luật, quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật đối với đảng viên là cấp ủy viên các cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý do cấp ủy quản lý đảng viên đó quyết định.

6. Kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm có hiệu lực ngay sau khi công bố quyết định.

Ở chi bộ, quyết định khiển trách, cảnh cáo đối với đảng viên có hiệu lực ngay sau khi chi bộ công bố kết quả biểu quyết quyết định kỷ luật. Trong vòng 10 ngày sau đó, chi ủy làm văn bản để báo cáo cấp trên và lưu hồ sơ. Văn bản của chi bộ (trong đảng bộ bộ phận, trong đảng bộ cơ sở) được đóng dấu của đảng ủy cơ sở vào phía trên, góc trái. Đảng ủy cơ sở hoặc cấp ủy cấp trên trực tiếp không phải ra quyết định chuẩn y.

Tổ chức đảng có thẩm quyền sau khi ký quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật, phải kịp thời công bố, chậm nhất không quá 15 ngày kể từ ngày ký. Tổ chức đảng ký quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật có thể trực tiếp công bố hoặc ủy quyền cho tổ chức đảng cấp dưới công bố. Tổ chức đảng cấp dưới được ủy quyền chậm nhất không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định, phải công bố quyết định cho tổ chức đảng hoặc đảng viên bị kỷ luật hoặc khiếu nại kỷ luật. Nếu quá hạn trên, phải báo cáo ngay với cấp có thẩm quyền quyết định.

Việc công bố quyết định kỷ luật, công bố quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật phải có đại diện tổ chức đảng ra quyết định (hoặc được ủy quyền công bố quyết định), đại diện tổ chức đảng quản lý đảng viên bị thi hành kỷ luật, đại diện tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật, đảng viên bị thi hành kỷ luật và phải lập biên bản lưu hồ sơ. Trường hợp đảng viên bị thi hành kỷ luật từ chối nghe công bố hoặc không nhận quyết định thì ghi vào biên bản, quyết định vẫn được công bố và có hiệu lực thi hành ngay.

Đề nghị của cấp dưới về thi hành kỷ luật cách chức, khai trừ đối với đảng viên và giải tán đối với tổ chức đảng nếu chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định và công bố thì đảng viên đó vẫn được sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp ủy, tổ chức đảng đó vẫn được hoạt động.

7. Tổ chức đảng, đảng viên không đồng ý với quyết định kỷ luật thì trong vòng một tháng kể từ ngày nhận quyết định có quyền khiếu nại với cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương.

Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

8. Khi nhận khiếu nại kỷ luật, cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra thông báo cho tổ chức đảng hoặc đảng viên khiếu nại biết; chậm nhất ba tháng đối với cấp tỉnh, thành phố, huyện, quận và tương đương, sáu tháng đối với cấp Trung ương kể từ ngày nhận được khiếu nại phải xem xét, giải quyết, trả lời cho tổ chức đảng và đảng viên khiếu nại biết.

9. Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức đảng và đảng viên bị kỷ luật phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật.

Các khoản 7, 8, 9 Điều 39 đã được nêu tại mục 5.2, Điều 32.

Điều 40.

1. Đảng viên bị hình phạt từ cải tạo không giam giữ trở lên phải khai trừ ra khỏi Đảng.

Khi cơ quan có thẩm quyền bắt (kể cả bắt trong trường hợp phạm pháp quả tang), khám xét khẩn cấp đối với công dân là đảng viên thì tổ chức đảng hoặc đảng viên là thủ trưởng cơ quan đó có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức đảng trực tiếp quản lý đảng viên đó biết về vi phạm của đảng viên.

Khi đảng viên bị khởi tố, truy tố hoặc bị tạm giam, nếu tổ chức đảng có thẩm quyền kết luận rõ đảng viên có vi phạm đến mức phải xử lý thì phải chủ động xem xét, xử lý kỷ luật đảng, không nhất thiết phải chờ kết luận hoặc tuyên phạt của tòa án có thẩm quyền. Sau khi có bản án hoặc quyết định của tòa án, nếu thấy cần thiết, tổ chức đảng có thẩm quyền

thi hành kỷ luật xem xét lại việc thi hành kỷ luật đảng đối với đảng viên đó.

Trường hợp bị tòa án có thẩm quyền tuyên phạt từ hình phạt cải tạo không giam giữ trở lên, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật phải khai trừ (đối với đảng viên chính thức) hoặc xóa tên trong danh sách đảng viên (đối với đảng viên dự bị).

Trường hợp đảng viên vi phạm pháp luật bị xử lý bằng các hình phạt thấp hơn thì tùy mức độ, tính chất vi phạm mà xem xét, quyết định thi hành kỷ luật đảng bằng hình thức thích hợp (kể cả khai trừ, nếu xét thấy vi phạm kỷ luật đến mức phải khai trừ). Trường hợp đảng viên bị xử oan, sai mà đã được tòa án có thẩm quyền quyết định hủy bỏ bản án, các tổ chức đảng có thẩm quyền phải xem xét lại việc thi hành kỷ luật đối với đảng viên đó, kể cả trường hợp đã chết.

2. Tổ chức đảng bị kỷ luật giải tán, cấp ủy cấp trên trực tiếp lập tổ chức đảng mới hoặc giới thiệu sinh hoạt đảng cho số đảng viên còn lại.

Đối với chi bộ, đảng bộ bị kỷ luật giải tán, sau khi được sự đồng ý của tổ chức đảng có thẩm quyền giải tán, cấp ủy cấp trên trực tiếp của chi bộ, đảng bộ đó ra quyết định lập chi bộ, đảng bộ mới.

Ở chi bộ, đảng bộ bị kỷ luật giải tán, có những đảng viên vi phạm chưa đến mức phải khai trừ, thì tổ chức đảng có thẩm quyền thi hành kỷ luật căn cứ nội dung, mức độ, tính chất, tác hại và nguyên nhân vi phạm của từng người mà xem xét, xử lý kỷ luật (khiển trách, cảnh cáo, cách chức)

trước khi quyết định chuyển sinh hoạt đảng đến chi bộ, đảng bộ mới lập hoặc giới thiệu sinh hoạt đến chi bộ, đảng bộ khác.

- Đối với cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy bị giải tán, cấp ủy cấp trên trực tiếp xem xét thi hành kỷ luật những thành viên của tổ chức đảng đó và chỉ định lập cấp ủy lâm thời, bầu ban thường vụ cấp ủy mới.

- Những đảng viên vi phạm đến mức phải kỷ luật khai trừ thì khai trừ ra khỏi Đảng. Tổ chức đảng có thẩm quyền thi hành kỷ luật ra quyết định khai trừ từng người một.

3. Đảng viên bị kỷ luật cách chức, trong vòng một năm kể từ ngày có quyết định, không được bầu vào cấp ủy, không được bổ nhiệm vào các chức vụ tương đương và cao hơn.

Đảng viên bị thi hành kỷ luật bằng hình thức cách chức, bao gồm cả chức vụ do đại hội bầu, cấp ủy bầu, chỉ định hoặc bổ nhiệm, trong vòng một năm kể từ ngày công bố quyết định, không được bầu vào cấp ủy (từ chi ủy trở lên), không chỉ định, bổ nhiệm vào các chức vụ tương đương và cao hơn.

4. Việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng, phải được cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra có thẩm quyền quyết định theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

- Đảng viên (kể cả cấp ủy viên) có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng (đến mức có thể phải khai trừ) mà có hành động cụ thể cố ý gây trở ngại cho hoạt động của cấp

ủy và công tác kiểm tra của Đảng hoặc bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền ra quyết định truy tố, tạm giam thì phải đình chỉ sinh hoạt đảng.

- Cấp ủy viên có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng (đến mức có thể phải cách chức cấp ủy viên) mà có hành động cụ thể cố ý gây trở ngại cho hoạt động của cấp ủy và công tác kiểm tra của Đảng hoặc bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền ra quyết định khởi tố thì phải đình chỉ sinh hoạt cấp ủy.

- Tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành động cụ thể cố ý gây trở ngại cho hoạt động của tổ chức đảng, cho công tác lãnh đạo và kiểm tra của Đảng thì đình chỉ hoạt động.

Lưu ý: Cấp ủy viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng đương nhiên bị đình chỉ sinh hoạt cấp ủy.

- Thẩm quyền đình chỉ sinh hoạt, hoạt động:

Tổ chức đảng quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên là tổ chức đảng có thẩm quyền khai trừ đối với đảng viên đó. Ví dụ: đình chỉ sinh hoạt đảng của một huyện ủy viên do ban thường vụ tỉnh ủy quyết định.

Tổ chức đảng quyết định đình chỉ sinh hoạt cấp ủy viên là tổ chức đảng có thẩm quyền cách chức cấp ủy viên đó. Ví dụ: đình chỉ sinh hoạt cấp ủy viên cơ sở do ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định.

Tổ chức đảng quyết định đình chỉ hoạt động của một tổ chức đảng là tổ chức đảng có thẩm quyền giải tán tổ chức đó. Ví dụ: ban thường vụ tỉnh ủy quyết định đình chỉ hoạt động của một cấp ủy cơ sở trực thuộc huyện ủy.

- Thời hạn đình chỉ sinh hoạt, hoạt động:

+ Thời hạn đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên và đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên có dấu hiệu vi phạm kỷ luật đảng là 90 ngày. Trường hợp cần thiết phải gia hạn, thì thời hạn đình chỉ kể cả gia hạn nhiều nhất không quá 180 ngày. Thời hạn đình chỉ hoạt động đối với tổ chức đảng nhiều nhất không quá 90 ngày.

+ Thời hạn đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên (kể cả cấp ủy viên) bị truy tố, bị tạm giam và thời hạn đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên bị khởi tố được tính theo thời hạn quy định của pháp luật (kể cả gia hạn, nếu có).

Tổ chức đảng quản lý đảng viên bị tạm giam hoặc truy tố hay bị khởi tố cần chủ động quan hệ với tổ chức đảng và đảng viên là thủ trưởng của cơ quan pháp luật (cơ quan điều tra, cơ quan kiểm sát, cơ quan xét xử) nắm chắc thời hạn tạm giam của đảng viên, cấp ủy viên, không để kéo dài so với quy định của pháp luật. Tổ chức đảng và đảng viên là thủ trưởng của cơ quan pháp luật có thẩm quyền quyết định khởi tố, tạm giam, truy tố đối với công dân là đảng viên, cấp ủy viên phải chủ động thông báo ngay bằng văn bản các quyết định nói trên (kể cả khi gia hạn) đến cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra của cấp ủy quản lý đảng viên, cấp ủy viên đó.

- Việc quyết định cho đảng viên, cấp ủy viên trở lại sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp ủy và tổ chức đảng trở lại hoạt động:

+ Tổ chức đảng có thẩm quyền phải nhanh chóng xem xét, kết luận nội dung vi phạm của đảng viên, cấp ủy viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp ủy, tổ chức đảng bị đình chỉ hoạt động để quyết định đảng viên, cấp ủy viên trở

lại sinh hoạt, tổ chức đảng trở lại hoạt động và xem xét, xử lý kỷ luật đảng bằng hình thức phù hợp; kịp thời chỉ đạo việc xem xét, xử lý kỷ luật về chính quyền, về các đoàn thể. Trường hợp không thuộc thẩm quyền thì phải chỉ đạo hoặc kiến nghị với các tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, quyết định. Trường hợp đảng viên đang bị tạm giam, bị truy tố, xét xử thì tổ chức đảng có thẩm quyền nếu nắm vững vi phạm của đảng viên đó, có thể quyết định thi hành kỷ luật ngay bằng hình thức phù hợp, không nhất thiết phải quyết định cho đảng viên, cấp ủy viên, tổ chức đảng trở lại sinh hoạt, hoạt động mới xem xét, xử lý kỷ luật.

+ Khi đảng viên không còn bị tạm giam và không bị cơ quan pháp luật truy tố, thì tổ chức đảng hoặc đảng viên là thủ trưởng của cơ quan pháp luật có trách nhiệm thông báo kịp thời bằng văn bản đến cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra của cấp ủy quản lý đảng viên đó để quyết định cho đảng viên trở lại sinh hoạt và xem xét, xử lý kỷ luật đảng (nếu đến mức phải thi hành kỷ luật). Trường hợp đình chỉ điều tra thì quyết định cho cấp ủy viên trở lại sinh hoạt cấp ủy.

Trường hợp hết thời hạn tạm giam, hoặc không bị tạm giam, nhưng vẫn bị truy tố, xét xử thì tổ chức đảng chưa quyết định cho đảng viên trở lại sinh hoạt đảng.

+ Về thủ tục ra quyết định đình chỉ, quyết định trở lại sinh hoạt, hoạt động:

Tổ chức đảng nào quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng thì tổ chức đảng đó quyết định cho đảng viên, cấp ủy viên, tổ chức đảng trở lại sinh

hoạt, hoạt động. Ủy ban kiểm tra giúp cấp ủy chuẩn bị các văn bản, quyết định các trường hợp thuộc thẩm quyền của cấp ủy.

*
* *

Hướng dẫn này được ban hành trong hệ thống Đảng tới các chi bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các tổ chức đảng và đảng viên có trách nhiệm thi hành.

Các hướng dẫn trước đây trái với nội dung Hướng dẫn này đều bãi bỏ.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 26-QĐ/TW, ngày 30 tháng 11 năm 2006

Thành lập Ban Chỉ đạo biên soạn lịch sử giai đoạn 10 năm chuyên gia Việt Nam giúp cách mạng Campuchia

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Xét đề nghị của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo biên soạn lịch sử giai đoạn 10 năm chuyên gia Việt Nam giúp cách mạng Campuchia, gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Tô Huy Rứa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Trưởng ban.

2. Đồng chí Phùng Hữu Phú, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Phó ban.

3. Đồng chí Phạm Xuân Sơn, Phó Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương, Ủy viên.

4. Đồng chí Nguyễn Đăng Thành, Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên.

5. Đồng chí Trung tướng Phạm Hồng Thanh, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Ủy viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ chỉ đạo việc xây dựng đề cương nghiên cứu, trình xin ý kiến Bộ Chính trị và biên soạn lịch sử theo đề cương đã được duyệt, báo cáo xin ý kiến Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề cần thiết trong quá trình biên soạn.

Điều 3. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương thẩm định và cấp kinh phí cho việc biên soạn cuốn lịch sử.

Điều 4. Các cơ quan liên quan và các đồng chí có tên tại Điều 1 thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 29-QĐ/TW, ngày 11 tháng 12 năm 2006

Về việc chỉ định thành viên Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy định về phân cấp quản lý cán bộ;
- Xét đề nghị của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định thành viên Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại gồm các đồng chí sau:

1. Đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Trưởng ban.

2. Đồng chí Nguyễn Hồng Vinh, Phó Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Phó Trưởng Ban.

3. Đồng chí Tạ Minh Châu, Phó Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương, Ủy viên.

4. Đồng chí Nguyễn Văn Thạo, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.

5. Đồng chí Ngô Anh Dũng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội, Ủy viên.

6. Đồng chí Lê Văn Bàng, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Ủy viên.

7. Đồng chí Thượng tướng Nguyễn Khánh Toàn, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Công an, Ủy viên.

8. Đồng chí Đỗ Quý Doãn, Thứ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin, Ủy viên.

9. Đồng chí Trần Xuân Hà, Thứ trưởng Bộ Tài chính, Ủy viên.

10. Đồng chí Trần Quốc Toản, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Ủy viên.

11. Đồng chí Vũ Văn Hiền, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, Ủy viên.

12. Đồng chí Trần Bình Minh, Phó Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam, Ủy viên.

13. Đồng chí Trần Mai Hưởng, Phó Tổng Giám đốc Thông Tấn xã Việt Nam, Ủy viên.

14. Đồng chí Vũ Xuân Hồng, Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Ủy viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 07-CT/TW, ngày 14 tháng 12 năm 2006

Về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác thương binh, liệt sĩ, người có công và phong trào "Đền ơn đáp nghĩa"

Phát huy truyền thống cao đẹp "Uống nước nhớ nguồn" của dân tộc, những năm qua Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách và tổ chức vận động toàn dân tham gia phong trào "Đền ơn đáp nghĩa" nhằm từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người có công với cách mạng, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tiếp tục xây dựng nét đẹp truyền thống trong đời sống văn hóa - xã hội của đất nước. Sau hơn 10 năm thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, đến nay, những vấn đề tồn đọng sau chiến tranh đã cơ bản được giải quyết.

Tuy nhiên, ở một số địa phương, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính sách, chế độ đối với người có công với cách mạng chưa được quan tâm đúng mức, còn để xảy ra sai sót, tiêu cực, gây ảnh hưởng xấu trong xã hội. Đời sống của một bộ phận gia đình thương binh, liệt sĩ và người

có công với cách mạng còn nhiều khó khăn, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ địa cách mạng.

Năm 2007, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta sẽ kỷ niệm 60 năm "Ngày thương binh, liệt sĩ" (27-7-1947 – 27-7-2007), một sự kiện quan trọng của đất nước, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng và chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt những nhiệm vụ sau:

1. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với gia đình liệt sĩ, thương binh, người có công với cách mạng và phong trào "Đền ơn đáp nghĩa" trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân nhằm phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc và những thành quả của công tác thương binh, liệt sĩ và người có công với cách mạng trong 60 năm qua.

2. Tổng kết việc thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, trên cơ sở đó từng địa phương, cơ quan, đơn vị xây dựng chương trình hành động tiến tới kỷ niệm 60 năm "Ngày thương binh, liệt sĩ".

3. Đẩy mạnh hơn nữa cuộc vận động "Toàn dân chăm sóc các gia đình thương binh, liệt sĩ và người có công với cách mạng"; ủng hộ quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" để giúp các gia đình chính sách khắc phục khó khăn, cải thiện cuộc sống.

4. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đầy đủ chính sách của Đảng và Nhà nước đối với thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ và người có công với cách mạng. Trong đó, đặc biệt quan tâm đến các gia đình chính sách có nhiều khó khăn, người có công với cách mạng hiện đang sống cô đơn, không nơi nương tựa, các gia đình chính sách ở vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ địa cách mạng.

5. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; chú trọng cải cách thủ tục hành chính, đồng thời có biện pháp phòng ngừa và xử lý nghiêm các vụ việc tiêu cực, thiếu tinh thần trách nhiệm, quan liêu, tham nhũng, cố ý làm trái trong quá trình thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng.

6. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các cấp ủy đảng có trách nhiệm lãnh đạo các ngành, địa phương, các đơn vị phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện tốt những nhiệm vụ trên đây và tổ chức kỷ niệm 60 năm "Ngày thương binh, liệt sĩ" một cách phong phú, sinh động, thiết thực, tránh lãng phí.

7. Giao Ban Cán sự đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Kinh tế Trung ương... theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 08-KL/TW, ngày 14 tháng 12 năm 2006

Về tình hình 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể

Tại phiên họp ngày 30-11-2006, sau khi nghe Đảng đoàn Liên minh Hợp tác xã Việt Nam báo cáo tình hình 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể; ý kiến phát biểu của các ban, bộ, ngành liên quan, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Về đánh giá tình hình

Ban Bí thư cơ bản nhất trí với những đánh giá về kết quả, thành tựu, nguyên nhân đã nêu trong Báo cáo và nhấn mạnh một số điểm sau:

Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã xác định: "Kinh tế tập thể phát triển với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt", "kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền

kinh tế quốc dân". Để thực hiện tốt chủ trương này, tại Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX), Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể. Sau 5 năm thực hiện đã đạt những kết quả tích cực:

Số lượng hợp tác xã, tổ hợp tác đã tăng lên đáng kể; các hợp tác xã cũ cơ bản đã được chuyển đổi; quá trình phát triển các hợp tác xã mới được đẩy mạnh theo hướng tích cực và đa dạng hơn, các tổ hợp tác phát triển mạnh, phù hợp với nhu cầu của người dân.

Các hợp tác xã được củng cố một bước về tổ chức quản lý, vốn quỹ, về trách nhiệm và quan hệ giữa xã viên với hợp tác xã; hoạt động của các hợp tác xã được đổi mới, thiết thực, gắn với lợi ích của xã viên và nhìn chung đã tuân thủ các nguyên tắc, quy định của Luật hợp tác xã. Các hợp tác xã nông nghiệp đã làm được các khâu dịch vụ cơ bản phục vụ sản xuất nông nghiệp, số hợp tác xã nông nghiệp hoạt động dịch vụ tổng hợp có xu hướng tăng và hoạt động có hiệu quả hơn. Liên kết giữa các hợp tác xã với nhau trong hoạt động kinh tế được coi trọng; liên kết giữa hợp tác xã với các tổ chức kinh tế khác theo hướng xây dựng mối quan hệ kinh doanh ổn định được tăng cường hơn.

Các hợp tác xã và tổ hợp tác đã có những đóng góp tích cực trong xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là ở vùng nông thôn, trong xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, xây dựng cộng đồng.

Thông qua hoạt động, các tổ hợp tác, hợp tác xã đã khẳng định được vai trò quan trọng không chỉ đối với sản xuất, kinh doanh, đời sống của hàng chục triệu người dân, mà còn là

nhân tố quan trọng góp phần thúc đẩy dân chủ hóa, bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị ở cơ sở, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế, ổn định xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, so với mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết thì khu vực kinh tế tập thể vẫn còn những *hạn chế* chủ yếu sau:

Chất lượng hoạt động và quản lý của nhiều hợp tác xã, tổ hợp tác còn thấp, còn nhiều xã viên vẫn chưa góp vốn tối thiểu theo điều lệ.

Năng lực nội tại còn yếu, phát triển không ổn định, vốn quỹ còn quá nhỏ, không để lại quỹ tái sản xuất, dự phòng theo quy định; nhiều hợp tác xã chưa có trụ sở làm việc; hoạt động lúng túng, chưa mở rộng được các hoạt động đa dạng, hiệu quả thấp, lợi ích kinh tế và xã hội đem lại cho thành viên chưa nhiều, nhiều hợp tác xã bị thua lỗ kéo dài; đội ngũ cán bộ quản lý năng lực yếu, không yên tâm làm việc lâu dài trong hợp tác xã. Các hợp tác xã chưa gắn bó với nhau, thiếu sự liên kết cả về kinh tế, xã hội và tổ chức.

Tỷ trọng trong GDP của khu vực hợp tác xã, tổ hợp tác đang có xu hướng giảm. Nguy cơ tụt hậu ngày càng xa; vị thế của kinh tế tập thể, hợp tác xã vẫn còn thấp kém; vai trò, vị trí của kinh tế tập thể, hợp tác xã bị xem nhẹ và không được thể hiện trong thực tế, nên chưa thực hiện tốt vai trò cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân, nhất là trong bối cảnh đòi hỏi phải chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Về nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

- Đến nay, một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, xã viên nhận thức về bản chất, vai trò, tính tất yếu khách quan

của kinh tế tập thể chưa đầy đủ, thiếu thống nhất, thậm chí có nơi, có lúc sai lệch; hiểu chưa đúng về bản chất của hợp tác xã kiểu mới; chưa nhận biết rõ và phân biệt được sự khác nhau giữa mô hình hợp tác xã kiểu mới với hợp tác xã trước đây. Không thấy được yêu cầu phải phát triển hợp tác xã trong điều kiện của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Do đó, lúng túng trong định hướng, chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể, trong nội dung tuyên truyền, giải thích về mô hình hợp tác xã kiểu mới.

- Việc tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã chưa nghiêm; phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã chưa được coi là việc trọng tâm cần tập trung giải quyết; ở một số địa phương, cấp ủy còn buông lỏng lãnh đạo đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã, nhiều tỉnh chưa có biện pháp cụ thể để thúc đẩy kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển. Nhiều vấn đề tồn đọng của hợp tác xã lâu nay chậm được giải quyết, như chưa có trụ sở làm việc, chưa được giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc giải quyết công nợ của hợp tác xã..., một số nơi tuy có nghị quyết chuyên đề, chương trình hành động thực hiện nghị quyết, nhưng thiếu kiểm tra, đôn đốc thường xuyên, không kịp thời xử lý những hạn chế, yếu kém; chưa tổ chức xây dựng và nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến và tôn vinh các cá nhân có công trong xây dựng hợp tác xã.

- Việc thể chế hóa nghị quyết của Đảng và cụ thể hóa Luật hợp tác xã còn chậm, đến nay, còn nhiều nội dung quan trọng về tổ chức quản lý tổ hợp tác, đào tạo, bảo

hiểm xã hội bắt buộc, hỗ trợ về khoa học - công nghệ, đất đai, tham gia triển khai các chương trình kinh tế - xã hội... chưa được các bộ, ngành hướng dẫn cụ thể, đồng bộ hoặc có hướng dẫn nhưng một số nội dung chưa phù hợp với thực tiễn.

- Bộ máy tổ chức theo dõi, quản lý về hợp tác xã chưa được củng cố đúng yêu cầu, đặc biệt ở địa phương và cơ sở. Công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế tập thể chưa được quan tâm đúng mức.

- Chưa huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị để đẩy mạnh phát triển khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong vận động, giáo dục quần chúng tự nguyện tham gia kinh tế tập thể, hợp tác xã còn rất hạn chế.

- Các cơ quan thông tin đại chúng ở cả Trung ương và địa phương chưa thường xuyên quan tâm tuyên truyền các chủ trương, chính sách, biểu dương các điển hình, nhân tố mới về kinh tế tập thể, hợp tác xã.

3. Về phương hướng, nhiệm vụ đến năm 2010

- Để tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ này trong thời gian tới, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền các cấp tiếp tục quán triệt sâu sắc để thống nhất nhận thức, quan điểm, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, biện pháp mà Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) và Nghị quyết Đại hội X đã đề ra về kinh tế hợp tác và hợp tác xã.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng và các bộ, ngành từ Trung ương đến cơ sở tiến hành tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể ở đơn vị, địa phương mình, kiểm điểm sâu sắc, đánh giá đúng những kết quả đã làm được, thẳng thắn chỉ ra những khuyết điểm, hạn chế và nguyên nhân, đề ra nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung thực hiện trong thời gian tới, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho hợp tác xã, đề xuất, kiến nghị với Đảng và Nhà nước tiếp tục thực hiện hoàn thành thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) đã đề ra.

- Giao Ban Kinh tế Trung ương chủ trì cùng Đảng đoàn Liên minh Hợp tác xã Việt Nam giúp Ban Bí thư hướng dẫn, đôn đốc việc tổng kết thực hiện Nghị quyết, tổng hợp kết quả báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư vào quý II năm 2007.

- Ban Cán sự đảng Chính phủ rà soát, bổ sung chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, chỉ đạo các bộ, ngành khẩn trương ban hành đồng bộ các văn bản thể chế hóa Nghị quyết, cụ thể hóa Luật hợp tác xã, kiện toàn bộ máy chuyên trách quản lý đối với kinh tế tập thể ở các bộ, ngành và địa phương để đẩy mạnh việc thực hiện tốt hơn Nghị quyết của Trung ương.

4. Về việc củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

- Các cấp ủy, tổ chức đảng cần quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo củng cố hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam các cấp

về mọi mặt, tăng cường vai trò, trách nhiệm của Liên minh trong phát triển kinh tế tập thể.

- Ban Bí thư giao Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Đảng đoàn Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và các cơ quan chức năng trong quá trình tổng kết thực hiện Nghị quyết, nghiên cứu xem xét, giải quyết các đề nghị cụ thể của Đảng đoàn Liên minh Hợp tác xã Việt Nam hoặc đề xuất với Ban Bí thư quyết định.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 09-KL/TW, ngày 15 tháng 12 năm 2006

Về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế nước ta phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)

Tại phiên họp ngày 7-12-2006, sau khi nghe tờ trình của Ban Cán sự Đảng Chính phủ về Đề án "*Về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế nước ta phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới*", ý kiến phát biểu của các bộ, ngành liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

Ban Cán sự Đảng Chính phủ đã khẩn trương, tích cực chỉ đạo việc chuẩn bị đề án có chất lượng tốt. Về cơ bản, Bộ Chính trị nhất trí với những nội dung của Đề án, đồng thời nhấn mạnh một số điểm chủ yếu sau đây:

1. Về chủ đề, phạm vi và kết cấu Đề án

- Sau khi Quốc hội đã có Nghị quyết phê chuẩn văn kiện gia nhập, nước ta đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Vì vậy điều chỉnh lại tên

(chủ đề) của Đề án là: "Về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế nước ta phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên Tổ chức Thương mại thế giới".

- Tán thành với phạm vi và kết cấu Đề án. Để nền kinh tế nước ta phát triển nhanh, bền vững khi là thành viên WTO thì cùng với các chủ trương, chính sách lớn trong lĩnh vực kinh tế, cần phải có những chủ trương, chính sách lớn trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, củng cố quốc phòng, an ninh, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.

Song trong từng lĩnh vực, Đề án cần chú ý nêu những quan điểm và giải pháp cụ thể để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội X và có những nội dung mới, trực tiếp giải quyết những vấn đề do việc là thành viên WTO đặt ra để nền kinh tế nước ta phát triển nhanh và bền vững (về mức độ cụ thể, chi tiết của từng nội dung, cần có phân biệt những vấn đề sẽ còn được Ban Chấp hành Trung ương khóa X thảo luận, ra nghị quyết theo chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương và những vấn đề không nằm trong chương trình của Trung ương sẽ không được Ban Chấp hành Trung ương khóa X xem xét).

2. Về nội dung Đề án

Phần thứ nhất: ***Gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới, mốc quan trọng trong tiến trình đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta***

- Trong phần này, Đề án đã nêu tóm tắt khá đầy đủ tiến trình và thành quả của quá trình hội nhập kinh tế nước ta vào kinh tế khu vực và thế giới.

Tuy nhiên, Đề án cần khẳng định rõ nhận định: mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế là chủ trương nhất quán, một bộ phận hợp thành của đường lối đổi mới đã được Đảng ta khởi xướng từ Đại hội lần thứ VI của Đảng và không ngừng được bổ sung, phát triển qua các Đại hội VII, VIII, IX, X và đã từng bước được thực hiện phù hợp với trình độ phát triển và sự chuẩn bị của đất nước trong gần 20 năm qua. Vì vậy, gia nhập WTO chỉ là một trong những mốc của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta, nhưng đây là một mốc lớn rất quan trọng, đánh dấu một giai đoạn mới của công cuộc đổi mới vì mục tiêu chủ nghĩa xã hội ở nước ta, giai đoạn nước ta hội nhập sâu và toàn diện vào nền kinh tế thế giới.

Phần thứ hai: ***Các cơ hội và thách thức đối với nền kinh tế khi nước ta là thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)***

- Bộ Chính trị về cơ bản đồng tình với 5 cơ hội và 5 thách thức đã nêu trong Đề án.

Tuy nhiên, trong các thách thức, cần chú ý đầy đủ hơn tới những mặt trái, những tác động tiêu cực của toàn cầu hóa; thách thức do chất lượng thấp của nguồn nhân lực hiện nay ở nước ta, ngoài ra còn là thách thức về mặt an ninh chính trị, an ninh tư tưởng, thách thức đối với sự ổn định chính trị - xã hội và định hướng xã hội chủ nghĩa của đất nước; thách thức do tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên gây nên sự bất bình trong nhân dân...

Phần thứ ba: ***Những chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế nước ta phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên Tổ chức Thương mại thế giới***

- Về quan điểm:

Cơ bản tán thành 5 quan điểm nêu trong Đề án. Song trong các quan điểm, đề nghị cần nhấn mạnh, làm đậm nét hơn các nội dung sau: phải luôn giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích của đất nước, giữ vững ổn định chính trị, kinh tế - xã hội, bản sắc văn hóa dân tộc, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa của đất nước trong quá trình hội nhập; phải chủ động, tích cực tạo ra và sử dụng có hiệu quả tối đa các lợi thế so sánh của đất nước; trong quan điểm phát huy sức mạnh toàn dân, cần chú ý tới phát huy vai trò của gần 3 triệu người Việt Nam ở nước ngoài làm cầu nối để mở rộng các quan hệ giữa nước ta với các nước trên thế giới và tạo sự gắn bó sâu đậm của đồng bào với Tổ quốc.

- Về các chủ trương, chính sách lớn trên từng lĩnh vực:

+ Bộ Chính trị cơ bản tán thành 10 nội dung lớn mà Đề án đã đề cập; tán thành công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong toàn xã hội tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức là chủ trương quan trọng đầu tiên cần phải thực hiện khi nước ta là thành viên WTO.

+ Nhấn mạnh hơn nữa vấn đề đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (cả cán bộ lãnh đạo quản lý nhà nước, cán bộ khoa học, cán bộ quản trị doanh nghiệp và trình độ, tay nghề của người lao động). Trong đó, đặc biệt chú ý đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, luật pháp quốc tế và kiến thức, kỹ năng quản lý hành chính. Tán thành với chủ

trương xã hội hóa mạnh mẽ lĩnh vực giáo dục - đào tạo, thu hút nguồn lực từ nhiều thành phần kinh tế vào phát triển giáo dục - đào tạo.

+ Nhấn mạnh hơn vai trò chính sách điều tiết kinh tế của Nhà nước để tập trung sức mạnh đẩy nhanh sự phát triển và ngăn ngừa, xử lý kịp thời những ảnh hưởng tiêu cực từ bên ngoài (biến động của giá cả, thị trường tài chính tiền tệ khu vực và quốc tế, sự phân hóa, chênh lệch về mức sống giữa các tầng lớp nhân dân, về trình độ phát triển giữa các vùng...); tăng tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng xã hội; làm mạnh hơn, tốt hơn việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước, mà trọng tâm là cổ phần hóa để tạo cho doanh nghiệp có quyền chủ động hơn trong kinh doanh, đầu tư, quyết định nhân sự và quyền phân phối thành quả của sản xuất kinh doanh. Trong đó cần đặc biệt quan tâm tập trung chỉ đạo sắp xếp, đổi mới, nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của những doanh nghiệp lớn, trong các ngành, lĩnh vực quan trọng (cơ khí, luyện kim, hóa chất, bưu chính - viễn thông, năng lượng, hệ thống phân phối...) đóng vai trò lực lượng chủ lực trong hội nhập kinh tế quốc tế và các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính của Nhà nước, để các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính nhà nước luôn giữ được vai trò chủ đạo trên thị trường tài chính, tiền tệ trong nước.

+ Nông nghiệp và nông thôn là lĩnh vực nhạy cảm, sẽ chịu tác động lớn và dễ bị tổn thương khi mở cửa, hội nhập quốc tế cần phải đặc biệt quan tâm toàn diện cả kinh tế, văn hóa, xã hội, phải đặc biệt chú ý tới vùng sâu, vùng xa, vùng núi, vùng đồng bào dân tộc, phải tăng đầu tư và tận dụng tối

đa những hình thức hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn và nông dân không trái với quy định của WTO, hạn chế đến mức thấp nhất những tác động tiêu cực, phân hóa giàu nghèo do việc gia nhập WTO gây ra, thể hiện rõ tính ưu việt của chế độ ta trong việc quan tâm tới nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân.

+ Về chính sách với đất đai: khẳng định chế độ sở hữu toàn dân đối với đất đai nhưng thực hiện giá giao quyền sử dụng đất theo giá thị trường với mọi đối tượng (kể cả doanh nghiệp nhà nước). Vì đây là vấn đề lớn, nhạy cảm và rất quan trọng cần đưa ra để Ban Chấp hành Trung ương thảo luận, quyết định.

+ Về lĩnh vực quốc phòng, an ninh, cần nêu cụ thể hơn: xây dựng các lực lượng vũ trang vững mạnh, từng bước hiện đại làm nòng cốt trong nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền đất nước. Xây dựng các phương án cụ thể để chủ động đối phó với mọi tình huống.

+ Về lĩnh vực đối ngoại: Cần có giải pháp để khai thác và phát huy vai trò là thành viên của WTO, có vị trí bình đẳng với các nước trên thế giới. Tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa quan hệ với các nước láng giềng, các bạn bè truyền thống, các nước lớn trên thế giới, tạo môi trường và các điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự phát triển của đất nước.

+ Cần nói rõ hơn, đậm nét hơn về công tác xây dựng Đảng, về giữ vững và tăng cường công tác xây dựng Đảng không chỉ trong doanh nghiệp mà ở tất cả các cấp, các ngành, các lĩnh vực.

Trên cơ sở ý kiến phát biểu của các đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư, kết luận của Bộ Chính trị, Ban Cán sự Đảng Chính phủ tiếp thu, bổ sung, hoàn chỉnh Đề án, tờ trình và dự thảo nghị quyết để trình Hội nghị Trung ương 4 sắp tới.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 30-QĐ/TW, ngày 15 tháng 12 năm 2006

Thành lập Tiểu ban chuẩn bị Đề án trình Hội nghị Trung ương 5 về "Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng gắn với việc tiếp tục đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị và đổi mới công tác cán bộ"

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Xét đề nghị của Văn phòng Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tiểu ban chuẩn bị Đề án trình Hội nghị Trung ương 5 về "Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng gắn với việc tiếp tục đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị và đổi mới công tác cán bộ", gồm các đồng chí sau:

1. Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng Tiểu ban,

2. Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Phó Trưởng Tiểu ban,

3. Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Ủy viên,

4. Đồng chí Tòng Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Dân vận Trung ương, Ủy viên,

5. Đồng chí Nguyễn Văn Yểu, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên,

6. Đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương, Ủy viên,

7. Đồng chí Nguyễn Văn Hiện, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Ủy viên,

8. Đồng chí Nguyễn Đức Hạt, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên,

9. Đồng chí Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên,

10. Đồng chí Võ Đức Huy, Ủy viên Trung ương Đảng, quyền Trưởng Ban Kinh tế Trung ương, Ủy viên,

11. Đồng chí Nguyễn Thị Doan, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên,

12. Đồng chí Trần Văn Tuấn, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Ban Cán sự Đảng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Nội vụ, Ủy viên,

13. Đồng chí Trần Quốc Vượng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Ban Cán sự Đảng, Phó Viện trưởng Thường trực Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy viên.

Giúp việc Tiểu ban có Tổ Biên tập do đồng chí Trưởng Tiểu ban xem xét, quyết định.

Điều 2. Tiểu ban chuẩn bị Đề án có nhiệm vụ: xây dựng kế hoạch, tổ chức khảo sát, nghiên cứu và dự thảo Đề án "Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng gắn với việc tiếp tục đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị và đổi mới công tác cán bộ" để báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định trình Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X.

Điều 3. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cấp kinh phí phục vụ cho việc xây dựng Đề án.

Điều 4. Văn phòng Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các đồng chí có tên tại Điều 1 thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 31-QĐ/TW, ngày 15 tháng 12 năm 2006

Thành lập Tiểu ban chuẩn bị Đề án trình Hội nghị Trung ương 5 về "Những vấn đề tư tưởng, lý luận và báo chí trong tình hình hiện nay"

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Xét đề nghị của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tiểu ban chuẩn bị Đề án trình Hội nghị Trung ương 5 về "Những vấn đề tư tưởng, lý luận và báo chí trong tình hình hiện nay" gồm các đồng chí sau:

1. Đồng chí Tô Huy Rứa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Trưởng Tiểu ban,

2. Đồng chí Phùng Hữu Phú, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Phó Trưởng Tiểu ban,

3. Đồng chí Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên,

4. Đồng chí Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Ủy viên,

5. Đồng chí Lê Doãn Hợp, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin, Ủy viên,

6. Đồng chí Đinh Thế Huynh, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Báo Nhân dân, Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam, Ủy viên,

7. Đồng chí Vũ Văn Hiến, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam, Ủy viên,

8. Đồng chí Vũ Văn Hiền, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, Ủy viên,

9. Đồng chí Tạ Ngọc Tấn, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, Ủy viên,

10. Đồng chí Nguyễn Hồng Vinh, Phó Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ủy viên,

11. Đồng chí Đào Duy Quát, Phó Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ủy viên,

12. Đồng chí Nguyễn Văn Thạo, Phó Chánh Văn phòng Trung ương, Ủy viên.

Giúp việc Tiểu ban có Tổ Biên tập do đồng chí Trưởng Tiểu ban xem xét, quyết định.

Điều 2. Tiểu ban chuẩn bị Đề án có nhiệm vụ: xây dựng kế hoạch, tổ chức khảo sát, nghiên cứu và dự thảo Đề án "Những vấn đề tư tưởng, lý luận và báo chí trong tình hình hiện nay" để báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định trình Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X.

Điều 3. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cấp kinh phí phục vụ cho việc xây dựng Đề án.

Điều 4. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các đồng chí có tên tại Điều 1 thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 49-TB/TW, ngày 19 tháng 12 năm 2006

Về một số nội dung của Đề án "Đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng và cơ quan nhà nước"

Tại phiên họp ngày 15, 16-12-2006, sau khi nghe Ban soạn thảo Đề án sắp xếp, kiện toàn bộ máy các ban đảng và cơ quan nhà nước báo cáo Đề án "Đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng và cơ quan nhà nước" (Tờ trình ngày 15-12-2006), Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Về việc chuẩn bị Đề án, phạm vi, tên gọi: Đề án được chuẩn bị công phu, chất lượng tốt, đủ cơ sở để Bộ Chính trị thảo luận và trình Ban Chấp hành Trung ương. Về phạm vi và tên gọi của Đề án, Bộ Chính trị đồng ý như dự thảo, tức là phạm vi của Đề án bao gồm cả các ban đảng, các đảng ủy khối, đảng đoàn, ban cán sự đảng. Theo tinh thần đó, đồng ý tên của Đề án là: "Đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng và cơ quan nhà nước".

Vấn đề tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và các đơn vị sự nghiệp của Đảng sẽ đưa vào chương trình để Bộ Chính trị bàn trong năm 2007 (nếu cần sẽ trình xin ý kiến Ban Chấp hành Trung ương) nhằm kiện toàn, đổi mới đồng bộ các cơ quan trong hệ thống chính trị.

2. Về đánh giá thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII về tổ chức bộ máy các cơ quan đảng và cơ quan nhà nước: Bộ Chính trị cơ bản đồng tình với đánh giá trong dự thảo về những việc đã làm được, những mặt còn hạn chế, nhưng đề nghị đánh giá kỹ hơn những mặt còn thiếu sót, hạn chế; đánh giá cho khớp, không để hiểu là có mâu thuẫn giữa những mặt được và những mặt chưa làm được. Ban soạn thảo cần cân nhắc thêm khi đánh giá "chương trình xây dựng luật và pháp luật còn thiếu tính khả thi".

3. Về phương hướng đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng và cơ quan nhà nước: Bộ Chính trị đồng ý với bốn quan điểm chỉ đạo và nguyên tắc đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy như Đề án nêu và nhấn mạnh việc đổi mới, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy để thực hiện nguyên tắc Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ; đảm bảo Đảng mạnh lên, Nhà nước mạnh lên, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội cũng mạnh lên; đảm bảo mục tiêu trước hết là bộ máy hoạt động có hiệu lực, hiệu quả (ý tinh gọn nên xếp sau), nâng cao được cả trách nhiệm (không chỉ vai trò) của các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong việc tham mưu cho Đảng về những lĩnh vực được giao phụ trách.

4. Về các phương án sắp xếp, kiện toàn cụ thể:

4.1- Về các ban đảng ở Trung ương: Đa số ý kiến Bộ Chính trị đồng ý phương án 1: có 6 ban Trung ương Đảng: Tuyên giáo, cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Tổ chức Trung ương, Dân vận Trung ương, Đối ngoại Trung ương và Văn phòng Trung ương. Tuy nhiên, khi trình Ban Chấp hành Trung ương vẫn nêu cả phương án 2 (có 7 ban Trung ương Đảng, ngoài 6 ban như phương án 1, có thêm Ban Kinh tế - xã hội Trung ương (hoặc Viện Kinh tế - xã hội Trung ương)) và phương án 3 (có 8 ban Trung ương Đảng, ngoài 6 ban như phương án 1, có thêm Ban Kinh tế - xã hội Trung ương, Ban Nội chính Trung ương).

- Về Ban Đối ngoại Trung ương, cân nhắc ý kiến đề nghị tổ chức lại theo hướng kết hợp chặt chẽ hơn với Bộ Ngoại giao, song về nguyên tắc vẫn cần có Ban Đối ngoại Trung ương để làm công tác đối ngoại về mặt Đảng và đối ngoại nhân dân.

- Về Ban Cán sự đảng Ngoài nước, theo phương án chuyển về trực thuộc Đảng ủy Khối cơ quan Trung ương.

- Về Ban Nghiên cứu của Bộ Chính trị về an ninh quốc gia, hướng tới sẽ không duy trì; nhưng sẽ xem xét cụ thể sau khi có phương án tổ chức về cơ quan an ninh quốc gia.

- Về Văn phòng Trung ương: trường hợp thực hiện việc sáp nhập thêm một số ban vào Văn phòng Trung ương (như phương án 1) thì cần đặt đúng mức hơn vị trí, trách nhiệm của Văn phòng Trung ương so với hiện nay.

4.2- Về Đảng bộ Khối cơ quan Trung ương, đề nghị trình Ban Chấp hành Trung ương thảo luận hai phương án:

phương án 1: có 2 đảng bộ khối Trung ương (Khối các cơ quan Trung ương và Khối Doanh nghiệp Trung ương) và phương án 2: có 3 đảng bộ khối Trung ương (Khối cơ quan đảng và đoàn thể, Khối cơ quan nhà nước và Khối Doanh nghiệp Trung ương).

4.3- Về việc lập ban cán sự đảng ở các cơ quan đảng, các đơn vị sự nghiệp, các tập đoàn và tổng công ty, Bộ Chính trị đề nghị thực hiện đúng Điều lệ Đảng là không lập ban cán sự đảng ở các cơ quan đảng, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp (chỉ lập ở cơ quan hành pháp, tư pháp).

4.4- Đối với các tổ chức, cơ quan đảng ở địa phương: các ban đảng, đảng ủy khối, các ban cán sự đảng, đảng đoàn giữ ổn định như hiện nay. Một số tỉnh, thành còn một số tổ chức khác với quy định của Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII thì cần sắp xếp lại theo hướng của Nghị quyết Trung ương 7; không nhất thiết trên Trung ương có cơ quan nào dưới địa phương cũng có cơ quan đó.

4.5- Về việc thành lập Ủy ban Pháp luật và Ủy ban Tư pháp trên cơ sở Ủy ban Pháp luật hiện nay; lập Ủy ban Kinh tế và Ủy ban Tài chính, ngân sách trên cơ sở Ủy ban Kinh tế và ngân sách hiện nay, đề nghị trình Ban Chấp hành Trung ương, Quốc hội thảo luận, trong Đề án cần nêu lập luận rõ hơn với tinh thần là làm rõ hơn chức năng, nhiệm vụ; đề cao vai trò giám sát của Quốc hội.

Đồng ý hợp nhất văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh, thành phố với văn phòng hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thành một văn phòng chung.

4.6- Về các đơn vị sự nghiệp, trong đó trước mắt có sáp nhập Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Học viện Hành chính quốc gia thành Học viện Chính trị và hành chính quốc gia hay không, cần trình Ban Chấp hành Trung ương thảo luận. Có thể đưa nội dung này vào phần đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

5. Về Ban Chỉ đạo kiện toàn tổ chức, bộ máy: Bộ Chính trị cân nhắc thấy không cần lập Ban Chỉ đạo chung, mà sẽ giao cho một số đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách từng khối chỉ đạo thực hiện trong khối; tập thể Bộ Chính trị có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung việc thực hiện nhiệm vụ này.

6. Về một số nội dung khác

- Bộ Chính trị đồng ý thực hiện chủ trương chuyển các doanh nghiệp làm kinh tế hiện có của các cơ quan đảng, quân đội, công an, đoàn thể chính trị - xã hội sang hoạt động theo luật với hướng chung là cổ phần hóa. Ban Cán sự đảng Chính phủ cần chỉ đạo xây dựng đề án cụ thể về vấn đề này, trình Bộ Chính trị cho ý kiến trước khi triển khai thực hiện.

- Đồng ý để Chính phủ sửa đổi Nghị quyết số 16/2000/NQ-CP, ngày 18-10-2000 về chế độ, chính sách; đối với các đồng chí không tham gia cấp ủy song còn 1 - 2 năm nữa mới đến tuổi nghỉ hưu thì nghỉ công tác, giữ nguyên lương và phụ cấp chức vụ (nếu có) chờ đến tuổi thì nghỉ hưu theo quy định; nghiên cứu bổ sung chế độ, chính sách đối với cán bộ tự

nguyện nghỉ hưu trước tuổi không nằm trong diện quy định tại Nghị quyết 16 của Chính phủ.

- Đề nghị Chính phủ sớm ban hành nghị định về quản lý thu - chi các loại quỹ của các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Đồng ý để Chính phủ thành lập quỹ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 50-TB/TW, ngày 19 tháng 12 năm 2006

Về Đề án "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước"

Ngày 14-12-2006, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về Đề án "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước", ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Bộ Chính trị cho ý kiến chủ yếu để thống nhất cách làm trong việc xây dựng Đề án; những vấn đề cụ thể về nội dung Đề án, Bộ Chính trị sẽ thảo luận trong một phiên họp sau.

2. Về cơ sở để xây dựng Đề án

- Đây là một trong những nội dung quan trọng của vấn đề "Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội" và cần được xem xét trong tổng thể chung với các nội dung khác đã đưa vào chương trình làm việc của Trung ương như: sắp xếp bộ máy các ban tham mưu của Đảng và cơ quan nhà nước, về việc phân cấp quản lý cán bộ...

- Cần lấy quan điểm cơ bản của Nghị quyết Đại hội X của Đảng làm cơ sở để xây dựng Đề án. Những vấn đề gì cần sửa đổi mà vẫn nằm trong khuôn khổ của Hiến pháp 1992 (sửa đổi) thì có thể đưa vào Đề án để thực hiện ngay sau khi Hội nghị Trung ương 4; những vấn đề có liên quan đến việc sửa đổi Hiến pháp thì vẫn đưa vào Đề án để Trung ương bàn, quyết định và khi triển khai thực hiện phải đúng quy định của pháp luật.

- Cần quán triệt tư tưởng chỉ đạo: cải cách hành chính phải luôn bảo đảm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội.

3. Về tên gọi và phạm vi của Đề án

- Thống nhất lấy tên của Đề án là "Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước".

- Đề án cần tập trung chủ yếu vào công tác cải cách hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước, đồng thời cần xem xét những vấn đề có liên quan của cải cách lập pháp, cải cách tư pháp, để bảo đảm xây dựng bộ máy nhà nước thống nhất, thông suốt, đồng bộ, hiện đại.

- Cần lựa chọn các vấn đề chính của cải cách hành chính lần này nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước để đưa vào Đề án, kể cả lĩnh vực cải cách thể chế, thủ tục hành chính cũng cần được đặt ra.

4. Các văn bản cần chuẩn bị gồm

- Tờ trình Bộ Chính trị, báo cáo của Đề án, dự thảo Nghị quyết Trung ương, các phần phụ lục kèm theo. Trong tờ trình, ngoài phần nội dung chính của Đề án, cần nêu rõ ý kiến khác nhau của các tổ chức, cơ quan liên quan trong

những vấn đề quan trọng và những vấn đề cần xin ý kiến Bộ Chính trị.

- Ban Cán sự đảng Chính phủ cần lấy ý kiến của đại diện Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao.

- Đề án cần được hoàn chỉnh sớm và trình Bộ Chính trị vào phiên họp đầu tháng 1-2007.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 32-QĐ/TW, ngày 25 tháng 12 năm 2006

Về chế độ hỗ trợ kinh phí khám, chữa bệnh đối với cán bộ cao cấp

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa X);
- Căn cứ Quy định về phân cấp quản lý cán bộ;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUY ĐỊNH:

I- ĐỐI TƯỢNG CÁN BỘ CAO CẤP ĐƯỢC HỖ TRỢ KINH PHÍ KHÁM, CHỮA BỆNH

Cán bộ cao cấp được hỗ trợ kinh phí khám, chữa bệnh bao gồm các đồng chí đã và đang giữ các chức vụ:

- Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ.
- Ủy viên Bộ Chính trị.

- Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Đại tướng lực lượng vũ trang.

- Ủy viên Trung ương Đảng (chính thức và dự khuyết), trưởng các ban đảng, bộ trưởng, trưởng đoàn thể Trung ương.

- Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương.

II- MỨC HỖ TRỢ KINH PHÍ KHÁM, CHỮA BỆNH NGOÀI NƯỚC

1. Điều kiện, thủ tục khám, chữa bệnh ngoài nước

Cán bộ cao cấp bị bệnh nặng, hiểm nghèo mà Việt Nam chưa đủ điều kiện về thiết bị y tế và khả năng điều trị được gửi đi khám bệnh và chữa bệnh ở nước ngoài khi có đề nghị của Hội đồng chuyên môn bảo vệ sức khỏe, được Ban Tổ chức Trung ương và Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Trung ương thống nhất trình Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư xem xét, quyết định.

2. Mức hỗ trợ kinh phí điều trị và người đi phục vụ

2.1- Các đồng chí giữ chức vụ: Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ (đương chức và nguyên chức):

- Hỗ trợ 100% kinh phí khám và điều trị.

- Hỗ trợ 100% chi phí cho người đi phục vụ theo chế độ cán bộ đi công tác nước ngoài (phương tiện đi lại, ăn ở) gồm: 01 đại diện gia đình và 02 cán bộ phục vụ cùng đi (01 bác sĩ, 01 sĩ quan bảo vệ).

2.2- Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị đang công tác:

- Hỗ trợ 100% kinh phí khám và điều trị.

- Hỗ trợ 100% chi phí cho người đi phục vụ theo chế độ cán bộ đi công tác nước ngoài gồm: 01 bác sĩ và 01 đại diện gia đình.

2.3- Các đồng chí Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Đại tướng lực lượng vũ trang đang công tác:

- Hỗ trợ 100% kinh phí khám và điều trị.

- Hỗ trợ 100% chi phí cho 01 đại diện gia đình cùng đi theo chế độ cán bộ đi công tác nước ngoài.

2.4- Các đồng chí nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Đại tướng lực lượng vũ trang là "cán bộ hoạt động cách mạng trước năm 1945" thực hiện chế độ hỗ trợ kinh phí chữa bệnh và chi phí cho người cùng đi như các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị đương chức.

2.5- Các đồng chí nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Đại tướng lực lượng vũ trang, tham gia cách mạng từ năm 1945:

- Hỗ trợ 70% kinh phí khám và điều trị.

- Hỗ trợ 100% chi phí cho 01 đại diện gia đình cùng đi theo chế độ cán bộ đi công tác nước ngoài.

2.6- Các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, trưởng ban đảng, bộ trưởng, trưởng đoàn thể Trung ương, bí thư

tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương (đương chức và nguyên chức):

- Hỗ trợ 50% kinh phí khám và điều trị.

- Hỗ trợ 50% chi phí cho 01 đại diện gia đình cùng đi theo chế độ cán bộ đi công tác nước ngoài.

III- CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP ĐỐI VỚI CÁN BỘ CAO CẤP BỊ BỆNH HIỂM NGHÈO ĐIỀU TRỊ Ở TRONG NƯỚC

1. Hỗ trợ toàn bộ kinh phí điều trị ngoài quy định của bảo hiểm y tế tại bệnh viện gồm: thiết bị y tế đặc biệt, thuốc đặc trị theo chỉ định của Hội đồng chuyên môn.

2. Trợ cấp chữa bệnh đối với các đồng chí mắc bệnh hiểm nghèo:

- Trợ cấp một lần đối với các đồng chí mắc bệnh ung thư tối đa không quá 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

- Trợ cấp thường xuyên hằng tháng đối với các đồng chí bệnh nặng, ốm liệt, không tự phục vụ được với mức 1.000.000 đồng/tháng.

3. Chế độ thăm hỏi:

Đối với các đồng chí cán bộ cao cấp ốm, điều trị tại bệnh viện, thực hiện chế độ thăm hỏi và trợ cấp từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng/lần, không quá 2 lần/năm.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Cơ quan có cán bộ cao cấp công tác báo cáo Ban Tổ chức Trung ương và Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ

Trung ương để thống nhất trình Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư xem xét, quyết định đối với các trường hợp cần điều trị ở nước ngoài.

- Đối với cán bộ cao cấp ốm nặng, điều trị ở trong nước, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Trung ương thừa ủy quyền của Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư thăm và trợ cấp theo chế độ quy định.

- Nguồn kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ khám, chữa bệnh đối với cán bộ cao cấp được trích từ ngân sách của Đảng.

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 51-TB/TW, ngày 25 tháng 12 năm 2006

Về một số vấn đề về xét tặng Huy hiệu Đảng cho đảng viên

Tại phiên họp ngày 19-12-2006, sau khi nghe Ban Tổ chức Trung ương trình một số vấn đề về xét tặng Huy hiệu Đảng cho đảng viên (Tờ trình số 66-TTr/BTCTW, ngày 6-11-2006), Ban Bí thư đã thảo luận và có ý kiến như sau:

1. Từ ngày 19-5-2007 trở đi, đảng viên có đủ 30 năm tuổi Đảng và đảng viên có đủ 80 năm tuổi Đảng được xét tặng Huy hiệu 30 năm, 80 năm tuổi Đảng (những đảng viên đã có trên 30 năm tuổi Đảng thì chờ đến khi có đủ 40 năm tuổi Đảng sẽ xét tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng). Mức tặng phẩm kèm theo Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), 80 năm tuổi Đảng là 5.000.0000 đồng (năm triệu đồng).

2. Không đặt vấn đề về truy lĩnh bổ sung giá trị tặng phẩm chưa nhận đủ theo mức quy định trong Quyết định 84-QĐ/TW, ngày 1-10-2003 của Ban Bí thư (khóa IX) đối với đảng viên đã được tặng Huy hiệu Đảng trước khi có Quyết định 84-QĐ/TW.

3. Ban Tổ chức Trung ương thực hiện việc cấp Huy hiệu Đảng đến hết ngày 31-12-2007. Từ ngày 1-1-2008 trở đi, các cấp ủy trực thuộc Trung ương thực hiện việc chi tiền sản xuất Huy hiệu Đảng và giấy chứng nhận tặng Huy hiệu Đảng (theo mẫu và chất liệu làm Huy hiệu Đảng do Ban Tổ chức Trung ương quy định) để tặng cho đảng viên trong đảng bộ. Kinh phí được trích từ ngân sách của đảng bộ trực thuộc Trung ương.

4. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương lãnh đạo các cấp ủy trực thuộc thực hiện tốt công tác tặng Huy hiệu Đảng; định kỳ hằng năm sơ kết rút kinh nghiệm và báo cáo kết quả thực hiện với Ban Bí thư (qua Ban Tổ chức Trung ương).

5. Ban Tổ chức Trung ương giúp Ban Bí thư hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện những nội dung trên ở các cấp ủy và tổ chức đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

TRƯƠNG TẤN SANG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHỤ LỤC

TUYÊN BỐ CHUNG
VIỆT NAM - CAMPUCHIA

1. Nhận lời mời của Xămđéc Hun Xen, Thủ tướng Vương quốc Campuchia, Thủ tướng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Phan Văn Khải đã thăm chính thức Vương quốc Campuchia từ ngày 6 đến 7-3-2006.

2. Trong thời gian chuyến thăm, Thủ tướng Phan Văn Khải và Đoàn đại biểu Việt Nam đã được tiếp kiến Quốc vương Campuchia Prẹ Bạt Xămđéc Prẹ Borômniết Nôrôđôm Xihamôni. Thủ tướng Phan Văn Khải cũng đã có cuộc gặp gỡ với Chủ tịch Thượng viện Xămđéc Chia Xim và Quyền Chủ tịch Quốc hội Xămđéc Hêng Xomrin, hội đàm với Đoàn đại biểu Chính phủ Hoàng gia Campuchia do Thủ tướng Hun Xen dẫn đầu. Thủ tướng Phan Văn Khải và Đoàn đại biểu Việt Nam đã đến đặt vòng hoa tại Đài Độc lập và Tượng đài Hữu nghị Campuchia - Việt Nam.

3. Các cuộc hội đàm chính thức đã diễn ra trong bầu không khí thân mật và hữu nghị. Hai Thủ tướng đã thông báo cho nhau về các nỗ lực phát triển ở mỗi nước và trao đổi ý kiến về nhiều vấn đề song phương và khu vực.

4. Thủ tướng Phan Văn Khải và Đoàn đại biểu Việt Nam đã nêu bật ý nghĩa to lớn của chuyến thăm Cộng hòa xã hội

chủ nghĩa Việt Nam sắp tới của Quốc vương Campuchia Nôrôđôm Xihamôni sẽ diễn ra từ ngày 16 đến 18-3-2006. Hai nhà lãnh đạo đã bày tỏ tin tưởng rằng chuyến thăm sẽ thúc đẩy hơn nữa những nỗ lực chung của hai nước nhằm củng cố mối quan hệ láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài giữa hai nước.

5. Hai Thủ tướng tin tưởng rằng mối quan hệ hữu nghị truyền thống, hợp tác giữa hai nước và hai dân tộc đã được vững vàng truyền lại cho các thế hệ mai sau, đồng thời tái khẳng định quyết tâm củng cố và mở rộng mối quan hệ láng giềng tốt đẹp và hợp tác gắn bó trên cơ sở những nguyên tắc nêu trong Tuyên bố chung tháng 3-2005 về chuyến thăm Campuchia của Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh từ ngày 28 đến 30-3-2005 và Tuyên bố chung về chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Hun Xen từ ngày 10 đến 12-10-2005. Chính phủ Hoàng gia Campuchia và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cam kết triệt để tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp công việc nội bộ của nhau, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực cũng như không cho phép bất cứ lực lượng thù địch nào sử dụng lãnh thổ của mình để phá hoại hòa bình, an ninh và ổn định của nước kia.

6. Thủ tướng Hun Xen đã bày tỏ sự khâm phục đối với những thành tựu phát triển kinh tế trên tất cả các lĩnh vực cũng như những thắng lợi khác mà nhân dân Việt Nam đã giành được trong quá trình đổi mới. Chính phủ Hoàng gia Campuchia cũng đánh giá cao chính sách đối ngoại đúng đắn và sự hội nhập tích cực của Việt Nam vào các tổ chức khu vực

và quốc tế, trong đó có việc tổ chức thành công Hội nghị cấp cao Á - Âu lần thứ 5 vào năm 2004 tại Hà Nội cũng như việc chuẩn bị chủ trì Hội nghị cấp cao APEC lần thứ 14 tại Hà Nội tháng 11 năm nay.

7. Thủ tướng Phan Văn Khải đã nhiệt liệt chúc mừng những thành tựu to lớn của Campuchia trong tiến trình tìm kiếm hòa bình, chính sách hòa hợp dân tộc và phát triển kinh tế trong những năm qua, đặc biệt là thành công của các chương trình cải cách trong khuôn khổ "Chiến lược tứ giác về tăng trưởng, việc làm, công bằng và hiệu quả". Thủ tướng Phan Văn Khải cũng đánh giá cao vai trò và vị thế ngày càng tăng của Campuchia trong ASEAN và khu vực thể hiện qua việc tăng cường hội nhập khu vực và thế giới. Thủ tướng Phan Văn Khải chúc nhân dân Campuchia tiếp tục giành được những thành tựu to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng một đất nước hòa bình, độc lập, trung lập, không liên kết và phồn vinh.

8. Nhân dịp này, Thủ tướng Phan Văn Khải cũng đã nhắc lại lòng biết ơn sâu sắc đối với sự ủng hộ và giúp đỡ quý báu của Hoàng gia, các vị lãnh đạo và nhân dân Campuchia đã dành cho nhân dân Việt Nam trước đây cũng như hiện nay. Thủ tướng Hun Xen cũng bày tỏ cảm ơn sâu sắc đối với Chính phủ và nhân dân Việt Nam về sự ủng hộ chí tình dành cho Chính phủ và nhân dân Campuchia trong đấu tranh giải phóng thoát khỏi chế độ diệt chủng và trong sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội hiện nay của Campuchia.

9. Hai Thủ tướng bày tỏ hài lòng về quan hệ hợp tác song phương giữa hai nước ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu

trong những năm gần đây, đặc biệt từ sau các chuyến thăm lẫn nhau của các lãnh đạo cấp cao hai nước trong năm 2005.

10. Hai Thủ tướng đã bày tỏ hài lòng về việc ký Hiệp ước bổ sung Hiệp ước Hoạch định biên giới quốc gia năm 1985, coi đây là nền tảng của mối quan hệ gắn bó giữa hai nước và khẳng định lại quyết tâm thực hiện Hiệp ước nhằm biến đường biên giới Campuchia - Việt Nam trở thành đường biên giới hòa bình, hữu nghị và hợp tác. Hai bên nhất trí đẩy nhanh việc hoàn thành phân giới cắm mốc theo mục tiêu đã được thỏa thuận trong Hiệp ước bổ sung. Liên quan đến vấn đề này, hai Thủ tướng hoan nghênh việc ký Thỏa thuận về việc Việt Nam giúp sản xuất mốc giới cho Campuchia trong chuyến thăm này. Thủ tướng Hun Xen đã đánh giá cao và cảm ơn Chính phủ Việt Nam về cử chỉ cao quý đầy tình hữu nghị này.

11. Hai Thủ tướng đã hoan nghênh việc ký kết Hiệp định kiểm dịch y tế biên giới, Kế hoạch hợp tác về thông tin và Bản ghi nhớ về thực hiện ban đầu hiệp định này, tạo thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa và người qua biên giới tại cặp cửa khẩu Bà Vẹt - Mộc Bài. Hai nhà lãnh đạo đã nhấn mạnh tầm quan trọng của những thỏa thuận này trong việc đem lại lợi ích to lớn cho doanh nghiệp và khách du lịch, mở rộng các mối quan hệ liên kết kinh tế song phương.

12. Thủ tướng Hun Xen và Thủ tướng Phan Văn Khải đã nhất trí tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho kiều dân của mỗi nước được đối xử bình đẳng như các ngoại kiều khác. Chính phủ Việt Nam bày tỏ cảm ơn chân thành đối với Chính phủ Hoàng gia và nhân dân Campuchia đã cho phép Việt kiều

thực hiện quyền hợp pháp của mình là sinh sống và làm ăn bình thường ở Campuchia.

13. Hai nhà lãnh đạo nhất trí tiếp tục hợp tác với Cao ủy Liên hợp quốc về người tị nạn (UNHCR) thực hiện nghiêm chỉnh Bản ghi nhớ ba bên ký tháng Giêng năm 2005 về việc giải quyết các vấn đề liên quan đến người dân tộc thiểu số Tây Nguyên vượt biên trái phép sang Campuchia.

14. Thủ tướng Hun Xen và Thủ tướng Phan Văn Khải đều cho rằng quá trình toàn cầu hóa đang làm rộng khoảng cách giữa các nước giàu và các nước nghèo trên thế giới và nhất trí về sự cần thiết phải thu hẹp khoảng cách phát triển. Về vấn đề này, hai Thủ tướng ủng hộ lời kêu gọi các nước phát triển và các thể chế tài chính quốc tế xóa nợ cho các nước kém phát triển nhất (LDCs) để các nước này tập trung các nguồn lực vào xóa đói, giảm nghèo, phòng, chống các loại bệnh dịch truyền nhiễm như cúm gia cầm, HIV/AIDS, sốt rét cũng như để bảo đảm sự phát triển bền vững.

15. Hai Thủ tướng bày tỏ hài lòng về việc hai nước đồng quan điểm về các vấn đề quan trọng của khu vực và quốc tế, nhất trí cho rằng hai nước cần tiếp tục hợp tác chặt chẽ trong các khuôn khổ khu vực và đa phương như Liên hợp quốc. Phong trào không liên kết (NAM), Nhóm 77 (G77), Đối thoại hợp tác châu Á (ACD), ASEAN, Chiến lược hợp tác kinh tế Agiaoađi - Chao Phraya - Mê Công (ACMECS), Hội nghị Á - Âu (ASEM), Tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS) và Hành lang Đông Tây (WEC). Hai nhà lãnh đạo đã nhất trí hợp tác chặt chẽ với Lào đẩy mạnh việc triển khai Quy hoạch tổng thể về Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam.

Nhân dịp này, Campuchia và Việt Nam đã bày tỏ cảm ơn Nhật Bản đã dành sự giúp đỡ cho Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam.

16. Thủ tướng Hun Xen và Thủ tướng Phan Văn Khải đã nhắc lại cam kết mạnh mẽ của hai nước hợp tác chặt chẽ với các nước thành viên ASEAN khác nhằm đẩy nhanh việc thực hiện Chương trình hành động Viêng Chăn, đặc biệt là Chương trình hội nhập ASEAN để đối phó với những thách thức trong việc thiết lập Cộng đồng ASEAN và thắt chặt quan hệ đối tác giữa ASEAN với các nước đối thoại.

17. Thủ tướng Phan Văn Khải đã hoan nghênh ý định của Campuchia tham gia Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) trong thời gian sớm nhất sau khi APEC bãi bỏ quy định tạm ngừng kết nạp thành viên mới. Về phần mình, Thủ tướng Hun Xen cũng khẳng định lại việc Campuchia ủng hộ Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) vào thời gian sớm nhất.

18. Hai nhà lãnh đạo đã nhấn mạnh tầm quan trọng của quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa các nước ven bờ sông Mê Công để bảo đảm sự phát triển bền vững cho các nước có liên quan, đặc biệt là những nước ở khu vực hạ lưu. Hai nước sẽ đóng góp tích cực vào việc triển khai dự án Đường xuyên Á và Mạng đường sắt Xingapo - Côn Minh (SKRL), cụ thể là về đoạn đường sắt nối Campuchia với Việt Nam, với nhận thức rằng việc thực hiện các dự án này sẽ góp phần to lớn vào sự phát triển của khu vực.

19. Thủ tướng Phan Văn Khải đã bày tỏ sự cảm ơn chân thành tới Chính phủ và nhân dân Campuchia về lòng mến

khách và sự đón tiếp nồng hậu nhất dành cho đoàn Đại biểu Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời gian ở thăm chính thức Vương quốc Campuchia.

20. Thủ tướng Phan Văn Khải đã trân trọng mời Thủ tướng Hun Xen sang thăm chính thức Việt Nam. Thủ tướng Hun Xen chân thành cảm ơn và vui vẻ nhận lời mời.

Báo *Nhân Dân,* số 18473,
ngày 8-3-2006, tr.1-2.

TUYÊN BỐ CHUNG
VIỆT NAM - LÀO

Nhận lời mời của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Chủ tịch nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào Chummaly Xaynhaxỏn, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào, từ ngày 10 đến ngày 13-10-2006.

Trong thời gian ở thăm Lào, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Chummaly Xaynhaxỏn đã có cuộc hội đàm sâu rộng về quan hệ hữu nghị truyền thống, tình đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai nước và các vấn đề quốc tế mà hai bên cùng quan tâm. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Chummaly Xaynhaxỏn đã chiêu đãi trọng thể chào mừng Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và Đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã hội kiến với Chủ tịch Quốc hội Thoongxỉng Thăммavông, Thủ tướng Buaxỏn Búpphảvăn và Chủ tịch Trung ương Mặt trận Lào xây dựng đất nước Xixạvạt Kẹobunphăn; thăm gia đình nguyên Chủ tịch Khăмtày Xiphăndon, thăm đồng chí Nuhắc Phumxavản, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng

Lào, gia đình Chủ tịch Cayxỏn Phômvihẳn và Nhà tưởng niệm Chủ tịch Xuphanuvông. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã dự cuộc mít tinh trọng thể chào mừng Đoàn do Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Thành ủy và chính quyền Thủ đô Viêng Chăn tổ chức; đặt vòng hoa tại Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sĩ Lào; thăm một số cơ sở kinh tế, văn hóa ở Thủ đô Viêng Chăn và tỉnh Viêng Chăn; tiếp lãnh đạo Hội Hữu nghị Lào - Việt Nam đến chào; tiếp và nói chuyện thân mật với cán bộ Đại sứ quán Việt Nam và đại biểu cộng đồng người Việt Nam tại Lào.

Tại các nơi đến thăm, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và Đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam đã được lãnh đạo và nhân dân Lào đón tiếp hết sức chân tình, trọng thị và nồng nhiệt, thể hiện quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện giữa hai nước anh em Việt Nam - Lào.

Đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Chummaly Xaynhaxỏn nhiệt liệt hoan nghênh và đánh giá cao chuyến thăm Lào của đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh; nhiệt liệt chúc mừng thành công tốt đẹp của Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam; đánh giá cao những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử mà nhân dân Việt Nam anh em đã giành được trong 20 năm đổi mới, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; bày tỏ tin tưởng vững chắc rằng, nhân dân Việt Nam anh em dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ giành được những thành tựu to lớn hơn nữa trong sự nghiệp

xây dựng, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nâng cao vị thế của Việt Nam ở khu vực và trên thế giới. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Chummaly Xaynhaxỏn bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam anh em luôn dành cho Lào sự ủng hộ và giúp đỡ chí tình, to lớn, quý báu và có hiệu quả trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước.

Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh nhiệt liệt chúc mừng thành công tốt đẹp của Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và cuộc bầu cử Quốc hội cũng như kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa VI; đánh giá cao những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử mà nhân dân các bộ tộc Lào anh em đã giành được trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước, nhất là trong việc phát triển kinh tế - xã hội theo đường lối đổi mới trong 20 năm qua; bày tỏ tin tưởng vững chắc rằng, nhân dân các bộ tộc Lào anh em dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, sẽ giành được nhiều thành tựu mới to lớn hơn nữa trong sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nâng cao vị thế của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào ở khu vực và trên thế giới. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân các bộ tộc Lào anh em luôn dành cho Việt Nam sự ủng hộ và giúp đỡ chí tình, to lớn, quý báu và có hiệu quả trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hai bên tự hào sâu sắc về truyền thống đoàn kết đặc biệt, mối quan hệ thủy chung giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước Việt Nam - Lào, khẳng định quyết tâm giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp đó; coi đây là tài

sản vô giá của hai dân tộc truyền tiếp cho các thế hệ mai sau, là quy luật phát triển, là nhân tố bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của mỗi nước. Hai bên nhất trí đẩy mạnh sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào trên cơ sở phát huy tinh thần độc lập, tự chủ và ý chí tự lực, tự cường, phát huy thế mạnh và khả năng của mỗi nước trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi, đồng thời dành sự ưu tiên, ưu đãi hợp lý cho nhau phù hợp với tính chất của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác, vì lợi ích của nhân dân mỗi nước, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Hai bên nhất trí tăng cường sự hợp tác toàn diện trên mọi lĩnh vực.

Về chính trị, duy trì định kỳ các cuộc tiếp xúc cấp cao, phối hợp biên soạn Lịch sử quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu giữa hai nước nhân dịp kỷ niệm 45 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao và 30 năm Ngày ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác Việt Nam - Lào, trong năm 2007, phối hợp trao đổi lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới, về kinh nghiệm xây dựng Đảng; khuyến khích việc giao lưu giữa các ngành, các cấp, các tổ chức nhân dân và địa phương của hai nước; tăng cường tuyên truyền, giáo dục truyền thống quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, nhất là đối với thế hệ trẻ hai nước.

Về kinh tế, hai bên tiếp tục hợp tác trong việc xóa nghèo, thúc đẩy sản xuất hàng hóa, khuyến khích các tập đoàn kinh tế lớn của mỗi nước đầu tư vào những lĩnh vực đem lại lợi ích cho cả hai bên; thúc đẩy hợp tác trong việc trồng cây công nghiệp, khai khoáng, năng lượng và các lĩnh vực quan trọng khác của nền kinh tế quốc dân, tiếp tục nối mạng cơ sở hạ

tầng giao thông, bưu chính viễn thông... giữa hai nước; phát triển kinh tế cửa khẩu, phấn đấu tăng nhanh kim ngạch thương mại hai chiều. Việt Nam tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hàng hóa của Lào quá cảnh đi nước thứ ba.

Hai bên đẩy mạnh hợp tác trong các lĩnh vực văn hóa, thông tin, giáo dục - đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, y tế, thể thao, du lịch... Phía Việt Nam sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu của Lào về giáo dục - đào tạo; tiếp tục giảng dạy tiếng Việt Nam và tiếng Lào tại một số cơ sở đào tạo của hai nước.

Đẩy mạnh hợp tác trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng; giữ gìn trật tự an toàn xã hội; cùng nhau xây dựng đường biên giới Việt Nam - Lào thành đường biên giới hữu nghị, hợp tác, phát triển toàn diện, bền vững lâu dài.

Hai bên đã trao đổi ý kiến về những vấn đề khu vực và quốc tế cùng quan tâm, bày tỏ hài lòng về những thành tựu trong hoạt động đối ngoại của hai nước, nhất trí tiếp tục tăng cường sự hợp tác giữa các nước ASEAN, xây dựng Đông - Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển thịnh vượng; khẳng định tiếp tục hợp tác và phối hợp chặt chẽ trên các diễn đàn quốc tế như Liên hợp quốc, Tổ chức Pháp ngữ, Phong trào không liên kết, ASEM, Tiểu vùng sông Mê Công, Hành lang Đông Tây, ACMECS, Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia. Việt Nam hoàn toàn ủng hộ Lào tham gia APEC và WTO.

Hai bên đánh giá cao kết quả tốt đẹp mà ý nghĩa sâu sắc của chuyến thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh, coi đây là mốc quan trọng, tiếp tục tăng cường quan hệ hữu nghị, đoàn

kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào lên tầm cao mới.

Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chân thành cảm ơn Đảng, Nhà nước và nhân dân Lào; cảm ơn Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Chummaly Xaynhaxỏn đã dành cho Tổng Bí thư và Đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam sự đón tiếp đặc biệt trọng thị, chân tình và những tình cảm đồng chí, anh em sâu sắc, thể hiện sinh động mối quan hệ gắn bó keo sơn giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước Việt Nam và Lào.

Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh trân trọng mời Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Chummaly Xaynhaxỏn sang thăm hữu nghị chính thức Việt Nam. Đồng chí Chummaly Xaynhaxỏn chân thành cảm ơn và nhận lời mời.

Báo *Nhân Dân,* số 18690,
ngày 13-10-2006, tr.1-2.

TUYÊN BỐ CHUNG VIỆT NAM - NHẬT BẢN*

1. Thúc đẩy đối thoại

Hai bên khẳng định mong muốn tăng cường hơn nữa các chuyến thăm và trao đổi ý kiến cấp cao. Nhân dịp này, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng mời Thủ tướng Sindô Abê thăm chính thức Việt Nam và dự Hội nghị lãnh đạo kinh tế APEC tháng 11 tới. Thủ tướng Sindô Abê đã vui vẻ nhận lời.

Để thúc đẩy quan hệ song phương một cách chặt chẽ và hiệu quả hơn, hai bên bày tỏ mong muốn thúc đẩy các cuộc đối thoại trong các lĩnh vực kinh tế, ngoại giao, an ninh và các lĩnh vực khác.

Hai bên hài lòng nhận thấy việc viếng thăm thường xuyên giữa các Nghị sĩ Quốc hội hai nước, bao gồm các đoàn của các Liên minh Nghị sĩ Hữu nghị, đã góp phần to lớn vào việc làm sâu sắc hơn sự hiểu biết lẫn nhau và hợp tác giữa hai nước, và bày tỏ mong muốn tăng cường hơn nữa các chuyến thăm này.

---

* Nhân chuyến thăm Nhật Bản của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, ngày 19-10-2006, tại Tokyo, hai bên đã ra Tuyên bố chung Việt Nam - Nhật Bản *(B.T)*.

2. Viện trợ kinh tế của Nhật Bản cho Việt Nam

Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cảm ơn những đóng góp của Nhật Bản, nước viện trợ phát triển chính thức (ODA) lớn nhất, vào việc hiện đại hóa kinh tế và xã hội của Việt Nam; hoan nghênh ODA của Nhật Bản đã vượt qua mức 100 tỉ yên trong tài khóa 2005 và hy vọng sự hợp tác giữa Nhật Bản và Việt Nam sẽ tiếp tục được tăng cường trong những năm tới. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phát triển cơ sở hạ tầng như các dự án xây dựng tuyến đường sắt và đường bộ cao tốc Bắc - Nam, phát triển Khu công nghệ cao Hòa Lạc, đồng thời khẳng định quyết tâm cải cách kinh tế và chống tham nhũng để thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm tới của Việt Nam. Thủ tướng Sindô Abê hoan nghênh quyết tâm của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và ghi nhận tầm quan trọng của việc phát triển cơ sở hạ tầng của Chính phủ Việt Nam. Thủ tướng Abê tái khẳng định Nhật Bản sẽ ủng hộ mạnh mẽ Việt Nam phát triển kinh tế - xã hội bằng cách hỗ trợ ba lĩnh vực ưu tiên, gồm thúc đẩy tăng trưởng; cải thiện mức sống và các lĩnh vực xã hội; xây dựng thể chế thông qua việc sử dụng kinh nghiệm và công nghệ tiên tiến của Nhật Bản. Thủ tướng Sindô Abê ghi nhận và sẽ xem xét một cách nghiêm túc những đề nghị của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng.

Hai bên nhận thức tầm quan trọng của việc tiếp tục hợp tác trong khuôn khổ Nhật Bản - Campuchia - Lào - Việt Nam (CLV), đặc biệt là Tam giác phát triển. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đánh giá cao và kêu gọi Nhật Bản tăng

cường sự hỗ trợ dành cho Tam giác phát triển và khuyến khích cộng đồng doanh nghiệp Nhật Bản đầu tư vào Tam giác phát triển này. Hai bên đánh giá cao các Hội nghị cấp cao Nhật Bản - CLV trước đây và mong muốn tổ chức Hội nghị cấp cao lần thứ 3 Nhật Bản - CLV nhân dịp Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 12 vào cuối năm nay.

3. Quan hệ kinh tế

Hai bên tái khẳng định tầm quan trọng của việc tiếp tục thực hiện chính sách đổi mới của Việt Nam và việc Việt Nam hội nhập kinh tế thế giới. Thủ tướng Abê bày tỏ sự ủng hộ mạnh mẽ đối với việc Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), và hy vọng việc gia nhập này sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế ở Việt Nam. Thủ tướng Abê nhắc lại Nhật Bản tiếp tục ủng hộ và giúp đỡ Việt Nam trong việc hội nhập kinh tế thế giới, đặc biệt trong thời gian sau khi gia nhập WTO.

Hoan nghênh quan hệ hợp tác kinh tế chặt chẽ giữa hai nước trong thời gian gần đây và trên cơ sở báo cáo của nhóm nghiên cứu chung, hai bên quyết định mở cuộc đàm phán chính thức về Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt - Nhật (JVEPA) và tổ chức vòng đàm phán đầu tiên vào tháng 1-2007. Hai bên khẳng định lại quyết tâm thúc đẩy và sớm kết thúc đàm phán Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản, trong đó có các điều khoản về hợp tác.

Hai bên đánh giá cao vai trò của Hiệp định Khuyến khích, Tự do hóa và Bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và Nhật Bản và Sáng kiến chung Việt - Nhật về việc mở rộng đầu tư của Nhật Bản ở Việt Nam; đồng thời khẳng định mong muốn cải

thiện hơn nữa môi trường đầu tư cho doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam và thúc đẩy đầu tư của Nhật Bản thông qua Giai đoạn II của Sáng kiến chung Việt - Nhật. Trên tinh thần đó, hai bên kêu gọi các công ty Nhật Bản tăng cường hơn nữa đầu tư vào Việt Nam.

Nhận thức về tiềm năng trao đổi thương mại giữa hai nước còn rất lớn, hai bên nhất trí cùng nhau tạo thuận lợi để thúc đẩy các doanh nghiệp hai nước đưa kim ngạch thương mại hai chiều từ 8,5 tỉ USD năm 2005 lên 15 tỉ USD vào năm 2010.

Hai bên ghi nhận tầm quan trọng ngày càng cao của việc tăng cường bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thông qua các biện pháp chống hàng giả và vi phạm bản quyền, cũng như tăng cường hợp tác trong lĩnh vực này để góp phần thu hút đầu tư và mở rộng thị trường.

Hai bên quyết tâm đẩy mạnh hơn nữa sự hợp tác trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng dựa trên chương trình bảo tồn và tiết kiệm năng lượng châu Á của Nhật Bản, tăng cường hợp tác trong việc dự trữ dầu mỏ, than và tổ chức một diễn đàn về năng lượng.

Ghi nhận tầm quan trọng của việc trao đổi thông tin trong kinh doanh, hai bên đánh giá cao các hội thảo kinh tế được tổ chức nhân chuyến thăm của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng.

4. Hợp tác khoa học và công nghệ

Ghi nhận vai trò quan trọng của khoa học và công nghệ trong cạnh tranh kinh tế và bảo vệ môi trường toàn cầu, hai Thủ tướng đã quyết định tăng cường hợp tác trong lĩnh vực

khoa học và công nghệ, bao gồm cả Công nghệ Thông tin và Viễn thông (ICT) trên cơ sở Hiệp định Hợp tác Khoa học và Công nghệ giữa Việt Nam và Nhật Bản ký tháng 8 năm 2006. Đặc biệt, liên quan đến ICT, hai Thủ tướng ghi nhận tầm quan trọng của dự án hợp tác ODA của Nhật Bản về giáo dục đại học, được bắt đầu từ năm nay.

Ghi nhận tầm quan trọng của việc hợp tác về việc sử dụng năng lượng hạt nhân vào mục đích hòa bình, hai bên quyết định xúc tiến hợp tác trong lĩnh vực này bao gồm các nỗ lực về các mặt luật pháp, hành chính và những cơ sở cần thiết khác. Về vấn đề này, hai bên thừa nhận tầm quan trọng của an toàn hạt nhân, an ninh và không phổ biến hạt nhân. Thủ tướng Abê nhấn mạnh Nghị định thư bổ sung IAEA, Nghị định thư về bảo hộ vật lý đối với hạt nhân và Công ước về an toàn hạt nhân cần đóng vai trò quan trọng trong lĩnh vực này. Hai bên cũng cho rằng những nỗ lực này có thể đưa tới việc thảo luận về Hiệp định song phương về hợp tác năng lượng hạt nhân trong tương lai.

Hai bên quyết định khởi xướng cuộc thương lượng giữa hai Chính phủ để thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực này.

5. Hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân hai nước

Nhận thấy việc tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân hai nước là nền tảng cho mọi quan hệ song phương chặt chẽ hơn, hai bên bày tỏ quyết tâm thúc đẩy hơn nữa sự hiểu biết lẫn nhau thông qua giao lưu trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, du lịch và thể thao. Hai bên

chia sẻ quan điểm về tầm quan trọng của việc trao đổi thanh niên và đánh giá cao hiệu quả giáo dục của các hoạt động của học sinh làm phim ảnh đang được tiến hành ở Việt Nam hiện nay.

Theo đề nghị của phái đoàn giao lưu văn hóa Nhật Bản thăm Việt Nam tháng 5 năm 2005, hai bên quyết định thành lập một Diễn đàn Giao lưu văn hóa Việt - Nhật cấp cao nhằm thảo luận một cách toàn diện các hoạt động giao lưu giữa hai nước và thúc đẩy các dự án giao lưu văn hóa cụ thể. Hai bên hoan nghênh những tiến bộ đạt được gần đây hướng tới thành lập Ủy ban Hợp tác Việt - Nhật về bảo tồn Di sản văn hóa Thăng Long.

Thủ tướng Abê hoan nghênh những kết quả đạt được trong giảng dạy tiếng Nhật ở Việt Nam, đặc biệt đối với cấp học phổ cập giáo dục và khẳng định lại sự ủng hộ cao nhất của Nhật Bản dành cho chương trình này. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đánh giá cao chương trình tiếp nhận Tu nghiệp sinh Việt Nam của Nhật Bản và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tiếp tục những chương trình này. Thủ tướng Abê ghi nhận quan điểm của Việt Nam về những chương trình này và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tăng cường thực hiện hiệu quả những chương trình đó. Hai bên coi trọng việc hỗ trợ trao đổi các doanh nhân nhằm tăng cường quan hệ kinh tế song phương và cùng chia sẻ quan điểm rằng cần xúc tiến cấp thị thực nhập cảnh ngắn hạn nhiều lần cho các doanh nhân.

Hai bên hoan nghênh thành công của Hội thảo ASEAN - Nhật Bản và Hội nghị cấp cao về Du lịch hoa tại Lễ hội

hoa Đà Lạt tổ chức tháng 12 năm 2005 và Lễ hội Nhật Bản 2006 tại Việt Nam diễn ra tháng 8 năm 2006 nhằm thúc đẩy hiểu biết lẫn nhau giữa hai nước, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giao lưu trong các khu vực tư nhân, bao gồm các lễ hội tương tự ở hai nước trong tương lai.

6. Hợp tác tại các diễn đàn quốc tế

Hai bên cùng nhận thấy rằng việc tăng cường hợp tác trong giải quyết các thách thức khu vực và toàn cầu là quan trọng. Hai bên nhận thấy rằng cộng đồng quốc tế cần phải cùng nhau nghiên cứu giải quyết vấn đề an ninh con người.

Đồng thời, Thủ tướng Abê hoan nghênh vai trò có tính xây dựng của Việt Nam trên cương vị là Chủ tịch APEC 2006 và hai Thủ tướng bày tỏ quyết tâm tăng cường hợp tác vì sự thành công của Hội nghị Lãnh đạo kinh tế APEC vào tháng 11 tới. Hai bên khẳng định lại quyết tâm đẩy mạnh hợp tác và hội nhập kinh tế trên các lĩnh vực ưu tiên cụ thể, hướng tới thiết lập Cộng đồng Đông Á thông qua Hội nghị cấp cao Đông Á (EAS) và các diễn đàn khác. Hai bên bày tỏ sẵn sàng là đối tác phát triển để cộng tác trong việc phát triển lưu vực sông Mê Công bằng kinh nghiệm của mình.

Hai bên khẳng định lại quyết tâm tiếp tục phối hợp nhằm sớm thực hiện cải tổ Liên hợp quốc, trong đó có Hội đồng Bảo an, và có chung nhận thức về việc cải tổ Liên hợp quốc là cần nâng cao tính hiệu quả và dân chủ hóa trong các hoạt động của tổ chức này trên cơ sở củng cố các

nguyên tắc cơ bản của Liên hợp quốc. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng khẳng định lại sự ủng hộ của Việt Nam về việc Nhật Bản trở thành Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Thủ tướng Abê bày tỏ sự ủng hộ của Nhật Bản đối với việc Việt Nam trở thành thành viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008 - 2009.

Vui mừng trước việc Việt Nam phê chuẩn Hiệp ước Cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện (CTBT), hai bên cho rằng việc phổ biến vũ khí giết người hàng loạt (WMD), khủng bố quốc tế, buôn lậu ma túy và buôn bán người là những mối đe dọa nghiêm trọng đối với an ninh và ổn định, đồng thời chia sẻ quan điểm cần tăng cường hợp tác song phương và đa phương để cùng nhau giải quyết các thách thức đó.

Hai bên cùng nhận thấy rằng việc kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường để Việt Nam phát triển bền vững là cần thiết cho môi trường châu Á và thế giới. Hai bên bày tỏ ý định rằng hai Chính phủ sẽ hợp tác để xúc tiến khuôn khổ 3R (tinh giảm, tái sử dụng và tái chế) và giải quyết hợp lý chất thải ở Việt Nam.

Hai bên bày tỏ sự quan ngại sâu sắc về những diễn biến gần đây ở Bán đảo Triều Tiên. Hai bên phản đối việc thử vũ khí hạt nhân và yêu cầu Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên không làm phức tạp thêm tình hình, sớm trở lại đàm phán 6 bên và hợp tác hướng tới thực hiện Tuyên bố chung, Nghị quyết 1695 và Nghị quyết 1718 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc về vấn đề này. Hai bên nhấn mạnh Cộng hòa

Dân chủ Nhân dân Triều Tiên cần đáp ứng những quan tâm về an ninh và nhân đạo khác của cộng đồng quốc tế, bao gồm cả vấn đề bắt cóc.

Hai bên bày tỏ hài lòng về những thành quả của chuyến thăm chính thức Nhật Bản đầu tiên của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và hy vọng những kết quả này sẽ mở ra một bước phát triển mới trong quan hệ hợp tác hữu nghị nhiều mặt giữa Việt Nam và Nhật Bản.

Báo *Nhân Dân,* số 18697,
ngày 20-10-2006, tr.2.

TUYÊN BỐ CHUNG
VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

1. Nhận lời mời của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh và Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Nguyễn Minh Triết, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Hồ Cẩm Đào đã sang thăm hữu nghị chính thức Việt Nam từ ngày 15 đến 17-11-2006. Trong thời gian thăm, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào đã hội đàm với Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh, Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết, hội kiến với Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phú Trọng. Hai bên thông báo cho nhau tình hình mỗi Đảng, mỗi nước; trao đổi ý kiến sâu rộng về quan hệ giữa hai Đảng, hai nước cũng như các vấn đề quốc tế và khu vực mà hai bên cùng quan tâm và đã đạt được nhận thức chung rộng rãi. Hai bên nhất trí cho rằng, chuyến thăm lần này đã thành công tốt đẹp, chắc chắn sẽ thúc đẩy mạnh mẽ quan hệ láng giềng hữu nghị và hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Trung Quốc tiếp tục phát triển.

2. Hai bên bày tỏ vui mừng trước những thành tựu có tính chất lịch sử mà hai Đảng, hai nước đã giành được trong quá trình tìm tòi con đường phát triển xã hội chủ nghĩa phù hợp với tình hình của mỗi nước. Việt Nam đánh giá cao những thành tựu vĩ đại mà Trung Quốc đã giành được trong sự nghiệp cải cách, mở cửa và xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, tin tưởng rằng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, nhân dân Trung Quốc nhất định sẽ thực hiện được mục tiêu hùng vĩ xây dựng toàn diện xã hội khá giả và đẩy nhanh hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa. Trung Quốc đánh giá cao những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử mà Việt Nam đã giành được trong công cuộc đổi mới 20 năm qua, ủng hộ các phương châm và chính sách do Đại hội X của Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra và tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Việt Nam nhất định sẽ thực hiện thắng lợi các mục tiêu và nhiệm vụ do Đại hội X của Đảng xác định, xây dựng Việt Nam thành một nước xã hội chủ nghĩa hiện đại, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

3. Hai bên hài lòng nhận thấy quan hệ giữa hai Đảng, hai nước không ngừng được củng cố và phát triển, nhất trí cho rằng Trung Quốc và Việt Nam có lợi ích chiến lược chung trên nhiều vấn đề quan trọng. Trong bối cảnh tình hình quốc tế đang có những diễn biến sâu sắc, việc tiếp tục tăng cường quan hệ láng giềng hữu nghị và hợp tác toàn diện Việt Nam-Trung Quốc phù hợp với lợi ích căn bản của hai Đảng, hai

nước và nhân dân hai nước, có lợi cho hòa bình và phát triển trong khu vực và trên thế giới.

Hai bên thỏa thuận sẽ tăng cường các chuyến thăm cấp cao, đi sâu trao đổi kinh nghiệm về lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp xây dựng Đảng, quản lý Nhà nước cũng như xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát huy đầy đủ vai trò của cơ chế hợp tác giữa các ngành ngoại giao, quốc phòng, công an, an ninh..., mở rộng hợp tác thiết thực trong các lĩnh vực kinh tế thương mại, khoa học kỹ thuật, văn hóa giáo dục..., triển khai mạnh mẽ giao lưu hữu nghị giữa thanh thiếu niên hai nước, làm cho tình hữu nghị Việt Nam - Trung Quốc được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Hai bên cùng nhau nỗ lực phát triển quan hệ Việt Nam - Trung Quốc "láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai" và mãi mãi là "láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt".

4. Hai bên đánh giá tích cực việc hai nước đã chính thức thành lập và tiến hành phiên họp đầu tiên của Ủy ban chỉ đạo hợp tác song phương Việt - Trung. Hai bên nhất trí cho rằng, sự kiện này có lợi cho việc tăng cường chỉ đạo vĩ mô, quy hoạch tổng thể và thúc đẩy toàn diện sự hợp tác trong tất cả các lĩnh vực giữa Việt Nam và Trung Quốc, điều phối giải quyết các vấn đề có thể nảy sinh trong quá trình hợp tác. Ủy ban này sẽ phát huy tác dụng quan trọng góp phần bảo đảm quan hệ láng giềng hữu nghị và hợp tác toàn diện giữa hai nước phát triển lâu dài, ổn định, lành mạnh và bền vững.

5. Hai bên hài lòng về tiến triển đã đạt được trong lĩnh vực hợp tác kinh tế - thương mại giữa hai nước. Hai bên đồng ý trên tinh thần "bổ sung ưu thế cho nhau cùng có lợi và cùng thắng", mở rộng hơn nữa quy mô, nâng cao chất lượng và trình độ hợp tác kinh tế thương mại. Tích cực phát triển điểm tăng trưởng mới về thương mại, duy trì đà tăng trưởng nhanh chóng kim ngạch mậu dịch song phương, thực hiện mục tiêu mới là nâng kim ngạch thương mại hai chiều lên 15 tỉ USD vào năm 2010. Từng bước cải thiện cơ cấu mậu dịch, cố gắng thực hiện phát triển cân bằng và tăng trưởng bền vững thương mại hai chiều. Tích cực ủng hộ và thúc đẩy doanh nghiệp hai nước hợp tác lâu dài và cùng có lợi trong các lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, công nghiệp chế tạo, khai thác nguồn nhân lực, năng lượng, chế biến khoáng sản và các lĩnh vực quan trọng khác. Khẩn trương bàn bạc và thực hiện các dự án lớn như bôxít Đắk Nông... Đẩy nhanh tiến trình xây dựng "Hai hành lang, một vành đai kinh tế", thúc đẩy vững chắc, hiệu quả các dự án hợp tác cụ thể. Tăng cường hợp tác trong các thể chế kinh tế khu vực, liên khu vực và quốc tế, thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế toàn diện giữa ASEAN và Trung Quốc.

Trung Quốc chúc mừng Việt Nam đã gia nhập WTO và tin tưởng rằng Việt Nam sẽ tích cực đóng góp phần mình vào các hoạt động của tổ chức này sau khi trở thành thành viên chính thức.

Hai bên đã ký và nhất trí sẽ nhanh chóng triển khai thực hiện "Hiệp định về mở rộng và đi sâu hợp tác kinh tế thương mại song phương", đề ra phương hướng tổng thể về hợp tác

kinh tế thương mại giữa hai nước trong 5-10 năm tới, xác định các lĩnh vực hợp tác trọng điểm, phát huy tác dụng tích cực thúc đẩy hợp tác kinh tế thương mại giữa hai nước.

Hai bên còn ký kết Bản ghi nhớ về việc triển khai Hợp tác "Hai hành lang, một vành đai kinh tế" và một số văn kiện hợp tác kinh tế khác.

6. Hai bên đánh giá tích cực những tiến triển mà hai nước đã đạt được trong việc giải quyết các vấn đề biên giới lãnh thổ. Hai bên đồng ý phối hợp chặt chẽ hơn nữa, áp dụng các biện pháp thiết thực và hiệu quả hơn, đẩy nhanh tiến độ phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền, bảo đảm hoàn thành công tác phân giới cắm mốc trên toàn tuyến biên giới trên đất liền và ký văn bản mới về quy chế quản lý biên giới chậm nhất vào năm 2008. Tiếp tục thực hiện tốt "Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ" và "Hiệp định hợp tác nghề cá Vịnh Bắc Bộ", triển khai tốt tuần tra chung giữa hải quân hai nước, công tác điều tra liên hợp nguồn lợi cũng như kiểm tra liên hợp trong Vùng đánh cá chung, tích cực hợp tác đẩy nhanh việc thực hiện Thỏa thuận khung về hợp tác dầu khí trong Vịnh Bắc Bộ, tiến hành công tác thăm dò chung các cấu tạo dầu khí vắt ngang đường phân định, giữ gìn trật tự sản xuất nghề cá bình thường, tích cực triển khai hợp tác trong các lĩnh vực khác như nghề cá, bảo vệ môi trường, tìm kiếm cứu nạn trên biển... Hai bên tiếp tục thúc đẩy một cách vững chắc đàm phán về phân định vùng biển ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ và tích cực trao đổi ý kiến về vấn đề hợp tác cùng phát triển ở khu vực này. Hai bên đồng ý nghiêm chỉnh tuân thủ nhận

thức chung liên quan của lãnh đạo cấp cao hai nước, tiếp tục duy trì cơ chế đàm phán về vấn đề trên biển, kiên trì thông qua đàm phán hòa bình tìm kiếm giải pháp cơ bản và lâu dài mà hai bên đều chấp nhận được. Hai bên cùng nhau cố gắng giữ gìn ổn định tình hình Biển Đông, đồng thời tích cực nghiên cứu và bàn bạc vấn đề hợp tác cùng phát triển để tìm ra mô hình và khu vực phù hợp.

7. Việt Nam khẳng định kiên trì thực hiện chính sách một nước Trung Quốc, ủng hộ sự nghiệp lớn thống nhất Trung Quốc, ủng hộ "Luật chống chia cắt đất nước", kiên quyết phản đối hành động chia rẽ "Đài Loan độc lập" dưới mọi hình thức. Mong muốn Trung Quốc sớm thực hiện thống nhất đất nước. Việt Nam không phát triển bất kỳ quan hệ chính thức nào với Đài Loan. Phía Trung Quốc bày tỏ hoan nghênh lập trường trên của phía Việt Nam.

8. Hai bên hài lòng về hợp tác giữa hai nước trong công việc quốc tế và khu vực. Hai bên khẳng định sẽ tiếp tục tăng cường phối hợp và hợp tác trong khuôn khổ đa phương như Liên hợp quốc, APEC, ASEM, ASEAN+3 (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc), EAS, ARF, Tiểu vùng sông Mê Công mở rộng..., cùng nhau làm hết sức mình vì hòa bình, ổn định và phát triển trong khu vực và trên thế giới.

Hai bên nhất trí cho rằng Liên hợp quốc cần góp phần nâng cao vai trò, hiệu quả trong việc đối phó với những thách thức và các mối đe dọa mới, duy trì hòa bình và an ninh quốc tế, thúc đẩy sự phát triển chung của các thành viên, phục vụ cho việc thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ.

Trung Quốc bày tỏ ủng hộ Việt Nam trở thành Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008 - 2009.

9. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào cảm ơn Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh, Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết và Đảng Cộng sản, Chính phủ và nhân dân Việt Nam đã dành cho đoàn sự đón tiếp trọng thị, nhiệt tình và hữu nghị, và trân trọng mời Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh, Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết sang thăm Trung Quốc vào thời gian thuận tiện. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh, Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết bày tỏ cảm ơn và vui vẻ nhận lời.

Báo *Nhân Dân,* số 18726,
ngày 18-11-2006, tr.1, 3.

TUYÊN BỐ CHUNG VIỆT NAM - HOA KỲ*

Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Nguyễn Minh Triết hoan nghênh Tổng thống Hoa Kỳ Gioócgiơ W. Busơ đến thăm Việt Nam. Điểm lại việc thực hiện bản Tuyên bố chung tháng 6-2005 giữa Tổng thống Busơ và Thủ tướng Phan Văn Khải, hai nhà lãnh đạo bày tỏ sự hài lòng về những tiến bộ đạt được trong quan hệ hai nước, nhờ đó tạo dựng được mối quan hệ nhiều mặt, hướng tới tương lai giữa Việt Nam và Hoa Kỳ như hiện nay. Mối quan hệ này bao gồm các quan hệ kinh tế - thương mại quan trọng và đang gia tăng, các bước khởi đầu về quan hệ giữa hai Bộ Quốc phòng, sự hợp tác tốt đẹp về các vấn đề y tế, văn hóa, giáo dục và phát triển, sự cam kết giải quyết các vấn đề do chiến tranh để lại và lợi ích chung trong việc bảo đảm hòa bình, ổn định và thịnh vượng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Hai bên cũng trao đổi thẳng thắn và chân thành các

---

* Ngày 17-11, nhân chuyến thăm chính thức Việt Nam của Tổng thống Hoa Kỳ G.W. Busơ, hai bên đã ra Tuyên bố chung Việt Nam - Hoa Kỳ *(B.T)*.

vấn đề còn khác biệt. Ngoài ra, hai bên khẳng định quyết tâm bảo đảm cho quan hệ song phương ổn định, xây dựng, có nền tảng rộng lớn và được tiến hành trên cơ sở bình đẳng về chủ quyền và cùng có lợi.

Chủ tịch Nguyễn Minh Triết và Tổng thống Gioócgiơ W. Busơ hoan nghênh ý nghĩa lịch sử của việc Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Tổng thống Gioócgiơ W. Busơ khẳng định lại sự ủng hộ mạnh mẽ của mình đối với việc Quốc hội Mỹ thông qua sớm nhất có thể Quy chế thương mại bình thường vĩnh viễn đối với Việt Nam.

Chủ tịch Nguyễn Minh Triết khẳng định Việt Nam sẽ tôn trọng đầy đủ các luật lệ của WTO và sẽ cùng các thành viên khác nỗ lực tạo dựng một môi trường bình đẳng dựa trên sự công bằng, cởi mở và minh bạch.

Chủ tịch Nguyễn Minh Triết hoan nghênh việc Tổng thống Gioócgiơ W. Busơ bảo đảm sẽ duy trì mở cửa thị trường Hoa Kỳ và hỗ trợ tiến trình hội nhập của Việt Nam vào nền kinh tế thế giới. Hai nhà lãnh đạo dự kiến thương mại và đầu tư song phương sẽ tăng mạnh hơn nữa, mang lại lợi ích cho nhân dân hai nước.

Tổng thống Gioócgiơ W. Busơ cũng hoan nghênh quyết tâm của các nhà lãnh đạo Việt Nam đẩy mạnh công cuộc đổi mới, xây dựng nhà nước pháp quyền, chống tham nhũng và cho rằng những nỗ lực đó có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế và tạo ra môi trường thuận lợi cho kinh doanh và đầu tư của Việt Nam. Hai nhà lãnh đạo trông đợi sớm ký kết Hiệp định vận tải biển để thúc đẩy hơn nữa việc phát triển mạnh mẽ quan hệ kinh tế năng động giữa hai nước.

Chủ tịch Nguyễn Minh Triết và Tổng thống Gioócgiơ W. Busơ đã thảo luận sự hợp tác ngày càng tăng giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong việc giải quyết những mối quan tâm khu vực và toàn cầu. Tổng thống Gioócgiơ W. Busơ hoan nghênh Việt Nam tham dự tích cực vào các vấn đề quốc tế nhằm duy trì hòa bình, hợp tác, phát triển ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới, đánh giá cao sự ủng hộ của Việt Nam đối với việc phi hạt nhân hóa bán đảo Triều Tiên và đối với sự đồng thuận của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc như đã được thể hiện trong Nghị quyết 1718. Chủ tịch Nguyễn Minh Triết hoan nghênh việc mở lại cuộc đàm phán sáu bên và bày tỏ mong muốn các bên đạt được giải pháp hòa bình cho vấn đề phi hạt nhân hóa bán đảo Triều Tiên.

Hai nhà lãnh đạo cam kết tăng cường hợp tác nhằm chặn đứng việc phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và các công nghệ, vật liệu liên quan phù hợp với luật pháp quốc tế, quốc gia và khả năng mỗi nước. Hai bên cho rằng thỏa thuận về việc thay thế nhiên liệu hạt nhân Lò phản ứng Đà Lạt. Biên bản ghi nhớ giữa Cơ quan Kiểm soát ma túy Hoa Kỳ với Bộ Công an Việt Nam là những thí dụ về các hình thức hợp tác đa dạng mà hai nước đang cùng thực hiện để giữ gìn an toàn, an ninh cho nhân dân mình và nhân dân các nước khác trong khu vực.

Hai nhà lãnh đạo đặc biệt ghi nhận sự hợp tác trong lĩnh vực y tế như một thí dụ điển hình của sự hợp tác chặt chẽ giữa Hoa Kỳ và Việt Nam. Tổng thống Gioócgiơ W. Busơ ca ngợi việc Việt Nam xử lý kịp thời, hiệu quả và minh bạch

dịch cúm gia cầm đã giúp chặn đứng dịch bùng phát sang người từ tháng 10-2005. Tổng thống cho rằng những nỗ lực của Việt Nam là một hình mẫu cho khu vực và cam kết tiếp tục hỗ trợ Việt Nam đối phó với nguy cơ của bệnh dịch này. Việt Nam là một trong những nước trọng điểm ủng hộ sáng kiến của Tổng thống Gioócgiơ W. Busơ về phòng, chống HIV/AIDS (PEPFAR), Hoa Kỳ và Việt Nam đang cộng tác chặt chẽ chống lại hiểm họa này. Hai nhà lãnh đạo đồng ý rằng hai nước cần tăng cường hơn nữa sự hợp tác tích cực hiện nay. Chủ tịch Nguyễn Minh Triết hoan nghênh hoạt động của Sáng kiến hỗ trợ thúc đẩy thương mại ở Việt Nam (STAR) và việc gia hạn chương trình này. Chủ tịch Nguyễn Minh Triết cũng đánh giá cao việc Chính phủ Hoa Kỳ tăng viện trợ phát triển cho Việt Nam và đề nghị phía Hoa Kỳ tăng cường hơn nữa viện trợ nhân đạo thông qua việc tiếp tục hợp tác trong các lĩnh vực như tháo gỡ bom mìn chưa nổ và hỗ trợ những người Việt Nam bị khuyết tật. Hoa Kỳ và Việt Nam cũng đồng ý rằng việc hai bên cùng nỗ lực hơn nữa để giải quyết vấn đề nhiễm độc môi trường gần các kho chứa dioxin trước đây sẽ góp phần đáng kể vào việc tiếp tục phát triển quan hệ giữa hai nước.

Tổng thống Gioócgiơ W. Busơ thông báo về Chiến lược An ninh quốc gia của Hoa Kỳ, trong đó nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tôn trọng đầy đủ các quyền con người và các quyền tự do cơ bản đối với hòa bình thế giới cũng như đối với sự phát triển ổn định của mỗi quốc gia. Chủ tịch Nguyễn Minh Triết thông báo cho Tổng thống Gioócgiơ W. Busơ về các luật và quy định mới được ban hành về tự do tôn giáo

cần được thực thi tích cực tại tất cả các địa phương của Việt Nam. Hai nhà lãnh đạo cũng ghi nhận tầm quan trọng của việc tiếp tục đạt tiến bộ trong đối thoại song phương về quyền con người và tái khẳng định rằng đối thoại cần được tiến hành một cách toàn diện, xây dựng và có kết quả.

Hai nhà lãnh đạo bày tỏ sự hài lòng trước những tiến bộ đạt được trong việc giải quyết những vấn đề do chiến tranh để lại và nhất trí hai bên sẽ tiếp tục hợp tác trong lĩnh vực này. Chủ tịch Nguyễn Minh Triết khẳng định những nỗ lực của Chính phủ Việt Nam trong việc tiếp tục giúp đỡ Hoa Kỳ kiểm kê đầy đủ nhất có thể được những trường hợp người Mỹ mất tích trong chiến tranh thông qua việc tăng cường các hoạt động hỗn hợp và đơn phương. Tổng thống Gioócgiơ W. Busơ khẳng định lại đóng góp của Hoa Kỳ trong việc tìm kiếm thông tin về các trường hợp mất tích của phía Việt Nam.

Chủ tịch Nguyễn Minh Triết và Tổng thống Gioócgiơ W. Busơ đã trao đổi về sự hợp tác trong các vấn đề khu vực. Tổng thống Gioócgiơ W. Busơ ca ngợi việc Việt Nam đăng cai Hội nghị APEC năm nay chứng tỏ vai trò tích cực và quan trọng của Việt Nam trong việc thúc đẩy tự do hóa kinh tế - thương mại cũng như tăng cường an ninh trong khu vực. Chủ tịch Nguyễn Minh Triết ghi nhận quan hệ gắn bó giữa Hoa Kỳ với Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và mong muốn đẩy mạnh sự hợp tác đó thông qua quan hệ Đối tác tăng cường ASEAN - Hoa Kỳ. Hai nhà lãnh đạo cam kết sẽ tiếp tục các nỗ lực để đạt hiểu biết chung về các vấn đề khu vực và toàn cầu đáng quan tâm.

Hai nhà lãnh đạo ghi nhận tầm quan trọng của các chuyến thăm cấp cao giữa hai nước đối với sự phát triển quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ trong tương lai. Tổng thống Gioócgiơ W. Busơ đã mời Chủ tịch Nguyễn Minh Triết thăm Hoa Kỳ vào năm 2007 để tiếp tục các cuộc trao đổi. Chủ tịch Nguyễn Minh Triết cảm ơn Tổng thống Gioócgiơ W. Busơ và vui vẻ nhận lời.

Báo *Nhân Dân,* số 18726,
ngày 18-11-2006, tr.1-2.

TUYÊN BỐ CHUNG
VIỆT NAM - LIÊN BANG NGA

Nhận lời mời của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Nguyễn Minh Triết, Tổng thống Liên bang Nga V.V. Putin đã thăm chính thức nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ 19 đến 20-11-2006.

Tại Hà Nội đã diễn ra cuộc hội đàm giữa Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Tổng thống Liên bang Nga, các cuộc gặp và hội kiến của Tổng thống Liên bang Nga với Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng và Chủ tịch Quốc hội Việt Nam Nguyễn Phú Trọng.

Chủ tịch nước Việt Nam Nguyễn Minh Triết và Tổng thống Liên bang Nga V.V. Putin đã thăm Ngân hàng liên doanh Việt - Nga đầu tiên ở Hà Nội do Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Ngoại thương Liên bang Nga thành lập; trao tặng Huân chương của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và của Nhà nước Liên bang Nga cho công nhân viên Xí nghiệp liên doanh Việt - Nga về thăm dò và khai thác dầu khí trên thềm lục địa phía Nam của Việt Nam "Vietsovpetro".

Tổng thống V.V. Putin và Đoàn đại biểu cấp cao Liên bang Nga được Lãnh đạo và nhân dân Việt Nam đón tiếp trọng thị, chân tình và nồng nhiệt, thể hiện mối quan hệ đối tác chiến lược và sự hợp tác toàn diện giữa hai nước Việt Nam và Liên bang Nga.

Trong các cuộc gặp và hội đàm, diễn ra trên tinh thần thẳng thắn và tin cậy, lãnh đạo hai nước đã tổng kết việc phát triển quan hệ song phương kể từ khi thông qua Tuyên bố về đối tác chiến lược giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga ngày 1-3-2001, thảo luận nhiều vấn đề hai bên cùng quan tâm.

Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết bày tỏ vui mừng trước những thành tựu mà nhân dân Nga đã đạt được về phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, không ngừng cải thiện đời sống nhân dân, góp phần nâng cao vai trò và vị thế của Liên bang Nga trên trường quốc tế.

Tổng thống V.V. Putin đánh giá cao những thành tựu mà nhân dân Việt Nam đã giành được trong 20 năm đổi mới.

Hai bên ghi nhận rằng, mối quan hệ gần gũi và hữu nghị truyền thống giữa Việt Nam và Nga mang tính chất ổn định và kế thừa, đặc trưng bởi mức độ tin cậy và tôn trọng lẫn nhau cao, đáp ứng được lợi ích lâu dài của hai nước.

Hai bên đánh giá cao việc các nhà lãnh đạo nhà nước và chính phủ hai nước tiến hành gặp gỡ thường xuyên để trao đổi ý kiến về các vấn đề thời sự liên quan đến quan hệ song phương và tình hình quốc tế, sự phát triển tích cực các mối quan hệ giữa Quốc hội hai nước, giữa các bộ, ngành và các địa phương hai nước nhằm cải tiến và hoàn thiện cơ chế hợp tác.

Tại hội đàm, hai bên nhất trí đẩy mạnh sự hợp tác toàn diện Việt - Nga trên cơ sở phát huy thế mạnh và khả năng của mỗi nước, chú trọng đặc biệt đến vấn đề phát triển hợp tác trong lĩnh vực kinh tế - thương mại, trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi, không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác, vì lợi ích của nhân dân mỗi nước. Hai bên đã thỏa thuận sẽ tăng cường vai trò điều phối của Ủy ban liên chính phủ Việt - Nga về hợp tác kinh tế - thương mại và khoa học - kỹ thuật nhằm thực hiện những thỏa thuận đã đạt được và tìm phương thức giải quyết hiệu quả nhất cho những vấn đề còn tồn tại.

Hai bên nhấn mạnh mong muốn và sẽ ưu tiên cho việc tiếp tục thúc đẩy sự hợp tác song phương trong lĩnh vực năng lượng - nhiên liệu, trong đó có việc phối hợp thăm dò và khai thác dầu khí tại Việt Nam, Liên bang Nga và các nước thứ ba.

Việt Nam và Nga cho rằng, cần huy động tích cực hơn nữa tiềm năng to lớn, đáng kể của quan hệ đối tác trong lĩnh vực đầu tư và trong liên kết sản xuất đối với những ngành kinh tế nhiều triển vọng, mở rộng và đa dạng hóa quan hệ trong các lĩnh vực hợp tác truyền thống, tạo những điều kiện thuận lợi cho các đơn vị sản xuất của cả hai nước. Hai bên sẽ tiếp tục cùng nỗ lực hoàn thiện cơ cấu và cân bằng thương mại song phương.

Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Tổng thống Liên bang Nga bày tỏ sự hài lòng đối với mức độ phát triển cao và ngày càng năng động của sự hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực kỹ thuật - quân sự.

Hai bên hoan nghênh sự hợp tác chặt chẽ vốn có trong lĩnh vực nhân văn và ủng hộ việc đẩy mạnh trao đổi đa dạng trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học, thông tin và liên lạc, y tế, du lịch và thể thao.

Hai bên ghi nhận sự đóng góp đáng kể của các công dân Việt Nam đang làm việc và học tập tại Nga và các công dân Nga đang làm việc và học tập tại Việt Nam vào việc mở rộng quan hệ hữu nghị truyền thống, thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân hai nước. Hai bên nhất trí tạo những điều kiện thuận lợi cho công dân Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đang làm việc và học tập tại Liên bang Nga và công dân Liên bang Nga đang làm việc và học tập tại Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong khuôn khổ đó, hai bên thoả thuận trong thời gian sớm nhất sẽ kết thúc quá trình đàm phán và ký kết Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga về Lao động có thời hạn đối với công dân Liên bang Nga ở Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và công dân Việt Nam ở Liên bang Nga và Nghị định thư bổ sung cho Hiệp định trên.

Hai bên hài lòng ghi nhận việc tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga trong lĩnh vực đối ngoại trên cơ sở quan điểm trùng hợp hoặc gần gũi trong phần lớn các vấn đề quốc tế vì lợi ích củng cố hòa bình, ổn định và phát triển ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Lãnh đạo hai nước khẳng định vai trò không thể thay thế được của Liên hợp quốc trong việc bảo đảm hòa bình và ổn

định trên toàn thế giới, sự cần thiết phải tăng cường uy tín và hiệu quả của tổ chức này trong các vấn đề quốc tế.

Hai bên bày tỏ quyết tâm cùng hợp tác trong lĩnh vực an ninh và đấu tranh chống chủ nghĩa khủng bố với việc sử dụng đối thoại song phương đã được thiết lập và phối hợp hành động chặt chẽ trong khuôn khổ các diễn đàn quốc tế và các tổ chức khu vực.

Việt Nam đánh giá cao vai trò Chủ tịch của Liên bang Nga trong "nhóm G-8" và kết quả của cuộc gặp Thượng đỉnh G-8 tại Xanh Pêtécbua. Nga đánh giá cao hiệu quả vai trò Chủ tịch của Việt Nam tại Diễn đàn "Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương", trong đó có việc tổ chức thành công Hội nghị các nhà Lãnh đạo các nền kinh tế thành viên APEC lần thứ 14 tại Hà Nội.

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga ủng hộ những nỗ lực chung, có định hướng rõ ràng của cộng đồng quốc tế nhằm tạo dựng một thế giới công bằng và dân chủ, thiết lập cơ chế đối thoại giữa các nền văn minh, củng cố trật tự và an ninh thế giới, giữ gìn sự ổn định trên quy mô khu vực và toàn cầu.

Phía Nga hoan nghênh và đánh giá cao việc Việt Nam phê chuẩn Hiệp ước cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện. Hai bên cho rằng việc phổ biến vũ khí giết người hàng loạt, khủng bố quốc tế, buôn lậu ma túy, tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và buôn bán người là những mối đe dọa nghiêm trọng đối với an ninh và ổn định, đồng thời chia sẻ quan điểm cần tăng cường hợp tác song phương và đa phương để cùng nhau đấu tranh chống lại những hiểm họa

đó. Hai bên cam kết cùng phấn đấu thực hiện Chiến lược chống khủng bố toàn cầu của Liên hợp quốc và kết thúc đàm phán dưới sự chỉ đạo của Liên hợp quốc Công ước toàn diện về chủ nghĩa khủng bố quốc tế.

Việt Nam và Nga cùng ủng hộ việc giải quyết vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên bằng các biện pháp chính trị - ngoại giao trong quá trình đàm phán 6 bên trên cơ sở Tuyên bố chung ngày 19-9-2005. Nhân dịp này, hai bên ủng hộ thỏa thuận về việc nối lại tiến trình đàm phán vừa đạt được tại cuộc gặp gần đây giữa Trưởng đoàn Mỹ, Cộng hòa dân chủ Nhân dân Triều Tiên và Trung Quốc tại Bắc Kinh.

Trên tinh thần hữu nghị và hợp tác, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga bày tỏ quyết tâm tiếp tục củng cố hợp tác trong khuôn khổ đối tác đối thoại Nga-ASEAN và theo kênh tiếp xúc của Tổ chức Hợp tác Thượng Hải và ASEAN, cũng như mong muốn hỗ trợ lẫn nhau trong các cơ chế đa phương hiện đang có hoặc đang hình thành ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Hai bên ghi nhận vai trò quan trọng trong hệ thống quan hệ quốc tế hiện đại của Phong trào không liên kết, coi đây là một trong những cơ chế đa phương được công nhận, nhằm tìm kiếm cách thức ứng phó tập thể đối với những thách thức của thời đại. Hai bên đánh giá tích cực kết quả của Hội nghị thượng đỉnh Phong trào không liên kết tại La Habana và mong muốn tiếp tục phát triển hợp tác cùng có lợi trên trường quốc tế.

Tổng thống Liên bang Nga V.V. Putin mời Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Nguyễn Minh Triết và

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh thăm Liên bang Nga vào thời gian thích hợp cho cả hai bên.

Chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Liên bang Nga là một mốc mới quan trọng trong việc củng cố và tăng cường mối quan hệ hữu nghị truyền thống và đối tác chiến lược Việt - Nga, vì lợi ích của nhân dân mỗi nước, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Báo *Nhân Dân,* số 18729,
ngày 21-11-2006, tr.1, 4.

TUYÊN BỐ CHUNG
VIỆT NAM - BUNGARI

Nhận lời mời của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng, Thủ tướng nước Cộng hòa Bungari Xécgây Xtanisép đã thăm chính thức Việt Nam từ ngày 23 đến 25-11-2006.

Trong thời gian ở thăm Việt Nam, Thủ tướng X. Xtanisép đã đến chào Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh, Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phú Trọng, thăm một số cơ sở kinh tế, văn hóa ở Thủ đô Hà Nội.

Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng đã gặp riêng và hội đàm với Thủ tướng X. Xtanisép; tổ chức chiêu đãi trọng thể chào mừng Thủ tướng X. Xtanisép và các vị khách quý Bungari.

Thủ tướng nước Cộng hòa Bungari bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về lòng mến khách dành cho ông và Đoàn đại biểu Bungari trong thời gian ở thăm Việt Nam.

Trong không khí cởi mở, chân tình và hữu nghị, Thủ tướng hai nước đã tiến hành trao đổi ý kiến về các vấn đề quan hệ song phương cũng như các vấn đề quốc tế mà hai bên cùng quan tâm.

Hai bên ghi nhận chuyến thăm này của Thủ tướng nước Cộng hòa Bungari sẽ mở ra giai đoạn mới, quan trọng trong quan hệ hai nước, với đặc trưng là quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác cùng có lợi trong nhiều lĩnh vực, trong đó có đối thoại chính trị, hợp tác kinh tế, khoa học - kỹ thuật, trao đổi văn hóa và giáo dục. Hai bên nhất trí cùng phối hợp để tăng cường hơn nữa quan hệ song phương hướng tới thiết lập quan hệ đối tác bền vững giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Bungari trong thế kỷ XXI, trên cơ sở hiểu biết lẫn nhau, bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập và chủ quyền quốc gia. Hai bên có chung quan điểm về việc nước Cộng hòa Bungari sắp trở thành thành viên của Liên hiệp châu Âu và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên của ASEAN tạo ra những cơ hội mới để thắt chặt hơn nữa quan hệ song phương.

Hai bên hoan nghênh việc trao đổi các chuyến thăm cấp cao, trong đó có các vị đứng đầu Nhà nước, Quốc hội và Chính phủ. Hai bên đánh giá cao kết quả của các chuyến thăm chính thức Bungari của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tháng 9-2000 và của Phó Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tháng 10-2005, các chuyến thăm chính thức Việt Nam của Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa Bungari năm 2004, cũng như các đoàn cấp Bộ trưởng, đã tạo thêm động lực thúc đẩy hơn nữa quan hệ Việt Nam - Bungari. Hai bên nhấn mạnh lại cam kết thúc đẩy đối thoại chính trị giữa hai nước, không chỉ ở cấp song phương mà cả trong khuôn khổ đa phương và

trên các diễn đàn quốc tế. Hai bên ghi nhận tầm quan trọng của hợp tác liên Nghị viện và kêu gọi đẩy mạnh hơn nữa trao đổi hợp tác giữa Quốc hội hai nước.

Hai bên nhận thấy có những tiềm năng chưa được khai thác trong hợp tác kinh tế giữa hai nước và nhất trí rằng, sự hợp tác mạnh mẽ về kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quan hệ song phương, nhưng mức độ hiện nay còn chưa thỏa đáng. Hai bên cam kết mở rộng và đa dạng hóa hợp tác kinh tế, thương mại và nhất trí phối hợp để đẩy mạnh đầu tư song phương trong các lĩnh vực cùng quan tâm, trong đó có việc thiết lập các công ty liên doanh ở cả hai nước. Vì vậy, hai bên nhấn mạnh cần khuyến khích cộng đồng doanh nghiệp hai nước liên hệ trực tiếp, trong đó có tham dự các triển lãm thương mại ở hai nước.

Việt Nam và Bungari ghi nhận hai nước có tiềm năng lớn về phát triển hợp tác song phương trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, giáo dục và văn hóa. Hai bên bày tỏ quyết tâm tiếp tục hỗ trợ thích đáng và tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực trên để tìm ra các lĩnh vực hợp tác mới và khuyến khích ứng dụng các sản phẩm của nghiên cứu khoa học chung vào mục đích thương mại.

Hai bên nhấn mạnh tầm quan trọng của các cơ chế hợp tác hiện có trong quan hệ Việt Nam - Bungari (Ủy ban liên Chính phủ về Hợp tác kinh tế, khoa học và công nghệ, Tiểu ban hỗn hợp về Hợp tác khoa học - công nghệ, Tham khảo chính trị giữa hai Bộ Ngoại giao, nhóm Nghị sĩ hữu nghị Việt Nam - Bungari) và nhất trí cùng nhau tăng cường các cơ chế hợp tác hiện có, sử dụng các cơ chế này một cách tối đa để thúc đẩy hơn nữa quan hệ đôi bên cùng có lợi. Hai Thủ tướng

bày tỏ sự hài lòng về kết quả phiên họp lần thứ 20 của Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam - Bungari về Hợp tác kinh tế, khoa học và công nghệ tháng 2-2005 tại Xôphia; khẳng định cam kết tiếp tục nỗ lực thúc đẩy thương mại hai chiều và thực hiện thành công các quyết định của Ủy ban liên Chính phủ. Hai bên mong đợi những kết quả cụ thể của phiên họp lần thứ 21, Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam - Bungari về Hợp tác kinh tế, khoa học và công nghệ tại Hà Nội năm 2007. Hai bên hài lòng ghi nhận kết quả của diễn đàn doanh nghiệp với đông đảo doanh nghiệp tham dự, được tổ chức tại Hà Nội trong chuyến thăm này.

Hai bên nhất trí khai thác khả năng thiết lập liên hệ trực tiếp và hợp tác giữa các đơn vị hành chính trên lãnh thổ của Việt Nam và Bungari.

Hai bên ghi nhận tầm quan trọng của việc giao lưu văn hóa là điều kiện cơ bản để tăng cường hiểu biết lẫn nhau và khẳng định quan tâm nền văn hóa của nhau, trong đó có văn hóa truyền thống và đương đại; nhấn mạnh sẵn sàng thúc đẩy hơn nữa giao lưu trong lĩnh vực này.

Hai vị đứng đầu Chính phủ hai nước bày tỏ tin tưởng rằng Hiệp định hợp tác kinh tế giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Bungari; Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Bungari về hợp tác trong lĩnh vực du lịch và Kế hoạch hợp tác trong lĩnh vực Bảo vệ sức khỏe và Y học giữa Bộ Y tế nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Y tế nước Cộng hòa Bungari, được ký kết trong chuyến thăm này sẽ thúc đẩy hợp tác đôi bên cùng có lợi trong các lĩnh vực quan trọng trên. Hai bên

nhất trí tiếp tục hợp tác để mở rộng và hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hợp tác song phương trong nhiều lĩnh vực.

Hai bên đã trao đổi về các vấn đề khu vực và quốc tế cùng quan tâm; ghi nhận quan hệ hợp tác ở mức cao giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Bungari tại Liên hợp quốc và các diễn đàn đa phương khác, điển hình là sự ủng hộ của Bungari dành cho việc Việt Nam ứng cử vào vị trí thành viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008 - 2009 và gia nhập WTO, Việt Nam ủng hộ Bungari ứng cử vào ECOSOC nhiệm kỳ 2007 - 2009 và trở thành thành viên của ASEM. Hai bên bày tỏ cam kết sẽ hợp tác hơn nữa trong lĩnh vực này.

Việt Nam và Bungari nhận thấy tầm quan trọng của việc giải quyết các xung đột và khủng hoảng bằng con đường ngoại giao, dựa trên những quy định liên quan của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế. Hai bên nhấn mạnh cần phải tăng cường quyền lực và vai trò của Liên hợp quốc, khuyến khích hợp tác quốc tế trong việc chống khủng bố, không phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, bảo vệ và thúc đẩy quyền con người, giải quyết các vấn đề cấp bách của thế giới hiện đại. Hai bên tái khẳng định quyết tâm hợp tác tích cực trong khuôn khổ Liên hợp quốc để thúc đẩy hòa bình, phát triển và thịnh vượng quốc tế trong thế kỷ XXI. Hai bên nhấn mạnh tầm quan trọng của một tổ chức Liên hợp quốc vững mạnh, dân chủ, thực tế, hiệu quả và nhận thấy cần phải tiếp tục quá trình cải tổ toàn diện Liên hợp quốc phù hợp Văn kiện Kết quả Hội nghị thượng đỉnh 2005.

Việt Nam và Bungari nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hợp tác chống khủng bố, tội phạm quốc tế có tổ chức,

buôn bán ma túy, người và vũ khí, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và các hệ thống phân phát của chúng. Hai bên nhất trí rằng, khủng bố quốc tế và tội phạm quốc tế có tổ chức tạo ra mối đe dọa nghiêm trọng đối với hòa bình và an ninh quốc tế, đòi hỏi toàn thể cộng đồng quốc tế phải hành động có phối hợp và cương quyết. Là một nước đã phê chuẩn Hiệp ước Cấm thử Vũ khí hạt nhân toàn diện, Bungari hoan nghênh và đánh giá cao việc Việt Nam phê chuẩn Hiệp ước Cấm thử Vũ khí hạt nhân toàn diện (CTBT). Hai bên nhấn mạnh cam kết chống khủng bố dưới mọi hình thức và biểu hiện trong khuôn khổ đa phương, trong đó có Liên hợp quốc, phù hợp Chiến lược toàn cầu chống khủng bố của Liên hợp quốc, các công ước chống khủng bố hiện có mà hai bên là thành viên và những Nghị quyết liên quan của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Hai bên nhấn mạnh cần phải có những nỗ lực quốc tế hài hòa và phối hợp hơn nữa để ngăn ngừa nguy cơ phổ biến vũ khí hạt nhân và để tuân thủ những yêu cầu của các dàn xếp quốc tế nhằm đạt được mục tiêu trên.

Hai bên bày tỏ quan ngại trước những diễn biến gần đây chung quanh vấn đề hạt nhân của Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên. Việt Nam và Bungari hoan nghênh nỗ lực nối lại đàm phán 6 bên và tìm giải pháp thỏa đáng cho vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên.

Việt Nam đánh giá cao chính sách đối ngoại mang tính xây dựng của Cộng hòa Bungari, với tư cách là một nước sắp gia nhập EU, ngày càng hội nhập sâu rộng vào các thể chế khu vực và quốc tế cũng như vai trò là một nhân tố ổn định tại khu vực Đông Nam Âu, với các nỗ lực thúc đẩy hợp tác nhiều mặt trong khu vực.

Bungari đánh giá cao chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa và đa phương hóa của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các nỗ lực và đóng góp của Việt Nam cho hòa bình, an ninh và ổn định tại khu vực Đông Nam Á và xét rộng hơn với tư cách là một thành viên của ASEAN và Phong trào Không liên kết. Một minh chứng nữa cho vai trò tích cực và xây dựng của Việt Nam là thành công của Hội nghị Cấp cao ASEM-5 được tổ chức tại Hà Nội tháng 10-2004 cũng như của Hội nghị APEC 14-11-2006.

Thay mặt Tổng thống và Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa Bungari, Thủ tướng X. Xtanisép đã chuyển lời mời Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phú Trọng sang thăm Bungari. Thủ tướng nước Cộng hòa Bungari X. Xtanisép đã mời Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng thăm chính thức nước Cộng hòa Bungari. Phía Việt Nam đã vui vẻ nhận lời. Thời gian của các chuyến thăm sẽ được thu xếp qua đường ngoại giao.

Báo *Nhân Dân,* số 18732,
ngày 24-11-2006, tr.1, 3.

TUYÊN BỐ CHUNG
CUỘC HỌP CẤP CAO LẦN THỨ TƯ GIỮA THỦ TƯỚNG BA NƯỚC CAMPUCHIA, LÀO VÀ VIỆT NAM VỀ TAM GIÁC PHÁT TRIỂN

1. Từ ngày 4 đến 5-12-2006 tại thành phố Đà Lạt, tỉnh (Lâm Đồng, Việt Nam), đã diễn ra Cuộc họp Cấp cao lần thứ tư về Tam giác phát triển giữa Xămđéc Hun Xen, Thủ tướng Vương quốc Campuchia, Ngài Buaxỏn Búpphảvăn, Thủ tướng nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Ngài Nguyễn Tấn Dũng, Thủ tướng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tham dự Cuộc họp, có Ngài Hô Nam Hông, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao và Hợp tác Quốc tế Campuchia, Ngài Thônglun Xixulít, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Lào, Ngài Phạm Gia Khiêm, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam và nhiều quan chức cấp cao của ba nước Campuchia, Lào và Việt Nam.

2. Xămđéc Hun Xen, Thủ tướng Vương quốc Campuchia và Ngài Buaxỏn Búpphảvăn, Thủ tướng nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào nhiệt liệt chúc mừng Việt Nam vừa tổ chức thành công Hội nghị các nhà lãnh đạo kinh tế Diễn đàn

Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương lần thứ 14 (APEC 14) và việc Việt Nam vừa trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

3. Cuộc gặp diễn ra trong bầu không khí thắm tình đoàn kết hữu nghị và láng giềng tốt đẹp. Ba Thủ tướng đánh giá cao và nhấn mạnh việc tăng cường hơn nữa tình đoàn kết hữu nghị truyền thống và hợp tác toàn diện vốn có giữa nhân dân ba nước, coi đây là nhân tố quan trọng đối với sự ổn định và phát triển của mỗi nước.

4. Ba Thủ tướng đã thông báo cho nhau về tình hình của mỗi nước trong thời gian gần đây. Ba Thủ tướng khẳng định lại các sáng kiến, quyết định đã được thông qua tại các cuộc gặp Thủ tướng ba nước Campuchia, Lào và Việt Nam tại Viêng Chăn (Lào) năm 1999, tại Thành phố Hồ Chí Minh (Việt Nam) năm 2002, tại Xiêm Riệp (Campuchia) năm 2004 về xây dựng Tam giác phát triển, nhằm đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, thúc đẩy tiến bộ văn hóa và xã hội trong khu vực Tam giác trên cơ sở phát huy tiềm năng và các lợi thế của mỗi nước.

5. Ba Thủ tướng tiếp tục khẳng định, việc xây dựng thành công Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam không chỉ là bằng chứng thiết thực minh chứng cho nỗ lực của ba nước Campuchia, Lào và Việt Nam trong việc vun đắp, tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị và đoàn kết truyền thống giữa ba nước Campuchia, Lào và Việt Nam, mà còn đóng góp tích cực vào củng cố hòa bình, ổn định, hội nhập và phát triển trong tiểu vùng Mê Công và khu vực.

6. Ba Thủ tướng kiểm điểm tình hình và kết quả triển khai Tuyên bố Viêng Chăn tháng 11-2004 về xây dựng Tam giác phát triển Campuchia, Lào và Việt Nam và hoan nghênh những kết quả đạt được trong tiến trình xây dựng Tam giác phát triển.

7. Ba Thủ tướng nhấn mạnh phương hướng hợp tác trong khuôn khổ Tam giác phát triển giữa ba nước trong thời gian tới là thúc đẩy việc thành lập Ủy ban Điều phối chung, xây dựng Cơ chế chính sách ưu đãi chung đối với khu vực Tam giác phát triển và phối hợp giữa ba nước trong việc vận động các nước và các tổ chức quốc tế hỗ trợ và đầu tư vào khu vực Tam giác phát triển.

8. Ba Thủ tướng nhất trí thành lập Ủy ban Điều phối chung về Tam giác phát triển, mỗi nước cử một Bộ trưởng làm Đồng Chủ tịch Ủy ban. Ủy ban Điều phối chung gồm các Tiểu ban Kinh tế, Địa phương, Xã hội - Môi trường và An ninh - Đối ngoại. Ủy ban Điều phối chung sẽ tổ chức họp hằng năm trên cơ sở luân phiên để thống nhất điều phối, rà soát việc thực hiện Quy hoạch Tổng thể Tam giác phát triển. Cuộc họp thứ nhất Ủy ban Điều phối chung sẽ được tổ chức tại Việt Nam vào quý I năm 2007.

9. Ba Thủ tướng nhấn mạnh sự cần thiết xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi chung và đặc biệt đối với khu vực Tam giác phát triển như đã nêu trong Tuyên bố Viêng Chăn để tạo dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi nhằm thu hút các nhà đầu tư của ba nước và nước thứ ba đầu tư, kinh doanh trong khu vực Tam giác phát triển và giao Ủy ban

Điều phối chung về Tam giác phát triển xây dựng, thống nhất cơ chế, chính sách ưu đãi cho khu vực Tam giác trên cơ sở áp dụng những chính sách ưu đãi nhất mà ba nước hiện đang áp dụng trong khuôn khổ song phương và đa phương phù hợp với pháp luật của mỗi nước cũng như pháp luật và các cam kết quốc tế để trình Thủ tướng ba nước xem xét, quyết định tại Cuộc họp ba Thủ tướng lần tiếp theo.

10. Ba Thủ tướng nhấn mạnh vai trò quan trọng của các địa phương trong việc triển khai các chương trình, dự án trong Tam giác phát triển và khuyến khích việc tổ chức thường niên hội nghị giữa các tỉnh trong khu vực Tam giác phát triển nhằm tăng cường trao đổi thông tin, giao lưu kinh tế - xã hội, thảo luận và đề xuất biện pháp tháo gỡ vướng mắc của địa phương trong việc xây dựng Tam giác phát triển lên Ủy ban Điều phối chung.

11. Ba Thủ tướng khẳng định nỗ lực của ba nước Campuchia, Lào và Việt Nam là yếu tố quyết định trong xây dựng Tam giác phát triển, song sự hỗ trợ bên ngoài cho các dự án ưu tiên trong Tam giác phát triển có vai trò quan trọng; đánh giá cao sự ủng hộ và hỗ trợ thiết thực của cộng đồng quốc tế trong quá trình xây dựng Tam giác phát triển.

12. Ba Thủ tướng hoan nghênh và đánh giá cao sự hỗ trợ tích cực của Nhật Bản đã hỗ trợ hai tỷ Yên cho khu vực Tam giác phát triển và ghi nhận các thỏa thuận đạt được tại Hội nghị chuyên viên CLV + Nhật lần thứ nhất về Tam giác phát triển. Ba Thủ tướng đánh giá cao việc Nhật Bản chủ trì tổ

chức Hội nghị Cấp cao CLV + Nhật lần ba tại Xêbu, Philíppin, tháng 12-2006 và khẳng định sẽ phối hợp chặt chẽ với Nhật Bản để Hội nghị Cấp cao CLV + Nhật lần thứ ba thành công, vì lợi ích của bốn nước, vì hòa bình, ổn định, thịnh vượng của cả khu vực.

13. Ba Thủ tướng kêu gọi Nhật Bản tăng cường hỗ trợ hơn nữa cho khu vực Tam giác phát triển, trước mắt cam kết tài trợ cụ thể cho các dự án quy mô nhỏ và có lộ trình cụ thể tài trợ 12 dự án hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên đã được trao cho Nhật Bản tại Hội nghị Cấp cao CLV + Nhật lần thứ nhất. Ba Thủ tướng chỉ đạo các Nhóm công tác của ba nước Campuchia, Lào và Việt Nam cụ thể hóa các chương trình, dự án, biện pháp hợp tác để trao đổi với Nhật Bản tại Hội nghị chuyên viên giữa bốn nước lần thứ hai tổ chức tại Campuchia năm 2007.

14. Ba Thủ tướng vui mừng ghi nhận đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Nhật Bản vào ba nước Campuchia, Lào và Việt Nam đang có xu hướng tăng mạnh và hoan nghênh các nhà đầu tư Nhật Bản tăng cường đầu tư vào ba nước, trong đó có khu vực đã được thống nhất trong Tam giác phát triển. Ba Thủ tướng quyết định ba nước cùng phối hợp sớm tổ chức các hội nghị xúc tiến thương mại - đầu tư - du lịch chung cho khu vực Tam giác phát triển, với sự tham gia của các nhà đầu tư Nhật Bản và các nước khác. Hội nghị xúc tiến đầu tiên sẽ được tổ chức sớm tại Việt Nam. Ba Thủ tướng tuyên bố ba nước sẵn sàng phối hợp với Nhật Bản tổ chức cho các đoàn doanh nhân và nhà đầu tư Nhật Bản đi khảo sát

khu vực Tam giác trong năm 2007 để tìm hiểu cơ hội đầu tư, kinh doanh trong khu vực này.

15. Xăm đéc Hun Xen, Thủ tướng Vương quốc Campuchia và Ngài Buaxỏn Búpphảvăn, Thủ tướng nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào bày tỏ cảm ơn và đánh giá cao Chính phủ và nhân dân Việt Nam trong việc tổ chức Cuộc họp Cấp cao lần này tại Đà Lạt cũng như sự đón tiếp nồng nhiệt dành cho Đoàn đại biểu Campuchia và Lào trong thời gian tham dự Cuộc họp. Ba Thủ tướng nhất trí Cuộc họp lần thứ năm sẽ diễn ra tại Viêng Chăn, Lào năm 2008, thời gian và địa điểm sẽ được thu xếp qua đường ngoại giao.

Báo *Nhân Dân,* số 18744,
ngày 6-12-2006, tr.1, 5.

PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN VĂN AN, ỦY VIÊN BỘ CHÍNH TRỊ, CHỦ TỊCH QUỐC HỘI TRONG LỄ MÍT TINH KỶ NIỆM 60 NĂM QUỐC HỘI VIỆT NAM

(6-1-1946 – 6-1-2006)

Để mãi mãi xứng đáng là cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân*

Thưa đồng bào và chiến sĩ cả nước, đồng bào Việt Nam ở nước ngoài,

Thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,

Thưa các vị lão thành cách mạng, các Mẹ Việt Nam Anh hùng, các vị đại biểu Quốc hội các khóa,

Thưa các vị khách quý,

Hôm nay, trong không khí tưng bừng phấn khởi của những ngày đầu năm mới 2006; cả nước đang sôi nổi thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X,

---

* Đầu đề do báo *Nhân Dân* đặt *(B.T)*.

toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta long trọng kỷ niệm 60 năm Quốc hội Việt Nam, cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nhân dịp này, thay mặt các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tôi xin gửi lời thăm hỏi và lời chúc mừng thân thiết nhất đến các vị lão thành cách mạng, các Mẹ Việt Nam Anh hùng, các vị đại biểu Quốc hội các khóa, cùng toàn thể đồng bào và chiến sĩ cả nước, đồng bào Việt Nam ở nước ngoài; xin chúc các vị đại biểu, các vị khách quốc tế sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Trong buổi lễ trọng thể này, chúng ta thành kính tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta và Nhà nước ta, tưởng nhớ các vị lãnh đạo tiền bối của Đảng, Chính phủ, Quốc hội và Mặt trận Dân tộc thống nhất, đã dày công vun đắp, xây dựng và phát triển Quốc hội Việt Nam trưởng thành vững chắc như ngày nay.

Thưa các vị đại biểu,

Từ Quốc dân Đại hội Tân Trào (Tuyên Quang) đến Cách mạng Tháng Tám, Quốc khánh 2-9-1945 và cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên bầu đại biểu Quốc hội khóa I vào ngày 6-1-1946 là những sự kiện trọng đại, mở đầu thời đại huy hoàng mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

Ngày mồng 5-1-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi cử tri cả nước đi bầu cử đại biểu Quốc hội đầu tiên: "... Ngày mai là một ngày vui sướng của đồng bào ta, vì ngày mai là ngày Tổng tuyển cử, vì ngày mai là một ngày đầu tiên trong lịch sử Việt Nam mà nhân dân ta bắt đầu

hưởng dụng quyền dân chủ của mình..."[1]. Hưởng ứng lời hiệu triệu thiêng liêng đó, ngày 6-1-1946, với tinh thần yêu nước nồng nàn và khí thế hào hùng của Cách mạng Tháng Tám, tất cả công dân Việt Nam trên khắp mọi miền của Tổ quốc, không phân biệt nam nữ, giàu nghèo, dân tộc, tôn giáo, chính kiến..., từ 18 tuổi trở lên, đã nô nức tham gia bầu cử, bất chấp sự phá hoại điên cuồng của các thế lực xâm lược và chống đối.

Cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên đã thắng lợi vang dội trên phạm vi cả nước, đánh dấu bước phát triển nhảy vọt về thể chế dân chủ của nước ta. Người dân Việt Nam từ thân phận nô lệ đã trở thành công dân của một nước tự do, độc lập, tự quyết định vận mệnh lịch sử của mình, tự lựa chọn và dựng xây chế độ Cộng hòa dân chủ.

Ra đời trong khói lửa của cuộc đấu tranh cách mạng, Quốc hội vừa là thành quả, vừa là biểu tượng cao quý nhất của độc lập dân tộc, của thống nhất đất nước, thể hiện ý chí và khát vọng ngàn đời của nhân dân. Hội tụ đại biểu khắp mọi miền đất nước, từ những nhà cách mạng đầy nhiệt huyết đến đại diện các ngành, các giới, các giai cấp, tầng lớp, các thành phần dân tộc, tôn giáo... Quốc hội mang trong mình sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, hiện thân của ý chí kiên cường và nghị lực phi thường không gì lay chuyển nổi của dân tộc Việt Nam.

Cuộc Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946 đã đi vào lịch sử nước nhà như một mốc son chói lọi. Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển

---

1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.145 *(B.T)*.

cử khẳng định sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trước tình thế "*ngàn cân treo sợi tóc*".

Quốc hội khóa I là Quốc hội đặc biệt, hoạt động kéo dài gần 15 năm (1946 - 1960). Với vai trò lịch sử của mình, Quốc hội khóa I đã thông qua Hiến pháp năm 1946 - Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam độc lập. Đánh giá về ý nghĩa của sự kiện này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói "... Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới nước Việt Nam đã độc lập... dân tộc Việt Nam đã có đủ mọi quyền tự do..."[1)]. Hiến pháp 1946 đánh dấu thắng lợi lịch sử đã giành được trong Cách mạng Tháng Tám, xác lập chế độ dân chủ cộng hòa, phát triển cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Đây là một bản Hiến pháp dân chủ, tiến bộ, là đạo luật cơ bản đầu tiên đặt nền móng cho việc xây dựng thể chế nhà nước cách mạng trong thời đại mới. Đây cũng là minh chứng hùng hồn về niềm tin tuyệt đối của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vào tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

Tiếp đó, trong thời kỳ kháng chiến cứu nước vô cùng ác liệt, với tinh thần tất cả cho tuyền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, Quốc hội đã ban hành Hiến pháp 1959 tạo nền tảng pháp lý cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh thống nhất nước nhà.

Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, khi non sông đã thu về một mối, ngày 25-4-1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa VI được tiến hành trong cả nước và đã thu được thắng lợi rực rỡ. Từ đây, chúng ta có một Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất, huy động sức mạnh của toàn dân tộc

---

1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.440 *(B.T)*.

vào quá trình khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong các giai đoạn của cách mạng, kế thừa, phát triển Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959, Quốc hội đã tiếp tục ban hành Hiến pháp 1980 - Hiến pháp của thời kỳ cả nước thống nhất cùng đi lên chủ nghĩa xã hội và Hiến pháp 1992 - Hiến pháp của thời kỳ đổi mới toàn diện đất nước, đánh dấu một mốc phát triển mới cực kỳ quan trọng của cách mạng Việt Nam.

Thưa các vị đại biểu,

Qua 60 năm hình thành và phát triển, Quốc hội Việt Nam đã không ngừng lớn mạnh, ngày càng thực hiện tốt hơn chức năng là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, thay mặt nhân dân thực hiện các quyền lập hiến, lập pháp, giám sát tối cao và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.

Hoạt động lập pháp được đặc biệt quan tâm nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, bảo đảm việc thực hiện quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân. Đồng thời củng cố, hoàn thiện bộ máy nhà nước, góp phần quan trọng vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, thúc đẩy tiến bộ xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tích cực, chủ động hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế.

Hoạt động giám sát có nhiều cố gắng, đạt được những kết quả bước đầu tích cực. Nhiều kiến nghị qua giám sát được

tiếp thu, khắc phục, đã góp phần thúc đẩy việc thực hiện Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Phương thức tiến hành giám sát đã có cải tiến nhằm nâng cao chất lượng. Những đổi mới trong hoạt động chất vấn tại kỳ họp Quốc hội đã góp phần làm cho sinh hoạt của Quốc hội trở nên sôi động, thiết thực, được nhân dân hoan nghênh, đồng tình và ủng hộ.

Quốc hội cũng đã thực hiện ngày càng có hiệu quả hơn chức năng *quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước*. Các nghị quyết của Quốc hội về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm, chính sách tài chính tiền tệ quốc gia, dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách nhà nước, các công trình quan trọng quốc gia, chính sách dân tộc, an ninh, quốc phòng, đối ngoại... đã góp phần vào việc duy trì sự ổn định và phát triển đất nước.

Từ thực tế 60 năm trưởng thành của Quốc hội Việt Nam, chúng ta nhận thấy rằng:

- Quốc hội luôn luôn là hiện thân của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Quốc hội của dân, do dân, vì dân. Cử tri trực tiếp bầu ra đại biểu Quốc hội và có quyền bãi miễn đại biểu đó. Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội luôn luôn đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân. Đại đoàn kết toàn dân tộc, gắn bó máu thịt với nhân dân, đó là khởi nguồn sức mạnh vô địch của nhân dân Việt Nam.

- Quốc hội không ngừng được đổi mới về tổ chức và phương thức hoạt động, không ngừng kiện toàn và tăng

cường các cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, đáp ứng đòi hỏi của sự phát triển ngày càng cao của đất nước. Vai trò của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội ngày càng được phát huy tốt hơn. Đặc biệt việc tăng số lượng đại biểu Quốc hội chuyên trách đã góp phần quan trọng nâng cao rõ rệt chất lượng hoạt động của Quốc hội.

- Quốc hội luôn tăng cường mối quan hệ công tác với các cơ quan hữu quan, gắn bó chặt chẽ và chủ động phối hợp với Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; đồng thời, đề cao trách nhiệm của các cơ quan này trong quan hệ phối hợp với Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội. Mặt khác, để hoạt động của Quốc hội thể hiện được ý chí, nguyện vọng của toàn dân, gắn bó với thực tiễn cuộc sống. Quốc hội và đại biểu Quốc hội đã tăng cường mối quan hệ với nhân dân thông qua việc tiếp xúc với cử tri, lắng nghe ý kiến và phản ánh tâm tư, nguyện vọng của cử tri trên các diễn đàn Quốc hội.

- Quốc hội không ngừng phát huy dân chủ trong sinh hoạt của Quốc hội, gắn liền với quá trình đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng. Dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng. Phát huy dân chủ là để thực hiện tốt hơn nữa chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, khai thác tốt hơn nữa tiềm năng sáng tạo và tính chủ động của từng cơ quan, của từng đại biểu Quốc hội. Dân chủ chỉ được phát huy đầy đủ và đúng hướng khi vai trò lãnh đạo của Đảng được tăng cường, khi nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng được đổi mới đúng đắn.

Thưa các vị đại biểu,

Yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mở cửa và hội nhập, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, đặt ra cho Quốc hội nhiệm vụ to lớn, nặng nề, đòi hỏi Quối hội phải tập trung sức làm tốt một số vấn đề chủ yếu sau đây:

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động lập pháp: tăng cường năng lực lập pháp của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và các đại biểu Quốc hội, đáp ứng những đòi hỏi bức xúc cả về số lượng và chất lượng các dự án luật, nêu cao tính chủ động trong hoạt động lập pháp. Tiếp tục đổi mới quy trình lập pháp, bảo đảm tiến độ và chất lượng chuẩn bị dự án luật ngay từ những công đoạn đầu, coi trọng xác định nội dung chính sách luật trước khi tiến hành các bước tiếp theo trong quy trình lập pháp. Phấn đấu đến năm 2020, khi nước ta cơ bản hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì về cơ bản cũng có đủ các đạo luật để điều chỉnh các quan hệ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Nâng cao hiệu quả giám sát, đổi mới mạnh mẽ phương thức tiến hành, khắc phục tình trạng giám sát dàn trải, thiếu chiều sâu; tập trung giám sát những vấn đề bức xúc trong đời sống kinh tế - xã hội như quản lý, sử dụng đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý sử dụng vốn, tài sản, ngân sách nhà nước, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân... Thông qua giám sát mà đánh giá đúng hiệu quả hoạt động và xác định trách nhiệm của người đứng đầu, cơ quan, tổ chức, người thực thi công vụ nhằm thúc

đẩy nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Đề cao trách nhiệm trong việc thực hiện chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, bảo đảm lợi ích chung của quốc gia, phù hợp với ý chí và nguyện vọng của nhân dân; chú trọng nâng cao chất lượng việc quyết định ngân sách nhà nước, các vấn đề về kinh tế - xã hội, tổ chức bộ máy nhà nước...

- Nhận thức đầy đủ hơn về vị trí, vai trò của Quốc hội, từ đó mà kiện toàn và tăng cường tổ chức của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, đề cao vị trí, vai trò của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, đổi mới phương thức hoạt động của Quốc hội, chuyển hình thức làm việc tập thể của Quốc hội từ phát biểu tham luận sang tranh luận và quyết định tại kỳ họp chủ yếu dưới hình thức luật. Hoạt động của Quốc hội chủ yếu thông qua hoạt động của Hội đồng Dân tộc, các ủy ban và quyết định tại phiên họp toàn thể của Quốc hội.

- Chú trọng nâng cao hơn nữa chất lượng đại biểu Quốc hội, coi đây là việc làm có ý nghĩa quyết định trong việc nâng cao chất lượng thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội; hoàn thiện cơ chế lựa chọn, giới thiệu và tiến hành bầu cử đại biểu Quốc hội theo hướng vừa nâng cao chất lượng đại diện theo địa phương, vừa chú ý đến yêu cầu đại diện theo ngành, giới, nghề nghiệp, tăng cường mối quan hệ giữa đại biểu Quốc hội với cử tri; tăng số lượng đại biểu Quốc hội chuyên trách, phát huy mạnh mẽ vai trò của đại biểu Quốc hội ở cả Trung ương và địa phương. Đồng thời, củng cố, nâng cao năng lực các cơ quan tham mưu giúp việc, tạo thêm các điều kiện và phương tiện làm việc, nhằm hỗ trợ

đắc lực cho các hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các đại biểu Quốc hội.

- Tiếp tục chủ động và tích cực triển khai hoạt động đối ngoại của Quốc hội, góp phần thực hiện có kết quả chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đang dạng hóa các quan hệ quốc tế của Đảng và Nhà nước ta. Triển khai mạnh mẽ hơn nữa hoạt động đối ngoại nghị viện trong tình hình mới, góp phần thúc đẩy tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, tăng cường giao lưu, hợp tác quốc tế.

Thưa các vị đại biểu,

Nhân dịp này, chúng ta bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc và mãi mãi ghi nhớ công lao của các bậc lão thành cách mạng, các vị đại biểu Quốc hội các khóa, các Mẹ Việt Nam Anh hùng, các gia đình có công với cách mạng, các thân nhân liệt sĩ, các thương bệnh binh, cùng toàn thể cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân, đồng bào trong nước và đồng bào Việt Nam ở nước ngoài, đã cống hiến quên mình cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước; chúng ta chân thành cảm ơn sự giúp đỡ to lớn và quý báu của Quốc hội, Chính phủ và nhân dân các nước, các lực lượng yêu chuộng hòa bình và tiến bộ xã hội, cùng bạn bè khắp năm châu, đã dành cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

Thưa các vị đại biểu,

Với đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam, được sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan trong bộ

máy nhà nước, của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân; sự hợp tác và giúp đỡ của bạn bè quốc tế, sự ủng hộ và giám sát của nhân dân trong và ngoài nước, chúng ta tin tưởng chắc chắn rằng, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, với những kinh nghiệm hoạt động thực tiễn của 60 năm qua, sẽ tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng hào hùng của dân tộc, luôn là hiện thân của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xứng đáng là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Xin trân trọng cảm ơn.

Báo *Nhân Dân,* số 18415,
ngày 6-1-2006, tr.1, 4.

PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ PHAN VĂN KHẢI,
ỦY VIÊN BỘ CHÍNH TRỊ,
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TẠI KỲ HỌP THỨ 9,
QUỐC HỘI KHÓA XI

Ngày 16 tháng 6 năm 2006

Sự điều hành năng động của Chính phủ là một nhân tố đưa tới những thành tựu đổi mới và phát triển đất nước*

Kính thưa Quốc hội,
Kính thưa đồng bào cả nước,

Tính đến ngày 12-6-2006, tôi nhận được 11 câu đại biểu Quốc hội chất vấn Thủ tướng Chính phủ và 14 câu chất vấn Chính phủ[1)]. Phần lớn các câu chất vấn đó nhằm vào những vấn đề cụ thể thuộc trách nhiệm và thẩm quyền của các bộ theo luật định, tôi đã yêu cầu các bộ trưởng giải trình bằng

---

* Đầu đề do báo *Nhân Dân* đặt *(B.T)*.

1) Theo Luật tổ chức Quốc hội hiện hành, Điều 49 quy định Đại biểu Quốc hội có quyền chất vấn từng người giữ chức danh cụ thể trong cơ quan lãnh đạo của Nhà nước (như Thủ tướng và từng thành viên khác của Chính phủ) chứ không chất vấn chung một cơ quan, tổ chức.

văn bản và trả lời trực tiếp trong mấy phiên họp vừa qua. Với thời gian có hạn, chắc rằng sự giải trình của các thành viên Chính phủ chưa đáp ứng được hết yêu cầu của các đại biểu Quốc hội. Tôi nghĩ rằng, việc chất vấn và giải trình không nên chỉ giới hạn trong những ngày họp Quốc hội, mà nên trở thành một nếp làm việc thường xuyên trong quan hệ giữa các đại biểu Quốc hội với các thành viên của Chính phủ để có thể giải quyết kịp thời hơn các vấn đề do cuộc sống đặt ra.

Hôm nay, được Quốc hội dành cơ hội phát biểu ý kiến tại kỳ họp này, tôi không đề cập những vấn đề cụ thể, mà xin trình bày một số vấn đề chung về sự chỉ đạo điều hành của Chính phủ, kết hợp giải trình về trách nhiệm của Chính phủ và của Thủ tướng Chính phủ về một số vấn đề mà các đại biểu quan tâm. Có thể đây là lần cuối cùng tôi phát biểu trước Quốc hội với cương vị người đứng đầu Chính phủ, do đó, những điều tôi trình bày không chỉ xuất phát từ tình hình hiện nay, mà còn dựa trên sự trải nghiệm 15 năm tham gia điều hành công việc của Chính phủ, ở cương vị Phó Thủ tướng (từ 1991 đến 1997) và Thủ tướng (từ 1997 đến nay) nhất là những trăn trở về những việc chưa làm được hoặc chưa làm tốt, hy vọng có thể giúp ích cho công việc chung của Nhà nước, của Chính phủ trong thời gian tới.

1. Kỳ họp này của Quốc hội diễn ra ngay sau thành công của Đại hội lần thứ X của Đảng. Đại hội đã khẳng định mạnh mẽ rằng, qua hai mươi năm tiến hành công cuộc đổi mới, nước ta đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức và đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

Những thành tựu đó không chỉ đem lại niềm tin cho toàn thể nhân dân ta, mà còn được dư luận toàn thế giới đánh giá

cao. Nay chúng ta đang bước vào giai đoạn phát triển mới với những thuận lợi và thách thức đan xen nhau. Cũng như trong các cuộc kháng chiến trước đây, để vượt qua mọi thử thách, giành thắng lợi ngày càng to lớn hơn, nhân tố có ý nghĩa quyết định và niềm tin và ý chí của toàn Đảng, toàn dân ta. Mặc dù trong công tác lãnh đạo và quản lý nhà nước, chúng ta còn không ít yếu kém, khuyết điểm, thậm chí có mặt nghiêm trọng, cần nhìn thẳng vào sự thật để kiên quyết khắc phục, song chúng ta quyết không làm giảm sút mà ngược lại, càng nâng cao niềm tự hào dân tộc, lòng tin của nhân dân, ý chí của bộ máy nhà nước, sự tín nhiệm của cộng đồng quốc tế.

Trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa IX, khóa X và khóa XI, tôi cùng các thành viên khác trong Chính phủ đã đoàn kết một lòng, góp phần xây dựng và nghiêm túc chỉ đạo thực hiện luật pháp cùng với các nghị quyết của Đảng, của Quốc hội. Hòa nhịp với tiến trình đổi mới và phát triển đất nước, tổ chức và hoạt động của Chính phủ cũng có nhiều đổi mới cho phù hợp với chức năng quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chính phủ đã chú trọng xây dựng thể chế theo tinh thần đổi mới, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, bảo đảm các cân đối vĩ mô, hạn chế tác động bất lợi của những biến động trên thị trường thế giới, gắn kết tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, cải cách hành chính, tăng cường quan hệ quốc tế, củng cố quốc phòng - an ninh, kịp thời ứng phó với những biến động đột xuất về thiên tai, dịch bệnh. Đại hội X của Đảng đã đánh giá sự điều hành năng động của Chính phủ là một trong những nhân tố góp phần

đưa tới những thành tựu đổi mới và phát triển đất nước trong thời gian qua[1].

Trong việc thực hiện chức trách của mình, tôi luôn tâm niệm lời dạy trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh nói về công việc xây dựng đất nước sau ngày kháng chiến thắng lợi: "*Đây là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi. Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ này, cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân*"[2].

Lời dạy đó được kiểm nghiệm và thấm sâu qua hoạt động thực tiễn của Chính phủ. Tôi đã dành nhiều tâm sức tháo gỡ các vướng mắc về quan điểm và thể chế để phát huy nguồn lực to lớn của nhân dân và doanh nghiệp, đưa tới bước phát triển có tính bứt phá của đội ngũ doanh nghiệp và doanh nhân nước ta, nhất là từ khi Luật doanh nghiệp có hiệu lực thi hành. Cùng với việc sắp xếp, đổi mới khu vực doanh nghiệp nhà nước và thu hút đầu tư nước ngoài, nhân tố mới này góp phần quyết định tạo việc làm và duy trì nhịp độ tăng trưởng kinh tế liên tục ở mức tương đối cao trong những năm qua.

Nhiều năm sống và hoạt động ở nông thôn trong thời kỳ kháng chiến giúp tôi thấm thía những hy sinh to lớn của nông dân và thông cảm với đời sống còn nhiều khó khăn ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc. Tôi được lãnh

---

1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.61 *(B.T)*.

2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.12, tr.505 *(B.T)*.

đạo Đảng, Quốc hội, tập thể Chính phủ hết sức ủng hộ khi đề ra và thực hiện các chính sách đầu tư, hỗ trợ cho các vùng nghèo, người nghèo có điều kiện phát triển sản xuất, cải thiện đời sống. Công cuộc xóa đói, giảm nghèo của nước ta còn phải tiếp tục được đẩy mạnh có hiệu quả hơn, song những kết quả đã đạt được cho đến nay được Liên hợp quốc đánh giá cao, coi Việt Nam là nước đi hàng đầu trong việc thực hiện mục tiêu Thiên niên kỷ được hầu hết các quốc gia trên thế giới cam kết.

Hơn một thập kỷ qua đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ về vị thế quốc tế của nước ta, quan hệ kinh tế và hợp tác trên nhiều mặt được mở rộng với tất cả các nước, kể cả các nước lớn và trung tâm lớn của thế giới. Cùng các đồng chí lãnh đạo khác của Đảng và Nhà nước, tôi đã góp phần nỗ lực tiến hành các hoạt động đối ngoại, mở đường cho quan hệ hợp tác, kinh doanh của các doanh nghiệp và sự giao lưu của các tầng lớp nhân dân ta với các dân tộc khác.

2. Với bước tiến mới cả về thế và lực cùng với quan hệ đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế được nâng tầm sâu rộng hơn, nhiệm vụ trọng tâm trong 5 năm tới là đưa nước ta sớm thoát khỏi tình trạng kém phát triển. Nhiệm vụ này đòi hỏi chúng ta, trong khi tiếp tục khai thác tiềm năng tăng trưởng theo chiều rộng, phải chuyển mạnh sang phát triển bền vững hơn theo chiều sâu, hướng vào nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế, kết hợp hài hòa với tiến bộ và công bằng xã hội, cải thiện môi sinh, nâng tầm văn hóa, thực hiện dân chủ, phát triển con người.

Dựa vào nhân tố nào là chủ yếu để thực hiện nhiệm vụ đó?

Nước ta đất hẹp người đông, tỷ lệ dân số nông thôn cao trong khi đất canh tác rất có hạn, tài nguyên đa dạng nhưng phần lớn trữ lượng không nhiều, quy mô kinh tế còn nhỏ nên nguồn vốn hạn hẹp, nguồn tài trợ từ bên ngoài có hạn và không thể lâu dài. Ngoài vị trí địa lý, thế mạnh của chúng ta chủ yếu nằm ở tiềm lực của con người Việt Nam, với sức lao động dồi dào, lớp trẻ chiếm tỷ lệ cao, có truyền thống và bản sắc văn hóa được hun đúc trong quá trình dựng nước và giữ nước, nổi bật là lòng yêu nước, tính cần cù và tinh thần hiếu học. Việc phát huy thế mạnh đó phải đi liền với khắc phục những hạn chế của con người Việt Nam về thế lực, kiến thức, tay nghề, còn mang thói quen sản xuất nhỏ, ít từng trải trong kinh doanh, tiếp thu nhanh những điều tốt đẹp nhưng cũng dễ nhiễm thói hư tật xấu.

Bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người cả về thể chất, trí tuệ và tâm hồn, vun đắp khát vọng, ý chí vươn lên và tạo điều kiện cho mọi người phát huy khả năng hoạt động vì lợi ích của mình và của quốc gia; đó là nguồn lực to lớn nhất và không bao giờ cạn của sự phát triển đất nước.

Cho đến nay, sự phát triển nhân tố con người còn thấp so với khả năng và yêu cầu, nhất là trên mấy lĩnh vực dưới đây:

Một là, tuy đã đạt được một số thành tựu, song nhìn chung công cuộc đổi mới chưa thành công trong giáo dục - đào tạo và trong khoa học - công nghệ. Hai lĩnh vực này còn nhiều mặt yếu, nhất là về chất lượng, và còn tách rời nhau, ít gắn kết với sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội. Việc nâng cao dân trí (bao gồm cả nâng tầm văn hóa, phát huy

truyền thống tốt đẹp và khắc phục những thói hư tật xấu), phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài đều không đi kịp yêu cầu. Sự bất cập đó thể hiện rõ trong việc xây dựng đội ngũ lao động có tay nghề, đội ngũ doanh nhân, cán bộ nghiên cứu khoa học - công nghệ, cán bộ lãnh đạo, quản lý và công chức trong bộ máy nhà nước. Đây là nguyên nhân quan trọng kìm hãm bước tiến về kinh tế, xã hội, khiến cho nước ta chậm thu hẹp được sự thua kém về trình độ phát triển so với nhiều nước trong khu vực.

Hai là, muốn phát huy tốt nhân tố con người, phải tạo lập môi trường thật sự dân chủ gắn với xây dựng Nhà nước pháp quyền; cộng đồng dân tộc và từng người dân làm chủ đất nước một cách có ý thức, có tổ chức, tuân thủ nghiêm minh pháp luật của Nhà nước, giữ vững kỷ cương của xã hội; cơ quan hành chính phục vụ đắc lực nhân dân, công chức là công bộc của dân.

Nhìn chung, qua hơn 10 năm cải cách hành chính, chúng ta vẫn chưa đạt được tiến bộ thực chất, nhất là trong quan hệ của bộ máy Nhà nước với công chúng, trong suy nghĩ và hành động, nhiều công chức chưa thật sự coi mình là công bộc của dân, chưa nhận rõ nghĩa vụ báo cáo và giải trình trước công chúng. Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng đã đề ra nhiệm vụ "*Xây dựng một xã hội dân chủ, trong đó cán bộ, đảng viên và công chức thật sự là công bộc của dân*"[1]. Theo tinh thần đó, về phần quản lý nhà nước, tôi nghĩ có mấy việc cấp bách cần làm:

---

1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Sđd,* tr.125 *(B.T).*

- Chế định cụ thể, rõ ràng quyền được thông tin của dân và bảo đảm tính công khai, minh bạch của cơ quan nhà nước. Những thông tin nào cần công bố công khai, theo kênh nào, ai có trách nhiệm cung cấp thông tin và trả lời báo chí, cơ quan và công chức vi phạm quy chế cung cấp thông tin cho dân bị chế tài như thế nào, người đưa tin sai sự thật, gây hại cho người khác bị xử lý ra sao...?; hàng loạt những điều như thế cần được sớm xây dựng thành thể chế. Việc Chính phủ, từng bộ hay Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phải giải trình trước Quốc hội. Hội đồng nhân dân, họp báo... phải trở thành một nếp hoạt động thường xuyên của cơ quan hành chính.

- Xây dựng và thực hiện thành nền nếp cơ chế phát huy trí tuệ của dân đóng góp vào việc hoạch định của chủ trương, chính sách, quy hoạch của Nhà nước, vào các công việc của chính quyền địa phương, bảo đảm quyền lập hội của dân theo pháp luật; ban hành quy chế rõ ràng để thực hiện vai trò phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các hội và báo chí đối với các chính sách, thể chế của Nhà nước.

- Tạo điều kiện cần thiết để phát huy vai trò và khả năng giám sát, kiểm tra của dân đối với hoạt động của cơ quan, công chức nhà nước, đặc biệt là đối với việc sử dụng vốn và tài sản công. Thực tiễn cho thấy, các vụ tham nhũng lớn khó lọt qua tai mắt của dân, trước hết là những người làm việc ở cơ quan, đơn vị xảy ra sai phạm. Quy chế minh bạch, công khai được xây dựng và thực hiện nghiêm chỉnh, sức chiến đấu của tổ chức đảng và các đoàn thể ở cơ sở được nâng cao, người tố cáo đúng được bảo vệ an toàn và được khen thưởng xứng đáng, thì chắc chắn phát huy được tác dụng giám sát của dân, ngăn chặn hoặc phát hiện sớm những vụ tham

những. Chúng ta đã có luật về khiếu nại, tố cáo; song nhìn chung người dân cần khiếu nại hay tố cáo cơ quan hoặc công chức nhà nước vẫn gặp nhiều trở ngại, phiền hà, thậm chí có khi nguy hiểm. Tòa án Hành chính đã được thiết lập, nhưng còn bị hạn chế về phạm vi chức năng và thẩm quyền, thủ tục còn rườm rà nên chưa phải là chỗ dựa của dân khi có nhu cầu khiếu kiện quyết định hành chính.

Tóm lại, trong nhiều việc phải làm để phát huy nhân tố con người, tôi nghĩ rằng nâng cao dân trí và thực hành dân chủ là hai mặt quan trọng nhất và đang còn nhiều chỗ yếu, cần được đặt thành trọng tâm của công cuộc đổi mới trong thời gian tới để tạo sức bật mới cho sự phát triển đất nước.

3. Điều tôi luôn trăn trở là vì sao nhiều mặt yếu kém về kinh tế - xã hội và bộ máy công quyền đã được nhận biết từ lâu, đã đề ra nhiều chủ trương, biện pháp khắc phục, nhưng sự chuyển biến rất chậm, thậm chí có những mặt diễn biến xấu hơn, như: nền kinh tế chậm chuyển sang phát triển theo chiều sâu, tình trạng lãng phí, thất thoát vốn và tài sản công còn nghiêm trọng, nhất là trong các dự án đầu tư bằng vốn nhà nước, chất lượng thấp và nhiều hiện tượng tiêu cực trong giáo dục - đào tạo cùng với sự tụt hậu của khoa học, công nghệ, sự xuống cấp của một số lĩnh vực văn hóa - xã hội và môi trường sinh thái chậm được khắc phục, tai nạn giao thông, tệ nạn xã hội, nạn lâm tặc, cùng với những hiện tượng nhức nhối khác tiếp diễn nghiêm trọng, việc xây dựng nhà nước pháp quyền, cải cách hành chính và phát huy dân chủ còn chậm trễ, bất cập...

Tìm nguyên nhân trong sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và của cá nhân tôi, có thể thấy mấy khâu yếu dưới đây:

Một là, nhiều vấn đề cần giải quyết chưa được điều tra, nghiên cứu đến nơi đến chốn để thấy đúng và thấy hết nguyên nhân, nên giải pháp chưa sát với thực tế, thiếu đồng bộ. Về xây dựng thể chế, chưa đặt rõ yêu cầu hoạch định chính sách là khâu quyết định làm cơ sở cho việc soạn thảo văn bản pháp luật. Cách làm thường chỉ dựa vào bộ máy hành chính, chưa chú trọng phát huy trí tuệ và khả năng đóng góp của nhân dân, của các tổ chức và cá nhân ngoài bộ máy hành chính, rất ít tiến hành điều tra xã hội học.

Hai là, việc tổ chức, chỉ đạo thực hiện các chủ trương, chính sách còn thiếu chặt chẽ, sát sao. Chương trình hành động của Chính phủ trong từng thời gian chưa xác định thật rõ những nhiệm vụ trọng tâm và các công việc chính để thật sự tập trung chỉ đạo thực hiện.

Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước ở các ngành, các cấp, trước hết là người đứng đầu, chưa thực sự coi trọng công tác kiểm tra, thanh tra. Hệ thống các cơ quan, các tổ chức làm công tác kiểm tra, thanh tra có mặt ở tất cả các ngành, các cấp trong bộ máy nhà nước, nhưng nặng về kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật của dân và doanh nghiệp, chưa quan tâm thanh tra việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức, trước hết là trong chính bộ máy của mình.

Sự thưởng, phạt thiếu nghiêm minh, chưa thật sự khuyến khích người làm tốt, chưa xử lý đúng mức những người vi phạm kỷ luật và pháp luật.

Ba là, công tác tổ chức, cán bộ chậm được đổi mới. Đúng như nhận định của Đại hội VI, đây là nguyên nhân của mọi nguyên nhân dẫn đến những sai lầm và khuyết điểm trong lãnh đạo và quản lý kinh tế, xã hội.

Khuyết điểm bao trùm trong công tác cán bộ là không có cơ chế và không đủ đức độ phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài, mặc dù dân tộc Việt Nam ta không thiếu những con người giàu tài năng và tâm huyết với nước, với dân, ở trong Đảng và ngoài Đảng, trong nước và ngoài nước.

Tôi xin đề cập riêng về tổ chức cán bộ trong bộ máy hành chính nhà nước.

Bộ máy hành chính của chúng ta thiếu tính chuyên nghiệp do cách tuyển chọn, đào tạo, sử dụng còn nhiều sai sót. Về cơ cấu tổ chức, chưa phân biệt rõ chức năng nghiên cứu hoạch định chính sách với chức năng thực thi luật pháp, trách nhiệm và thẩm quyền của từng cơ quan, từng bộ phận, từng cán bộ và nhiều mặt chưa được phân định rõ nên công việc vừa có tình trạng chồng chéo vừa có những khâu bị bỏ trống.

Về cơ chế công tác cán bộ, người đứng đầu cơ quan hành chính không có đủ quyền hạn cần thiết trong việc bố trí nhân sự dưới quyền mình (kể cả sắp xếp, thay thế, thi hành kỷ luật), cơ chế này không gắn "*nắm việc*" với "*nắm người*" dẫn tới sự lựa chọn cán bộ, đánh giá cán bộ không thật sự dựa trên công việc, không căn cứ vào kết quả hoạt động thực tiễn, do đó không khuyến khích được người có tài, có đức. Chức trách không rõ ràng cùng với cơ chế công tác cán bộ không hợp lý là nguyên nhân chính khiến cho bộ máy hành chính không xác lập được chế độ trách nhiệm cá nhân, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho xu hướng cơ hội và những kẽ hở cho tệ chạy chức.

Mấy vấn đề về tổ chức cán bộ nêu trên tồn tại trong cả hệ thống hành chính nhà nước từ Chính phủ, các bộ tới các cấp chính quyền địa phương. Là người đứng đầu hệ thống hành

chính nhà nước, tôi nhận rõ trách nhiệm của mình về những khuyết điểm đó. Vấn đề cơ chế công tác cán bộ tuy có phần vượt ra khỏi thẩm quyền của Chính phủ, nhưng không nằm ngoài trách nhiệm của tôi với cương vị Thủ tướng đồng thời là Ủy viên Bộ Chính trị.

Tôi hết sức day dứt về sự tiếp diễn nghiêm trọng tệ lãng phí, quan liêu và nhất là tệ tham nhũng trong bộ máy công quyền, gây nhức nhối, bất bình trong xã hội, cản trở bước tiến của dân tộc và đe dọa sự tồn vong của chế độ ta. Về những vụ đục khoét của công đã phát hiện gần đây ở một số dự án lớn đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước, cùng với trách nhiệm trực tiếp của các cơ quan là chủ đầu tư và chủ quản ban quản lý dự án, còn có khuyết điểm và trách nhiệm của Chính phủ, trước hết là các bộ được giao chức năng, nhiệm vụ cụ thể trong việc quản lý các dự án này, và của cá nhân tôi là người đứng đầu Chính phủ. Mặc dù tôi cùng Chính phủ rất quan tâm tìm biện pháp bài trừ tham nhũng và xử lý nghiêm những vụ đã thấy rõ[1)], song với chức trách, thẩm quyền được

---

1) Về xây dựng thể chế trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, nhiệm kỳ này Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua Luật xây dựng, Luật đấu thầu, Luật đầu tư, đã ban hành Nghị định số 07-2003 về đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước, Quyết định số 80-2005 về quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng dân cư, đang xem xét sửa đổi Nghị định số 17-2001 về quản lý và sử dụng vốn ODA. Năm 2005, Hội đồng nhà nước nghiệm thu các công trình xây dựng thuộc nhóm A sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn ODA đã kiểm tra 23 công trình và nghiệm thu 16 công trình; trong cả nước đã tiến hành 17.112 cuộc thanh tra về quản lý đầu tư xây dựng, đất đai, tài chính, phát hiện sai phạm 8.786 tỷ đồng, kiến nghị xử lý kỷ luật hành chính hơn 1.000 người, chuyển hồ sơ xử lý hình sự 65 vụ 112 người.

giao mà không ngăn chặn, phát hiện được sớm những vụ nghiêm trọng kéo dài, tôi xin nhận lỗi, nhận trách nhiệm trước nhân dân, trước Đảng và Quốc hội.

Qua những vụ tham nhũng nghiêm trọng đã phát hiện, cùng với việc điều tra, xác định rõ trách nhiệm và xử lý nghiêm những người vi phạm pháp luật. Chính phủ đang chỉ đạo việc kiểm điểm, phân tích cặn kẽ để thấy rõ các nguyên nhân dẫn tới tình trạng tham nhũng kéo dài, nhìn rõ các khâu yếu trong công tác quản lý nhà nước, bổ sung các biện pháp hữu hiệu để tổ chức thực hiện tốt Luật phòng, chống tham nhũng đã bắt đầu có hiệu lực thi hành.

Thực tiễn cho thấy cuộc đấu tranh này phải dựa vào dân và được đặt ở tầm đổi mới và phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, quan trọng nhất là kết hợp chặt chẽ công tác chỉnh đốn Đảng, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng với việc làm trong sạch bộ máy công quyền theo hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền thật sự của dân, do dân và vì dân.

Để đổi mới và nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, phải sớm khắc phục được tình trạng Thủ tướng và các Phó Thủ tướng bị ngập vào quá nhiều vụ việc cụ thể, không dành đủ thời gian và tâm sức cho những nhiệm vụ quan trọng trong những vấn đề cơ bản và lâu dài[1)].

---

1) Tổng kết năm 2005, tính bình quân một tuần làm việc, Thủ tướng và ba Phó Thủ tướng đã xem xét, ký trình hoặc ký ban hành 12 văn bản quy phạm pháp luật, ban hành 76 quyết định cá biệt và văn bản chỉ đạo, điều hành cụ thể, chủ trì 8 cuộc họp, không kể việc dự họp Quốc hội, họp các cơ quan lãnh đạo Đảng, đi công tác trong và ngoài nước...

Muốn thoát khỏi tình trạng này, phải rà soát các quy định hiện hành về thẩm quyền giải quyết công việc của các cơ quan hành chính, thực hành dân chủ, mở rộng quyền làm ăn sinh sống của nhân dân, của các doanh nghiệp, nâng cao vị thế chủ động, tự chịu trách nhiệm của các doanh nghiệp nhà nước, các tổ chức sự nghiệp công lập, trên cơ sở đó, phân cấp mạnh hơn cho các bộ và chính quyền địa phương đồng thời bổ sung, hoàn chỉnh hành lang pháp lý để bảo đảm sự thống nhất về thể chế khi đã phân cấp. Những việc này đòi hỏi tư duy mới về quản lý hành chính và phải tăng cường các bộ phận tham mưu, giúp việc với lực lượng chuyên gia cần thiết.

Tôi mong rằng đồng chí kế nhiệm tôi sẽ rút ra được những điều bổ ích không chỉ qua những bài học thành công mà cả từ những mặt còn yếu và những thiếu sót của cá nhân tôi và của bộ máy Chính phủ trong thời gian qua.

Kính thưa Quốc hội,

Khi nhậm chức Thủ tướng Chính phủ nhiệm kỳ thứ hai, tôi đã bày tỏ với Quốc hội điều tâm niệm "*Học tập các bậc đàn anh đi trước kinh nghiệm chuyển giao nhiệm vụ cho thế hệ kế tiếp, thực hiện sự chuyển tiếp đúng lúc, bảo đảm thế ổn định và không ngừng nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Chính phủ*".

Tại Đại hội lần thứ X của Đảng, do tuổi đã cao, ý nguyện của tôi xin không tiếp tục tham gia Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị khóa mới đã được chấp thuận. Ban Chấp hành Trung ương khóa X đồng ý cho tôi đề nghị với Quốc hội cho thôi chức vụ Thủ tướng Chính phủ trước

khi kết thúc nhiệm kỳ hơn một năm và chọn cử một Ủy viên Bộ Chính trị để Chủ tịch nước giới thiệu với Quốc hội bầu vào chức vụ Thủ tướng tại kỳ họp thứ 9 này. Rất mong Quốc hội chấp nhận đề nghị từ nhiệm của tôi.

Trước khi rời chức vụ, tôi xin chân thành cảm ơn các đồng chí đại biểu, Ủy ban Thường vụ và các cơ quan của Quốc hội đã ủng hộ và hỗ trợ hoạt động của Chính phủ nhiệm kỳ này, đặc biệt là trong việc thông qua các kiến nghị của Chính phủ về luật pháp, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường giám sát công tác của Chính phủ, của Thủ tướng và các thành viên khác trong Chính phủ.

Tôi luôn ghi nhớ sự quan tâm lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và sự hỗ trợ của các Ban thuộc Trung ương Đảng đối với công tác của Chính phủ.

Tôi xin gửi lời cảm ơn Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, nhiều cơ quan báo chí đã đóng góp trí tuệ và công sức vào việc hoạch định và thực hiện các chủ trương, chính sách của Chính phủ, tích cực tham gia phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, góp phần làm trong sạch bộ máy nhà nước.

Tôi đánh giá cao sự cộng tác với ý thức cộng đồng trách nhiệm của các thành viên Chính phủ đã giúp tôi đảm đương nhiệm vụ Thủ tướng và điều hành công việc của Chính phủ. Tôi luôn tâm niệm rằng trong kết quả thực hiện chức trách của mình, có sự đồng tình, ủng hộ và chung sức của các đồng chí phụ trách và các cán bộ, công chức cơ quan chính quyền các cấp và các cơ quan tham mưu, giúp việc.

Tôi đặc biệt bày tỏ lòng biết ơn nhân dân trong nước và đồng bào ở nước ngoài, bày tỏ lòng quý trọng và tin tưởng, tự hào về sức mạnh trí tuệ, tinh thần và vật chất của dân tộc ta, đó là động lực thường trực thúc giục, nâng đỡ, khuyến khích tôi trong mọi công việc, vượt qua mọi khó khăn.

Một lần nữa, xin cảm ơn Quốc hội, cảm ơn sự chú ý của các đại biểu, các vị khách và toàn thể đồng bào.

Báo *Nhân Dân,* số 18573,
ngày 17-6-2006, tr.1-2.

PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
TẠI KỲ HỌP THỨ 9, QUỐC HỘI KHÓA XI

Ngày 24 tháng 6 năm 2006

Bảo đảm kết hợp hài hòa giữa lãnh đạo Đảng và lãnh đạo Nhà nước, sự kế thừa liên tục của đội ngũ cán bộ lãnh đạo*

Thưa Đoàn Chủ tịch,
Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Trong phiên khai mạc Kỳ họp thứ 9 của Quốc hội, tôi đã có dịp báo cáo với Quốc hội một số nội dung và kết quả chủ yếu của Đại hội X của Đảng. Hôm nay, trước khi Quốc hội thực hiện phần việc rất quan trọng về công tác nhân sự thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội, tôi xin phát biểu thêm một số ý kiến:

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị đã có

---

* Đầu đề do báo *Nhân Dân* đặt *(B.T)*.

những thay đổi. Để bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, kết hợp hài hòa giữa lãnh đạo Đảng và lãnh đạo Nhà nước, sự kế thừa liên tục của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cần thiết bố trí lại một số chức danh lãnh đạo cấp cao của Nhà nước ta.

Từ trước Đại hội X của Đảng, vì tuổi đã cao và thực hiện chủ trương trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo, các đồng chí Chủ tịch nước Trần Đức Lương, Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An và một số đồng chí lãnh đạo cấp cao khác đã nêu nguyện vọng xin không tái ứng cử Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X. Nguyện vọng đó của các đồng chí đã được Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng chấp thuận. Các đồng chí Trần Đức Lương, Phan Văn Khải, Nguyễn Văn An là những cán bộ trưởng thành từ cơ sở, được đào tạo có hệ thống, liên tục tham gia Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ khóa V đến khóa IX, là Ủy viên Bộ Chính trị, đại biểu Quốc hội nhiều khóa. Trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, các đồng chí là những cán bộ lãnh đạo có tư duy chiến lược, giàu kinh nghiệm chỉ đạo thực tiễn, đã góp phần rất quan trọng vào việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Với tinh thần trách nhiệm cao, đạo đức trong sáng, tận tụy với công việc, các đồng chí luôn nỗ lực phấn đấu để hoàn thành nhiệm vụ; chấp hành nghiêm túc, vận dụng sáng tạo đường lối chính sách, Nghị quyết của Đảng vào lĩnh vực công tác được phân công; cùng tập thể Bộ Chính trị, Ban

Chấp hành Trung ương Đảng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong từng giai đoạn, thúc đẩy tiến trình đổi mới đất nước, được đồng bào, đồng chí trong nước và bạn bè quốc tế quý trọng.

Năm năm vừa qua, đất nước đã đạt được những thành tựu rất quan trọng. Có được những thành tựu đó là nhờ đường lối đúng đắn của Đảng, sự tác động tích cực của những cơ chế, chính sách đã ban hành, sự quản lý thống nhất theo pháp luật của Nhà nước, sự điều hành năng động của Chính phủ và sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Trong thành tựu chung đó, có sự đóng góp quan trọng của các đồng chí đứng đầu Nhà nước, Chính phủ và Quốc hội ta.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đánh giá cao những đóng góp xứng đáng của Chủ tịch nước Trần Đức Lương, Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An và nhiều đồng chí lãnh đạo cấp cao khác của Nhà nước; ghi nhận đề nghị chính đáng của các đồng chí muốn được chuyển giao nhiệm vụ cho những người kế nhiệm, chấp thuận để các đồng chí được thôi đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo của Nhà nước. Tôi tin tưởng rằng Quốc hội sẽ chấp thuận đề nghị của các đồng chí Trần Đức Lương, Phan Văn Khải, Nguyễn Văn An và các đồng chí khác.

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Tại kỳ họp này, Quốc hội sẽ xem xét bầu lãnh đạo cấp cao của Nhà nước, phê chuẩn một số thành viên của Chính phủ và bầu một số chức danh khác. Với trách nhiệm của mình, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị đã nhất trí giới thiệu nhân sự với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền

để xem xét trình Quốc hội theo quy định của pháp luật. Các đồng chí được giới thiệu đều đã trải qua rèn luyện, thử thách trong thực tiễn, trưởng thành từ cơ sở, hoàn thành nhiệm vụ công tác được phân công, có phẩm chất và năng lực đảm nhận những trọng trách mới được giao. Xin báo cáo để Quốc hội xem xét, quyết định.

Xin kính chúc sức khỏe đồng chí Trần Đức Lương, đồng chí Phan Văn Khải, đồng chí Nguyễn Văn An và các vị đại biểu Quốc hội.

Xin trân trọng cảm ơn.

Báo *Nhân Dân,* số 18581,
ngày 25-6-2006, tr.1-2.

PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ TRẦN ĐỨC LƯƠNG, ỦY VIÊN BỘ CHÍNH TRỊ, CHỦ TỊCH NƯỚC TẠI KỲ HỌP THỨ 9, QUỐC HỘI KHÓA XI

Ngày 26 tháng 6 năm 2006

Sự nghiệp đổi mới nhất định tiếp tục giành được những thắng lợi ngày càng to lớn và vững chắc hơn*

Tháng tư vừa qua, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã thành công tốt đẹp. Đại hội đã khẳng định những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử trong 20 năm đổi mới và những thành tựu rất quan trọng trong 5 năm đầu thế kỷ XXI của nước ta. Đại hội cũng đã rất thẳng thắn nhìn thẳng vào sự thật, nghiêm khắc kiểm điểm, chỉ rõ những khuyết điểm yếu kém, những thách thức đang đặt ra trước Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Quá trình chuẩn bị Đại hội đã được tiến hành công phu, mở rộng dân chủ trong Đảng, tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Các văn kiện của Đại hội đã thực sự là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong việc tham

---

* Đầu đề do báo *Nhân Dân* đặt *(B.T)*.

gia bàn bạc, đóng góp ý kiến để Đại hội quyết định những vấn đề hệ trọng nhất của đất nước, của dân tộc. Văn kiện của Đại hội X rất súc tích, cô đọng, đề cập đến mọi lĩnh vực của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay.

Tôi bày tỏ sự đồng tình cao với các quyết định của Đại hội, kể cả những vấn đề đã được khẳng định, quyết định, cũng như những vấn đề đang được đặt ra để tiếp tục nghiên cứu, tìm giải pháp.

Tôi có vinh dự và may mắn được tham gia lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước ngay từ những năm đầu đổi mới, được cùng các đồng chí trong Trung ương Đảng, Chính phủ, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trăn trở, lãnh đạo nhân dân ta vượt qua những khó khăn, thách thức đầy chông gai trong từng bước đi của quá trình đổi mới đưa đất nước chúng ta tiến nhanh về phía trước như tổng kết đánh giá của Đại hội. Tôi cảm thấy hạnh phúc và tự hào vì đã đóng góp được phần nhỏ bé của mình vào những thành tựu lớn lao đó.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm và thành tựu, sự lãnh đạo của Đảng, công tác xây dựng Đảng và sự quản lý của Nhà nước còn nhiều yếu kém, khuyết điểm; xã hội còn có những mặt phát triển không lành mạnh, nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn nghiêm trọng. Những khuyết điểm ấy đang làm giảm sút uy tín của Đảng và Nhà nước, gây sự lo lắng bất bình lớn trong nhân dân. Là một cán bộ cấp cao của Đảng và Nhà nước, tôi xin nhận phần trách nhiệm của mình trong đó.

Rõ ràng, những khuyết điểm yếu kém nêu trên không thể đổ lỗi cho nguyên nhân khách quan mà chủ yếu và trước hết là do những nguyên nhân chủ quan, do yếu kém trong công tác xây dựng Đảng, trong xây dựng Nhà nước và đội ngũ công chức Nhà nước.

Tôi có niềm tin sâu sắc rằng, với bản lĩnh cách mạng dám nhìn thẳng vào sự thật của Đảng Cộng sản Việt Nam, với truyền thống yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng và sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" chúng ta nhất định sẽ vượt qua mọi thử thách, tiếp tục giành được những thắng lợi ngày càng to lớn và vững chắc hơn.

Được Quốc hội tín nhiệm bầu giữ chức Chủ tịch nước trong 9 năm qua, tôi đã hết sức cố gắng giữ quan hệ chặt chẽ với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan tư pháp Trung ương, các lực lượng vũ trang nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, đưa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống động viên đồng bào và chiến sĩ cả nước thực hiện các nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thắng lợi theo đường lối đổi mới của Đảng.

Trong các lĩnh vực phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, tôi chú trọng đi sát thực tiễn lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân ta trên mọi miền đất nước, tăng cường nắm tình hình các địa phương và cơ sở, kịp thời có ý kiến đề xuất, góp ý với các cơ quan hữu quan của Đảng và Nhà nước,

ban hành và điều chỉnh các chủ trương, đường lối, chính sách và pháp luật phù hợp với thực tiễn công cuộc đổi mới. Tôi đặc biệt chú trọng các lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, miền núi, công tác xóa đói, giảm nghèo, quy hoạch phát triển hạ tầng quốc gia và các vùng miền, chính sách phát triển thông tin, năng lượng và các ngành công nghiệp then chốt, các chính sách xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; chính sách bảo vệ tài nguyên môi trường, sự phát triển văn hóa, giáo dục đào tạo khoa học - công nghệ và bảo vệ sức khỏe nhân dân... Ước nguyện lớn của tôi là mong muốn làm sao mọi tầng lớp nhân dân, mọi vùng miền của Tổ quốc đều được thụ hưởng thích đáng những thành quả của đổi mới, làm sao để sự nghiệp xây dựng, phát triển không chỉ đạt tốc độ cao mà phải ngày càng bền vững.

Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân được Đảng và Nhà nước ta coi là vấn đề hệ trọng. Trong hoạt động của mình, tôi đã dành nhiều quan tâm đến việc xây dựng và triển khai các chiến lược về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, công cuộc cải cách hành chính và đặc biệt về cải cách tư pháp, thực hiện công tác bổ nhiệm nhân sự cấp cao; phong hàm cấp đại tướng, thượng tướng trong các lực lượng vũ trang; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh tư pháp; ký lệnh công bố 183 luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đúng quy định của pháp luật; theo đề nghị của Chính phủ đã quyết định tặng thưởng nhiều huân, huy chương các loại, các danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh và giải thưởng Nhà nước.

Chủ tịch nước đã rất coi trọng việc tham gia chỉ đạo đàm phán, ký kết và phê chuẩn các hiệp định hoạch định biên giới trên bộ và trên biển giữa nước ta với các nước Trung Quốc, Inđônêxia, Malaixia, Thái Lan và Campuchia. Việc Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trực tiếp ký kết các hiệp định phân định biên giới với các nước láng giềng, có sử dụng các công nghệ đo đạc hiện đại và vận dụng các công pháp quốc tế đã khẳng định vững chắc chủ quyền quốc gia về lãnh thổ, vùng biển, vùng trời của Tổ quốc, bảo đảm môi trường hòa bình ổn định, giữ vững độc lập dân tộc, tạo nền tảng vững bền và thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng phát triển đất nước trong thế kỷ XXI.

Với cương vị là thống lĩnh các lực lượng vũ trang nhân dân, tôi giữ quan hệ thường xuyên với các đồng chí lãnh đạo Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, chú trọng thăm hỏi động viên, nắm tình hình các tổ chức và đơn vị thuộc các lực lượng vũ trang nhân dân, đề xuất với Đảng và Quốc hội quyết định những chủ trương, luật pháp, chính sách quan trọng bảo đảm cho các lực lượng vũ trang nhân dân của chúng ta không ngừng lớn mạnh. Trong giai đoạn mới, Đảng đã có Nghị quyết 08 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về "Chiến lược bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới". Đó là một Nghị quyết rất quan trọng. Tôi đề nghị Quốc hội luôn dành sự quan tâm lớn cho việc triển khai thực hiện Nghị quyết thông qua các quy định pháp luật và dành nguồn lực cần thiết của quốc gia cho sự nghiệp đảm bảo quốc phòng, an ninh đất nước. Không đảm bảo được quốc phòng an ninh, không giữ vững được ổn định chính trị xã hội thì đất nước sẽ lâm nguy.

Về mặt đối ngoại, với tư cách là nguyên thủ quốc gia, tôi đã rất chú trọng thực hiện đường lối đối ngoại rộng mở của Đảng và Nhà nước ta trong tình hình mới, tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị với tất cả các quốc gia, dân tộc, coi trọng quan hệ đối ngoại với các nước lớn, các nước láng giềng và các nước bạn bè truyền thống, các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng. Theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước đã quyết định phê chuẩn gia nhập và ủy quyền đàm phán ký kết 168 điều ước quốc tế. Đã góp phần tích cực vào việc mở rộng quan hệ đối ngoại, không ngừng nâng cao vị thế và vai trò Việt Nam trên trường quốc tế, tạo môi trường thuận lợi cho công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta. Giữ vững đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, không để bị lệ thuộc, phụ thuộc là bài học xương máu của cách mạng Việt Nam.

Nhìn chung, các chức trách, nhiệm vụ của Chủ tịch nước quy định trong Hiến pháp và pháp luật đã được thực hiện nghiêm túc, kịp thời chưa để xảy ra sai phạm làm ảnh hưởng đến công việc chung của Đảng và Nhà nước ta. Mặt khác điều tôi còn trăn trở là các ý kiến lưu ý, góp ý của Chủ tịch nước về những vấn đề cụ thể có liên quan đến các cơ chế, chính sách còn có tác dụng hạn chế. Mong rằng người kế nhiệm của tôi sẽ có sáng kiến, phương cách khắc phục mặt hạn chế này.

Nhân dịp này, tôi muốn được trình bày với Quốc hội một số đề nghị cụ thể qua thực tiễn đảm nhiệm Chủ tịch nước thời gian qua:

1. Chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch nước đã được xác định rõ trong các Điều 101, 102, 103, 104, 105, 106 của

Hiến pháp. Tuy nhiên, các điều quy định của Hiến pháp còn rất chung. Trong thời gian qua, Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chú ý cụ thể hóa ở một số điều khoản của luật, pháp lệnh có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Chủ tịch nước. Tuy vậy, các quy định cụ thể còn lẻ tẻ. Đề nghị Quốc hội nghiên cứu cân nhắc việc luật hóa về thiết chế Chủ tịch nước, cụ thể hóa các điều quy định của Hiến pháp.

2. Đề nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Quốc hội nghiên cứu điều chỉnh sao cho nhiệm kỳ của Đại hội Đảng toàn quốc và nhiệm kỳ Quốc hội gần nhau, tốt nhất là khớp với từng thời kỳ kế hoạch 5 năm của đất nước.

3. Về công tác thi đua khen thưởng:

Ngay từ nhiệm kỳ đầu (1997-2002), tôi đã có sự quan tâm đặc biệt đến công tác thi đua khen thưởng trong thời kỳ đổi mới; đã đề nghị Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị 35 về đổi mới công tác thi đua - khen thưởng. Từ đó phong trào thi đua yêu nước được khơi dậy và phát triển ngày càng sâu rộng ở tất cả các ngành, các cấp. Quốc hội khóa XI đã ban hành Luật thi đua khen thưởng. Điều còn băn khoăn là công tác thi đua chưa thật sự trở thành phong trào cách mạng sâu rộng của quần chúng, khen thưởng có biểu hiện chạy theo thành tích và có những sai sót làm cho dư luận xã hội chưa đồng tình. Đề nghị Chính phủ ban hành các quy định cụ thể, tăng cường quản lý để việc tổ chức thực hiện Luật thi đua khen thưởng khắc phục các yếu kém này.

4. Về vấn đề đặc xá và án tử hình:

Từ năm 1998 đến nay, thực hiện chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước, nhân các ngày kỷ niệm trọng đại của

đất nước, Chủ tịch nước đã quyết định 7 đợt đặc xá tha tù trước thời hạn cho trên 75.820 phạm nhân. Trong 9 năm qua, Chủ tịch nước đã cân nhắc cẩn trọng quyết định ân giảm số lượng án tử hình xuống tù chung thân đến 23% tổng số người bị kết án tử hình. Việc quyết định đặc xá tha tù trước thời hạn và ân giảm án tử hình có ý nghĩa to lớn, thể hiện chính sách nhân đạo, pháp luật nghiêm minh của Đảng, Nhà nước ta được đồng bào trong nước hoan nghênh và dư luận quốc tế đánh giá cao. Tuy nhiên, có điều trăn trở là số lượng án tử hình ở nước ta còn nhiều và có xu hướng tăng trong những năm gần đây. Một trong những nguyên nhân là số tội danh trong Bộ luật hình sự có mức án tử hình còn nhiều, nhất là các tội phạm về ma túy. Vì vậy cần phải nghiên cứu tiếp tục để bổ sung, sửa đổi Luật hình sự theo hướng giảm đến mức tối thiểu và tiến tới xóa bỏ tội danh có áp dụng hình phạt tử hình.

Trước khi từ nhiệm, từ đáy lòng mình, tôi xin chân thành cảm ơn các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân, các cơ quan tư pháp, các bộ, ban, ngành Trung ương, các địa phương, các đồng chí lão thành cách mạng và toàn thể đồng bào, chiến sĩ cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài, các cơ quan thông tin báo chí; cảm ơn các đồng chí cán bộ giúp việc ở các lĩnh vực đã giúp tôi hoàn thành trọng trách trong 2 nhiệm kỳ qua.

Tôi xin gửi lời cảm ơn các nhà lãnh đạo và nhân dân các nước bè bạn, các quan chức và nhân viên đại diện các nước, các tổ chức quốc tế có mặt tại Việt Nam đã hết lòng ủng hộ

Việt Nam đổi mới và phát triển, và bằng cách đó đã giúp tôi hoàn thành nhiệm vụ công tác đối ngoại mà Đảng và nhân dân giao phó.

Kính chúc các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc, các vị lão thành cách mạng, các vị đại biểu Quốc hội sức khỏe, hạnh phúc!

Chúc kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XI thành công tốt đẹp!

Xin chân thành cảm ơn!

Báo *Nhân Dân,* số 18583,
ngày 27-6-2006, tr.1, 4.

PHÁT BIỂU
NHẬM CHỨC CHỦ TỊCH NƯỚC
CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN MINH TRIẾT
TẠI KỲ HỌP THỨ 9, QUỐC HỘI KHÓA XI

Ngày 27 tháng 6 năm 2006

Tích cực xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân*

Trước hết, tôi xin chân thành cảm ơn các vị đại biểu Quốc hội (khóa XI) đã tín nhiệm bầu tôi giữ chức Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đây là vinh dự và cũng là nhiệm vụ nặng nề mà Đảng, Quốc hội và nhân dân đã tin tưởng giao phó cho tôi. Tôi nguyện phấn đấu hết sức mình phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, làm tròn nhiệm vụ của Chủ tịch nước theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Trong những năm qua, công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã đạt được những kết quả to lớn, đời sống của nhân dân đã không ngừng được cải thiện, hình ảnh và vị thế của nước ta trên trường quốc tế ngày càng

---

* Đầu đề do báo *Nhân Dân* đặt *(B.T)*.

được nâng cao. Tuy nhiên, trước mắt chúng ta còn không ít khó khăn, thách thức. Để góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trên cương vị công tác mới, tôi rất mong nhận được sự hợp tác nhiệt tình của các vị đại biểu Quốc hội; sự quan tâm ủng hộ của toàn dân, toàn quân và đồng bào ta ở nước ngoài; sự phối hợp thường xuyên của các cơ quan, tổ chức để giúp tôi hoàn thành trọng trách mà Quốc hội giao cho.

Tôi nhận thức rõ rằng, những thành tựu trên các mặt đối nội và đối ngoại mà Đảng và Nhà nước ta đã đạt được trong thời gian qua có phần đóng góp quan trọng của đồng chí Trần Đức Lương, người Chủ tịch nước tiền nhiệm của tôi. Tôi xin kính chúc đồng chí Trần Đức Lương và gia đình luôn mạnh khỏe, hạnh phúc, kính mong đồng chí tiếp tục đóng góp và hỗ trợ tôi hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Trên cương vị công tác của mình, tôi hứa sẽ đề cao trách nhiệm cá nhân, ra sức học tập và rèn luyện, tăng cường phối hợp và cộng tác chặt chẽ với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, các ngành, các cấp, với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân. Tôi sẽ cố gắng hết sức mình hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng, Quốc hội và nhân dân giao phó, góp phần thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ mà Đại hội X của Đảng đã đề ra; tập trung chăm lo các mặt công tác đối nội, đối ngoại, bảo đảm quốc phòng và an ninh, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng vững mạnh; tích cực xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân,

do nhân dân, vì nhân dân. Thực hiện mục tiêu: "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" đưa dân tộc ta sánh vai cùng các dân tộc trên thế giới, vì sự tiến bộ chung của nhân loại.

Một lần nữa, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc về việc Quốc hội và nhân dân đã tín nhiệm giao trọng trách lớn cho tôi.

Xin chúc các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các vị khách quý và các vị đại biểu Quốc hội mạnh khỏe, hạnh phúc.

Báo *Nhân Dân,* số 18584,
ngày 28-6-2006, tr.1, 3.

PHÁT BIỂU
NHẬM CHỨC THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN TẤN DŨNG TẠI KỲ HỌP THỨ 9, QUỐC HỘI KHÓA XI

Ngày 27 tháng 6 năm 2006

Dốc sức cùng tập thể Chính phủ và cả hệ thống chính trị đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới*

Trước hết, tôi xin chân thành cảm ơn các vị đại biểu Quốc hội đã tin tưởng vào sự giới thiệu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và đề nghị của Chủ tịch nước, tín nhiệm bầu tôi giữ trọng trách Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tôi nhận thức sâu sắc rằng đây là vinh dự lớn, đồng thời là trách nhiệm rất nặng nề mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao cho. Để xứng đáng với sự tín nhiệm đó, tôi nguyện trung thành với Tổ quốc, với dân tộc, với mục tiêu lý tưởng cao đẹp của Đảng Cộng sản Việt Nam, nỗ lực phấn đấu cao nhất để thực hiện tốt nhiệm vụ và quyền hạn của Thủ tướng

---

* Đầu đề do báo *Nhân Dân* đặt *(B.T)*.

Chính phủ mà Hiến pháp, luật pháp đã quy định. Tôi luôn coi đây là nghĩa vụ thiêng liêng của mình.

Trong bối cảnh thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đều lớn và đan xen nhau, điều tâm huyết của tôi là thấu suốt và chấp hành nghiêm túc Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng và tổ chức thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Quốc hội về phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời tiếp tục điều hành thực hiện tốt chương trình công tác của Chính phủ nhiệm kỳ 2002 - 2007 mà Thủ tướng Phan Văn Khải đã trình bày tại phiên họp đầu tiên của Quốc hội khóa này.

Tôi xin hết lòng, dốc sức cùng tập thể Chính phủ và cả hệ thống chính trị phát huy sức mạnh của toàn dân tộc; đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới; thực hiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; phát triển nhanh các thành phần kinh tế, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực, nhất là nội lực để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế tri thức, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững; phát triển văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, bảo vệ và cải thiện môi trường; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe và cải thiện đời sống nhân dân; mở rộng quan hệ đối ngoại, tăng cường quốc phòng và an ninh, giữ vững ổn định chính trị - xã hội; phấn đấu thực hiện bằng được mục tiêu sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển và tiến cùng thời đại.

Thủ tướng Chính phủ và Chính phủ sẽ tập trung sức đẩy mạnh cải cách toàn diện nền hành chính quốc gia theo hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền và thực hiện dân chủ; xây dựng hệ thống hành chính, trước hết là Chính phủ, trong sạch vững mạnh, sâu sát và gắn bó với dân, hết lòng phục vụ nhân dân. Kiên quyết, kiên trì thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, xem đây là một trọng tâm công tác của Chính phủ trong thời gian tới.

Trong việc thực hiện chức trách của người đứng đầu Chính phủ, tôi trân trọng học tập, kế thừa những kinh nghiệm quý báu của các Thủ tướng Chính phủ tiền nhiệm; nghiêm túc giữ vững nguyên tắc, kỷ luật, kỷ cương, cùng các thành viên Chính phủ chung sức xây dựng một Chính phủ đoàn kết nhất trí, phát huy tốt nhất trí tuệ tập thể, đồng thời đề cao đầy đủ trách nhiệm của mỗi cá nhân, hành động kiên quyết và sáng tạo, hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau, cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ.

Tôi tin tưởng và trông cậy vào sự ủng hộ và cộng tác chặt chẽ của các thành viên Chính phủ, của các cơ quan nhà nước và của các ngành, các cấp.

Chính phủ Việt Nam sẽ làm hết sức mình và hy vọng sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ, hợp tác của Chính phủ các nước và các tổ chức quốc tế vì hòa bình, hợp tác và phát triển trong khu vực và trên thế giới.

Để hoàn thành trọng trách mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó, tôi và tập thể Chính phủ xin nghiêm

túc chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, của Bộ Chính trị. Chúng tôi xin trân trọng đặt niềm tin vào sự giám sát, phối hợp, ủng hộ của Quốc hội, của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, các hội nghề nghiệp và các cơ quan thông tin đại chúng.

Tôi đặc biệt biết ơn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ và Thủ tướng Phan Văn Khải, các đồng chí đã tin cậy giao cho tôi nhiệm vụ Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Bí thư Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ và đã phân công tôi phụ trách nhiều lĩnh vực công tác quan trọng trong 2 nhiệm kỳ qua. Đây là sự ủng hộ, giúp đỡ thiết thực tạo phần thuận lợi cho tôi trong việc đảm đương trọng trách mới.

Tôi luôn ghi nhớ và xin chân thành cảm ơn các đồng chí lão thành cách mạng, đồng chí, đồng bào trong cả nước và ở những nơi tôi đã công tác chiến đấu từ những năm tháng chiến tranh và trong thời gian tôi làm việc ở địa phương và các cơ quan Trung ương. Đồng chí và đồng bào đã dành cho tôi sự ủng hộ, đùm bọc, giúp đỡ chí tình.

Tôi luôn tâm niệm, tất cả là nhờ có dân, có Đảng. Tôi nguyện nỗ lực phấn đấu học tập, rèn luyện, sống và làm việc đúng pháp luật, gương mẫu thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: cán bộ chính quyền là công bộc của dân, phải thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; việc gì có lợi cho dân thì phải hết sức làm; việc gì có hại cho dân thì phải hết sức tránh.

Nhận nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ, tôi xin phát biểu những suy nghĩ tâm huyết, chân thành của mình và cũng là lời hứa mà tôi quyết tâm thực hiện để xứng đáng với tình cảm cao đẹp và sự tín nhiệm của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Rất mong nhận được sự chia sẻ, ủng hộ và giám sát của các đồng chí, các vị đại biểu Quốc hội và toàn thể đồng bào.

Xin chúc sức khỏe các vị đại biểu và đồng chí, đồng bào.

Xin trân trọng cảm ơn.

Báo *Nhân Dân,* số 18584,
ngày 28-6-2006, tr.1, 3.

PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN PHÚ TRỌNG, ỦY VIÊN BỘ CHÍNH TRỊ, CHỦ TỊCH QUỐC HỘI TẠI KỲ HỌP THỨ 10, QUỐC HỘI KHÓA XI

Ngày 28 tháng 11 năm 2006

Tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức, đưa nền kinh tế nước ta phát triển nhanh và bền vững*

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,

Kính thưa các vị khách quý,

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Thưa toàn thể đồng bào và chiến sĩ cả nước.

Hôm nay, ngày 28-11-2006, tại phiên họp toàn thể Kỳ họp thứ 10, theo đề nghị của Chủ tịch nước, Quốc hội khóa XI đã tiến hành xem xét và phê chuẩn Nghị định thư gia nhập Hiệp định thành lập tổ chức thương mại thế giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hoàn tất thủ tục pháp lý quan trọng cuối cùng để nước ta chính thức trở

---

* Đầu đề do báo *Nhân Dân* đặt *(B.T)*.

thành thành viên của tổ chức thương mại lớn nhất trên hành tinh này.

Như vậy, tháng 11 năm nay là một tháng có nhiều tin vui về các sự kiện chính trị đối ngoại quan trọng của đất nước. Vào đầu tháng, tại Giơnevơ (Thụy Sĩ), nước ta đã ký Nghị định thư gia nhập Hiệp định thành lập Tổ chức Thương mại thế giới WTO của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sau hơn 11 năm đàm phán. Vào giữa tháng, tại trụ sở Đại Hội đồng Liên hợp quốc ở Niu Oóc (Hoa Kỳ), các nước châu Á đã thống nhất đề cử Việt Nam là ứng cử viên duy nhất của châu Á làm ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008 - 2009. Và cách đây hơn một tuần, tại Thủ đô Hà Nội, APEC Việt Nam 2006 đã thành công tốt đẹp, để lại trong lòng bạn bè quốc tế những tình cảm và ấn tượng sâu sắc về đất nước và con người Việt Nam. Chúng ta hết sức vui mừng về những sự kiện này. Điều đó càng chứng tỏ đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta hơn 20 năm qua, tạo ra cho nước ta một sự thay đổi cơ bản và toàn diện, làm cho vị thế và uy tín nước ta tăng lên nhiều. Đó cũng là kết quả trực tiếp của đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế và chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Việc nước ta gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới là một sự kiện có ý nghĩa chính trị, kinh tế, xã hội quan trọng, khẳng định vị thế đất nước ta, dân tộc ta đối với cộng đồng quốc tế, là một minh chứng hùng hồn về quyết tâm và nghị

lực của nhân dân ta xây dựng một quốc gia độc lập, tự chủ, ổn định về chính trị, công bằng, gắn kết về xã hội, phát triển mạnh mẽ về kinh tế, xứng đáng là một trong những nền kinh tế phát triển năng động, sẵn sàng thực hiện các cam kết chung với cộng đồng quốc tế.

Thành công của quá trình đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới nói riêng và toàn bộ thành tựu của hoạt động đối ngoại nói chung là kết quả phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Trung ương Đảng, sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, sự nỗ lực vượt bậc của Quốc hội và các cơ quan hữu quan trong hoạt động lập pháp và lập quy, đáp ứng các yêu cầu của quá trình hội nhập quốc tế. Tôi đề nghị Quốc hội nhiệt liệt hoan nghênh và biểu dương đồng bào, chiến sĩ cả nước, các ngành, các cấp về những đóng góp to lớn quan trọng trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế những năm qua, trực tiếp là ngành thương mại, ngành ngoại giao, tạo thế và lực cho việc đàm phán giành thắng lợi; biểu dương anh chị em trong Đoàn đàm phán đã nỗ lực, vượt mọi khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Cũng nhân dịp này, thay mặt Quốc hội, tôi chân thành cảm ơn các nước, các tổ chức quốc tế và bạn bè gần xa đã giúp đỡ, phối hợp, tạo điều kiện để Việt Nam đàm phán gia nhập WTO thành công.

Thưa các vị đại biểu,
Thưa đồng bào, chiến sĩ cả nước,

Tham gia Tổ chức Thương mại thế giới, nước ta có thêm cơ hội để xây dựng và phát triển. Nền kinh tế nước

ta sẽ tiếp cận thị trường hàng hóa và dịch vụ ở tất cả các nước thành viên một cách bình đẳng, không bị phân biệt đối xử; tạo điều kiện cho nước ta mở rộng thị trường xuất khẩu; có điều kiện để đấu tranh nhằm bảo vệ sự công bằng và hợp lý hơn các lợi ích của đất nước và của doanh nghiệp nước ta. Vốn và công nghệ nguồn, công nghệ tiên tiến sẽ có cơ hội đầu tư vào Việt Nam nhiều hơn, kích thích tăng trưởng kinh tế; tạo ra khả năng mở mang một số ngành hàng và theo đó tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động. Đây cũng là cơ sở thúc đẩy tiến trình cải cách hành chính tốt hơn, đồng bộ hơn, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi để các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hơn.

Tuy nhiên, là một nước đang phát triển ở trình độ thấp, quản lý nhà nước còn nhiều bất cập, doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân còn nhỏ bé, việc gia nhập WTO cũng đặt nước ta trước những khó khăn, thách thức rất lớn. Đó là cạnh tranh về kinh tế sẽ trở nên gay gắt hơn, quyết liệt hơn và diễn ra trên quy mô sâu rộng hơn. Nguy cơ phá sản một bộ phận doanh nghiệp, nguy cơ thất nghiệp và nguy cơ phân hóa giàu, nghèo sẽ càng tăng lên nếu chúng ta không có chính sách chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế, chính sách phúc lợi và an sinh xã hội đúng đắn, không thực hiện tốt chủ trương của Đảng: "Tăng trưởng kinh tế đi đôi với xóa đói, giảm nghèo, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển". Hội nhập kinh tế quốc tế càng sâu rộng, càng đặt ra nhiều vấn đề mới trong việc bảo vệ môi trường, bảo vệ an

ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Như vậy, việc gia nhập WTO vừa có lợi ích lớn, lại vừa có những thách thức không nhỏ. Thành công nhiều hay ít phụ thuộc rất lớn vào sự nỗ lực chủ quan của chúng ta. Nếu chúng ta không chủ động vươn lên để tận dụng được cơ hội thì lợi ích thu được sẽ rất ít; thậm chí có thể phải đối mặt với sự trừng phạt từ phía các thành viên khác. Lịch sử của WTO chỉ ra rằng, có nhiều quốc gia, dù đó là thành viên lâu năm, nhưng tình hình kinh tế - xã hội vẫn không hề được cải thiện vì không tận dụng được cơ hội để phát triển, tạo ra thế và lực mới để vượt qua và đẩy lùi thách thức. Với sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, với thế và lực mới của đất nước và con người Việt Nam hiện nay, chúng ta tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nước ta sẽ chủ động vượt qua mọi khó khăn, tận dụng được các lợi thế của tư cách thành viên WTO, đẩy lùi và vượt qua được các thách thức, nền kinh tế nước ta sẽ tiến bước vững chắc về phía trước.

Thưa quý vị đại biểu,
Thưa đồng bào và chiến sĩ cả nước,

Xem xét toàn bộ văn kiện gia nhập WTO, mà cụ thể là Báo cáo của Ban công tác về việc Việt Nam gia nhập WTO, xét từ khía cạnh pháp lý của các cam kết cho thấy, chúng ta còn phải tiếp tục xây dựng, bổ sung, sửa đổi nhiều văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách, tạo cơ sở pháp lý

cho việc thực hiện các cam kết mà nước ta chấp nhận trong văn kiện gia nhập WTO. Quốc hội đề nghị Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, trong phạm vi quyền hạn của mình, cần tiến hành rà soát các văn bản luật và pháp lệnh hiện hành để kiến nghị Quốc hội đưa vào chương trình xây dựng luật và pháp lệnh hằng năm và cả nhiệm kỳ của Quốc hội khóa XII sắp tới, nhằm sớm tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, minh bạch cho việc thực hiện các cam kết.

Đồng thời việc tổ chức thực hiện có kết quả trên thực tế các cam kết đó là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa quyết định. Tôi đề nghị Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các vị đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp cần có chương trình kế hoạch giám sát việc thực thi pháp luật. Đối với các cơ quan hành pháp, cần tăng cường năng lực và hiệu lực quản lý; đảm bảo tính công khai, minh bạch; tăng cường đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn, có khả năng tác nghiệp thành thạo, có tầm nhìn hệ thống các vấn đề trong nước và quốc tế. Đối với các cơ quan tư pháp, cần nhanh chóng nâng cao năng lực xét xử, giải quyết các tranh chấp dân sự, thương mại có yếu tố nước ngoài theo luật pháp nước ta và các cam kết quốc tế.

Nhân dịp này, Quốc hội kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước, đồng bào ta ở nước ngoài phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, truyền thống yêu nước, ý chí tự lực tự cường, nỗ lực phấn đấu, tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức, đưa nền kinh tế nước ta phát triển nhanh và bền vững vì một nước

Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Xin trân trọng cảm ơn!

Báo *Nhân Dân,* số 18738,
ngày 30-11-2006, tr.1, 3.

MỤC LỤC

		Trang
-	*Lời giới thiệu tập 65*	V
1.	Chỉ thị của Ban Bí thư, số 55-CT/TW, ngày 4 tháng 1 năm 2006 về lãnh đạo Đại hội phụ nữ các cấp tiến tới Đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ X	1
2.	Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khai mạc Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, ngày 11 tháng 1 năm 2006	5
3.	Nghị quyết Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, số 55-NQ/TW, ngày 18 tháng 1 năm 2006	8
4.	Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bế mạc Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, ngày 18 tháng 1 năm 2006	11
5.	Thông báo Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, ngày 18 tháng 1 năm 2006	16
6.	Quyết định của Ban Bí thư, số 156-QĐ/TW, ngày 19 tháng 1 năm 2006 thành lập Hội đồng	

thẩm định và xuất bản tác phẩm *Tiểu sử Hồ Chí Minh* 19

7. Thông báo Kết luận của Bộ Chính trị, số 210-TB/TW, ngày 15 tháng 2 năm 2006 về Đề án tổng thể những hình thức tưởng niệm, lưu niệm đối với các danh nhân, nhân vật lịch sử, các đồng chí lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng, Nhà nước và Đề án tổ chức kỷ niệm 100 năm ngày sinh các đồng chí Hà Huy Tập, Trường Chinh, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng trong 2 năm 2006 - 2007 22

8. Quyết định của Bộ Chính trị, số 157-QĐ/TW, ngày 27 tháng 2 năm 2006 chỉ định đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng 25

9. Quyết định của Bộ Chính trị, số 158-QĐ/TW, ngày 27 tháng 2 năm 2006 thành lập 73 đoàn đại biểu và phân công các Ủy viên Trung ương khóa IX tham gia sinh hoạt tại các đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng 27

10. Quyết định của Ban Bí thư, số 159-QĐ/TW, ngày 16 tháng 3 năm 2006 thành lập Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào 40

11. Quyết định của Bộ Chính trị, số 160-QĐ/TW, ngày 16 tháng 3 năm 2006 chỉ định bổ sung đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng 42

12. Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khai mạc Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành

Trung ương Đảng khóa IX, ngày 20 tháng 3 năm 2006 44
13. Báo cáo của Bộ Chính trị, số 253/TLHN, ngày 20 tháng 3 năm 2006 về việc tiếp thu ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân để hoàn chỉnh dự thảo Báo cáo chính trị tại Đại hội X của Đảng *(trình Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX)* 47
14. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, số 56-NQ/TW, ngày 24 tháng 3 năm 2006 79
15. Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bế mạc Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, ngày 24 tháng 3 năm 2006 82
16. Thông báo Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX 85
17. Quyết định của Ban Bí thư, số 162-QĐ/TW, ngày 3 tháng 4 năm 2006, thành lập Bộ phận chuyên viên giúp việc Đoàn Thư ký Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng 88
18. Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 214-TB/TW, ngày 11 tháng 4 năm 2006 về Đề án quy hoạch chi tiết tổng mặt bằng khu Trụ sở Trung ương Đảng đến năm 2020 96
19. Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khai mạc Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, ngày 14 tháng 4 năm 2006 98

20. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, số 57-NQ/TW, ngày 15 tháng 4 năm 2006 100
21. Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bế mạc Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, ngày 15 tháng 4 năm 2006 102
22. Thông báo Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX 105
23. Quy định của Ban Bí thư, số 163-QĐ/TW, ngày 15 tháng 4 năm 2006 chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong trường học, bệnh viện ngoài công lập 107
24. Quy định của Ban Bí thư, số 164-QĐ/TW, ngày 15 tháng 4 năm 2006 chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (gọi chung là hợp tác xã) 114
25. Quy định của Ban Bí thư, số 165-QĐ/TW, ngày 21 tháng 4 năm 2006 chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong cơ quan báo chí 121
26. Diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam (Do đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thay mặt Đoàn Chủ tịch đọc sáng ngày 18 tháng 4 năm 2006) 129
27. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển

(Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về các văn kiện Đại hội X của Đảng do đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh trình bày ngày 18-4-2006) 134

28. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển (Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng) 167

29. Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng 231

30. Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác xây dựng Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng 319

31. Bản trình bày của Đoàn Chủ tịch về ý kiến thảo luận của các đại biểu đối với các văn kiện Đại hội X của Đảng (Do đồng chí Nguyễn Phú Trọng trình bày ngày 24 tháng 4 năm 2006) 359

32. Danh sách Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X 399

33. Nghị quyết Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 01-NQ/TW, ngày 25 tháng 4 năm 2006 416

34. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam 419

35. Diễn văn bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam (Do đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, đọc ngày 25 tháng 4 năm 2006) 421
36. Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 01-CT/TW, ngày 25 tháng 5 năm 2006 về việc nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng 426
37. Quyết định của Bộ Chính trị, số 01-QĐ/TW, ngày 8 tháng 5 năm 2006 thành lập Tổ Biên tập xây dựng Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X 430
38. Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 01-TB/TW, ngày 16 tháng 5 năm 2006 về dự án Luật hàng không dân dụng Việt Nam (sửa đổi) 432
39. Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 02-TB/TW, ngày 16 tháng 5 năm 2006 về dự án Luật kinh doanh bất động sản 434
40. Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 03-TB/TW, ngày 16 tháng 5 năm 2006 về dự án Luật bảo hiểm xã hội và dự án Luật điện ảnh 437
41. Quyết định của Bộ Chính trị, số 03-QĐ/TW, ngày 19 tháng 5 năm 2006 thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng chương trình hành động phòng, chống tham nhũng 438
42. Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khai mạc Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành

Trung ương Đảng khóa X, ngày 27 tháng 5 năm 2006 441
43. Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 02-NQ/TW, ngày 28 tháng 5 năm 2006 444
44. Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bế mạc Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, ngày 28 tháng 5 năm 2006 446
45. Thông báo Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X 450
46. Quyết định của Ban Bí thư, số 05-QĐ/TW, ngày 9 tháng 6 năm 2006 thành lập Ban Chỉ đạo giúp Ban Bí thư tiếp tục kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 451
47. Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 05-TB/TW, ngày 15 tháng 6 năm 2006 về việc chuẩn bị đề án trình Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về phòng, chống tham nhũng 454
48. Thông báo Kết luận của Ban Bí thư, số 06-TB/TW, ngày 15 tháng 6 năm 2006, về việc ban hành Đề án tin học hóa hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2006 - 2010 457
49. Chỉ thị của Ban Bí thư, số 02-CT/TW, ngày 19 tháng 6 năm 2006, về lãnh đạo Đại hội Hội Cựu chiến binh các cấp lần thứ IV, nhiệm kỳ 2007 - 2012 462

50. Quyết định của Ban Bí thư, số 06-QĐ/TW, ngày 19 tháng 6 năm 2006, về việc ban hành Đề án tin học hóa hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2006 - 2010 466
51. Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 08-TB/TW, ngày 28 tháng 6 năm 2006 về việc ban hành Chỉ thị về tổ chức Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" 498
52. Chỉ thị của Ban Bí thư, số 03-CT/TW, ngày 14 tháng 7 năm 2006 về lãnh đạo Đại hội Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đoàn 501
53. Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 10-TB/TW, ngày 18 tháng 7 năm 2006 về Đề án tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng 505
54. Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khai mạc Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, ngày 24 tháng 7 năm 2006 508
55. Báo cáo của Bộ Chính trị, số 24/TLHN, ngày 28 tháng 7 năm 2006, về việc phân công, điều chỉnh phân công công tác một số đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ủy ban Kiểm tra Trung ương (*Trình Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa X*) 513

56. Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 03-NQ/TW, ngày 29 tháng 7 năm 2006 518
57. Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, số 04-NQ/TW, ngày 21 tháng 8 năm 2006 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí 520
58. Quy định của Ban Chấp hành Trung ương, số 15-QĐ/TW, ngày 28 tháng 8 năm 2006 đảng viên làm kinh tế tư nhân 537
59. Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bế mạc Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa X, ngày 29 tháng 7 năm 2006 543
60. Kết luận của Bộ Chính trị, số 02-KL/TW, ngày 25 tháng 7 năm 2006 về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, các giải pháp chủ yếu trong 6 tháng cuối năm 2006 551
61. Quyết định của Bộ Chính trị, số 07-QĐ/TW, ngày 1 tháng 8 năm 2006 về việc phân công Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X 560
62. Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X, số 09-QĐ/TW, ngày 4 tháng 8 năm 2006 *(Đã được Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa X thông qua)* 563
63. Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X, số 10-QĐ/TW, ngày 11 tháng 8 năm 2006 *(Đã được Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa X thông qua)* 595

64. Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 13-TB/TW, ngày 14 tháng 8 năm 2006 về việc xây dựng Nhà lưu niệm đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai và quan hệ hợp tác giữa tỉnh Nghệ An và tỉnh Ulianốp (Liên bang Nga) 612

65. Quyết định của Bộ Chính trị, số 12-QĐ/TW, ngày 15 tháng 8 năm 2006 thành lập Ban soạn thảo Đề án sắp xếp, kiện toàn bộ máy các ban đảng và cơ quan nhà nước, trình Hội nghị Trung ương 4 (khóa X) 614

66. Quyết định của Bộ Chính trị, số 13-QĐ/TW, ngày 15 tháng 8 năm 2006 về nhân sự Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp 616

67. Quyết định của Ban Bí thư, số 14-QĐ/TW, ngày 23 tháng 8 năm 2006 về nhân sự Ban Chỉ đạo giúp Ban Bí thư tiếp tục kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 618

68. Quyết định của Ban Bí thư, số 16-QĐ/TW, ngày 8 tháng 9 năm 2006 thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết thực hiện Chỉ thị 29 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng 620

69. Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 17-TB/TW, ngày 8 tháng 9 năm 2006 về tổng kết việc thực hiện Chỉ thị 29 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng 623

70. Quyết định của Bộ Chính trị, số 17-QĐ/TW, ngày 9 tháng 9 năm 2006 về việc kết thúc nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) 625
71. Kết luận của Bộ Chính trị, số 03-KL/TW, ngày 22 tháng 9 năm 2006 về Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2006 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2007 627
72. Chỉ thị của Ban Bí thư, số 04-CT/TW, ngày 25 tháng 9 năm 2006 về việc tổ chức kỷ niệm 60 năm Ngày Toàn quốc kháng chiến (19-12-1946 - 19-12-2006) 638
73. Quyết định của Ban Bí thư, số 18-QĐ/TW, ngày 27 tháng 9 năm 2006 về việc thành lập Ban Chỉ đạo lớp bồi dưỡng kiến thức mới đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý 642
74. Quyết định của Ban Bí thư, số 19-QĐ/TW, ngày 27 tháng 9 năm 2006 về việc thành lập Hội đồng Thẩm định nội dung bồi dưỡng kiến thức mới đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý 644
75. Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 39-TB/TW, ngày 10 tháng 10 năm 2006 về một số vấn đề thuộc các dự án Luật cư trú và Luật công chứng 646
76. Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 40-TB/TW, ngày 10 tháng 10 năm 2006 về một số vấn đề thuộc các dự án Luật bình đẳng giới, Luật đê điều và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật lao động 648
77. Thông báo Kết luận của Bộ Chính trị, số 42-TB/TW, ngày 11 tháng 10 năm 2006 về

phương án bảo tồn, phát huy giá trị Khu di tích Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu, Hà Nội và địa điểm xây dựng nhà Quốc hội 650

78. Quyết định của Ban Bí thư, số 21-QĐ/TW, ngày 19 tháng 10 năm 2006 về chế độ giao ban của đồng chí Thường trực Ban Bí thư với Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, các ban đảng, đảng ủy khối, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội trực thuộc Trung ương 653

79. Quy chế của Ban Bí thư, số 22-QĐ/TW, ngày 19 tháng 10 năm 2006 thu hồi tài liệu của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước đã chuyển công tác khác, nghỉ hưu, từ trần 659

80. Thông báo Kết luận của Ban Bí thư, số 43-TB/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2006 về việc đầu tư xây dựng một số công trình trong khu Trụ sở Trung ương Đảng 668

81. Quy định của Bộ Chính trị, số 23-QĐ/TW, ngày 31 tháng 10 năm 2006 thi hành Điều lệ Đảng 670

82. Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 06-CT/TW, ngày 7 tháng 11 năm 2006 về tổ chức Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" 739

83. Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 45-TB/TW, ngày 13 tháng 11 năm 2006 về việc tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III Hội Người cao tuổi Việt Nam 743

84. Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 47-TB/TW, ngày 13 tháng 11 năm 2006 về kết quả hoạt động của Hội đồng Lý luận Trung ương giai đoạn 2001 - 2005 và phương hướng, nhiệm vụ công tác giai đoạn 2006 - 2010 747
85. Quyết định của Ban Bí thư, số 24-QĐ/TW, ngày 16 tháng 11 năm 2006 thành lập Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào 751
86. Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 48-TB/TW, ngày 16 tháng 11 năm 2006 về kế hoạch học tập, nghiên cứu của Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X 754
87. Quyết định của Bộ Chính trị, số 25-QĐ/TW, ngày 24 tháng 11 năm 2006 ban hành Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng khóa X 757
88. Quyết định của Ban Bí thư, số 26-QĐ/TW, ngày 30 tháng 11 năm 2006 thành lập Ban Chỉ đạo biên soạn lịch sử giai đoạn 10 năm chuyên gia Việt Nam giúp cách mạng Campuchia 838
89. Quyết định của Ban Bí thư, số 29-QĐ/TW, ngày 11 tháng 12 năm 2006 về việc chỉ định thành viên Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại 840
90. Chỉ thị của Ban Bí thư, số 07-CT/TW, ngày 14 tháng 12 năm 2006 về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác thương binh, liệt sĩ, người có công và phong trào "Đền ơn đáp nghĩa" 842

91. Kết luận của Ban Bí thư, số 08-KL/TW, ngày 14 tháng 12 năm 2006 về tình hình 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể 845
92. Kết luận của Bộ Chính trị, số 09-KL/TW, ngày 15 tháng 12 năm 2006 về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế nước ta phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) 852
93. Quyết định của Ban Bí thư, số 30-QĐ/TW, ngày 15 tháng 12 năm 2006 thành lập Tiểu ban chuẩn bị Đề án trình Hội nghị Trung ương 5 về "Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng gắn với việc tiếp tục đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị và đổi mới công tác cán bộ" 859
94. Quyết định của Ban Bí thư, số 31-QĐ/TW, ngày 15 tháng 12 năm 2006 thành lập Tiểu ban chuẩn bị Đề án trình Hội nghị Trung ương 5 về "Những vấn đề tư tưởng, lý luận và báo chí trong tình hình hiện nay" 862
95. Thông báo Kết luận của Bộ Chính trị, số 49-TB/TW, ngày 19 tháng 12 năm 2006 về một số nội dung của Đề án "Đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng và cơ quan nhà nước" 865
96. Thông báo Kết luận của Bộ Chính trị, số 50-TB/TW, ngày 19 tháng 12 năm 2006 về Đề án "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước" 871

97. Quy định của Ban Bí thư, số 32-QĐ/TW, ngày 25 tháng 12 năm 2006 về chế độ hỗ trợ kinh phí khám, chữa bệnh đối với cán bộ cao cấp 874
98. Thông báo Kết luận của Ban Bí thư, số 51-TB/TW, ngày 25 tháng 12 năm 2006 về một số vấn đề về xét tặng Huy hiệu Đảng cho đảng viên 879

PHỤ LỤC 881

99. Tuyên bố chung Việt Nam - Campuchia 883
100. Tuyên bố chung Việt Nam - Lào 890
101. Tuyên bố chung Việt Nam - Nhật Bản 896
102. Tuyên bố chung Việt Nam - Trung Quốc 905
103. Tuyên bố chung Việt Nam - Hoa Kỳ 912
104. Tuyên bố chung Việt Nam - Liên bang Nga 918
105. Tuyên bố chung Việt Nam - Bungari 925
106. Tuyên bố chung cuộc họp cấp cao lần thứ tư giữa Thủ tướng ba nước Campuchia, Lào và Việt Nam về Tam giác phát triển 932
107. Phát biểu của đồng chí Nguyễn Văn An, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội trong lễ mít tinh kỷ niệm 60 năm Quốc hội Việt Nam (6-1-1946 – 6-1-2006) 938
108. Phát biểu của đồng chí Phan Văn Khải, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XI, ngày 16 tháng 6 năm 2006 949
109. Phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XI, ngày 24 tháng 6 năm 2006 965

110. Phát biểu của đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XI, ngày 26 tháng 6 năm 2006 969
111. Phát biểu nhậm chức Chủ tịch nước của đồng chí Nguyễn Minh Triết, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XI, ngày 27 tháng 6 năm 2006 978
112. Phát biểu nhậm chức Thủ tướng Chính phủ của đồng chí Nguyễn Tấn Dũng tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XI, ngày 27 tháng 6 năm 2006 981
113. Phát biểu của đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XI, ngày 28 tháng 11 năm 2006 986

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM CHÍ THÀNH
Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. VŨ TRỌNG LÂM

Biên tập nội dung: ThS. CHU VĂN KHÁNH
NGUYỄN THỊ HƯƠNG
NGUYỄN THANH HƯƠNG
Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG
Chế bản vi tính: NGUYỄN QUỲNH LAN
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: NGUYỄN HƯƠNG

1010

In 3.033 cuốn, khổ 15 x 22 cm,
Số đăng ký xuất bản:
Quyết định xuất bản số:
Mã số ISBN:
In xong và nộp lưu chiểu tháng 5-2018.